

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

ĐÍCH THEO BẢN KHẮC NĂM CHÍNH HÒA THỦ 18 (1697)

TẬP II



NHA XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

TẬP II

**OUVRAGE PUBLIÉ AVEC LA SUBVENTION
DE L'UNESCO**

Nous tenons à remercier l' UNESCO, la Société asiatique, tous nos collègues et amis vietnamiens et français pour leur aide, leurs conseils et leur encouragement pour la conception et la réalisation de cet ouvrage.

Et en particulier, Monsieur le Professeur Hoàng Xuân Hãn et Madame Vân Bùi Mộng Hùng, Directrice de publication, Édition Chân Mây Médiapoly.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Bản in Nội các quan bản
MỘC BẢN KHẮC NĂM CHÍNH HÒA THỨ 18 (1697)

TẬP II

Dịch và chú thích
HOÀNG VĂN LÂU

Hiệu đính
Giáo sư : HÀ VĂN TẤN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 1998

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO VÀ DUYỆT

Chủ tịch :
NGUYỄN KHÁNH TOÀN
Giáo sư Viện sĩ

Ủy viên :
PHAN HUY LÊ
Giáo sư sử học Đại học tổng hợp Hà Nội

NGUYỄN ĐỨC DIỆU
Giám đốc Tổng biên tập
Nhà xuất bản Khoa học xã hội

**ĐẠI VIỆT
SỬ KÝ
TOÀN THƯ**

KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

[5a]	Tờ 5 mặt a theo bản Chính Hòa.
[...]	Đổi ra năm dương lịch hoặc nội dung đưa thêm vào bản dịch cho rõ nghĩa.
(...)	Nguyên chú của văn bản chữ Hán.
1.	Số thứ tự chú thích của người dịch và người chú giải.
<i>Toàn thư</i>	<i>Đại Việt sử ký toàn thư.</i>
<i>Cương mục</i>	<i>Khâm định Việt sử thông giám cương mục.</i>
NK7, 9b	<i>Toàn thư</i> , Ngoại kỷ, quyển 7, tờ 9b.
BK5, 15a	<i>Toàn thư</i> , Bản kỷ, quyển 5, tờ 15a.
CMTB5, 6a	<i>Cương mục</i> , Tiền biên, quyển 5, tờ 6a.
CMCB7, 12b	<i>Cương mục</i> , Chính biên, quyển 7, tờ 12b.
T. 4	Tập 4.
Q. 5	Quyển 5.
tr. 17	Trang 17.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TOÀN THU

QUYỂN V

[1a]

KỶ NHÀ TRẦN

THÁI TÔNG HOÀNG ĐẾ

Họ Trần, tên húy là Cảnh, trước tên húy là Bò, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm [1226 - 1258], nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi [1218 - 1277] bằng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng đế vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. Song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chôn buồng the cũng có nhiều điều hổ thẹn

Trước kia, tổ tiên vua là người đất Mân (có người nói là người Quế Lâm), có người tên là Kinh đến ở hương Tức Mặc¹, phủ Thiên Trường, sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá. Vua là con thứ của Thừa, mẹ họ Lê, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 triều Lý². Vua mũi cao, mặt rộng, giống như [1b] Hán Cao Tổ. Khi mới 8 tuổi, làm Chi hậu chính chi ứng cục triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ, nên vua được vào hầu trong cung. Chiêu Hoàng thấy vua thì ưa.

Năm Ất Dậu [1225], mùa đông, tháng 12, ngày 12 Mậu Dần, nhận thiên vị của Chiêu Hoàng, lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung.

Bính Tuất, Kiến Trung năm thứ 2 [1226], (Tổng Bảo Khánh năm thứ 2) mùa xuân, tháng Giêng, sách phong Chiêu Hoàng làm hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh.

Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sự.

Phế Thượng hoàng nhà Lý ra ở chùa Chân Giáo, gọi là Huệ Quang đại sư

1. Sau là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

2. Tức năm 1218.

Tháng 2, định luật lệnh, điều lệ.

Sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng và các man.

Lúc ấy, nhân thế suy yếu của triều Lý, giặc cướp tụ tập nhiều. Người Man ở vùng núi Tản Viên, vùng núi Quảng Oai xâm phạm đánh lẫn nhau. [2a] Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang¹, Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu². Thủ Độ điều động các quân đi đánh dẹp.

Bấy giờ Nộn và Thượng binh thế còn mạnh, chưa dễ hàng phục được, mới phong cho Nộn làm Hoài Đạo Vương, chia cho các huyện Bắc Giang Thượng, Bắc Giang Hạ, Đông Ngạn³ cũng hèn phong vương cho Thượng định ngày đến thề, nhưng Thượng không đến.

Mùa hạ, tháng 5, phong em là Nhật Hiệu làm Khâm Thiên Đại Vương (khi ấy mới 2 tuổi).

Trao phẩm cấp cho các quan văn võ theo hầu theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Càn Ninh.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 10, Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

Trước đó, Thượng hoàng nhà Lý có lần ra chơi chợ Đông, dân chúng tranh nhau chạy đến xem, có người thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ, sinh biến loạn, cho dời đến ở chùa Chân Giáo ; bề ngoài giả vờ là để phụng sự, nhưng bên trong thực ra là để dễ bề giữ chặt.

Có lần Thủ Độ qua trước cửa chùa, thấy Huệ Tông ngồi xồm nhỏ cỏ, Thủ Độ nói : “Nhỏ cỏ thì phải nhỏ cả [2b] rễ sâu”.

Huệ Tông đứng dậy, phủ tay nói : “Điều người nói, ta hiểu rồi”.

Đến nay, sai người bày biện hương hoa đến bảo [Huệ Tông] : “Thượng phụ sai thần đến mời”.

Thượng hoàng nhà Lý nói : “Ta tụng kinh xong sẽ tự tử”.

Nói rồi vào buồng ngủ khẩn rằng : “Thiên hạ nhà ta đã về tay người, người lại còn giết ta, ngày nay ta chết, đến khi khác con cháu người cũng sẽ bị như thế”.

Bèn thắt cổ tự tử ở vườn sau chùa.

Thủ Độ ra lệnh cho các quan đến khóc, khoét tường thành phía nam làm cửa (người bấy giờ gọi là “cửa khoét”), đưa linh cữu ra phường Yên Hoa để

1. Vùng đất của tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc tỉnh Hà Bắc..

2. Vùng đất phía tây bắc và phía nam tỉnh Hải Dương cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

3. Vùng đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc..

thieu, chứa xương vào tháp chùa Bảo Quang, tôn miếu hiệu là Huệ Tông. Giáng hoàng hậu của Huệ Tông làm Thiên Cực công chúa, gả cho Trần Thủ Độ, cho châu Lạng làm ấp thang mộc.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Tam Đại xưa lấy được thiên hạ là vì lòng nhân. Cho nên [3a] những vua có đức lớn mà không làm nhiều việc ác quá lắm thì trời chưa bao giờ vội dứt bỏ họ. Nhà Hạ nếu không có Kiệt, nhà Thương nếu không có Trụ, thì việc truyền ngôi hẳn cũng chưa hết. Xem như cuối đời nhà Chu, các nước chư hầu cưỡng bức, tiếm lấn mà ngôi chính thống vẫn truyền nối mãi mãi không dứt. Đó là do nhân sâu ơn dày của tổ tông để lại mãi đến đời sau vậy.

Họ Lý được nước không kém gì Tam Đại, truyền nối nhiều đời, đến Huệ Tông không có con trai, lại mắc bệnh tật, chắc là ơn trạch của tiên vương đến đây là hết rồi, cho nên họ Trần mới có thể lấy được nước. Đã lấy nước của người ta, lại giết vua của người ta thì thực bất nhân quá lắm.

Sau này, Phế Đế phải thất cô chết, Nguyên Quân bị giết¹, mình làm thế nào thì phải chịu thế ấy, đạo trời là như vậy đó. Dù không có lời nguyện của Huệ Tông, cũng tin là phải thế. Thủ Độ coi việc đó là hết lòng trung, lo việc nước, nhưng có biết đâu thiên hạ đời sau đều chỉ mặt [3b] gọi là giặc giết vua, huống chi lại còn làm thói chó lợn².

Đưa các cung nhân và con gái họ hàng Lý Huệ Tông gả cho các tù trưởng người Man.

Mùa đông, tháng 10, tôn cha là Thừa làm Thượng hoàng, ở cung Phụ Thiên, phường Hạc Kiều phía bên tả. Hễ khi nước có việc lớn, thì ở trong đó xem xét, quyết định. Tôn mẹ là Lê thị làm Quốc Thánh hoàng thái hậu (có sách chép là Bảo Thánh quốc mẫu).

Xuống chiếu cho dân gian dùng tiền “tĩnh bách”³ mỗi tiền là 69 đồng. Tiền nộp cho nhà nước (tiền “thượng cung”) thì mỗi tiền là 70 đồng.

Tuyển thực nữ trong nước sung làm cung nhân.

1. Bản chữ Hán chép *Nguyên hậu*, là đã nhầm chữ *Quán* 君 thành chữ *Hậu* 后. Nguyên Quân tức là vua Trần Thuận Tông, sau khi nhường ngôi cho thái tử An (Thiếu Đế), xưng là Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế, thường được gọi là Nguyên Quán. Xem BK 7.
2. Chỉ việc Trần Thủ Độ đã giết Huệ Tông lại lấy hoàng hậu của nhà vua.
3. *Tĩnh bách* : có người đọc là “tĩnh mạch”. Ở Trung Quốc, từ đời Ngũ Đại về sau, lấy 77 làm 100, gọi là “tĩnh bách” (nghĩa là 100 thiếu, hay 100 bớt).

Sai Phụ quốc thái phó Phùng Tá Chu quyền Tri phủ Nghệ An, cho phép ban tước từ tá chức, xá nhân trở xuống cho người khác, rồi sau về triều tâu lên.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Ban tước cho người là quyền của thiên tử, không phải là quyền của kẻ làm tôi [4a]. Phùng Tá Chu là bề tôi cũ triều Lý, không có việc cần phải chuyên quyền như ra ngoài cương giới, làm lợi cho quốc gia, vô yên trăm họ, mà lại cho phép chuyên quyền thì cả người cho phép và người được phép đều sai cả.

Bề tôi nhà Trần mà biết đạo ấy, phải chăng chỉ có Quốc công Hưng Đạo Đại Vương. Thánh Tông vì thấy ông có công lao to lớn, cho phép được tự tiện phong tước cho người, nhưng chưa bao giờ ông phong cho một ai cả. Giữa lúc giặc Hồ vào cướp, cầm quân chuyên chế, lấy thóc của người giàu để cấp lương quân, nhưng cũng chỉ cho người đó làm giả Lang tướng mà không dám cho làm Lang tướng thực.

Đinh Hợi /*Kiến Trung*/ năm thứ 3 /1227/, (Tống Bảo Khánh năm thứ 3). Thi tam giáo tử (nghĩa là những người nối nghiệp Nho giáo, Đạo giáo, Thích giáo).

Xuống chiếu rằng tất cả các đơn từ văn khế đều dùng phép in ngón tay vào nửa tờ giấy.

Tuyên bố các điều khoản lễ minh thệ, theo như lệ cũ của triều Lý và bắt đầu định việc thực hiện. Nghi thức lễ đó như sau :

Hằng năm vào ngày mùng 4 tháng 4, tể tướng và trăm quan đến trực ngoài cửa thành từ lúc gà gáy, [4b] tờ mờ sáng thì tiến vào triều. Vua ngự ở cửa Hữu Lang diện Đại Minh trăm quan mặc nhưng phục lạy hai lạy rồi lui ra. Ai nấy đều thành đội ngũ, nghi trượng theo hầu ra cửa Tây thành, đến đền thờ thần núi Đồng Cổ¹, họp nhau lại uống máu ăn thề. Quan Trung thư kiểm chính tuyên đọc lời thề rằng :

“Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch, ai trái thề này, thần minh giết chết”.

1. *Núi Đồng Cổ* : vốn ở Thanh Hóa, tục gọi là núi Khả Phong. Đời Lý, các vua cho rằng thần núi Đồng Cổ đã có công giúp Thái Tông đánh thắng Chiêm Thành, sau lại thác mộng báo cho biết âm mưu làm phản của ba vương Vũ Đức, Đông Chinh, Dực Thánh, nên đã dựng đền thờ trong đại nội, bên hữu chùa Thánh Thọ. Hằng năm các quan phải đến thề ở đền để tỏ lòng trung thành với nhà vua. Nhà Trần cũng theo lệ ấy. (Xem *Việt điện u linh*, xem thêm BK2).

Đọc xong, tể tướng sai đóng cửa điểm danh, người vắng mặt phải phạt 5 quan tiền. Ngày hôm ấy, trai gái bốn phương đứng chật ních bên đường để xem như ngày hội lớn.

Mậu Tý, [*Kiến Trung*] năm thứ 4 [1228]. (Tổng Thiệu Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phong Khâm Thiên Vương Nhật Hiệu làm Quận vương.

Tháng 2, thi lại viên bằng thẻ thức công văn (bạ đầu cách).

Mùa thu, tháng 8, phong anh là Liễu làm Thái úy.

Xác định số dinh tỉnh Thanh Hóa.

Lệ cũ, hằng năm vào đầu mùa xuân, xã quan (nay là xã trưởng) [5a] khai báo nhân khẩu gọi là đơn sổ, rồi căn cứ vào sổ, kê rõ các loại tông thất, văn quan văn giai, võ quan võ giai, quan theo hầu, quân nhân, tạp lưu, hoàng nam, già yếu, tàn tật, phụ tịch, xiêu tán v.v... Người có quan tước, con cháu được tập ấm mới được ra làm quan, người giàu có khỏe mạnh mà không có quan tước thì sung quân đội, dờn dờn làm lính.

Tháng 9, thi lại viên bằng thẻ thức công văn gọi là hạ đầu. Người trúng tuyển được sung làm thuộc lại ở các sảnh viện. (Việc này đã chép vào tháng 2 rồi).

Mùa đông, tháng 10, nước Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, Nguyễn Nộn đánh giết Đoàn Thượng.

Nộn đã phá được Thượng, nhân gộp cả quân của Thượng, cướp bắt con trai, con gái, tài sản, trâu ngựa đất Hồng Châu. Con của Thượng là Văn đem gia thuộc đến hàng. Thanh thế của Nộn rất hùng dũng. Thủ Độ lo lắng, chia quân chống giữ và sai sứ đem thư đến chúc mừng, gia phong Nộn làm Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, đưa công chúa Ngoạn Thiềm gả cho hắn để ngầm [5b] dò la tin tức. Nộn cũng chia nha tướng riêng cho công chúa ở. Vì thế công chúa không thể báo được tin gì.

Kỷ Sửu, [*Kiến Trung*] năm thứ 5 [1229], (Tổng Thiệu Định năm thứ 2, Nguyên Thái Tông Oa Khoát Đài năm thứ ¹). Mùa xuân, tháng 3, nhật thực.

Nguyễn Nộn ốm chết.

Sau khi kiêm tính quân của Thượng, Nộn tự xưng là Đại Thắng Vương, chèn chèn chơi bời bờ bãi. Nhưng Nộn cũng biết là thế không thể cùng đối lập với nhà Trần, định đến tháng 10 sẽ vào châu, song còn do dự chưa quyết.

1. *Oa Khoát Đài* : hay Oát Ca Đài (đời Thanh đổi gọi là Ngạc Cách Đức Y) là phiên âm tên vua Mông Cổ Ô-gô-dây là con trai thứ ba của Thành Cát Tư Hãn, Thiết Mộc Chân (Têmuğin), lên ngôi năm 1228.

Đến khi ốm nặng, vua sai nội nhân tới hỏi thăm, Nộn cố gượng ăn cơm, phi ngựa để tỏ ra còn khỏe mạnh, không bao lâu thì chết. Người dưới quyền là Phan Ma Lôì ngầm phóng ngựa chạy trốn, không biết là đi đâu.

Ma Lôì người Chiêm Thành, buôn bán ở Ai Lao, được Nộn nhận làm nô, có tài chủ động đánh thắng, dùng binh như thần. Sau khi Nộn chết, thiên hạ lại quy về một mối.

Sai sứ sang thăm nước Tống. Nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương.

[6a] **Canh Dần**, [*Kiến Trung*] năm thứ 5 [1230], (Tống Thiệu Định năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 3, khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành *Quốc triều thông chế* và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển.

Định tội đồ có mức độ khác nhau :

Loại bị đồ làm Cảo điền hoành thì thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cảo xã (nay là xã Nhật Cảo), cày ruộng công, mỗi người 3 mẫu, mỗi năm phải nộp 300 thăng thóc.

Loại bị đồ làm Lao thành binh thì thích vào cổ 4 chữ, bắt dọn cỏ ở Phương Thành, thành Thăng Long, lệ vào quân Tứ sương¹.

Định các phường về hai bên tả hữu của kinh thành, bắt chước đời trước chia làm 61 phường.

Đặt ty Bình bạc².

Lại mở rộng phía ngoài thành Đại La, bốn cửa thành giao cho quân Tứ sương thay phiên nhau canh giữ.

Sửa đổi quan chức các phủ lộ. Đặt 2 viên An phủ sứ và An phủ phó sứ.

Trong thành dựng cung, điện, lầu, các và nhà lang vũ ở hai bên phía đông và tây. Bên tả là cung Thánh Từ (nơi thượng hoàng ở), bên hữu là cung Quan Triều (nơi vua ở).

Chép công việc của quốc triều làm bộ *Quốc triều thường lễ*, 10 quyển.

[6b] Mùa xuân, tháng 7, xuống chiếu rằng phạm người coi ngục đi đòi người kiện tụng, thì cho lấy tiền cước lức tùy theo quãng đường gần hay xa.

Tháng 9, Quốc Thánh hoàng thái hậu băng, truy tôn làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

1. Trấn binh của kinh đô, chuyên việc phòng vệ, canh gác.

2. CMCBQ chủ là chức kinh doanh, chuyên xét đoán việc kiện tụng ở kinh thành. Thực ra, Bình bạc ty (năm 1265 đổi thành Đại an phủ sứ, sau lại đổi thành Kinh sư đại doanh) là cơ quan hành chính và tư pháp ở kinh đô Thăng Long lúc đó.

Tân Mão, [*Kiến Trung*] năm thứ 7 [1231], (Tổng Thiệu Định năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Nội minh tự Nguyễn Bang Cốc (hoạn quan) chỉ huy binh lính phủ mình đào vét kênh Trầm và kênh Hào¹ từ phủ Thanh Hóa đến địa giới phía nam Diễn Châu. Việc xong, thăng Bang Cốc làm Phụ quốc thượng hầu.

Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến hành cung Tức Mặc, dâng lễ hưởng ở tiên miếu, thết yến và ban lụa cho bô lão trong hương theo thứ bậc khác nhau.

Thượng hoàng xuống chiếu rằng trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ.

Trước đây, tục nước ta vì nóng bức, nên làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, thường quét vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi từng nghỉ ở đó, có một nhà sư bảo rằng : “Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý”. Nói xong [7a] thì không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay vua lấy được thiên hạ mới có lệnh này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh với Lý Thái Tổ. Đó là mầm đầu tiên của sự sùng Phật ở đời Lý, đời Trần. Kể ra, người thức giả mọi việc đều biết trước, có gì lạ đâu.

Nhâm Thìn, [*Kiến Trung*] năm thứ 8 [1232], (Từ tháng 7 về sau là Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 1, Tổng Thiệu Định năm thứ 5). Mùa xuân tháng giêng, bắt đầu định triều nghi.

Phong con của thượng hoàng là Bà Liệt làm Hoài Đức Vương.

Xưa Thượng hoàng còn hàn vi, lấy người con gái thôn Bà Liệt (thuộc huyện Tây Chân)². Người đó có mang thì bị (Thượng hoàng) ruồng bỏ. Đến khi Bà Liệt ra đời, thượng hoàng không nhận con. Lớn lên, Bà Liệt khôi ngô, giỏi võ nghệ, xin sung vào đội đánh vật. Một hôm, Bà Liệt đánh cầu vớ người trong đội, người kia vật ngã Bà Liệt, bóp cổ Liệt đến suýt tắc thở. Thượng hoàng thét lên : “Con ta đấy”. Người ấy [7b] sợ hãi lạy tạ.

Ngày hôm đó, Thượng hoàng nhận Bà Liệt làm con, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đỗ đệ nhất giáp là Trương Hanh, Lưu Diễm ; đệ nhị giáp là Đặng Diễn, Trịnh Phẫu ; đệ tam giáp là Trần Chu Phô.

Mùa hạ, tháng 6, ban bố các chữ quốc huy và miếu huy.

Vì Nguyên tổ tên húy là Lý mới đổi triều Lý làm triều Nguyễn, vả lại cũng để dứt bỏ lòng mong nhớ của dân chúng đối với nhà Lý.

1. CMQB6 chú là tên hai con kênh, thuộc huyện Ngọc Sơn (nay là Tĩnh Gia), tỉnh Thanh Hóa.

2. Sau là huyện Nam Chân, Nam Trực, tương đương với huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà ngày nay.

Tháng 8, gió lớn, dân gian phát dịch lệ, nhiều người chết.

Trần Thủ Độ giết hết tôn thất nhà Lý.

Khi ấy, Thủ Độ chuyên chính lâu ngày, đã giết Huệ Tông, tôn thất nhà Lý đều búi ngủi thất vọng.

Mùa đông năm ấy, nhân người họ Lý làm lễ tế các vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm¹, Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết.

(Xét thời Trần Anh Tông còn có người họ Lý làm tướng, hơn nữa [Phan] Phu Tiên không ghi lại, việc này chưa chắc đã có thực, hãy tạm [8a] chép vào đây).

Quý Tỵ, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 2 /1233/, (Tống Thiệu Định năm thứ 6), sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn phủ Nghệ An.

Hoàng Thái tử Trịnh mất.

(Xét phép chép sử : Hoàng thái tử sinh, tất phải chép rõ ngày, tháng, năm sinh ; khi mất cũng thế. Đây chỉ chép khi mất, có lẽ là vừa mới sinh đã chết ngay, nên không chép ngày tháng sinh).

Nước to.

Giáp Ngọ, /Thiên Ứng Chính Bình/ năm thứ 3 /1234/, (Tống Đoan Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 18, thượng hoàng băng ở cung Phụ Thiên, thọ 51 tuổi.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28, táng [Thượng hoàng] ở Thọ Lăng phủ Long Hưng. (Lăng ở hương Tĩnh Cương². Ba lăng Chiêu, Dụ, Đức³ đều ở hương ấy). Miếu hiệu là Huy Tông, tên thụy là Khai Vận Lập Cực Hoàng Nhân Ứng Đạo Thuần Chân Chí Đức Thần Vũ Thánh Văn Thùy Dụ Chí Hiếu Hoàng Đế.

Lấy Thái úy [Trần] Liễu làm phụ chính, sách phong làm Hiền Hoàng.

[8b] *Sử thần Ngô Sĩ Liên nói* : Thái Tông đối với anh là Liễu, có ý muốn tôn kính khác thường, cho nên làm việc quá đáng này. Sách phong là Hiền Hoàng, thế là danh không chính rồi. Đã danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không thành. Liễu manh tâm làm loạn, vị tất đã không phải do đây.

Phong Trần Thủ Độ làm Thống quốc thái sư, tri Thanh Hóa phủ sự.

1. CMCB6 chú là thuộc huyện Đông Ngàn, nay là đất huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

2. Vùng huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3. *Chiêu lăng* : lăng của Trần Thái Tông, *Dụ lăng* : lăng của Trần Thánh Tông, *Đức lăng* : lăng của Trần Nhân Tông.

Gia phong Thái phó triều Lý là Phùng Tá Chu làm Hưng Nhân Vương ; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái phó, tước Bảo Trung quan nội hầu.

Át Mùi, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 4 /1236/, (Tổng Đoan Bình năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, sét đánh 30 chỗ trong thành.

Đại xá.

[9a] Bính Thân, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 5 /1236/, (Tổng Đoan Bình năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, định lệ cấp lương bổng cho các quan văn võ trong ngoài và các quan ở cung điện, lăng miếu, chia tiền thuế, ban cấp theo thứ bậc.

Tháng 2, định quan hàm cho các đại thần.

Phàm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là Thái sư, Thái phó, Thái bảo, Thái úy, hoặc là Tư đồ, Tả Hữu tướng quốc, đều kiêm hàm Kiểm hiệu đặc tiến nghị đồng tam ty bình chương sự¹.

Mùa hạ, tháng 6, nước to, vỡ tràn vào cung Lệ Thiên.

Bấy giờ Hiền Hoàng [Trần] Liễu làm tri Thánh Từ cung, nhân nước to, đi thuyền vào châu, thấy người phi cũ của triều Lý liền cưỡng dâm ở cung Lệ Thiên. Đình thân hặc tâu, vì thế mới đổi tên cung ấy làm cung Thường Xuân, giáng Hiền Hoàng làm Hoài Vương.

Mùa thu, tháng 8, chọn các nho sinh đã thi đỗ vào châu, sau làm định lệ.

Mùa đông, tháng 10, cho Phạm Ứng Thần làm Thượng thư tri Quốc tử viện, đưa con em văn thần và tụng thần vào học.

[9b] Gia phong Hưng Nhân Vương Phùng Tá Chu làm Đại vương ; Quan nội hầu Phạm Kính Ân làm Thái úy, ban cho mũ áo đại vương.

Đinh Dậu, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 6 /1237/, (Tổng Gia Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng : khi làm giấy tờ về chúc thư, văn khế ruộng đất và vay mượn tiền bạc thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau.

Lập công chúa Thuận Thiên họ Lý, là vợ của Hoài Vương Liễu, anh vua, làm hoàng hậu Thuận Thiên. Giáng Chiêu Thánh làm công chúa.

Bấy giờ Chiêu Thánh không có con mà Thuận Thiên đã có mang Quốc Khang 3 tháng. Trần Thủ Độ và công chúa Thiên Cực bàn kín với vua là nên mạo nhận lấy đẻ làm chỗ dựa về sau, cho nên có lệnh ấy. Vì thế, Liễu họp quân ra sông Cái làm loạn.

1. *Nghị đồng tam ty* : nghĩa là nghị thức ngang với nghị thức của tam ty hay tam công. *Bình chương sự* : nghĩa là xếp đặt cho tốt đẹp, chỉ chức tể tướng. *Đồng bình chương sự* : nghĩa là ngang với tể tướng.

Vua trong lòng áy náy, ban đêm, ra khỏi kinh thành đến chỗ quốc sư Phù Vân (quốc sư là bạn cũ của Thái Tông) trên núi Yên Tử rồi ở lại đó (10a)¹.

Hôm sau, Thủ Độ dẫn các quan đến mời vua trở về kinh sư. Vua nói: “Vì trăm non trẻ, chưa cáng đáng nổi sứ mệnh nặng nề, phụ hoàng lại vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, nên không dám giữ ngôi vua mà làm nhục xã tắc”.

Thủ Độ cố nài xin nhiều lần vẫn chưa được vua nghe, mới bảo mọi người rằng :

“Xa giá ở đâu tức là triều đình ở đó”.

Thế rồi [Thủ Độ] cấm nêu trong núi, chỗ này là điện Thiên An, chỗ kia là các Đoan Minh, sai người xây dựng. Quốc sư nghe thấy thế, tâu rằng :

“Bệ hạ nên gấp quay xa giá trở về, chớ để làm hại núi rừng của đệ tử”.

Vua bèn trở về kinh đô. Được hai tuần, Liễu tự lượng thế cô, khó lòng đối lập được, ngầm đi thuyền độc mộc, giả làm người đánh cá, đến chỗ vua xin hàng.

Lúc ấy vua đang ở trong thuyền, anh em nhìn nhau khóc. Thủ Độ nghe tin, đến thẳng thuyền vua, rút gươm thét lớn :

“Giết thẳng giặc Liễu”.

Vua giấu Liễu trong thuyền, vội vàng bảo Thủ Độ :

“Phụng Càn Vương (Phụng Càn là tên hiệu [10b] cũ của Liễu hồi còn nhà Lý) đến hàng đây !”. rồi lấy thân mình che đỡ cho Liễu.

Thủ Độ tức lắm, ném gươm xuống sông nói :

“Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em các người thuận nghịch thế nào ?”.

Vua nói giải hòa, rồi bảo Thủ Độ rút quân về.

Lấy đất Yên Phụ, Yên Dương, Yên Sinh, Yên Hưng, Yên Bang² cho Liễu làm ấp thang mộc. Nhân đất được phong, mà Liễu có tên hiệu là Yên Sinh Vương. Binh lính [theo Liễu] làm loạn ở sông Cái đều bị giết.

Phan Phu Tiên nói : Tam cương ngũ thường là luân lý lớn của loài người. Thái Tông là ông vua khai sáng cơ nghiệp, đáng lẽ phải dựng phép tắc để truyền lại cho đời sau, lại nghe mưu gian của Thủ Độ, cướp vợ của anh làm hoàng hậu, chẳng phải là bỏ cả luân thường, mở mối dâm loạn đó ư ? Liễu từ đó sinh ra hiềm khích,

1. Theo *Thiên tông chỉ nam tự* trong *Khóa hư lục* thì Trần Thái Tông trốn khỏi kinh thành vào đêm mùng 3 tháng 4 năm Bình Thân (1236) và lên đến đỉnh Yên Tử vào ngày mùng 6 tháng 4 năm ấy, Như vậy là *Toàn thư* chép sự việc này muộn hơn một năm.
2. Thuộc hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

cả gan làm loạn, là do Thái Tông nuôi nên tội ác cho Liễu vậy. Có người bảo Thái Tông không giết anh, thế là nhân, nhưng tôi thì cho rằng cướp vợ của anh, tội ác đã rõ ràng, không giết anh [11a] là vĩ lễ trời chưa mắt mà thôi, sao được gọi là nhân ? Xét ra sau này Trần Dụ Tông dâm loạn làm càn chưa hẳn không do Thái Tông dẫu gieo vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Thái Tông mạo nhận con của anh làm con mình. Sau này Dụ Tông và Hiến Từ đều cho Nhật Lễ làm con của Cung Túc Vương, đến nỗi cơ nghiệp nhà Trần suýt nữa bị sụp đổ, há chẳng phải là không có ngọn nguồn của nó sao ?

Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Hậu Đức Hiền Công Hựu Thuận Thánh Văn Thần Vũ Hiếu Nguyên Hoàng Đế.

Ban yến cho các quan ở điện Thiên An.

Tháng 2, dời dựng điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu, gọi là điện Phong Thủy. Khi xa giá dừng ở đây, các quan đưa đón, đều dâng trà cau và trà, nên tục gọi là điện Trà.

[11b] Mùa hạ, tháng 5, tết Đoan ngo làm lễ diều Khuất Nguyên và người hiền đời xưa như Giới Tử Thôi v.v... Hằng năm cứ đến tháng này đều cử hành [lễ diều].

Mậu Tuất, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 7 [1238], (Tống Gia Hy năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, sai Thống quốc thái sư Trần Thủ Độ duyệt định sổ dinh phủ Thanh Hóa.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ tràn vào cung Thường Xuân.

Tháng 8, định quy chế thuyền xe cho vương hầu, công chúa, các quan văn võ và người tông thất.

Ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên ở điện Bát Giác.

Kỷ Hợi, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 8 [1239], (Tống Gia Hy năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lại cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội thái phó. Sai [Chu] về hương Tức Mặc xây dựng nhà cửa, cung điện.

Tháng 2, thi thái học sinh. Đỗ đệ nhất giáp là Lưu Miễn, Vương Giát ; đệ nhị giáp là Ngô Khắc ; đệ tam giáp là Vương Thế Lộc.

[12a] Kiều Hiền làm loạn.

Tháng 3, chọn dân dinh người nào khỏe mạnh sung làm lính, định ra 3 bậc thượng, trung, hạ.

Mùa thu, tháng 8, Kiều Hiền bị giết.

Canh Tý, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 9 [1240]. (Tổng Gia Hy năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Phùng Tá Chu dựng 5 sở hành cung ở phủ Thanh Hóa.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn, mưa to, động đất.

Tháng 9, ngày 25, hoàng đích trưởng tử là Hoàng sinh, lập làm Đông cung thái tử. Đại xá.

Mùa đông, tháng 10, quan đóng giữ Lạng Giang sai chạy trạm tâu về việc người phương Bắc đến bắt người cướp của dân cư trong hạt ấy. Vua sai thị thần là Bùi Khâm đến biên giới phía bắc để bày tỏ.

Tân Sửu, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 10 [1241]. (Tổng Thuần Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, chọn người có sức khỏe, am hiểu võ nghệ sung làm quân Tuc vệ thượng đô.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hạn, nui nhiều nơi bị lở, ở chợ Dừa¹, đất toác ra.

Mùa thu, [12b] tháng 8, nước lớn.

Tháng 9, xuống chiếu cho các ty xét án được lấy tiền bình bạc² (bình tức là xét, trước có ty bình bạc cung là thế).

Mùa đông, tháng 10, người Man phương bắc đến cướp biên giới. Sai đốc tướng Phạm Kinh Ân đi đánh lấy được các động Man rồi về.

Hoàng tử thứ ba Quang Khải sinh, là em cùng mẹ với thái tử Hoàng. Quốc Khang là anh trưởng, sau đều phong đại vương. Thứ đến Nhật Vinh, Ich Tắc, Chiêu Văn, đều phong vương. Thứ nữa thì phong thượng vị hầu. Con trưởng của các vương thì phong vương, các con thứ thì phong thượng vị hầu, coi đó là chế độ lâu dài.

Vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vinh An, Vinh Bình³ của nước Tống phía đường bộ, vượt qua châu Khâm, châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cỗi, chỉ đi bằng các thuyền nhỏ Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang. Người châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn. Đến sau biết là vua mới chăng xích sắt giữa sông để chặn đường thủy. [13a]. Khi trở về, vua sai nhổ lấy vài chục cái neo sắt đem về.

Phùng Tá Chu mất.

Nhâm Dần, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 11 [1242]. (Tổng Thuần Hựu năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chia nước làm 12 lộ⁴. Đặt chức an phủ, trấn

1. CMCB 6 chép là phường Thịnh Quang có ở Chợ Dừa ở phía nam Hà Nội nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.
2. Tức tiền xét án.
3. Trại Vinh An của Tống thuộc đất châu Khâm, giáp giới vùng Mong Cai, Quang Ninh của ta. Trại Vinh Bình của Tống thuộc đất châu Ung, giáp giới vùng Lộc Bình, Lạng Sơn của ta.
4. CMCB6 chép danh sách 12 lộ là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng Khoai, Thanh Hoa, Hoàng Giang, Diễn Châu. Danh sách này chưa hẳn đúng và đủ tên các lộ thời Trần. *An Nam chí lược* của Lê Trác đưa ra một danh sách 15 lộ, nhưng chỉ có 6 lộ là có tên trong danh sách của *Cương mục*.

phủ, có 2 viên chánh, phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã. Có người làm kiêm cả 2, 3, 4 xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám gọi là xã quan.

Làm đơn số ¹ hộ khẩu. Con trai lớn gọi là đại hoàng nam, con trai nhỏ gọi là tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là lão, già lắm thì gọi là long lão. Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có 1, 2 mẫu ruộng thì nộp 1 quan tiền, có 3, 4 mẫu thì nộp 2 quan tiền, có từ 5 mẫu trở lên thì nộp 3 quan tiền. Tô ruộng mỗi mẫu nộp 100 thăng thóc.

Mùa hạ, tháng 4, sai [13b] Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh đem quân trấn giữ biên giới phía bắc, đánh lấy các đất thuộc lộ Bằng Tường.

Trước kia, từ sau khi Nguyên Thái Tông mất, thì cửa ai thường không thông. Nếu có sự mệnh thì chỉ có hai viên chánh phó sử và hai bọn người đi theo, còn sản vật tiến cống có bao nhiêu thì gọi bộc đưa đến địa đầu biên giới, quan địa phương nhận giữ và chuyển nộp. Sự thần đến kinh, chỉ dâng biểu tâu thôi, các vật tiến cống không đến nơi cả được. Đến nay, sai tướng chống giữ, đánh chiếm mới thông hiếu được với nước Tống.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán, soát tù, đại xá.

Mùa thu, tháng 7, mưa. Miễn một nửa tô ruộng.

Tháng 9, ngày canh thìn, mồng 1, nhật thực.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 12, rồng vàng hiện.

Quý Mão [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 12 [1243]. (Tống Thuần Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho quan các lộ làm sổ dân đinh, [14a] hạn trong hai tháng phải xong.

Tháng 2, đắp thành nội, gọi là thành Long Phượng và trùng tu Quốc tử giám.

Mùa hạ, tháng 6, sai viên ngoại lang Trương Thất xét xử các án ở Đô vệ phủ.

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ thành Đại La.

Mùa đông, tháng 10, chọn người bổ sung vào các quân bộ để sai khiến.

Giáp Thìn, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 13 [1244]. (Tống Thuần Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai các văn thần chia nhau đi trị nhậm

1. Xem sự việc chép về năm Mậu Tý (1228) ở trên.

các phủ, lộ trong nước gồm 12 nơi. Phủ có tri phủ, lộ có thông phán, châu có tào vận sứ và phó sứ, giữ việc vận chở.

Định các cách thức về luật hình.

Tháng 3, cho Phùng Tá Khang, cha Phùng Tá Chu, làm tả nhai đạo lục, tước Tả Lang.

Bấy giờ các vương hầu bỏ quan tăng đạo thì gọi là Tả nhai, vì không để cho đứng vào hàng ngũ các quan trong triều. Tả nhai là phẩm cao nhất của tăng đạo. Không phải là người thông thạo [14b] tôn giáo của mình thì không được dự can. Nay đem phong cho Tá Khang là lễ ưu hậu lắm.

Mùa đông, tháng 10, quy định lương bổng cho các quan làm việc trong ngoài và các quan túc vệ.

Át Ty, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 14 [1245], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự hành cung Ứng Phong (nay là phủ Kiến Hưng)¹.

Mùa thu, tháng 8, nước to, vỡ đê Thanh Đàm².

Mùa đông, tháng 12, gió to, mưa lớn 3 ngày, nước sông tràn ngập, rắn, cá chết nhiều.

Bính Ngọ, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 15 [1246], (Tổng Thuần Hựu năm thứ 6, Nguyên Định Tông, Quý Do³ năm thứ 1). Mùa xuân tháng 2, định quy chế các quận.

Chọn người khỏe mạnh sung làm quân Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần⁴. Định tráng lộ Thiên Trường⁵ và Long Hưng⁶, sung vào các quân Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh và Cung thần; lộ Hồng⁷ và lộ Khoái⁸ sung quân tả hữu Thánh dực; lộ Trường Yên⁹ và lộ Kiến Xương¹⁰ sung quân Thánh dực, Thần sách. Còn các lộ khác thì sung vào cấm quân trong Cấm vệ. Hạng thứ ba thì sung vào đoàn đội tạp nhi¹¹ [15a] (có sách chép là phong đội).

1. *Phủ Kiến Hưng*: hay phủ Nghĩa Hưng đời Lê là gồm đất 3 huyện: Nghĩa Hưng, Ý Yên, Vụ Bản tỉnh Nam Hà ngày nay. Từ đời Lý đã có hành cung ở Ứng Phong, có lễ ở trong đất huyện Ý Yên.

2. *Đê Thanh Đàm*: nay là đê Thanh Trì.

3. Quý Do tức hãn Mông Cổ Guyuk. Vì các bản khắc *Toàn thư* bị sứt chữ hay in không rõ, nên chữ *Do* 𡗗 ở đây dễ bị đọc nhầm thành chữ *Diên* 𡗗 (*Bản dịch cũ*, tập II, 1971, tr.20).

4. *Bản dịch cũ* (tập II, 1971, tr.285) chú thích *Tứ thiên* là 4 vệ Thanh dực, *Tứ thần* là 4 vệ Thần sách. Nhưng theo các quân hiệu được chép ở đây thì lại có thể nghĩ rằng: *Tứ thiên* là 2 vệ (tả và hữu) của quân Thiên thuộc và 2 vệ của quân Thiên cương; *Tứ thánh* là 2 vệ của quân Thánh dực và 2 vệ của quân Chương thánh; *Tứ thần* là 2 vệ của quân Thần sách và 2 vệ của quân Cung thần. Chú ý là đời Trần chỉ thấy nói đến các quân *tả* và *hữu*, chứ không gặp các quân *tiền* và *hậu*.

5. Vùng tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

6. Gồm phần lớn tỉnh Thái Bình ngày nay.

7. Vùng tây Hải Dương cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

8. Vùng nam Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

9. Vùng tỉnh Ninh Bình.

10. Vùng nam Thái Bình ngày nay.

11. Tức là đội chèo thuyền, thủy thủ của thuyền trên.

Tháng 3, xét duyệt các quan văn, võ, trong ngoài.

Cứ 15 năm 1 lần xét duyệt, 10 năm thăng tước 1 cấp, 15 năm thăng chức 1 bậc. Chức quan nào khuyết thì chức chánh kiêm chức phó. Chánh phó đều khuyết thì lấy quan khác tạm giữ, đợi đủ hạn xét duyệt thì bổ chức ấy.

Bấy giờ quốc gia vô sự, nhân dân yên vui, người làm quan giữ mãi một chức, người ở quán, các 10 năm mới được xuất thân, người ở sảnh, cục 15 năm mới được xuất thân, chức tể tướng thì chọn người hiền năng trong tôn thất, có đạo đức, tài nghệ, thông hiểu thì thư thì cho làm.

Mùa hạ, tháng 5, tháp trên núi Long Đội đổ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ thi tiến sĩ, cứ 7 năm 1 khoa.

Mùa đông, tháng 12, cho Trương Mông làm Ngự sử đại phu (Mông người Thanh Hóa, có hùng tài).

Đinh Mùi Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 16 [1247], (Tống Thuần Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên [15b] Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn; Đặng Ma La đỗ thám hoa lang. Cho 48 người đỗ thái học sinh, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Trước đây, hai khóa Nhâm Thìn (1232) và Kỷ Hợi (1239) chỉ chia làm giáp, á, chưa có chọn tam khôi¹. Đến khoa này mới đặt [tam khôi].

Mùa hạ, tháng 4, động đất.

Mùa thu, tháng 8, thi các khoa thông tam giáo. Ngô Tân (người Trà Lộ) đỗ giáp khoa, Đào Diễm, Hoàng Hoan (người Thanh Hóa) và Vũ Vĩ Phủ (người Hồng Châu) đỗ á khoa.

Mậu Thân, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 17 [1248], (Tống Thuần Hựu năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, đổi miếu hiệu của Huy Tông gọi là Thái Tổ, Thọ Lăng gọi là Huy Lăng.

Tháng 3, lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là đắp quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ biển, để ngăn nước lũ tràn ngập.

Đặt chức hà đê chánh phó sứ đê quán đốc. Chỗ đắp thì đo xem mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền [16a]. Đắp đê quai vạc là bắt đầu từ đó.

Mùa hạ, tháng 4, làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiềm, đến quán Thái Thanh cung Cảnh Linh, cực kỳ tráng lệ.

Tháng 6, hoàng hậu Thuận Thiên băng, truy tôn là Hiến Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu.

1. Tam khôi : là ba bậc đỗ đầu gồm trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa.

Sai các nhà phong thủy đi xem khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí để vương thì dùng phép thuật để trấn yểm, như các việc đào sông Bà Lễ¹ đục núi Chiêu Bạc² ở Thanh Hóa ; còn lấp các khe kênh mở đường ngang dọc thì nhiều không kể xiết. Đó là làm theo lời Trần Thủ Độ.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói: Từ khi có trời đất này, thì đã có núi sông này, mà khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời, đều có số cả. Khí trời từ bắc chuyển xuống nam, hết nam rồi lại quay về bắc. Thánh nhân trăm năm mới sinh, đủ số lại trở lại từ đầu. Thời vận [16b] có lúc chậm lúc chóng, có khi thừa khi mau mà không đều, đại lược là thế, có can gì đến núi sông ? Nếu bảo núi sông có thể lấy pháp thuật mà trấn áp, thì khí trời chuyển vận, thánh nhân ra đời có pháp thuật gì trấn áp được không ? Ví như Tần Thủy Hoàng biết là phương đông nam có vượng khí thiên tử, đã mấy lần xuống phương ấy để trấn áp, mà rút cuộc Hán Cao vẫn nổi dậy, có trấn áp được đâu.

Kỷ Dậu, [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 18 /1249/, (Tống Thuần Hựu năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, trùng tu chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm ở nền cũ.

Đại xá.

Mùa hạ, tháng 4, ngày Nhâm Dần mồng 1, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, mưa đá lớn.

Canh Tuất [*Thiên Ứng Chính Bình*] năm thứ 19 /1250/, (Tống Thuần Hựu năm thứ 10). Mùa xuân, tháng 3, động đất.

Xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là quan gia³.

Đổi Đô vệ phủ làm Tam ty viện, gồm các viện Phụng tuyên, Thanh túc, Hiến chính.

Mùa hạ, tháng 5, xuống chiếu các việc kiện tụng đã thành án, phải cùng quan thẩm hình viện xem xét định tội.

[17a] Cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử trung tướng, tri Tam ty viện sự.

Mùa thu, tháng 7, cho Minh tự Lưu Miễn làm An phủ sứ phủ lộ Thanh Hóa.

1. CMCB6 chép là sông Bà Mã. Nguyên văn : “Bà Lễ giang”. có lẽ là sông Bà Mã và sông Lễ gọi tắt. Bà Mã tức sông Mã ở Thanh Hóa, còn sông Lễ thì *Cương mục* chú là sông Mã, nhưng có lẽ là sông Chu.
2. *Núi Chiêu Bạc* : Bản dịch cũ chú có lẽ là núi Chiêu Bạch (hiện có sông Chiêu Bạch) ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
3. Nguyên văn là “quốc gia”, ngờ là bản in nhầm. Vì “quan gia” là tiếng để gọi vua đời Trần, thường hay gặp. Chưa có sách nào nói gọi vua là “quốc gia”. Chúng tôi sửa lại.

Tân Hợi /*Thiên Ứng Chính Bình*/ năm thứ 20 /1251/ (Từ tháng 2 về sau là Nguyên Phong năm thứ 1, Tống Thuần Hựu năm thứ 11, Nguyên Hiến Tông Mông Kha năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 1, đổi niên hiệu là Nguyên Phong (năm thứ 1).

Vua tự viết bài minh ban cho các hoàng tử, dạy về trung, hiếu, hòa, tôn, ôn, lương, cung, kiệm.

Gả trưởng công chúa Thiên Thành cho **Trung Thành Vương** (không rõ tên). Con trai Yên Sinh Vương là **Quốc Tuấn** cướp lấy. Công chúa về với Quốc Tuấn.

Ngày 15 tháng ấy, vua mở hội lớn 7 ngày đêm, bày các tranh về lễ kết tóc¹ và nhiều trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem, ý muốn cho công chúa Thiên Thành làm lễ kết tóc với Trung Thành Vương.

Trước đó, vua cho công chúa Thiên Thành đến ở trong dinh Nhân Đạo Vương (Nhân Đạo vương là cha Trung Thành Vương). Quốc Tuấn muốn lấy công chúa Thiên Thành, nhưng không làm thế nào được, mới nhân ban đêm lẻn vào [17b] chỗ ở của công chúa thông dâm với nàng.

Công chúa Thụy Bà (chị ruột của Thái Tông, cô của Quốc Tuấn, nuôi Quốc Tuấn làm con) liền đến gõ cửa điện cáo cấp. Người coi cửa vội vào tâu. Vua hỏi có việc gì, Thụy Bà trả lời :

“Không ngờ Quốc Tuấn ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo đã bắt giữ hẳn rồi, e sẽ bị hại, xin bệ hạ rủ lòng thương, sai người đến cứu”.

Vua vội sai nội nhân đến dinh Nhân Đạo Vương. Đến nơi, thấy yên lặng, bèn vào chỗ Thiên Thành, thì thấy Quốc Tuấn đã ở đấy. Nhân Đạo bấy giờ mới biết chuyện.

Hôm sau, Thụy Bà dâng 10 mâm vàng sống, tâu rằng : “Vội vàng nên không sắm được đủ lễ vật”.

Vua bắt đặc dĩ phải gả công chúa Thiên Thành cho Quốc Tuấn, lấy 2.000 khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên² để hoàn lại sính vật cho Trung Thành Vương.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Con gái vua lấy kẻ bề dưới tất phải sai chur hầu cùng họ đứng ra làm chủ hôn [18a] theo lễ phải thế. Thái Tông đem Thiên Thành công chúa gả xuống cho Trung Thành

1. Nguyên văn là “trần hợp kế đồ”, có người hiểu “đồ” theo nghĩa Nôm là “đồ đạc”. CMCB6 chép là “bày đồ quý báu”.

2. Tức phủ Ứng Hòa đời sau, tương ứng với các huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.

Vương, nhưng công chúa lại về với Hưng Đạo Vương, việc hôn nhân rất là bất chính. Thế thì lễ cưới này không ai đứng chủ ư ? Giữ việc lễ đâu có thể cho phép không có chủ được. Vì vua đã bất chính trong đạo vợ chồng, cho nên người làm tôi con cũng bất chước. Và lại, hôn nhân không lấy người khác họ mà lấy người cùng họ, thì chỉ có nhà Trần làm thế. Trong việc trái lễ, lại trái lễ nữa.

Vua ban yến ở nội điện, các quan đều dự. Đến khi say, mọi người đứng cả dậy, dang tay mà hát. Ngự sử trung tướng (sau đổi là Trung úy) Trần Chu Phổ cũng dang tay theo mọi người, nhưng không hát câu gì khác, chỉ nói : “Sử quan ca rằng, sử quan ca rằng”.

Sau này, trong yến tiệc, có người đội mo nang, cầm dùi làm tửu lệnh thì lại càng thô bỉ lắm.

[18b] *Sử thần Ngô Sĩ Liên nói* : Xem thế đủ thấy, tuy bấy giờ vua tôi cùng vui, không gò bó vào lễ pháp, cũng là điều giản dị, chất phác của phong tục, nhưng không còn chừng mực gì nữa. Hữu Tử nói : “Biết được hòa đồng rồi hòa đồng, nhưng không lấy lễ mà tiết chế, thì cũng không thể làm được”. Ngự sử là bề tôi giữ việc can ngăn, chức phận là phải uốn nắn, đã không nói thì thôi, lại còn vào hòa với họ thì kỷ cương của triều đình dễ đâu ?

Mùa hạ, tháng 4, Yên Sinh Vương Liễu mất, thọ 41, tuổi gia phong đại vương.

Phạm Kinh Ân mất (Kinh Ân là Thái úy quan nội hầu của triều Lý cũ).

Nhâm Tý, *Nguyên Phong năm thứ 2* [1252], (Tống Thuần Hựu năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân đi đánh Chiêm Thành, sai Khâm Thiên Đại vương Nhật Hiệu làm lưu thủ.

Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đem thuyền nhẹ [19a] đến cướp bóc dân cư ven biển. Vua lên ngôi, lấy đức võ về, sai sứ sang dụ, tuy họ có thường sang cống, nhưng đòi xin lại đất cũ, và có ý nhòm ngó [nước ta]. Vua giận, nên có việc thân chinh này.

Mùa đông, tháng 12, bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bồ Da La và nhiều thần thiếp, nhân dân của y rồi về.

(Có thuyết nói bắt được chúa Chiêm Thành Bồ Da La là sai. Nếu quả như thế thì Lê Văn Hưu làm *Sử ký* sao không dẫn đề ca ngợi cùng với việc bắt được Sạ Đầu. Nay theo [Phan] Phu Tiên là phải).

Quý Sửu, *Nguyên Phong năm thứ 3* [1253], (Tống Bảo Hựu năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 4, cho Khâm Thiên Đại vương Nhật Hiệu làm Thái úy.

Tháng 6, lập Quốc học viện. Đắp tượng Không Tử, Chu Công và Á Thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền¹ để thờ.

Mùa thu, tháng 8, lập Giảng võ đường.

Tháng 9, xuống chiếu vời nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện giảng tứ thư lục kinh.

Giáp Dần, [Nguyên Phong] năm thứ 4 [1254], (Tống Bảo Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 5, định quy chế xe kiệu, mũ áo và người hầu cho tôn thất và các quan văn võ [19b] theo thứ bậc khác nhau.

Từ tông thất cho đến quan ngũ phẩm đều được đi kiệu, ngựa và võng. Tôn thất thì kiệu đầu tròn chạm phượng sơn son, tướng quốc thì kiệu đầu tròn chạm vệt sơn đen, lông tía ; từ tam phẩm trở lên thì kiệu đầu tròn chạm mây, lông xanh ; từ tứ phẩm đến lục phẩm thì kiệu đầu tròn bằng đầu ; ngũ phẩm trở lên thì lông xanh ; lục thất phẩm thì lông giấy đen. Người theo hầu nhiều thì 1.000 người, ít thì 100 người.

Bấy giờ các vương hầu phần nhiều coi việc đánh nhau bằng tay không và một mình đi cướp là dũng cảm. Vũ Uy vương Duy (con Thái Tông) cũng làm thế. Một hôm, Vũ Uy [Vương] đánh nhau tay không ở Đông Bộ Đầu, vua vì hành qua đây trông thấy hỏi rằng :

“Người béo và trắng kia là ai, bắt lại đây để sai bảo”.

Vũ Uy [Vương] nghe thế trốn mất.

Tháng 6, bán ruộng công², mỗi diện là 5 quan tiền (bấy giờ gọi mẫu là diện), cho phép nhân dân mua làm ruộng tư.

[20a] Mùa đông, tháng 10, ban tiền cho Phạm Ứng Mộng, bảo tự hoạn để vào hầu.

Trước đó, vua nằm mơ đi chơi thấy thần nhân chỉ một người bảo vua : “Người này có thể làm hành khiển”. Tỉnh dậy, không biết là người nào.

Một hôm tan buổi chiều, vua ngự ra ngoài thành, thấy một người con trai theo học ở cửa nam thành, hình dáng giống hệt người trong mộng, Vua gọi đến hỏi, người đó ứng đối giống như những lời trong mộng. Vua muốn trao cho chức hành khiển, nhưng thấy khó, mới cho 400 quan tiền bảo tự hoạn, ban tên là Ứng Mộng. Sau này thăng dần đến chức hành khiển. Đó là bắt chước lệ cũ của triều Lý, dùng Lý Thường Kiệt và Lý Thường Hiến vậy.

Ất Mão, [Nguyên Phong] năm thứ 5 [1255], (Tống Bảo Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sai Lưu Miễn bồi đắp đê sông các xứ ở Thanh Hóa.

1. Chỉ 72 học trò xuất sắc của Không Tử (Thất thập nhị hiền).

2. Nguyên văn chữ Hán là “quan điền”.

Mùa hạ, tháng 4, chọn tân quan làm hà đê chánh phó sứ các lộ. Khi việc làm ruộng nhàn rỗi [20b] thì đốc thúc quân lính đắp đê đập, đào mương ngòi đê phòng lụt, hạn.

Hoàng tử thứ 6 Nhật Duật sinh.

Trước đó, đạo sĩ cung Thái Thanh tên là Thập cầu tự cho vua. Đọc sớ xong [đạo sĩ] tâu vua : “Thượng đế đã y lời sớ tâu, sắp sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh, ở trần thế bốn kỷ”. Thế rồi hậu cung có mang. Sau quả nhiên sinh con trai, hai cánh tay có chữ “Chiêu Văn đồng tử”, nét chữ rất rõ, vì thế đặt hiệu là Chiêu Văn (tức là Nhật Duật). Lớn lên, nét chữ mới mất đi.

Đến năm [Nhật Duật] 48 tuổi, bị ốm hơn 1 tháng, các con ông làm chay, xin giảm tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ cho cha. Đạo sĩ đọc sớ xong, đứng dậy nói :

Thượng đế xem sớ, cười bảo : “Sao hấn quyến luyến trần tục muốn ở lại lâu thế, nhưng các con hấn thực lòng hiếu thảo, cũng đáng cho. Thôi cho thêm hai kỷ nữa”.

Bệnh liền khỏi. Sau Nhật Duật mất, thọ 77 tuổi, thế là được đủ 6 kỷ lẻ 5 năm.

[21a] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Việc đạo sĩ cầu tự, cho là đúng như thế chăng ? Thì đạo trời xa, không thể biết được. Cho là không như thế chăng ? Thì lòng thành cảm hóa, xa mấy mà chẳng tới được. Song, khi đạo sĩ rập lạy đợi mệnh trời, có lẽ trời hiện chiêm bao để bảo cho. Kể ra lý và số nương tựa lẫn nhau, lý sinh ra từ số, số cũng chưa bao giờ không sinh ra từ lý, mệnh dài ngắn là số, lòng hiếu thành là lý. Có người bảo rằng đạo sĩ có thể nắm tính mạng bay lên được, nhưng tôi không tin.

Tháng 5, trồng 500 trượng toàn cây muôm (suốt từ bến Hồng đến đê quai vạc Cầu Thần).

Mùa thu, tháng 8, nước to, vua ngự chơi Hồ Tây.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến hành cung phủ Thiên Trường.

Bính Thìn, [Nguyên Phong] năm thứ 6 [1256]. (Tống Bảo Hựu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn kẻ sĩ. Ban cho Trần [21b] Quốc Lặc đồ kinh trạng nguyên ; Trương Xán đồ trại trạng nguyên ; Chu Hình đồ bảng nhãn ; Trần Uyên đồ thám hoa lang¹. Lấy đồ thái học sinh 43 người (kinh 42 người, trại 1 người), xuất thân có thứ bậc khác nhau.

1. CMCBổ chú Quốc Lặc người huyện Thanh Lâm (châu Hồng) ; Trương Xán người huyện Tế Giang (lộ Bắc Giang) ; Trần Uyên người huyện Đường Hào (châu Hồng).

Hồi quốc sơ, cử người chưa phân kinh trại, người đổ dầu ban cho [danh hiệu] trạng nguyên. Đến nay, chia Thanh Hóa, Nghệ An làm trại, cho nên có phân biệt kinh, trại.

Tháng 3, nhuận, đúc 330 quả chuông.

Mùa hạ, tháng 5, sét đánh điện Thiên An, lại đánh cung Thái Thanh, tượng Thiên Tôn gãy mất một ngón tay.

Vét sông Tô Lịch.

Mùa thu, tháng 7, Vũ Thành Vương Doãn đem cả nhà trốn sang nước Tống. Thỏ quan phủ Từ Minh là Hoàng Bính bắt lại đưa trả cho ta.

(Doãn là con Yên Sinh Vương do Hiền Từ sinh. Yên Sinh có hiềm khích với vua, đến khi Hiền Từ mất, bị thất thế, nên trốn sang nước Tống). Vua thưởng vàng lụa cho Bính. Do đấy việc phòng giữ quan ải càng thêm nghiêm ngặt.

Đinh Tỵ, [Nguyên Phong] năm thứ 7 [1257] (Tống Bảo Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2 Hoàng Bính đem cả nhà đến cửa khuyết, dâng con gái [22a] vào cung. Vua nhận, sách phong làm Huệ Túc phu nhân.

Mùa thu, tháng 8, chủ trại Quy Hóa¹ là Hà Khuất sai chạy trạm tâu [vua] là có sứ Nguyên sang.

Tháng 9, xuống chiếu, lệnh tả hữu tướng quân đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới, theo sự tiết chế của Quốc Tuấn.

Mùa đông, tháng 11, lệnh truyền cả nước sắm sửa vũ khí.

Tháng 12, ngày 12, tướng Nguyên Ngột Lương Hợp Đài² xâm phạm Bình Lệ Nguyên³.

Vua thân hành đốc chiến, xông pha tên đạn. Quan quân hơi núng, vua ngoảnh trông tả hữu, chỉ có Lê Phụ Trần (tức Lê Tần) một mình một ngựa, ra vào trận giặc, sắc mặt bình thản như không.

Lúc ấy, có người khuyên vua dừng lại⁴ để chỉ huy chiến đấu. Phụ Trần cố sức can vua :

1. Trại Quy Hóa : thời Trần gồm đất tỉnh Yên Bái, phần hữu ngạn sông Hồng và đất các huyện Sông Thao, Thanh Hóa và Yên Lập, tỉnh Vĩnh Phú hiện nay.

2. Tên Mông Cổ là U-ryang-kha-dai (Uriyangqadai), có sách phiên âm là Ngột Lương Hợp Thai hay Ngột Lương Cáp Thai.

3. Có lẽ là chỗ sông Cà Lồ gặp quốc lộ số 2, tức là vùng gần Hương Canh, huyện Bình Xuyên (nay là huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phú).

4. Nguyên văn : “Khuyến để tru dịch thị chiến”. “Tru dịch” 駐蹕 nghĩa là “ở lại dịch trạm”, dùng ở đây không phù hợp. Chúng tôi ngờ rằng đó là hai chữ “trú tât” 駐蹕 có nghĩa là “dừng lại”, “dừng xe, ngựa”, một kiểu nói đối với vua. Chữ tât đã bị chép lầm thành chữ dịch do dạng chữ gần giống nhau.

“Nay thì bệ hạ chỉ đánh một ván dắc túi thôi ! Hãy nên tạm lánh chúng, sao lại có thể dễ dàng tin lời người ta thế !”.

Bấy giờ, vua mới lui quân đóng ở sông Lô¹. Phụ Trần giữ phía sau. Quân giặc bắn loạn xạ, Phụ Trần lấy ván thuyền che cho vua khỏi trúng tên giặc.

Thế giặc rất mạnh, [vua] lại phải lui giữ sông Thiên Mạc². Phụ Trần theo vua bàn những việc cơ mật, rất ít người biết được điều đó.

[22b] Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Thái úy Nhật Hiệu hỏi kế sách (chống giặc). Nhật Hiệu đương dựa mạn thuyền, cứ ngồi chứ không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ “nhập Tống”³ lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu ? (Tinh Cương là quân do Nhật Hiệu chỉ huy). Nhật Hiệu trả lời :

“Không gọi được chúng đến”.

Vua lập tức dời thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ. Thủ Độ trả lời :

“Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác”.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Nhật Hiệu là đại thần cùng họ với vua. Giặc đến, khiếp sợ, hèn nhát, không có kế sách chống giữ, lại còn kiếm cách xui vua mình chạy đi ở nhờ nước khác, thì còn dùng hấn làm tướng làm gì ?

Ngày 24, vua và Thái tử ngự lầu thuyền, tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đón đánh, cả phá được quân giặc. Quân Nguyên chạy trốn về, đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Man [23a] ra tập kích, lại cả phá bọn chúng.

Khi ấy, người Nguyên mới lấy được Văn Nam, bọn du binh⁴ cướp đến, không có ý đánh chiếm, nên bấy giờ người ta gọi chúng là “giặc Phạt”. Giặc rút, ban cho Bổng tước hầu.

Tha tội cho tiểu hiệu Hoàng Cự Đà.

Trước kia có lần vua ban xoài cho những người hầu cận, Cự Đà không được ăn. Đến khi quân Nguyên tới Đông Bộ Đầu, Cự Đà ngồi thuyền nhẹ chạy trốn. Đến Hoàng Giang⁵ gặp hoàng thái tử đi thuyền ngược lên, Đà lánh sang bờ sông bên kia, thuyền chạy rất gấp. Quan quân gọi lớn : “Quân Nguyên ở đâu ?”.

Cự Đà trả lời :

“Không biết, các người đi mà hỏi những ai ăn xoài ấy”.

1. Thời Trần, gọi đoạn sông Hồng từ Bạch Hạc trở xuống là sông Lô.

2. Sông Thiên Mạc : theo *Cương mục* là khúc sông Hồng chảy qua vùng bãi Mạn Trù, nay thuộc xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

3. “Nhập Tống” nghĩa là chạy vào đất Tống. Bấy giờ, nhà Tống còn giữ miền nam Trung Quốc.

4. Du binh : cánh quân nhỏ có nhiệm vụ tuần tra hay đột kích cũng gọi là du kỵ.

5. Khúc sông Hồng ở phía trên Nam Định, khoảng ngã ba Tuần Vương.

Đến đây, thái tử xin khếp Cự Đà vào cực hình để răn những kẻ làm tội bất trung. Vua nói :

“Cự Đà tội đáng giết cả họ, song đời xưa đã có chuyện Dương Châm không được ăn thịt dê, đến nỗi làm quân nước Trịnh bị thua¹. Việc Cự Đà là lỗi ở ta, tha cho hắn tội chết, cho phép hắn đánh giặc chuộc tội”.

Khi vua thân hành thống lĩnh sáu quân [23b] đi chống giặc, quan giữ ấn vôi vàng giấu ấn báu lên rường điện Đại Minh, chỉ đem ấn nội mật đi theo. Giữa đường, ấn ấy lại mất. Giấy tờ trong quân không có ấn. Vua sai thợ khắc gỗ làm ấn. Đến khi xa giá về kinh, lại có người đem dâng con ấn bị mất, ấn báu giấu đi vẫn còn nguyên ở chỗ cũ.

Mậu Ngọ, [Nguyên Phong] năm thứ 8 [1258], (Từ tháng 3 về sau là Thánh Tông Thiệu Long năm thứ 1, Tống Bảo Hựu năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng một, vua ngự chính điện, cho trăm quan vào chầu. Trăm họ yên nghiệp như cũ.

Định công phong tước : cho Lê Phụ Trần làm Ngự sử đại phu ; lại đem công chúa Chiêu Thánh gả cho. Vua nói :

“Trẫm không có Khanh, thì đâu có ngày nay. Khanh hãy cố gắng để cùng được trọn vẹn về sau”.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua tôi nhà Trần coi thường đạo vợ chồng lại thấy ở đây [24a] lần nữa.

Sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống.

Sai Lê Phụ Trần, Chu Bác Lãm sang Nguyên.

Lúc này, sứ Nguyên sang đòi lễ vật hằng năm, đòi tăng thêm tiến cống, lung tung không định. Vua sai Lê Phụ Trần đi sứ, lấy Bác Lãm làm phó. Cuối cùng quy định 3 năm một lần tiến cống, coi là thường lệ.

Tháng 2, ngày 24, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Hoảng, lui ở Bắc Cung.

Thái tử lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Long năm thứ 1. Đại xá. Vua tự xưng là Nhân Hoàng, tôn thượng hoàng là Hiên Nghiêu Thánh Thọ Thái Thượng Hoàng Đế.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Từ sau khi Hạ Vũ truyền ngôi cho con thì cha chết con nối, anh chết em thay, đã thành phép thường mãi mãi.

1. Theo *Tả truyện*, Dương Châm là người đánh xe cho Hoa Nguyên nước Tống. Tống và Trịnh sắp đánh nhau, Hoa Nguyên làm thịt dê cho binh sĩ ăn, nhưng không cho Dương Châm dự. Khi đánh nhau, Dương Châm nói : Thịt dê hôm trước là quyền ở ngài, đánh nhau hôm nay là việc của tôi, rồi đánh xe chạy theo quân Trịnh, nước Tống do vậy bị thua. Chữ “Trịnh” ở *Toàn thư* phải sửa là chữ “Tống”.

Gia pháp họ Trần lại khác thế : con đã lớn [24b] thì cho nối ngôi chính, còn cha lui ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực ra truyền ngôi chỉ để yên việc sau, phòng lúc vội vàng, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định. Vua kế vị không khác gì hoàng thái tử cả. Như vậy thì có hợp đạo không ?

Có lẽ là lấy nghĩa quẻ Càn lui ở phương tây bắc và quẻ Chấn tiến ra phương đông¹. Nhưng chưa đến lúc già nua thì không được lười mỏi. Sao bằng cứ truyền nối như Tam Vương để đúng lẽ thủy chung là hơn cả. Mạnh Tử nói : “Theo phép của Tiên Vương mà làm lỗi thì chưa bao giờ có thể”.

Các quan dâng tôn hiệu là Hiến Thiên Thê Đạo Đại Minh Quang Hiếu Hoàng Đế.

Mùa thu, tháng 8, gió to, đỉnh tháp Báo Thiên rơi xuống.

Lấy con gái thứ năm của Yên Sinh Vương là Thiều làm Thiên Cảm phu nhân. Ít lâu sau, phong làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, hoàng trưởng tử Khâm sinh.

Phong em là Quang Khải làm Chiêu Minh Đại Vương.

[25a] THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Hoàng, con trưởng dòng đích của Thái Tông. Mẹ là Hiền Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu Lý thị, nhân Thái Tông chiêm bao thấy thượng đế trao cho gương báu, hậu có mang. Năm Canh Tý, Thiên Ứng Chính Bình năm thứ 9 (1240) tháng 9, ngày 25, giờ Ngọ sinh, sau đó lập làm hoàng thái tử. Thái Tông băng², liền lên ngôi báu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi, băng ở cung Nhân Thọ, táng ở Dụ Lăng. Vua trung hiếu nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy ! Nhưng ưu du cõi tam muội³, tìm dấu đạo nhất thừa⁴ thì không phải là phép trị nước hay của đế vương.

1. Trong Bát quái, quẻ Càn chỉ cha, quẻ Chấn chỉ con trưởng.

2. Đứng ra là Thái Tông nhường ngôi.

3. Tam muội : (hay Tam ma địa, Tam ma đề...) là phiên âm tiếng Phạn Samādhi, có nghĩa là tập trung tư tưởng cao độ, được coi là thiền định (dhyāna) ở bậc cao. Theo Phật giáo, đạt được phép Tam muội thì lia đứt được mọi tập niệm, tà đoan, tâm linh không còn bị xao động nữa.

4. Nhất thừa : tiếng Phạn là Ekayāna, có nghĩa là “cỗ xe duy nhất”. Phật giáo quan niệm giáo pháp đưa mình là cỗ xe duy nhất có thể chở người ta đến Nát Bàn. Ở đây có nghĩa là giáo lý của nhà Phật.

Kỷ Mùi, Thiệu Long năm thứ 2 [1259], (Tổng Khai Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, phu nhân Trần Thủ Độ là Linh Từ quốc mẫu Trần thị mất.

Trần thị được gọi là quốc mẫu vì đó vốn là hiệu của Ngô phu nhân trước kia, tức là hoàng hậu, [25b] Thái Tông thấy Linh Từ đã từng làm hoàng hậu của Lý Huệ Tông, không nỡ gọi là công chúa, cho nên phong làm quốc mẫu, cũng là biệt danh của hoàng hậu. Xe kiệu, mũ áo, quân hầu của bà đều ngang với hoàng hậu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông là bất chính, sau lấy Trần Thủ Độ là thất tiết. Thế nhưng con gái bà là Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần. Thuận Thiên lại là hoàng hậu của Thái Tông, sinh ra Thánh Tông. Yên Sinh Vương có hiềm khích với Thái Tông, Linh Từ đã điều đình hòa giải, lại tình nghĩa anh em như xưa.

Đến khi người Nguyên tắt đường vào cướp, kinh thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang, giữ gìn hoàng thái tử, cung phi, công chúa và vợ con các tướng soái thoát khỏi giặc cướp, lại khám xét thuyền các nhà có chứa giấu quân khí đều đưa dùng vào việc quân. Công của bà giúp nhà Trần trong việc nội trị thì nhiều mà phần báo đáp nhà Lý thì [26a] không được bằng. Thế mới biết trời sinh Linh Từ là để mở nghiệp nhà Trần. Việc thì giống như Đò Sơn dấy nhà Hạ¹, mà đức thì không giống. Đạo biến của trời như thế đấy, huyền vi thay !

Mùa hạ, tháng 6, cho Nguyễn Giới Huân làm Đại hành khiển, Thượng thư tả phụ, Lê Phụ Trần làm Thủy quân đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, bãi yết sơn lăng. Đặt quan sơn lăng và phong cung tần của tiên đế để thờ phụng.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Hưng Thiên.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, Thượng hoàng ngự Bắc Cung (tức cung Thánh Từ), các quan đến châu mừng.

Canh Thân, [Thiệu Long] năm thứ 3 [1260], (Tổng Cảnh Định năm thứ

1. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt² Trung Thống năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 1 Mậu Thìn, nhật thực.

Ngày 25, mặt trời có hai quãng, quãng bên trong có sắc vàng.

Tân Dậu, [Thiệu Long] năm thứ 4 [1261], (Tổng Cảnh Định năm thứ 2, Nguyên Trung Thống năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, chọn đình tráng các lộ

1. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Đại Vũ thay Côn trị thủy, đến Đò Sơn, gặp người con gái biến thành con cáo trắng 9 đuôi. Vũ lấy người đó. Người con gái Đò Sơn đã giúp Vũ hoàn thành công việc trị thủy. Sau Vũ được vua Thuấn truyền ngôi, trở thành ông vua đầu tiên của nhà Hạ.

2. Tên Mông Cổ là Khu-bi-lai (Qubilai), thư tịch Trung Quốc phiên âm là Hốt Tất Liệt hay Hốt Tất Lai. Hốt Tất Liệt lên ngôi năm 1260, miếu hiệu là Nguyên Thế Tổ, niên hiệu là Trung Thống.

làm lính. [26b] còn thì sung làm sắc dịch các sảnh, viện, cục và đội tuyển phong các phủ, lộ, huyện.

Thi lại viên bằng viết chữ và làm tỉnh. Người đỗ sung làm duyên lại nội lệnh sử. Các ty thái y, thái chúc, khảo thi những người tinh thông nghề mình để bổ các chức.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Nguyên sai Lễ bộ lang trung Mạnh Giáp, Viên ngoại lang Lý Văn Tuấn, đưa thư sang dụ.

(Thư đại lược nói : Quan liêu sĩ thứ An Nam, phạm các việc mũ áo, lễ nhạc, phong tục đều căn cứ theo lệ cũ của nước mình, không phải thay đổi. Huống chi, nước Cao Ly mới rồi sai sứ sang xem, đã xuống chiếu cho hết thầy đều theo lệ ấy. Ngoài ra đã răn bảo biên tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem quân lấn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu nhân dân. Quan liêu sĩ thứ nước người hãy yên ổn làm ăn như cũ)¹.

Đãi yến bọn Mạnh Giáp ở cung Thanh Từ.

Sai Thông thị đại phu Trần Phụng Công, Chư vệ ký ban Nguyễn Thám, Viên ngoại lang Nguyễn Diễn mang thư sang Nguyên thông hiểu.

Nhà Nguyên phong vua làm An Nam Quốc Vương, ban cho 3 tấm gấm tây, 6 tấm gấm kim thực.

Cho Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Thái úy. Bấy giờ, anh vua [27a] là Quốc Khang tuổi lớn hơn, nhưng tài năng tầm thường, nên phong Quang Khải làm tướng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Theo quy chế nhà Trần, các vương hầu đều ở phủ đệ nơi hương ấp của mình, khi châu hầu thì đến kinh đô, xong việc lại về phủ đệ. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Chấn ở Chí Linh đều thế cả. Đến khi vào triều làm tể tướng, mới thông lĩnh việc nước. Nhưng cũng chỉ nắm đại cương thôi, còn quyền thì thuộc về hành khiển. Người khinh lại thành trọng, người trọng lại thành khinh, mà không phải lo thêm một tăng công việc, cũng là có ý bao toàn vậy. Vả lại, như năm Đinh Ty đời Nguyên Phong, giặc Nguyên sang cướp, các vương hầu cũng đem gia đồng và hướng binh hỗ hào làm quân cần vương. Trong sự biến đời Đại Định² lại đem người thôn trang sắm sửa nghi trượng đi đón vua, đó cũng làm vững cái thế "duy thành"³ vậy.

1. Đây là nội dung tóm tắt từ chiếu thư của Hốt Tất Liệt. Nguyên văn xem *An Nam chí lược*, quyển 2, phần *Đại Nguyên chiếu chế*.
2. Bản khắc *Toàn thư* đã khắc nhầm chữ *Đại* 大 thành chữ *Thiên* 天. Đại Định là niên hiệu của Dương Nhật Lễ. Dương Nhật Lễ là con người phương chèo, cướp ngôi nhà Trần (1369), các vương hầu tôn thất nhà Trần đem quân đàn các nơi đón Trần Phủ (Trần Nghệ Tông) từ trần Đà Giang về kinh đô giành lại ngôi vua cho nhà Trần.
3. *Thị Kinh*, *Tiểu nhâ* có câu : "Tống Tử duy thành" thường được hiểu với ý nghĩa là người tôn thất như bức thành bảo vệ triều đình, ý nói vương hầu tôn thất nhà Trần là bức tường thành bảo vệ ngai vàng vua Trần.

[27b] **Nhâm Tuất**, [*Thiệu Long*] năm thứ 5 [1262], (Tổng Cảnh Định năm thứ 3, Nguyên Trung Thống năm thứ 3. Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi, trở lên, mỗi người được ban tước hai tư¹, dân bà được hai tấm lụa.

Đôi hương Tức Mặc làm phủ Thiên Trường, cung gọi là Trùng Quang. Lại xây riêng một khu cung khác cho vua nối ngôi ngự khi về châu, gọi là cung Trùng Hoa. Lại làm chùa ở phía tây cung Trùng Quang gọi là chùa Phổ Minh. Từ đó về sau, các vua nhường ngôi đều ngự ở cung này. Do đó, đặt sắc dịch hai cung để hầu hạ, lại đặt quan lưu thủ để trông coi.

Tháng 3, xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí, chiến thuyền. Quân thủy, lục tập trận ở chín bãi phù sa sông Bạch Hạc².

Mùa thu, tháng 9, soát tù, kẻ nào khi giặc Bắc sang mà đầu hàng quân Nguyên thì không tha.

Chiêm Thành sang cống.

Mùa đông, tháng 11, nước Nguyên sai bọn Mã Hợp Bộ³ 10 người sang hỏi về lễ khánh hạ.

Tháng 12, [28a] mưa gió to.

Quý Hợi, [*Thiệu Long*] năm thứ 6 [1263], (Tổng Cảnh Định năm thứ 4, Nguyên Trung Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, sai Điện tiền chỉ huy sứ Phạm Cư Địa và Trần Kiều sang Nguyên. Vua Nguyên xuống chiếu ưu đãi, cho 3 năm một lần cống.

Tháng 2, mưa đá.

Tháng 3, sét đánh điện Thiên An.

Mùa hạ, tháng 4, cho Lê Cư làm trại chủ Thanh Hóa.

Mùa thu, tháng 7, Thủ Độ đi tuần các nguồn sông ở Lạng Sơn.

Tháng 9, có bệnh dịch.

Mùa đông, tháng 12, gió lớn, mưa to.

Thỏ quan phủ Tư Minh⁴ nước Tống là Hoành Bính dâng sản vật địa phương và đem 1.200 bộ thuộc sang quy phụ.

Giáp Tý [*Thiệu Long*] năm thứ 7 [1264], (Tổng Cảnh Định năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Thái sư Trần Thủ Độ chết (thọ 71 tuổi), truy tặng Thượng phụ Thái sư Trung Vũ Đại Vương.

1. Quan chức đời xưa, mỗi cấp bậc chia làm nhiều tư, đủ số tư nhất định thì thăng 1 cấp.

2. Nguyên văn: "Bạch Hạc giang cừ phù sa", chưa rõ nghĩa, tạm dịch như trên.

3. *Mã Hợp Bộ*: là phiên âm của Mahmud (Ma-hơ-mút), một tín đồ Hồi giáo làm quan cho Hốt Tất Liệt.

4. Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng tài lược [28b] hơn người, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn. Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông cả. Vì thế ông được nhà nước dựa cậy, quyền át cả vua.

Bấy giờ có kẻ đàn hặc ông, vào gặp Thái Tông, khóc mà nói rằng :

“Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao ?”.

Thái Tông lập tức lệnh xe ngự đến dinh Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc ấy đem theo, và nói hết những lời người ấy cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời : “Đúng như những lời hấn nói”.

Rồi lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy.

Linh Từ quốc mẫu có lần ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại, về dinh khóc báo Thủ Độ :

“Mụ này làm vợ ông, mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế”.

Thủ Độ tức giận, sai đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc là phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực trả lời. Thủ Độ nói : “Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa”. Lấy vàng lụa thưởng cho rồi cho về.

[29a] Thủ Độ có lần duyệt định số hộ khẩu, quốc mẫu xin riêng cho một người làm câu dương¹. Thủ Độ gật đầu, rồi ghi họ tên quê quán của người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, hỏi tên mõ ở đâu, người đó mừng rỡ chạy đến, Thủ Độ bảo hấn :

“Người vì có công chúa xin cho được làm câu dương, không thể ví như những câu dương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác”.

Người đó kêu van xin thôi mãi mới tha cho. Từ đó không ai dám đến thăm vì việc riêng nữa.

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm tể tướng. Thủ Độ tâu :

“An Quốc là anh thần, nếu cho là giỏi hơn thần thì thần xin trí sĩ, nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tể tướng cả thì việc triều đình sẽ ra làm sao ?”.

Vua bèn thôi.

Thủ Độ tuy làm tể tướng, nhưng mọi việc không việc gì không để ý. Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc mất. Thái Tông [29b] có làm bài văn bia ở sinh từ để tỏ lòng đặc biệt quý mến ông. Thế

1. Câu dương : chức dịch trong xã, giữ việc bắt bớ, giải tống.

nhưng cái tội giết vua và thông dâm với hoàng hậu thì khó lẩn tránh với đời sau vậy.

Tháng 2, sao Chổi hiện ở phương đông bắc.

Tháng 3, lấy Khâm Thiên Đại Vương Nhật Hiệu làm Tướng quốc thái úy, nắm chung việc nước.

Bấy giờ, vua cho Nhật Hiệu làm Thái sư, nhưng Nhật Hiệu cố ý từ chối không nhận vì xấu hổ về việc viết chữ lên mạn thuyền. Vua tuy cho ông không nhận chức Thái sư, nhưng lại ban thêm hai chữ “Tướng quốc”, thành “Tướng quốc thái úy”.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 6, Thượng hoàng ban yến cho các quan ở điện Diên Hiên. Yến chưa xong, bỗng có sao Chổi xuất hiện ở phương đông bắc, đuôi dài suốt trời. Thượng hoàng ra xem và bảo :

“Ta xem sao Chổi này rất sáng, mà đuôi rất dài, không phải là tai họa của nước ta”.

Lệnh cứ dự xong yến.

Tháng 10, mùa đông năm ấy, vua Tống băng.

Ất Sửu, [*Thiệu Long*] năm thứ 8 [1265], (Tống Độ Tông Cơ, Hàm Thuần năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, nước Chiêm Thành sai sứ [30a] sang cống.

Tháng 3, đổi Bình bạc ty ở Kinh sư làm Đại an phủ sứ.

Theo chế độ trước, An phủ sứ qua trị nhậm các lộ, đủ lệ khảo duyệt thì vào làm An phủ sứ phủ Thiên Trường, lại đủ lệ khảo duyệt nữa thì bỏ làm việc ở Thẩm hình viện, rồi mới được làm An phủ sứ Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to, vỡ ở phường Cơ Xá. Người và súc vật bị chết đuối nhiều.

Đại xá.

Hoàng tử Đức Việp sinh.

Bính Dần, [*Thiệu Long*] năm thứ 9 [1266], (Tống Hàm Thuần năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, sứ thần Chiêm Thành là Bồ Tinh, Bồ Hoảng, Bồ Đột đến cống.

Tháng 2, nhà Nguyên sai Nậu Lạt Đinh¹ sang bảo :

“Trước kia, ta đã sai sứ sang thông hiếu, kẻ thừa hành u mê không cho sứ trở về² do đó ta mới có việc dụng binh năm trước”³.

1. *Nậu Lạt Đinh* là phiên âm từ Nu-rát-din (Nurad-Din), một tín đồ Hồi giáo làm quan cho nhà Nguyên, *Nguyên sử* phiên âm là Nột Lạt Đinh.
2. Trước lần xâm lược Đại Việt năm 1258, nhà Nguyên sai sứ sang dọa nạt, yêu sách. Nhà Trần đã bắt giam bọn chúng.
3. Chỉ lần tiến quân xâm lược Đại Việt năm 1258 của quân Nguyên do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy.

Vua sai Dương An Dương và Vũ Hoàn sang Nguyên đáp lễ.

Tháng 3, mở khoa thi chọn học trò. Ban đồ kinh trạng nguyên Trần Cố, trại trạng nguyên Bạch Liêu ; bảng nhãn (khuyết tên họ) ; thám hoa lang Hạ Nghi ; thái học sinh [30b] 47 người, xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Liêu người Nghệ An, tính thông minh nhớ lâu, đọc sách ngàn dòng một mạch. Bảy giờ, thượng tướng Quang Khải coi Nghệ An, Liêu chỉ làm môn khách mà không làm quan.

Tháng 2, thủy quân lộ Đông Hải đi tuần biên giới đến núi Ô Lôi do đó biết được kỳ hạn quân Nguyên sang xâm lược.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp làm nô tỳ để khai khẩn ruộng bỏ hoang, lập thành điền trang. Vương hầu có trang thực bắt đầu từ đây.

Đinh Mão [*Thiệu Long*] năm thứ 10 [1267] (Tống Hà Thuần năm thứ 3, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 3, định ngọc điệp¹ phải chính dòng họ vua của vương hầu, công chúa để phong ấp, gọi là "kim chi ngọc điệp"². Cháu 3 đời được phong tước hầu hay quận vương, cháu 4 đời được ban tước minh tự, cháu 5 đời ban tước thượng phẩm [31a]. Tước phong theo ngũ phục đồ³.

Mùa hạ, tháng 4, chọn dùng nho sinh hay chữ sung vào quán, các, sảnh, viện.

Bảy giờ Đặng Kế làm Hàn lâm viện học sĩ, Đỗ Quốc Tá làm Trung thư sảnh trung thư lệnh, đều là nho sĩ văn học.

Theo chế độ cũ, không phải là nội nhân (hoạn quan) thì không được làm hành khiển, chưa bao giờ dùng nho sĩ văn học. Bắt đầu từ đây, nho sĩ văn học mới được giữ quyền bính.

Tháng 5, phong em là Ích Tắc làm Chiêu Quốc Vương,

Ích Tắc là con thứ của Thượng hoàng, thông minh hiểu học, thông hiểu lịch sử, lục nghệ, văn chương nhất đời. Dù nghề vật như đá cầu, đánh cờ, không nghề gì không tinh thạo ; từng mở học đường ở bên hữu phủ đệ, tập hợp văn sĩ bốn phương cho học tập, cấp cho ăn mặc, đào tạo thành tài, như bọn Mạc Đĩnh Chi ở Bàng Hà, Bùi Phóng ở Hồng Châu v.v... gồm 20 người, đều được dùng cho đời.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, [31b] chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để chỉ huy.

Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn Vương.

1. Phả hệ của Hoàng gia gọi là "ngọc điệp".

2. Cành vàng lá ngọc, chỉ dòng dõi quyền quý. Ở đây là dòng dõi nhà vua.

3. Tức là đồ dẫn về tang phục theo 5 bậc, ứng với quan hệ gần xa đối với người chết.

Bọn Dương An Dương từ nước Nguyên trở về, mang theo luôn lễ vật của vua Nguyên đáp lại ¹.

Mậu Thìn [*Thiệu Long*] năm thứ 11 [1268], (Tống Hàm Thuận năm thứ 4, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, vua từng nói với các tôn thất rằng :

“Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc”.

Đến đây, xuống chiếu cho các vương hầu tôn thất, khi bãi triều thì vào trong điện và lan đình. Vua cùng ăn uống với họ. Hôm nào trời tối không về được thì xếp gối dài, trải chăn rộng, kê giường liền cùng ngủ với nhau để tỏ hết lòng yêu quý nhau.

[32a] Còn như trong các lễ lớn như triều hạ, tiếp tân, yến tiệc thì phân biệt rõ ngôi thứ, cấp bậc cao thấp. Vì thế, các vương hầu thời ấy không ai là không hòa thuận, kính sợ và cũng không ai phạm lỗi khinh nhờn, kiêu căng.

Mùa hạ, tháng 6, đại hạn.

Ngoại thích là Lý Cát phạm tội ngồi vào ngai vua ở điện Thiên An. Khi xét hỏi trị tội thấy hắn có chứng diên, bèn đánh trượng rồi tha.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Tướng quốc thái úy Nhật Hiệu chết, thọ 44 tuổi, truy tặng Tướng quốc thái sư.

Mùa đông, tháng 10, vua cùng anh là Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang cùng vui đùa trước mặt Thượng hoàng. Thượng hoàng lúc bấy giờ mặc áo vải bông trắng. Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ, Thượng hoàng cởi áo ban cho Quốc Khang. Vua cũng múa điệu múa của người Hồ để xin chiếc áo ấy. Quốc Khang nói :

“Cái quý nhất là ngôi hoàng đế, hạ thần còn không tranh với chú hai. Nay đức chỉ tôn ban cho thần một vật nhỏ mọn này mà chú hai cũng định cướp lấy chẳng ?”.

Thượng hoàng cả cười nói : “Thế ra mày coi ngôi vua [32b] với cái áo xoàng này chẳng hơn kém gì nhau”.

Khen ngợi hồi lâu rồi [thượng hoàng] cho Tĩnh Quốc chiếc áo ấy. Trong chỗ cha con, anh em họ hòa thuận vui vẻ như vậy đấy.

1. *Nguyên sử*, q. 209 chép việc này vào tháng 9 năm Chí Nguyên năm thứ 4 (1267).

Đổi to.

Kỷ tỵ [*Thiệu Long*] năm thứ 12 [1269], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 5, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 5, đất nứt, sao băng.

Tháng 6, hạn hán. Soát tù. Có mưa. Đến tháng 7, mùa thu, dân mới cấy được.

Tháng 8, nước to.

Tháng 9, phong Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang làm Vọng Giang phiêu kỵ đô thượng tướng quân.

Mùa đông, tháng 10, được mùa nhỏ.

Tháng 12, sứ Nguyên Lung Hải Nha¹ sang dụ về việc biên giới. Vua sai Lê Đà, Đinh Cung Viên sang Nguyên.

Canh Ngọ [*Thiệu Long*] năm thứ 13 [1270], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 6, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, Tĩnh Quốc đại vương Quốc Khang dựng phủ đệ ở Diễn Châu, hành lang, điện vũ bao quanh, tráng lệ khác thường. Vua nghe tin, sai người đến [33a] xem. Tĩnh Quốc sợ, mới tạc tượng Phật để ở đó (nay là chùa Thông).

Mùa hạ tháng 4, Chiêm Thành sang cống.

Mùa thu, tháng 7, nước to. Các đường phố ở kinh đô phần nhiều phải đi lại bằng thuyền bè.

Tháng 9, vua ngự đến hành cung Thiên Trường.

Tân Mùi [*Thiệu Long*] năm thứ 14 [1271], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 7, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, soát tù.

Tháng 2, ngày mồng 1, động đất.

Tháng 3, phong Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Tướng quốc thái úy, nắm giữ việc nước.

Năm ấy, Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ sang dụ vua vào châu. Vua lấy cơ có bệnh từ chối không đi.

Nhâm Thân [*Thiệu Long*] năm thứ 15 [1272], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 8, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu Lê Văn Hưu vâng sắc chỉ soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* từ Triệu Vũ [33b] để đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển, dâng lên. Vua xuống chiếu khen ngợi.

1. Tức Hốt Lung Hải Nha trong *Nguyên sử*, phiên âm từ tiếng Mông Cổ Khu-rung Kha-ya (Qurung-Qaya).

Mùa hạ, tháng 4, sứ Nguyên Ngột Lương¹ sang dụ, hỏi giới hạn cột đồng cũ. Vua sai Viên ngoại lang Lê Kính Phu đi hội khám. [Phu] trở về nói rằng, cột đồng Mã Viện dựng lâu năm đã bị mai một, không còn tung tích gì nữa.

Tháng 6, ngày 23, giờ Mùi, mặt trời rung động.

Sai Đồng Tử Dã, Đỗ Mộc sang Nguyên².

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư nghiệp Quốc tử giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của tứ thư, ngũ kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách.

Quý Dậu, Báo Phù năm thứ 1 [1273], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 9, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, đổi niên hiệu.

Tháng 3, ngày 19, sét đánh 7 chỗ ngoài cửa Đại Hưng.

Mùa đông, tháng 11, cho Nhân Túc Vương Toàn làm Nhập nội phán đại tông chính phủ đại tông chính.

[34a] Giáp Tuất, Báo Phù năm thứ 2 [1274], (Tổng Hàm Thuần năm thứ 10, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 11). Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, người Tống sang quy phụ.

(Trước đó, nước Tống ở mé Giang Nam, người Nguyên thường hay lấn đánh. Đến đây, họ đem 30 chiếc thuyền biển chở đầy của cải và vợ con, vượt biển đến La Cát Nguyên. Đến tháng 12, dẫn về kinh, an trí ở phường Nhai Tuân, họ tự xưng là người Hồi Kê³. Người nước ta gọi người Tống là Kê quốc, vì người Tống có các hàng vải lụa, dược phẩm, bày hàng mở chợ buôn bán riêng).

Tháng 12, sách phong hoàng trưởng tử Khâm làm hoàng thái tử, lấy con gái trưởng của Hưng Đạo Vương làm phi cho thái tử.

Chọn người nho học có đức hạnh trong thiên hạ vào hầu Đông cung⁴.

1. Phiên âm từ tiếng Mông Cổ U-ryang (Uriyang).

2. Nguyên văn chép: "Khiến Đồng Tử Đỗ Dã Mộc như Nguyên". Có người hiểu là sai đồng tử (tức trẻ con) tên là Đỗ Dã Mộc sang Nguyên (*Bản dịch cũ* q. II, 1971, tr. 42 và tr. 290). Nhưng *An Nam chí lược* q. 14, chép rõ: "Sai đại phụ Đồng Tử Dã, Đỗ Mộc cống". Nguyên sử q. 209 cũng chép việc Đồng Tử Dã và Lê Văn An vào cống năm Chí Nguyên thứ 11 (1274). Như vậy Đồng Tử Dã là tên người và được chép đúng. Ở đây, *Toàn thư* đã chép lẫn lộn tên hai người. Phải sửa cho đúng là: "Sai Đồng Tử Dã và Đỗ Mộc sang Nguyên".

3. Lời chú *Bản dịch cũ* (q. II, 1971, tr. 209) ngờ rằng tên Hồi Kê 回鶻 là Hồi Cốt 回鶻. Hồi Cốt hay Hồi Hột, Hồi Hoát là dân tộc Uigur ở Tân Cương. Chắc người Tống nhận mình là người Hồi Hột để tránh quân Nguyên.

4. Tức thái tử.

Lấy Lê Phụ Trần làm Thiếu sư, kiêm Trừ cung giáo thụ¹. Lấy bọn Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Sĩ Cổ sung Nội thị học sĩ (Phụ Trần người Ái Châu). Vua tự làm thơ để dạy hoàng tử và viết *Di hậu lục* 2 quyển.

Ất Hợi, [*Bảo Phù*] năm thứ 3 [1275], (Tổng Cung Đế Hiền Đức Hựu năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, mở khoa thi chọn học trò. [34b] Ban đỗ trạng nguyên Đào Tiều; bảng nhãn (khuyết họ tên); thám hoa lang Quách Nhấn; thái học sinh 27 người, xuất thân có thứ bậc khác nhau.

Hai khoa Bính Thìn, Bính Dần trước kia có chia kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên, đến nay lại hợp nhất.

Mùa hạ, tháng 6, ngày Canh Tý mồng 1, nhật thực, mặt trời bị che hết².

Mùa đông tháng 11, tướng thần ở biên giới phía bắc chạy trạm tâu báo người Nguyên đi tuần biên giới, xem xét địa thế.

Sai Lê Khắc Phục và Lê Túy Kim sang Nguyên³.

Bính Tý, [*Bảo Phù*] năm thứ 4 [1276], (Tổng Đức Hựu năm thứ 2, từ tháng 5 về sau là Tổng Đoan Tông Cảnh Viêm năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 13). Mùa xuân tháng 2, sai Đào Thế Quang sang Long Châu mượn cơ đi mua thuốc để thăm dò tình hình người Nguyên.

Tháng 3, trong mặt trời có chấm đen to bằng quả trứng gà, lay động hồi lâu. Có hai ngôi sao đấu nhau ở giữa trời, một ngôi sa xuống.

Mùa hạ, tháng 4, Nguyên Thế Tổ đánh Giang Nam, sai Hợp Tán Nhi Hải Nha⁴ [35a] sang dụ 6 việc như điều dân, giúp quân v.v... Vua đều không nghe.

Mùa thu tháng 9, ngày 17, hoàng trưởng tôn Thuyên sinh, lập làm hoàng thái tôn, ít lâu sau lập làm Đông cung hoàng thái tử.

Đinh Sửu, [*Bảo Phù*] năm thứ 5 [1277], (Tổng Cảnh Viêm năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, vua thân chinh đánh người Man, Lào ở động Năm Bà La⁵, bắt sống bộ đảng hơn 1.000 người giải về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, Thượng hoàng băng ở cung Vạn Thọ.

1. Trừ cung: cũng là thái tử. Trừ cung giáo thụ là chức thầy học của thái tử.

2. Tức nhật thực toàn phần.

3. *An Nam chí lược* chép: "... sai đại phu Lê Khắc Phục, Lê Văn Túy đi cống". *Nguyên sử* chép: "... sai Lê Khắc Phục, Văn Túy vào cống". Lê Túy Kim chắc là Lê Văn Túy.

4. Tức Kha-xa Kha-y-a (Qasar Qaya), tên này được Hốt Tất Liệt cử làm Đạt lỗ hoa xích ở Đại Việt từ tháng 3 năm 1275, *Toàn thư* chép lầm 1 năm. Yêu sách 6 điểm của Hốt Tất Liệt là: quân trưởng phải vào châu, con em phải làm con tìn, kê sổ hộ khẩu, thu nộp thuế má, điều động dân giúp việc binh, đặt chức Đạt lỗ hoa xích để thống trị (Theo *An Nam chí lược* q.2, *Đại Nguyên chiếu chế*).

5. CMCB7 chú là động Man ở phủ lộ Bồ Chính, tức vùng Quảng Bình ngày nay.

Trước đó, Thượng hoàng đến ngự đường, bỗng thấy con rết bò trên áo ngự. Thượng hoàng sợ, lấy tay phải nó rơi đánh "keng" xuống đất, nhìn xem thì hóa ra cái đinh sắt, đoán là điềm năm Đinh.

Lại có lần đùa sai Minh tự Nguyễn Mặc Lão dùng phép nội quan nghiệm xem điềm lành hay điềm dữ. Hôm sau Mặc Lão tâu : "Thấy một chiếc hòm vuông, bốn mặt đều có [35b] chữ "nguyệt", trên hòm có một cái kim, một chiếc lược".

Thượng hoàng lại đoán : "Hòm tức là quan tài, chữ "nguyệt" (tháng) ở bốn bên tức là tháng 4, cái kim có thể cắm vào vật gì, tức là nhập vào quan tài, chữ "sơ" là chiếc lược, đồng âm với "sơ" là xa, tức là sẽ xa rời các người".

Lại lúc ấy đương có trò múa rối, thường có câu : "Mau đến ngày mùng 1 thay phiên". Thượng hoàng lại đoán : "Thế là ngày mùng 1 ta chết".

Năm trước, có một hôm thượng hoàng chợt bảo tả hữu : "Tháng 4 sang năm ta tất chết". Đến nay, quả như vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Điềm lành hay tai họa, chỉ có người thành tâm mới có thể biết trước được. Vì thế, Đại truyện trong *Kinh Dịch* có nói : "Hình dung sự vật thì biết được vật thực, chiêm đoán sự vật thì biết được tương lai". Nhưng tất là phải sau khi đã suy xét trong lòng, nghiền ngẫm trong óc. Thái Tông biết được việc tương lai là chiêm đoán sự vật đấy. Nhưng nếu không phải là người lý sáng, lòng thành, mà cứ thấy việc là phỏng đoán mò để rồi khẳng định, thì chưa bao giờ không chuốc lấy tai họa về sau. [36a]. Đó là chỗ khác nhau giữa cái học sấm ký thuật số với cái học thánh hiền chẳng ?

Tháng 5, nước to. Đất nứt sâu 7 trượng (chưa rõ chỗ nào), súc vật, tôm cá chết nhiều.

Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 4, táng [thượng hoàng] ở Chiêu Lăng, miếu hiệu là Thái Tông, tên thụy là Thống Thiên Ngự Cực Long Công Mậu Đức Hiền Hòa Hựu Thuận Thần Văn Thánh Võ Nguyên Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Dụ Tông có thơ ca ngợi Thái Tông :

Đường Việt khai cơ lưỡng Thái Tông,

Bỉ xưng Trinh Quán ngã Nguyên Phong.

Kiến Thành tru tử Yên Sinh tại,

Miếu hiệu tuy đồng đức bất đồng.

(Sáng nghiệp Việt Đường hai Thái Tông,

Kia xưng Trinh Quán, ta Nguyên Phong.

Kiến Thành¹ bị giết, Yên Sinh² sống,
Miếu hiệu như nhau, đức chẳng đồng).

Đức của Thái Tông sở dĩ được thế, tuy tám lòng hiếu dễ bắt nguồn từ tính trời, nhưng cũng do Linh Từ quốc mẫu điều đình [36b] hòa giải. Việc cướp vợ của anh cũng do ở Linh Từ và Thủ Độ. Thế là Thái Tông mắc vào tội lỗi là do người dẫn lối, mà ả nhân để trợn nghĩa anh em cũng lại là do người dẫn lối. Đó là vì tuy có tư chất tốt đẹp trời phú cho, nhưng chưa có học thức. Đến khi tuổi cao, lý lẽ sáng tỏ, đạo đức tăng tiến, thì phải chăng điều đó có được là từ thánh học³ ?

Hôm Thượng hoàng băng, công chúa Thiệu Dương (con gái thứ của Thượng hoàng tên là Thủy) đương ở cữ, bỗng nghe tiếng chuông liên hồi, mới hỏi : “Có thể nào không phải là tin dữ chẳng ?”.

Những người hầu bên cạnh nói dối, nhưng công chúa không nghe, cứ thương khóc, kêu gào, mắt nhắm nghiền rồi mất.

Trước đó, Thượng hoàng không khỏe. Lúc ấy công chúa đã lấy thương vị Văn Hưng hầu (khuyết danh), công chúa nhiều lần sai người đến thăm hỏi, những người hầu cạnh đều trả lời là Thượng hoàng đã bình phục, không việc gì. Đến khi nghe tiếng chuông, thương khóc kêu gào mãi rồi mất. Người trong nước ai cũng thương.

Bấy giờ Uy Văn Vương [37a] Toại lấy con gái của Thượng hoàng là công chúa Thụy Bảo. Toại ham học, hay thơ, có câu :

*Pha lạp ngũ hồ vịnh bội án,
Tang ma tế dã thắng phong hầu :*
(Tơi nón năm bờ hơn giữ án,
Dâu gai đầy nội vượt phong hầu),

[Toại] tự hiệu là Sầm Lâu, có *Sầm Lâu tập* lưu hành ở đời.

Vua từng hỏi ông nghĩa chữ “Quan gia”. Ông đáp :

“Năm đời đế lấy thiên hạ làm của công (quan), ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà (gia) nên gọi là quan gia”.

1. Thái Tông nhà Đường tên là Lý Thế Dân, sau khi cha là Lý Cao Tổ chết, Thế Dân đem quân phục ở cửa Huyền Vũ, giết hai người anh là Kiến Thành và Nguyên Cát để đoạt ngôi vua.
2. *Yên Sinh* : là thực ấp của Trần Liễu, sau khi Liễu nổi loạn chống lại Trần Thái Tông. Khi Trần Liễu chết, được truy phong tước vương, nhân đất phong mà gọi là Yên Sinh Vương.
3. Chỉ Không giáo hay Nho giáo.

Vua khen ông kiến thức rộng. Không may chết sớm (24 tuổi), người trong nước ai cũng thương tiếc.

Mậu Dân, [Báo Phù] năm thứ 6 [1278], (Tổng Cảnh Viêm năm thứ 3, từ tháng 5 về sau là Đế Bính Tường Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, dân chết nhiều vì bệnh đậu mùa.

Hồi đó, nhà dân ở kinh thành thường bị cháy về ban đêm. Vua ra ngoài thành xem chữa cháy, Nội thư gia Đoàn Khung đi theo. Vua sai điểm xem người nào đến chữa cháy và kiểm xem ai đến trước. Khung ấn đầu từng người một bảo ngồi xuống để đếm, đếm xong tâu rõ người nào đến trước, người nào đến sau.

Vua hỏi : “Tại sao mà biết ?”.

Khung trả lời : “Thần ấn đầu người nào mà thấy mồ hôi thấm tóc và có tro bụi bám [37b] vào thì đó là những người đến trước và cố sức chữa, người nào đầu tóc không có mồ hôi mà tro bụi bay rơi là người đến sau không kịp chữa, vì thế mà biết”. Vua cho là giỏi, có ý cất nhắc để dùng.

(Thời Anh Tông, Khung làm kiểm pháp quan, khi xét án, hễ Anh Tông hỏi về diễn lệ cũ, Khung đều dẫn được án cũ làm chứng, có khi dẫn nhiều đến 5, 6 án. Anh Tông khen Khung thông minh, nhớ lâu).

Phong con thứ là Đức Việp làm Tá Thiên Đại Vương.

Tháng 3, phu nhân Lê Phụ Trần là công chúa Chiêu Thánh Lý thị mất.

Công chúa lấy Phụ Trần hơn 20 năm, sinh con trai là thượng vị hầu Tông, con gái là Ưng Thụy công chúa Khuê. Đến nay 61 tuổi thì mất.

Mùa hạ, lúa mất mùa.

Tháng 6, có ngôi sao lớn sa về phương nam rơi xuống biển, hơn ngàn ngôi sao nhỏ rơi theo, tiếng kêu như sấm đến vài khắc mới hết.

Mùa thu, tháng 8, động đất 3 lần, nhiều súc vật chết.

Mùa đông, tháng 10, ngày 22, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Khâm.

[38a] Khâm lên ngôi Hoàng đế, xưng là Hiếu Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Từ Hiếu Thái Thượng Hoàng Đế, tôn Thiên Cảm hoàng hậu làm Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái Hậu. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Pháp Thiên Ngực Cực Anh Liệt Vũ Thánh Minh Nhân Hoàng Đế.

Vua Nguyên nghe tin Thái Tông băng, có ý mưu tính nước ta, sai Lễ bộ thượng thư Sài Xuân¹ (tức Sài Trang Hương) sang ta.

Bấy giờ sứ nước ta là Lê Khắc Phục đang trở về, gặp quân Nguyên đánh nước Tống, liền theo đường Hồ Quảng mà về nước, Xuân cùng đi với Khắc Phục sang ta. [Nhà Nguyên] lấy cơ vua không xin mệnh mà tự lập, dụ bảo phải sang châu. Vua không nghe, sai Trịnh Đình Toàn, Đỗ Quốc Kế sang Nguyên. Nguyên giữ Đình Toàn không cho về².

NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ Nguyên Phong năm thứ 8, tháng 11, ngày 11, được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung³ đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên [38b] đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen, cho nên có thể cang đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh Phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.

Kỷ Mão, [Thiệu Bảo] năm thứ 1 [1279], (Tống Tương Hưng năm thứ 2, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, đổi niên hiệu, đại xá.

Chiêm Thành sai Chế Năng, Tra Diệp sang cống. Bọn Chế Năng xin ở lại làm nội thần, vua không nhận.

Lập bà phi Trần thị làm hoàng hậu.

1. Nguyên sử chép là Sài Thung, hai chữ Thung 椿 và Xuân 椿 gần giống như nhau nên dễ lẫn. Trước đây, các sử bộ của Đại Việt và Mông Cổ đều đi qua đường Côn Minh (Vân Nam). Lần này, bọn Sài Thung đi thẳng từ Giang Lăng (Hồ Bắc), qua Ung Châu (Quảng Tây) để vào nước ta, nên Toàn thư mới nói là đi theo đường Hồ Quảng về nước.
2. Nguyên sử chép là Trịnh Quốc Toàn.
3. Thượng hoàng Thái Tông và vua Thánh Tông.

Người Nguyên đánh úp quân Tống ở Nhai Sơn¹. Quân Tống thua, Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu công vua Tống nhảy xuống biển chết. Hậu cung và các quan chết theo rất nhiều. Qua 7 ngày có đến hơn 10 vạn xác chết nổi lên mặt biển. Xác vua Tống cũng ở trong số đó. Thế là ứng điềm sao sa xuống biển. Năm ấy nhà Tống mất.

[39a] *Sử thần Ngô Sĩ Liên nói* : Trong khoảng trời đất, chỉ có hai khí âm dương mà thôi. Người làm vua đạt đến mức trung hòa thì đất trời định vị, vạn vật sinh sôi, và hai khí cũng được điều hòa. Nếu khí âm thịnh mà phạm bừa vào khí dương, thì trời đất tất xuất hiện tai biến để tỏ cho người làm vua biết. Cho nên tai biến xuất hiện trước rồi sau đó sẽ có chứng nghiệm ngay. Lúc bấy giờ, nào nhật thực, nào mặt trời lay động, nào đất nứt, nào mưa đá, sao sa, đều là khí âm thịnh hơn khí dương cả. Nếu không phải là triệu chứng tội con mưu hại vua cha thì cũng là điềm di địch xâm lấn Trung Quốc. Phàm người làm vua thận trọng trước sự răn bảo của trời, lo lắng làm hết phận sự của người thì đó là đạo văn hồi tai biến của trời vậy. Nhà Tống đã không văn hồi được tai biến của trời, mà nước Việt ta rồi cũng bị giặc Hồ² xâm lấn. May mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định. Vì thế mới nói : Thận trọng trước sự răn bảo của trời, làm hết phận sự của người là cái đạo văn hồi tai biến của trời vậy.

[39b] Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh làm tiết Thọ Thiên.

Canh Thìn, [*Thiệu Báo*] năm thứ 2 [1280], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu.

Tháng 2, xét duyệt sổ đinh và các sắc dịch trong nước.

Mùa đông, tháng 10, được mùa to. Lúa ruộng ở Trà Kiệu thuộc Khoái Lộ một giò 2 bông.

Em Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Thư kiện nhau với người, tình lý đều trái. Người kia đón xa giá để kêu bày. Vua hỏi quan xử kiện. [Viên quan đó] trả lời :

“Ấn xử đã xong, nhưng hình quan thoái thác không chịu chuẩn định đó thôi”. Vua nói :

“Đó là do sợ mà né tránh Khắc Chung đấy”.

1. *Nhai Sơn* : ở phía nam huyện Tân Hội, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

2. Chỉ quân xâm lược Nguyên Mông 3 lần sang đánh nước Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1288 và đều bị đánh bại.

Lập tức, đang trên đường đi, sai Chánh chương nội thư hóa là Trần Hùng Thao kiêm chức kiểm pháp quan để chuẩn định, thì Thiên Thư quả thực là trái. Quan áo xanh (tức là hoạn quan) được làm việc kiểm pháp là bắt đầu từ Hùng Thao.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Người kiện có điều oan uổng mà được dễ dàng kêu bày, hình quan dễ chậm [40a] an, không thấy có lời trách hỏi, hoạn quan nội thần lạm cứ làm pháp quan, vua làm việc này có ba lầm lỗi kèm theo, nhưng như vậy thì dân tình được thấu lên trên. Việc cai trị kẻ dưới thà sai vì khoan thứ để cho án kiện đọng lại được xử ngay, cũng thấy được lòng trung hậu của vua.

Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản.

Vua sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ, Nhật Duật coi đạo Đà Giang, ngầm đem quân thuộc hạ đến.

Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh, bày tỏ lòng thành : “Mật không dám trái mệnh. Nếu ân chưa một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng”.

Nhật Duật nhận lời, chỉ đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói :

“Nếu nó giáo giở với ta thì triều đình còn có vương khác đến”.

Khi tới trại, người Man dần vây mấy chục lợp và đều cầm đao thương chia vào phía trong. Nhật Duật đi thẳng vào, treo lên trại, Mật mời ông ngồi. Nhật Duật thạo biết [40b] tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều nước, cùng ăn bốc, uống bằng mũi với Mật. Người Man thích lắm. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem gia thuộc đến doanh trại đầu hàng. Mọi người đều vui lòng kính phục vì không mất một mũi tên mà bình được Đà Giang. Đến khi về kinh sư, [Nhật Duật] đem Mật và vợ con hãnh vào chầu, vua rất khen ngợi ông. Sau đó, vua cho Mật về nhà, giữ con hãnh ở lại kinh đô. Nhật Duật mền nuôi hết lòng, xin triều đình ban tước thưởng phẩm và cho vào trông ao cá, sau cũng cho về nhà.

Tân Ty, [*Thiệu Báo*] năm thứ 3 [1281], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29, hoàng tử Quốc Chấn sinh.

Sai chú họ là Trần Di Ái (tức Trần Ái) và Lê Mục, Lê Tuân sang Nguyên.

Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ, Tuân làm thượng thư¹, lại sai Sài Xuân đem 1.000 quân² hộ tống về nước. Xuân ngạo mạn vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh [41a]. Quân sĩ Thiên

1. *An Nam chí lược* và *Nguyên sử* chép là : ... phong Di Ái làm An Nam Quốc Vương, Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư...
2. Bản dịch cũ (tập II, 1967, tr.47) in nhầm là 5.000 quân.

Trường ngăn lại, Xuân dùng roi ngựa quất họ bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chằng bày màn trướng, hấn mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp. Xuân nằm khểnh không ra, Quang Khải vào hấn trong phòng, hấn cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy thế, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi vào trong phòng. Xuân đứng dậy, vái chào, mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, có biết đâu gọt tóc, mặc áo vải là hình dạng nhà sư phương Bắc. Ông ngồi xuống pha trà, cùng uống với hấn. Người hầu của Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu đến chảy máu, nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi trở về, Xuân ra cửa tiễn ông.

Lập nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được vào học. (Lê cũ nhà Trần, quân sĩ Thiên Thuộc không được học tập văn chương nghệ thuật vì sợ khi lực kém đi).

[41b] **Nhâm Ngọ**, [*Thiên Báo*], năm thứ 4 /1282/, (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sai bọn Bồ Bà Ma Các một trăm người sang dâng voi trắng.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trần Di Ái đi sứ về nước.

Tháng 6, trị tội bọn phán thủ Trần Ái¹. Ái phải đồ làm khao giáp binh Thiên Trường, Lê Tuấn phải đồ làm Tổng binh².

Mùa thu, tháng 8, thú thần Lạng Châu³ là Lương Uất chạy trạm tâu báo rằng, Hữu thừa tướng Nguyên là Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là sang xâm lược nước ta⁴.

Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô⁵. Vua sai Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho là việc này giống như việc của Hàn Dũ⁶, bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi làm thơ phú quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ, thực bắt đầu từ đây.

1. Tức Trần Di Ái.

2. Có lẽ là đạo quân Tổng lưu vong do nhà Trần thu nạp.

3. Tức Lạng Sơn.

4. *Toa Đô*: tên Mong Cổ là Xôghetu (Sôgatu). Thực ra Toa Đô mang 5.000 quân đi đường thủy từ Quảng Châu đánh Chiêm Thành từ tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282), còn kẻ chỉ huy 50 vạn quân Nguyên xâm lược Đại Việt là Thoát Hoan và Lý Hải Nha.

5. Tức sông Hồng.

6. *Hàn Dũ*: tên tự là Thối Chi, người Nam Dương, Trịnh Châu đời Đường, có tài văn thơ. Tương truyền rằng: Khi làm quan ở Triều Châu, thấy nơi đó có nhiều cá sấu, Hàn Dũ làm bài văn tế cá sấu ném xuống nước, cá sấu liền bỏ đi hết.

Mùa đông, tháng 10, vua ngự ra Bình Than¹ đóng ở vũng Trần Xá² họp vương hầu và trăm quan, bàn kế sách công thủ và chia nhau đóng giữ [42a] những nơi hiểm yếu.

Lấy Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm Phó đô tướng quân.

Lần trước, quân Nguyên vào cướp, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư nhân sơ hờ đánh úp quân giặc. Thượng hoàng khen ông có trí lược, lập làm Thiên tử nghĩa nam³. Sau đó, đánh người Man ở vùng núi, thắng lớn, được phong làm Phiêu kỵ đại tướng quân. Chức Phiêu kỵ tướng quân nếu không phải là hoàng tử thì không được phong. Vì Khánh Dư là Thiên tử nghĩa nam cho nên mới có lệnh đó. Rồi từ trật hầu thăng mãi đến tử phục thượng vị hầu, quyền chức phan thủ. Sau Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thụy.

Bấy giờ Hưng Vũ Vương Nghiễn vì là con trai Quốc Tuấn, được lấy công chúa Thiên Thụy, lại có công đánh giặc. Vua sợ phật ý Quốc Tuấn, mới sai người đánh chết Khánh Dư ở Hồ Tây, nhưng lại dặn chớ đánh đau quá, để không đến nỗi chết. Ít lâu sau, xuống chiếu đoạt hết quan tước, tịch thu tài sản không để lại cho một chút gì. Châu Chí Linh vốn là của riêng của Thượng tướng Trần Phó Duyệt, nên Khánh Dư mới giữ lại được. Khánh Dư lui về ở [42b] Chí Linh, cùng bọn hèn hạ làm nghề bán than.

Lúc đó, thuyền vua đỗ ở bến Bình Than, nước triều rút, gió thổi mạnh, có chiếc thuyền lớn chở than củi, người lái thuyền đội nón lá, mặc áo ngắn. Vua chỉ và bảo quan thị thần :

“Người kia chẳng phải là Nhân Huệ Vương đó sao ?”.

Lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo. Đến cửa Đại Than thì kịp. Quân hiệu gọi :

“Ông lái ới, có lệnh vua triệu”.

Khánh Dư trả lời : “Lão là người buôn bán, có việc gì mà phải triệu”.

Quân hiệu trở về tâu thực như thế. Vua bảo :

“Đúng là Nhân Huệ đấy, ta biết người thường tất không dám nói thế”. Vua lại sai nội thị đi gọi. Khánh Dư mặc áo ngắn, đội nón lá [đến gặp vua]. Vua nói :

“Nam nhi mà đến nỗi này thì thực là cùng cực rồi”, bèn xuống chiếu tha tội cho ông. Khánh Dư lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho ngồi hàng

1. Đoạn sông Lục Đầu chảy qua huyện Chí Linh tỉnh Hải Hưng ngày nay.

2. *Vũng Trần Xá* : (Trần Xá loan), có lẽ là chỗ hợp lưu hai con sông Thái Bình và Kinh Thầy. Chỗ này về sau vẫn còn xã Trần Xá.

3. *Thiên tử nghĩa nam* : con nuôi của vua.

dưới các vương, trên các công hầu, cùng bàn việc nước, nhiều điều hợp ý vua.

Đến đây, tháng 10, lại cho Khánh Dư làm Phó tướng quân. Nhưng rốt cuộc [Khánh Dư] cũng không sửa đổi được những lỗi lầm cũ.

[43a] Lại khi ấy, vua thấy Hoài Văn hầu Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phần khích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó [Quốc Toản] lui về, huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ 6 chữ “Phá cường địch, báo hoàng ân” (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không dám đối địch. Đến khi mất, vua rất thương tiếc, thân làm văn tế, lại gia phong tước vương.

Lấy Thái úy Quang Khải làm Thượng tướng thái sư, Đinh Cử Viên làm Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ.

Quý Mùi, [Thiệu Bảo] năm thứ 5 [1283], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 20). Mùa xuân, tháng giêng, Tểnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dâng rùa vàng, hình dáng như con trai lớn, trên lưng có 7 ngôi sao, ngực có chữ “những”, bụng có chữ “Vương”

Tháng 2, [43b] trị tội thượng vị hầu Trần Lão, cho Lão chuộc tội 1.000 quan tiền, đổi làm lính, lãnh trị tên Khoáng là gia nô của Lão ở chợ Đông, vì tội làm thư nặc danh phỉ báng nhà nước.

Mưa đá lớn.

Mùa hạ, tháng 6, cá hồ Thủy Tinh chết.

Mùa thu, tháng 7, sai trung phẩm Hoàng Ư Lệnh, nội thư gia Nguyễn Chương sang Nguyên, gặp Thái tử A Thai¹, Bình chương A Lạt², ở Hồ Quảng³, hội 50 vạn quân ở các xứ định sang năm vào cướp nước ta.

Mùa đông, tháng 10, vua thân hành dẫn các vương hầu điều quân thủy bộ tập trận.

Tiền phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh quân đội toàn quốc, sai chọn các quân hiệu có tài chỉ huy, chia đi nắm giữ các đơn vị.

1. Không có tên thái tử Nguyên nào là A Thai. *Cương mục* q.7 cho là do sử của ta lầm. Trong cuộc chiến tranh này, tướng chỉ huy của quân Nguyên là Thoát Hoan và A Lý Hải Nha.
2. A Lạt : hay A Lý Hải Nha, là phiên âm tên quan Bình chương nhà Nguyên A-ric Kha-y-a (Arīq - Qaya). *Toàn thư* có chỗ lầm thành 2 người.
3. Hồ Quảng : gồm Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây của Trung Quốc ngày nay. Nhà Nguyên đặt Hồ Quảng hành trung thư tỉnh, gọi tắt là hành tỉnh Hồ Quảng để thống trị khu vực đất đai nói trên và phụ trách việc thôn tính các nước Đông Nam Á, cũng gọi là hành tỉnh Kinh Hồ hoặc là hành tỉnh Kinh Hồ - Chiêm Thành.

Giáp Thân, [*Thiệu Bảo*] năm thứ 6 [1284], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, vét sông Tô Lịch

Tháng 2, đất ở Xã [44a] đàn¹ nứt ra, dài 7 thước, rộng 4 tấc, sâu không thể lường.

Mùa thu, tháng 8, Hưng Đạo vương điều các quân của vương hầu, duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu², chia quân đóng giữ Bình Than và những nơi xung yếu khác.

Tháng 9, ngày mồng 4, mặt trăng và sao Kim mọc ban ngày ở phương tây nam, chỉ cách nhau độ 1 thước.

Mùa đông, tháng 11, sai Trần Phủ sang hành tỉnh Kinh Hồ³, nước Nguyên xin hoãn binh⁴.

Tháng 12, Trần Phủ từ Nguyên trở về, tâu rằng vua Nguyên sai bọn thái tử Trần Nam Vương Thoát Hoan⁵, Bình chương A Lạt và A Lý Hải Nha⁶ đem quân lấy cớ mượn đường đi đánh Chiêm Thành, chia đường vào cướp nước ta.

Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói “đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Giặc Hồ vào cướp là nạn lớn của đất nước. Hai vua hiệp mưu, [44b] bầy tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi ban yến hỏi kế ở các phụ lão hay sao ? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, cũng để dân chúng nghe lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa người xưa nuôi người già để xin lời hay vậy.

Ngày 26, giặc đánh vào các ải Vĩnh Châu, Nội Bàng⁷, Thiết Lược, Chi Lăng⁸, Quan quân đánh bất lợi, lui về đóng ở bến Vạn Kiếp⁹.

1. *Xã Đàn* : tức Xã tấc đàn là nơi vua chúa phong kiến tế lễ thần đất và thần mùa màng ngày xưa, đắp bằng đất, có 2 bậc, nên gọi là “đàn”.
2. *Đông Bộ Đầu* : tức bến sông Hồng phía trên cầu Long Biên gần dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay.
3. *Hành tỉnh Kinh Hồ* cũng là *hành tỉnh Hồ Quảng*. Xem chú thích về Hồ Quảng ở BK5,43b.
4. Theo *An Nam chí lược* và *Nguyên sử*, Trần Phủ tức Trần Khiêm Phủ, tước trung đại phu.
5. Tên Mông Cổ là Tô-gan (Toghan), thư tịch Trung Quốc phiên âm là Thoát Hoan, là con của Hốt Tất Liệt.
6. Ở đây *Toàn thư* nhầm, A Lạt và A Lý Hải Nha chỉ là một người, tức Arit-Qaya.
7. *Ái Nội Bàng* : vùng Chu, tỉnh Hà Bắc ngày nay, nơi đóng bàn doanh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.
8. *Ái Chi Lăng* : thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
9. *Vạn Kiếp* : nay là vùng Vạn Yên, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

Lúc đó, vua ngự thuyền nhẹ ra Hải Đông¹, chiều rồi mà vẫn chưa ăn cơm sáng. Có người lính là Trần Lai dâng cơm gạo xấu, vua khen là trung, ban cho chức thượng phẩm, kiêm chức tiểu tư xã xã Hữu Triều Môn ở Bạch Đằng.

Hưng Đạo Vương vâng mệnh điều quân dân các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Diêm², chọn những người dũng cảm làm tiền phong, vượt biển vào Nam, thế quân lên dần. Các quân thấy vậy, không đạo quân nào không tới tập hợp. Vua làm thơ đề ở [45a] đuôi thuyền rằng :

Cối Kê cứu sự quân tu kỹ,

Hoan Diên do tồn thập vạn binh.

(Cối Kê³ chuyện cũ người nên nhớ,

Hoan Diên⁴ còn kia chục vạn quân).

Hưng Vũ Vương Nghiễn, Minh Hiến Vương Uất. Hưng Nhượng Vương Tảng, Hưng Trí Vương Hiện đốc suất 20 vạn quân các xứ Bàng Hà⁵, Na Sầm⁶, Trà Hương, Yên Sinh, Long Nhân⁷ đến hội ở Vạn Kiếp, theo quyền điều khiển của Hưng Đạo vương để chống quân Nguyên.

Trước đây, Hưng Đạo Vương có người nô là Dã Tượng và Yết Kiêu⁸, đối xử rất hậu. Khi quân Nguyên tới, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân⁹, Dã Tượng thì đi theo. Đến lúc quan quân thua trận, thuyền quân tan cả. [Hưng Đạo] Vương định rút theo lối chân núi. Dã Tượng nói :

“Yết Kiêu chưa thấy Đại Vương thì nhất định không dời thuyền”.

Vương đến Bãi Tân, chỉ có thuyền Yết Kiêu vẫn còn ở đó. Vương mừng lắm, nói :

“Chim hồng hộc muốn bay cao phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu chiếc trụ cánh ấy thì cũng là chim thường thôi”.

Nói xong cho chèo thuyền đi, kỵ binh giặc đuổi theo không kịp. Vương đến Vạn Kiếp, chia quân đón giữ ở Bắc [45b] Giang¹⁰.

1. *Hải Đông* : Chỉ chung vùng Hải Dương cũ (nay thuộc tỉnh Hải Hưng) và Hải Phòng hiện nay.
2. *Vân Trà, Ba Diêm* : là hai hương thuộc lộ Hải Đông bấy giờ. Hương Vân Trà hay Trà Hương là vùng Kim Thành, tỉnh Hải Hưng ngày nay.
3. “Chuyện cũ Cối Kê” ; là chuyện Câu Tiễn, vua nước Việt thời Chiến Quốc, đánh nhau với nước Ngô, chỉ còn một ngàn quân lui giữ Cối Kê, mà sau đánh bại Ngô Phù Sai, khôi phục được đất nước.
4. *Hoan, Diên* : chỉ vùng Nghệ Tĩnh ngày nay.
5. *Bàng Hà* : đất huyện Thanh Hà cũ nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.
6. *Na Sầm* : tức Na Nặng, thuộc đất huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.
7. *Long Nhân* : nay thuộc Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc.
8. *Dã Tượng* : nghĩa là voi rừng, *Yết Kiêu* : là tên loài chó săn ngấn mồm. Dùng tên thú đặt cho người, nói lên địa vị làm “nô” thấp kém của họ. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên đời Trần, các nô tỳ có một vai trò rất lớn.
9. *Bãi Tân* : là một địa điểm trên sông Lục Nam.
10. *Bắc Giang* : tức là vùng đất tỉnh Bắc Ninh cũ, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Sai Hàn lâm [viện] phụng chỉ Đình Củng Viên quyền coi việc Bắc cung Nội sát viện.

Ất Dậu, [Thiệu Bảo] năm thứ 7 [1285] (từ tháng 9 về sau là Trùng Hưng năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 6, tướng Ô Mã Nhi¹ đánh vào các xứ Vạn Kiếp và núi Phả Lại², quan quân vỡ chạy³.

Ngày 12, giặc đánh vào Gia Lâm, Vũ Ninh⁴, Đông Ngàn⁵, bắt được quân của ta, thấy người nào cũng thích hai chữ "Sát Thát"⁶ bằng mực vào cánh tay, chúng tức lăm, giết hại rất nhiều. Rồi chúng đến Đông Bộ Đầu, dựng một lá cờ lớn.

Vua muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi hậu cụt thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng :

"Thần hèn mọn bất tài, nhưng xin được đi".

Vua mừng, nói rằng :

"Ngờ đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa kỳ, ngựa ký như thế !"⁷.

Rồi sai đem thư xin giảng hòa.

Ô Mã Nhi hỏi [Chung] :

"Quốc Vương người vô lễ, sai người thích chữ "Sát Thát", khinh nhờn thiên binh, lỗi ấy to lắm".

Khắc Chung đáp :

"Chớ nhà cản người lạ không phải [46a] tại chủ nó. Vì lòng trung phần mà họ tự thích chữ thôi, Quốc Vương tôi không biết việc đó. Tôi là cận thần, tại sao lại không có ?".

Nói rồi giơ cánh tay cho xem. Ô Mã Nhi nói :

"Đại quân từ xa tới, nước người sao không quay giáo đến hội kiến, lại còn chống lệnh. Càng bộ ngựa cản bánh xe liệu sẽ ra sao ?".

Khắc Chung nói :

1. *Ô Mã Nhi* : phiên âm từ tên Hồi giáo Omar.
2. *Núi Phả Lại* : tức là núi ở xã Phả Lại, cạnh sông Lục Đầu, đối diện với thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.
3. Thực ra, ngày mồng 6 tháng giêng mới chỉ là ngày Ô Mã Nhi đánh vào phòng tuyến sông Bình Than. Mãi đến ngày mồng 9 (14-2-1285), sau trận thủy chiến lớn, quân ta mới rút.
4. *Vũ Ninh* : sau là Võ Giàng, nay là huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.
5. *Đông Ngàn* : tức là huyện Từ Sơn, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.
6. *Thát* : tức là Thát Đát, phiên âm từ Ta-ta (Tatar hay Tartar) chỉ người Mông Cổ. *Sát Thát* nghĩa là giết giặc Thát Đát.
7. *Ngựa kỳ, ngựa ký* : chỉ những loại ngựa quý, ngựa tốt.

“Hiền tướng không theo cái phương sách Hàn Tín bình nước Yên¹, đóng quân ở đầu biên giới, đưa thư tin trước, nếu không thông hiểu thì mới là có lỗi. Nay lại bức nhau, người ta nói thú cùng thì chống lại, chim cùng thì mổ lại, huống chi là người”.

Ô Mã Nhi nói :

“Đại quân mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, Quốc Vương người nếu đến hội kiến thì trong cõi yên ổn, không bị xâm phạm mây may. Nếu cứ chấp nê thì chỉ trong khoảnh khắc núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ nát”.

Khắc Chung về rồi, Ô Mã Nhi bảo các tướng rằng :

“Người này ở vào lúc bị uy hiếp [46b] mà lời lẽ tự nhiên, không hạ chủ nó xuống là Chích², không nịnh ta lên là Nghiêu³, mà chỉ nói “Chớ nhà cần người” ; giỏi ứng đối. Có thể nói là không nhục mệnh vua. Nước nó còn có người giỏi, chưa dễ mưu tính được”.

Sai người đuổi theo Khắc Chung nhưng không kịp.

Ngày 13, giờ mao, Khắc Chung từ chỗ quân Nguyên trở về. Giặc đuổi đến, đánh nhau với quan quân.

Ngày 28, Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng tướng thái sư Quang Khải chặn đánh cánh quân của Nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An⁴.

Tháng 2, ngày Giáp Thìn mùng 1, con thứ của Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang là thượng vị Chương Hiến hầu [Trần] Kiện và liêu thuộc là bọn Lê Trắc đem cả nhà đầu hàng quân Nguyên⁵.

Toa Đô sai đưa bọn Kiện về Yên Kinh⁶. Thỏ hào Lạng Giang⁷ là bọn Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Linh, tập kích ở trại Ma Lục⁸. Gia nô của Hưng Đạo Vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện. Trắc đưa xác Kiện lên ngựa, trốn đi đêm, chạy được vài chục dặm, tới Khâu Ôn [47a] chôn Kiện lại đó.

Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, là muốn làm thư giãn nạn nước vậy.

1. *Hàn Tín* : là tướng của Hán Cao Tổ, muốn đánh nước Yên, theo kế của Lý Tà Xa viết thư dụ trước, quả nhiên nước Yên đầu hàng.
2. *Chích* : là một tên cướp sừng sỏ trong truyền thuyết Trung Quốc.
3. *Nghiêu* : là vị hoàng đế lý tưởng trong truyền thuyết Trung Quốc.
4. Cánh quân do Toa Đô chỉ huy, được lệnh từ Chiêm Thành, đánh chiếm các châu lộ phía nam của ta, rồi tiến ra bắc, phối hợp với các đạo quân của Thoát Hoan bao vây tiêu diệt vua tôi và quân đội nhà Trần.
5. Trần Kiện vốn có hiềm khích với hoàng tử Đức Việp. Khi giặc Nguyên sang, Kiện được lệnh đóng giữ Thanh Hóa, Toa Đô tiến ra Thanh Hóa, Kiện đem bọn liêu thuộc đầu hàng giặc.
6. *Yên Kinh* : tức kinh đô nhà Nguyên.
7. *Lạng Giang* : tức Lạng Sơn ngày nay.
8. *Trại Ma Lục* : ở Chi Lăng thuộc châu Lạng Giang thời đó, nay là tỉnh Lạng Sơn.

Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng (Vương là dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo, ông cha làm quan đời Thái Tông, được ban quốc tính) đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc (tức Thiên Mạc, nay là bãi Mạn Trù) bị chết.

Khi bị bắt, Vương không chịu ăn, giặc hỏi việc nước, Vương không trả lời, giặc hỏi Vương : “Có muốn làm vương đất Bắc không ?”

Vương thét to : “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất bắc”, rồi bị giết.

Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi chiếc thuyền nhỏ đến Tam Trĩ nguyên¹, sai người đưa thuyền ngược ra Ngọc Sơn² để đánh lừa giặc.

Lúc ấy, xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài, lại còn mới hiềm cũ của Yên Sinh Vương³, nên nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm chiếc gậy có bịt sắt nhọn. Mọi người đều gườm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền rút đầu sắt nhọn vứt đi chỉ chống gậy không mà đi, còn nhiều việc đại loại như thế.

[47b] *Sử thần Ngô Sĩ Liên nói* : Bậc đại thần ở vào hoàn cảnh bị hiềm nghi nguy hiểm, tất phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử, như hào cửu tử của quẻ Tùy⁴ thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. Nếu không thế thì nhất định sẽ mang tai họa. Quách Tử Nghi nhà Đường, Trần Quốc Tuấn nhà Trần đã làm được như vậy.

Tháng 3, ngày Giáp Tuất, mùng 1, hai vua bỏ thuyền đi bộ đến Thủy Chú⁵. Lấy thuyền ra sông Nam Triệu⁶ (tức huyện Thủy Đường) vượt biển Đại Bàng⁷ vào Thanh Hóa.

Thượng vị Văn Chiêu hầu [Trần] Lộng đầu hàng Thoát Hoan. Kế đó, Chiêu Quốc Vương [Trần] Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diên, Trịnh Long đem gia thuộc đầu hàng quân Nguyên.

Trước kia, khi Ích Tắc chưa sinh, Thái Tông mộng thấy thần nhân ba mắt từ trên trời xuống, nói với Thái Tông :

1. *Tam Trĩ nguyên* : là sông Ba Chẽ, ở huyện Ba Chẽ, thuộc tỉnh Quảng Ninh.

2. *Ngọc Sơn* : tên mũi biển thuộc châu Vạn Ninh tỉnh Quảng Yên đời sau, gần Móng Cái, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

3. Chỉ việc Thái Tông cướp vợ của Yên Sinh Vương Trần Liễu, thân phụ Hưng Đạo Vương.

4. *Lời hào cửu tử*, quẻ Tùy của *Kinh dịch* : “hữu phu, tại đạo, dĩ minh, hà cửu”, nghĩa là : “Thành thực, phải đạo, sáng suốt xử trí thì sao có lỗi”.

5. *Thủy Chú* : có lẽ ở vào khoảng huyện lý Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

6. *Sông Nam Triệu* : thời bấy giờ là con sông từ ngã ba Nam Triệu nay là xã Vũ Yên, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng chảy ra biển.

7. Cửa biển Đại Bàng này là cửa Văn Úc thuộc huyện Kiến An, Hải Phòng. Biển Đại Bàng là vùng biển ngoài cửa Văn Úc.

“Thần bị thương để quở trách, xin thác sinh là con vua, sau lại trở về phương Bắc”.

Đến khi Ích Tắc sinh, giữa trán có cái vết lõm mờ như hình con mắt, [48a] hình dáng giống hệt người trong mộng. Đến 15 tuổi, thông minh hơn người, lâu thông kinh sử và các thuật, vẫn còn có ý tranh đoạt ngôi trường đích. Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống nam. Đến nay, người Nguyên vào cướp, Ích Tắc xin hàng chúng để mong được làm vua. Người Nguyên phong làm An Nam Quốc Vương. Sau khi quân Nguyên thất bại, Ích Tắc trong lòng hổ thẹn, chết ở đất Bắc.

Nguyên soái Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam qua nước Lão Qua¹, thẳng đến Chiêm Thành², hội với quân Nguyên ở châu Ô Lý³, rồi cướp châu Hoan, châu Ái⁴, tiến đóng ở Tây Kết⁵, hẹn trong 3 năm sẽ san phẳng nước ta.

Vua bàn với bầy tôi rằng : “Bọn giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chờ hàng vạn dặm, thế tất mỏi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hãy làm chúng nhụt chí, thì ắt là đánh bại được chúng”.

Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Chiêu Thành Vương (khuyết danh), Hoài Văn hầu Quốc Toàn, tướng quân Nguyễn Khoái đem tiếp binh đón đánh giặc [48b] ở bến Tây Kết.

Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan⁶. Các quân đều có mặt. Riêng quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có cả người Tống, mặc quần áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng : “Đó là quân Thát⁷ của Chiêu Văn đấy, phải nhận kỹ chúng”.

Vì người Tống và người Thát, tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên trông thấy [quân Tống] đều rất kinh hãi, bảo nhau là người Tống sang giúp, vì thế thua chạy. Trước kia, nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

1. *Lão Qua* : tức nước Lào ngày nay.

2. Các sử tịch Trung Quốc đều chép là Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu theo đường biển tiến đánh Chiêm Thành vào tháng 11 năm Nhâm Ngọ (1282).

3. *Ô Lý* : tức vùng nam tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay.

4. *Châu Hoan* : là vùng Nghệ Tĩnh ngày nay, *châu Ái* : là tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

5. *Tây Kết* : ở ven sông Hồng, khoảng thôn Đông Kết, xã Đông Bình, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng. Ngày nay, thôn này cách sông Hồng 3km, đất bãi (tức bãi Mạn Trừ, nay thuộc xã Tân Châu), nhưng xưa kia sông kẻ thôn.

6. *Hàm Tử Quan* : ở xã Hàm Tử, huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng, bên sông Hồng.

7. *Thát* : tức Thát Đát, xem chú thích 6, tr. 50. Ở đây chỉ quân Tống tham gia hàng ngũ chiến đấu của Nhật Duật.

Tháng 5, ngày mùng 3, hai vua đánh bại giặc ở phủ Trường Yên ¹ chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết.

Ngày mùng 7, thám tử báo tin : Toa Đô từ Thanh Hóa tới.

Ngày mùng 10, có người từ chỗ giặc trốn về đến ngự doanh tâu báo :

Thượng tướng Quang Khải, Hoài Văn hầu Quốc Toản và Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp cùng [49a] em là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại quân giặc ở các xứ Kinh thành, Chương Dương ². Quân giặc tan vỡ lớn. Bọn Thái tử Thoát Hoan, Bình chương A Lạt rút chạy qua sông Lô ³.

Ngày 15, hai vua bái yết các lăng ở Long Hưng.

Ngày 17, Toa Đô và Ô Mã Nhi lại từ biển đánh vào sông Thiên Mạc, muốn hội quân ở Kinh sư, để chi viện cho nhau.

Du binh giặc đến huyện Phù Ninh⁴, viên phụ đạo huyện ấy là Hà Đặc lên núi Trĩ Sơn cố thủ. Giặc đóng ở động Cự Đà ⁵. Hà Đặc lấy tre đan thành những hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì dẫn ra dẫn vào. Lại dùng thùng cây to, cắm tên lớn vào giữa lỗ để giặc ngỡ là sức bắn khỏe xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc. Quân ta hăng hái xông ra đánh bại được giặc. Đặc đuổi đánh đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hăng hái đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí, y phục của giặc trốn về, đem [49b] dâng lên, xin dùng cờ ấy giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vậy ta cả phá được chúng.

Ngày 20, hai vua tiến đóng ở Đại Măng Bộ ⁶. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiền đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, giết và làm bị thương rất nhiều, chém đầu Nguyên soái Toa Đô ⁷. Nửa đêm Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hóa, hai vua đuổi theo nhưng không kịp bắt được hơn 5 vạn dư đảng giặc đem về, Ô Mã Nhi chỉ còn một chiếc thuyền vượt biển trốn thoát.

Hưng Đạo Vương lại giao chiến với Thoát Hoan và Lý Hằng ở Vạn Kiếp, đánh bại được, giặc chết đuối rất nhiều. Lý Hằng đem quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên tám thuốc độc bắn trúng đầu gối

1. Trường Yên : vùng đất tỉnh Ninh Bình.

2. Chương Dương : theo CMCB 7 thì Chương Dương là tên bến. Nay ở huyện Thường Tín, tỉnh Hà Sơn Bình còn có tên xã Chương Dương ở ven sông Hồng.

3. Sông Lô : tức sông Hồng.

4. Phù Ninh : tức là huyện Phù Ninh cũ, nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú. Cảnh quân giặc đến Phù Ninh hẳn là cảnh quân rút chạy về Văn Nam.

5. Động Cự Đà : có lẽ thuộc xã Từ Đà, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú ngày nay. Theo thần tích địa phương thì Hà Đặc là người xã Từ Đà.

6. Đại Măng Bộ : là tên bến trên sông Hồng, chưa rõ ở đâu.

7. Có tài liệu ghi là Toa Đô phóng ngựa rơi xuống nước chết (An Nam chí lược.), lại có tài liệu ghi là Toa Đô chết ở sông Cầu (Nguyên Sử).

bên trái của Hằng, Hằng chết. Tỳ tướng Lý Quan thu nhặt 5 vạn quân còn lại, giấu Thoát Hoan vào một đồ đồng, chạy trốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Vũ Vương đuổi kịp, dùng tên tẩm thuốc độc bắn trúng Lý Quán, Quán chết. Quân Nguyên [50a] tan vỡ lớn.

Vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói : “Người làm tôi phải nên như thế này”.

Rồi cởi áo ngự, sai quân đem liệm chôn, nhưng ngầm sai lấy đầu Toa Đô đem tẩm dầu để răn, vì cứ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã 3 năm vậy ¹.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Than ôi ! Câu nói ấy của vua thực là câu nói của bậc đế vương ! Nói rõ đại nghĩa để người bề tôi muôn đời biết rằng trung với vua, chết vì phận sự là vinh, tuy chết mà bất hủ, mối quan hệ lớn lắm vậy. Huống chi lại cởi áo ngự, sai người liệm chôn nữa. Làm vậy, có thể khích lệ sĩ khí để trừ giặc mạnh là phải lắm.

Tháng 6, ngày mùng 6, hai vua trở về kinh sư, Thượng tướng Quang Khải làm thơ rằng :

*Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.
(Bến Chương Dương cướp giáo.
Cửa Hàm Tử bắt thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước cũ muôn thu).*

[50b] Ngày hôm ấy nước to.

Sai Trung phẩm phụng ngự Đặng Du Chi đưa bọn tể thần của Chiêm Thành là Bà Lậu, Kê Na Liên 30 người về nước, vì đi theo Toa Đô nên bị bắt.

Mùa thu, tháng 8, sai Tả bộc xạ Lưu Cương Giới tuyên phong công thần theo thứ bậc khác nhau và trị tội những kẻ hàng giặc.

Tháng 9, đổi niên hiệu là Trùng Hưng năm thứ 1. Đại xá.

Bia chùa Báo Thiên gãy làm đôi. Núi Cảo Sơn lở.

Ngày 12, gia tôn huy hiệu cho các tiên đế và tiên hậu.

1. Toa Đô xuất phát từ Quảng Châu để đánh Chiêm Thành từ năm 1282, đến khi đại bại, bị chém đầu ở trận Tây Kết năm 1285, tức là đã 3 năm

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu định hộ khẩu trong nước. Triều thần can là dân vừa lao khổ, định hộ khẩu thực không phải là việc cần kíp. Vua nói :

“Chỉ có thể định hộ khẩu vào lúc này, chẳng nên qua đó mà xem xét [tình trạng] hao hụt, điều tàn của dân ta hay sao ?”. Quần thần đều khâm phục.

[51a] **Bính Tuất, Trùng Hưng năm thứ 2 [1286]**, (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha ¹ đến.

Tháng 3, vua Nguyên sắc cho Thượng thư tỉnh Áo Lỗ Xích ², Bình chương sự Ô Mã Nhi, Đại tướng Trương Văn Hồ điều 50 vạn quân, hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển, hẹn tháng 8 hội cả ở Khâm Châu, Liêm Châu. Lại ra lệnh quân ba hành tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng, Giang Tây xâm lược phương Nam, mượn cớ đưa người đầu hàng là Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Mùa hạ, tháng 6, lệnh cho vương hầu, tôn thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn :

“Thế giặc năm nay thế nào ?”.

Quốc Tuấn trả lời :

“Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh. Cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp, thì có kẻ đầu hàng trốn chạy. Nhờ uy linh của tổ tông và thần võ của bề hạ, nên đã quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc chiến trận, mà quân nó thì sợ phải đi xa. Và lại, chúng còn nơm nớp cái thất bại của Hằng, Quán ³ [51b] không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn”.

Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương đốc thúc vương hầu tôn thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí, thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10, kiểm duyệt, diễn tập quân lính điều động được.

Đình Củng Viên xin thôi quyền trông coi việc Nội mật viện. Vua y cho, ban [cho Viên] tước Nội mật tự.

1. Phiên âm từ tiếng Mông Cổ Kha-xa Kha-ya (Qasar - Qaya).

2. Tên Mông Cổ là A-gu-rúc-tri (Auruyvci).

3. Chỉ Lý Hằng và Lý Quán bị chết trong cuộc chiến tranh 1285.

Đinh Hợi, Trùng Hưng năm thứ 3 [1287] (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 24).
Mùa xuân, tháng 2, Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu băng.

Tháng 2, cá nhà táng chết cạn ở sông Bạch Đằng, dài 2 trượng 6 thước, dày 6 thước.

Nhà Nguyên phát quân Mông Cổ, quân Hán Nam ¹, 3 hành tỉnh Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng, lĩnh Vân Nam, lĩnh người Lê ở 4 châu ngoài biển ² chia đường vào cướp. Sai bọn vạn hộ Trương Văn Hồ đi đường biển, chở 70 vạn thạch lương ³ theo sau. Lại đặt Chinh Giao Chỉ hành thượng thư tỉnh [52a] do Bình chương sự Áo Lỗ Xích, các Tham tri chính sự Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh và chịu tiết chế của Trấn Nam Vương.

Quan chấp chính xin chọn tráng đinh sung quân để tăng quân số lên nhiều. Hưng Đạo Vương nói : “Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn quân mà như Bồ Kiên ⁴ thì cũng làm được gì ?”

Tháng 3, ân xá.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Tá Thiên Đại Vương Đức Việp quyền tướng quốc sự.

Duyệt binh. Xử án. Định các danh sắc.

Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 1, nhật thực.

Tháng 11, ngày 11, giờ Mùi, mặt trời rung thành 4 góc.

Ngày 14, Trịnh Xiển tâu rằng thái tử Nguyên A Thai ⁵ xâm phạm ải Phú Lương.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương : “Giặc tới, liệu tình hình thế nào”.

Vương trả lời : “Năm nay đánh giặc nhân”.

Ngày 24, lệnh cho cấm quân giữ ải Lãnh Kinh ⁶.

Hưng Đức hầu Quán đem quân đón đánh, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lui về đóng ở ải Vũ Cao.

1. *Quân Hán Nam* : là quân người Hán ở nam Trung Quốc, trong khu vực đất nhà Nam Tống cũ, thư tịch Trung Quốc đời Nguyên thường gọi là *quân lân phụ*.
2. Tức bốn châu Nhai, Quỳnh, Đam, Vạn trên đảo Hải Nam.
3. *Thạch* : là đơn vị đo lường thời xưa, mỗi thạch có 10 đấu.
4. *Bồ Kiên* : là vua tiền Tần (một nước do tộc Đê lập nên ở bắc Trung Quốc) đem 100 vạn quân đánh Đông Tấn (Hán tộc), bị các tướng Tấn như Tạ Thạch, Tạ Huyễn đánh tan tác trong trận Phì Thủy nổi tiếng. Bồ Kiên sau trận này chỉ còn mười vạn tàn quân chạy trốn về Lạc Dương.
5. Theo *Nguyên sử* q.149, trong lần xâm lược này có một chư vương A Thai đi theo cánh quân Vân Nam do Ai Lỗ chỉ huy, có lẽ *Toàn thư* lầm ra là thái tử..
6. *Ái Lãnh Kinh* : có lẽ vào khoảng Đáp Cầu, trên sông Cầu (Hà Bắc), cấm quân đóng ở đây để chặn cánh quân Nguyên từ Vinh Bình, Chi Lăng đánh xuống.

[52b] Ngày 28, Phán thủ thượng vị Nhân Đức hầu Toàn đem thủy quân đánh ở vụng Đa Mỗ ¹ Giặc chết đuối rất nhiều, ta bắt sống 40 tên và thu được thuyền ngựa, khí giới đem dâng.

Tháng 12, ngày 16, chiếu sai mình tự Nguyễn Thức đem quân Thánh dực dưng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đại Than ².

Ngày 26, [quân ta] gặp giặc, đánh bại chúng.

Ngày 30, thái tử Nguyên A Thai ³ cùng Ô Mã Nhi hợp 30 vạn quân đánh vào Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về phía đông. Người các hương Ba Điểm, Bàng Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thủy cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Khánh Dư. Khánh Dư đánh thất lợi ⁴ thượng hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh. Khánh Dư nói với trung sứ :

“Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai, ba ngày, để [53a] mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn”.

Trung sứ theo lời xin đó.

Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, [Khánh Dư] đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng hoàng tha cho tội trước không hỏi đến và nói :

“Chỗ trồng cây của quân Nguyên là lương thảo khí giới nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chăng ?”.

Bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên để báo tin. Quân Nguyên quả nhiên rút lui. Cho nên, năm này, vết thương của dân không thắm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó.

Trước đây, Khánh Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống, may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Khánh Dư duyệt quân các trang,

1. Đây là trận chặn đánh cánh quân thủy do Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp chỉ huy ở vùng mũi Ngọc gần Móng Cái bây giờ.
2. Đại Than : là tên xã, ở huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, gần chỗ sông Đuống chảy ra sông Lục Đầu. Cửa Đại Than tức là cửa sông Đuống.
3. Ở đây, Toàn thư đã chép nhầm Thoát Hoan thành A Thai. Khi Thoát Hoan tiến quân đến Vạn Kiếp, thì cánh quân phía tây của Trình Bạng Phi và cánh thủy quân của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp cũng đến hội quân ở đây.
4. Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư chịu trách nhiệm giữ vùng bờ biển, không chặn nổi thủy quân giặc, để chúng qua được cửa An Bang tiến về Vạn Kiếp. Vân Đồn nay tức là Vân Hải, tỉnh Quảng Ninh,

ra lệnh : “Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc [53b] Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma Lô (Ma Lô là tên một hương ở Hồng Lô, hương này khéo nghề đan cật tre làm nón, cho nên lấy tên hương làm tên nón), ai trái tất phải phạt”

Nhưng Khánh Dư đã sai người nhà mua nón Ma Lô từ trước, chở thuyền đến đậu trong cảng rồi. Lệnh vừa ra, sai người ngầm báo dân trong trang : “Hôm qua thấy trước vụng biển có thuyền chở nón Ma Lô đậu”.

Do đấy, người trong trang nổi gót tranh nhau mua nón, ban đầu mua không tới 1 tiền, sau giá đắt, bán 1 chiếc nón giá 1 tấm vải. Số vải thu được tới hàng ngàn tấm. Thơ mừng của một người khách phương Bắc có câu : “Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh” (Vân Đồn gà chó thấy đều kinh) là nói thác sớ phục uy danh của Khánh Dư mà thực là châm biếm ngầm ông ta. Khánh Dư tính tham lam thô bỉ, những nơi ông ta trấn nhậm, mọi người đều rất ghét. Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng, nên không nỡ bỏ mà thôi.

[54a] Mậu Tý, /Trùng Hưng/ năm thứ 4 /1288/, (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, Ô Mã Nhi đóng vào phủ Long Hưng ¹.

Ngày mùng 8, quan quân hội chiến ngoài biển Đại Bàng, bắt được 300 chiếc thuyền giặc, 10 thủ cấp giặc, quân Nguyên bị chết đuối rất nhiều ².

Tháng 2, ngày 29, Ô Mã Nhi đánh vào trại Yên Hưng ³.

Tháng 3, ngày mùng 8, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng để đón thuyền lương của Bọn Trương Văn Hô nhưng không gặp. Hưng Đạo Vương đánh bại chúng.

Trước đó, Vương đã đóng cọc ở cửa sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc hết. Nguyễn Khoái chỉ huy quân Thánh dực dũng nghĩa đánh nhau với giặc, bắt sống Bình chương Áo Lỗ Xích⁴ Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông

1. *Phủ Long Hưng* : là đất huyện Tiên Hưng cũ, nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, nơi có lăng mộ của họ Trần. Bọn Ô Mã Nhi đã khai quật lăng Trần Thái Tông để trả thù lần thất bại trước.
2. *Trận Đại Bàng* là trận thủy chiến giữa thủy quân nhà Trần với bọn Ô Mã Nhi khi bọn này đi đón thuyền lương của Trương Văn Hô. Cửa Đại Bàng nay là cửa Văn Úc ở huyện Kiến An, Hải Phòng.
3. *Trại Yên Hưng* : ở vùng huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Sau khi đón thuyền lương của Trương Văn Hô không kết quả, Ô Mã Nhi trở về Vạn Kiếp. Trên đường về, hèn cho quân đi cướp phá một số nơi thuộc An Bang (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) như trại Yên Hưng.
4. Thực ra, Áo Lỗ Xích theo Thoát Hoan trốn thoát chứ không bị bắt.

do vậy đổ ngẫu cả. Đến khi Văn Hồ tới quân mai phục hai bên bờ hăng hái xông ra đánh, [54b], lại đánh bại chúng. Nước triều rút nhanh, thuyền lương của Văn Hồ mắc trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Quân Nguyên chết đuối rất nhiều. Bắt được 400 chiếc thuyền. Nội Minh tự Đỗ Hành bắt được Ô Mã Nhi và Tích lệ Cơ Ngọc¹ dâng lên thượng hoàng². Thượng hoàng sai dẫn lên thuyền ngự, cùng ngồi nói chuyện với chúng và uống rượu vui vẻ. Thoát Hoan và A Thai dẫn quân trốn về Tư Minh, thả quan là Hoàng Nghệ bắt được đem dâng³.

Hai vua trở về phủ Long Hưng.

Ngày 17, đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ Ngọc, Nguyên soái Ô Mã Nhi, Tham chính Sầm Đoàn, Phàn Tiếp, Nguyên soái Điền, các Vạn hộ, Thiên hộ làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu Lăng.

Trước đó, quân Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng muốn phá đi, nhưng không phạm được tới quan tài. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá [ở lăng] đều bị lấm bùn. Đó là thần linh giúp ngầm vậy. Khi vua cử lễ bái yết, có làm thơ rằng :

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,

Sơn hà thiên cổ điện [55a] kim âu.

(Xã tắc hai phen bon ngựa đá,

Non sông ngàn thuở vững âu vàng⁴.)

Ngày 27, xa giá hai vua trở về kinh sư.

Mùa hạ, tháng 4, Thượng hoàng ngự ở hành lang Thị Vệ (vì cung điện bấy giờ đã bị giặc đốt hết), đại xá thiên hạ. Những nơi bị binh lửa, cướp phá thì miễn toàn phần tô, dịch, các nơi khác thì miễn giảm theo mức độ khác nhau.

Vua dụ ty Hành khiển giao hảo với viện Hàn lâm.

Lệ cũ, mỗi khi tuyên đọc lời vua, thì viện Hàn lâm lĩnh đưa bản thảo tờ chiếu cho Hành khiển để giảng tập trước. Đến khi tuyên đọc, thì giảng cả âm nghĩa cho dân thường dễ hiểu, vì chức Hành khiển chỉ dùng hoạn quan thôi. Bấy giờ, Lê Tông Giáo làm tả phụ, vốn bất hòa với Hàn lâm phụng chỉ Đình Củng Viên. Ngày tuyên đọc lời vua đã đến rồi mà Củng Viên vẫn cố ý không đưa bản thảo. Tông Giáo đòi nhiều lần vẫn không được.

1. Nhiều tài liệu khác đều ghi là Tích lệ Cơ, hay Tích Lệ Cơ Đại Vương. Viên tướng Mông Cổ này tên là Tích Lệ Cơ, còn Vương là tước hiệu. Chữ Ngọc 玉 chép lầm từ chữ Vương 王.
2. Đoạn này có nhiều sai lầm, đã chép lẫn lộn việc Ô Mã Nhi đi đón thuyền lương của Trương Văn Hồ với trận phục kích đánh bọn Ô Mã Nhi khi chúng rút chạy về nước.
3. Thoát Hoan theo đường bộ chạy trốn, đã thoát được, chứ không bị bắt.
4. Âu vàng (kim âu) : là biểu tượng sự toàn vẹn và vững chắc của lãnh thổ một nước.

Hôm ấy, xa giá sắp ra ngoài cung, Cung Viên mới đưa bản thảo. Tòng Giáo tuyên đọc tờ chiếu đại xá, không hiểu âm nghĩa, phải im lặng. Vua [55b] gọi Cung Viên đứng đằng sau, nhắc bảo âm nghĩa. Tòng Giáo rất thẹn. Tiếng nhắc của Cung Viên to dần, mà tiếng đọc của Tòng Giáo lại nhỏ đi, trong triều chỉ còn nghe thấy tiếng của Cung Viên thôi. Vua về trong cung, gọi Tòng Giáo dụ bảo :

“Cung Viên là sĩ nhân, người là trung quan¹ sao lại bất hòa đến thế ? Người là lưu thủ Thiên Trường, dùng con rươi quả quýt đi lại, đưa tặng lẫn nhau thì có việc gì ?”.

Từ đó, Tòng Giáo và Cung Viên giao hảo với nhau càng gắn bó.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua bảo kẻ thần hạ tặng biếu giao hảo với nhau, thì chẳng phải là gây cái tệ tư giao giữa người làm tôi với nhau sao ?

Xin thưa, giao hảo với tư giao, việc thì giống nhau, nhưng tình thì có khác. Đem tư tâm mà kết ngăm với nhau, đó là tư giao, như *Kinh Xuân thu* chê Thái Bá đến nước Lô là thế² Lấy tình nghĩa giao hoan với nhau thì không phải là tư giao, như thi nhân ngâm vịnh việc tặng đưa tặng mận³ cho nhau [56a] là vậy. Vua bảo bề tôi giao hảo với nhau là để cùng nhau làm tốt việc của nhà vua. Nhà Trần trung hậu như thế [qua việc này] có thể thấy được. Nhưng lấy hoạn quan không biết chữ làm Hành khiển thì cũng không phải.

Mùa thu, tháng 9, phu nhân Hưng Đạo Vương Nguyên từ quốc mẫu Trần thị (tức công chúa Thiên Thành) mất.

Mùa đông, tháng 10, sai Đỗ Thiên Hư (Thiên Hư là em Khắc Chung) sang Nguyên. Đỗ Khắc Chung [trước đây] đi sứ sang quân Nguyên có công, đến nay, tiến cử em là Thiên Hư. Vua nghe theo.

Kỷ Sửu, Trùng Hưng năm thứ 5 [1289], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 26). Mùa xuân, tháng 2, sai Nội thư gia Hoàng Tá Thốn đưa bọn Ô Mã Nhi về nước, dùng kế của Hưng Đạo Vương, lấy người giỏi hơi lặn, sung làm phu thuyền, ban đêm dúi thuyền cho đắm, bọn Ô Mã Nhi đều chết đuối cả.

1. *Trung quan* : tức là hoạn quan.

2. Thái Bá làm khanh sĩ của nhà Chu, không có lệnh của vua nhà Chu, tự tiện sang nước Lô, như vậy là tư giao (Xem *Tả truyện*, *Lô An Công* năm thứ nhất).

3. *Thi·Kinh* có bài *Mộc qua*, ngâm vịnh việc tặng đưa tặng mận cho nhau, ca ngợi quan hệ hữu hảo tốt đẹp.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Chữ tín là vật báu của nước, mà làm cho người khác phục mình sâu sắc thì đó là gốc của vương chính. [56b] Hưng Đạo Vương dùng bá thuật¹, muốn được thành công trong một thời mà không biết làm như thế là đã thất tín với muôn đời. Đã nói là đưa về nước lại dùng mưu kế để giết đi, thì thực quý quyết quá lắm. Thái Tổ Cao Hoàng Đế nước Đại Việt ta² đang khi dẹp loạn, định tha người Minh về nước. Bọn ngụy quan có kẻ viến dẫn cho người Minh nghe câu chuyện dúi thuyền của Hưng Đạo Vương khi trước nhằm ngăn cản ý muốn về nước của họ. Nhưng lòng tín thực của Thái Tổ thấu đến cả muông thú, nên rốt cuộc người Minh tin theo không ngờ vực. Thế mới là làm cho người khác phục mình sâu sắc và là cội gốc của vương chính. Đầu có thể nói [chữ tín] chỉ là chuyện nhỏ nhất.

Tháng 3, ngày mùng 1, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 4, định công dẹp giặc Nguyên.

Tiền phong Hưng Đạo Vương làm Đại Vương, Hưng Vũ Vương làm Khai Quốc công, Hưng Nhượng Vương làm Tiết độ sứ. Người nào có công lớn thì được ban quốc tính. Khắc Chung được dự trong số đó, lại được nhận chức Đại hành khiển. Đỗ Hành chỉ được phong [57a] Quan nội hầu, vì khi bắt được Ô Mã Nhi không dâng lên Quan gia³, lại dâng lên Thượng hoàng. Hưng Trí Vương không được thăng trật, vì đã có chiếu cho người Nguyên về nước, các tướng không được cản trở, mà lại còn đón đánh chúng. Cho Man trưởng Lạng Giang Lương Uất làm trại chủ Quy Hóa. Hà Tất Năng làm Quan phục hầu vì đã chỉ huy người Man đánh giặc.

Việc thường tước đã xong, vẫn còn có người chưa bằng lòng. Thượng hoàng dụ rằng :

“Nếu các khanh biết chắc là giặc Hồ không vào cướp nữa thì nói rõ trăm biết, dù có thăng đến cực phẩm trăm cũng không tiếc. Nếu không thế mà đã vội thưởng hậu, vạn nhất giặc Hồ trở lại, và các khanh lại lập công nữa thì trăm lấy gì mà thưởng để khuyến khích thiên hạ”.

1. *Bá thuật* : là những thủ đoạn xảo trá để đạt mục đích nhất thời, bất chấp nhân nghĩa. Đối lập với bá thuật là vương đạo, vương chính, nghĩa là đường lối chân chính, trọng nhân nghĩa, trọng tín lễ, làm cho người khác thực lòng tín phục.
2. Chỉ Lê Lợi. Trong khi vây đánh thành Đông Quan, Lê Lợi nhiều lần viết thư dụ hàng bọn Vương Thông, hứa sẽ cho chúng an toàn về nước. Có lần Vương Thông định nghe theo, nhưng bọn ngụy quan Lương Nhữ Hốt dẫn việc Hưng Đạo Vương dúi thuyền giết tù binh, Vương Thông lại ngoan cố chống lại. Sau khi hai cánh viện binh thất bại, Vương Thông mới chịu đầu hàng.
3. Thời Trần gọi vua là Quan gia.

Mọi người đều vui vẻ phục tùng.

Tháng 5, trị tội những kẻ đã hàng giặc. Chỉ quân lính và dân thường được miễn tội chết, nhưng bắt chõ gỗ đá, xây cung điện để chuộc tội, quan viên phạm tội [57b] [hàng giặc] thì tùy tội nặng nhẹ mà xét xử.

Lấy Phùng Sĩ Chu làm Hành khiển.

Sĩ Chu người [xã] Cổ Liễu, Trà Hương. Khi người Nguyên sang, vua sai Sĩ Chu bói. Sĩ Chu đoán rằng : “Thế nào cũng đại thắng”.

Vua mừng bảo : “Nếu đúng như lời đoán, sẽ có trọng thưởng”.

Giặc yên, vua nói : “Thiên tử không có nói đùa”. Do vậy, có lệnh này. Sĩ Chu là người trung hiếu, có tài văn nghệ, làm quan đến Thiếu phó, hiệu là Tồn Trai tiên sinh.

Gia phong Nguyễn Khoái làm liệt hầu, ban cho một quận thang mộc, gọi là Khoái Lộ 蒯路, sau đổi thành Khoái Lộ 快路 (nay là phủ Khoái Châu).

Định các công thần [danh Nguyên] lần trước và lần sau. Người nào xông lên trước phá trận giặc, lập kỳ công thì chép vào tập *Trung hưng thực lục* lại sai vẽ hình.

Xử tội đồ quân dân hai hương Ba Diêm và Bàng Hà, làm thang mộc binh¹, không được làm quan, ban cho tể thần làm sai sử hoành².

Trước kia, người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua [58a] bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc. Chỉ có kẻ nào đầu hàng trước đây, thì dẫu bản thân ở triều đình giặc, cũng kết án vắng mặt, xử tội đi đày hoặc tử hình, tịch thu điền sản, sung công, tước bỏ quốc tính. Như Trần Kien là con của Tĩnh Quốc thì đổi làm họ Mai. Người khác cứ theo lệ ấy mà đổi, như bọn Mai Lộng. Ích Tắc là chỗ tình thân cốt nhục, tuy trị tội cũng thế, nhưng không nỡ đổi họ xóa tên, chỉ gọi là Á Trần, có ý chê hèn nhát như đàn bà vậy. Vì thế, những ghi chép đương thời đều gọi là Á Trần, Mai Kien...

Có tên Đặng Long là cận thần của vua, rất giỏi văn học, tước đến hạ phẩm, đã được ghi chú để cất nhắc. Vua định cho làm Hàn lâm học sĩ, nhưng Thượng

1. *Thang mộc binh* : lính hầu trong các ấp thang mộc, tức đất phong của vương hầu.
2. *Sai sử hoành* : nô tỳ dùng để sai khiến.

hoàng ngăn lại. Hấn mang da bất bình, đến giờ cũng hàng giặc. Giặc thua, hấn bị bắt, đem chém để răn bảo kẻ khác.

Thượng hoàng ngự đến hành cung Thiên Trường, có làm bài thơ rằng :

*Cảnh thanh u vật diệc thanh u,
Thập nhất [58b] tiên châu, thử nhất châu.
Bách bộ sinh ca, cầm bách thiết,
Thiên hàng nô bộc quát thiên đầu
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh,
Kim niên du thắng tích niên du
(Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
Mười một tiên châu, đây một châu.
Trăm giọng chim ca, trăm bộ sáo
Ngàn hàng cây quýt ngàn tên nô
Trăng vô sự soi người vô sự,
Nước về thu ngậm trời về thu.
Bốn biển đã quang, trần đã lặng.
Chuyến đi nay thắng chuyến đi xưa)*

Vì là xúc cảm về hai lần đánh giặc đã qua mà phát thành thơ vậy.

Hạn từ tháng 6 mùa hạ đến tháng 10 mùa đông.

Canh Dần [Trùng Hưng], năm thứ 6 [1290], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 27). Mùa xuân, tháng 2, chọn quan văn chia đi cai trị các lộ.

Vua thân đi đánh Ai Lao. Triều thần can rằng : “Giặc Hồ vừa rút, vết thương chưa lành, đâu đã có thể dấy binh đao !”

Vua nói :

“Chỉ có thể lúc này ra quân thôi. Vì sau khi giặc rút, ba cõi tất cho là lính tráng, ngựa chiến của ta đã chết cả, thế không thể lên nổi, sẽ có sự khinh nhờn từ bên trong, cho nên phải cất quân lớn để thị uy”.

Bây tôi đều nói :

“Nhà vua há chẳng biết làm nhọc dân là việc đáng lo, nhưng còn có việc đáng lo lớn hơn [59a] thế nữa. Thánh nhân lo xa, bọn thần không thể nghĩ đến được”.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Bây giờ, triều thần can việc thân chinh chưa phải là sai lắm, đến khi nghe lời Nhân Tông mà vội tán tụng là “thánh nhân lo xa” thì gần như là nịnh hót rồi.

Tháng 3, gia phong Tá Thiên Đại Vương Đức Việp làm Nhập nội Kiểm hiệu thái úy.

Mùa hạ, tháng 4, sông Tô Lịch chảy ngược (sông này hễ có mưa to thì nước rút, tràn và chảy ngược).

Tháng 5, ngày 25, Thượng hoàng băng ở cung Nhân Thọ.

Lấy Hạ phẩm phụng ngự Phạm Ngũ Lão chỉ huy Hữu vệ Thánh dự quân.

Mùa thu, tháng 8, sai Ngô Đình Giới sang cáo phó với nước Nguyên.

Tháng 9, lễ tang Thánh Tông mới hơn 3 tháng, Ngự sử đại phu Đỗ Quốc Kế tâu rằng :

“Phàm lễ tang không nên [59b] làm thương tổn người sống. Nay thiên tử đều dùng kiệu khiêng, thế là người sống bị tổn thương, xin hãy cưỡi ngựa”. Vua nghe theo, chỉ dùng yên trắng.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Xem lời tâu của Quốc Kế, chẳng những học vấn nông cạn mà kiến thức cũng thấp hèn. Cưỡi ngựa không phải là điều nên làm trong tang chế mà cứ xin cưỡi ngựa ; làm thương tổn người [sống] có nghĩa là hủy thân thể, diệt sinh mạng, mà lại bảo [đi kiệu] là thương tổn người [sống] ! Học vấn của hắn như thế, kiến thức của hắn như thế thì việc sửa làm, nắn lỗi sẽ ra sao ? Nhân Tông đang có tang, không nhận ra điều sai trái đó mà lại làm lần làm theo thì cũng không phải.

Đổi to, 3 thăng gạo giá 1 quan tiền, dân nhiều người bán ruộng đất, và bán con trai con gái làm nô tỳ cho người, mỗi người giá 1 quan tiền.

Xuống chiếu phát thóc công chẩn cấp dân nghèo và [60a] miễn thuế nhân đinh.

Mùa đông, tháng 12, ngày 15, táng [Thượng hoàng] ở Dụ Lăng, miếu hiệu là Thánh Tông, truy tôn là Huyền Công Thịnh Đức Nhân Minh, Văn Vũ Tuyên Hiếu Hoàng Đế.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Thánh Tông nổi nghiệp Thái Tông, giữa chừng gặp tai họa giặc vào cướp, đã ủy nhiệm tướng thân, cùng với Nhân Tông chung sức, cùng nhau vượt qua, khiến cho thiên hạ đã tan mà lại hợp, xã tắc đã nguy mà lại yên, suốt đời Trần, không còn nạn xâm lược của giặc Hồ¹ nữa. Công lao ấy to lớn lắm.

1. Giặc Hồ ở đây chỉ quân xâm lược Nguyên Mông.

Tân Mão, [Trùng Hưng] năm thứ 7 [1291], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 28). Năm này lại đói to, ngoài đường nhiều người chết đói.

Nhà Nguyên sai Lê bộ thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ vua vào châu ¹. Năm sau, (vua) sai Nguyễn Đại Pháp sang Nguyên từ chối, lấy cớ có tang.

[60b] Nhâm Thìn, [Trùng Hưng] năm thứ 8 [1292], (Nguyên chí Nguyên năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực.

Lấy Phí Mạnh làm An phủ Diễn Châu, giữ chức chưa bao lâu, có tiếng đồn là tham ô, vua triệu về, đánh trượng, lại sai đi trấn trị. Sau được tiếng là công bằng thanh liêm. Người Diễn Châu vì thế có câu rằng : “Diễn Châu an phủ thanh như thủy” (An phủ Diễn Châu trong tựa nước).

Lấy Trần Thì Kiến làm An phủ lộ Yên Khang², nhưng tên huyện đã bỏ và đất chia nhập vào huyện Tam Điệp và huyện Kim Sơn.

Trước đây, quân Nguyên vào cướp, vua sai Thì Kiến bói, được quẻ Dự biến sang quẻ Chấn, đoán là tốt. Mùa hạ năm sau, quân Nguyên đại bại, quả đúng như lời đoán. Mùa thu năm Trùng Hưng thứ 2, quân Nguyên lại vào cướp, vua lại sai bói, được quẻ Quan biến sang quẻ Hoan, [Kiến], đoán : “Hoán nghĩa là tan, là diềm giặc tan”. Sau quân Nguyên đến sông Bạch Đằng, quả nhiên tan chạy. Vua khen tài của Kiến, cho nên có lệnh này.

Tháng 2, ngày mồng 3, lập Đông cung thái tử Thuyên làm Hoàng thái tử. Lấy con gái trưởng **[61a]** của Hưng Nhượng Vương Quốc Tăng làm phi cho thái tử.

Lấy Đinh Cửng Viên làm Thái tử thiếu bảo, thăng tước Quan nội hầu.

Tháng 3, xuống chiếu rằng phạm văn tự bản đút hoặc cầm dợ thì phải làm hai bản giống nhau, mỗi bên cầm một bản.

Xuống chiếu rằng những người mua dân lương thiện làm nô tỳ thì phải cho chuộc lại ; ruộng đất, nhà cửa không theo luật này. Vì là nạn đói hai năm Canh Dần và Tân Mão, nhiều người chết, [nên có chiếu này].

Vua từng ngự chơi bên ngoài, giữa đường, hề gặp gia đồng của vương hầu thì tất gọi tên chúng mà hỏi : “Chủ mày ở đâu ?”, rồi răn các vệ sĩ không được thét đuổi. Đến khi về cung, bảo tả hữu rằng :

“Ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt”. Vì là vua cảm mến bọn chúng đi theo bảo vệ mình hỏi phải chạy ra khỏi kinh thành mà nói thế.

1. Theo *An Nam chí lược*, mãi đến ngày 18 tháng 3 năm Nhâm Thìn (1292), Trương Lập Đạo mới tới Khâu Ôn (Ôn Châu, Lạng Sơn).
2. *Yên Khang* : Là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Nguyễn Đại Pháp đến nước Nguyên, người Nguyên gọi là Lão lệnh công. Đại Pháp tới Ngạc Châu, vào yết kiến các quan bình chương ở hành tỉnh. Lúc ấy Chiêu Quốc Vương Ích Tắc cũng ngồi ở đó. Đại Pháp [61b] chỉ không chào một mình hấn. Ích Tắc hỏi :

“Người không phải là tên biên chép ở nhà Chiêu Đạo Vương đó ư ?” (Chiêu Đạo Vương trước tên là Quang Xưởng, là con thứ của Thái Tông, anh cùng mẹ của Ích Tắc). Đại Pháp trả lời :

“Việc đời thay đổi, Đại Pháp trước vốn là tên biên chép cho Chiêu Đạo Vương, nay là sứ giả, cũng như Bình chương xưa kia là con vua, nay lại là người đầu hàng giặc”.

Ích Tắc có vẻ hồ thẹn. Từ đấy về sau, sứ ta đến, hấn không còn ngồi ở tỉnh đường nữa.

Quý Tỵ, [Trùng Hưng] năm thứ 9 [1293], (từ tháng 3 trở đi là Anh Tông Hưng Long năm thứ 1, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 30). Mùa xuân, tháng 3, ngày mồng 9, vua nhường ngôi cho Hoàng thái tử Thuyên. [Hoàng thái tử Thuyên] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Anh Hoàng, tôn Thượng hoàng làm Hiến Nghiêu Quang Thánh Thái Thượng Hoàng Đế, tôn Bảo Thánh hoàng hậu làm Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Quân thần dâng tôn hiệu là Ứng Thiên Quảng Vận Nhân Minh Thánh Hiếu Hoàng Đế. Phong bà phi làm Văn Đức phu nhân, rồi lại phế đi, lấy em gái Văn Đức làm Thánh [62a] Tư phu nhân.

Mùa thu, tháng 9, ngày 13, Khâm từ bảo thánh hoàng thái hậu băng ở Lỗ Giang, phủ Long Hưng, tạm an táng ở cung Long Hưng.

Thái hậu nhu mì đức tốt, thông minh sáng suốt, nhân hậu với kẻ dưới.

Thượng hoàng có lần làm chuồng hổ ở thềm Vọng Lâu, sai quân sĩ đánh nhau với hổ, [thượng hoàng] ngự trên lầu để xem, thái hậu và phi tần đều theo hầu. Lầu thấp, song chuồng và thềm cũng thấp, hổ bỗng nhiên thoát khỏi chuồng trèo lên lầu. Người trên lầu đều tan chạy cả. Chỉ có Thượng hoàng và Thái hậu cùng 4, 5 thị nữ còn ở đó. Thái hậu nghĩ không khỏi bị hại, mới lấy chiếc chiếu che cho Thượng hoàng và tự che mình. Hổ lên lầu gầm rống rồi nhảy xuống không vồ hại ai cả.

Lại một lần Thượng hoàng ngự điện Thiên An xem đấu voi ở Long Trì. Con voi bỗng nhiên sống thoát, xông tới, định lên điện, tả hữu đều sợ hãi tan chạy cả, chỉ có Thái hậu vẫn ở đó.

[62b] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói :* Hổ hay vồ, voi hay quật, há chẳng đáng khiếp sợ sao. Thế mà Thái hậu đương lúc chúng lồng

lộn xông xáo, tâm thần không dao động, bình tĩnh đối phó vì bà suy nghĩ chín chắn, lý lẽ đã sáng tỏ vậy.

Kẻ người đàn bà dáng điệu mềm yếu mà có thể như thế, so với nàng Tiệp Dư ngày xưa đứng chắn gấu [cho vua]¹, có lẽ cũng không thẹn gì. Kẻ sĩ đại phu, há chẳng nghĩ làm thế nào đạt đến mức suy nghĩ chín chắn, lý lẽ sáng tỏ, để đối phó với mọi chuyển biến của sự cơ sao ?

Có người nói Nhân Tông xem đánh hổ, đấu voi, nếu Thái hậu quả là người hiền, thì nên can ngăn đi, can mà [vua] không nghe, thì coi trăm hoa để tạ tội là phải². Nay lại đi theo để xem, đến lúc nguy cấp, thoát khỏi tai họa là may, sao lại được gọi là hiền ?

Xin thưa : Đó là những lời trách móc quá đáng, không phải là lời bàn thường tình.

[63a] Chiêm Thành sang cống.

Sao Chổi xuất hiện ở vùng sao Tử Vi, sát tới sao Đẩu, sao Khôi, tia sáng hơn 1 thước, đến trăm ngày mới tắt.

Nhà Nguyên sai Binh bộ thượng thư Lương Tăng dụ vua vào châu. Vua lấy cơ có bệnh từ chối, sai Đào Tử Kỳ sang tặng phượng vật. Nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng, lập An Nam hành tỉnh, lấy bọn Binh chương Lưu Nhị Bạt Đô³ cầm quân đóng ở Tĩnh Giang⁴, đợi lệnh tiến đánh. Tháng giêng năm sau, nguyên Thế Tổ băng. [Nguyên] Thành Tông⁵ lên ngôi, xuống chiếu bãi binh, thả Tử Kỳ về nước.

Phong em là Quốc Chấn làm Huệ Vũ Đại Vương.

-
1. Phùng Tiệp Dư là một cung nhân của Hán Nguyên Đế ; đứng hầu Nguyên Đế xem chuồng gấu, gấu bỗng sông thoát, định treo lên điện, Tiệp Dư đứng chặn trước vua, ngăn không cho gấu đụng đến vua.
 2. Theo tích Khương Hậu, vợ Chu Tuyên Vương, Khương Hậu thấy vua hay dậy trưa, khuyên mãi không được, bèn coi bỏ trăm hoa mà tạ tội. Tuyên Vương từ đấy chăm chính sự, ra châu sớm, bãi châu muộn.
 3. Tức Lưu Quốc Kiệt, Bạt Đô là phiên âm tiếng Mông Cổ (baatur), có nghĩa là "dũng sĩ", "người dũng cảm", là danh hiệu của Lưu Quốc Kiệt.
 4. Tĩnh Giang : tức là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
 5. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt chết ngày Quý Dậu, tháng giêng, năm Giáp Ngọ (18 tháng 2 năm 1294). Nguyên Thành Tông tức là Thiết Mộc Nhĩ (Tampur) lên ngôi, ra lệnh bãi binh đánh Đại Việt.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TOÀN THƯ

QUYỂN VI

[1a]

KỶ NHÀ TRẦN

ANH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên là Thuyên, con trưởng Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, băng ở cùng Trưng Quang, phủ Thiên Trường, táng ở Thái Lăng. Vua khéo biết kế thừa, cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. Song tụ họp nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân dựng gác Ánh Vân, thì chẳng phải là tỳ vết nhỏ trong đức lớn đó sao ?

Giáp Ngọ, Hưng Long năm thứ 2 [1294], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 31). Mùa xuân tháng 2, ngày mồng 7 ban bố các chữ quốc huy : chữ huy của vua là Thuyên, của Nhân Tông là Khâm, của Thánh Tông là Hoảng, của Thái Tông là Cảnh, của Thái Tổ là Thừa, của Nguyên Tổ là Lý ; các chữ nội huy : Thánh Từ hoàng hậu là Phong, Thuận Từ hoàng hậu là Diệu, Hiến Từ hoàng hậu là Oanh, Nguyên Thánh hoàng hậu là [1b] Hâm.

Tháng 3, lấy Nhập nội phán thủ thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Đô áp nha, coi giữ các sắc mục trong ngoài cung Thánh Từ, lấy con Văn Túc Vương¹ là Văn Bích làm Thượng vị Uy Túc hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, Thượng tướng thái sư Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải mất, thọ 54 tuổi.

Quang Khải lúc mới sinh, phát chứng kinh suýt chết, Thái Tông lấy áo của Thượng hoàng và thanh gươm báu truyền quốc để bên cạnh rồi bảo ông : "Nếu sống lại, sẽ ban cho những thứ này".

1. Văn Túc Vương : tên là Đạo Tái, con của Trần Quang Khải.

Đến khi sống lại, Thái Tông nói :

"Gươm báu truyền quốc, không thể trao bừa, chỉ ban cho áo của Thượng hoàng thôi".

Quang Khải có học thức, hiểu tiếng nói của các phiên¹. Trước kia, Thánh Tông thân đi đánh giặc, Quang Khải theo hầu, ghé tể tướng bỏ không, vừa lúc sứ phương Bắc đến. Thái Tông gọi Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn tới bảo :

"Thượng tướng đi theo hầu vắng, trăm định lấy khanh làm Tư đồ để tiếp sứ phương Bắc".

Quốc Tuấn trả lời :

"Việc tiếp [2a] sứ giả, thần không dám từ chối, còn như phong thần làm Tư đồ thì thần không dám vâng chiếu. Huống chi Quan gia đi đánh giặc xa, Quang Khải theo hầu mà bề hạ lại tự ý phong chức, thì tình nghĩa trên dưới, e có chỗ chưa ổn, sẽ không làm vui lòng Quan gia và Quang Khải. Đợi khi xa giá trở về, sẽ xin vâng mệnh cũng chưa muộn".

Đến khi Thánh Tông trở về, việc ấy lại bỏ đấy, vì hai người vốn không ưa nhau.

Một hôm, Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp tới, Quang Khải xuống thuyền chơi suốt ngày mới trở về. Lại Quang Khải vốn sợ tắm gội, Quốc Tuấn thì thích tắm nước thơm, từng đùa bảo Quang Khải :

"Minh mấy cái bản, xin tắm giùm", rồi cởi áo Quang Khải ra, dùng nước thơm tắm cho ông và nói :

"Hôm nay được tắm cho Thượng tướng".

Quang Khải cũng nói : "Hôm nay được Quốc công tắm rửa cho".

Từ đó, tình nghĩa qua lại giữa hai người càng thêm mặn mà. Bản thân làm tướng văn, tướng võ, giúp rập nhà vua, hai ông đứng hàng đầu.

Quang Khải ham học hay thơ, có *Lạc đạo* [2b] tập lưu hành ở đời. Con ông là Văn Túc Vương Đạo Tái cũng nổi tiếng về văn học thời đó, được Thượng hoàng ưu ái hơn các em thúc bá khác.

Bấy giờ, Thượng hoàng đến Vũ Lâm² vào chơi hang đá, cửa núi đá hẹp, thượng hoàng ngự chiếc thuyền nhỏ, Tuyên Từ thái hậu ngồi đằng đuôi thuyền, gọi Văn Túc Vương lên mũi thuyền, chỉ để một người chèo thuyền thôi. Đến khi Thượng hoàng xuất gia, sắp ra đi, mời Đạo Tái vào diện Dưỡng Đức cung Thánh Từ cho ngồi ăn các món hải vị, làm thơ rằng :

Hồng thấp bác quy cước,

1. Chỉ các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ Đại Việt thời đó. Nhật Duật còn biết tiếng của nước xung quanh Đại Việt, như Hán, Chăm-pa.
2. Tức là xã Vũ Lâm, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

*Hoàng hương chích mã an,
Sơn tăng trì tịnh giới,
Đồng tọa bất đồng xan.
(Quy cước¹ bóc đồ ướt,
Mã yên nướng vàng thơm,
Sơn tăng giữ trai giới,
Cùng ngồi chẳng cùng ăn).*

Tin yêu, quý mến Đạo Tái đến như vậy, định dùng ông vào chức to, nhưng trời không cho sống lâu. Cháu [Quang Khải] là Uy Túc công Văn Bích làm Thái bảo thời Minh Tông, chắc là Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán là Tư đồ đời Nghệ Tông cũng có danh tiếng. Đức trạch [của Quang Khải] thực sâu dày, cùng hưởng phúc với nhà vua từ trước đến sau.

[3a] Tháng 8, Thượng hoàng đích thân đi đánh Ai Lao, bắt được người và súc vật nhiều không kể xiết. Trong chiến dịch này, Trung Thành Vương (không rõ tên) làm tiên phong, bị quân Ai Lao bao vây, Phạm Ngũ Lão dẫn quân ập tới, giải vây, rồi tung quân nghênh chiến, đánh bại quân Ai Lao. Ban kim phù cho Ngũ Lão.

Tháng 9, lấy ngày sinh làm tiết Sùng Thiên.

Thiếu bảo Đinh Cung Viên mất, vua tôn trọng không gọi tên ông.

Ất Mùi, [Hưng Long] năm thứ 3 [1295], (Nguyên Thành Tông Thiết Mộc Nhĩ Nguyên Trinh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, ngày mùng 1, sứ Nguyên Tiêu Thái Đẳng sang.

Vua sai Nội viên ngoại lang Trần Khắc Dụng, Phạm Thảo cùng đi theo, nhận được bộ kinh *Đại tạng* đem về để ở phủ Thiên Trường, in bản phổ để lưu hành.

Mùa hạ, tháng 6, Thượng hoàng trở về kinh sư. Vì [trước] đã xuất gia ở hành cung Vũ Lâm rồi lại trở về.

Bấy giờ, Tuyên Từ thái hậu từ khi Khâm Từ băng, phải quản việc trong cung, tính người khó khăn nóng nảy, dạy bảo rất nghiêm, mà vua vâng theo rất kính cẩn. Thượng hoàng [3b] nói [với vua] :

"Cha tự thẹn xưng là Hiếu Hoàng, nên dùng danh hiệu ấy để gọi Quan gia thì phải".

Ngày 13, người đàn bà ở phường Tây Nhai phía hữu kinh thành là Lê Thị Ta nghe tin chồng là Phạm Mưu đi sứ nước Nguyên ốm mất, thương nhớ không ăn 3 ngày rồi cũng mất. Việc ấy tâu lên, [vua] cho bạc lụa để viếng.

1. *Quy cước*, *mã yên* : là hai món ăn. *Quy cước* là món sò huyết, *mã yên* : chưa rõ là món gì.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Công chúa Thiều Dương nghe tin Thái Tông băng, kêu gào mãi rồi chết ; Lê thị nghe tin chồng chết, không ăn mà chết ; My Ễ phu nhân tiết nghĩa không thờ hai chồng, nhảy xuống sông mà chết ; vợ Ngô Miễn là Nguyễn Thị không phụ nghĩa chồng, cũng nhảy xuống sông chết theo chồng. Mấy người này đức hạnh thuần hiếu, trinh tiết, trên đời thực không có nhiều. Các vua đương thời nên khen họ để khuyến khích đời sau thực là phải lắm ! Nhưng Thiều Dương và Nguyễn thị chưa được nêu khen, cho nên bàn chung cả ở đây.

Truy tặng Đình Cung Viên làm Thiếu phó.

Mùa thu, tháng 8, thi con trai các quan văn từ miện sam¹ trở xuống [4a] ở nhà An Hoa, sung bổ làm thuộc viên nhà ấy.

Bính Thân, [*Hưng Long*] năm thứ 4 [1296], (Nguyên Nguyên Trinh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, Thượng phẩm Nguyễn Hưng đánh bạc, [vua sai] đánh chết.

Phan Phu Tiên nói : Luật pháp nhà Trần nghiêm cấm đánh bạc đến như vậy, thế mà đến đời Dụ Tông lại công nhiên làm vậy, gọi những người giàu vào cung đánh bạc, rồi sau người trong nước bắt chước cái dở ấy, không thể ngăn cấm được nữa. Cuối cùng vì tệ đánh bạc mà rồi mất nước.

Nhân Huệ Vương Khánh Dư từ Bài Áng vào châu.

Người trong trấn kiện Khánh Dư tham lam thô bỉ. Hành khiển đem sự trạng tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu vua :

"Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ ?".

Vua không hài lòng, Khánh Dư bèn trở về. Khánh Dư vào châu không quá 4 ngày đã trở về, vì sợ ở lâu bị vua khiển trách.

Mùa thu, tháng 7, vua [4b] ngự đến Đông Bộ Đầu xem đua thuyền. Được mùa to.

Đinh Dậu, [*Hưng Long*] năm thứ 5 [1297], (Nguyên Đại Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, duyệt định dân binh các xã trong cả nước, bắt đời đời làm lính, không được làm quan theo quy chế cũ.

Đội giáp thành hương.

Sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi đánh sách A Lộc. Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng đi đánh sách Sầm Tử.

1. Theo *Cương mục* thì *miện* là chức hiệu thư quyền miện, người đỡ thám hoa được bỏ chức ấy. Sam là chức bạ thư mạo sam, người đỡ bảng nhãn được bỏ chức ấy.

Ai Lao xâm phạm sông Chàng Long. Phạm Ngũ Lão đánh bại chúng, lấy lại được đất cũ. Ban văn phù cho Phạm Ngũ Lão.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Trần Thì Kiến làm Kiểm pháp quan, nhậm chức Đại an phủ Kinh sư.

Thì Kiến tính người cương trực, trước kia làm môn khách của Hưng Đạo Vương, Vương tiến cử ông, được cất nhắc làm An phủ sứ Thiên Trường. Có người trong hương, nhân ngày giỗ đem biếu mâm cỗ, Thì Kiến hỏi vì cớ gì mà biếu. Người ấy trả lời là vì ở gần trị sở [nên đem biếu] chứ không kêu xin gì. Mấy ngày sau, quả nhiên có việc kêu xin. Thì Kiến [5a] móc họng mửa ra. Đến đây lại được thăng làm Kiểm pháp quan. Mỗi khi có kiện tụng, thì dùng lý lẽ mà bắt bẻ, việc đến thì tìm phương pháp để ứng phó. Người đời đều cho là giỏi xét đoán kiện tụng (Thì Kiến người Cự Sạ, huyện Đông Triều).

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Thì Kiến hành động lạ lùng quá mức dễ uốn nắn cái tệ xin xỏ của người bấy giờ, cũng như Án Anh tận tiện quá mức dễ uốn nắn cái thói xa xỉ tiếm lễ của Quân Trọng vậy.

Mùa đông, tháng 10, sai phủ tông chính khảo chính phủ hệ của họ vua.

Mậu Tuất, [Hưng Long] năm thứ 6 [1298], (Nguyên Đại Đức năm thứ 2), Mùa xuân, ban hai chữ húy là Ngụy 魏 và Châu 珠.

Mùa thu, tháng 8, cấm mọi người không được xưng là "thần" với các nhà đại thần tôn thất.

Thi đánh gậy.

Tháng 9, gió lớn mưa to.

Mùa đông, tháng 10, đánh Ai Lao. Tướng Nguyên đầu hàng là Trương Hiến chết tại trận, được tặng tước minh tự, cho thờ ở Thái Thờng.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Hữu kim ngô vệ đại [5b] tướng quân. Đặt [các quân hiệu] Thượng đô¹, Thủy dạ xoa đô, Chân kinh đô, thích các chữ như "Chân kim"... lên trán.

Tháng 12, sao Chổi 彗 mọc ở phương đông. Vua lánh không ở chính điện, giảm món ăn.

Lấy Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm Đại an phủ Kinh sư.

Lấy Trần Thì Kiến làm Nhập nội hành khiển hữu gián nghị đại phu. Vua ban cho ông cái hốt có khắc bài minh ngự chế.

Thái sơn trình cao,

Tượng hốt trình liệt,

1. Cương mục chép là Thượng chân đô.

Linh trái tiến giác,
 Vì hốt nan chiết
 (Thái sơn rất cao,
 Hốt ngã rất cứng.
 Linh trái¹ dâng sừng,
 Làm hốt khó gãy).

Kỷ Hợi [Hưng Long] năm thứ [1290], (Nguyên Đại Đức năm thứ 3) Mùa hạ, tháng 4, ngày 12, xuống chiếu cấm chữ húy của Khâm Minh Đại Vương và Thiện Đạo quốc mẫu (Khâm Minh tên húy là Liễu 柳; Thiện Đạo tên húy là Nguyệt 月; Thiện Đạo là phu nhân của Liễu) khi làm văn không được dùng. Còn các chữ Ngụy 魏, Tháp 濕, Nam 南; Càn 乾, Tô 蘇, Tuấn 峻, Anh 英, Tảng 賴 khi làm văn phải viết bớt nét. Nhà Trần kiêng tên húy họ ngoại bắt đầu từ đây.

Lấy Phạm Ngũ Lão làm Thân vệ tướng quân kiêm quản quân Thiên thuộc phủ Long Hưng.

[6a] Tháng 5, lấy Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán.

Bấy giờ Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư. Các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu xương bỏ say khướt. Thượng hoàng thông thả đi thăm khắp các cung điện, từ giờ Thìn đến giờ Ty. Cung nhân dâng bữa. Thượng hoàng ngoảnh nhìn không thấy vua, lấy làm lạ, hỏi là Quan gia ở đâu? Cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng ngài không tỉnh. Thượng hoàng giận lắm, lập tức trở về Thiên Trường, xuống chiếu cho các quan ngay ngày mai đều phải tới phủ Thiên Trường để diễm danh, ai trái lệnh sẽ bị xử tội.

Đến giờ Mùi vua mới tỉnh, cung nhân đem việc ấy tâu lên. Vua sợ quá, đi rào ra khỏi cửa cung không thấy ai coi giữ; qua chùa Tư Phúc, thấy học sinh Đoàn Nhữ Hài ở cửa chùa. Vua hỏi: "Sao ngươi lại ở đây?". Nhữ Hài vội vàng lạy rạp xuống đất tâu: "Thần vì mãi học, đi lỡ ra đây". Vua bèn dẫn Nhữ Hài vào buồng ngủ và bảo:

"Vừa rồi trẫm vì say rượu, có tội với Thượng hoàng, giờ trẫm định đến [6b] trước mặt ngài tạ tội, ngươi hãy thảo cho trẫm bài biểu".

Nhữ Hài đứng trước mặt vua, soạn xong tờ biểu. Vua bèn lấy thuyền nhẹ đi ngay, cho Nhữ Hài theo mình.

1. Theo truyền thuyết Trung Quốc, trái là loài thú không chân, có 1 sừng, hễ gặp người không chính trực thì húc nên dùng trái làm biểu tượng cho quan ngự sử giữ việc đàn hặc, hay gián quan giữ việc khuyên can vua.

Sáng sớm hôm sau, vua tới phủ Thiên Trường, dâng biểu tạ tội. Thượng hoàng thấy Nhữ Hải, liền hỏi là người nào. Nội nhân trả lời là người dâng biểu của Quan gia. Thượng hoàng không nói gì.

Buổi chiều, mưa gió to ập đến. Nhữ Hải vẫn cứ quỳ không nhúc nhích. Thượng hoàng hỏi : "Người ở trong sân có còn đấy không". Nội nhân đáp rằng còn. Thượng hoàng bèn sai nhận biểu để xem, thấy lời lẽ khẩn thiết cho gọi vua vào bảo :

"Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được. Trẫm đang sống mà người còn như thế, huống chi sau này ?"

Vua rập đầu tạ tội. Thượng hoàng hỏi : "Ai soạn biểu cho người".

Vua thưa : "Đó là thư sinh Đoàn Nhữ Hải".

(Sử cũ chép việc này vào năm Mùi đời Minh Tông, nay xét nên để ở đây).

Thượng hoàng bèn gọi Nhữ Hải vào và bảo : "Bài biểu người soạn, rất hợp lòng trẫm".

Rồi xuống chiếu cho Quan [7a] gia lại vẫn làm vua ; các quan về triều như cũ.

Vua từ Thiên Trường trở về [Kinh], phong Nhữ Hải làm Ngự sử trung tán. Bấy giờ có người ghen Nhữ Hải tuổi trẻ làm quan to, làm thơ chế giễu rằng :

Phong hiến luận đàm truyền cổ ngữ,

Khẩu tồn nhữ xú Đoàn trung tán.

(Ôn câu chữ cổ : Đãi ngự sử.

Miệng sữa còn hơi : Trung tán Đoàn).

Nhữ Hải là cận thần của vua. Vua nói năng hành động gì đều được biết cả. Đến khi nhận chức này, xem thực lục của sử thần chép, có chỗ lầm lẫn, bèn sửa lại cho đúng, rồi đốt bỏ bản thảo cũ đi.

Vua bái yết sơn lăng.

Tháng 6, tế khắp các thần kỳ núi sông

Mùa thu, tháng 7, xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử.

Tháng 8, Thượng hoàng từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh.

Thượng hoàng có lần ngự cung Trùng Quang, vua đến chầu, quốc công Quốc Tuấn đi theo. Thượng hoàng nói :

"Nhà ta vốn là người hạ lưu (thủy tổ người Hiền Khánh), đời đời chuộng dưng cảm, thường xăm hình rồng vào đùi. Nếp nhà theo nghề võ, nên [7b] xăm rồng vào đùi để tỏ là không quên gốc".

Bấy giờ thợ xăm đã đợi mệnh ở ngoài cửa cung. Vua rình lúc Thượng hoàng quay nhìn chỗ khác, về ngay cung Trùng Hoa. Một lúc lâu, Thượng hoàng hỏi Quan gia đâu

rồi, các quan tả hữu thừa là đã về cung Trùng Hoa. Thượng hoàng bảo : "Quan gia đã trốn rồi chẳng ? thì xăm cho Huệ Vũ Quốc Chấn vậy".

Quốc phụ có xăm hình rồng ở đùi, mà về sau vua nối ngôi không xăm ở đùi nữa là bắt đầu từ Anh Tông.

Lại hỏi quốc sơ, quân sĩ đều xăm hình rồng ở bụng, ở lưng và hai bắp đùi, gọi là "thái long" (rồng hoa). Vì khách buôn người Tống thấy dân Việt ta xăm hình rồng trên người, cho rằng thường luồng biển sợ hình rồng, lỡ gặp gió bão thuyền đắm, thường luồng không dám phạm tới, cho nên gọi là "thái long".

Vua thích vi hành, cứ đêm đến, lại lên kiệu, cùng với hơn chục thị vệ đi khắp trong kinh kỳ, gà gáy mới trở về cung. Có đêm, ra đến quân phường, bị bọn vô lại ném gạch [8a] trúng vào đầu vua. Người theo hầu thét lên : "Kiệu vua đấy". Bọn chúng biết nhà vua, mới tan chạy cả. Một hôm, thượng hoàng thấy đầu vua có vết thương, vặn hỏi, vua cứ thực mà thưa. Thượng hoàng giận dữ hỏi lâu.

In các sách *Phật giáo pháp sự*, *Đạo trường tân văn* và *Công văn cách thức* ban hành trong cả nước.

Tháng 9, xuống chiếu rằng từ năm Canh Dần (1290), Tân Mão (1291) đến nay, phạm bán ruộng đất và mua gia nhân làm nô thì cho được chuộc, nếu để quá năm nay thì không cho chuộc nữa.

Xuống chiếu cho sĩ nhân trong nước ôn luyện để đợi thi.

Lấy nội quan Trần Hùng Thao làm Tham tri chính sự, đồng tri Thánh Từ cung tả ty sự. Sau Hùng Thao can tội phê án tha người nên bị bãi chức.

Canh Tý, [Hưng Long] năm thứ 8 [1300], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 27, động đất 3 lần, suốt từ giờ thân đến giờ tý mới thôi.

Tháng 3 nhuận, Trần Quốc Khang chết.

Quốc Khang từng cai trị Diễn Châu, chọn [8b] con gái đẹp trong châu làm vợ lẽ nàng hầu, nên các con thứ như Huệ Nghĩa, Quốc Trinh đều do các bà Diễn Châu sinh ra. Về sau chức Tri châu Diễn Châu đều do con cháu Quốc Khang làm cả. Đến khi dòng giống thiếu người nối dõi, mới dùng người trong châu làm chức ấy.

Mùa hạ, tháng 4 (không chép ngày), mặt trời rung động.

Tháng 5, ngày 16, xuống chiếu rằng các quan văn võ trong triều ai mới có chữ phê mà không có ấn trướng hạ¹ thì phải giảm 1 tư, người có công đánh giặc thì không phải giảm (đó là xét những thiếp ban cho trong thời gian mất ấn).

Người dân bà lộ Hồng đẻ một con trai có hai đầu.

Tháng 6, ngày 24, sao sa.

1. Ấn trướng hạ : con dấu đóng trong khi hành quân, đánh dẹp.

Hưng Đạo Đại Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng :

"Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào".

Vương trả lời :

"Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế "thanh dã" ¹, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là [9a] một thời. Đời Đinh, Lê dùng được người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ ² mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh ³ là vì có thế.

Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản [binh] chế trường [trận] là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tắm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Và lại, khoan thư sức dân [9b] để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

Quốc Tuấn là con Yên Sinh vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo : "[Người này] ngày sau có thể giúp nước cứu đời".

Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. Yên Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng ⁴, mang lòng hận hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, Yên Sinh cầm tay Quốc Tuấn giới thiệu rằng :

"Con mà không vì cha lấy được thiên hạ, thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được".

Quốc Tuấn ghi để điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải.

Đến khi vận nước lung lay, quyền quân quyền nước đều do ở mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can ông :

"Làm kế ấy tuy được phú quý một thời nhưng để lại tiếng xấu ngàn năm. Nay Đại Vương há chẳng đủ phú và quý hay sao ? Chúng tôi thề xin chết già làm gia nô,

1. *Thanh dã* : làm vườn không nhà trống, khiến quân xâm lược tới không có một nguồn hậu cần tại chỗ nào.

2. *Thành Bình Lỗ* : chưa biết là ở đâu, nhưng có lẽ là nằm trong vùng hương Bình Lỗ hay quận Bình Lỗ đời Lê Đại Hành, tức khu vực nằm giữa sông Cầu và sông Cà Lồ, gần Phù Lỗ, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

3. *Đèo Mai Lĩnh* : tức đèo Đại Dữ, phía nam huyện Đại Dữ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc

4. Tức Trần Thái Tông.

chứ không [10a] muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi ¹.

Quốc Tuấn cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người.

Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương :

"Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào ?".

Hưng Vũ Vương trả lời

"Dẫu khác họ cũng còn không nên, huống chi là cùng một họ !".

Quốc Tuấn ngầm cho là phải.

Lại một hôm Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa :

"Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ ².

Quốc Tuấn rút gươm kể tội :

"Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra", định giết Quốc Tảng, Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương :

"Sau khi ta chết, đây nắp quan tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng".

Mùa thu, tháng 8, ngày 20, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn mất ở phủ đệ Vạn Kiếp, được tặng Thái sư [10b] thượng phụ thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Thánh Tông có soạn bài văn bia ở sinh từ [của Quốc Tuấn], ví ông với Thượng phụ [ngày xưa] ³. Lại vì ông có công lao lớn, gia phong là Thượng quốc công, cho phép ông được quyền phong tước cho người khác, từ mình tự trở xuống, chỉ có tước hầu thì phong trước rồi tâu sau. Nhưng Quốc Tuấn chưa bao giờ phong tước cho một người nào. Khi giặc Hồ vào cướp, Quốc Tuấn lệnh cho nhà giàu bỏ thóc ra cấp lương quân, mà cũng chỉ cho họ làm lang tướng giả chứ không dám cho họ tước lang tướng thực, ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như vậy đấy.

1. Sở Chiêu Vương chạy loạn ra nước ngoài, có người làm thịt dê tên là Duyệt đi theo. Sau Chiêu Vương trở về nước, ban thưởng cho Duyệt. Duyệt từ chối và nói : "Nhà vua mất nước, tôi không được giết dê, nay vua về nước, tôi lại được làm nghề giết dê, tước lộc thế là đủ còn thưởng gì nữa".
2. Cao Tổ nhà Hậu Tống tên là Lưu Dự vốn là người làm ruộng, sau nhân dịp loạn lạc, nổi lên giành được thiên hạ.
3. *Thượng phụ* : tức Lê Vọng, giúp Chu Vũ Vương giành được thiên hạ, Vũ Vương tôn làm thầy, gọi là *Thượng phụ*.

Quốc Tuấn lại từng soạn sách để khích lệ tướng sĩ dưới quyền, dẫn chuyện Kỷ Tín chết thay để cứu thoát Hán Cao ¹, Do Vu giờ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử ². Thế là dạy đạo trung đó.

Khi sắp mất, ông dặn con rằng : Ta chết thì phải hỏa táng, lấy vật tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ, để người đời không biết chỗ nào, lại phải [làm sao cho] mau mọc [11a].

Quốc Tuấn giữ Lạng Giang, người Nguyên hai lần vào cướp, ông liên tiếp đánh bại chúng, sợ sau này có thể xảy ra tai họa đào mả chẳng. Ông lo nghĩ tới việc sau khi mất lại như thế đấy.

Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thị Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trục vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng : "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi". Quốc Tuấn trả lời : "[Bệ hạ] chém đầu tôi trước rồi hãy hàng". Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hề có tai nạn bệnh dịch, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi [11b] đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hề tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

Quốc Tuấn từng soạn sách *Bình gia diệu lý yếu lược* để dạy các tỳ tướng, dụ họ bằng bài hịch như sau :

"Ta từng nghe, Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế ; Do Vu giờ lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương ; Dư Nhượng nuốt than báo thù cho chủ ³ ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước ⁴ ; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung ⁵ ; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc ⁶. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ

1. Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ bao vây, bề tôi là Kỷ Tín giả là Hán Cao Tổ ra hàng. Cao Tổ do đó trốn thoát, còn Kỷ Tín đã bị thiêu chết.
2. Do Vu : là bề tôi của Sở Chiêu Vương thời Xuân Thu. Sở Chiêu Vương lúc lánh nạn bị kẻ cướp đâm. Do Vu đã giờ lưng ra chịu đâm để cứu Chiêu Vương. Sở Tử tức Sở Chiêu Vương.
3. Dư Nhượng : là gia thần của Trĩ Bá nước Tấn thời Chiến Quốc. Trĩ Bá bị Triệu Tương Tử giết, Dư Nhượng đã nuốt than cho khác giọng, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử để báo thù cho chủ.
4. Thân Khoái : là viên quan giữ ao cá cho Tề Trang công đời Xuân Thu. Khi Trang Công bị Thôi Trữ giết, Thân Khoái cũng chết theo.
5. Kính Đức tức Uất Trì Cung là tướng của Đường Thái Tông (lúc ấy còn là Tần Vương Lý Thế Dân). Khi Thái Tông bị Vương Thế Sung vây đánh, Kính Đức xông lên chém tướng giặc, hộ vệ Thái Tông thoát khỏi vòng vây.
6. Nhan Cảo Khanh làm thái thú Thường Sơn, khi An Lộc Sơn nổi loạn đánh đuổi Đường Huyền Tông. Nhan Cảo Khanh dấy quân đánh lại An Lộc Sơn, sau bị bắt, Cảo Khanh luôn miệng chửi An Lộc Sơn, bị Lộc Sơn cắt lưỡi.

mình vì nước, đời nào không có ? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nhi nữ thường tình, thì cũng chết uổng nơi xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, để cùng bất hủ với đất trời ?

Các người vốn nòi võ tướng không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy, nửa tin nửa ngờ [12a]. Thôi việc đời trước, hãy tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Thát¹ mà nói : Vương Công Kiên là người thế nào ; tỳ tướng của ông là Nguyễn Văn Lập (có thuyết cho là Sơn Lập) lại là người thế nào, mà lấy thành Điều Ngự nhỏ như cái đầu chống lại quân Mông Kha đông hàng trăm vạn ; khiến cho sinh linh bên Tống đến nay còn đội ơn sâu². Cốt Đãi Ngột Lang³ là người thế nào, tỳ tướng của ông là Càn Ty Tư⁴ lại là người thế nào, mà xông pha lam chướng trên đường muôn dặm, phá quân Nam Chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay vẫn còn lưu tiếng tốt⁵.

Hướng chi ta cùng các người, sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi khó nhọc, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tắc lưỡi cú điều mà lảng nhục triều đình, ý cái thân dê chó mà bất nạt tẻ phụ. Thác lệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham khôn cùng [12b], giả hiệu Văn Nam Vương⁶ mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào ném thịt cho hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau !

Ta từng tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, nước mắt đầm đìa, ruột đau như cắt, chỉ giận không được ăn thịt, nằm da, nuốt gan, uống máu quân thù, dẫu trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm.

Các người ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, người không có áo, ta cho áo mặc, kẻ không có ăn, ta cấp cơm ăn. Quan thấp thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa ; lúc trận mạc thì cùng nhau sống chết, khi ở nhà thì cùng nhau vui cười, nếu so với Công Kiên dãi dãi kẻ tỳ tướng, Ngột Lang dãi người phụ tá, cũng chẳng kém gì.

[13a] Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường thết yến sứ ngụy mà không biết căm, hoặc lấy chọi gà làm vui,

1. Thát : tức Thát Đát, chỉ Mông Cổ.

2. Vương Công Kiên tức Vương Kiên, tri châu Hợp Châu (Tứ Xuyên) đã huy động nhân dân anh dũng chiến đấu ở núi Điều Ngự, cầm cự với đạo quân Mông Cổ do vua Nguyên Mông Ke chỉ huy trong 4 tháng trời, cho đến khi Mông Ke ốm chết dưới thành Điều Ngự, quân Mông Cổ phải rút.

3. Tức Uryangkhađai (Uriyangqadai), tên tướng Mông Cổ đã đánh chiếm vùng Văn Nam và tiến quân vào nước ta năm 1258. Tên của Uryangkhađai ở các thư tịch có nhiều cách phiên âm : Ngột Lương Hợp Đài, Ngột Lương Hợp Thái, Ngột Lương Cáp Đài, Ô Đặc Lý Cáp Đạt, Ô Lan Cáp Đạt....

4. bản *Hoàng Việt văn tuyển* chép là Xích Tu Tư.

5. Năm 1253, Hốt Tất Liệt và tướng Uryangkhađai vượt sông Kim Sa đánh chiếm thủ đô nước Đại Lý. Chỉ trong vài tuần, nước Đại Lý bị chinh phục, vua Đại Lý là Đoàn Hưng Trí bị bắt và dẫu hàng. Nam Chiếu nói đến trong bài hịch là chỉ nước Đại Lý bấy giờ, ở vùng Văn Nam, Trung Quốc.

6. Văn Nam vương : tên là Hốt Kha Xích (Hugodi), con trai của Hốt Tất Liệt. Cuối năm 1267, Hốt Tất Liệt phong Hốt Kha Xích làm Văn Nam vương, đem quân đóng giữ đất nước Đại Lý cũ ở Văn Nam.

hoặc lấy đánh bạc làm thú, hoặc chăm chút vườn ruộng để nuôi gia đình, hoặc quyến luyến vợ con chỉ vì ích kỷ, hoặc lo làm giàu mà quên việc quân việc nước, hoặc ham săn bắn mà bỏ việc đánh việc phòng, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mèo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, vườn ruộng giàu không thể chuộc được tám thân ngàn vàng, vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu nhiều, khôn mua được đầu giặc ; chó săn tuy khỏe, khôn đuổi được [13b] quân thù. Chén rượu ngon không đầu độc được quân thù, tiếng hát hay không chọc thủng được tai giặc. Lúc bấy giờ, chúa tôi nhà ta đều bị bắt, đau xót biết dường nào ! Chẳng những thái ấp của ta bị tước, mà bổng lộc các người cũng về tay kẻ khác, chẳng những gia quyến ta bị đuổi, mà vợ con các người cũng bị người khác bắt đi, chẳng những xã tắc tổ tông của ta bị người khác giày xéo, mà mồ mả cha mẹ các người cũng bị người khác bới đào, chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, dẫu trăm đời sau, tiếng nhớ khôn rửa, tên xấu mãi còn, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng là viên bại tướng. Lúc bấy giờ, dẫu các người có muốn thỏa lòng vui thú, phỏng có được không ?

Nay ta bảo rõ các người : Nền nhớ chuyện "đặt mỗi lửa vào dưới đồng cùi" ¹. làm nguy cơ, nên lấy điều "kiềng [14a] canh nóng mà thổi rau nguội" ² làm răn sợ. Hãy huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông ³, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, để có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, phơi xác Vân Nam Vương ở Cảo Nhai ⁴. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi lưu truyền, mà bổng lộc các người cũng đời đời được hưởng, chẳng những gia quyến của ta được yên ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu của ta được muôn đời tế lễ, mà ông cha các người cũng được thờ cúng quanh năm, chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà các người trăm năm về sau tiếng thơm vẫn còn. Chẳng những danh hiệu ta lưu truyền mãi mãi, mà họ tên các người cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ, dẫu các người không muốn vui thú phỏng có được không ?

Nay ta chọn binh pháp các nhà, soạn thành một quyển, gọi là [14] *Binh thư yếu lược*. Các người nếu biết chuyên tập tập sách, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là tôi chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo, thì trọn đời là cừu thù.

Vì sao vậy ? Vì giặc Mông Thát là kẻ thù không đội trời chung, mà các người cứ diêm nhiên không nghĩ rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, thế là

1. Câu trong sách *Hán thư* : "Ôm mỗi lửa đặt dưới đồng cùi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên".
2. Câu ở *Sở từ* : "Kẻ sợ canh nóng thường thổi cả rau nguội".
3. *Bàng Mông*, *Hậu Nghệ* : là hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung Quốc.
4. Vốn là nơi trú ngụ của các vua "man di" khi vào châu vua Hán ở Trường An. Ở đây chỉ nơi dành cho các sứ bộ nhà Nguyên lưu trú trong kinh thành bấy giờ.

quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giờ tay không mà chịu thua giặc, khiến cho sau khi dẹp giặc, muôn đời đề nhớ, thì còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở nữa ? Cho nên, ta viết bài hịch này để các người biết rõ lòng ta !".

Quốc Tuấn lại sưu tập binh pháp các nhà, làm thành Bộ quai cừ cung đồ, đặt tên là *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*. Nhân Huệ Vương Khâm Dư viết bài tựa cho sách ấy như sau :

"Người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần phải đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết.

Ngày xưa Cao Dao làm sĩ [15a] sư¹ mà không ai dám trái mệnh, đến Vũ Vương, Thành Vương nhà Chu làm tướng cho Văn Vương, Vũ Vương², ngầm lo sửa đức, để lật đổ nhà Thương mà dấy nên vương nghiệp, thế là người giỏi cầm quân thì không cần phải bày trận vậy. Vua Thuấn mùa mợc và mùa lông trĩ mà họ Hữu Miêu đến châu³, Tôn Vũ nước Ngô đem người đẹp trong cung thử tập trận mà phía tây phá nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp nước Tấn, nước Tần, nổi tiếng chư hầu⁴, thế là người khéo bày trận không cần phải đánh vậy. Đến Mã Ngập⁵ nước Tấn theo bát trận đồ, đánh vận động hàng ngàn dặm, phá được Thụ Cơ Năng để thu phục Lương Châu. Thế gọi là người đánh giỏi không bao giờ thua vậy.

Cho nên *trận* nghĩa là "trần", là bày ra, là khéo léo. Ngày xưa, Hoàng Đế lập phép tinh diên⁶ để đặt binh chế. Gia Cát⁷ xếp đá sông làm bát trận đồ, Vệ Công⁸ sửa lại làm thành Lục hoa trận. Hoàn Ôn⁹ lập ra Xà thế trận có vẽ các thế trận hay, trình bày thứ tự, rõ ràng, trở thành khuôn phép. Nhưng người đương thời ít ai hiểu được, thấy muôn đầu ngàn mối, cho là rối rắm, chưa từng biến đổi. [15b] Như Lý Thuyên¹⁰ có soạn những điều suy diễn của mình, những người đời sau cũng không hiểu ý nghĩa. Cho nên Quốc công ta mới hiệu đính, biên tập đồ pháp của các nhà, soạn thành một sách, tuy ghi cả những việc nhỏ nhặt, nhưng người dùng thì nên bỏ bớt chỗ rườm rà, tóm lược lấy chất thực.

1. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Cao Dao làm sĩ sư thời Ngụ Thuấn. Sĩ sư là chức đứng đầu về việc hình ngục thời đó.
2. Vũ Vương làm tướng cho Văn Vương, Thành Vương làm tướng cho Vũ Vương, đều là những người có công lớn khai sáng ra nhà Chu.
3. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Hữu Miêu là một tộc ở phía Nam, nổi lên chống lại Thuấn, Thuấn dùng thủ đoạn vô về để thu phục..
4. Tôn Vũ người nước Tề, làm tướng cho Ngô Vương Hạp Lư (đời Xuân Thu) lấy cung nhân của Hạp Lư, tập bày đánh trận, về sau giúp nước Ngô thu phục chư hầu, mở rộng đất đai
5. Sách *Tấn thư* (q.27) chép là Mã Long.
6. Đây là truyền thuyết. Thực ra phép tinh diên có từ đời Chu.
7. *Gia Cát Lượng* : tên tự là Khổng Minh, người đời Tam Quốc, giúp Lưu Bị dựng nên nước Thục, cùng hai nước Ngô và Ngụy tạo thành thế chân vạc.
8. *Vệ Công* : tức Lý Tĩnh đời Đường Thái Tông, đã mở phòng bát trận đồ của Gia Cát Lượng làm ra Lục hoa trận, trận lớn bọc trận nhỏ, gọi là *Lý Vệ Công binh pháp*.
9. *Hoàn Ôn* : tên tự là Nguyên Tử, một danh tướng đời Tấn, làm đến chức Đại tư mã, đã đánh Ngụy, Tiền Tần..., nổi tiếng thời đó.
10. *Lý Thuyên* : người đời Đường, soạn sách *Thái bạch âm kinh* nói về mưu lược dùng binh.

[Sách] gồm đủ ngũ hành tương ứng¹, cửu cung suy nhau², phối hợp cương nhu, tuần hoàn chẵn lẻ. Không lẫn lộn âm với dương, thần với sát, phương với lợi, sao lành, hung thần, ác tướng, tam cát, ngũ hung³, đều rất rõ ràng, ngang với Tam Đại, trăm đánh trăm thắng. Cho nên, đương thời có thể phía bắc trấn ngự Hung Nô⁴, phía nam uy hiếp Lâm Ấp⁵. Rồi dùng sách này dạy bảo [con cháu] làm gia truyền, không tiết lộ ra ngoài. Lại có lời dặn rằng: "Sau này, con cháu và bồi thần của ta, ai học được bí thuật này phải sáng suốt mà thi hành, bày xếp [thế trận]; không được ngu dốt mà trao chữ truyền lời. Nếu không thế thì mình chịu tai ương mà vạ lây đến con cháu. Thế gọi là tiết lộ thiên cơ đó".

[16a] Ngày 21, hoàng tử Mạnh sinh.

Bấy giờ, các hoàng tử đều không nuôi được, đến khi Mạnh sinh, vua nhờ công chúa Thụy Bảo [tức là cô của Nhân Tông] nuôi hộ. Nhưng công chúa cho là bấy giờ bà đương có vận hạn, lại nhờ Nhật Duật nuôi. (Nhật Duật là anh công chúa Thụy Bảo). Nhật Duật coi là trách nhiệm của mình, chăm sóc, nuôi nấng, không khác gì con mình. Nhật Duật nghĩ rằng con trưởng của mình tên là Thánh An, con gái tên là Thánh Nô, mới đặt tên cho hoàng tử là Thánh Sinh, vì muốn [tên của hoàng tử] cũng giống với tên con mình. Hoàng tử từ bé nhờ nuôi nấng, đến khi lên ngôi vua, công chăm nom của Nhật Duật rất nhiều.

Mùa đông, tháng 10, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ. Quan văn thì đội mũ chữ đình màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh vẫn như quy chế cũ. Ống tay áo của các quan văn võ rộng 9 tấc đến 1 thước 2 tấc, không cho dùng từ 8 tấc trở xuống. Các quan văn võ không được mặc xiêm, tụng quan không được mặc thường (mũ toàn hoa xanh có hai vòng vàng đính vào hai bên).

[16b] Tân Sửu, [Hưng Long] năm thứ 9 (1301) (Nguyên Đại Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng các quan văn võ đều đội mũ chữ đình, thêm miếng lụa bọc tóc màu tía xen màu biếc.

Gả công chúa Thiên Trân cho Uy Túc công Văn Bích⁶, phong Văn Bích làm Phò ký lang.

1. *Ngũ hành*: là thủy, hỏa, kim, mộc, hòa. Ở đây là vận dụng thuyết ngũ hành tương ứng trong binh pháp.
2. *Cửu cung*: 9 cung. Khái niệm *cửu cung* ban đầu được đưa ra một cách mơ hồ trong *Cần tạo độ* của Kinh Dịch: "Thái Nhất lấy số của nó đi qua cửu cung, 4 chính và 4 duy đều hợp thành 15". Trịnh Huyền chú thích là thần Thái Nhất (hay Thái Ất) ở cung giữa, lần lượt tuần hành 8 cung bát quái ở chung quanh. Cũng từ đó, người Hán lập thành *cửu cung số*, gồm 9 cung, tức 9 ô vuông trong một hình vuông, 3 ô hàng trên mang các số 4, 9, 2, 3 ô hàng giữa mang các số 3, 5, 7; 3 ô hàng dưới mang các số 8, 1, 6. Như vậy đó là một ma trận (ảo phương) mà tổng các cột ngang, dọc và chéo đều bằng 15. Người ta thần bí hóa *cửu cung* và về sau đến đời Tống, người ta lại coi *cửu cung số* là "Lạc thư".
3. Cương nhu, chẵn lẻ, âm dương, thần sát, phương hướng, tinh tú, hung thần, ác tướng, tam cát, ngũ hung... đều là các khái niệm được dùng trong việc lập trận đồ thời xưa.
4. Chỉ nước Nguyên.
5. Chỉ vương quốc Chiêm Thành (Chăm-pa).
6. *Văn Bích*: là con Đạo Tái, cháu Quang Khải.

Lấy Trần Thị Kiến làm Tham tri chính sự. Trước đó, khi Thị Kiến làm gián nghị, can tội chưa giấu dân đinh bị bãi chức, vua nghĩ không phải là cố ý, nên có lệnh này.

Tháng 2, Chiêm Thành sang cống.

Tháng 3, Thượng hoàng vân du các nơi, sang Chiêm Thành.

Ái Lao sang cướp Đà Giang, sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, gặp quân giặc ở Mường Mai¹, giao chiến, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão làm Thân vệ đại tướng quân, ban cho quy phù.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Soát tù. Có mưa.

Phong con trưởng của Hưng Nhượng Đại Vương là Quang Triều làm Văn Huệ Vương.

Mùa đông, tháng 11, Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về.

Trần Hùng Thao lại được làm Tham tri chính sự, rồi được cử làm Tả bộc xạ.

[17a] Đới to.

Nhâm Dần, [Hưng Long] năm thứ 10 [1302], (Nguyên Đại Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, lấy thái úy Đức Việp làm thống chính thái sư ; Huệ Võ Đại Vương Quốc Chấn làm Nhập nội bình chương ; Chiêu Văn Vương Nhật Duật làm Thái úy quốc công.

Theo quy chế cũ : Tân vương² vào làm tể tướng thì gọi là Quốc công thượng hầu, nếu vào nội đình thì gia phong Quan nội hầu.

Có đũa nghịch thần tên là Biếm làm loạn. Sai Phạm Ngũ Lão đi đánh, Biếm bị giết. Phong Phạm Ngũ Lão làm Điện súy, ban cho hỏ phù.

Bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến sông Yên Hoa³. Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó.

Quý Mão, [Hưng Long] năm thứ 11 [1303], (Nguyên Đại Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, thượng hoàng ở phủ Thiên Trường [17b], mở hội Vô lượng pháp ở chùa Phổ Minh, bố thí vàng bạc tiền lụa để chẩn cấp dân nghèo trong nước và giảng kinh Giới thí.

Tháng 2, lấy Đô áp nha thượng vị Chiêu Hoài hầu Hiện làm Nhập nội phụ quốc thái bảo.

1. Mường Mai : nay là đất huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

2. Bản dịch cũ chưa là "Tân vương", có lẽ đúng hơn.

3. Yên Hoa : nay là Yên Phụ ở Hà Nội. Thực ra không phải năm này (1302), đạo sĩ Hứa Tông Đạo mới đến Đại Việt. Theo bài minh trên chuông Thông Thánh Quán ở Bạch Hạc (Việt Trì), do chính Hứa Tông Đạo soạn năm Đại Khánh thứ 8 (1321), thì ông đã đến Đại Việt vào năm Bính Tý (1276). Ông là người hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến.

Mùa đông, tháng 10, qui định kiểu mũ của vương hầu : người tóc dài đội mũ triều thiên, người tóc ngắn đội mũ bao.

Lấy Trần Khắc Chung làm Nhập nội đại hành khiển.

(Chức hành khiển mà có thêm 2 chữ "nhập nội" là theo triều Lý, chuyên dùng hoạn quan làm chức ấy. Thời Thánh Tông, thượng tướng Quang Khải khi mới được phong làm nhập nội thái úy, kiêm hàm hành khiển còn có 2 chữ "nhập nội", liền tâu rằng : "Thần từ bên ngoài vào, cho nên thêm chữ "nhập nội", còn các hành khiển khác đều là hoạn quan, sao lại thêm chữ "nhập nội", xin bỏ chữ "nhập nội", Thánh Tông nghe theo. Từ đó, hàm hành khiển chỉ gọi là nội hành khiển. Đến đây, thượng hoàng mới lấy Khắc Chung làm hành khiển, lại thêm 2 chữ "nhập nội" như xưa và dùng cả sĩ phu làm hành khiển).

Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Tham tri chính sự.

Trước đây, vua sai Nhữ Hài đi sứ Chiêm Thành, Nhữ Hài xin yết kiến Thượng hoàng ở chùa Sùng Nghiêm núi Chí Linh, suốt ngày không được gặp. Một lát sau, pháp giá ra chơi, Nhữ Hài đến bái yết [18a]. Thượng Hoàng nói chuyện với Nhữ Hài có đến một giờ. Khi trở về, Thượng hoàng bảo tả hữu :

"Nhữ Hài đúng là người giỏi, hẳn được Quan gia sai khiến là phải".

Trước đây, sứ nước ta tới Chiêm Thành, đều lạy chúa Chiêm trước, rồi sau mới mở chiếu thư. Đến khi Nhữ Hài tới, liền bưng ngay chiếu thư để lên trên án và nói với chúa Chiêm :

"Từ khi sứ thiên triều mang chiếu thư của thiên tử sang, xa cách ánh sáng lâu ngày, nay mở chiếu thư, thực như trông thấy mặt thiên tử, tôi phải lạy chiếu thư đã, rồi mới tuyên đọc sau". Rồi lập tức hướng vào tờ chiếu mà lạy. Lúc ấy, chúa Chiêm đứng bên cạnh, lạy thế không khỏi có chút chưa ổn, nhưng lấy cớ là lạy chiếu thư thì về lý là thuận, mà sứ tiết cũng không phải khuất.

Hôm sau, Nhữ Hài treo bảng cấm buôn bán ở Tỷ Ni ¹ (bến cảng của Chiêm Thành, nơi tụ tập các thuyền buôn), tuyên đọc xong, treo bảng lên, lại gọi viên coi cảng đến bảo :

"Chỗ này người buôn bán tụ họp phức tạp, lại là bến tàu xung yếu, khó giữ gìn, [18b] sứ thần về rồi, cất ngay bảng đi, đừng để mất".

Ý ông cho rằng Chiêm Thành tuy đã thần phục, nhưng thực ra chưa chịu nội phục, bảng cấm rốt cục cũng bị bỏ đi, cho nên nói trước như vậy, không để tự họ làm như thế. Sau này, đi sứ Chiêm Thành, không lạy chúa Chiêm là bắt đầu từ Nhữ Hài. Khi về nước, vua rất khen ngợi ông và quyết ý dùng vào chức to, cho nên có lệnh này.

1. Tỷ Ni còn gọi là Thi Lị Bì Nại hay Thi Nại (Sri Vinaya), tức cửa Quy Nhơn ngày nay.

Giáp Thìn, [*Hung Long*] năm thứ 12 [1304], (Nguyên Đại Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, người đàn bà là Lê thị, phường Các Đài, ở cầu bên hữu kinh thành đẻ con gái có hai đầu, bốn chân, bốn tay.

Tháng 2, lấy Bùi Mộc Đạc làm Chi hậu bạ thư chánh chương trông coi cung Thánh Từ.

Mộc Đạc tên tự là Minh Đạo (người Hoàng Giang), họ Phí, tên là Mộc Lạc, có tài năng. Thượng hoàng cho rằng họ Phí từ xưa không thấy có, mới đổi làm họ Bùi, cái tên Mộc Lạc là diễm chẳng lành¹, mới đổi thành Mộc Đạc, sai theo hầu ngày đêm. Đến nay, trao cho chức ấy. Sau này, người [19a] họ Phí hâm mộ danh tiếng của Mộc Đạc, nhiều người đổi làm họ Bùi.

Tháng 3, thi kẻ sĩ trong nước. Ban cho trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi chức Thái học sinh hòa dưỡng thủ, sung làm nội thư gia ; bång nhần Bùi Mộ chức Chi hậu bạ thư mạo sam, sung làm nội lệnh thư gia ; thám hoa lang Trương Phóng chức Hiệu thư quyền miện, sung làm nhị tư ; Nguyễn Trung Ngạn đỗ hoàng giáp ; tất cả 44 người đỗ thái học sinh.

Dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn của Phụng Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày. Còn 330² người khác thì ở lại học tập.

Trung Ngạn mới 16 tuổi, đương thời gọi là thần đồng.

Về phép thi : Trước hết thi ám tả thiên *Y quốc* và truyện *Mục thiên tử*³ để loại bớt. Thứ đến kinh nghi⁴, kinh nghĩa⁵, đề thơ (tức thể cổ thi ngũ ngôn trường thiên) hỏi về "vương độ khoan mẫn"⁶, theo luật "tài nan xạ trị"⁷, về phú thì dùng thể 8 vắn "đề đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm"⁸. Kỳ thứ ba thi chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ tư thi đối sách.

(Đĩnh Chi người Chí Linh [19b], Mộ người Thanh Oai, Phóng người Thanh Hóa).

Sư Du Già nước Chiêm Thành sang ta, chỉ ăn sữa bò.

Thi các thủ phân (thủ phân tức là quan lại nắm việc hình pháp) hỏi phép đối án.

Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu rằng các chữ húy về miếu hiệu, tên vua, thì viết bớt nét.

1. *Mộc Lạc* : có nghĩa là "cây dở, cây rụng".
2. Nguyên bản in là *tam bách tam thiên*, hẳn là chữ *thiên* 十 in nhầm từ chữ *thập* 十. Các bản in đời Nguyên đã chữa lại là *tam bách tam thập*.
3. *Y quốc thiên*, lấy ở *Quốc ngữ*, nội dung nói về đạo trị nước. *Mục thiên tử truyện* bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc, do Quách Phác đời Tấn chữ giải, chép truyện Mục Vương đời Chu. Bản nhả m chữ *thiên tử* thành *thái tử*.
4. *Kinh nghi* : những điều nghi vấn trong kinh điển nho gia.
5. *Kinh nghĩa* : bàn về nghĩa lý trong kinh điển nho gia.
6. Chế độ rộng, ngặt.
7. Tài khó bán trị.
8. Đức độ để vương vốn ưa sự sống, phù hợp với lòng dân.

Tháng 8, cấm chữ húy miếu hiệu nhà Lý 8 chữ : Uẩn, Mã, Tôn, Đức, Hoán, Tộ, Cán, Sảm, viết bớt nét.

Tháng 9, xuống chiếu rằng, khi áp tay vào giấy tờ hình án hay văn tự thì dùng hai đốt của ngón tay vô danh ¹ bên trái.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu thi kẻ sĩ trong nước, hỏi về 7 khoa.

Tháng 12, sao Chổi mọc ở phương nam.

Trần Hùng Thao xin từ chức Tả bộc xạ, y cho.

Lấy Đoàn Nhữ Hài tri Khu mật viện sự.

Vua đối với người tôn thất như Bảo Hưng (không rõ tên) thân yêu hết mực, nhưng không trao cho việc chính sự, vì không có tài. Còn như Nhữ Hài chỉ là một nho sinh thôi, nhưng vì có tài, nên không ngại trong việc ủy dụng nhanh vọt.

[20a] Xuống chiếu cho phủ Tông chính soạn ngọc phả của họ vua.

Ất Ty [*Hưng Long*] năm thứ 13 [1305], (Nguyên Đại Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, sách phong hoàng tử thứ tư là Mạnh làm Đông cung thái tử, (vua) làm bài *Dược thạch châm* ² ban cho.

Tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc Vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết.

Tháng 3, nước La Hôi ³ sai người dâng vải liễn la và các thứ khác.

Lấy Trần Thì Kiến làm Tả bộc xạ.

Bấy giờ có viên độc bạ là Trần Cự tính khoan hậu, cẩn thận, thật thà, giỏi nghề đánh cá, bắn nỏ và chơi cầu. Vua sai dạy thái tử các nghề ấy.

Cự mỗi khi sắp đánh đàn, thì trước hết cắt đầu dây, buộc lại cho chặt dây rồi sau mới gảy. Có người hỏi [20b] có làm sao, Cự trả lời : "Nếu khúc đàn chưa hết mà dây đứt thì làm thế nào ?".

Cự làm cầu thì cân nhắc các múi da, cho mười hai múi cân nhau, duy ba múi ở miệng cầu là chỗ bỏ cái bong bóng lợn vào thì hơi mỏng và nhẹ, để cân với sức nặng ở đầu bong bóng, cho nên khi đá cầu, múi nào ở trên đến lúc rơi xuống đất lại nguyên như cũ, không bao giờ chuyển khác.

Người đời bắn nỏ, chân đứng cũng như bắn cung, tức là kiểu chữ "đinh" không thành, chữ "bát" không ngay. Cự thì đứng ngay ngắn mà bắn và bảo mọi người :

1. Cũng gọi là ngón đeo nhẫn, ngón áp út.

2. *Dược thạch châm* : nghĩa là bài châm khuyến răn, có tác dụng như thuốc thang.

3. *La Hôi* : có lẽ là nước La Hộc (Lava) ở Laphuri, Thái Lan.

"Phàm bắn cung thì tay trái giơ ra phía trước nắm lấy thân cung, tay phải kéo dây cung về phía sau, mình đã nghiêng thì chân cũng phải lệch, còn bắn nỏ thì đưa cân bằng ra phía trước, cho nên khi cầm nỏ mà bắn, thân mình ngay ngắn, thì có gì chân lại phải đứng lệch ?".

Nhà ông ta ở và thuyền ông ta đi, đều có hai cửa đối nhau, xếp đặt, bày biện các thứ cũng cân đối và phải ngay ngắn, vì là bản [21a] tâm như vậy, cho nên biểu hiện ở mọi việc làm cũng như vậy.

Cụ người Cứu Liên, vốn có mối hận với Cứu Liên, thề rằng chân không giẫm lên đất ấy nữa. Sau này trở về Cứu Liên thì đi thuyền, đến khi lên bộ thì đi kiệu vào cửa, tới giường mới xuống kiệu, thức ngủ, ăn uống đều ở trên giường. Khi nào chơi xem vườn ao thì sai khiêng giường đến chỗ đó, hết hứng thì trở về, lại ngồi kiệu, lên thuyền... Cứ như thế cho đến hết đời, chưa hề giẫm một bước xuống đất [Cứu Liên]. Ông ta giữ lòng bền rắn một mực như vậy đó, đời xưa gọi thế là người gàn.

Bính Ngọ, [Hưng Long] năm thứ 14 [1306], (Nguyễn Đại Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, Thống chính thái sư Tá Thiên Đại Vương Đức Việp mất (thọ 42 tuổi).

Mùa hạ, tháng 6, gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành Chế Mân.

Trước đây, Thượng hoàng vân du sang Chiêm Thành, đã hứa gả rồi. Các văn sĩ trong triều ngoài nội [21b] nhiều người mượn chuyện vua Hán đem Chiêu Quân gả cho Hung Nô làm thơ, từ bằng quốc ngữ để châm biếm việc đó.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Ngày xưa, Hán Cao hoàng vì nước Hung Nô nhiều lần làm khổ biên cương, mới lấy con gái nhà dân làm công chúa gả cho Thiên Vu ¹.

Kết hôn với người không cùng giống nòi, các tiên nho đã từng chê trách, song dụng ý là muốn bình yên, dân nghỉ, thì còn có thể nói được. Nguyên Đế thì vì Hồ Hàn² sang châu, xin làm rể nhà Hán, nên lấy Vương Tường mà ban cho, cũng là có cớ.

Nhân Tông đem con gái gả cho chúa Chiêm Thành là nghĩa làm sao ? Nói rằng nhân khi đi chơi đã trót hứa gả, sợ thất tín thì sao không đổi lại lệnh đó có được không ? Vua giữ ngôi trời mà Thượng hoàng đã xuất gia rồi, vua đổi lại lệnh thì có khó gì, mà lại đem gả cho người xa không phải giống nòi để thực hiện lời hứa trước, rồi sau lại dùng mưu gian trá cướp về, thế thì tín ở đâu ?

[22a] Mùa thu, tháng 9, ngày 15, giờ Tuất, nguyệt thực.

1. *Thiên vu* : tên gọi chúa Hung Nô

2. *Hồ Hàn* : tức Hồ Hàn Da, một thiển vu Hung Nô. Đời Hán Nguyên Đế, Hồ Hàn Da sang châu và xin làm rể nhà Hán, Nguyên Đế đem Vương Tường (tức Chiêu Quân) gả cho.

Sai thiên chương học sĩ Nguyễn Sĩ Cố giảng *Ngũ kinh*. Sĩ Cố thuộc dòng Đông Phương Sóc¹, giỏi khôi hài, hay làm thơ phú quốc ngữ. Nước ta làm nhiều thơ phú bằng quốc ngữ bắt đầu từ đó.

Hành khiển trí sĩ Nguyễn Kiên Ngô về châu, tự xưng là Liễu Nhiễu. Kiên Ngô tính thẳng thắn, vua ưu đãi, quý trọng, không gọi tên để khuyến khích những người tuổi già vẫn giữ quyền vị.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu bảo.

Sai Hàn lâm học sĩ Lê Tông Nguyên, Trung thị đại phu Bùi Mộc Đạc sang Nguyên đáp lễ.

Đinh Mùi, [*Hưng Long*] năm thứ 15 [1307] (Nguyên Đại Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, đổi hai châu Ô, Lý thành châu Thuận và châu Hóa. Sai Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vỗ yên dân hai châu đó.

Trước đây chúa Chiêm Thành Chế Mân đem đất hai châu đó làm lễ vật dẫn cưới, nhưng người các thôn La Thủy, Tác Hồng, Đà Bồng không chịu theo. Vua [22b] sai Nhữ Hài đến tuyên dụ đức ý [của nhà vua] chọn người trong bọn họ trao cho quan tước, lại cấp ruộng đất, miễn tô thuế 3 năm để vỗ về.

Tháng 3, ngày 17, giờ Ty, mặt trời có hai quầng, như hình hai cầu vòng giao nhau.

Mùa hạ, tháng 5, chúa Chiêm Thành Chế Mân chết.

Mùa thu, tháng 9, nước to, vỡ đê Đam Đam.

Thế tử Chiêm Thành Chế Đa Đa sai sứ thần Bảo Lộc Kê sang dâng voi trắng.

Mùa đông, tháng 10, sai Nhập nội hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung, An phủ Đặng Văn sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Đa Đa về.

Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung, mượn cớ là sang viếng tang và nói với [người Chiêm] : "Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh [23a] hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu".

Người Chiêm nghe theo.

Khắc Chung dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa, đi đường biển loanh quanh chậm chạp, lâu ngày mới về đến kinh đô.

Hưng Nhượng Đại Vương ghét lắm, mỗi khi thấy Khắc Chung thì mắng phủ đầu :

1. *Đông Phương Sóc* : tên tự là Mạn Thiển, người đời Hán, giỏi khôi hài, hoạt kê, từng làm Kim mã môn thị trung cho Hán Vũ Đế.

"Thằng này là diêm chẳng lành đối với nhà nước. Họ tên nó là Trần Khắc Chung¹ thì nhà Trần rồi mất về nó chẳng?". Khắc Chung thường sợ hãi né tránh.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Thối gian tà của Trần Khắc Chung thực quá quá lắm ! Không những hấn giở trò chó lợn ở đây mà sau này còn vào hòa với Văn Hiến vu hãm quốc phụ thượng tể² vào tội phản nghịch, làm chết oan đến hơn trăm người. Thế mà hấn được trọn đời phú quý. Không tử nói : Kẻ gian tà được sống sót là may mà thoát tội chẳng?".

Song, sau khi hấn chết, gia nô của Thiệu Vũ [Vương]³ đào xác hấn lên mà vằm nhỏ ra thì lời thánh nhân càng đáng tin.

[23b] Đới.

Mậu Thân, [Hưng Long], năm thứ 16 [1308], (Nguyên Vũ Tông Hải Sơn, Chí Đại năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Trương Hán Siêu làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa thu, tháng 11, ngày mồng 1, mặt trời có hai quầng.

Ngày mồng 3, Thượng hoàng băng ở am Ngọa Vân núi Yên Tử.

Bấy giờ Thượng hoàng xuất gia, tu ở ngọn Tử Tiêu núi Yên Tử, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ⁴. Bà chị là Thiên Thụy ốm nặng, Thượng hoàng xuống núi, tới thăm và bảo :

"Nếu chị đã đến ngày đến giờ thì cứ đi, thấy âm phủ có hỏi thì trả lời rằng : Xin đợi một chút, em tôi là Trúc Lâm đại sĩ sẽ tới ngay".

Nói xong, Thượng hoàng trở về núi, dặn dò người hầu là Pháp Loa⁵ các việc về sau, rồi bỗng nhiên ngồi mà hóa. Thiên [24a] Thụy cũng mất vào hôm đó.

Pháp Loa thiêu [xác Thượng hoàng] được hơn ba ngàn hạt xá ly⁶ mang về chùa Tư Phúc ở kinh sư. Vua có ý ngờ. Các quan nhiều người xin bắt tội Pháp Loa. Hoàng thái tử Mạnh mới 9 tuổi, đứng hầu bên cạnh, chợt thấy có mấy hạt xá ly ở trước ngực⁷, đưa ra cho mọi người xem, kiểm lại trong hộp, thì đã mất một số hạt. Vua xúc động phát khóc, trong lòng mới khỏi ngờ.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Nhân Tông trên thờ Từ Cung làm sáng đạo hiếu, dưới dùng người giỏi, lập nên võ công. Nếu không có tư

1. "Trần Khắc Chung" theo tiếng Hán có nghĩa là nhà Trần sắp chấm dứt.

2. Tức Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chấn.

3. Thiệu Vũ Vương là con của Quốc Chấn.

4. Thượng hoàng Nhân Tông là tổ thứ nhất của phái Thiền Trúc Lâm đời Trần.

5. Sư Pháp Loa trước là đệ tử của Trúc Lâm đại sĩ, sau trở thành vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm.

6. Xá ly : phiên âm tiếng Phạn *sarira*, nghĩa là *thân thể*, thuật ngữ Phật giáo, chỉ những phần còn lại sau khi thiêu xác, thường là những hạt nhỏ, được gọi là xá ly. Bản in khắc nhầm chữ Xá ly thành Xá sát.

7. Câu chuyện trên cũng được chép trong *Nam ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng. Theo sách này (chuyện *Tổ linh định mệnh*), xá ly bay vào ống tay áo hoàng tử Mạnh.

chất nhân, minh, anh, võ, thì sao được như thế ? Chỉ có một việc xuất gia là không hợp đạo trung dung, là cái lỗi của bậc hiền giả ¹.

Sứ Nguyên là Thượng thư An Lỗ Khôi ² sang báo tin Vũ Tông lên ngôi. Vua sai Mạc Đĩnh Chi sang Nguyên.

Đĩnh Chi người thấp bé, người Nguyên khinh ông. Một hôm viên tể tướng mời ông vào phủ cho [24b] cùng ngồi. Lúc ấy, đương hồi tháng 5, tháng 6. Trong phủ có bức trướng mỏng thêu hình con chim sẻ vàng đậu cành trúc. Đĩnh Chi vờ ngỡ là chim sẻ thực, vội chạy đến bắt. Người Nguyên đều cười ồ, cho là người phương xa bỉ lậu. Đĩnh Chi kéo bức trướng xuống xé đi. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi tại sao. Đĩnh Chi trả lời :

"Tôi nghe người xưa vẽ cành mai và chim sẻ, chứ chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Nay trong bức trướng của tể tướng lại thêu cành trúc với chim sẻ. Trúc là bậc quân tử, chim sẻ là kẻ tiểu nhân. Tể tướng thêu như vậy là để tiểu nhân trên quân tử, sợ rằng đạo của tiểu nhân sẽ mạnh, đạo của quân tử sẽ suy. Tôi vì thánh triều mà trừ giúp bọn tiểu nhân".

Mọi người đều phục tài của ông.

Đến khi vào chầu, gặp lúc nước ngoài dâng quạt, vua Nguyên sai làm bài minh. Đĩnh Chi cầm bút viết xong ngay, lời bài minh như sau :

"Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô, nhĩ ư tứ thì hề, Y Chu cự nho.

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tái đồ, nhĩ ư tứ thì hề, Di [25a] Tề ngã phu.

Y ! dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ, hữu như thị phù".

(Cháy vàng tan đá, trời đất như lò, người bấy giờ là Y Chu ³ đại nho.

Gió bắc cấm cấm, mưa tuyết mịt mù, người bấy giờ là Di Tề ⁴ đối xo.

Ồi, được dùng thì làm, bỏ thì nằm co, chỉ ta cùng người là như thế ru !)

Người Nguyên lại càng thán phục.

Kỷ Dậu, [Hung Long], năm thứ 17 [1309], (Nguyên Chí Đại năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, đại xá.

Sách phong Đông cung thái tử Mạnh làm Hoàng thái tử. Truy tôn Khâm Từ Bảo Thánh thái hậu làm Thái hoàng thái hậu. Sách phong Thánh Bà phu nhân làm Thuận Thánh hoàng hậu.

1. Nguyên văn : "Hiền giả quá chi dã". Theo chúng tôi, có lẽ Toàn thư đã khắc nhầm từ câu : "Hiền giả chi quá dã", nên dịch như trên.

2. Nguyên bản Toàn thư chép là An Lỗ Uy, nhầm chữ Khôi ra chữ Uy. Nguyên sử, Bản ký (Vũ Tông) chép rằng năm Chí Đại thứ 1 (1308), Lễ bộ thượng thư A Lý Khôi sang nước ta. A Lý Khôi, An Lỗ Khôi hay A Lặc Khôi là những tên phiên âm khác nhau của người Mông Cổ Alqui.

3. Y : là Y Doãn, công thần khai quốc của nhà Thương ; Chu : là Chu Công, công thần của nhà Chu.

4. Di Tề : tức Bá Di, Thúc Tề hai bề tôi trung của nhà Thương, không chịu thần phục nhà Chu, bỏ lên núi Thù Dương ở ẩn, bị chết đói ở đó.

Thứ phi của vua là Phạm thị, là con gái Phạm Ngũ Lão, không có con, xin xuất gia, vua cho.

Mùa đông, tháng 11, trị tội những kẻ đại nghịch là bọn tên Hân.

Tên Hân bị chém ở cầu Giang Khẩu ¹, tên Trù ở cửa thành chợ Dừa ², tên Tổng ở cửa thành Tây Dương ³, tên Dung ở cửa thành Vạn Xuân ⁴. Tên Hân vì ngày trước có công lớn, được miễn tịch thu gia sản. Còn bọn tên Lê 6 người bị dày ra châu Ác Thủy (Ác Thủy thuộc huyện Yên Bang ⁵. Người bị dày ra đó, [25b] không một ai sống nổi). Tên Lê là dòng cuối trong họ nhà vua, được miễn thích chữ vào mặt. Bọn tên Đảo 4 người bị dày ra châu xa. tên Ma vì sai vợ là Thị Vinh ra thú trước, được tha tội. Theo lệ cũ, những kẻ có tội đều bị tước bỏ họ, chỉ gọi tên thôi. Tội đồ thì tuy còn để họ, nhưng cũng chỉ gọi tên không.

Phu nhân Uy Túc công ⁶ là công chúa Thiên Trân mất. Vua thương xót, đến đưa đám.

(Lệ cũ : Những người lấy công chúa, nếu công chúa mất hay bỏ nhau, thì đều không được lấy vợ khác, nếu có lên lấy vợ khác, thì phải giấu giếm vụng trộm. Thiên Trân mất, Uy Túc lăn ra đất khóc lóc không đứng dậy được. Vua đến đưa đám, phải người đỡ hai bên mới ra tiếp được, ai cũng bảo là [Uy Túc] nhất định sẽ không lấy vợ khác nữa, thế mà Uy Túc sau lại lấy Huy Thánh. Văn Huệ công Quang Triều ⁷ lấy công chúa Thượng Trân. Công chúa mất, Minh Tông đến điều tang, Văn Huệ ra đón tiếp tâu bày, như không có vẻ gì đau buồn, mọi người đều cho là (Văn Huệ) thế nào cũng lại lấy vợ khác. Nhưng sau Văn Huệ đi tu đến trọn đời).

Lấy Bùi Mộc Đạc làm Trung thư thị lang.

Canh Tuất, [Hưng Long], năm thứ 18 [1310], (Nguyên Chí Đại năm thứ 3). Mùa thu, tháng 9, ngày 16, rước linh cữu thượng hoàng [26a] về chôn ở lăng Quy Đức, phủ Long Hưng, xá lý thì cất ở bảo tháp am Ngọa Vân ; miếu hiệu là Nhân Tông, tên thụy là Pháp Thiên Sùng Đạo Ứng Thế Hóa Dân Long Từ Hiển Hiệu Thánh Văn Thần Võ Nguyên Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế. Đem Khâm Từ Bảo Thánh thái hoàng thái hậu hợp táng ở đấy.

1. Cầu Giang Khẩu : cầu ở vùng cửa sông Tô Lịch, thuộc phường Giang Khẩu, tức vùng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.
2. Cửa thành chợ Dừa : ở Ô Chợ Dừa, Hà Nội ngày nay.
3. Cửa thành Tây Dương : ở cửa Ô Cầu Giấy, Hà Nội ngày nay.
4. Cửa thành Vạn Xuân : ở phía ngoài phường Ông Mạc, tức Ô Đống Mác ở Hà Nội ngày nay.
5. Nguyên bản chép là huyện Yên Bang, nhưng thực ra Yên Bang là tên lộ thời Trần và tên đạo thời Lê, tức đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn có nói : "Yên Bang là nơi hiểm ác, gọi là viễn châu (châu xa), các triều đại đều dày người đến ở đó".
6. Uy Túc công : tức Trần Văn Bích, con Trần Đạo Tái, cháu Trần Quang Khải.
7. Văn Huệ công : tức Trần Quang Triều, con Trần Quốc Tảng, cháu Trần Quốc Tuấn. Ở trên, đã chép.

Trước đó, linh cữu Nhân Tông tạm quàn ở điện Diên Hiên. Khi sắp đưa rước, đã đến giờ rồi mà quan lại và dân chúng còn đứng chật cả cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi mà vẫn không giãn ra được. Vua cho gọi Chi hậu chánh chương Trịnh Trọng Tử tới bảo :

"Linh cữu sắp đưa rồi mà dân chúng đầy nghẽn như vậy thì làm thế nào ? Người hãy làm cho họ tránh ra".

Trọng Tử lập tức đến thềm Thiên Trì, gọi quân Hải khẩu và quân Hồ dục (quân do Trọng Tử trông coi) đến ngồi thành hàng trước thềm, sai hát mấy câu điệu *Long Ngâm*. Mọi người đều kinh ngạc, kéo nhau đến xem, cung điện mới giãn người, bèn rước [linh cữu thượng hoàng] về lăng Quy Đức.

Trọng Tử lo dọc đường thế nào cũng có chỗ cao thấp quanh co, nếu nghiêm túc im lặng, thì sợ có sự nghiêng lệch, nếu truyền gọi bảo ban thì lại ồn ào, bèn đem những lời dặn về cách đi đứng dàn hàng, phổ vào khúc hát *Long Ngâm*, sai người hát lên để bảo nhau. Người thời ấy rất ca ngợi ông. Ý tứ khéo léo của ông đại loại như vậy. Vua gọi ông là con nhà trời, vì ông hiểu khắp mọi nghề, lớn nhỏ đều thạo, không việc gì là không biết [26b].

(Trọng Tử nhiều tài nghệ, như cưỡi ngựa lạ không cần người giỏi cưỡi ngựa chỉ bảo, chỉ nghĩ cách phòng giữ cho ngựa khỏi lồng chạy đá cắn thối, thế mà thuật cưỡi ngựa không có gì là không biết.

Học thuốc thì không cần hỏi thầy thuốc, cứ theo bài thuốc trong sách, xét chứng xem mạch rồi bốc thuốc, mà cũng không sai lầm. Lại đứng vị xuyên khung trong túi vải, cho gia đồng mang theo để lấy hơi người, không sinh mối mọt.

Học đánh cờ thì vẽ bàn cờ và quân cờ lên trần nhà, rồi ngồi nhìn và suy tính kỹ càng, người đương thời khen là giỏi cờ.

[Trọng Tử] thường mời đạo sĩ làm phép trấn yểm, đạo sĩ vào chỗ ngồi, nhưng mọi việc đều do Trọng Tử làm cả, mà đạo sĩ thì không phải nói một lời nào. Khi công chúa Thiên Trân mất, các vương hầu đều tới điều viếng, thầy cúng làm phép "hú vía", nhưng thiếu người trả lời. Trọng Tử cố hỏi là người trả lời phải đứng ở chỗ nào, rồi đến ngay chỗ khuất người để trả lời, mọi người đều che miệng cười. Đại khái, tài khéo léo của ông đều như thế cả).

[27a] *Sử thần Ngô Sĩ Liên* nói : Triều đình cốt phải nghiêm. Rước đưa linh cữu thì cần gì phải đến tể tướng dẹp người, hữu ty dùng kẻ mới đi được ? Là bởi nhà Trần khoan hậu thì có thừa mà nghiêm khắc thì không đủ vậy !

Xá lý của Nhân Tông đưa cất vào bảo tháp, có sư Trí Thông phụng hầu. Trước đây, khi Nhân Tông xuất gia, sư chùa Siêu Loại là Trí Thông tự đốt cánh tay mình, từ bàn tay đến tận khuỷu tay, vẫn ung dung không biến sắc. Nhân Tông vào xem,

Trí Thông đặt chỗ cho vua ngồi, lạy và nói : "Thần tắp đốt đèn đó ! Đốt đèn xong, về viện ngủ kỹ, ngủ dậy, chỗ bóng lửa phòng lên sẽ khỏi hết".

Đến đây, Nhân Tông băng, Trí Thông liền vào núi Yên Tử ở hầu bảo tháp chứa xá ly. Đến đời Minh Tông, ông tự thiêu mà chết.

Năm này nước to, đói.

[27b] **Tân Hợi**, [*Hưng Long*] năm thứ 19 [1311], (Nguyên Chí Đại năm thứ 4). Đặt đô Toàn kim cương, thích ba chữ ở trán, theo lệ Chân thượng đô. Quân Thiên thuộc có đô Phù đồ thượng và đô Phù đồ hạ.

Nhận con gái của nhà sư người Hồ là Du Chi Bà Lam vào cung.

Sư đã sang ta vào thời Nhân Tông, về người già nua, tự nói là 300 tuổi, có thể ngồi xếp bằng nổi trên mặt nước, lại có thể thu cả ngũ tạng lên ngực, làm cho trong bụng lép kẹp, chỉ còn da bụng và xương sống thôi. Sư chỉ ăn lưu hoàng, mật, rau dưa, ở mấy năm thì về nước, đến nay lại sang ta. Vua lấy con gái sư là Đa La Thanh vào cung. Nhà sư sau mất ở Kinh sư.

(Đời Minh Tông có sư người Hồ là Bồ Đề Thất Lý sang ta, cũng có thể nổi trên mặt nước, nhưng nằm ngửa mà nổi, không giống nhà sư Du Chi).

Mùa đông, tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, vì chúa nước ấy là Chế Chí 制至 (có sách ghi là 制鷲) phản trắc.

Nhâm Tý, [*Hưng Long*] năm thứ 20 [1312], (Nguyên Nhân Tông Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt Hoàng Khánh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, mặt trời [28a] rung động.

Mùa hạ, tháng 5, dụ bắt được chúa Chiêm Thành Chế Chí đem về ; phong em hần là Chế Đà A Bà Niêm làm Á hầu trấn giữ đất ấy.

Trước đó, Chế Chí sai người sang cống. Người ấy là trại chủ Câu Chiêm. Vua sai Đoàn Nhữ Hài bí mật ước hẹn với hần. Đến khi vua đích thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm ba đường : Huệ Vũ Vương Quốc Chấn theo đường núi, Nhân Huệ Vương Khánh Dư theo đường biển, vua tự dẫn sáu quân theo đường bộ ; thủy bộ, cùng tiến. Lấy Đoàn Nhữ Hài làm Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước.

Vua đến Câu Chiêm dừng lại. Nhữ Hài sai người tới chỗ trại chủ, nói rõ ý yêu cầu quốc chủ ra hàng. Trại chủ báo cáo với Chế Chí. Chế Chí nghe theo, đem gia thuộc đi đường biển tới hàng. Nhân Huệ Vương đem quân đuổi theo. Nhữ Hài lập tức chạy thư tâu rằng :

"Khánh Dư định cướp công vua".

Vua giận lắm, sai bắt giám quân của Khánh Dư là Nguyễn Ngỗi đem chặt [28b] chân. Nhân Huệ sợ, đến ngự doanh tạ tội và nói rằng :

"Thần sợ nó đến giữa biển lại đổi bụng khác, nên mới chặn đằng sau thôi".

Vua nguôi giận, sai chia quân đi tuần các bộ lạc. Người Chiêm tụ tập định đánh vào ngư doanh. Tiếng voi đã gần, quân sĩ có vẻ lo sợ. Được vài hôm, quân của Huệ Vũ Vương tự tìm đường mà tới, người Chiêm chạy tan. Trận này không mất một mũi tên mà Chiêm Thành bị dẹp, đó là công sức của Nhữ Hải.

Ngày vua đóng ở Câu Chiêm, Minh Hiến Vương Uất (con út của Thái Tông) ở trong doanh trại, bàn tán biện bác, mê hoặc lòng quân. Vua giận, đuổi ra khỏi dinh, lệnh cho các quân không được thu nhận. Minh Hiến bèn cùng vài mươi gia đồng ngủ ở ngoài nội. Phạm Ngũ Lão nghe tin ấy vội mời vào trong quân và bảo mọi người :

"Thánh thượng vừa quở trách ân chúa và đuổi ra ngoài, lỡ ra bị giặc bắt được, thì chúng nói là bắt được hoàng tử, chứ biết đâu là bị vua [29a] quở trách ! Ngũ Lão thà chịu tội trái lệnh, chứ không nỡ làm lợi cho giặc".

Vua nghe biết, cũng không quở trách ông. Minh Hiến với Ngũ Lão tình nghĩa thì rất thân nhưng lễ ý thì rất sơ sài. Minh Hiến đến nhà Ngũ Lão, thường cùng ngồi với nhau một chiếu, khi về [Ngũ Lão] lại đem biếu tặng vàng bạc, hễ [Minh Hiến] cần gì, cũng không có ý sèn tiếc. Cho nên Minh Hiến thích chơi với ông.

Vua có lần đã trách Ngũ Lão :

"Minh Hiến là hoàng tử, sao ngươi lại khinh xuất thế !". Sau Minh Hiến lại đến nhà, Ngũ Lão vẫn cùng ngồi như xưa, chỉ nói : "Ân chúa chờ đến nhà tôi nữa mà Thánh thượng quở trách tôi".

Nhưng Minh Hiến vẫn lui tới thường xuyên, mà Ngũ Lão cũng không đổi nét cũ. Ấy là vì một người thì cậy của mà cứ giữ lễ tiết sơ sài, một người thì ham của mà quên mất cả phận trên dưới vậy.

Nhà Nguyên sai Lễ bộ thượng thư Nãi Mã Đãi¹ sang báo việc Nhân Tông lên ngôi.

Xa giá trở về, dâng lễ thắng trận [29b] ở các lăng phủ Long Hưng.

Đến sông Thâm Thị², bỗng gặp mưa gió sấm chớp, ban ngày mà tối đen như đổ mực, trong khoảng gang tấc cũng không nhìn thấy nhau. Dây buộc thuyền đều bị đứt cả. Thuyền ngư chìm ở giữa dòng. Vua bám lấy mũi thuyền leo lên mũi, đưa chân cho các cung nữ, nữ quan bám lấy để cùng leo lên mũi. Các thuyền khác đều giạt sang bãi cát. Vua truyền chỉnh đốn lại nghi trượng để về kinh đô.

Tháng 6, vua từ Chiêm Thành về (đến kinh đô). Các quan báii yết đều mặc áo ngắn cả, vì đồ quân phục đều bị ướt hết.

Bấy giờ Hoàng thái tử giám quốc, Chiêu Văn Đại Vương Nhật Duật và Nghi Võ hầu Quốc Tú chỉ huy quân tả hữu Thánh đức ở lại giữ nước.

1. *Nãi Mã Đãi* : các bản *Toàn thư* khác, nhầm thành Nãi Mã Phán, do chữ *Đãi* gần giống chữ *Phán*. Nãi Mã Đãi là phiên âm tên Mông Cổ Naimatai (có nghĩa là "người của bộ lạc Naiman").
2. Theo chú thích của CMCB 9 thì ở huyện Thành Tri, Hà Nội, có xã Thâm Thị. Sông Thâm Thị có lẽ là đoạn sông Hồng chảy qua xã này.

Vua có chiếu tuyên dụ rằng : "Công lao của các quan ở lại giữ nước và các tướng theo ta đi đánh trận là ngang nhau. Vì thái tử còn trẻ dại, nên việc ở lại giữ nước lúc này không giống với các lúc khác, còn các tướng đi theo thì cũng có công". [Nhưng rồi] cũng không tiến hành ban thưởng nữa.

Sai sứ sang Nguyên.

Phong Chế Chí làm Hiệu Trung Vương, 30a] lại đổi làm Hiệu Thuận Vương.

Tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hầu và gia phong danh thần các xứ.

Lập đền thờ thần ở cửa biển Cần Hải ¹.

Trước đây, vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải (trước là Càn, tránh tên húy đổi là Cần), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua : "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi giạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công". Tỉnh dậy, vua cho gọi các bộ lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. [Quân nhà vua] tiến thẳng tới thành Đồ Bàn ², bắt được [chúa Chiêm] đem về. Đến nay, sai hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế.

Truy tôn Chiêu Vương làm Nguyên Tổ Hoàng Đế, Cung Vương làm Ninh Tổ Hoàng đế, Ý Vương làm Mục Tổ Hoàng Đế ³.

[30b] *Sử thần Ngô Sĩ Liên* nói : Vũ Vương nhà Chu lên ngôi, truy tôn hai tổ làm vương ; Thái Tổ nhà Tống được nước, truy tôn bốn đời làm đế. Bởi vì tổ tông tích lũy công đức, nhân nghĩa nên mới có được thiên hạ, thì việc truy tôn huy hiệu cho các miếu thờ là việc cần phải làm gấp. Nhà Trần có thiên hạ, đã lên ngôi đế mà lấy tước vương truy phong cho ba đời đã là việc không thỏa lòng người, đến nay mới truy tôn đế hiệu thì lại có lỗi là dễ chậm chạp.

Quý Sửu, [Hưng Long] năm thứ 21 [1313], (Nguyên Hoàng Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, [truy] tôn Ninh Tổ phụ nhân làm Ninh Từ hoàng hậu, Mục Tổ phụ nhân làm Mục Từ hoàng hậu.

Tháng 2, Hiệu Thuận Vương Chế Chí đến hành cung Gia Lâm, chết, đem hỏa táng.

Tháng 3, sao Chổi mọc ở phương tây.

Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng mất.

1. *Cửa biển Cần Hải* : Tức Cửa Cờn, nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

2. *Đồ Bàn* : là kinh đô của Chiêm Thành, nay thuộc tỉnh Bình Định.

3. Chiêu Vương tức là Trần Lý, Cung Vương là Trần Hấp, Ý Vương là Trần Kinh

Mùa hạ, tháng 6, ngày 20, sét đánh Tam ty viện, thủ phân Lương Lang chết. Truyền cho bản ty bỏ tiền ra làm chay lễ tạ.

Theo lệ ¹ cũ, sét đánh cung điện, đường vũ, [31a] phải làm chay cầu phúc trừ tà thì hữu ty lo đồ bày biện, còn lễ vật cần dùng thì do kho công ban cấp. Các xứ khác thì do bản ty bỏ tiền làm chay lễ tạ.

Mùa đông, tháng 10, duyệt định Vũ quân, đổi quân Vũ tiếp thành quân Thiết ngạc, lấy Đại liêu ban Trần Thanh Ly làm Vũ vệ đại tướng quân thống lĩnh quân này.

Lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hư làm Kinh lược sứ. Bấy giờ Chiêm Thành bị người Xiêm xâm lược, vua sai Thiên Hư đi kinh lược Nghệ An, Lâm Bình để sang cứu. Sau này mọi kế hoạch, lo liệu về biên giới phía tây, Minh Tông đều ủy cho Thiên Hư.

Tháng 12, Phụ quốc thái bảo Chiêu Hoài hầu Hiên mất.

Lấy Trần Khắc Chung làm Tả phụ, tước Quan Phục hầu.

Giáp Dần, [Hưng Long] năm thứ 22 [1314], (từ tháng 3 trở đi là Đại Khánh năm thứ 1, Nguyên Diên Hựu năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3 sắc cho Trung thư ban tên húy của bản triều, thêm các tên húy của Ninh Hoàng và của hai thái hậu Tuyên Từ, Bảo Từ ².

[31b] Ngày 18, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Mạnh. [Thái tử] Mạnh lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh năm thứ 1. Đại xá. [Vua tự] xưng là Ninh Hoàng, tôn Thượng hoàng là Quang Nghiêu Duệ Vũ Thái Thượng Hoàng Đế ; tôn Thuận Thánh hoàng hậu là Thuận Thánh Bảo Từ Thái Thượng hoàng hậu. Quần thần dâng tôn hiệu là Thê Thiên Sùng Hóa Khâm Minh Duệ Hiếu Hoàng Đế.

Truy tặng Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng làm Thái úy.

Mùa đông, tháng 10, thi thái học sinh. Ban tước bạ thư lệnh, sai cục chính Nguyễn Bính giảng dạy để sau này bỏ dụng.

Xuống chiếu cho tam phẩm phụng ngự lập Dung đô để chờ sung bổ.

Đặt đô Phù liễn làm Long vệ tướng. Chọn con trai cấm quân và những người đã thích chữ Kim cương trong quân Thiết ngạc để sung bổ vào.

Sau khi vua nhận nhường ngôi, sứ Nguyên sang, làm lễ đọc quốc thư xong, hôm sau ban yến. Vua mặc áo tràng vật bằng là màu vàng, đội mũ có thao, sứ giả khen [32a] vua là "thanh thoát như thần tiên". Đến khi về nước, [sứ giả] thường nói đến về người thanh tú của vua.

1. Nguyên văn là chữ "lễ", chúng tôi cho rằng *Toàn thư* in lầm.

2. *Tuyên Từ* : là bà hậu của Nhân Tông, *Bảo Từ* : là mẹ đích của Minh Tông.

Sau này, sứ ta sang [Nguyên], có người hỏi rằng : "Tôi nghe nói thế tử về người thanh tú nhẹ nhõm như thần tiên có đúng không ?".

Sứ ta trả lời : "Đúng như thế, song cũng là tiêu biểu cho phong thái cả nước".

Sai Nguyễn Trung Ngạn và Phạm Mại sang Nguyên đáp lễ.

MINH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Mạnh, con thứ tư của Anh Tông, mẹ đích là Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Quốc Tảng, mẹ sinh là Chiêu Hiến hoàng thái hậu Trần thị, con gái của Bảo Nghĩa Đại Vương Bình Trọng. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 58 tuổi, băng ở cung Bảo Nguyên, táng ở Mục Lăng. Vua đem văn minh sửa sang đạo trị nước, làm rạng rỡ công nghiệp của người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục, kỷ cương đủ bày. Tiếc rằng không nhận biết mưu gian của Khắc Chung, để đến nỗi Quốc Chấn phải chết, đó là chỗ kém thông minh vậy.

Ất Mão, Đại Khánh năm thứ 2 [1315], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, đua thuyền.

Tháng 5 [32b] xuống chiếu cấm cha con, vợ chồng và gia nô không được tố cáo lẫn nhau.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua vốn nhân hậu với họ hàng, nhất là đối với bậc bề trên mà hiển quý lại càng tôn kính. Kể thần hạ hễ ai cùng tên (với họ hàng nhà vua) đều phải đổi cả, như Độ đổi thành Sư Mạnh vì là cùng tên với thượng phụ¹, Tung đổi thành Thúc Cao vì là cùng tên với Hưng Ninh Vương² (con trưởng của An Ninh vương)³. Lại các tên của chú bác, cô cậu, khi nói đến vẫn kiêng cả. [Vua] có quyền sở nhỏ biên những chữ húy không được nói đến, trao cho các hoàng tử và cung phi. Chỉ vì ngài có tấm lòng ấy, nên đã có chính tích ấy.

Tháng 6, hạn hán.

Bấy giờ Trần Khắc Chung làm Hành khiển. Quan ngự sử dâng sớ nói :

-
1. Tức Trần Thủ Độ.
 2. Hưng Ninh vương, tức Trần Tung, có tên hiệu Phật giáo là Tuệ Trung thượng sĩ.
 3. Đứng ra là An Sinh Vương, tức Trần Liễu. Ở đây *Toàn thư* nhầm chữ Sinh thành chữ Ninh.

"Chức vụ của tể tướng, trước hết phải điều hòa âm dương. Nay Khắc Chung ở ngôi tể tướng, không biết phối hợp đất trời [33a] cho khí tiết điều hòa, để đến nổi mưa nắng trái thời, thế là làm quan không được công trạng gì".

Khắc Chung nói :

"Tôi lạm giữ chức tể tướng, chỉ biết cố sức làm những việc mà chức vụ phải làm, còn như hạn hán thì hỏi ở Long Vương. Khắc Chung đâu phải là Long Vương mà đổ tội được ?".

Sau nước sông lên to, vua đích thân đi xem đắp đê. Quan ngự sử tâu :

"Bệ hạ nên chăm sửa đức chính, xem làm gì việc đắp đê nhỏ nhất".

Khắc Chung nói :

"Khi dân bị nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp tại họa khẩn cấp đó, sửa đức chính không gì lớn hơn việc đó, cần gì phải ngồi thình, tư lự rồi bảo là "sửa đức chính ?".

Có người bàn rằng : "Khắc Chung đổ lỗi cho Long Vương, đòi quan chê [đắp đê] là việc nhỏ nhất, [hai bên] đều sai cả".

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm tiết Ninh Thiên.

Tháng 9, có sâu lúa.

Mùa đông, tháng 10, có sâu lúa.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Á quan nội hầu.

[33b] **Bính Thìn**, [Đại Khánh] năm thứ 3 [1316], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, xét duyệt quan văn và ¹ hộ khẩu có mức độ khác nhau.

Các quan xét duyệt cho rằng những tấm thiếp đóng ấn gỗ vào năm Nguyên Phong [1251 - 1258] là giả tạo. Thượng hoàng nghe tin ấy, bảo họ :

"Đó đúng là những tấm thiếp của nhà nước đấy". Nhân ôn chuyện xưa ² mà dụ rằng :

"Những người ở trong triều mà không am hiểu điển cũ thì lỡ việc nhiều lắm".

Mùa đông, tháng 11, sai tể thần, tôn thất và các quan gặt ruộng tịch điền.

Sai Nhân Huệ Đại Vương Khánh Dư đi Diễn Châu xét duyệt sổ lính, sổ dân, lấy Nội thư hỏa chánh chương phụng ngự Nguyễn Bính làm phó.

Xong việc về triều, Bính đem tiền bổng dâng nộp. Vua sai hữu ty nhận lấy. Có người hỏi : "Bính nộp tiền bổng mà bệ hạ nhận, thần chưa hiểu là cứ làm sao ?".

1. Dịch chữ "cấp" 及 trong nguyên văn. *Cương mục* sửa lại là "cấp" 级. Bản dịch cũ : "... Xét định lại quân văn, cấp cho hộ khẩu theo thứ bậc khác nhau".

2. Năm Nguyên Phong thứ 7 (1257), trong lúc hành quân chống quân Mông Cổ, ấn vua bị mất, phải khắc ấn gỗ để dùng trong giấy tờ việc quân (xem *Toàn thư*, BK 5, 23b).

Vua đáp : "Bính nộp tiền bông là thành thực, nếu trăm không nhận, thì hãm Bính vào tội dối trá, cho nên nhận lấy để tỏ rõ Bính không gian dối".

Bính là cận [34a] thần của Thượng hoàng, tính người trong sạch thẳng thắn, năm trước đứng đầu hành nhân sang sứ nước Nguyên, trở về không mua thứ gì, Thượng hoàng khen ngợi, đặc cách ban thưởng 2 tư. Theo lệ cũ, những người đi sứ Nguyên về, mỗi người được ban tước 2 tư, người đứng đầu hành nhân trở xuống, mỗi người 1 tư. Bính là người trong sạch thẳng thắn nên được 2 tư.

Lấy Trần Hùng Thao làm Thiếu phó.

Đinh Ty, [Đại Khánh] năm thứ 4 [1317], (Nguyên Diên Hưu năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 3, làm lễ thành hôn cho năm công chúa là Thiên Chân, Ý Trinh, Huy Chân, Huệ Chân, Thánh Chân.

Huy Chân lấy Uy Giản hầu (không rõ tên). Trước đây, mẹ thân sinh ra Huy Chân là Trần Thị Thái Bình làm cung tần của Thượng hoàng, tính tham lam, thường chiếm đoạt ruộng đất của dân. Có người kiện, vua không giao cho hữu ty, gọi Uy Giản tới đưa đơn kiện cho xem và dụ rằng :

"Trẫm không giao cho quan lại xét, sợ làm nhục phi tần của tiên hoàng, người nên theo đơn mà trả [ruộng cho] dân".

Uy Giản lập tức [34b] vâng chiếu trả lại ruộng. Sau Thái Bình chết, Uy Giản đem tất cả ruộng [bà] chiếm đoạt khi trước trả lại cho chủ cũ. Vua vì thế khen ông.

Thượng hoàng ngự cung Trùng Quang. Hình bộ lang trung Phí Trục theo hầu. Chúc an phủ Thiên Trường khuyết, sai Trục kiêm làm.

Bấy giờ trộm cướp bắt đầu nổi lên, tên Văn Khánh là đầu sỏ bọn cướp. Có người khai là bắt được một tên cướp, giải lên nộp quan và bảo nó là Văn Khánh. Đến lúc tra hỏi, tên ấy nhận ngay, ai cũng cho là thực, duy có mỗi Trục vẫn ngờ. Án ấy để lâu không giải quyết. Thượng hoàng hỏi chuyện đó, Trục trả lời :

"Mạng người rất trọng, lòng tôi còn có chỗ ngờ, không dám liều lĩnh xử quyết".

Không bao lâu, Thượng hoàng lại hỏi, Trục trả lời như lần trước. Thượng hoàng giận, bảo :

"Nó đã nhận như thế, còn ngờ gì nữa". Trục tâu :

"Nó không bị tra tấn khổ sở mà diềm nhiên thú nhận, thần trộm lấy làm ngờ".

Một tháng sau, Văn Khánh quả nhiên bị bắt. Thượng hoàng do đó khen Trục [35a] có tài.

Thượng hoàng có lần ban bữa ăn cho vua. Vua nhai rất kỹ, Thượng hoàng nói : "Đàn ông phải ăn như rồng nuốt, cọp cắn, cần gì phải nhai kỹ ?". Khi ban bữa ăn cho vương hầu, thượng hoàng cũng dụ như thế.

Mậu Ngọ, [*Đại Khánh*] năm thứ 5 [1318], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 18, đem trường công chúa Thiên Chân gả cho Huệ Chính vương (không rõ tên). Phong Huệ làm Phò ký lang.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, Tuyên Từ thái hậu băng.

Sai Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chấn đi đánh Chiêm Thành. Tộc tướng nhà Lý là Hiếu Túc hầu Lý Tất Kiến chết tại trận. Quân Thiên võ quân Phạm Ngũ Lão tung quân đánh phía sau giặc. Quân giặc thua chạy, bắt được rất nhiều. Phong Ngũ Lão tước Quan nội hầu, ban cho phi ngựa phù và cho con ông làm quan.

Bấy giờ, Thượng hoàng có ý xuất gia, nên sai cung nhân ăn chay. Các cung nhân đều ngăn ngại, duy có nữ quan Nguyễn Thị Diên chặt ngón tay [35b] đem dâng. Thượng hoàng ngợi khen, ban cho 40 mẫu ruộng làm lương ăn tu hành ngày sau. Rồi Thị Diên quả nhiên đi tu cho đến lúc mất, Phật hiệu là Tịnh Quang ni.

Mùa đông, phụ táng Tuyên Từ thái hậu ở cạnh lăng Nhân Tông.

Trước đây, Nhân Tông từng dặn lại Anh Tông ngày sau phải đem di (tức là thái hậu) táng ở cạnh lăng và vẽ bản đồ chôn cất thành huyệt hình thước thợ trao lại. Đến đây, Thượng hoàng theo di mệnh, đào cạnh lăng để chôn. Đất lăng nhiều bùn lầy, tiếng đào đập vang động cả khu lăng. Thượng hoàng có vẻ lo. Trước đây, khi sắp chôn thái hậu [vào đây], các quan tâu rằng không nên làm kinh động lăng tẩm. Thượng hoàng nói :

"Tiền đế có lệnh, ta không dám trái. Nếu có tổn hại gì, ta sẽ chịu cả".

Sau khi chôn không được bao lâu, Thượng hoàng bị bệnh, đầy năm thì băng.

Kỷ Mùi [*Đại Khánh*] năm thứ 6 [1319], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, bến Đông Thiên Vương ở Đống Lâm lở 10 trượng.

[36a] Tháng 5, ngày 17, hoàng thái tử Vượng sinh, tên hiệu là Thiên Kiến.

Nước to.

Mùa đông, tháng 11, hoàng thái tử Nguyên Trác sinh.

Canh Thân, [*Đại Khánh*] năm thứ 7 [1320], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 3, ngày 16, thượng hoàng băng ở cung Trùng Quang phủ Thiên Trường, rước linh cữu vào cửa Tường Phù, quản tại cung Thánh Từ.

Thượng hoàng tính trời khiêm tốn hòa nhã, hòa mục với người trong họ, mọi việc của triều đình đều tự mình quyết đoán. Khi thư rối trong muôn việc bận, Thượng hoàng để tâm tới việc trước thuật. Nhưng viết được gì, vẽ được gì, ngài đều đốt cả. Tập thơ ngự chế tên là *Thủy vân tùy bút*, trước khi mất, cũng đốt đi.

Hồi còn trẻ, thích uống rượu, Nhân Tông răn bảo chuyện đó, từ đấy không bao giờ uống nữa. Ngài từng ban tước hơi nhiều cho các quan trong triều. Nhân Tông biết được, sai lấy sổ xem rồi ghi vào trong đó rằng :

"Sao lại có một nước bé bằng bàn tay mà phong quan tước nhiều như thế", từ đó lại càng [36b] thận trọng khi ban chức tước. Ngài không ngại sửa lỗi như vậy đó !

Quan nô là Hoàng Hộc và Thiên Kiện dùng mưu kế xảo trá, đánh lừa hình quan, người trong hương rất cuộc phải chịu tội vu cáo. Thượng hoàng biết chuyện, bảo hình quan rằng :

"Tên Hộc gian ngoan xảo quyết đến thế mà ngục quan không biết suy xét tình lý. Tình ngay lý gian thì không được lấy lý bỏ tình. Phải suy xét cả tình và lý, tình lý không xung đột thì mới là giỏi xử án. Nếu biết tình không gian, thì theo lý mà làm là phải, nếu tình quả là gian rồi, thì lại phải suy xét xem lý ngay hay cong, như vậy, điều gian dối sẽ tự khắc hiện ra, càng không nên tách rời tình lý làm hai mà xét".

Ngài sáng suốt, thận trọng về hình phạt lại như thế đấy.

Huy Từ được phong hoàng phi, khi theo hầu [thượng hoàng] chưa được ngồi kiệu. Bảo Từ lấy kiệu mình vẫn đi ban cho bà thì ngài trách rằng :

"Bảo Từ có thương yêu Huy Từ thì cho thứ khác là phải, chứ cái kiệu ngồi thì còn điển chế cũ, không thể [37a] cho được !".

Nguyễn Sĩ Cố, Chu Bộ là cận thần của thái tử. Đến khi thái tử lên ngôi. Cố và Bộ đều vì không có đức hạnh nên đều không được cất nhắc. Cố làm đến Thiên chương các học sĩ, chức này thực đặt làm vị, chứ không có quyền hành gì. Bộ thì chỉ coi mấy bộ cấm binh khô. Khi thượng hoàng thân đi đánh Chiêm Thành, Bộ chết trận, Cố thì chết trên đường đi. Hai người này phục vụ Thượng hoàng khó nhọc lâu ngày, nhưng vì tài không thể dùng được, nên đặt họ vào chức nhàn tản và đều cho bổng lộc tước trật ưu hậu cả mà không trao cho thực quyền.

Nguyễn Quốc Phụ làm Nội thư chánh chương, là cận thần của Nhân Tông. Khoảng năm Hưng Long [1293 - 1314] khuyết chức Hành khiển. [Có lần] Thượng hoàng châu Nhân Tông ở chùa Sùng Nghiêm, Nhân Tông bảo : "Quốc Phụ được đấy !" [Thượng hoàng] thưa :

"Nếu lấy ngôi thứ mà bàn, thì [Quốc Phụ] được rồi, chỉ hiềm hấn nghịen rượu thôi !".

Nhân Tông im lặng rồi không dùng. Quốc Phụ cuối cùng vẫn giữ chức cũ cho đến khi chết. Ngài thận trọng đối với những chức vị quan trọng lại như thế đấy.

Bấy giờ rước linh cữu [thượng hoàng] [37b] đưa về Thiên Trường. Thuyền của Bảo Từ thái hậu có 8 dây kéo, thuyền của Huy Từ hoàng phi có 2 dây kéo. Người coi cấm quan có ý nịnh vua, lấy dây buộc thêm vào thuyền của hoàng phi. Tướng quân Trần Hựu nói :

"Thuyền của thái hậu có 8 dây kéo là quy chế của nhà Trần để tỏ rõ danh phận trên dưới", lập tức rút gươm cắt dây bỏ bớt đi. Việc đến tai vua, vua khen ông trung thành. Hựu là viên quan cận thần của Thượng hoàng.

Mùa hạ, tháng 6, nước to.

Mùa thu, tháng 8, gió to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu rằng những người tranh nhau ruộng đất, nếu khám xét thấy không phải của mình mà cố tranh bậy thì bị truy tố, tính giá tiền ruộng đất, bắt đền gấp đôi. Nếu làm văn khế giả, thì bị chặt một đốt ngón tay bên trái.

Tháng 11, Điện súy thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão mất tại phủ đệ vua ban ở vườn cau trong thành, thọ 66 tuổi. Vua nghỉ chầu 5 ngày, đó là ân điển đặc biệt.

Ngũ Lão [người làng] Phù Ứng, [huyện] Đường Hào [châu] Thượng Hồng, lúc hơn hai mươi tuổi, [38a], Hưng Đạo Đại Vương thấy và cho là có kỳ tài, đem con gái nuôi gả cho. [Ngũ Lão] nhân đó, làm gia thần cho vương, được vương dạy bảo thêm, tài nghệ tuyệt vời. Vương tiến cử ông.

Ngũ Lão xuất thân trong hàng quân ngũ, nhưng rất thích đọc sách, là người phóng khoáng, có chí lớn, thích ngâm thơ, tựa như không để ý đến việc võ bị. Nhưng quân ông chỉ huy, thực là đội quân phụ tử, hễ đánh là thắng. Ông có làm bài thơ :

*Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.
(Vung giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân tựa cọp nuốt trôi trâu.
Trai chưa trả nợ công danh được,
Còn thẹn khi nghe chuyện Vũ hầu ¹.*

Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, đối đãi tướng hiệu tựa như người nhà, cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ, cho nên quân đi tới đâu, không ai dám chống ; tất cả chiến lợi phẩm thu được đều sung vào kho quân, coi của cải như không, là bậc danh tướng của một thời vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Tôi từng thấy các danh tướng nhà Trần như Hưng Đạo vương thì học vấn [38b] tỏ ra ở bài hịch, Phạm diện súy thì học vấn biểu hiện ở câu thơ, không chỉ có chuyện về nghề võ. Thế mà dùng binh tinh diệu, hễ đánh là thắng, đã tấn công là chiếm được, người xưa cũng không một ai vượt nổi các ông. Lê Phụ

1. Vũ hầu : tức Gia Cát Lượng, tướng nước Thục thời Tam Quốc.

Trần thì dũng lược đứng đầu ba quân, một mình một ngựa xông pha trong trận giặc, tùy cơ ứng biến, chống đỡ cho chúa trong lúc gian nguy, mà tài văn học của ông đủ để dạy bảo thái tử. Dù biết, nhà Trần dùng người, vốn căn cứ vào tài năng của họ để trao trách nhiệm. Còn như quân Thiên thuộc (tức là quân Thiên vũ) mà cấm không được vào học. Giả sử có người văn võ toàn tài sinh ra ở trong đó, thì chẳng bị kìm hãm lắm sao !

Tháng 12, ngày 12, táng Thượng hoàng vào Thái Lăng ở Yên Sinh (Thái Lăng ở núi Yên Sinh, hai lăng Mục Lăng và Phụ Lăng cũng ở đó), miếu hiệu là Anh Tông, thụy hiệu là Hiên Văn Duệ Vũ Khâm Minh Nhân Hiếu Hoàng Đế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở nhà, [39a] gốc của nhà là ở mình. Có dạy được người nhà mình thì sau mới có thể dạy được người trong nước. Đời Đường Ngu thịnh trị chẳng qua cũng là như vậy. *Kinh Thư* ca ngợi Đế Nghiêu dẫn dắt muôn dân bỏ ác làm thiện, đi tới thịnh trị, thì hẳn là vì trước hết ông biết thân yêu họ hàng ¹, cũng tức là đã thực hiện giáo hóa bắt đầu từ trong nhà vậy. Tôi đọc sử chép về Anh Tông, thấy không ngần ngại sửa bỏ lỗi lầm, kính cẩn thờ phụng cha mẹ, hòa mục với họ hàng, truy tôn tổ tiên làm đế làm hậu, chu đáo trong cúng tế, thận trọng trong tang lễ, đều là phải đạo ; trong nhà đủ làm khuôn phép, người ngoài bắt chước theo. Cho nên trên thì Nhân Tông khen là hiếu, dưới thì Minh Tông tuân theo khuôn phép. Nước trở nên văn minh, dân tới chỗ giàu thịnh. Như thế chẳng phải là hiệu quả trị nước vốn gốc ở tu thân tề gia là gì ? Dù lời khen trong *Thi, Thư* ² cũng không hơn thế.

Lại nói : Thiên tử mất 7 tháng thì chôn, nay để hơn 9 tháng mới chôn. Có lẽ thế là theo thuyết âm dương chăng ³.

[39b] Trước đây, Anh Tông không khỏe, vua ngày đêm ở luôn ngoài cửa phòng ngủ của thượng hoàng, mỗi khi vào thăm thì cùng đi với Quốc Chấn. Vì Anh Tông tin cậy Quốc Chấn hơn cả, định đem vua gửi gắm Quốc Chấn, cho nên không cho vào thăm một mình, mà phải cùng đi với Quốc Chấn, cốt để cho tình nghĩa vua tôi được khăng khít và không còn nghi ngại gì nữa.

1. Nguyên văn là "Cửu tộc" tức họ 9 đời gồm cao, tăng, tổ, khảo bản thân và con, cháu, chất, chút, ở đây chỉ họ hàng nói chung.
2. *Thư Kinh (Nghiêu điển)* ca ngợi vua Nghiêu : "Làm sáng đức lớn để thân yêu hòa hợp được họ hàng, họ hàng hòa mục rồi, lại làm cho trăm họ tốt đẹp, trăm họ sáng tỏ rồi lại hòa hợp với muôn nước chư hầu. Dân chúng trong thiên hạ đều bỏ ác làm thiện, trở nên yên vui hưng thịnh".
3. *Thuyết âm dương* : ở đây là chỉ quan niệm của các nhà chiêm tinh thuật, số cho rằng người chết phải chọn ngày, chọn giờ để chôn, nếu không được ngay giờ lành, sẽ có thể gây tai họa cho người sống.

Bấy giờ, Bảo Từ thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán đĩnh¹. Anh Tông bệnh vừa chuyển nặng. Phổ Huệ xin được gặp để trình bày việc sống chết. [Anh Tông] sai trả lời rằng :

"Sư hãy đến đây, ta chết rồi, Quan gia có sai bảo gì, thì cứ việc làm. Còn như chuyện sau khi chết, thì sư cũng chưa chết, biết đâu mà trình bày việc chết với ta ?"

Thái học sinh Đặng Tảo thường xuyên đứng hầu bên giường ngự để viết di chiếu. Anh Tông băng, vua đích thân khâm liệm. Chỉ có Quốc phụ cùng Tảo và gia nhi chủ đô là Lê Chung tham gia việc này. Đến khi rước linh cữu về sơn lăng, Tảo, Chung đều tới hầu [40a] lăng tẩm. Hàng năm, khi vua bái yết lăng, Tảo thường lánh đi chỗ khác, chỉ có ý nguyện ở lại phụng thờ lăng tẩm mà thôi, chứ không đòi xin gì khác.

Vua thương Tảo nghèo, ban cho 20 mẫu ruộng, sai Trần Thế Hưng mang giấy cho. Ruộng này khi trước đã ban cho thứ phi của vua là Thiên Xuân. Thiên Xuân cứ giữ giấy cũ mà cày cấy, thế mà Tảo vẫn không tranh chấp với bà. Thế Hưng biết chuyện, tâu thực với vua. Vua lập tức thu lại giấy của Thiên Xuân, đem ruộng trả cho Tảo, Tảo cũng chẳng lấy làm mừng.

Chung thì dời mồ mà tổ tiên, bán ruộng đất, nhà cửa, đem gia quyến vợ con đến Yên Sinh, chôn cất và làm nhà ở đấy. Cả hai người đều ở Yên Sinh cho đến khi mất. Sau này Nghệ Hoàng đến Yên Sinh, tưởng nhớ hai người bề tôi đó, liền sai Trần An trùng tu chùa cũ của Tảo và Chung, lại cấp ruộng để thờ cúng, ban tên chùa là chùa Trung Tiết.

Đội đô Phù liên làm Khấu mã quân.

Đời.

Lấy Bùi Mộc Đạc tri Thảm hình viện sự, kiêm [40b] Chuyển vận sứ lộ Hoàng Giang Hạ.

Tân Dậu, [Đại Khánh] năm thứ 8 [1321], (Nguyên Anh Tông Thạc Đức Bạt Lạt Chí Trị năm thứ 10). Mùa xuân, tôn Thuận Thánh Bảo Từ thái thượng hoàng hậu làm Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu, tôn mẹ thân sinh là Huy Tư hoàng phi làm Huy Tư hoàng thái phi (tức là Chiêu Từ hoàng thái hậu).

Tháng 2, gạo 1 thăng nhỏ trị giá 1 quan tiền.

Mùa hạ, lúa chiêm được mùa to.

Mùa đông, tháng 12, hoàng tử thứ ba là Phủ sinh.

Thi các tăng nhân, hỏi kinh Kim Cương.

Ban cho Trần Khắc Chung tước Quan nội hầu.

1. **Quán đĩnh** : (Abhiseka) là một nghi lễ Phật giáo, dùng nước hoặc sữa gội lên đỉnh đầu.

Sai sứ sang Nguyên mừng Anh Tông lên ngôi.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Ngự sử đài thị ngự sử.

Nhâm Tuất, [Đại Khánh] năm thứ 9 [1322], (Nguyên Chí Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Huệ Túc Đại Vương Niên làm Phó ký lang.

Tháng 3, sét đánh tháp Báo Thiên, sứt mất 2 tầng góc bên đông.

Mùa hạ, người Nguyên [41a] tranh chấp biên giới. Sai Hình bộ thượng thư, ty Hành khiển là Doãn Bang Hiến sang Nguyên tranh biện. Hiến mất trên đường đi, vua rất thương tiếc.

Quý Hợi, [Đại Khánh] năm thứ 10 [1323], (Nguyên Chí Trị năm thứ 3). Mùa thu, tháng 8, ngày 22, vua ngự đến nhà Thái học. Có tên Mặc trong quân Thiên thuộc ở Hoàng Giang đỗ khoa thi Thái học sinh, vua xuống chiếu bắt trở lại quân ngũ, làm quân lại quân Thiên đình, đến khi thi đánh gậy, [Mặc] lại đỗ cao.

Bấy giờ tuyển chọn các quân, lấy người béo trắng làm hạng trên, cho nên quân sĩ không xăm mình nữa là bắt đầu từ đấy.

Xuống chiếu rằng khi tranh ruộng mà ruộng có lúa, thì hãy chia làm 2 phần, bồi thường cho người cày 1 phần, còn 1 phần lưu lại. Đó là theo lời tâu của Đại an phủ Kinh sư kiêm Kiểm pháp quan Nguyễn Dũ. Dũ nổi tiếng ngang với Thiên Hư. Khi Thiên Hư thôi chức Kinh lược sứ Nghệ An, Lâm Bình, vua sai Dũ kế giữ chức ấy. Người Chiêm [41b] cũng sợ phục.

Bấy giờ, quan trong triều như bọn Trần Thì Kiến, Đoàn Như Hài, Đỗ Thiên Hư, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dũ, Phạm Mai, Phạm Ngộ, Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (Duy người xã Cổ Định, huyện Nông Cống), Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân nói nhau vào triều, nhân tài rộ nờ.

Anh em Ngộ, Mai vốn trước là họ Chúc, khi Nhân Tông xuất gia, làm nội học sinh theo hầu. Vua cho rằng họ Chúc không phải là họ lớn, mới cho đổi thành họ Phạm. Ngộ trước tên là Kiên, Mai trước tên là Cố, đều theo học Nguyễn Sĩ Cố. Kiên tránh tên của phán thủ Huệ Nghĩa đổi là Ngộ, Cố tránh tên của thầy, đổi là Mai. Mai ở Ngự sử đài ¹, cương trực dám nói, có phong cách người bề tôi can ngăn ngày xưa. Sau vào chính phủ, không được mấy năm bị bãi chức.

Trung Ngạn tên cũ là Cốt. Khi Anh Tông ngự cung Trùng Quang, có ý muốn xuất gia, có làm bài thơ "Chiêu ản" ² ban cho Trung Ngạn, Trung Ngạn từ chối không vâng lệnh.

1. Theo *Nam ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng thì Phạm Mai làm ngự sử trung thừa, bị cách chức trong vụ án Huệ Vũ vương Quốc Chân. Sau khi Quốc Chân được minh oan, Mai được thăng làm tham trị chính sự.

2. *Chiêu ản*: có nghĩa là mời bậc ản sĩ ra làm quan. Hoài Nam vương An đời Hán có thiên "Chiêu ản sĩ", Tống Văn Đế có xây Chiêu ản quán cho Lôi Thứ Tông ở Chung Sơn.

Đĩnh Chi là người liêm khiết, [42a] sống rất dạm bạc. Vua rất hiểu ông, sai người ban đêm đem 10 quan tiền bỏ vào nhà ông. Hôm sau, Đĩnh Chi vào châu, tâu vua hay chuyện đó. Vua bảo : "Không ai đến nhận, cho khanh lấy mà tiêu". Thời Hiến Tông, ông làm Nhập nội hành khiển Hữu ty lang trung rồi thăng Tả ty lang trung.

Mùa đông, tháng 11, đúc tiền kẽm.

Tháng 12, sách phong con gái trưởng của Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chấn là Huy Thánh công chúa làm Lê Thánh hoàng hậu (tức là Hiến Từ thái hậu).

Lấy Uy Giản hầu (không rõ tên) làm Tham thị triều chính tri quân quốc sự. Thân thuộc có kẻ chê chức ấy thấp. Uy Giản bảo chúng :

"Bọn bay bay ngu quá, phàm bề tôi được chúa thượng trông tới, đều do ở lòng thánh lựa chọn, chứ không phải sức người làm nổi, sao lại được càn rỡ nghĩ xằng ? Ta may được đội ơn yêu quý, thực đã quá lòng mong muốn rồi, bàn chỉ đến chức cao hay thấp".

Vua nghe biết, cho là những lời nói phải.

[42b], **Giáp Tý, Khai Thái năm thứ 1 [1324]**, (Nguyên Thái Định năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, đổi niên hiệu.

Xét duyệt các sắc mục nội thị tạp lưu.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chấn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể, Kiểm hiệu thái úy Nhật Duật làm Tá thánh thái sư ; Uy Túc công Văn Bích làm Nhập nội phụ quốc thái bảo, Văn Huệ công Quang Triều làm Nhập nội hiệu tư đồ.

Vua Nguyên sai Mã Hợp Mưu¹, Dương Tông Thụy sang báo tin lên ngôi² và trao cho 1 quyển lịch.

Bọn Mưu đi ngựa đến tận đường ở cầu Tây Thấu Trì không xuống. Những người biết tiếng Hán, vâng lệnh tiếp chuyện, từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, khí giận càng tăng.

Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón. Trung Ngạn lấy lễ bẻ lại, Hợp Mưu đuối lý, phải xuống ngựa bưng chiếu đi bộ. Vua rất hài lòng.

Rồi sau bàn việc trái ý vua, [Ngạn] bị giáng làm Thông phán châu Viêm Lăng, [43a] được tiếng là chính sự giỏi. Ít lâu sau, được thăng làm Thiêm tri Thánh Từ cung sự.

1. Phiên âm tên Hồi giáo Mahmud.

2. Vua Nguyên lên ngôi nói ở đây là Nguyên Thái Định Đế.

Ban cho Trần Bang Cấn bức tranh và bài thơ. Bấy giờ, Bang Cấn làm Đại hành khiển thượng thư tả bộc xạ, là người tín thực giữ gìn, giản dị điềm tĩnh, không xa hoa. Vua ban cho bức tranh và bài thơ rằng :

*Hình dung cốt cách nại đông hàn,
Tướng mạo đình đình diệp khả khan.
Phong lưu nhất đoạn hồn miêu tận,
Tâm lý nan miêu cảnh cảnh dan.*
(Cốt cách dáng hình chịu rét đông,
Hiên ngang tướng mạo thực nên trông.
Phong lưu mọi vẻ đều nên cả,
Vẽ sao canh cánh tấm lòng trung).

Mùa đông, tháng 12, cấm tiền kẽm.

Năm này hạn hán, sâu bọ ; trâu bò, gia súc chết nhiều.

Ất Sửu, [Khai Thái] năm thứ 2 [1325], (Nguyên Thái Định năm thứ 2). Mùa xuân, đặt ty Liêm phòng ở các lộ. Lấy Đặng Lộ làm Liêm phòng sứ hai lộ Đại Hoàng và An Tiêm.

Mùa thu, tháng 8, ban xuống các điều lệ mới quy định.

Theo quy chế cũ, Hành khiển ty ở cung Quan Triều và Thánh Từ, cùng Nội thư hỏa cục thì gọi chung là Nội mật viện. Đến nay, đổi Hành khiển ty thành Môn hạ sảnh, còn Nội thư hỏa cục vẫn là Nội mật [43b] viện.

Tư đồ Văn Huệ công Quang Triều mất (thọ 39 tuổi).

Bính Dần, [Khai Thái] năm thứ 3 [1326], (Nguyên Thái Định năm thứ 3). Từ tháng 2, mùa xuân, đến tháng 6 không mưa.

Tháng 3, Trung thư thị lang tri Thảm hình viện sự Bùi Mộc Đặc mất.

Trước đây, khi Anh Tông sắp băng có bảo vua :

"Mộc Đặc trải thờ ba triều, là người cung kính, thận trọng, giữ gìn, học thức khả quan, nên dãi ngộ cho khéo, chớ để bị người ta ngăn trở".

Vua sai vẽ chân dung Mộc Đặc cất ở nhà sách, có ý định dùng vào chức to, nhưng chưa kịp thăng thì mất (thọ 62 tuổi).

Mùa thu, tháng 7, xét duyệt các quan văn võ.

Lấy Nội thư hỏa chánh chương phụng ngự Tạ Bất Căng làm Nhập nội hành khiển, hành Tả ty lang trung. Lấy Trần Khắc Chung làm thiếu bảo, hành Thánh Từ cung Tả ty sự, ban tên tự là Văn Tiết, gia hàm Đồng trung thư môn hạ bình chương sự.

Buổi quốc sơ, theo quy chế cũ của nhà Lý, hàm Hành khiển có thêm các chữ Trung thư môn hạ bình [44a] chương sự. Từ khi thượng tướng Quang Khải ở ngôi tể tướng, chế chức hành khiển và chức tể tướng ngang hàng nhau, mới tâu xin đổi thành Trung thư môn hạ công sự để cho có phân biệt.

Đến đây, vua cho Khắc Chung thăng chức Thiếu bảo, nhưng vẫn làm việc hành khiển ; để ưu đãi, nên đặc cách thêm các chữ Trung thư môn hạ bình chương sự, là theo quy chế cũ.

Giáng Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Thanh Hóa.

Trung Ngạn có tính hay sơ xuất. Bấy giờ, Bảo Vũ Vương được ban tước Tào y thượng vị hầu ¹, Trung Ngạn ghi sỏ, lại xếp vào hàng Tử y ². Vua thương ông có tài, và lại cũng là do lầm lẫn, không bắt tội, nên đuổi ra làm quan bên ngoài. Trung Ngạn từng làm bài thơ tự phụ rằng :

*Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí,
 Diệu linh dĩ hữu thôn ngư chi.
 Niên phương thập nhị thái học sinh,
 Tài đẳng thập lục sung đình thí.
 Nhị thập hựu tứ nhập gián quan,
 Nhị thập hựu lục Yên kinh sứ.
 (Giới Hiên tiên sinh tài lang miếu ³,
 Có chí nuốt trâu từ niên thiếu.
 Tuổi mới mười hai thái học sinh,
 Vừa đến mười sáu dự thi đình.
 Hai mươi bốn tuổi làm quan gián,
 Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh)⁴.*

Ông kiêu căng như vậy đấy. Về sau, hai lần sung chức [44b] Hựu sảnh ⁵. Đến thời Dụ Tông, vào chính phủ, giữ trọn tiếng tốt, không phụ là bậc nho giả, thọ hơn 80 tuổi. Có *Giới Hiên tập* lưu hành ở đời.

Bấy giờ Trương Hán Siêu làm Hành khiển. Một hôm, Siêu nói trong triều rằng hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ. Vua lập tức sai điều tra. Hán Siêu nói kín với người khác :

1. *Tào y thượng vị hầu* : tước thượng vị hầu mặc áo đen.

2. *Tử y thượng vị hầu* : tước thượng vị hầu mặc áo tía.

3. *Lang miếu* : là triều đình, câu thơ có ý "Tiên sinh Giới Hiên là nhân tài của triều đình".

4. Năm 26 tuổi, Nguyễn Trung Ngạn được lệnh đi sứ sang kinh đô nhà Nguyên, bấy giờ là Yên Kinh (nay là Bắc Kinh).

5. *Hựu sảnh* : tức là Nội mật viện.

"Tôi làm việc ở chính phủ, được chúa thượng tin dùng, cho nên mới nói thế, biết đâu lại có chuyện tra xét này!".

Vua nghe vậy, nói : "Hành khiển là quan ở sảnh, Thảm hình là quan ở viện, ta đều tín nhiệm cả. Sao lại làm ta tin quan sảnh mà ngờ quan viện?".

Đến khi tra hỏi, Hán Siêu đuối lý phải phạt 300 quan tiền.

Ít lâu sau, lấy Phạm Ngộ làm Tham tri chính sự đồng tri thượng thư Tả ty sự, chức ngang với Hán Siêu. Ngộ tuy học vấn không bằng Hán Siêu, nhưng làm quan thanh liêm cẩn thận, được tiếng khen ở thời đó.

Huệ Túc Vương đánh Chiêm Thành không thắng lợi [45a] trở về. Vua nói :

"Tiên đế tắm mưa gội gió mới bắt được chúa nước nó. Quốc phụ là một trọng thần, phụng mệnh đi đánh¹, khiến chúa nước giặc là Chế Năng phải chạy sang nước khác (Chế Năng chạy sang Trảo Oa cầu cứu), lập tù trưởng A Nan làm Hiệu Thánh á vương. Nay Huệ Túc chỉ là một vương thôi, uy vọng không thể sánh với Quốc phụ, thế mà ta cứ ở yên trong cung, trao cho chuyên việc đánh dẹp, muốn bắt sống chúa nó thì làm nổi chăng?".

Đinh Mão, [Khai Thái] năm thứ 4 [1327] (Nguyên, Thái Định năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 5, sét đánh lãng tẩm. Quần thần bàn việc ấy. Xuống chiếu phạt bọn Thiệu bảo Trần Khắc Chung, Hành khiển Đoàn Nhữ Hài theo mức độ khác nhau.

Sau hôm sét đánh, các quan họp bàn ở Nội nhân văn cục. Các vương hầu cùng giải lao với Trần Khắc Chung và Đoàn Nhữ Hài. Khắc Chung nói chuyện có giọng hài hước. Nhữ Hài vội đứng dậy bỏ đi. Khắc Chung nói xong, mọi người đều cười, [45b] bị quan Ngự sử hặc tội. Xuống chiếu phạt Khắc Chung và Nhữ Hài. Nhữ Hài cãi :

"Lúc cười đùa thì thần đã đi rồi".

"Vua nói :

"Nhữ Hài nghe biết là đùa cợt, không ngăn, lại bỏ mà đi, thế là cố ý hãm mọi người vào tội lỗi mà tính kế tránh lỗi cho mình".

Rốt cuộc vẫn phạt Nhữ Hài.

Có viên quan tên là Hiệu Khả ca ngợi vua giỏi hơn Anh Tông. Vua biến sắc mặt, ngăn không cho nói và bảo :

"Ai mà khen người khác là giỏi hơn cha, thì người ấy hẳn là bất hiếu với cha mẹ, cho nên mới nói ra câu ấy".

1. *Toàn thư* chép năm Mậu Ngọ (1318). Sai Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chân đi đánh Chiêm Thành (q.6, tờ 35a). *Toàn thư* cũng chép năm Giáp Tý (1424) lấy Huệ Vũ Đại Vương Quốc Chân làm Nhập nội quốc phụ thượng tể. Như vậy Quốc phụ ở đây là Quốc Chân và lần đi đánh Chiêm Thành này xảy ra vào năm 1318.

Hiệu Khả không biết chiều cha mẹ, nên vua nói thế để răn đe y.

(Hiệu Khả là người trong lòng trí trá. Có lần, vua lấy ra hai chiếc hòm đựng áo mặc, sai Hiệu Khả xếp loại tốt xấu và bảo Khả : "Một cái do chính tay Thái thượng tự làm, một cái do nội nhân Lê Kế làm, cả hai đều tinh xảo cả, ngươi chỉ xem cái nào khéo hơn".

Hiệu Khả xem đi xem lại hai ba lần rồi nói úp mở theo kiểu nước đôi : "Chúa thượng có cái khéo của chúa thượng, bề tôi cũng có cái khéo của bề tôi".

Vua cũng phải cười.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Câu nói ấy của vua, tuy là nhất thời nói ra với Hiệu Khả, [46a] nhưng tấm lòng trung hậu qua đó cũng đủ rõ.

Mậu Thìn, [Khai Thái] năm thứ 5 [1328], (Nguyên Trí Hòa năm thứ 1, từ tháng 9 trở đi là Văn Tông Đồ Thiếp Mục Nhĩ năm Đại Lịch thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, giết Quốc phụ thượng tể Quốc Chấn.

Bấy giờ, vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà vẫn chưa lập thái tử. Cha hoàng hậu là Quốc Chấn giữ ý định đợi hoàng hậu có con rồi sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu (không rõ tên) là con (có sách chép là em) của Tá Thánh thái sư Nhật Duật, muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đút lót cho gia thần của Quốc Chấn là Trần Phẫu, bảo nó vu cáo Quốc Chấn âm mưu phản loạn. Vua tin là thực, giam Quốc Chấn ở chùa Tư Phúc rồi đem việc ấy hỏi Thiếu bảo Trần Khắc Chung. Khắc Chung cùng cánh với Văn Hiến, lại cùng với mẹ Vượng, đều là người Giáp Sơn và đã từng làm thầy dạy Vượng, liền trả lời : "Bất hủ thì dễ, thả hủ thì khó". [46b] Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chấn ăn uống, bắt phải tự tử. Hoàng hậu lấy áo tắm nước cho Quốc Chấn uống, uống xong thì chết. Bất bớ đến hơn trăm người liên can. Mỗi khi xử án, bị can phần nhiều đều kêu oan.

Vài năm sau, gặp khi vợ cả vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem chuyện Văn Hiến đút vàng tâu lên vua. Phẫu bị hạ ngục. Ngục quan Lê Duy là người cương trực, xét xử ngay ngày hôm ấy. Tên Phẫu bị lắng trì, nhưng chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Vĩ (không rõ tên) là con của Quốc Chấn đã ăn sống hết cả thịt của nó. Văn Hiến được miễn tội chết, bị giáng làm dân thường, xóa tên trong sổ [hoàng tộc].

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Ngôi thái tử là gốc của nước, không thể không lập sớm. Phận chính đích không thể để chi thứ phạm bừa. Vua ở ngôi đã lâu, con thứ đã lớn rồi mà con chính đích chưa sinh, thì làm thế nào ? Tông quyền là phải. Đợi con đích là chấp kinh¹, lập

1. *Kinh, quyền* là hai khái niệm thường gặp trong kinh điển nho gia. *Kinh* là những nguyên tắc, nguyên lý về đạo nghĩa, pháp chế không thể thay đổi được, bất di bất dịch, đòi hỏi mọi người phải luôn luôn tuân thủ (chấp kinh). *Quyền* là quyền biến, là những biện pháp linh hoạt có lúc cần phải theo (tông quyền), để đạt được mục đích (đạo), dù những biện pháp ấy có thể trái với các nguyên lý, nguyên tắc kinh điển.

[47a] con thứ là tông quyền. Đến khi con đích sinh ra, lớn lên, thì gia phong cho con thứ tước vương, còn ngôi thái tử trả về con đích, ai bảo là chẳng nên ?

Có người hỏi rằng : "Lỡ có chuyện không lành, vua cha mất trước thì nguy lắm".

Xin thưa : Hãy chăm chú vào lời dạy thường ngày, nhận rõ lấy những lời trong di chiếu, chọn người bề tôi xã tắc, ủy cho việc gửi gắm con cô, thì không có lo gì. Huống chi Minh Tông chính mình ở vào cảnh ấy rồi, tất nhiên có thể xử trí được ổn thỏa. Quốc Chấn là người cố chấp không linh hoạt, để cho kẻ gian thần thừa dịp gieo vạ, đáng thương hay !

Kinh Dịch có câu : "Xét xem chỗ sáng tỏ thông suốt mà thi hành điển lễ". Quốc Chấn có lẽ chưa nghe bao giờ. Nhưng mối oan của ông không thể không làm cho rõ.

Còn như Trần Khắc Chung cũng là nhân vật của một thời, vua trao cho hấn chức vị sư bảo ¹, và đem việc nước hỏi hấn, đáng lẽ phải hết lòng trung khuyên can, để cho vua mình trở thành Nghiêu Thuấn mới phải. Thế mà lại vào hùa với kẻ [47b] quyền quý, làm hại người ngay thẳng, đi theo bọn gian tà, đẩy người lành tới nỗi oan khiên, hãm đức vua vào việc làm tội lỗi. Việc ấy mà nhẩn tâm làm được, thì còn việc gì mà không nhẩn tâm làm nữa ? Sau lại xui vua cầu công đi đánh Chiêm Thành, thì cái thói nịnh hót lại lộ ra nữa. Cho nên, bậc làm vua khi dùng người hiền, phải xét kỹ họ, là bởi sợ rằng có đứa tiểu nhân như bọn Khắc Chung có thể lọt vào trong đó vậy.

Lập hoàng tử Vượng làm Đông cung thái tử ; phong con thứ là Nguyên Trác làm Cung Tĩnh Đại Vương.

Kỷ Ty, [*Khai Thái*] năm thứ 6 [1329], (từ tháng 2 trở đi là Khai Hựu năm thứ 1, Nguyên Đại Lịch năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 7, sách phong Đông cung thái tử Vượng làm Hoàng thái tử.

Ngày 15, vua nhường ngôi, Vượng lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Khai Hựu năm thứ 1. Đại xá. (Vua tự) xưng là Triết Hoàng, Tôn Thượng hoàng là Chương Nghiêu Văn Triết Thái Thượng [48a] Hoàng Đế. Tôn Lệ Thánh hoàng hậu làm Hiến Từ thái thượng hoàng hậu (Hiển có sách chép là Huệ). Quân thần dâng tôn hiệu là Thể Nguyên Ngự Cực Duệ Thánh Chí Hiếu Hoàng Đế.

1. Khắc Chung được phong Thiếu bảo năm Khai Thái thứ 3 (1326), lại là thầy dạy (sư) của hoàng tử (sau là thái tử) Vượng nên gọi là "sư bảo".

Rước thượng hoàng về ở hành cung Thiên Trường. Các hoàng tử châu hầu.

Thượng hoàng thường hay bàn đến các nhân vật của bản triều. Thái bảo Uy Túc Vương Văn Bích nói :

"Xét bản nhân vật để dạy hoàng tử, chỉ nên nhắc tới người thiện, còn kẻ ác hãy bỏ chớ bàn đến, sợ các hoàng tử nghe được, có thể sẽ có người bắt chước".

Thượng hoàng nói :

"Thiện ác đều phải nêu để đối chiếu, không thể bỏ một bên nào. Nếu con ta quá là hiền, thì nghe điều thiện tất phải theo mà học tập, nghe điều ác tất phải ghét mà tránh xa ; thiện, ác đều có thể làm gương được cả. Nếu (con ta) không hiền, thì đợi gì thấy kẻ ác rồi mới làm điều ác ? Như Thái Khang¹ thất đức, là bởi các vua trước chơi bời mà bắt chước hay sao ? Tùy Dương Đế² luôn mồm nói đến Nghiêu Thuấn, nhưng mọi việc làm của ông ta thì lại như Kiệt, Trụ, có phải là ông ta thấy điều thiện mà bắt chước [48b] hay sao ?".

Uy Túc cúi đầu nhận là phải.

Lại một hôm, [thượng hoàng] mời Huệ Túc Vương vào tâm điện, bảo ông ngồi. Thượng hoàng đang ăn chay. Huệ Túc Vương vốn bài xích Phật Lão, nhân nói :

"Thần không biết ăn chay thì có ích lợi gì ?".

Thượng hoàng đoán biết ý ông, liền dụ rằng :

"Ông cha ta ngày xưa thường ăn cơm chay, cho nên ta bắt chước đó thôi, còn ích lợi gì thì ta không biết".

Huệ Túc im lặng rồi lui ra.

Phong Tá thánh thái sư Nhật Duật làm Đại Vương.

Mùa đông, Thượng hoàng đi tuần thú đạo Đà Giang, đích thân đi đánh man Ngưu Hống, sai Thiêm tri Nguyễn Trung Ngạn đi theo để biên soạn thực lục.

Trước đó, thời Nhân Tông, Ngưu Hống cùng Đạo Mật vào châu, cho trở về. Đến nay, chúng làm phản, thả sức cướp bóc ; đất cõi Đà Giang về tay chúng cả³ lại mưu cướp nhà Hoài Trung. Thượng hoàng quyết định thân chinh. Trần Khắc Chung can rằng :

"Đà Giang vốn có tiếng là đất lam chương, lại nhiều ghềnh thác chảy xiết, không [49a] lợi cho việc hành quân. Chiêm Thành không có lam chương, khí độc, và

1. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Thái Khang là vua nhà Hạ, con của Khải, chơi bời vô độ, sau bị chư hầu họ Hữu Cùng là Hậu Nghệ đuổi đi.
2. Tùy Dương Đế Đế Dương Quảng, là một tên vua vô đạo, giết cha là Văn Đế để cướp ngôi vua, cực kỳ xa hoa, tàn bạo, sau bị giết.
3. Nguyễn văn là "Bản giang chi địa...", chúng tôi cho rằng chữ "bản" vốn là chữ "Đà" Toàn thư chép lẫn.

lại để vương đời trước thân chinh, nhiều lần bắt được chúa nó. Chi bằng bỏ Ngưu Hồng đấy mà đánh Chiêm Thành là hơn". Thượng hoàng nói :

"Trẫm là cha mẹ dân, nếu sinh dân mắc vào cảnh làm than thì phải cứu gấp, chả lẽ đi so đo khó dễ lợi hại hay sao ?". Khắc Chung lay tạ tâu rằng :

"Lòng thánh che chở, nuôi dưỡng rộng khắp, không phải là điều mà trí ngu tối của thần có thể nghĩ tới được".

Trước đây, khi Thượng hoàng sắp đi đánh Ngưu Hồng, người Chiêm Chiêu đến cửa khuyết dâng thư, dinh ninh rằng sẽ xin đem cả trại ra hàng, nên đã khắc phù¹ làm tin. Thượng hoàng đang muốn lên trên thành trại của họ, bắt chước chuyện vua Hán Vũ Đế lên đài của chúa Hung Nô ngày xưa. Đến khi thân chinh, sai Chiêm Nghĩa hầu Phụ Minh chia quân từ đường Thanh Hóa tiến sang để tiếp ứng quân nhà vua và dặn rằng :

"Trại Chiêm Chiêu đã ước hẹn xin hàng, phải đợi quân ta tới, không được hành động liều".

Thượng hoàng đến Mường Việt², đóng quân lại, ban tên [cho đất ấy] là phủ Thái Bình ; [ở đây] có suối Bắc Từ, ban tên là suối Thanh Thủy [48b]. Chiêu Nghĩa hầu tới Chiêm Chiêu, muốn tăng công, tấn công trại, bị thua. Tuyên uy tướng quân Vũ Tư Hoảng liều sức chiến đấu, chết tại trận. Thượng hoàng nghe tin nói : "Đã lỡ rồi !".

Song chiến dịch này, Thượng hoàng đích thân chỉ huy, hiệu lệnh nghiêm minh, uy thanh vang dội, Ai Lao nghe tiếng chạy tan.

Khi về đến sông Bạch Hạc, giữa sông có đá ngầm dọc theo dòng chảy. Thuyền đi thường bị chạm phải hay mắc cạn. Nghe nói thần sông ấy là Phụ Vũ Đại Vương. Thượng hoàng khấn thầm : "Nếu thuyền ngự đi được an toàn thì sẽ khen thưởng".

Sau này Hưng Hiếu Vương đi đánh man Đà Giang, đổ thuyền trên sông Bạch Hạc, đêm thấy thần báo mộng rằng : "Năm trước vua đã có lệnh khen thưởng mà đến nay vẫn chưa thấy gì ?".

Hưng Hiếu Vương về tâu lại, Thượng hoàng bèn phong thêm cho hai chữ. Quý thần thiêng liêng, ứng nghiệm, quả không phải là ngoa vậy.

Lấy Vũ Nghiêu Tá làm Nhập nội hành khiển Môn hạ hữu ty lang trung.

Nghiêu Tá (người Hồng Châu) với em là Nông, [50a], đều đỗ cùng một khoa hội. Thượng hoàng còn ở ngôi vua. Anh em đều nổi tiếng văn học, Nghiêu Tá làm Hành khiển đồng tri Nội mật viện sự. Đến nay, trao cho chức này.

1. Phù là vật để làm tin, thường làm bằng tre, gỗ, đồng, ngọc có khắc chữ, chia làm hai, mỗi bên cầm một nửa, lúc cần chứng thực thì đem hai nửa ghép lại.
2. Mường Việt : nay là đất huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TOÀN THƯ

QUYỂN VII

[1a]

KÝ NHÀ TRẦN

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Vương, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ tuyên thánh hoàng thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ hoàng thái phi Lê Thị. Ở ngôi 13 năm, thọ 23 tuổi, băng táng ở lăng Xương An. Vua tư trời tinh anh, sáng suốt, vận nước thái bình, nhưng hưởng thọ không dài, chưa thấy làm được gì, đáng tiếc thay !

Canh Ngọ, Khai Hựu năm thứ 2 [1330], (Nguyên Chí Thuận năm thứ 1). Mùa hạ, tháng 5, lấy ngày sinh làm tiết Hội Thiên.

Mùa thu, tháng 7, Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu¹ băng tại am Mộc Cảo, Yên Sinh.

Thái hậu tính nhân từ. Các con của Anh Tông, dù là con vợ thứ sinh ra, bà đều yêu dấu, chăm nuôi như con mình.

Công chúa Huệ Chân được Anh Tông yêu quý, thái hậu cũng rất yêu nàng. Thiên Chân là con đẻ của [1b] thái hậu, nhưng khi có ban thức gì, thì cho Huệ Chân trước, rồi sau mới đến Thiên Chân. Sau khi Anh Tông băng, Thái hậu càng chăm sóc Huệ Chân hơn trước.

Đến như đối xử với các cung tần cũng rất ưu hậu, như nữ quan trong cung là Vương thị, mẹ đẻ của Huệ Chân, được yêu quý mà có thai, thái hậu đã lấy Song Hương đường (phòng ngủ của thái hậu) cho làm nơi sinh đẻ. Vương thị sau khi đẻ xong thì mất. Cung nhân ngằm tấu với Thượng hoàng là thái hậu giết Vương thị. Thượng hoàng vẫn biết thái hậu là người nhân từ, liền nổi giận lấy roi đánh người cung nhân ấy. Thái hậu cũng chẳng để bụng chuyện đó.

Bảo Huệ quốc mẫu (tức là mẹ của Bảo Từ thái hậu) có lần xin cho Nguyên Huy (tức là con gái của Uy Huệ, cháu gái của Bảo Từ) vào làm cung phi. Thượng

1. Thuận Thánh Bảo Từ : là vợ của Anh Tông, mẹ đích của Minh Tông.

hoàng đem chuyện đó hỏi thái hậu. Thái hậu trả lời : “Không được, nếu Nguyên Huy được làm phi thì sẽ khiến Thục Tư phải xưng là nô chẳng ?”.

Bà không đem ơn riêng mà cho bữa là như vậy đó. Người đương thời ca ngợi bà là bậc đứng đầu mẫu đức. Từ khi rước linh cữu Anh Tông về Yên Sinh, mọi điều khổ hạnh, bữa cháo, bữa chay, [2a] không việc gì bà không làm, nhưng bà không chịu thụ giới với nhà sư. Bà nói :

“Từ khi tiên đế ra đi, ta không thể trông thấy mặt nhà sư, ngồi nói chuyện với nhà sư được, chỉ ăn chay, húp cháo khổ hạnh để báo đáp đức lớn như trời của tiên đế thôi, y bát¹ mà làm gì ?”.

Bà ở núi mười năm rồi mất.

Tá Thánh thái sư Chiêu Văn Đại Vương Nhật Duật mất (thọ 77 tuổi).

Nhật Duật thích chơi với người nước ngoài, thường cưỡi voi đến chơi thôn Bà Già (thôn này hồi Lý Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho ở đây, lấy tiếng Chiêm đặt tên là Đa Gia Ly, sau gọi sai thành “Bà Già”) có khi ba bốn ngày mới về. Lại hay đến chơi chùa Tường Phù, nói chuyện với nhà sư người Tống, ở lại đến hôm sau mới về. Người nước ngoài đến kinh sư, thường kéo đến nhà ông. Nếu là khách Tống thì ông kéo ghế ngồi gần, chuyện trò suốt buổi, nếu là người Chiêm hay người các man khác, thì đều theo phong tục nước họ mà tiếp đãi.

Đời Nhân Tông, sứ nước Sách Mã Tích² sang cống, không tìm được người phiên dịch. Chỉ có [2b] Nhật Duật là dịch được. Có người hỏi ông vì sao biết tiếng nước họ, ông trả lời rằng :

“Thời Thái Tông, sứ nước ấy sang³ nhân có giao du với họ, nên hiểu được đôi chút tiếng nước họ”.

Nhân Tông từng bảo :

“Chú Chiêu Văn⁴ có lẽ là kiếp sau của người phiên lạc, nên giỏi tiếng các nước đó”.

1. Y bát : là áo cà sa và bát xin thức ăn, hai vật tượng trưng cho nhà sư. Ở đây nói không đi tu.
2. *Sách Mã Tích* : có lẽ là nước *Tumasik*, tên cổ của Singapur ngày nay. Thư tịch Trung Quốc có chỗ phiên âm là *Đôn Mã Tích*.
3. Nguyên văn là “Bắc quốc sứ”, bản dịch cũ dịch là “sứ Bắc quốc”. Ta thường hiểu Bắc quốc là Trung Quốc. Nhưng ở đây đang nói về nước Sách Mã Tích, mấy chữ “Bắc quốc sứ” làm câu mất nghĩa. Chúng tôi cho rằng chữ *Bắc* 北 là nhầm từ chữ *Thử* 此. “Thử quốc sứ” là “sứ nước ấy”, câu trở nên rõ ràng. Ngôn ngữ *Tumasik* thuộc hệ Mã Lai - Đa Đảo. Trần Nhật Duật biết tiếng Chăm, cũng thuộc hệ này, nên có thể nhanh chóng học được tiếng *Tumasik*.
4. Trần Nhật Duật là con của Trần Thái Tông, em của Trần Thánh Tông, nên Nhân Tông gọi là “chú” (nguyên văn : “Chiêu Văn thúc”).

Khi đã làm tể tướng, ông thường qua nhà Trần Đạo Chiêu là người Tống, ngồi bên nhau nói chuyện phiếm đến hàng giờ không mỏi. Anh Tông nghe biết chuyện bảo ông :

“Tổ phụ ¹ là tể tướng, Đạo Chiêu tuy là người Tống, nhưng đã có Hàn lâm phụng chỉ, há nên ngồi nói chuyện với hần ?”.

Theo lệ cũ, sứ Nguyên sang, phải sai người biết tiếng để phiên dịch, tể tướng không được nói chuyện [trực tiếp] với họ, sợ lỡ có sai sót gì thì đổ lỗi cho người phiên dịch. Nhật Duật thì không thế, khi tiếp sứ Nguyên, ông thường nói chuyện thẳng với họ mà không mượn người phiên dịch. Đến khi sứ về nơi nghỉ thì dặt tay cùng vào, ngồi uống rượu vui vẻ như bạn văn quen biết. Sứ Nguyên hỏi ông :

“Ông là người Chân Định ² tới làm quan ở đây chứ gì ?”.

Nhật Duật ra sức bác lại, nhưng họ vẫn không tin [3a], vì hình dáng và tiếng nói của ông đều giống người Chân Định.

Anh Tông muốn tôn Tuyên Từ hoàng thái hậu làm Thái hoàng thái hậu, nhưng chưa biết gia tôn thế nào. Khâm Từ hoàng thái hậu đem việc ấy hỏi ông, ông trả lời là tôn làm thái hoàng thái hậu.

Anh Tông có hai chiếc mũ võ, là mũ đội khi duyệt và giảng võ mà chưa có tên gọi. Khi đi đánh Chiêm Thành, định đội đi, sai Nhật Duật đặt tên, Nhật Duật liền đặt tên một chiếc là Vũ Uy, một chiếc là Vũ Đức. Đến các tên “Toát trai”, “Tư thiện đường” của Đông cung (nhà học của hoàng thái tử gọi là Tư thiện đường, nhà học của Đông cung thái tử gọi là Toát trai) cũng đều là do ông đặt tên cả.

Những tiết tấu âm nhạc, khúc điệu múa hát cũng do Nhật Duật sáng tác.

Cuối niên hiệu Thiệu Bảo ³, ông giữ trại Thu Vật ở Tuyên Quang. Giặc Hồ vừa xâm phạm bờ cõi, Chiêu Quốc ⁴ tâu vua rằng :

“Chiêu Văn ở Tuyên Quang, chắc ở trên đó gọi giặc sang rồi !” (Nhật Duật thích chơi với người Tống nên Chiêu Quốc nói thế).

Khi Tuyên Quang thất thủ, Nhật Duật thuận dòng [3b] rút về xuôi, quân giặc theo hai bên bờ sông đuổi ông. Nhật Duật ngoảnh lại thấy giặc đi thông

1. Anh Tông gọi Nhật Duật bằng *tổ phụ*, tức là ông.

2. Nay là vùng đất huyện Chính Định, thuộc tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc).

3. Niên hiệu Thiệu Bảo đời Trần Nhân Tông kéo dài từ 1279 đến 1280. Từ tháng 10-1285, mới đổi sang niên hiệu Trưng Hưng. Việc Trần Nhật Duật chống quân Nguyên nói ở đây là xảy ra vào tháng 2 năm 1285.

4. Tức Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc.

thả, bảo quân lính : “Truy kích thì phải nhanh, nay chúng lại đi thông thả, sợ có quân phía trước đón chặn”.

Vội sai người dò xem, quả nhiên thấy giặc đã chặn ngang ở hạ lưu. Ông liền lên bộ chạy thoát.

Ông là người hòa nhã, độ lượng, mừng giận không lộ ra sắc mặt, trong nhà không bao giờ chứa roi vọt để đánh nô lệ. Nếu có đánh thì cũng kể tội lỗi rồi sau mới đánh.

Có lần ông sai gia đồng giữ thuyền, tên này bị gia đồng của Quốc phụ¹ đánh, có người đến mách. Nhật Duật hỏi : “Có chết không ?”. Người đó trả lời : “Chỉ bị thương thôi”. Ông nói : “Không chết thì thôi, mách làm gì !”.

Lại có người kiện gia tỳ của ông với Quốc phụ. Quốc phụ sai gia đồng tới bắt. Người gia tỳ chạy vào trong phủ, người đi bắt đuổi đến nhà giữa, bắt trời âm ỹ. Phu nhân khóc lóc nói với ông :

“Ân chúa là tể tướng, Bình chương² cũng là tể tướng, vì ân [4a] chúa nhân từ, nhu nhược, nên người ta mới coi khinh đến nước này”.

Nhật Duật vận ung dung không nói, chậm rãi sai người bảo kẻ gia tỳ rằng :

“Mày cứ ra đi, ở đâu cũng đều có phép nước”.

Ông lại thiệp liệp sử sách, rất hâm mộ huyền giáo³, thông hiểu xung diễn⁴, nổi tiếng đương thời là người uyên bác.

Hồi Thượng hoàng còn nhỏ, bị ốm, từng sai ông làm phù phép trấn áp cho yên. Ông mặc áo lông, đội mũ, trông như đạo sĩ.

Vợ ông là Trinh Túc phu nhân từng có việc xin riêng với ông, ông gật đầu. Đến khi ra phủ, người thư ký đem việc ấy trình lên ông, ông lại không cho.

Ông là bậc thân vương tôn quý, làm quan trải bốn triều, ba lần coi giữ trấn lớn, trong nhà không ngày nào không mở cuộc hát xướng, làm trò, mà không ai cho là say đắm. So với Quách Tử Nghi⁵ tốt cùng xa xỉ mà không ai chê, ông cũng gần được như thế.

Trinh Túc phu nhân là người Thanh Hóa, cho nên các nàng hầu vợ lẽ của Nhật Duật [4b] đều là người Thanh Hóa và các con ông cũng đều do các bà

1. Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chấn.

2. Chỉ Quốc phụ thượng tể Trần Quốc Chấn.

3. Tức Đạo giáo.

4. Xung diễn : nghĩa là sâu, là hư không ; xung diễn : là chỉ chung các kinh điển của Đạo giáo.

5. Quách Tử Nghi : quan đời Đường (Trung Quốc) trải bốn triều Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông, Đức Tông. Sau khi dẹp loạn An, Sử, được Túc Tông phong là Phán Dương Vương, nên thường được gọi là Quách Phán Dương. Đời Đức Tông, làm Thái úy trung thư lệnh, nên cũng được gọi là Quách Lệnh Công.

ở Thanh Hóa để ra. Sau này, có bổ tri phủ Thanh Hóa, đều lấy con cháu Nhật Duật cho làm, cũng như Quốc Khang ở châu Diễn vậy.

Trần Khắc Chung chết, tặng chức Thiếu sự.

Khắc Chung là người cố làm ra vẻ khác đời để cầu tiếng khen, không chăm lo đến nghiệp nhà. Mỗi buổi sáng vào chầu thì tạm nghỉ ở cục Thượng Liên cửa Vinh Xương, xem kỹ các bản tâu để chuẩn bị tâu bày. Khi tan chầu thì tới Đông cung (khi ấy Minh Tông đang còn ở Đông cung) dạy học, đều giả vờ, cố sức mà làm. Thường hay đánh bạc với học sĩ Nguyễn Sĩ Cố, có khi đến 2, 3 ngày, đánh thâu đêm suốt sáng, ngồi ngay trên giường đánh bạc mà húp cháo, không nghỉ lấy một chút. Được thua chỉ một hai quan tiền mà dụng tâm khổ sở như vậy. Lại như gặp những ngày trẻ đầy năm, mừng nhà mới của bạn bè, hề được mời là đến cả. Thậm chí nhà quan thầy thuốc có món ăn ngon cũng tới. Quân nhân biếu món ăn thì khen ngợi [5a] vợ họ. Một hôm, [Khắc Chung] bảo con là Công Xước : “Mày lấy con gái nhà ấy sao không bảo cho ta biết ?”.

Trước đây, Khắc Chung lấy nàng Bảo Hoàn. Khoảng đời Trùng Hưng, người Nguyên vào cướp, cha mẹ Bảo Hoàn hàng giặc, ruộng đất, tài sản đều bị tịch thu sung công. Đến khi vua lên ngôi, xuống chiếu cho tra lại, nhưng ông cũng không đem diên sản đó dùng vào việc thờ cúng. Ông ta xu thời giả tạo như thế đó. Chỉ có việc đi cầu hòa [với quân Nguyên] là khả quan thôi. Cho nên, người đời đều khen là giỏi. [Khi mất,] đưa về chôn ở Giáp Sơn, bị gia nô của Thiệu Vĩ băm nát xác ra.

Tân Mùi /*Khai Hựu*/ năm thứ 3 /1331/, (Nguyên Chí Thuận năm thứ 2). Nhà Nguyên sai Lại bộ thượng thư Tân Chỉ Ngõa ¹ sang báo việc Văn Tông lên ngôi.

Sai sứ sang Nguyên chúc mừng ².

Thượng hoàng ngự cung Trùng Quang. Hoàng tử Phủ đứng hầu. Gặp mưa gió to, [hoàng tử Phủ] ứng chế làm bài thơ có câu :

An dắc tráng sĩ lực cái thế,

Khá ngự đại ốc chi đòi phong

(Sao được tráng sĩ sức hơn đời,

Chống đỡ nhà to khi gió mạnh).

Thượng hoàng thưởng cho Phủ 10 lạng vàng (Phủ lúc ấy 11 tuổi).

1. *Nguyên sử, Bản kỷ* (Văn Tông) chép là Tân Lý Ngõa.

2. CMCB 9 dựa vào *Nguyên sử* chép tên người cầm đầu sứ bộ lần này là Đoàn Tử Trinh.

[5b] **Nhâm Thân**, /*Khai Hựu*/ năm thứ 4 /1332/, (Nguyên Chí Thuận năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, ngày 15, phụ táng Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu vào Thái Lăng.

Trước đó, Thượng hoàng sai các quan chọn ngày chôn cất. Có người bác đi rằng : “Chôn năm nay tất hại người tế chủ”. Thượng hoàng sai hỏi người đó rằng : “Người biết là sang năm ta nhất định chết à ?”.

Người ấy trả lời là không biết. Thượng hoàng lại hỏi rằng :

“Nếu sang năm trở đi, ta chắc chắn không chết, thì hoãn việc chôn mả hậu cũng được ; nếu sang năm ta chết, thì lo xong việc chôn cất mả hậu chẳng hơn là chết mà chưa lo được việc đó ư ? Lễ cát lễ hung phải chọn ngày là vì coi trọng việc đó thôi, chứ đâu có phải là câu nệ họa phúc như các nhà âm dương”.

Rốt cuộc vẫn cử hành lễ táng.

Tháng 3, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nội mật viện phó sứ, giữ sổ sách ở nội sảnh cung Quan Triều.

Mùa thu, tháng 7, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Tri thẩm hình viện sự, kiêm An phủ sứ Thanh Hóa. Trung Ngạn [6a] lập Binh đoàn đường xét xử ngục tụng. Không ai bị xử oan hoặc bị xử quá đáng.

Quý Dậu, /*Khai Hựu*/ năm thứ 5 /1333/, (Nguyên Thuận Đế Thỏa Hoan Thiếp Mục Nhi, Nguyên Thống năm thứ 1). Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đói to.

Giáp Tuất /*Khai Hựu*/ năm thứ 6 /1334/, (Nguyên Nguyên Thống năm thứ 2). Mùa xuân, đặt thêm chức tả hữu chính ngôn tham nghị ở Trung thư.

Thượng hoàng tuần thú đạo Nghệ An, thân đi đánh Ai Lao. Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Phát vận sứ Thanh Hóa, vận tải lương thực đi trước. Xa giá tới châu Kiềm¹

Ai Lao nghe tin chạy trốn. Sai Trung Ngạn mài vách núi khắc chữ ghi công rồi về².

Ất Hợi, /*Khai Hựu*/ năm thứ 7 /1335/, (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 1). Nhà Nguyên sai Lại bộ thượng thư là Thiết Trụ sang báo việc Thuận Đế lên ngôi.

1. Châu Kiềm tức đất Mật Châu, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (theo CMCB 9).
2. Bài văn khắc ở núi Thành Nam, thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Theo CMCB 9, thì nét chữ to bằng bàn tay, tạc vào đá sâu đến hơn một tấc. *Cương mục* chép việc này vào năm Ất Hợi, Khai Hựu năm thứ 7 (1335).

Mùa thu, tháng 9, Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua. Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối.

Trước đó, Thượng hoàng đã bàn việc đánh Ai Lao mà không đi được. Đến đây, lại bàn việc thân chinh, nhưng bị đau [6b] mắt. Có người xin hoãn việc xuất quân. Thượng hoàng nói :

“Năm ngoái định thân chinh rồi không được, năm nay lại vì đau mắt mà hoãn xuất quân, thiên hạ sẽ bảo ta là nhát, nếu giặc phương Bắc xâm lấn thì ta còn nhờ cậy vào đâu ?”.

Bèn quyết ý thân chinh, ít lâu sau mắt cũng khỏi. Đến Nghệ An, bệnh lại tái phát. Thượng hoàng ngồi thuyền cổ giong mà đi, khi lên bộ thì khỏi.

Bấy giờ Nhữ Hài chỉ huy quân Thần Vũ và Thần Sách, kiêm chức Kinh lược đại sứ Nghệ An, mà Ai Lao xâm lấn đất Nam Nhung¹ là thuộc ấp của Nghệ An, cho nên lấy Nhữ Hài làm đốc tướng, các quân đều chịu sự chỉ huy của ông.

Nhữ Hài chỉ đem quân Thần Vũ và quân Nghệ An tiến đánh, đoán chừng Ai Lao giữ đất Nam Nhung, quân ít và yếu, đánh nhất định thắng. Vả lại, trại nó sát ngay sông lớn Tiết La², sau khi thắng trận bắt được tù binh theo dòng xuôi xuống, đi qua Chân Lạp và các nước phiên khác, đều có thể điều võ dương oai, nhân đó dụ bảo con em các nước ấy vào châu, ý muốn lập [7a] kỳ công để lấn lướt người cùng hàng.

Đến ngày giao chiến, mây mù che tối, giặc đã phục sẵn voi ngựa, hai mặt giáp công, quan quân thua to, sa xuống nước chết đuối đến quá nửa. Nhữ Hài cũng ở trong số người chết đuối đó.

Thượng hoàng được tin đó bảo rằng : “Nhữ Hài dùng mưu tất thắng, thừa kế tất thắng, công đã gần thành, cuối cùng bị giặc nhử mồi [mà chết]. Nhữ Hài không phải không biết tình thế của giặc, chỉ vì muốn làm to quá mới đến nỗi vậy. Thế mới biết sự mong muốn của con người không thể vượt quá giới hạn được”.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Trận đánh Thành Bộc³. Tử Ngọc có mưu tất thắng mà rốt cuộc bị thua là vì bị Văn Công nhử mồi. Trận đánh Nam Nhung, Nhữ Hài có mưu tất thắng rồi cũng bị thua

1. Nam Nhung : là tên ấp, ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2. Cương mục chú sông Tiết La ở ấp Nam Nhung. Có lẽ sông Tiết La là một khúc của sông Lam ở gần vùng Cửa Rào.

3. Trận đánh Thành Bộc ở nước Vệ thời Xuân Thu xảy ra giữa nước Tấn và nước Sở. Quân Sở do Tử Ngọc chỉ huy vốn có ưu thế hơn quân Tấn. Tướng Tấn Loan Chi dùng mưu giả cách thua chạy, Tử Ngọc dẫn quân đuổi theo, bị quân Tấn hai bên đánh ập lại, quân Sở đại bại.

là vì bị Ai Lao nhử mồi. Hai viên tướng này đâu phải không có tài lược mà đến nỗi như thế. Chỉ vì kiêu căng nên chuốc lấy thất bại đó thôi.

Không Tử nói : “Gặp [7b] việc thì lo sợ, mưu giỏi thì thành công”. Điều cốt yếu của việc chiến trận không gì lớn hơn thế. Làm tướng mà kiêu ngạo, có thành công được bao giờ !

Khi Thượng hoàng thân chinh thì Đỗ Thiên Hư chỉ huy quân Khoái Hộ (tức là quân Thần Sách) đang bị ốm nặng. [Thượng Hoàng] bảo ở lại, Thiên Hư liền sai người nhà khiêng mình đến ngoài cửa Vĩnh An, cố xin theo xa giá và nói :

“Thần thà chết ở ngoài cửa quân dinh chứ không muốn chết ở trong giường đệm”.

Thượng hoàng khen ngợi chí khí của ông, cho đi theo, khi vào đến đất giặc thì chết. Thượng hoàng than thở thương tiếc, sắc cho dùng nhạc Thái thường để cúng tế. Sau này Nguyễn Dữ chết cũng như vậy.

(Bấy giờ cúng tế thông thường mà dùng nhạc Thái thường thì chỉ có hành khiển mới được, chức phẩm hình chỉ được dùng trai nội tế. Thiên Hư được tế bằng nhạc Thái thường là ân sủng đặc biệt, không kém gì hành khiển).

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Kể tiểu nhân suy tính thấy lợi thì tiến, thấy hại thì [8a] lui, chỉ mong vừa lòng mình, lợi cho mình. Cho nên có kẻ thấy việc thì ngại khó, có kẻ làm quan thì kiếm cơ, hiềm được người sốt sắng với vua họ. Thiên Hư đang lúc ốm nặng, Minh Tông cho ở lại, như thói thường của người đời thì chẳng qua vâng lời là xong, lại cố xin đi theo, không muốn chết ở nơi giường đệm, thì suy nghĩ của ông chỉ sốt sắng với nhà vua thôi, há chẳng làm cho những kẻ ngại khó kiếm cơ xấu hổ sao ?

Bấy giờ có thượng tướng Phạm Thương Cối tính người hòa nhã, chưa từng tranh cạnh với ai. Trần Ngô Lang thường hay khinh rẻ ông, nhưng ông cũng không động lòng. Đến việc đánh dẹp thì nhiều lần có công, cũng không cậy công mà lên mặt với người khác. Thượng hoàng có lần bảo :

“Cách sửa mình của Thương Cối cũng gần được như Quách Tử Nghi”.

Mùa đông, tháng 12, động đất.

[8b] **Bính Tý**, [Khai Hựu] năm thứ 8 [1336], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 2). Thượng hoàng từ Ai Lao về đến Kinh sư.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa Đông, tháng 10, ngày 19, con của Thượng hoàng là Hạo sinh (tức là Dụ Tông).

Đinh Sửu, [Khai Hựu] năm thứ 9 [1337], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 6, ngày mùng 2, con của Thượng hoàng là Kính sinh (tức là Duệ Tông).

Ngày mùng 5, sét đánh đình Ất Văn điện Thụy Chương.

Sao Chổi mọc ở phương đông bắc.

Xét duyệt các quan văn võ, văn đặt thuộc viên các sảnh, viện.

Mùa thu, tháng 7, lấy công chúa Hiền Trinh, con gái trưởng của Bình chương Huệ Túc Vương làm Thần phi.

Tháng 9, xuống chiếu cho các quan trong ngoài triều khảo xét các thuộc viên do mình cai quản, người nào có tờ khai cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi về.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm An phủ sứ Nghệ An, kiêm Quốc sử viện giám tu quốc sử, hành Khoái Châu lộ tào vận sứ. Trung Ngạn kiến nghị lập Tào thương chứa thóc tô để chặn cấp dân bị đói. Xuống chiếu cho các [9a] lộ bắt chức thể mà làm.

Sai Hưng Hiếu Vương dẹp người man Ngưu Hống. [Hưng Hiếu Vương] tiến quân vào trại Trịnh Kỳ, đánh tan quân man, chém tù trưởng của họ là Xa Phần.

Quân trở về, quân sĩ đều được ban thưởng. Hưng Hiếu Vương viện dẫn việc Nhân Huệ Vương đi dẹp ấp Nam Nhung khi trước, xin thưởng cả những người giữ thuyền. Thượng hoàng nói :

“Khánh Dư đi đánh Nam Nhung, từ Nghệ An đi bộ mấy ngày, đến sông Nam Nhung mới đục gỗ làm thuyền. Đó là giữ thuyền trong đất của giặc, chứ không phải là giữ thuyền ở Nghệ An. Người giữ thuyền lần này thì khác thể. Vả lại, có thưởng tất phải có phạt, thưởng phạt thường phải có cả. Nếu người giữ thuyền muốn nhờ ở chiến thắng để lấy thưởng, giả sử người đi đánh bị chết thì người giữ thuyền cũng chịu chết chăng ? ”.

Hưng Hiếu trả lời : “Nếu không có người giữ thuyền, trong quân mà nghe tin giặc lấy mất thuyền thì quân sĩ liệu có giữ vững được không ?”. Thượng Hoàng nói : “Nếu vậy thì trước hết phải thưởng cho những người trong triều mới phải, vì nếu Kinh sư yên thì quân sĩ có thể đi đánh giặc được không ?” Hưng Hiếu [9b] không trả lời được.

Trong chiến dịch này, gia đồng của Hưng Hiếu là Phạm Ngải có lập chiến công, Thượng hoàng nói : “Gia nô tuy có chút công lao, nhưng không được dự vào quan tước triều đình”.

Xuống chiếu cấp cho Ngãi 5 phần suất ruộng. Lại có Bảo Vũ là người được Thượng hoàng rất yêu mến, nhưng cũng không được đặt vào chức quan trọng vì không có tài, cũng như Anh Tông đối với Hưng Bảo¹ vậy.

Mậu dần, *[Khai Hựu]* năm thứ 10 [1338], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4). Mùa thu, tháng 8, nước to.

Mùa đông, tháng 10, gió to, nhà cửa, cây cối bị đổ gãy nhiều.

Lấy Cung Tĩnh Vương Nguyên Trác làm tham dự triều chính, Cung Định Vương Phủ làm Phiêu kỵ thượng tướng quân, lĩnh trấn Tuyên Quang.

Kỷ Mão, *[Khai Hựu]* năm thứ 11 [1339], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 5). Mùa xuân, đổi tên lịch Thụ thì thành lịch Hiệp kỷ.

Khi ấy, Hậu nghị lang thái sử cục lệnh là Đặng Lộ cho rằng lịch các đời trước đều gọi là lịch Thụ thì, xin đổi thành lịch Hiệp [10a] kỷ. Vua y theo.

(Lộ là người huyện Sơn Minh)². Lộ từng làm linh lung nghi khảo nghiệm thiên tượng, không việc gì là không đúng.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, ban đêm, con của Thượng hoàng là Hạo đi thuyền chơi Hồ Tây bị chết đuối, vớt được ở lỗ cống đơm cá. Thượng hoàng sai thầy thuốc Trâu Canh cứu chữa. Canh nói : “Dùng kim châm sẽ sống lại, nhưng chỉ sợ sẽ bị liệt dương”. Dùng kim châm thì quả như lời ông ta nói, từ đấy mọi người gọi Trâu Canh là thần y. Canh sau được thăng mãi lên Quan phục hầu Tuyên Huy viện đại sử kiêm Thái y sử.

Lấy Trương Hán Siêu làm Môn tả hữu ty lang trung.

Nhân Huệ Vương Khánh Dư chết.

Năm nay, sao Huỳnh Hoắc mọc vào giới phận sao Nam Đẩu ở đến hơn một tháng mới ra (chưa rõ tháng nào).

Tân Tỵ *[Khai Hựu]*, năm thứ 13 [1341], (từ tháng 8 trở đi là Dụ Tông, Thiệu Phong năm thứ 1, Nguyên Chí Chính năm thứ 1). Mùa xuân, lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Đại doãn kinh sử.

Mùa hạ, tháng 6, ngày 11, vua băng ở chính tâm, tạm quân [10b] ở cung Kiến Xương, miếu hiệu là Hiến Tông.

1. Nên sửa là Bảo Hưng. *Toàn thư*, BK6 chép : Hưng Long năm thứ 12 (1304), tháng 12... Vua (Anh Tông) đối với người tôn thất như Bảo Hưng Vương (không rõ tên) rất là thân yêu mà không trao cho chính sự vì không có tài...
2. *Huyện Sơn Minh* : nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua tuy có thiên tư tốt đẹp, nhưng vì tuổi trẻ nối ngôi, công việc trong nước đều do Thượng hoàng giữ cả, thì cũng như là người chưa nắm việc của đất nước, tức như câu “cha còn sống, con không được chuyên quyền”¹ vậy, còn bàn vào đâu được nữa.

Mùa thu, tháng 8, ngày 21, Thượng hoàng đón hoàng tử Hạo lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Thiệu Phong năm thứ 1.

Đại xá.

[Vua] tự xưng là Dụ Hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Thống Thiên Thế Đạo Nhân Minh Quang Hiếu Hoàng Đế. Vua lúc ấy mới lên 6 tuổi. [Thượng hoàng] không lập con trưởng là Cung Túc Vương Dục, vì [Dục] là người nông cuồng.

Sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên soạn bộ *Hoàng triều đại điển* và khảo soạn bộ *Hình thư* để ban hành.

[11a] DỤ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ : HÔN ĐỨC CÔNG DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Hạo, con thứ mười của Minh Tông, do Hiến Từ hoàng hậu sinh ra. Ở ngôi 28 năm, thọ 34 tuổi, băng táng ở Phụ Lăng. Vua tính rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn, các di đều thần phục. Đời Thiệu Phong chính sự tốt đẹp ; từ năm Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Nhâm Ngọ, Thiệu Phong năm thứ 2 [1342], (Nguyên Chí Chính năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 3, xét duyệt các quan văn võ và tập lưu.

Mùa hạ, tháng 4, phong con gái của Thượng hoàng là Ngọc Tha (còn chép là Bạch Tha) làm Thiên Ninh công chúa, gả cho Chính Túc Vương Kham (có sách chép là Hưng Túc).

1. Lời chú trong thiên *Học nhi*, sách *Luận ngữ*.

Tháng 5, chúa Chiêm Thành Chế A Nan chết. Con rể là Trà Hòa Bồ Đề tự lập làm vua, sai sứ đến cửa khuyết báo tin buồn.

Mùa thu, tháng 7, tôn Hiến Từ hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu.

Lấy Trương Hán Siêu làm [11b] tả ty lang trung kiêm Kinh lược sứ Lạng Giang ; Nguyễn Trung Ngạn làm Hành khiển tri Khu mật viện sự.

Theo quy chế cũ, cấm quân thuộc về Thượng thư sảnh. Đến đây, đặt Khu mật viện để quản lãnh. Trung Ngạn chọn đình tráng các lộ bổ sung ngạch thiếu của cấm quân, định thành sổ sách. Khu mật viện quản lãnh cấm quân bắt đầu từ Trung Ngạn.

Thượng hoàng ngự đến Ngự sử đài. Giám sát ngự sử Doãn Định và Nguyễn Như Vi bị bãi chức.

Bấy giờ đã trùng tu xong Ngự sử đài. Sáng sớm, Thượng hoàng ngự tới, Ngự sử trung tán là Lê Duy theo hầu Thượng hoàng trở về cung rồi, Doãn Định và Nguyễn Như Vi mới đến. [Hai người] bèn làm sớ kháng nghị, nói là Thượng hoàng không được vào Ngự sử đài và hặc tội Lê Duy không biết can ngăn, lời lẽ rất gay gắt.

Thượng hoàng gọi đến dụ họ rằng : “Ngự sử đài cũng là một trong các cung điện, chưa từng có cung điện nào mà thiên tử không được vào. Và lại, trong Ngự sử đài xưa kia còn có chỗ để thiên tử giảng học. Các bạ thư [12a] chi hậu dâng hầu bút nghiên ở đó cả. Đó là việc cũ thiên tử vào Ngự sử đài. Ngày xưa Đường Thái Tông còn xem Thực lục, hướng chi là vào đài !”.

Bọn Định còn cố cãi, mấy ngày vẫn không thôi. Vua dụ họ hai ba lần cũng không được, bèn bị bãi chức cả.

Mùa đông, tháng 10, lấy ngày sinh làm tiết Khánh Thiên.

Quý Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 3 [1343], (Nguyên Chí Chính năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng ngự đến phủ Thiên Trường.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng một, nhật thực.

Tháng 5, tháng 6, hạn hán. Xuống chiếu ban giảm một nửa thuế nhân đinh năm này.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, Khâm Từ hoàng thái hậu băng.

Năm này mất mùa, đói kém, dân nhiều kẻ làm trộm cướp, nhất là gia nô các vương hầu.

Giáp Thân, [*Thiệu Phong*] năm thứ 4 [1344], (Nguyên Chí Chính năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, người Trà Hương¹ là Ngô Bệ hợp bọn ở núi Yên Phụ² làm giặc cướp.

Đôi Hành khiển ty ở cung Thánh Từ làm Thương thư sảnh, còn Hành khiển ty ở cung Quan Triều [12b] vẫn để là Môn hạ sảnh như cũ.

Đặt đại sứ và phó sứ của viện Tuyên Huy.

Đổi Kiểm pháp quan của viện Đăng Văn thành Đình úy, **Tự Khanh** và Thiệu Khanh.

Đặt đồn điền sứ và phó sứ ở ty Khuyến nông.

Lộ lớn thì đặt An phủ sứ và phó sứ, thuộc châu thì đặt Thông phán. Lại đặt chức Đề hình và chức Tào ty chuyển vận ở lộ nhỏ. Phủ Thiên Trường thì đặt Thái phủ và Thiệu phủ.

Phục hồi quan tước cho Quốc phụ thượng tể Quốc Chấn.

Mùa thu, tháng 8, đặt 20 dô phong đoàn ở các lộ để đuổi bắt giặc cướp.

Ngày 15, an táng Hiến Tông vào An Lăng ở Kiến Xương³.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Thiên tử mất 7 tháng thì chôn. Ngày xưa Chu Hoàn Vương mất đến 7 năm mới chôn là vì nhà Chu khi ấy có loạn Tử Nghi và Hắc Kiên⁴. Hiến Tông mất đến nay đã 4 năm rồi mới táng, vẫn chưa biết lý do vì sao. Có lẽ còn thương hoàng nên phải theo lệnh chăng ? [13a] Nhưng lúc ấy cũng không thấy ai đem lễ ra bàn cãi cả.

Năm này mất mùa, đói kém, dân nhiều kẻ phải làm sư và làm nô cho các thế gia.

Ất Dậu [*Thiệu Phong*] năm thứ 5 [1345], (Nguyên Chí Chính năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, thi thái học sinh. Phép thi dùng ám tả, cổ văn, kinh nghĩa, thi phú.

Mùa hạ, tháng 4 và 5 hạn hán. Xuống chiếu soát tù, giảm tội bọn tạp phạm.

Mùa thu, tháng 8, sứ Nguyên là Vương Sĩ Hành sang hỏi việc cột đồng. Sai Phạm Sư Mạnh đi biện bạch việc này.

1. *Trà Hương* : là đất huyện Kim Thành trước đây, nay là một phần đất huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.
2. *Núi Yên Phụ* : ở huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.
3. Nay là huyện Vũ Thư và huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
4. Đời Chu ở Trung Quốc, Chu Hoàn Vương Cơ Lâm chết, con là Trang Vương Cơ Đà lên ngôi, nhưng Chu Công Hắc Kiên âm mưu giết Trang Vương lập Tử Nghi (em Trang Vương), cung đình loạn to, xác Hoàn Vương để tới 7 năm mới chôn.

(Xét năm này ở nước Nguyên giặc cướp nổi lên khắp nơi, hơn nữa, tháng 9 năm sau, Sư Mạnh được lệnh thăng chức, đi về sao lại nhanh thế ? Việc này chưa chắc đã có, hãy tạm chép vào đây).

Mùa đông, tháng 11, lấy Trương Hán Siêu là Tả gián nghị đại phu.

Sai quân nhân đi bắt Ngô Bê ở núi Yên Phụ. Quân của Bê chạy trốn tan rã cả.

Bính Tuất, [*Thiệu Phong*] năm thứ 6 [1346], (Nguyên Chí Chính năm thứ 6). Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, nhật thực.

Sai Phạm Nguyên Hằng sang sứ [13b] Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hằng năm.

Mùa hạ, tháng 5, Ai Lao vào cướp biên giới. Sai Bảo Uy Vương Hiến đánh tan bọn chúng, bắt được rất nhiều người và súc vật. Mùa thu, tháng 9, lấy Phạm Sư Mạnh làm trưởng bạ kiêm Khu mật tham chính.

Mùa đông, tháng 10, Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất đơn bạc.

Đinh Hợi, [*Thiệu Phong*] năm thứ 7 [1347], (Nguyên Chí Chính năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, nhật thực.

Mùa hạ, tháng 6, Bảo Uy Vương Hiến có tội bị đuổi ra làm Phiêu kỵ tướng quân trấn Vọng Giang ¹, rồi bị giết ở sông Vạn Nữ ², lộ Trường Yên.

Buổi đầu dựng nước, thuyền buôn nước Tống sang dâng người nước Tiểu Nhân, thân dài 7 tấc, tiếng như ruồi nhặng, không thông ngôn ngữ, lại dâng 1 tấm vải hỏa hoãn ³ giá mỗi thước 300 quan tiền, lưu truyền làm của quý. Sau đem may áo vua, cất hơi ngấn, sai cất trong nội phủ. [14a] Bảo Uy tư thông với cung nhân lấy trộm áo ấy. Một hôm Bảo Uy mặc áo ấy vào trong rồi vào chầu, tâu việc trước mặt Thượng hoàng, để lộ ống tay áo ấy ra. Thượng hoàng trông thấy có ý ngờ, sai người kiểm xét lại, quả nhiên chiếc áo cất giữ đã mất. Người cung nhân sai người thị tỳ già đến nhà Bảo Uy lấy áo đem về, rồi ngấm đem vào cung dâng trình. Thượng hoàng không nỡ giết, đuổi Bảo Uy ra làm quan ở trấn ngoài. Đến sông Vạn Nữ, sai vũ sĩ đi thuyền nhẹ đuổi giết đi, vứt xác vào bãi cát rồi về. Giáng làm Bảo Uy hầu.

Mùa thu, tháng 8, Đôn Từ hoàng thái hậu Lê thị băng.

Cung Mẫn Vương Nguyên Hú chết.

1. Tức đất huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An ngày nay.

2. *Sông Vạn Nữ* : hay sông Trinh Nữ ở địa giới huyện Yên Mô (CMCB9), nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3. Thớ vải chịu lửa, có nhiều thuyết, nhưng có lẽ là giặt bằng lửa (*hoãn* cũng đọc là *cán*, có nghĩa là giặt).

Mậu Tý, /*Thiệu Phong*/ năm thứ 8 /1348/, (Nguyên Chí Chính năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy ngự tiền học sinh Đỗ Tử Bình làm thị giảng.

Mùa hạ, tháng 5, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn nước Đồ Bô¹ đến hải trang Vân Đồn ngầm mua ngọc trai. Người Vân Đồn [14b] nhiều kẻ mò trộm ngọc trai bán cho họ. Chuyện này bị phát giác, đều bị tội cả.

Phương Cốc Trần² nước Nguyên dấy binh làm loạn.

Kỷ Sửu, /*Thiệu Phong*/ năm thứ 9/1349/, (Nguyên Chí Chính năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, thuyền buôn phương Bắc sang cống bát Diêu Biển.

(Cuối đời Tống, người Hàng Châu nung lò bát sắp được, thấy con chim diêu bay qua trên lò bát, ia phân vào trong lò, hóa thành bát ngọc, nên đặt tên là Diêu Biển)³.

Mùa hạ, tháng 5, nước Đại Oa⁴ sang cống sản vật địa phương và chim vẹt đỏ biết nói.

Mùa đông, tháng 10, sách phong công chúa Ý Từ, con gái thứ tư của Bình chương Huệ Túc Vương làm Nghi Thánh hoàng hậu.

Tháng 11, ngày mùng 1, nhật thực.

Đặt quan trấn, quan lộ và sát hải sứ ở trấn Vân Đồn, lại đặt quân Bình Hải để trấn giữ. Trước đây, thời nhà Lý, thuyền buôn tới thì vào từ các cửa biển Tha, Viên⁵ ở châu Diên. Đến nay, đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, thuyền buôn phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn, cho nên có [15a] lệnh này.

Canh Dần, /*Thiệu Phong*/ năm thứ 10 /1350/, (Nguyên Chí Chính năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, có người Nguyên là Đinh Bằng Đức, nhân nước có loạn, đem cả nhà đi thuyền vượt biển chạy sang ta. Bằng Đức giỏi leo dây, làm trò ca múa. Người nước ta bắt chước làm trò múa leo dây. Trò leo dây bắt đầu có từ đó.

Cung Giản Vương Nguyên Thạch chết.

1. Cũng đọc là Chà Bô, có lẽ là phiên âm tên Java (In-đô-nê-xi-a).
2. Sứ Trung Quốc chép là Phương Quốc Trần. Năm 1348, Phương Quốc Trần khởi nghĩa ở Chiết Đông, lấy Khánh Nguyên (Ninh Ba, Chiết Giang) làm căn cứ địa.
3. Thử bát sứ tráng men, khi nung, lửa lò không đều, men biến đi mà thành sắc lạ.
4. Có lẽ cũng là Qua Oa, tức Java.
5. Bản dịch cũ chú rằng có lẽ là cửa Thới và cửa Quên.

Từ Thọ Huy nước Nguyên dấy binh, tự xưng là hoàng đế ¹, nước [Nguyên] loạn to.

Tân Mão, [Thiệu Phong], năm thứ 11 [1351], (Nguyên Chí Chính năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, người Thái Nguyên và Lạng Sơn tụ họp làm giặc cướp, đánh lẫn nhau. Đánh dẹp được bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 1, nhật thực.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Lấy Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự.

Người con gái ở Thiên Cương, Nghệ An biến thành con trai.

Trâu Canh có tội đáng chết, được tha.

Bấy giờ Trâu Canh thấy vua bị liệt dương, dâng phương thuốc nói rằng [15b] giết đứa bé con trai, lấy mật hòa với dương khởi thạch mà uống và thông dâm với chị hay em ruột của mình thì sẽ hiệu nghiệm. Vua làm theo, thông dâm với chị ruột là công chúa Thiên Ninh, quả nhiên công hiệu.

Canh từ đấy càng được yêu quý hơn, được ngày đêm ở luôn trong hậu cung hầu hạ thuốc thang. Canh liền thông dâm với cung nữ. Việc phát giác, Thượng hoàng định bắt Canh chết, nhưng vì có công chữa khỏi bệnh cho vua nên được tha.

(Canh là con Trâu Tôn người phương Bắc. Khoảng năm Thiệu Phong ², người Nguyên vào cướp, Tôn làm thầy thuốc đi theo quân Nguyên, đến khi quân Nguyên thua, thì bị bắt. Tôn ở lại nước ta, chữa thuốc cho các vương hầu thời đó, phần nhiều thấy công hiệu. Người trong nước nhiều lần cho Tôn ruộng, nô, thành ra giàu có. Canh nổi nghiệp cha, trở thành danh y, nhưng không có hạnh kiểm nên đến nỗi thế. Đến sau lại được phục hồi chức vị. Dòng dõi của Canh đến triều nay còn có người là Trâu Bảo, được của do Trâu Canh cất giữ trở nên giàu có, nhưng cũng vì thế mà lụn bại).

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập nội hành khiển, vẫn coi việc ở Khu mật viện.

Mùa đông, tháng 11, vua ngự điện Thiên An, duyệt cấm quân ở Long Trì, ban cho Nguyễn Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ võ, đeo thẻ bài gỗ, nghiên vàng ³ để duyệt cấm quân, định loại hơn kém.

1. Từ Thọ Huy nổi dậy ở vùng Hồ Bắc, xưng đế, quốc hiệu là Thiên Hoàn, đóng đô ở Nghi Thủy, sau dời đô về Hán Dương (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc).
2. Niên hiệu Thiệu Phong (1341 - 1358) không có quân Nguyên xâm lược. *Cương mục* chép là Nguyên Phong (1251 - 1258). Như vậy là muốn chỉ cuộc xâm lược của quân Mông Cổ vào năm 1258, không chắc là có thầy thuốc Trung Quốc đi theo quân Mông Cổ. Chúng tôi cho rằng nên chép là Thiệu Bảo (1279 - 1285). Trong niên hiệu này, có cuộc xâm lược lần thứ hai 1285. Lần này ta bắt được nhiều tù binh.
3. Thẻ bài gỗ có bốn cạnh như hình cái thước vuông và nghiên vàng đựng mực, là hai thứ đeo vào đai lưng để tiện ghi chép.

[16a] **Nhâm Thìn**, [*Thiệu Phong*] năm thứ 12 [1352], (Nguyên Chí Chính năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 3, Chế Mỗ người Chiêm Thành chạy sang ta, dâng voi trắng, ngựa trắng mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các công vật, xin đánh Trà Hòa Bố Đê mà lập y làm quốc vương.

Trước đây, khi chúa Chiêm là Chế A Nan còn sống thì con là Chế Mỗ làm bố điền (tức đại vương), con rể là Trà Hòa Bố Đê làm bố đê (tức là tể tướng), nói câu gì bàn kế gì cũng được chúa Chiêm nghe theo, nhân thế hấn lập bè đảng với Chế Mỗ. Chế Mỗ khi nào bị quở trách, Bố Đê thường cứu gỡ cho. Người trong nước do vậy mà có lòng khác, không chuyên tâm theo về Chế Mỗ nữa. Đến khi A Nan chết, Bố Đê liền đuổi Chế Mỗ mà tự lập làm vua. Thế mới biết kẻ làm tôi mà lập bè đảng thì hẳn là có mưu đồ khác mà Chế Mỗ vẫn không biết là mình bị sa vào thuật của nó.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn tràn ngập, vỡ đê Bát Khối¹, lúa má chìm ngập. Khoái Châu², Hồng Châu³ và Thuận An⁴ hại nhất.

[16b] **Quý Ty**, [*Thiệu Phong*] năm thứ 18 [1353], (Nguyên Chí Chính năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ.

Lấy Cung Định Vương Phủ làm Hữu tướng quốc.

Mùa hạ, tháng 6, cử đại binh đi đánh Chiêm Thành. Quân bộ đến Cổ Lũy⁵, quân thủy chờ lương, gặp trở ngại lại quay về.

Trước kia, Hưng Hiếu Vương coi Hóa Châu⁶, Chế Mỗ nói với Tước Tề (là gia nhi của Minh Tông đi lại với Chế Mỗ) rằng :

"Chuyện cổ của Chiêm Thành, kể rằng ngày xưa có ông vua nuôi một con khỉ lớn, rất yêu quý nó, muốn cho nó biết nói. Ông ta tìm khắp trong nước, bảo người nào biết nuôi dạy được khỉ nói thì thưởng một vạn lạng vàng. Có một người nói là sẽ dạy được. Vua mừng lắm, sai hấn nuôi khỉ. Người ấy nói : "Hàng tháng dùng thuốc phí tổn đến trăm lạng vàng, sau ba năm mới có kết quả". Vua nghe theo. Ý hấn nghĩ rằng quốc vương với mình cùng con khỉ, trong khoảng ba năm, nhất định có một kẻ chết, hãy cứ lấy vàng của vua đã,

1. *Bát Khối* : tức Bát Tràng và Thổ Khối, tên hai xã của huyện Gia Lâm, Hà Nội.

2. *Khoái Châu* : gồm đất các huyện Châu Giang (trừ đất Văn Giang cũ), Kim Thi và Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

3. *Hồng Châu* : gồm đất các huyện Mỹ Văn, Cẩm Bình, Ninh Thanh và Tư Lặc, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

4. *Thuận An* : gồm đất huyện Thuận Thành và huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, huyện Văn Giang cũ của tỉnh Hải Hưng và huyện Gia Lâm, Hà Nội.

5. *Cổ Lũy* : là đất tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Hóa Châu* : gồm đất các huyện Hương Điền, Hương Phú, Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên - Huế

mà chẳng cần phải có kết quả. Chế Mỗ theo về chúa thượng, nhưng thực là Hưng Hiếu chủ trương [17a] việc ấy. Trái bao năm tháng mà vẫn chưa nghe ngày được về nước. Sự thể của tôi cũng giống chuyện đó".

Triều đình nghe lời Chế Mỗ, cử binh đưa Chế Mỗ về nước, nhưng không thành công. Chế Mỗ ở lại nước ta, không bao lâu rồi chết.

Thăng Thái úy Nguyên Trác làm Tả tướng quốc.

Mùa thu, tháng 9, Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu, quan quân đánh đuổi chúng rất bất lợi. Vua gọi Trương Hán Siêu mưu tính việc đó. Hán Siêu trả lời : "Không nghe lời thần nên đến nỗi thế". Vua bèn sai Trương Hán Siêu đem các quân Thần sách đi trấn giữ Hóa Châu.

Giáp Ngọ, [*Thiệu Phong*] năm thứ 14 [1354], (Nguyên Chí Chính năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, quan trấn giữ biên giới phía bắc cho chạy trạm tâu việc Trần Hữu Lượng nước Nguyên dấy binh, sai sứ sang xin hòa thân (Hữu Lượng là con Trần Ích Tắc).

Tháng 3, ngày mùng 1, nhật thực.

Bấy giờ đói kém, dân khổ vì giặc cướp. Có kẻ tự xưng là cháu ngoại của Hưng Đạo Đại Vương tên là Tề, tụ họp bọn gia nô bỏ trốn của các vương hầu làm giặc, cướp bóc các xứ Lạng Giang¹, Nam Sách².

[17b] Mùa thu, tháng 9, có nạn sâu lúa. Xuống chiếu giảm một nửa tô ruộng.

Mùa đông, tháng 11, có con hổ đen xuất hiện trong thành.

Tả tham tri chính sự Trương Hán Siêu trấn giữ Hóa Châu, biên thùy trở lại yên ổn. Ông xin trở về triều, vua y cho, nhưng chưa về tới kinh sư thì chết, được truy tặng Thái bảo.

Hán Siêu người Phúc Thành, [huyện] Yên Ninh³, [phủ] Trường Yên là người chính trực, bài xích dị đoan, có tài văn chương và chính sự. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên. Ông từng soạn bài văn bia chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang, nội dung tóm lược như sau :

"Chùa bỏ rồi lại dựng, đã chẳng phải ý muốn của ta. Dựng bia rồi khắc chữ, ta biết nói chuyện gì. Ngày nay thánh triều muốn truyền bá phong hóa nhà vua, để chấn hưng phong tục đang bị suy đồi. Dị đoan đáng phải truất

1. *Lạng Giang* : gồm đất các huyện Yên Dũng, Lục Ngạn, Yên Thế, tỉnh Hà Bắc và huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.
2. *Nam Sách* : gồm đất các huyện Chí Linh, Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng và đất huyện Tiên Lãng, Hải Phòng ngày nay.
3. *Yên Ninh* : là tên huyện thời Lê sơ, sau vì kiêng húy tên Trang Tông (1533 - 1548), đổi thành *Yên Khang*. Thời Nguyễn là huyện Yên Khánh. Nay chia vào đất huyện Tam Điệp và huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

bỏ, thánh đạo nên được phục hưng. Làm sĩ đại phu, không phải đạo Nghiêu Thuấn thì không trình bày, không phải đạo Khổng Mạnh thì không trước thuật. Thế mà cứ bo bo lải nhải chuyện Phật, ta định lừa dối ai đây ?”.

[18a] Ông nổi tiếng thời bấy giờ, nhưng Tông chính đại khanh Lê Cư Nhân từng coi ông là chân đá cầu nhà quê, vì người làng quê đá cầu phần nhiều không trúng, dễ ví với Hán Siêu lo liệu công việc phần nhiều không thỏa đáng. Ông ta khinh bỉ người cùng hàng, không giao du với họ, chỉ chơi thân với bọn hoạn quan Phạm Nghiêu Tư, gặp quan thầy thuốc thì thế nào cũng đùa cợt nói cười, đều là những kẻ không đồng điệu với ông. Đến khi coi đất Lạng Giang thì gả con gái cho tù trưởng đất ấy là Nùng Ích Ván, khi coi chùa Quỳnh Lâm thì gả con gái cho tam bảo nô Nguyễn Ch�, đều vì mộ sự giàu có của họ cả.

Lê Cư Nhân chết. Cư Nhân hỏi Minh Tông còn trị vì, làm quan nội mật kiêm việc thẩm hình, tra xét án ngục ở nhà, bị Trung úy Quách Lao hặc lỗi. Minh Tông hỏi ông sao không tránh đi ? Ông trả lời :

“Thần thà chịu trách phạt chứ không dám lừa dối, làm quan mà lừa dối thì làm sao suất lĩnh được liêu thuộc ?”.

Xem những lời ông ta chê người khác [18b] và những câu ông tự nhận lỗi, thì đủ biết ông là người thế nào. Đến khi chết, được truy tặng Nhập nội hành khiển hữu ty lang trung đồng tri tả ty sự.

Ất Mùi, [Thiệu Phong] năm thứ 15 [1355], (Nguyên Chí Chính năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, núi Thanh Ch�¹ ở Trà Hương lở.

Động đất.

Từ tháng 3 đến tháng 6, mùa hạ, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, mưa to, nước lớn.

Tháng 9, sét đánh cửa Triều Nguyên và hai cửa vách hai bên tả hữu.

Chu Đức Dự nước Nguyên xưng hoàng đế (tức Minh Thái Tổ) sau đổi tên là Nguyên Chương.

Lấy Nguyễn Trung Ngạn làm Kinh lược sứ trấn Lạng Giang, Nhập nội đại hành khiển, thượng thư hữu bật, kiêm tri Khu mật viện sự, thị Kinh diên đại học sĩ, trụ quốc Khai Huyện ba.

Bà thứ phi của Anh Tông tên hiệu là Tĩnh Huệ, là con gái Điện súy Phạm Ngũ Lão, trước đã xuất gia. Sau khi Anh Tông băng, bà trở về quê hương. Một

1. Núi Thánh Ch� : ở Kinh Ch�, tỉnh Hải Hưng.

hôm, lên chùa Bảo Sơn xã Phù Ứng, [19a] bà than rằng : “Chùa này do tiên quân¹ ta dựng lên. Ta tuổi đã cao, làm nhà ở đây vừa có thể thờ vua lại vừa có thể cúng lễ tổ tiên, trung hiếu vẹn cả đôi đường. Đó là sở nguyện của ta”.

Thế rồi sửa lại chùa đó, lại làm điện ở phía bên đông chùa và làm nhà ở phía đằng sau để cúng lễ tổ tiên thần thánh. Khi làm xong, Thượng hoàng ngự đến thăm, ban cho biển ngạch để biểu dương lòng hiếu kính của bà.

Bính Thân [*Thiệu Phong*] năm thứ 16 [1356] (Nguyên Chí Chính năm thứ 16). Mùa xuân, tháng 3, thiếu can chi ngày, hai mặt trời rập rờn nhau.

Hai vua đi tuần biên giới, đến Nghệ An.

Mùa hạ, tháng 5, xa giá trở về kinh sư.

Mùa thu, tháng 8, [thượng hoàng] ngự đến đền thờ Quốc phụ thượng tể Huệ Vũ Đại Vương [Quốc Chấn], trên núi Kiệt Đặc². Khi trở về, trong thuyền ngự có con ong vàng đốt vào má bên trái của Thượng hoàng, rồi Thượng hoàng bị bệnh. Vua sai người giữ thuyền ngự trông coi việc đóng quan tài.

Mùa đông, tháng 10, Hiến Từ thái hậu gặp ngày mẹ mất, may áo tang, Thượng hoàng nhân bảo thái hậu : “Ta sẽ [19b] không mặc áo tang này đâu”. Vì khi ấy Chiêu Từ thái hậu hãy còn³ cho nên Thượng hoàng mới nói thế.

Hiến Từ thái hậu lập đàn chay ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng hoàng.

Đinh Dậu, [*Thiệu Phong*] năm thứ 17 [1357], (Nguyên Chí Chính năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, ngày 19 Thượng hoàng băng ở cung Bảo Nguyên, miếu hiệu là Minh Tông, tên thụy là Chương Nghiêu Văn Triết Hoàng Đế.

Trước đây, Minh Tông nối ngôi đã lâu, rồi mẹ đích mới sinh con trai. Hôm người con ấy đầy tuổi thì Anh Tông đi tuần biên giới vắng, việc ở nhà do Minh Tông quyết định. Có người xin làm lễ theo tư cách thế tử. Các quan còn nghi ngại thì Minh Tông bảo họ :

“Còn ngại gì nữa. Trước đây vì con đích trưởng chưa sinh, nên ta tạm ở ngôi này. Nay đã sinh rồi thì đợi khi lớn lên, ta sẽ trả lại ngôi vua chứ có khó gì ?”.

Người đó trả lời :

“Việc này từ xưa hay sinh nguy biến, xin nghĩ kỹ lại”. Minh Tông nói :

1. Chỉ cha của bà là Phạm Ngũ Lão.

2. Núi Kiệt Đặc : ở địa phận huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

3. Chiêu Từ Thái Hậu : tức là Huy Từ hoàng thái phi, mẹ sinh của Minh Tông.

“Cứ thuận nghĩa mà làm, yên hay nguy đâu đáng lo ?”

Cuối cùng [20a] làm lễ theo tư cách thế tử. Một năm sau thì người con đích tự ấy mất. Minh Tông rất thương xót.

Ngài thường dạy các hoàng tử rằng :

“Con nào mà dốc sức mưu tính sản nghiệp, keo sên làm giàu thì không phải là con ta. Nếu quả làm chuyện đó, thì chẳng thà phân tán hết của cải cho nghèo đi còn hơn. Vì như vậy, dầu không tránh khỏi túng thiếu, vẫn còn là hành vi của bậc quý nhân”.

Khi se mình, triều đình muốn lập đàn chay cầu đảo, Minh Tông biết chuyện, gọi Hữu tướng quốc Phủ vào chỗ nằm để hỏi. Vua sợ, lập tức bảo Phủ là Phạm Ứng Mộng xưng nghị xin lấy mình chết thay. Phủ đem câu ấy tâu lên. Minh Tông nói :

“Ứng Mộng tự nhận làm địa vị Chu Công thì cứ lấy thân mình mà chết thay cho cha hử, còn đàn chay thì không được làm !”

Bấy giờ Hiến Từ thái hậu phóng sinh các giống súc vật để cầu cho Minh Tông khỏe lại. Minh Tông bảo bà : “Thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được”.

Khi bệnh đã trầm trọng, cho gọi quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thường vào xem [20b] mạch. Canh nói : “Mạch phiền muộn”. Minh Tông ứng khẩu một bài thơ nhỏ, đọc cho bọn Canh nghe :

Chuẩn mạch hư luân phiền muộn đa,

Trâu công lương tể yếu điều hòa.

Nhược ngôn phiền muộn vô hư yết,

Chỉ khủng trùng chiêu phiền muộn gia.

(Xem mạch chớ bàn nhiều muộn phiền)

Ông Trâu thuốc tốt cắt cho yên.

Nếu còn nói mãi phiền cùng muộn,

Chỉ sợ càng tăng phiền muộn lên).

Vì Trâu Canh ra vào cung cấm, hay dùng những câu kỳ lạ, những kẻ quý quyet dễ huyền hoặc Dụ Hoàng. Minh Tông ghét hử, nên mượn bài thơ để châm biếm. Đến khi dâng thuốc lên thì ngài nói :

“Người ta ở đời, bao nhiêu khổ não. Ngày nay thoát được khổ não này, thì ngày khác lại phải chịu khổ não khác”. Rồi không chịu uống thuốc.

Khi bệnh nguy kịch, sai thị thần là Nguyễn Dân Vọng đem bản thảo tập thơ ngự chế đốt đi. Dân Vọng còn do dự, thì Minh Tông nói :

“Vật đáng tiếc còn không thể tiếc được, tiếc làm gì thứ ấy”.

Các hoàng tử đứng hầu bên cạnh, ngài nhân nói với họ :

“Các con cứ xem việc làm của người xưa, việc nào hay thì theo, việc nào dở thì lánh, cần gì phải cha dạy ?”.

Ngài từng nói :

“Người làm vua dùng người, không phải là có tình riêng với người đó, mà chỉ nghĩ là người đó [21a] hiền thôi. Bởi vì người đó theo tấm lòng của ta, giữ chức vụ cho ta, làm việc cho ta, chịu nhọc cho ta, cho nên ta coi là hiền mà dùng họ. Nếu ta quả là hiền, thì những người được ta dùng cũng hiền, như Nghiêu Thuấn đối với Tắc, Khiết, Quỷ Long vậy. Nếu ta không hiền, thì những kẻ mà ta dùng cũng không hiền, như Kiệt, Trụ đối với Phi Liêm, Ác Lai vậy. Đó chính là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, cùng loại thì hợp nhau. Kiệt, Trụ đâu phải có tình riêng gì với bề tôi của hắn ? Bảo hắn là ngu tối thì được, chứ bảo là hắn có tình riêng thì không phải”.

Lại dặn Hiền Từ thái hậu :

“Sau khi ta mất, người ở lại cung Thành Từ, đừng vào núi [đi tu]”.

Sau khi Minh Tông băng, thái hậu theo lời dặn, không thụ giới nhà Phật.

Phan Phu Tiên nói : Minh Tông có bẩm tính nhân hậu, nổi nghiệp thái bình, phép cũ của tổ tông, không thay đổi gì cả. Bấy giờ có kẻ sĩ dăng sớ nói là trong dân gian có nhiều người du thủ du [21b] thực, đến già vẫn không có hộ tịch, thuế má không nộp, sai dịch không theo. Vua nói :

“Không như thế, thì sao có thể thành đời thái bình ? Người muốn ta trách phạt họ thì có được việc gì không ?”.

Triều thần như bọn Lê Ba Quát, Phạm Sư Mạnh muốn thay đổi chế độ. Vua nói :

“Nhà nước đã có phép tắc riêng, Nam Bắc khác nhau, nếu nghe kẻ của bọn học trò mặt trắng tìm đường tiến thân thì sinh loạn ngay”.

Điều đáng tiếc là nghe lời gian nịnh của Trần Khắc Chung mà giết Quốc phụ thượng tể, đó là điểm kém thông minh vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Cái đức của Minh Tông mà nên được, tuy là do thiên tư tốt đẹp, cũng còn do sức dạy bảo của vua cha. Khi vua ở Đông Cung, đang tuổi ấu thơ, có lần nghịch làm chiếc

giá đèn bằng tre, Anh Tông đòi xem, sợ không dám dâng. Hôm khác, vào hầu [22a] tắm diện Anh Tông đang rửa mặt, nhân hỏi đến trò nghịch cũ, Anh Tông giận lắm, cầm ngay cái chậu rửa mặt ném vua. Vua nấp vào cánh cửa tránh được, chậu rơi trúng cánh cửa vỡ tan. Được sự răn dạy nghiêm ngặt như vậy, cho nên tài đức của vua do đấy mà nên và cả các con cũng đều có tài nghệ cả.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho các lộ Thanh Hóa và Nghệ An khơi các kênh ngòi cũ.

Phong anh là Thiên Trạch làm Cung Tín Vương.

Mùa thu, tháng 9, ngày mồng 8, tôn Hiến Từ thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, tang [Minh Tông] ở Mục Lăng¹, vì câu nệ ngày giờ nên dễ chậm.

Từ năm Ất Mùi [1355] đến năm nay [Đinh Dậu, 1357], trong 2 năm, 1 thúng gạo trị giá 1 tiền.

Mậu Tuất, Đại Trị năm thứ 1 [1358], (Nguyên Chí Chính năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu. Đại xá.

Truy [22b] tặng Quốc phụ thượng tể Quốc Chấn làm Đại Vương.

Từ tháng 3 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán, sâu cắn lúa, cá chết nhiều.

Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu khuyến khích nhà giàu ở các lộ bỏ thóc ra chẩn cấp dân nghèo. Các quan ở địa phương tính xem số thóc bỏ ra là bao nhiêu trả lại bằng tiền.

Lấy Phạm Sư Mạnh làm nNạp nội hành khiển trị Khu mật viện sự.

Ngô Bệ lại đem quân tụ họp ở núi Yên Phụ, dựng cờ lớn trên núi, tiếm xưng vị hiệu, yết bảng nói cứu giúp dân nghèo. Từ Thiên Liêu² đến Chí Linh. Bệ chiếm giữ cả.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đem quân các đội phong đoàn đi bắt giặc cướp.

Kỷ Hợi, Đại Trị năm thứ 2 [1359], (Nguyên Chí Chính năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh sai sứ sang thông hiếu.

Bấy giờ, vua Minh cảm cự với Trần Hữu Lượng chưa phân được thua. Vua sai Lê Kính Phu sang sứ phương Bắc để dò xem hư [23a] thực.

1. Mục Lăng : ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thiên Liêu : là tên xã.

Mùa hạ, tháng 4, Chiêu Từ Hoàng thái phi mất, được truy tôn là Chiêu Từ hoàng thái hậu (mẹ của Minh Tông).

Mùa thu, tháng 7, lấy Đỗ Từ Bình làm [tri] Khu mật viện sự.

Từ ngày 27 tháng 8 đến ngày mùng 3 tháng 9, mưa to, nước lớn, trôi cả nhà cửa của dân, thóc lúa bị ngập.

Mùa đông, tháng 10, lấy Phạm Sư Mạnh làm Hành khiển tả ty lang trung, Lê Quát kiêm chức Hàn lâm viện phụng chỉ.

Canh Tý, [Đại Trị] năm thứ 3 [1360], (Nguyên Chí Chính năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, đức tiên Đại Trị thông báo.

Thăng Huệ Túc công Đại Niên làm Bình chương chính sự, phục lại tước vương. Năm này [Đại Niên] mất (mới 55 tuổi).

Theo quy chế cũ, những người tước vương khi vào làm tể tướng thì đều gọi là “công”, chỉ có thân vương thì được phong lại tước vương. Huệ Túc công, Uy Túc công trong đời Đại Khánh được phong tước vương, khi vào làm tể tướng đều gọi là “công” mà lại truy phục tước vương là không đúng [23b] lệ.

Tháng 3, Ngô Bệ bị giết.

Bảy giờ, quân của lộ bắt được Bệ ở Yên Phụ. Bệ chạy trốn, định về kinh sư tự thú tội. Các quan bản lộ bắt được Bệ cùng 30 tên bè đảng của hắn, đóng cũi giải về kinh, đều bị chém cả.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mùng 1, nhật thực.

Tháng 6, nước Nguyên loạn. Trần Hữu Lượng tiếm xưng đế, đặt quốc hiệu là Hán, đổi niên hiệu là Đại Nghĩa, đánh nhau với Minh Thái Tổ. Quan trấn thủ biên giới phía Bắc là Hoàng Thạc cho chạy trạm tâu rằng Minh và Hán đánh nhau ở Long Châu, Bằng Tường¹. Bọn Thạc nhân việc họ tranh nước với nhau thu được hơn 300 người.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, thuyền buôn của các nước Lộ Hạc², Trà Nha³, Xiêm La⁴ đến Vân Đồn buôn bán, dâng các vật lạ.

1. Long Châu : tên châu đời Đường ; đời Tống, Nguyên cũng gọi là Long Châu. Nay là đất huyện Long Châu, Trung Quốc. Bằng Tường : tên động đời Tống, Nguyên. Đời Minh đặt làm thổ châu. Nay là đất huyện Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
2. Lộ Hạc : chắc là nước Lộ Hạc mà Toàn thư đã chép vào đời Lý (BK 6, 6B). Dựa vào âm đọc, có thể cho rằng Lộ Hạc là nước La Hộc được nhắc đến trong thư tịch Trung Quốc đời Nguyên. La Hộc là quốc gia Lavo ở Lopburi, Thái Lan. Lộ Hạc có khả năng là nước Locac được nhắc đến trong du ký của Mác-cô Pô-lô (Marco Polo).
3. Trà Nha : nguyên bản chép là 茶哇. Toàn thư chủ rằng : 哇 đọc là 鴉 (Nha), nhưng chữ này cũng có âm đọc là Oa. Trà Oa thì chắc chắn là chỉ đảo Ja-va (In-đô-nê-xi-a) mà ở những chỗ khác Toàn thư chép là Trảo Oa, Qua Oa hay Chà Bô.
4. Xiêm La : ở đây chỉ vương quốc Sukhothai hình thành vào thế kỷ XIII ở Thái Lan.

Tháng 12, xuống chiếu bắt gia nô của các vương hầu, công chúa đều phải thích chữ vào trán và phải gọi theo loại hàm. Kẻ nào không thích chữ, không khai sỏ bị coi là [24a] giặc cướp, lớn thì trị tội, bé thì sung công.

Tân Sửu, [Đại Trị] năm thứ 4 (1361), (Nguyên Chí Chính năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, sao Chổi mọc ở phương đông bắc. Vua tránh không ngự ở chính điện.

Tháng 2, Minh Thái Tổ đánh Giang Châu. Trần Hữu Lượng lưu giữ Vũ Xương, sai người sang ta xin quân [cứu viện]. [Vua] không cho.

Tháng 3, giặc cỏ Chiêm Thành vượt biển đến cướp dân ở cửa biển Dĩ Lý¹. Quân của phủ ấy đánh tan bọn chúng.

Mùa hạ, tháng 5, lấy Phạm A Song làm Tri phủ phủ Lâm Bình (tức là Dĩ Lý)².

Mùa thu, tháng 7, Tạ Lai có tội bị giết.

Bấy giờ vua ngủ ngày ở Lương Phong đường. Ngự thư hòa Tạ Lai đứng hầu, chung quanh không có ai. Lai rút gươm ra xem. Vua thức dậy, sai đem chém.

Nhâm Dần, [Đại Trị] năm thứ 5 (1362), (Nguyên Chí Chính năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lệnh cho các nhà vương hầu, công chúa dâng [24b] các trò tạp hý vua xét*duyet trò nào hay thì thưởng cho.

Trước đây, khi đánh Toa Đô, bắt được người phường hát là Lý Nguyên Cát rất giỏi hát, những con ở trẻ của các nhà thế gia theo y tập hát điệu phường Bắc. Nguyên Cát sáng tác các vở tuồng truyện cổ, có các tích như Tây vương Mẫu hiển bàn đào. Trông tuồng có các vai quan nhân, chu tử, đán nương, câu nô gồm 12 người, mặc áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ ồn phím đàn (Chú : Chu Hậu chết, Hậu Chủ ghi vào mặt sau đàn tỳ bà : Hương trời còn đuôi phượng, hơi ẩm tỏa phím đàn), thay đổi nhau ra vào làm trò, khiến người xem xúc động, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đây.

Lại cho gọi các nhà giàu trong nước, như ở làng Đình Bảng thuộc Bắc Giang, làng Nga Đình thuộc Quốc Oai vào cung đánh bạc làm vui. Có tiếng bạc đặt tới 300 quan tiền, ba tiếng thì đã gần ngàn quan rồi.

1. Cửa biển Dĩ Lý ở xã Lý Hòa, huyện Bồ Trạch, nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

2. Ở đây, *Toàn thư* chú thích phủ Lâm Bình là Dĩ Lý (迤里), nhưng chắc là nhầm. Phủ Lâm Bình nói ở đây hẳn gồm cả đất châu Lâm Bình đời Lý. Năm 1075, Lý Nhân Tông đã đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình (*Toàn thư* BK3, 9a). Có lẽ chữ Dĩ Lý ở đây nhầm từ chữ Địa lý (地理).

Lại sai tư nô cày 1 mẫu đất ở trên bờ bắc sông Tô Lịch [25a] để trồng hành tỏi rau dưa đem bán, gọi tên phường ấy là Vườn Tỏi ¹ (đến nay vẫn còn) và làm quạt đem bán cũng như thế.

Tháng 2, sao Chổi thấy ở phương bắc.

Tháng 3 Chiêm Thành cướp Hóa Châu.

Mùa hạ, tháng 4, sai Đỗ Tử Bình duyệt bỏ quân ở Lâm Bình, Thuận Hóa và đắp thành Hóa Châu.

Tháng 5, sét đánh điện Thiên An.

Từ tháng 5 đến tháng 7 mùa thu, hạn hán. Soát tù. Mưa to. Xuống chiếu miễn cho cả nước một nửa tô thuế năm ấy.

Tháng 8, lấy Hành khiển Phạm Sư Mạnh làm tri Khu mật viện sự.

Đổi tô. Xuống chiếu cho các nhà giàu dâng thóc để phát chẩn cho dân nghèo, ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, vua ngự đến phủ Thiên Trường. Dân có ai đau ốm thì được ban thuốc công và tiền gạo, ít nhiều khác nhau. (Thuốc có tên là viên Hồng ngọc sương, trừ bách bệnh. Dân nghèo ai nghe tin đến được thì được ban 2 viên thuốc, 2 tiền và 2 thăng gạo).

Mùa đông, tháng 10, núi Thiên Kiện ² lở.

Tháng 12, [25b] lấy Đỗ Tử Bình làm Đồng tri môn hạ.

Quý Mão, [Đại Trị] năm thứ 6 [1363], (Nguyên Chi Chính năm thứ 23).
Mùa xuân, tháng 2, xuống chiếu chọn dân đinh bổ sung quân các lộ.

Tháng 3, thi học trò, hỏi về văn nghệ, để lấy người sung vào quán các. Thi lại viên bằng viết chữ, lấy làm thuộc viên các sảnh, viện.

Truy tặng Thiệu bảo Trương Hán Siêu chức Thái phó.

Mùa hạ, tháng 5, trả lại cho Trâu Canh chức tước cũ.

Tháng 6, tịch thu gia sản của Ngô Dẫn, trại chủ xã Đại Lai.

Trước đây, về đời Minh Tông, cha Dẫn bắt được viên ngọc rất rất lớn, đem đến Vân Đồn. các thuyền buôn tranh nhau mua. Một người chủ thuyền muốn được vật lạ đó, dốc hết của cải để mua. Dẫn do vậy trở nên giàu có. Minh Tông đem công chúa Nguyệt Sơn gả cho Dẫn. Dẫn cậy giàu thông dâm

1. Nguyên văn là *Toàn Viên*. Đền đời Lê, ở Thăng Long vẫn còn phường Toàn Viên. Hai bài thơ trong *Lã Đường di tập* của Thái Thuận nói về phường Toàn Viên đều nhắc đến Cửa Bắc và Hồ Tây. Có lẽ phường này ở ven Hồ Tây, gần Cửa Bắc, chứ không phải là ở Láng như nhiều người thường nghĩ.
2. *Núi Thiên Kiện* : còn có tên là núi Địa Cạn, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, tỉnh Nam Hà.

với người con gái khác, lại có những lời lăng nhục công chúa. Công chúa đem việc ấy tâu vua. Dân được tha tội chết, nhưng bị tịch thu gia sản.

Mùa đông, tháng 10, đào [26a] hồ ở vườn ngự trong hậu cung. Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt đều khai ngòi cho chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. Phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế. Lại gọi tên điện là điện Lạc Thanh, tên hồ là hồ Lạc Thanh. Lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người Hải Đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá nuôi ở trong hồ. Lại sai người Hóa Châu chở cá sấu đến thả vào đó. Lại có hồ Thanh Ngự để thả cá thanh phụ [cá diếc]. Đặt chức khách đô để trông coi.

Giáp Thìn, [Đại Trị] năm thứ 7 [1364], (Nguyên Chí Chính năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, xây dãy khách lang ở Tây điện, thẳng đến cửa Hoàng Phúc.

Mùa hạ, tháng 4, gọi Chánh chương phụng ngự cung Vĩnh An là Bùi Khoan cùng [26b] uống rượu. Khoan lập mẹo uống vờ hết 100 thăng rượu, được thưởng tước 2 tư.

Tháng 5, vua đi hóng gió chơi trăng. Vì uống rượu quá say, lại lội xuống sông tắm, nên bị ốm. Sai quan thầy thuốc là bọn Trâu Canh ngày đêm thay nhau hầu thuốc thang.

Mùa thu, tháng 7, vua khỏi bệnh.

Tháng 8, chọn hoàng nam trong nước, định 3 bậc quân ngũ, sửa soạn thuyền chiến và vũ khí để phòng việc biên cương.

Mùa đông, tháng 10, Cung Túc Vương Nguyên Dục mất.

Ất Ty, [Đại Trị] năm thứ 8 [1365], (Nguyên Chí Chính năm thứ 25). Mùa xuân, tháng giêng, người Chiêm Thành cướp dân đi chơi xuân của Hóa Châu.

Trước đây, theo tục Hóa Châu, tháng giêng hằng năm, trai gái họp nhau ở Bà Dương chơi trò đánh đu. Người Chiêm đã nấp sẵn ở đầu nguồn của Hóa Châu từ tháng 12 năm trước, đến khi ấy ập tới cướp bắt lấy người đem về.

Mùa đông, tháng 11, xuống chiếu cho các quân Sơn Lão¹ ở Lạng Giang trấn giữ [27a] biên phòng, vì đất Bắc có loạn, Minh, Hán tranh nhau², đóng quân ở Nam Ninh, Long Châu.

1. *Sơn lão quân* : quân các dân tộc miền núi.

2. *Minh* : tức Chu Nguyên Chương, *Hán* : tức Trần Hữu Lượng.

Bấy giờ có Thiệu Thốn người Thanh Hóa, làm Phòng ngự sứ Lạng Giang, thống lĩnh quân Lạng Giang, đóng ở sông Đông Bình, khéo võ về quân sĩ, trong quân ai cũng thích ông ta. Sau vì em trai kiêu ngạo làm bậy, ông bị tội lây, mất chức. Trong quân làm câu ca về ông : “Trời chẳng thấu oan, ông Thiệu mất quan”. Đến khi ông sửa soạn hành trang ra về, chúng lại làm câu ca : “Ông Thiệu trở về, lòng ta tái tê”. Triều đình nghe biết chuyện ấy, khôi phục quan chức cho ông, trong quân lại có câu ca : “Trời đã thấu oan, ông Thiệu lại làm quan”. Ít lâu sau, ông chết.

Minh Từ hoàng thái phi mất (phi là mẹ đẻ của Nghệ Tông).

Bính Ngọ, [Đại Trị] năm thứ 9 [1366], (Nguyên Chí Chính năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, sai Tả bộc xạ Tăng Khoan, Hữu bộc xạ Lê Quát xét duyệt sổ đình Thanh Hóa. (Quát là người Thanh Hóa, hồi trẻ ra chơi kinh sư, gặp khi bạn ông được cử đi sứ Yên Kinh, Quát tặng bạn bài thơ rằng :

Dịch lộ [27b] tam thiên quân cử an,

Hải môn thập nhị ngà hoàn san.

Trung triều sử giá yên ba khách.

Quân đắc công danh, ngà đắc nhàn.

(Đường trạm ba ngàn, anh ruỗi ngựa,

Mười hai cửa biển, tớ về ngàn.

Kẻ sang sứ Bắc, người mây nước,

Anh được công danh, tớ được nhàn)

Người thức giả biết Quát sau này sẽ quý hiển. Quả nhiên, Quát thi đỗ, thăng chức chóng, vượt người bạn kia).

Tháng 3, người Chiêm cướp phủ Lâm Bình. Quan phủ Phạm A Song đánh bại chúng. Thăng A Song làm Đại tri phủ phủ Lâm Bình, Hành quân thủ ngự sứ.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho An phủ sứ các lộ đi bắt giặc cướp.

Tháng 6, vua ngự thuyền nhỏ đến chơi nhà Thiếu úy Trần Ngô Lang ở hương Mễ Sở ¹, đến canh ba mới về. Khi tới sông Chử Gia ² bị cướp mất ấn báu, gươm báu. Vua tự biết mình không sống lâu, càng thả sức chơi bời.

Năm ấy, Hán mất nước ³

1. Hương Mễ Sở : nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

2. Tức bãi Chử Gia, sau gọi là Chử Xá, huyện Văn Giang cũ, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

3. Hán : là quốc hiệu của Trần Hữu Lượng. Lượng đánh nhau với Chu Nguyên Chương ở hồ Phiên Dương, bị chết trận. Chu Nguyên Chương đến vây Vũ Xương, con của Lượng là Trần Lý đầu hàng.

Đinh Mùi, [Đại Trị] năm thứ 10 [1367], (Nguyên Chí Chính năm thứ 27). Mùa đông, tháng 12, lấy Minh tự Trần Thế Hưng làm Thống quân hành khiển đồng tri thượng thư tả ty sự, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm Thành.

Phong Cung Định Vương Phủ làm Tả tướng quốc, gia phong Đại Vương.

Năm này nhà Nguyên mất.

[28a] Mậu Thân, Đại Trị năm thứ 11 [1368], (Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, Hồng Vũ năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng sao chổi hiện ở khoảng sao Mão.

Tháng 2, Chiêm Thành sai Mục Bà Ma sang đòi lại đất biên giới Hóa Châu.

Tháng 3, làm hành lang dài suốt từ gác Nguyên Huyền đến tận cửa Đại Triều phía tây để tiện cho các quan vào chầu tránh nắng mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Trần Thế Hưng đến Chiêm Động¹. Người Chiêm phục quân đánh trộm, quân ta tan vỡ. Thế Hưng bị giặc bắt. Tử Bình đem quân trở về.

Minh Thái Tổ lên ngôi ở Kim Lăng, đặt niên hiệu là Hồng Vũ, sai Dịch Tế Dân sang thăm ta.

Mùa thu, tháng 8, sai Lễ bộ thị lang Đào Văn Đích sang Minh đáp lễ.

Mùa đông, tháng 10, cho mời đạo sĩ Huyền Văn ở Chí Linh đến kinh để hỏi về phép tu luyện. Ban cho động của đạo sĩ tên là “Huyền Thiên động”

[28b] Kỷ Dậu, Đại Trị năm thứ 12 [1369], (từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 1 ; Minh Hồng Vũ năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, nhật thực.

Ngày 25, vua băng ở chính tâm, miếu hiệu Dụ Tông.

Ngày vua sắp băng, vì không có con, xuống chiếu đón Nhật Lễ vào nối đại thống.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Dụ Tông bị ngã xuống nước mà mắc bệnh², chẳng lẽ lại không biết là mình sẽ không có con hay sao ? Nhật Lễ là con đưa làm trò, chẳng lẽ lại không biết nó không phải là con của Dục hay sao ? Huống chi các con của Minh Tông đều có tài nghệ cả, nếu nghĩ tới xã tắc làm trọng thì chọn người nào có

1. Đất Chiêm Động của nước Chiêm Thành bây giờ là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Duy Xuyên, Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.

2. Dụ Tông chơi thuyền ở Hồ Tây, suýt chết đuối, được Trâu Canh chữa khỏi, nhưng bị chứng liệt dương (xem BK7, 10a).

tài đức lập làm thái tử để yên lòng mong đợi của thiên hạ, như vậy gốc nước sẽ được vững bền. Đã không biết làm như thế, đến khi ốm nặng lại không bàn với thái hoàng tính kế vì xã tắc, lại xuống chiếu gọi Nhật Lễ vào nối đại thống để cho mình bị tuyệt tự, mà sau khi chết, còn vạ lây đến thái hoàng và thái tử¹ [29a]. Nếu không có Nghệ Hoàng và các vị tông thất khác thì quốc gia đã không còn là của họ Trần nữa rồi. Vua biết tôn trọng thầy dạy, nhưng lại không bàn việc nước với thầy. Vì thế bậc hiền năng không nên chỉ để làm vì. Chu An đi rồi, không còn ai bảo ban vua đạo hay lẽ phải nữa. Đó thực là “không tin bậc nhân hiền thì nước trống rỗng như không có người” vậy.

Tháng 6, ngày 10, mưa to, gió lớn.

Ngày 15, Hiến Từ hoàng thái hậu sai người đón con thứ của cố Cung Túc Đại Vương Dục là Nhật Lễ lên ngôi. Đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1.

Nhật Lễ là con người làm trò tên là Dương Khương. Mẹ Nhật Lễ khi đóng trò có tên hiệu là Vương Mẫu (trò có tích “Vương Mẫu hiến bàn đào”, mẹ Nhật Lễ đóng vai Vương Mẫu, nên lấy làm tên hiệu), dương có thai, Dục thích nàng xinh đẹp, lấy làm vợ. Đến khi đẻ, Dục nhận làm con mình. Lúc này, thái hậu bảo các quan rằng :

“Dục là con đích trưởng mà không được ngôi vua, lại [29b] sớm lia đời. Nhật Lễ chẳng phải là con của Dục ư ?”.

Rồi đón Nhật Lễ lập làm vua. Truy phong cho Dục là Hoàng thái bá.

Mùa thu, tháng 8, ngày mùng 4, Nhật Lễ tôn Hiến Từ hoàng thái hậu làm Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu ; Nghi Thanh hoàng hậu làm Huy Từ Tá Thánh hoàng thái hậu.

Lập con gái Cung Định Vương Phủ làm hoàng hậu.

Mùa đông, tháng 11, tằng |Dụ Tông| ở Phụ Lăng².

Nhà Minh sai Ngưu Lương, Trương Dĩ Ninh sang tặng ấn vàng và sắc rồng, gặp lúc Dụ Tông từ trần, Lương làm bài thơ viếng rằng :

Nam phục thương sinh điện chấm an.

Long Biên khai quốc không chur man.

Bao mao sạ hỷ thông vương công :

Giới lộ ninh kỳ biệt thứ quan.

1. Thái hoàng chỉ thái hậu Hiến Từ, thái tử chỉ Nguyễn Trạc, làm thái tử dưới triều Nhật Lễ.
2. Phụ Lăng : ở xã Yên Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Dan chiếu viên ban kim ấn trọng ;

Hoàng trường tân bi ngọc y hàn.

Thương tâm tối thị thiên triều sứ,

Dục kiến vô do lệ mãn an.

(Dân cõi Nam xa được trự an,

Long Biên mở nước giữ trăm man.

Vừa mừng lễ vật sang dâng cống,

Đâu ngờ bi ca bỏ các quan.

Chiếu đỏ xa ban kim ấn nặng,

Chén vàng mới đầy ngọc y hàn.

Sứ trời là kẻ đau lòng nhất,

Muôn gặp, còn đâu lệ ứa tràn).

Rồi Dĩ Ninh ôm chết, chỉ có Lượng trở về nước. Hữu tướng quốc Cung Định Vương Phủ làm [30a] thơ tiễn ông ta rằng :

An Nam tể tướng bất năng thi

Không bá trà âu tổng khách quy.

Viên Tán sơn thanh, Lô thủy bích,

Tùy phong trực nhập ngũ vân phi.

(An Nam tể tướng chẳng thơ hay,

Chỉ có bình trà tiễn khách đây.

Viên Tán non xanh, Lô nước biếc,

Xin bay theo gió tới năm mây).

Lượng bảo Phủ ắt sẽ làm vua. Sau quả như lời ông ta nói.

Nhật Lễ phong Hữu tướng quốc Nguyên Trác làm Thượng tướng quốc thái tể.

Tháng 12, ngày 14, Nhật Lễ giết Hiến Từ Tuyên Thánh Thái hoàng thái hậu ở trong cung.

Thái hậu vốn tính nhân hậu, có nhiều công lao giúp rập [họ Trần]. Trước kia, khi Minh Tông còn ngự ở Bắc Cung, có tên gac công bắt được một con cá bóng trong giếng Nghiêm Quang, trong mồm có ngậm vật gì, moi ra xem thì thấy có chữ, đó là những lời bùa yểm, có ghi các tên Dụ Tông, Cung Túc, Thiên Ninh (đều là con đẻ của Hiến Từ). Tên gac công cầm lá bùa tâu lên vua. Minh Tông sợ lắm, truyền bắt hết các cung nhân, bà mẹ, thị tỳ trong cung để tra hỏi.

Thái hậu thưa : “Khoan đã, sợ trong đó có kẻ bị oan, thiếp xin tự mình bí mật xét hỏi đã”.

[30b] [Minh Tông] nghe theo. Thái hậu sai người hỏi tên gác cổng rằng :

“Gần đây phòng nào trong cung mua cá bống ?”. Tên gác cổng trả lời là thứ phi Triều Môn. Thái hậu nói cho Minh Tông biết. Minh Tông lập tức ra lệnh tra xét cho ra. Thái hậu tâu :

“Đây là việc trong cung, không nên để hở ra ngoài. Thứ phi Triều Môn là con gái của Cung Tĩnh Vương, nếu để hở ra thì Quan gia sẽ sinh hiềm khích với Thái úy. Thiếp xin im việc này đi không xét hỏi nữa !”. Minh Tông khen bà là người hiền.

Đến khi Minh Tông băng, tướng quân Trần Tông Hoắc muốn tỏ ra trung thành với Dụ Tông, thù dệt việc đó ra, làm Thái úy suýt nữa bị hại, nhờ Thái hoàng cố sức cứu đỡ mới thoát. Người bấy giờ ca ngợi bà là đã trọn đạo làm mẹ, tuy là phận con dích, con thứ không giống nhau, mà lòng nhân từ thì đối với con nào cũng thế, làm cho ân nghĩa vua tôi, cha con, anh em không một chút thiếu sót, từ xưa đến nay chưa có ai được như vậy. Người xưa có nói “Nghieu Thuần trong nữ giới”¹, Thái hậu được liệt vào hàng [31a] ấy. Bà từng hỏi về việc lập Nhật Lễ. Nhật Lễ ngầm đánh thuốc độc giết bà.

NGHỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

(Phụ : HÔN ĐỨC CÔNG. DƯƠNG NHẬT LỄ, 1 năm)

Tên húy là Phủ, con thứ ba của Minh Tông. Mẹ dích là Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu, mẹ đẻ là thứ phi họ Lê của Minh Tông, em gái cùng mẹ với Hiến Từ, do con gái của Nguyễn Thánh Huân lấy một người họ Lê sinh ra. Ở ngôi 3 năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua đẹp yên được tai nạn bên trong, khôi phục lại cơ đồ to lớn. Công nghiệp lớn lao, sáng lòa vũ trụ. Song cung kính kiệm ước thì có thừa mà cương nghị, quyết đoán lại không đủ, bên ngoài thì quân giặc xâm phạm kinh kỳ, bên trong thì gian thần ngấp nghé ngôi báu. Xã tắc suy mòn, rồi đến diệt vong.

Canh Tuất, Thiệu Khanh năm thứ 1 [1370], (từ tháng 10 trở về trước là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 2 ; Minh Hồng Vũ năm thứ 3). Mùa

1. Lời Tống Anh Tông ca ngợi Cao hoàng hậu nhà Tống. Nguyên văn : “Nữ trung Nghieu Thuần”.

xuân, tháng giêng, vua Minh tự làm bài chúc văn, sai Diêm Nguyên Phục, đạo sĩ cung Triều Thiên, đem lễ trâu và lợn, đến tế thần núi Tân Viên và các thủy thần sông Lô.

Mùa hạ, tháng 4, Diêm Nguyên Phục vào kinh đô nước ta, [31b] làm lễ tế xong, khắc bài văn vào đá ghi việc đó rồi từ biệt về nước.

Nhật Lễ tiếm vị, rượu chè dâm dật, hằng ngày chỉ rong chơi, thích các trò hát xướng, muốn đổi lại là họ Dương. Người tôn thất và các quan đều thất vọng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, thái tử Nguyên Trác cùng con là Nguyên Tiết giết Nhật Lễ không được, bị giết.

Đêm hôm ấy, cha con Nguyên Trác và hai người con của công chúa Thiên Ninh¹ đem người tôn thất vào thành định giết Nhật Lễ. Nhật Lễ treo qua tường, nắp dưới gầm cầu mới. Mọi người lòng không thấy, giải tán ra về. Khi trời sắp sáng, Nhật Lễ vào cung, chia người đi bắt 18 người chủ mưu. Bọn Nguyên Trác đều bị hại.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Nhật Lễ tiếm ngôi trời, là người tôn thất nhà Trần lẽ nào lại có thể diễm nhiên ngồi nhìn, để cho xã tắc dời sang họ khác ? Lúc [32a] Nhật Lễ đang có tội giết thái hậu, tiếc rằng các đại thần tôn thất không biết kẻ tội và giết đi, mà mưu chước sơ xuất vụng về, lại bị nó giết hại. Đáng thương thay.

Mùa đông, tháng 10, vua vĩ có con gái làm hoàng hậu (của Nhật Lễ), sợ và lây đến mình, tránh ra trấn Đà Giang (tức Gia Hưng), ngầm hẹn với các em là Cung Tuyên vương Kính, Chương Túc quốc thượng hầu Nguyên Đán, Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hội ở sông Đại Lại² phủ Thanh Hóa để dấy quân. Khi ấy, Nhật Lễ chuyên dùng thiếu úy Trần Ngô Lang mà không biết Ngô Lang đồng mưu với vua. Mỗi khi sai quân tướng đi đánh bắt, (Ngô Lang) đều bí mật báo họ theo vua dùng về nữa. Rất nhiều lần sai các quân Nam, Bắc đi đánh, đều không một ai trở về Ngô Lang cũng xin đi, nhưng Nhật Lễ không cho.

Trước đây, vua vốn không có ý định làm vua. Công chúa Thiên Ninh bảo :

“Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao lại vứt bỏ nước cho kẻ khác ? Anh phải đi đi, em sẽ đem bọn gia nô [32b] dẹp nó cho !”. Lúc ra đi, vua làm bài thơ gửi cho em là Kính rằng :

Vị cực sàm thâm tiện khư quan.

-
1. Công chúa Thiên Ninh : là con gái Minh Tông do bà Hiến Từ sinh ra. Hai người con bà sử không nói rõ tên.
 2. Tức sông Lèn, một chi lưu của sông Mã, tỉnh Thanh Hóa.

Trắc thân, độ linh, nhập sơn man.
 Thất lãg hồi thú thiên hàng lệ,
 Vạn lý môn tâm lương mấn ban,
 Khứ Vũ đồ tồn Đường xã tắc,
 An Lưu phục để Hán y quan.
 Minh Tông sự nghiệp quân tu kỷ,
 Khôi phục thần kinh chí nhật hoàn.
 (Ngôi cả gièm nhiều mới bỏ quan,
 Né thân, vượt núi, tới sơn man,
 Bảy lãg ¹ ngoảnh lại châu tuôn chảy,
 Muôn dặm đau lòng, tóc bạc lan.
 Diệt Vũ ² giữ gìn Đường xã tắc,
 Phò Lưu ³ lại thấy Hán y quan.
 Minh Tông sự nghiệp em nên nhớ,
 Thu phục thần kinh sắp khai hoàn).

Người bấy giờ cho bài thơ ấy là lời sấm.

Khi vua chưa ra đi, chi hậu nội nhân phó chương là Nguyễn Nhiên khuyên ngài : “Người ta muốn làm hại ông, sao ông không xem thời cơ mà hành động trước ?”. Đến khi vua lên ngôi lấy Nhiên làm hành khiển, thảng làm tả tham tri chính sự. Nhiên chữ nghĩa ít, khai phê giấy tờ, vua thường bảo vẽ các nét chữ đưa cho Nguyễn Nhiên xem.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Bao cho vua tai nạn là ơn riêng, ban tước cho người giữa triều là việc công. Vua nhớ ơn của Nguyễn Nhiên, đền đáp bằng vàng, lụa thì được, cho làm hành khiển [33a] là chức quan trọng thì không được. Chức hành khiển thời bấy giờ cũng như “lục khanh” đời Chu, là các quan chức điều hành chính sự của đất nước, mà lại để cho người không biết chữ làm, thì không phải là lựa chọn vì việc công vậy.

Tháng 11, vua cùng Cung Tuyên (vương), Thiên Ninh (công chúa) đều dẫn quân về Kinh.

1. *Bảy lãg* : Là Chiêu Lãg chôn Thái Tông, Dự Lãg chôn Thánh Tông, Đức Lãg chôn Nhân Tông, thái Lãg chôn Anh Tông, Mục Lãg chôn Minh Tông, An Lãg chôn Hiến Tông, Phụ Lãg chôn Dụ Tông.
2. *Vũ* : tức Vũ Tắc Thiên, cướp ngôi của Đường Trung Tông, đổi quốc hiệu là là Chu. Sau Trương Giản Chi tiêu diệt bọn Trương Dịch Chi là phe cánh Vũ Tắc Thiên, khôi phục cơ nghiệp nhà Đường.
3. *Hàn Cao Tổ Lưu Bang* chết, vợ là Lữ Hậu chiếm ngôi vua, phong vương tước cho người họ Lữ làm vây cánh. Lữ Hậu chết, bọn họ Lữ làm loạn. Chu Bột dẹp yên bọn chúng, lập Văn Đế làm vua, khôi phục nhà Hán cho họ Lưu.

Ngày 13, [vua] đến phủ Kiến Hưng ¹ (tên cũ là Hiên Khánh, hạ lệnh phê Nhật Lễ làm Hôn Đức công.

Ngày 15, [vua] lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá. [Vua] tự xưng là Nghĩa hoàng. Mọi công việc, đều theo lệ cũ đời Khai Thái ². Vua từng nói :

“ Triều trước dựng nước, có luật pháp, chế độ riêng, không theo quy chế của nhà Tống, là vì Nam Bắc, nước nào làm chủ nước đó, không phải bắt chước nhau. Khoảng năm Đại Trị ³, bọn học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý nghĩa sâu xa của việc lập pháp, đem phép cũ của tổ tông thay đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục, âm nhạc... thật không kể xiết”.

Bởi thế, chính sự buổi đầu đều theo đúng lệ cũ đời Khai Thái.

[33b] Hôm ấy, chính phi của vua là Huệ Ý phu Nhân mất ở sông Hổ ⁴ châu Trường Yên, phủ Kiến Hưng, được truy phong là Thục Đức hoàng hậu.

Các quan dâng tôn hiệu là Thê thiên kiến cực thuận hiệu hoàng đế.

Khi (quân vua) tiến đến bến Chử Gia, tôn thất và các quan đón mừng đều hô “muôn năm”, nhân đó gọi Chử Gia là xã Sơn Hò.

Ngày 21, xa giá tiến đến Đông Bộ Đầu, Ngô Lang xin Nhật Lễ mặc áo thường, nhường ngôi, xuống thuyền đón tiếp vua.

Vua bảo Nhật Lễ : “Không ngờ hôm nay sự thế đến nỗi này”.

Sai giam Nhật Lễ ở phường Giang Khẩu ⁵.

Nhật Lễ gọi Ngô Lang vào trong màn, nói dối rằng :

“Ta có lọ vàng chôn ở trong cung, người đi lấy về đây”.

Ngô Lang quỳ xuống vâng lệnh. Nhật Lễ bóp cổ Ngô Lang đến chết. Cháu Ngô Lang là Trần Thế Đồ đem việc ấy tâu lên. Vua sai đánh chết Nhật Lễ và con hắn là Liễu, đem chôn ở núi Đại Mông.

Truy tặng Ngô Lang làm nhập nội tư mã, ban tên thụy là Trung Mẫn á vương.

[34a] Ngày 26 trị Trần Nhật Hạch về tội lật đổ xã tắc. Nhật Hạch đồng mưu với Nhật Lễ, khuyến hán giết hại người tôn thất, nên bị giết.

Quốc tử giám tư nghiệp Chu An mất, được truy tặng tước Văn Trinh công, ban cho tòng tự ở Văn miếu.

1. *Phủ Kiến Hưng* : đời Trần, là phủ Nghĩa Hưng thời Lê, nay là đất các huyện Vụ Bản, Nghĩa Hưng và Ý Yên, tỉnh Hà Nam Ninh.

2. *Khai Thái* : (1324 - 1329) là niên hiệu của Trần Minh Tông.

3. *Đại Trị* : (1358 - 1369) là niên hiệu của Dụ Tông.

4. *Sông Hổ* : con sông ở huyện Yên Mô, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

5. Tức phường Hà Khẩu sau này, ở vào khoảng phố Hàng Buồm, Hà Nội ngày nay.

An (người Thanh Đàm)¹, tính cương nghị, thẳng thắn, sửa mình trong sạch, bền giữ tiết tháo, không cầu lợi lộc. Ông ở nhà đọc sách, học văn tinh thông, nổi tiếng gần xa, học trò đầy cửa, thường có kẻ đỗ đại khoa, vào chính phủ. Như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát đã làm hành khiển mà vẫn giữ lễ học trò, khi đến thăm hỏi thầy thì lạy ở dưới giường, được nói chuyện với thầy vài câu rồi đi xa thì lấy làm mừng lắm. Kẻ nào xấu thì ông nghiêm khắc trách mắng, thậm chí la hét không cho vào. Ông là người trong sạch, thẳng thắn, nghiêm nghị, lắm liệt đáng sợ đến như vậy đấy. Minh Tông mời ông làm Quốc tử giám tư nghiệp, dạy thái tử học. Dụ Tông ham chơi bời, lười chính sự, quyền [34b] thần nhiều kẻ làm trái phép nước. An khuyên can, (Dụ Tông) không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy tên nịnh thần, đều là những kẻ quyền thế được vua yêu. Người bấy giờ gọi là “Thất tram sớ”. Sớ dâng lên nhưng không được trả lời, ông liền treo mũ về quê. Ông thích núi Chi Linh, bèn đến ở đấy. Khi nào có triều hội lớn thì đến kinh sư. Dụ Tông đem chính sự trao cho ông, nhưng ông từ chối không nhận. Hiến Từ thái hoàng thái hậu bảo :

“Ông ta là người không thể bắt làm tôi được, ta sai bảo thế nào được ông ta ?”.

Vua sai nội thần đem quần áo ban cho ông. Ông lạy tạ xong, liền đem cho người khác hết. Thiên hạ đều cho là bậc cao thượng. Đến khi Dụ Tông băng, quốc thống suyết mất, nghe tin các quan đến lập vua, ông mừng lắm, chống gậy đến xin bái yết, xong lại xin trở về quê, từ chối không nhận chức gì.

Vua sai quan đến tế, ban tặng tên thụy, ít lâu sau có lệnh cho tông tự ở Văn miếu.

[35a] *Sư thần Ngô Sĩ Liên nói* : Người hiền được dùng ở đời, thường lo người làm vua không thi hành những điều sở học của mình. Người làm vua sử dụng người hiền thường lo người hiền không theo ý muốn của mình. Cho nên, vua [sáng] tôi [hiền] gặp nhau, từ xưa vẫn là rất khó.

Những nhà nho nước Việt ta được dùng ở đời không phải không nhiều, nhưng kẻ thì chỉ nghĩ đến công danh, kẻ thì chuyên lo về phú quý, kẻ lại a dua với đời², kẻ chỉ cốt ăn lộc giữ thân, chưa có ai chịu dễ tâm đến đạo đức, suy nghĩ tới việc giúp vua nêu đức tốt, cho dân được nhờ ơn. Như Tô Hiến Thành đời Lý, Chu Văn Trinh đời Trần, có lẽ gần được như thế. Nhưng Hiến Thành gặp

-
1. Chu An hay Chu Văn An (1292- 1370), quê ở thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Huyện Thanh Đàm đời Lê là huyện Thanh Trì ngày nay. Đời Lê trung hưng, vì kiêng húy Thế Tông là Đàm, mới đổi Thanh Đàm thành Thanh Trì.
 2. Dịch thoát ý từ câu “hoa quang đồng trần”, nguyên là câu “hoa kỳ quang, đồng kỳ trần” (hoa chung ánh sáng, cùng chung bụi bặm) trong sách *Đạo đức kinh* của Lão Tử.

được vua (sáng suốt) cho nên công danh, sự nghiệp được thấy ngay đương thời. Văn Trinh không gặp vua (anh minh) nên chính học của ông, đời sau mới thấy được. Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thờ vua tất thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo [35b] nhân tài thì công khanh đều ở cửa ông mà ra, tiết tháo cao thượng thì thiên tử cũng không thể bắt làm tôi được. Huống chi tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau, nghe phong độ của ông, há không làm cho kẻ điêu ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao ? Nếu không tìm hiểu nguyên cơ, thì ai biết thực hiệu của ông xứng đáng với con người của ông. Ông thực đáng được coi là ông tổ của các nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn miếu.

Những người khác như Trần Nguyên Đán là bậc hiền tài trong các khanh sĩ cùng họ nhà vua, tuy mang khí phách trung phẫn, nhưng bó tay bỏ mặc vận nước không biết làm sao, lãnh quyền tướng quốc để mong bảo toàn gia thuộc sau khi nước đổ. Trương Hán Siêu là ông quan văn học, vượt hẳn mọi người, tuy cứng cỏi, chính trực nhưng lại chơi với kẻ không đáng chơi, gả con gái cho người không đáng gả. Họ so với Văn Trinh, [36a] có gì đáng kể, huống hồ những kẻ còn kém hai ông này !

Bấy giờ nho thần Lê Quát cũng muốn làm sáng đạo thánh hiền, gạt bỏ dị đoan, nhưng rút cục vẫn không thực hiện được. Ông từng làm bài văn bia chùa Thiệu Phúc, thôn Bại ở Bắc Giang như sau :

“Thuyết họa phúc của nhà Phật tác động tới con người, sao mà được người ta tin theo sâu sắc và bền vững như thế ? Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bỏ thì vào việc nhà Phật, thì dầu đến hết tiền của cũng không sè tiếc. Nếu ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì mừng rỡ như nắm được khoán ước để lấy quả bao ngày sau. Cho nên trong từ kinh thành, ngoài đến châu phủ, cho tới thôn cùng ngõ hẻm, không mệnh lệnh mà người ta vẫn theo, không thể thốt mà người ta vẫn tin. Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật, bỏ rồi lại xây, hỏng rồi lại sửa, chuông trống lâu dài chiếm đến nửa phần so với dân cư, Đạo Phật hưng thịnh rất dễ mà được rất mực tôn sùng.

Ta thường trẻ đọc sách, dễ tâm khảo xét [36b] xưa nay, cũng hiểu sơ sơ đạo của thánh nhân để giáo hóa dân chúng mà rốt cuộc vẫn chưa được một hương tin theo. Ta thường dạo xem sông núi, vết chân trên khắp nửa thiên hạ, đi tìm những “Học cung”, “Văn miếu” mà chưa hề thấy một ngôi nào ! Đó là điều

khiến ta vô cùng hổ thẹn với bọn tín đồ nhà Phật. Bèn viết ra đây để tỏ lòng ta".

Tháng 12, lấy ngày sinh làm tiết Kiến Thiên.

Tân Hợi, [*Thiệu Khánh*] năm thứ 2 [1371], (Minh Hồng Vũ năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, truy tôn mẹ sinh là nguyên phi Anh Tư làm Minh Từ hoàng thái phi.

Tháng 2, đãi yến các quan ở điện Thiên An, ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Phong công chúa Thiên Ninh làm Lạng Quốc thái trưởng công chúa, đổi tên là Quốc Hình.

Phong người tôn thất là Sư Hiền làm Cung Chính vương, Nguyên Đán làm tư đồ, Nguyên Uyên làm phủ quân tương quân.

Bỏ phép cắt chân bãi bồi. Xóa lệnh kiểm kê tài sản.

Trước đây, các nhà vương [37a] hầu, công chúa lập đền trang ở ven sông thì đất phù sa mới bồi đều thuộc về người chủ [đền trang]. Thái hậu Chiêu Từ [nhân đó] mới lập thành phép cắt chan bãi bồi (nghĩa là cắt lấy những đất mới bồi).

Những người quyền quý chết thì tài sản đều thuộc về con cháu họ. Dụ Tông mới có lệnh kiểm kê (nghĩa là những thứ gì quý báu phải đem nộp vào nhà nước), đều là do bọn bề tôi tham lam vợ vet xui vua làm chuyện đó. Đến đây đều bãi bỏ cả.

Tháng 3 nhuận, Chiêm Thành vào cướp, từ cửa biển Đại An ¹ tiến thẳng đến kinh sư. Du binh [của giặc] đến bến Thái Tổ (nay là Phục Cổ) ² Vua đi thuyền sang Đông Ngàn lánh chúng.

Ngày 27, giặc ủa vào thành, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái, ngọc lụa đem về.

Chiêm Thành sở dĩ sang cướp là vì mẹ Nhật Lễ chạy trốn sang nước ấy, xúi giục chúng vào cướp để bao thù cho Nhật Lễ. Bấy giờ thái bình đã lâu ngày, thành quách biên cương không có phòng bị, giặc đến không có quân nào ngăn được. Chúng đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy sạch không. Nước nhà [37b] từ đó sinh ra nhiều chuyện.

1. *Cửa Đại An* : sau đổi là cửa Liêu, ở xã Quân Liêu, huyện Đại An, nay là huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Hà Nam Ninh.

2. *Phường Phục Cổ* : ở khoảng phố Nguyễn Du, Hà Nội hiện nay. Nếu đời Trần ở đó có bến thì chắc là có một nhánh sông Hồng chảy qua đó, nối với hồ Thuyền Quang.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Không có nước địch làm mối lo bên ngoài thì nước hay bị mất, đó là điều răn từ xưa đến nay. Chiêm Thành với ta, đời đời là cừu thù, triều Trần chả lẽ lại không biết mà phòng bị trước hay sao ? Chỉ vì lòng người sinh biếng trễ, phép nước bị buông lơi, đã qua nhiều năm tháng, việc phòng thủ biên cương bị triệt bỏ, nên đến nỗi ấy. Giặc vào bờ cõi mà biên thành bị thất thủ, giặc tới kinh đô mà cấm binh không chống lại thì còn nước thế nào được ! Dụ Tông vốn quen chơi bời, cố nhiên là chẳng đáng kể. Nghệ Tông thì bản thân đã trải nhiều biến cố mà không nghĩ tới việc đó, há chẳng phải là chỉ chăm lo văn nghệ mà không trông nom gì đến võ lược ư ?

Mùa hạ, tháng 4, lập em (vua) là Cung Tuyên đại vương Kính làm hoàng thái tử, soạn 14 [38a] chương *Hoảng huấn* ban cho. Phong vợ cả hoàng thái tử là Lê thị làm hoàng thái tử phi.

Tháng 5, lấy người họ ngoại là Lê Quý Ly làm khu mật viện đại sứ.

Hai chị em bà cô của Quý Ly, Minh Tông đều lấy làm cung nhân. Một bà sinh ra vua, đó là bà Minh Từ. Một bà sinh ra Duệ Tông, đó là bà Đôn Từ. Cho nên vua khi mới lên ngôi rất tín nhiệm Quý Ly. Lại đem em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh gả cho ông ta (Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhân Vinh, Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết hại).

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Nhân Vinh chết vì thù nước, Huy Ninh để tang chồng mới được 6 tháng mà vua đã đem gả cho Quý Ly. Thế là làm hồng nhân luân bắt đầu từ vua, mà kẻ làm chồng, người làm vợ cũng không có nhân tâm. Phá bỏ lẽ chồng vợ, đảo loạn đạo tam cương, thì làm sao mà chẳng sinh loạn ?

[38b] Xuống chiếu rằng xây dựng cung thất cốt sao cho giản dị, mộc mạc, chỉ lấy các tăn quan tôn thất phục dịch, không phiền nhiễu đến dân.

Mùa thu, tháng 8, sai Lê Quý Ly đi Nghệ An để chiêu tập dân chúng, vỗ yên nơi biên giới.

Tháng 9, gia phong Lê Quý Ly làm Trung Tuyên quốc thượng hầu.

Mùa đông, tháng 10, lấy tu sĩ Phan Nghĩa làm Lễ bộ lang trung, soạn định *Quốc triều thông chế* và các lễ nghi.

Ra lệnh cho những người có chức tước phải khai báo để làm thành sổ sách. Nhưng dân gian giả dối quá lắm, lấy không làm có rất nhiều.

Tháng 12, truy phong mẹ sinh hoàng thái tử là Sung Viên¹ Lê thị làm Quang Hiến thần phi.

1. *Sung Viên*: một bậc cung tần.

Nhâm Tý, /*Thiệu Khánh*/ năm thứ 3 /1372/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, xét công lao của các quan văn võ.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Đỗ Tử Bình làm hành khiển, tham mưu quân sự.

Tháng 5, lấy Nguyễn Nhiên kiêm [39a] chức tri Khu mật viện chánh chương ; Hồ Tông Thốc làm Hàn lâm viện học sĩ, lấy người Hóa Châu là Hồ Long làm tri châu Hóa Châu.

Mùa thu, tháng 7, ban cho quan phủ Lâm Bình là Phạm A Song tước minh tự.

Tháng 8, xuống chiếu cho các lộ làm đơn sổ (là sổ hộ tịch).

Mùa đông, tháng 10, vua ngự đến phủ Thiên Trường, sửa lại miếu thờ ở các lăng.

Tháng 11, ngày mùng 9, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Kính. Kính lên ngôi hoàng đế. Đại xá. [Vua tự] xưng là Khâm hoàng. Các quan dâng tôn hiệu là Kế thiên ứng vận nhân minh khâm ninh hoàng đế.

Truy tôn mẹ sinh là Quang Hiến thần phi làm Đôn Từ hoàng thái phi.

Phong bà phi họ Lê làm Hiến Trinh thần phi.

Lúc vua mới lên ngôi, thượng hoàng làm bài *Đề Châm* 150 chữ ban cho vua.

Ban tặng cho thiếu phó Trương Hán Siêu được tòng tự ở miếu Không Tử.

[39b] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên* nói : Nghệ hoàng ban cho Hán Siêu được tòng tự ở Văn miếu vì ông ta hay bài xích dị đoan chẳng ? Hình như vậy. Nhưng xét ra ông ta là người cậy tài, kiêu ngạo. Thời Minh Tông, Hán Siêu làm hành khiển, khinh bỉ người cùng hàng, đến nổi vu cho Phạm Ngộ, Lê Duy nhận hối lộ. Khi đuổi lý bị phạt, còn nói với người khác : “Đã được chúa thượng tin dùng, đâu ngờ có chuyện xét hỏi lại”, thì thực là bằng chứng của thói kiêu ngạo, keo bần đầy. Không Tử nói : “Dầu tài giỏi đến như Chu Công mà kiêu ngạo và keo bần thì những gì còn lại cùng chẳng ra sao !”. Tôi nghĩ Hán Siêu hiền tài nếu có thiêng, hẳn không dám dự thờ ở miếu của Không Tử.

DUỆ TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông, em Nghệ Tông. Mẹ là Đôn Từ hoàng thái phi. Sinh năm Đinh Sửu, Khai Hựu năm thứ 9 (1337), tháng 6, ngày mùng 2. Khi Nghệ Tông lánh nạn, quân lính, khí giới đều

là công sức của vua cả, vì thế (Nghệ Tông) đem ngôi nhường cho. Vua ở ngôi 4 năm, thọ 41 tuổi. [40a] Vua ương gàn cố chấp, không nghe lời can, khinh thường quân giặc, nên mang họa vào thân chứ không phải là do bất hạnh.

Quý Sửu, *Long Khánh năm thứ 1 /1373/*, (Minh Hồng vũ năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 1, đổi niên hiệu.

Tôn thượng hoàng làm Quang hoa anh triết thái thượng hoàng đế. Truy tôn Thục Từ hoàng hậu làm Thuận Từ hoàng thái hậu.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Bà hậu của Trần Thái Tổ¹ có tên hiệu là Thuận Từ, bà hậu của Nghệ Tông cũng gọi là Thuận Từ. Những người bàn đặt tên thụy hỏi đó không cho là sai chăng ? Hay cho là thế đại đã lâu rồi mà cứ đặt như thế ? [Nếu vậy thì] ý nghĩa tìm về nguồn cội sẽ ra làm sao ? Tiên vương theo lòng người mà đặt lễ nghi. Bàn đặt tên thụy của thái hậu lại trùng với tên thụy của bà cụ tổ thì lòng người có yên được không ? Trái lẽ quá lắm !

[40b] Tháng 2, lập sổ danh sách các quan văn võ.

Sách phong nguyên phi Lê thị làm Gia Từ hoàng hậu.

Tháng 3, phong con trưởng là Vĩ làm Chương Vũ đại vương (14 tuổi), định lập làm hoàng thái tử, nhưng lên nhọt độc rồi chết.

Mùa hạ, tháng 6, lấy ngày sinh làm tiết Tề Thiên.

Mùa thu, tháng 8, định việc bổ sung quân ngũ, đóng sửa thuyền chiến để chuẩn bị đánh Chiêm Thành.

Ra lệnh cho quân và dân nộp thuế cho nhà nước, (người nộp được) ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Thì lại viên bỏ làm nội lệnh sử duyệt lại.

Mùa đông, tháng 12, xuống chiếu nói việc vua thân đi đánh Chiêm Thành.

Năm ấy, giặc cướp đua nhau nổi dậy.

Giáp Dần, */Long Khánh/ năm thứ 2 /1374/*, (Minh Hồng Vũ năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, thượng hoàng về ở cung Trùng Hoa, phủ Thiên Trường.

[Tổ chức] thi đình cho các tiến sĩ. Ban cho Đào Sư Tích đồ trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đồ bang nhãn, Trần Đình Thám đồ thám hoa, bọn La Tu đồ hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ.

1. Tức Trần Thừa, cha của Trần Thái Tông (Trần Cảnh).

Tất cả đều được ban yến và áo xếp, cho quan chức theo thứ bậc [41a] khác nhau.

Dẫn ba vị đồ dầu đi chơi phố 3 ngày.

Theo lệ cũ : thái học sinh 7 năm thi 1 lần, chỉ lấy 30 người thôi. Thi trạng nguyên thì không có lệ định sẵn. Nhưng thuộc quan ở tam quán, thái học sinh, thị thần học sinh, tướng phủ học sinh và những người có tước phẩm đều được vào thi cả.

Tháng 3, xuống chiếu cho Thanh Hóa, Nghệ An đào kênh đến cửa biển Hà Hoa ¹

Mùa hạ, tháng 5, tháng 6, hạn hạn.

Mùa thu, tháng 8, chọn dân đinh bổ sung quân ngũ. Hạng nhất sung vào Lan Đô rồi đến hạng nhì, hạng ba. Người thấp bé nhưng nhanh nhẹn, can đảm cũng được sung vào hạng trên.

Trước đây, quân túc vệ có các quân Tư Thiên, Tư Thành, Tư Thần, sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp. Những quân này xăm ba chữ đen lên trán. Quân thị vệ thì xăm trán. Các quân Hoa Ngạch, Tá Ban, Hữu Ban và quân Thanh Hóa, Nghệ An, Hòa Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều [41b] đặt quân hiệu, có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu.

Mùa đông, tháng 10, định ngạch tụng quan. Đặt 6 cục Cận thị chi hậu, lấy vương hầu và người tôn thất làm chánh chương. 800 người làm thị vệ trong các chi hậu do phân thủ trông coi đều đội mũ bông hoa.

Xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào.

Ất Mão /Long Khánh/ năm thứ 3 /1375/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Khu mật viện đại sử Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự.

Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là người tôn thất, đều cho làm tướng coi quân.

Đổi châu Diễn thành lộ Diên Châu, châu Hoan thành các lộ Nhật Nam, Nghệ An nam, bắc, trung. Đổi Lâm Bình thành phủ Tân Bình ². Sai Đào Lục Đình

1. Tức Cửa Khâu, ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Phủ Tân Bình* : thời Trần, mà trước đó gọi là phủ Lâm Bình, có lẽ tương đương với phủ Tân Bình thời Lê sau này (nghĩa là gồm cả đất hai châu Minh Linh và Bồ Chính thời Lý). Nếu đúng vậy, phủ Lâm Bình hay Tân Bình thời Trần bao gồm vùng đất các huyện Bồ Trách, Quang Trách, Lệ Ninh, Tuyên Hoa, Bến Hải tỉnh Quảng Bình ngày nay, trong khi châu Lâm Bình thời Lý chỉ gồm đất huyện Lệ Ninh ngày nay.

và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình đắp sửa đường sá từ Cửu Chân ¹ đến Hà Hoa ², [42a] 3 tháng thì xong.

Mùa hạ, tháng 6 sao Kim hiện ban ngày.

Mùa thu, tháng 8, làm sổ quân, thái bốt người già yếu, lấy người mạnh khỏe bổ sung vào. Những người làm thuê của các hộ, các xã ³ Thanh Hóa, Nghệ An đều phải sung vào quân ngũ.

Xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc. (Người dâng thóc) được ban tước theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 9, đem công chúa Trang Huy gả cho Nguyên Dận là con trai Cung Chính vương.

Sách phong con gái của thái bảo Trần Liễu làm phi.

Mùa đông, tháng 10, lấy Thúc Ngạc, con trai của thượng hoàng làm tư đồ coi trấn Thái Nguyên ; tư đồ Nguyên Đán coi việc quân trấn Quảng Oai.

Bính Thìn, [Long Khánh] năm thứ 4 [1376], (Minh Hồng Vũ năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, gả công chúa Tuyên Huy cho quan phục đại vương Húc (con của thượng hoàng). Thượng hoàng thân đi đón dâu.

(Xét : Quan phục không phải là tước hiệu được phong. Có lẽ khi ấy Húc được phong tước, được ban mũ áo đại vương (đại vương quan phục) như Cung Giản vương được truy tặng mũ áo đại vương).

[42b] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Vua tôi, cha con, chồng vợ là ba giềng mối, đạo nhân luân không gì lớn hơn thế. Đã gọi là giềng mối thì sao được làm rối loạn ? Lễ của tiên vương thường thận trọng cả đến việc nhỏ, huống chi lại là việc lớn !

Lễ rước dâu là nghi tiết lớn trong lễ cưới. Duệ Tông đem công chúa Tuyên Huy gả cho quan phục thì người đón dâu phải là người chồng. Nghệ Tông lại tự mình đi đón thay cho con thì đạo tam cương đã rối loạn rồi ! Quan phục sau không được trọn vẹn ⁴, điềm gở đã hiện ra ở đó rồi. Người làm vua, làm cha há chẳng nên thận trọng sao ? Vả lại lễ cốt để tránh hiềm nghi. Làm vua, làm cha mà đi đón vợ của con là mối hiềm nghi lớn lắm. Việc ấy mà không thận trọng thì các việc khác cũng có thể biết được.

1. Cửu Chân : chỉ vùng Thanh Hóa.

2. Hà Hoa : đất các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

3. Hộ, xã : những người không có tên trong sổ hộ tịch, đi làm thuê lấy tiền công, họp thành các hộ, các xã.

4. Húc sau bị Phê đề giết vào năm Xương Phú thứ 5 (1381).

Mùa hạ, tháng 4, định lại quy chế về thuyền, xe, kiệu, lọng, nghi trượng quần áo, vì lễ sắp làm lễ hội thề.

Tháng 5, Chiêm Thành đến cướp Hóa Châu.

Tháng 6, xuống chiếu cho các quân sắm sửa [43a] khi giới, thuyền chiến để chuẩn bị việc thân chinh Chiêm Thành.

Mùa thu, tháng 7, ngự sử trung tán Lê Tích dâng sớ can rằng :

“Binh đao là đồ hung khí, không nên tự mình gây ra. Huống chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc trong nước, thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, chúa không nên vì mỗi tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công mà đánh liều. Dù Chiêm Thành không có lòng thần phục¹ cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để chờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thần trộm nghĩ là không nên”.

Vua không nghe.

Tháng 8, xuống chiếu cho quân dân Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu chở 5 vạn hộ lương tới Hóa Châu.

Mùa đông, tháng 10, đại duyệt quân thủy, bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Hai vua đích thân làm tướng.

Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông xã Bát², có người làng làm lễ dâm ma, vua truyền phạt 30 quan [43b] tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa chở lương cấp cho quân.

Trước đây, chúa Chiêm Thành Chế Bồng Nga quấy rối biên giới, vua sai hành hiền Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Hóa Châu. Bồng Nga đem 10 mâm vàng dâng lên [vua]. Tử Bình im đi, cướp làm của mình, nói dối là Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân đánh. Vua giận lắm, quyết ý thân chinh. Bấy giờ quan quân đến cửa biển Di Luân³, các quân vượt biển mà tiến. Vua cưỡi ngựa dẫn quân bộ, men theo bờ biển, đến cửa biển Nhật Lệ⁴ đóng quân lại, luyện tập trong một tháng. Người Tân Bình, Thuận Hóa bắt được người Chiêm trốn sang, đem đến dâng nộp.

Đinh Tỵ, [Long Khánh] năm thứ 5 [1377]. (từ tháng 5 trở đi là Phế Đế năm Xương Phù thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng,

1. Nguyên văn : “vô thần thiếp chi tâm”, chúng tôi cho là có lẽ bản khắc in đã lầm chữ “phục” thành chữ “thiếp”.

2. Có lẽ là xã Bát Trảng, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay.

3. Di Luân : tức cửa Ron, ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Tức cửa sông Nhật Lệ ở Đồng Hới, thuộc tỉnh Quảng Bình.

ngày 23, đại quân tiến đến cửa Thi Nại ¹ của Chiêm Thành, lên đến Thạch Kiều, đóng lại ở động Ý Mang.

Bồng Nga dựng [44a] trại bên ngoại thành Đồ Bàn ², sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá hàng, nói dối là Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn lại thành không, nên tiến quân gấp, dùng để lừa cơ hội.

Ngày 24, vua mặc áo đen, cưỡi ngựa nê thông ³, sai Ngự Câu vương Húc mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng, kíp truyền lệnh tiến quân.

Đại tướng Đỗ Lễ can rằng :

"Nó đã chịu hàng, là muốn bảo toàn đất nước làm đầu. Quan quân vào sâu đánh phá thành giặc là việc bất đắc dĩ. Xin hãy sai một biện sĩ cầm mảnh thư đến hỏi tội, để xem tình hình hư thực của giặc, như kế sách của Hàn Tín phá nước Yên ngày trước, không phải khó nhọc mà thành công. Cổ nhân có nói : "Lòng giặc khó lường". Thần xin bệ hạ hãy xét kỹ lại".

Vua nói :

"Ta mình mặc giáp cứng, tay mang gươm sắc, dãi gió dầm mưa, lội sông trèo núi, vào sâu trong đất giặc, không ai dám đương đầu với ta. Thế là cái cơ trời giúp cho ta đó. Huống chi nay chúa giặc nghe tin đã chạy trốn, không còn lòng dạ đánh nhau. Cổ nhân [44b] nói : "Dùng binh quý ở thần tốc". Nay nếu dừng lại không tiến, thì thực là trời cho mà không lấy, để nó lại cơ mưu khác thì hối sao kịp. Người chính là hạng đàn bà".

Rồi sai lấy áo đàn bà mặc cho Lễ. Quân lính bên nổi gót nhau như xâu cá mà đi. Cánh quân đi trước và cánh quân ở sau hoàn toàn cách biệt. Giặc thừa thế xông ra đánh chặn.

Giờ Ty, quan quân tan vỡ. Vua bị hãm trong trận mà chết. Bọn đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu vương, đem con gái gả cho ⁴. Đỗ Tử Bình chỉ huy hậu quân, không đến cứu nên thoát chết. Lê Quý Ly đốc quân chờ lương, nghe tin vua băng, bỏ trốn về trước.

Ngày hôm ấy ở kinh sư, ban ngày mà trời tối om, chợt búa phải đốt đuốc để mua bán. Xe cũi chở Tử Bình về qua Thiên Trường, người ta lấy gạch ngói ném vào thuyền mà chửi hăm ⁵. Quân trở về, trị tội Tử Bình, tha cho

1. Nguyên văn : "Thi Nại Hồn càng khâu", chữ "Hồn" có lẽ là thừa. Cửa Thi Nại nay là cảng Quy Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định.
2. Đồ Bàn : hay Chà Bàn, là kinh đô của nước Chiêm Thành hồi đó. Dấu vết của thành ngày nay vẫn còn ở tỉnh Bình Định.
3. Ngựa nê thông : ngựa lông sắc trắng, sắc đen chen nhau như màu bùn.
4. Theo CMCB 10, 41, thì Ngự Câu vương Húc đầu hàng giặc.
5. Theo CMCB 10, 41, thượng hoàng sai đem xe tù đi bắt Tử Bình. Khi về qua phủ Thiên Trường, người ta tranh nhau chửi hăm, lấy gạch ngói ném vào xe hăm.

hắn tội chết, phạt tội đồ làm lính. Trước đây, ngự sử đại phu Trương Đổ (có sách chép là Xã) can vua rằng :

“Chiêm Thành chống lệnh, [45a] tội cũng chưa đáng phải giết. Song nó ở tận cõi tây xa xôi, núi sông hiểm trở. Nay bệ hạ vừa mới lên ngôi, đức chính, giáo hóa chưa thấm nhuần được tới phương xa, nên sửa sang văn đức khiến nó tự đến thần phục. Nếu nó không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn”.

Đổ ba lần dâng sớ can vua không được, bèn treo mũ mà bỏ đi.

Đổ là người thanh liêm, thẳng thắn, không bè đảng, phóng khoáng, có chí lớn. Khi còn nhỏ, có lần ông đi chơi. Hồ Tây xem tướng quân tập bắn, nói đùa rằng : “Nghề này thì có khó gì ?”. Tướng quân ngạc nhiên hỏi : “Mày có bắn trúng được không ?”. Ông trả lời : “Xin thử xem”. Rồi ông bắn ba phát trúng cả ba. Tướng quân rất kinh ngạc, muốn nuôi làm con, nhưng Đổ coi khinh không theo. Sau ông bỏ nhà đi du học, thi đỗ tiến sĩ, rất nổi danh. Ông làm quan trong sạch, nghèo túng, không gây dựng điền sản, con cháu nối đời làm quan cũng có tiếng là nghèo mà trong sạch.

Đổ người Phù Đái, huyện Đồng Lại ¹, ngụ tại phường Nghi Tàm, Cơ Xá ở kinh thành, làm quan đến chức Ngự sử đài tư gián đình úy tự khanh trung đô phủ tổng quản rồi chết).

[45b] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Trương Đổ khi làm quan thì không giấu lời nói thẳng, thế là đã xung đáng với chức vụ của mình, khi can thì nói tới ba lần, thế là đã dám chạm đến cả vua. Vậy mà ông không được vua nghe, thế là tâm trí nhà vua đã lẫn rồi ! Người có trách nhiệm phải nói, không được nghe theo thì bỏ đi, thế là sự tiến lui của Đổ đều đã hợp lẽ phải vậy. Tuy lời nói thẳng thường trái tai vua, nhưng lại hay lợi cho thân vua. Việc này có thể làm gương được.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 13, thượng hoàng vì thấy vua chết vì nạn nước, mới lập con trưởng của vua là Kiến Đức đại vương Hiện nối nghiệp lên ngôi hoàng đế. [Vua] tự xưng là Giản Hoàng, đổi niên hiệu là Xương Phù năm thứ 1. Đại xá. Các quan dâng tôn hiệu là Hiến thiên thể đạo khâm minh nhân hiếu hoàng đế.

Tháng 6, ngày 11, Chiêm Thành vào cướp.

Đầu tiên thượng hoàng nghe tin giặc đến, sai trấn quốc tướng quân Cung Chính vương Sư Hiện giữ cửa biển Đại An. Giặc biết [ở đó] có phòng bị, mới

1. *Huyện Đồng Lại* : sau là huyện Vinh Lại, tức là đất huyện Ninh Giang cũ nay thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Hải Hưng và phần đất phía nam huyện Vinh Bảo, Hải Phòng.

từ cửa biển Thiên Phù ¹ [46a] mà vào, rồi tiến thẳng đến kinh sư. Ngày 12, giặc lại dẫn quân về, ra cửa biển Đại An ² bị bão, chết đuối rất nhiều.

Mùa thu, tháng 9, sách phong con gái thượng hoàng là Thiên Huy công chúa Thực Mỹ làm hoàng hậu, hiệu là Quang Loan.

Chiêu hồn (của Duệ Tông) chôn ở Hy Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông.

Sai Trần Đình Thám sang cáo phó với nước Minh, nói là Duệ Tông đi tuần biên giới bị chết đuối và báo tin lập vua nối ngôi. Người Minh từ chối, lấy cớ là có ba thứ chết không có lẽ viếng là chết vì sợ, chết vì bị dè, chết đuối. Đình Thám cãi lại, cho là người Chiêm gây loạn quấy nhiễu biên cương, còn Duệ Tông có công chống nạn cứu dân sao lại không viếng ? Nước Minh mới lại sai sứ sang điều. Bấy giờ vua Minh đang có âm mưu thôn tính nước ta, định lợi dụng sơ hở đó. Thái sư Lý Thiện Trường can rằng :

“Em chết vì nạn nước mà anh lập con của em lên, xem việc người như vậy, thì có thể biết được mệnh trời”. Việc ấy bèn bỏ đi.

Đình Thám từ tiến sĩ thám hoa lang, trải làm trung thư thị lang, kiêm [46b] tri thẩm hình viện sự. Họ Hồ cướp nước, ông giả điên, bị trưng thừa là Đồng Thúc hặc, phải giáng làm đồng giám tu quốc sử bí thư giám.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Kê sĩ lúc bé đi học, là muốn biết những điều mình sẽ làm, lớn lên đi làm, là làm những điều mình đã học. “Học ba trăm bài thơ trong *Kinh Thi*, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua” ³. Đình Thám được như vậy đó. Huống chi gặp thời buổi tiếm vị, cướp ngôi, lại biết tự giấu mình để tránh quyền vị, thì thực đáng gọi là kê sĩ, đáng coi là không phụ với học vấn của mình vậy !

1. CMCB 10 chép là cửa Thân Phù, tức cửa Thân Đầu trước kia.
2. Nguyên văn : “... hoàn xuất Đại hải khẩu”, thiếu chữ “An”.
3. Lời của Không Tử trong *Lược ngữ*.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TOÀN THU

QUYỂN VIII

[1a]

KỶ NHÀ TRẦN

PHÉ ĐẾ

Tên húy là Hiện, con trưởng của Duệ Tông, mẹ là bà Gia Từ hoàng hậu Lê Thị, sinh ngày mồng 6 tháng 3, năm Đại Trị thứ 4, Tân Sửu (1361), đến khi Duệ Tông đi đánh phương Nam rồi mất, được Nghệ Tông lập lên làm vua. Sau bị giáng làm Linh Đức Vương, rồi bị thất cổ chết. Ở ngôi 12 năm, thọ 28 tuổi, chôn ở núi An Bài.

Vua u mê, nhu nhược, không làm nổi việc gì, uy quyền ngày càng về tay kẻ dưới¹. Xã tắc lung lay, đến thân mình cũng không giữ được. Thương thay !

Mậu Ngọ, Xương Phù năm thứ 2 /1378/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn vệ sĩ. [Lấy] Trần Tông Ngoạn quản quân Thiên Đình ; Trần Trung Hiếu coi quân Bảo Tiệp ; Trần Thế Đăng coi quân Thần Dực ; Bùi Bá Ngang coi quân Thần Sách ; Bùi Háp coi quân Thiên Uy ; Hoàng Phụng Thế coi quân Thánh Dực ; Lê Mật Ôn coi quân Hoa Ngạch ; Đỗ Dã Ca coi quân Thị vệ ; Nguyễn Tiểu Luật [1b] coi quân Thiên Trường ; Trần Na coi quân Long Tiệp ; Nguyễn Kim Ngao coi quân Thần Vũ.

Tháng 3, lấy ngày sinh làm tiết Quang Thiên.

Xuống chiếu cho các quân chế tạo vũ khí và thuyền chiến.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 5, người Chiêm đưa Ngự Câu Vương Húc đã đầu hàng đến cướp phủ Nghệ An, tiếm xưng vị hiệu đề chiêu dụ dân chúng, nhiều người theo lệnh của bọn ngụy.

Tháng 6, giặc đánh vào sông Đại Hoàng². Vua sai Hành khiển Đỗ Tử Bình đi chống giữ. Quan quân tan vỡ. Giặc liền đánh vào kinh sư, bắt người cướp của

1. Chỉ Hồ Quý Ly.

2. Xem chú thích Tập I, BK1, 24b.

rồi rút về. An phủ sứ Lê Giốc bị giặc bắt. Giặc buộc Giốc phải lạy, Giốc trả lời chúng :

“Ta là quan của nước lớn, sao phải lạy chúng mày !”.

Giặc nổi giận, giết ông. Giốc luôn miệng chửi chúng. Việc này tâu lên, Giốc được truy phong là Mạ Tặc Trung Vũ hầu ¹, cho con ông là Nhuế làm Chánh chương bốn cục Cận thị chi hậu. Giốc là con của cố Nhập nội hành khiển thượng thư hữu bật Lê Quát.

[2a] *Sử thần Ngô Sĩ Liên nói* : Bỏ sống để giữ nghĩa còn hơn là sống ; cầu sống mà nhục, người quân tử không làm. *Kinh dịch nói* : Người quân tử thà hy sinh tính mạng để thực hiện chí hướng của mình ². Giốc là người như vậy.

Mùa thu, tháng 7, nước lớn.

Đỗ Tử Bình kiến nghị thu mỗi hộ đinh nam 3 quan tiền. Vua nghe theo. Bấy giờ đương có việc dùng binh mà kho tàng trống rỗng, nên Tử Bình có kiến nghị này.

Theo lệ cũ, các trấn hễ có việc binh thì lệnh cho mỗi huyện có bao nhiêu ruộng thì phải nộp bao nhiêu vàng, bạc, tiền, lụa, không tính thêm theo số nhân đinh ³ sinh ra, cũng không trừ bớt theo số người đã chết. Nếu phục dịch việc binh, thì đều thu bỏ theo số ruộng cả. Các lộ có đơn binh ⁴, là phải phục dịch việc binh, [những người này] dờn dờn làm [2b] lính, không được ra làm quan. Người nào có ruộng, bãi dâu, đầm cá thì phải đóng thuế, không có thì thôi. Đến đây, Tử Bình bắt chước phép đánh thuế dung ⁵ của nhà Đường, thuế má lại nặng thêm.

Mùa đông, tháng 10, lựa chọn những người khỏe mạnh, dũng cảm, thông hiểu võ nghệ trong các vệ quân sung làm vệ sĩ.

Lấy Nguyễn Bát Sách, người cùng một vú nuôi với nhà vua quản lĩnh quân Thiết Sang ; Nguyễn Văn Nhi quản lĩnh quân Thiết Giáp ; Nguyễn Hổ, Lê Lặc quản lĩnh quân Thiết Liêm ; Nguyễn Thánh Du quản lĩnh quân Thiết Hổ ; Trần Quốc Hưng quản lĩnh quân Ô Đồ.

Năm nay, con của Thượng hoàng là Ngung sinh (tức là Thuận Tông)

1. Nghĩa là “Trung Vũ Hầu chửi giặc”.
2. Lời Tượng của quẻ Khôn trong *Kinh Dịch*. Nguyên văn “trì mệnh toại chí”.
3. Nguyên văn là “nhân binh”, ngờ là khác lầm.
4. Binh lính ghi trong sổ binh.
5. *Thuế dung* : hay thuế đinh, tức là thuế thân. Hôi đầu dờn Trần đầu có thuế đinh nhưng chỉ người có ruộng mới phải đóng. Đến đây, không cứ có ruộng hay không, đều phải đóng cả, chỉ binh lính mới được miễn.

Kỷ Mùi, [Xương Phù/ năm thứ 3 /1379], (Minh Hồng Vũ năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, lấy Lê Quý Ly làm Tiểu tư không kiêm Hành khu mật đại sử như cũ.

Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm tướng quân. Đa Phương là con của Sư Tề. Quý Ly hỏi nhỏ theo học Sư Tề, Sư Tề dạy cho võ [3a] nghệ, nhân đó nhận Đa Phương làm em. Đa Phương từng bị Chiêm Thành bắt, sau đó trốn về. Đến đây, Quý Ly tiến cử ông ta. Lại có chủ thư thị ngự sử Phạm Cự Luận giỏi bày mưu tính kế, Quý Ly tiến cử làm quyền đô sử. Người bấy giờ bảo Quý Ly có “phương viên tá lự”¹.

Mùa hạ, hạn hán, đói to.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Bô, người lộ Bắc Giang tự xưng là Đường lang tử y, dùng pháp thuật, tiếm hiệu xưng vương làm loạn, bị giết.

Tháng 9, sai quân dân chở tiền đồng giấu vào núi Thiên Kiện² (núi Thiên Kiện trước gọi là núi Địa Cạn, tục truyền có cây tùng cổ, rồng quán ở trên, Trần Thái Tông dựng hành cung ở đó).

Mùa đông, tháng 10, giấu [tiền] ở khám³ Khả Lãng, Lạng Sơn, là vì sợ nạn người Chiêm đốt cung điện.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Thiên tử có cả bốn biển, kho tàng phủ khắp đâu chẳng phải là [3b] của mình ? Đương khi nước nhà nhân hạ thì làm tỏ chính hình, sửa sang lễ nghĩa, ví như con chim đi lấy rế đâu ràng buộc cửa tổ⁴, thì ai làm nhục mình được ? Thế mà sợ tai nạn Chiêm Thành đốt cướp, đem chở tiền của giấu tận hang cùng núi thẳm, làm kế tránh giặc, thực là như giặc đến, chuốc lấy tiếng chê cười của đời sau. Có thể coi là cả nước không còn người nữa vậy !

Hữu tướng quốc Cung Tín Vương Thiên Trạch mất.

Canh Thân [Xương Phù/ năm thứ 4 /1380], (Minh Hồng Vũ năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, người Chiêm xúi giục người Tân Bình, Thuận Hóa ra cướp Nghệ An, Diễn Châu, cướp của bắt người.

1. Giúp mưu kế cho được vương trôn. “Phương” (chỉ Đa Phương) có nghĩa là “vuông”, “viên” là “tròn” chỉ Cự Luận. Luận âm đọc gần với luân, có nghĩ là “trôn”. “Phương viên tá lự” còn có có nghĩa Đa Phương và Cự Luận bày giúp mưu kế.
2. Xem Trần Dụ Tông, Đại Trị năm thứ 5, BK7.
3. Khám : là tầng dưới của tháp chùa.
4. Nguyễn văn : “Triệt bị tang đồ, trừ mầu hộ đứ”, là câu trong một bài thơ của Kinh Thi, ý nói phải đề phòng sự biến lúc chưa xảy ra.

Tháng 3, [Chiêm Thành lại] cướp các nơi ở Thanh Hóa. Thượng hoàng sai Lê Quý Ly chỉ huy quân thủy, Đỗ Tử Bình chỉ huy quân bộ đi chống giữ. Đến Ngụ [4a] Giang ¹, đóng cọc giữa sông cầm cự với người Chiêm.

Mùa hạ, tháng 5, Quý Ly dẫn viên tướng chỉ huy quân Thần Vũ là Nguyễn Kim Ngao và tướng chỉ huy quân Thị vệ là Đỗ Dã Kha ra đánh. Kim Ngao quay thuyền trở lại để tránh mũi nhọn của giặc. Quý Ly chém Ngao để rạo trong quân. Các quân nổi trống hò reo mà tiến. Chúa Chiêm Chế Bồng Nga thua trận rút chạy. Tử Bình từ đó cáo ốm, không giữ binh quyền nữa. Chỉ còn Quý Ly chuyên lãnh chức Nguyên nhung hành Hải Tây đô thống chế ².

Mùa đông, tháng 11, lấy Đỗ Tử Bình làm Nhập nội hành khiển tả tham tri chính sự, lĩnh chức Kinh lược sứ Lạng Giang, được vài năm thì chết, được truy tặng Thiếu bảo, và được tòng tự ở Văn Miếu.

Phan Phu Tiên nói : Bậc danh nho các đời có bài trừ được dị đoan, truyền giữ được đạo thống thì mới được tòng tự ở Văn Miếu, thế là để tỏ rõ đạo học có ngọn nguồn. Nghệ Tông cho Chu An [4b], Trương Hán Siêu, Đỗ Tử Bình được dự vào đó, thì Hán Siêu là người cứng cỏi, bài xích đạo Phật, An sửa mình trong sạch, bền giữ khí tiết, không cầu hiển đạt, thì cũng tạm được. Đến như Tử Bình là hạng học nhằm chiều người, tham lam bòn vét, là kẻ gian thần hại nước, sao lại được len vào chỗ đó ?

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Tử Bình lên đánh cướp vàng cống của Bồng Nga, tâu bậy lừa vua, để đến nỗi Duệ Tông đi tuần phương nam không trở về nữa, nước nhà từ đó liên tiếp có tai họa Chiêm Thành vào cướp, tội ấy giết cũng chưa đáng, còn học nhằm chiều người thì chê trách làm gì ?

Tân Dậu, [Xương Phù] năm thứ 5 [1381], (Minh Hồng Vũ năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, thi thái học sinh.

Tháng 3, sai quốc sư Đại Than ³ đốc suất tăng nhân trong nước và các tăng nhân không có độ điệp ở rừng núi, người nào khỏe mạnh thì tạm [5a] làm quân đi đánh Chiêm Thành.

Mùa hạ, tháng 4, chém Hồ Thuật người Diễn Châu, vì nhân giặc Chiêm Thành, Thuật rủ người đi cướp của.

-
1. *Sông Ngụ* : là một nhánh sông Mã, nay là sông Lạch Trường ở huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa.
 2. *Hải Tây* : là vùng đất suốt từ Thanh Hóa trở vào đến Thuận Hóa. Đến đời Lê (1428) có đặt đạo Hải Tây (Hải Tây đạo).
 3. *Đại Than* : là tên xã thuộc huyện Gia Bình cũ, nay thuộc huyện Gia Lương tỉnh Hà Bắc.

Tháng 5, lấy Đào Sư Tích làm Nhập nội hành khiển hữu lý lang trung, Toàn Bản, cha Sư Tích, làm tri Thảm hình viện sự.

Tháng 6, rước thần tượng các lăng ở Quốc Hương ¹, Thái Đường ², Long Hưng, Kiến Xương đưa về lăng lớn ở Yên Sinh để tránh [nạn] người Chiêm Thành vào cướp.

Mùa thu, tháng 9, lấy Nguyễn Nhiên làm Nhập nội hành khiển hữu ty. Nhiên người Tiên Du. Trong năm Thiên Khánh ³ làm Chi hậu nội nhân, biết Nhật Lễ định giết hại họ Trần, mật báo Thượng hoàng. Đến đây, Thượng hoàng nhớ công ấy, nên trao cho ông chức đó.

Mùa đông, tháng 10, hoàng hậu Gia Từ băng ở am Tây chùa Chiêu Khánh (nay là chùa Triệu Khánh) hương Long Đàm ⁴.

Vua dụ giết Quan phục hầu đại vương Húc.

[5b] Nhâm Tuất, /Xương Phù/ năm thứ 6 /1382/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành vào cướp Thanh Hóa. [Vua] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. [Quý Ly] đóng quân ở núi Long Đại ⁵. Cho tướng coi quân Thần Khôi là Nguyễn Đa Phương giữ hàng cọc đóng ở [cửa] biển Thần Đầu ⁶.

Người Chiêm tiến đến bằng cả hai đường thủy bộ. [Quân giặc] ở trên núi lấy đá ném xuống, thuyền quân ta bị hỏng nhiều. Đa Phương không đợi lệnh của Quý Ly, tự ý cho mở hàng cọc xông ra đánh, một chốc thì thắng. Các quan thừa thắng tấn công. Chiêm Thành thua to, chạy tán loạn vào rừng núi. Quân ta vây núi ba ngày, giặc nhiều tên bị chết đói. Ta đốt hết thuyền bè của giặc, tàn quân giặc chạy trốn cả. Tháng 3, đuổi giặc đến thành Nghệ An rồi về.

Mùa hạ, tháng 4, tin thắng trận báo về, phong Nguyễn Đa Phương làm Kim ngô vệ đại tướng quân.

Mùa thu, tháng 7, nước to.

Mùa đông, tháng 10, xuống chiếu cho quân dân Nghệ An, Diễn Châu đào các kênh ở Hải Tây.

[6a] Quý Hợi, /Xương Phù/ năm thứ 7 /1383/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lê Quý Ly thống lĩnh thủy quân đi đánh Chiêm Thành.

1. Quốc Hương : thuộc huyện Mỹ Lộc, Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

2. Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Nên sửa lại là Thiệu Khánh (1370 - 1372) Toàn thư : Tháng 10 (năm 1370), vua... tránh ra trấn Đà Giang... ; còn Thiên Khánh là niên hiệu của Trần Cảo 1426.

4. Hương Long Đàm : nay là đất thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

5. Tức núi Hàm Rồng ở Thanh Hóa.

6. Cửa biển cũ, sau đã bị lấp, ở huyện Yên Mô cũ, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bấy giờ mới đóng xong các thuyền lớn có tên là Diễm Trì, Ngọc Đột, Nha Tiệp. Thuyền tới vụng biển Lại Bộ Nương¹ và Ô Tôn² bị sóng gió đánh hư hỏng. Dẫn quân về.

Mùa hạ, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cùng với thủ tướng La Ngai dẫn quân đi bộ theo chân núi, từ trấn Quảng Oai³ dò đường đến đóng ở sách Không Mục. Kinh sư kinh động. Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Hoa Ngạch là Lê Mật Ôn đem quân đi chống giữ.

Mật Ôn đến chân Tam Kỳ (nay là phủ Quảng Oai) định bày trận chống giữ. Nhưng giặc đã mai phục từ trước, quân voi đều xông ra, quan quân thua chạy, Mật Ôn bị giặc bắt sống.

Chiêm Thành từ đời Lê, Lý tới đây, quân lính hèn nhát, hễ quân ta đến là đem cả nhà chạy trốn hoặc họp nhau khóc lóc xin hàng. Đến Bồng Nga, La Ngai mới tập hợp dân họ lại [6b], bảo ban dạy dỗ, thay đổi dần dần thói cũ, trở nên can đảm, hăng hái, chịu được gian khổ, nên thường hay sang cướp, trở thành tai họa của nước ta.

Nguyễn Đa Phương dồn đốc quân lính dựng rào trại ở kinh thành, ngày đêm phòng giữ. Thượng hoàng ngự sang sông Đông Ngàn để lánh giặc. Khi ấy có người học trò là Nguyễn Mộng Hoa để cả áo mũ lội xuống nước kéo thuyền ngự lại, xin [thượng hoàng] ở lại đánh giặc, nhưng (thượng hoàng) không nghe.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Nghệ Tông thiếu can đảm. Giặc chưa tới đã lánh trước, thì người trong nước như thế nào ? Mộng Hoa là một người học trò, còn biết giữ Nghệ Tông lại, những kẻ ăn thịt thực đáng khinh thay !⁴.

Độc bá Trần Công Niếu cưỡi ngựa tuần tra, giặc đuổi theo, đến địa hạt Cát Giang, bị ngăn cách con ngòi rộng đến một trượng. Ngựa nhảy qua ngòi thoát được, bèn đặt tên cho con ngựa là Tử Bất Tề.

[7a] Mùa đông, tháng 12, Chiêm Thành dẫn quân về. Thượng hoàng ở cung Bảo Hòa⁵, sai Thiêm tri nội mật viện sự Nguyễn Mậu Tiên, Lễ bộ lang trung Phan Nghĩa và gia thần Vũ Hiến hầu (không rõ tên) ở Tiên Du thay phiên nhau châu chực. [Thượng hoàng] ban cho ăn và hỏi các việc cũ, ghi chép từng ngày, biên soạn

1. Sau là cửa biển Nương Loan ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sau là vụng biển Vĩnh Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Trấn Quảng Oai : thời cuối Trần là phủ Quảng Oai : đời Lê, gồm đất huyện Lương Sơn, tỉnh Sơn Bình và huyện Tùng Thiện cũ, nay là một phần của huyện Ba Vì, Hà Nội.

4. Kẻ ăn thịt : chỉ người làm quan.

5. Cung Bảo Hòa : ở núi Lạn Kha, tức núi Phật Tích ở xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

thành 8 quyển, đầu đề là *Bảo Hòa dư bút*¹, sai Đào Sư Tích đề tựa ở đầu sách đề dạy bảo Quan gia.

Giáp Tý, [*Xương Phù*] năm thứ 8 /1384/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng cho thi thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du², [lấy đỗ] bọn Đoàn Xuân Lôi, Hoàng Hối Khanh... 30 người.

Mùa hạ, tháng 5, chọn số thái học sinh còn lại cho làm thư sử ở cung Bảo Hòa.

Mùa thu, tháng 9, nhà Minh bắt đầu đánh Vân Nam, sai bọn Dương Bàn, Hứa Nguyên mang tờ tư của bộ Hộ sang đòi lương để cấp cho [7b] binh lính đóng ở Lâm An³.

Mùa đông, tháng 11, sai Triều phụng đại phu Lê Á Phu, Thiếu trung đại phu Đỗ Tử Trùng trả lời rằng : Đã sai Hành khiển ty Trần Nghiêu Du don đốc Chuyển vận sử ty các lộ vận chuyển lương thực tới địa đầu huyện Thủy Vi⁴ giao nộp rồi. Bấy giờ các quan sai đi, nhiều người nhiễm lam chương mà chết.

Ất Sửu, [*Xương Phù*] năm thứ 9 /1385/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, xét duyệt sổ sách quan văn võ.

Tháng 3, nhà Minh sai sứ sang đòi 20 tăng nhân.

Trước đây, nước ta đưa bọn nội nhân Nguyễn Tông Đạo, Nguyễn Toán đến Kim Lăng, vua Minh dùng làm cận thần, đãi ngộ rất hậu. Bọn Tông Đạo tâu : “Tăng nhân nước Nam biết dựng đạo tràng giỏi hơn tăng nhân phương Bắc”. Đến đây [nhà Minh cho sứ] sang đòi.

Mùa thu, tháng 7, tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu Nguyễn Đán trí sĩ [8a] lui về Côn Sơn⁵, gửi cho các bạn làm quan bài thơ, có câu rằng :

Kim cổ hưng vong chân khó giám,

Chư công hà nhẫn gián thư hý ?

(Còn mắt xưa nay gương đã rõ,

Các ông sao nỡ vắng thư can ?)

Thái Úy Trang Định Vương Ngạc có bài thơ tặng rằng :

1. Thiên *Nghệ văn chí* trong *Đại Việt Thông sử* của Lê Quý Đôn ghi rằng *Bảo Hòa điện dư bút* có 8 quyển.
2. Chùa *Vạn Phúc* ở núi *Tiên Du* : tức chùa Phật Tích ở núi Phật Tích, thuộc xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.
3. *Lâm An* : tên lộ đời Nguyên ở Vân Nam. Minh đổi thành phủ Lâm An, trị sở đóng tại huyện Kiến Thủy.
4. *Huyện Thủy Vi* : đời Trần tức châu Thủy Vi đời Lê, tương đương với toàn bộ tỉnh Lào Cai, tức gồm đất các huyện Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Sa Pa, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai.
5. *Côn Sơn* : thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

Ngã thị dương niên khí vật,

Công phi đại hạ kỳ tài.

Hội thú nhất ban lão bệnh,

Điền viên tảo biện quy lai.

(Ngày nay tôi là đồ bỏ,

Ông không tài lạ cứu đời.

Cùng một lớp già đau ốm,

Ruộng vườn sớm liệu về thôi !)

Bởi vì khi ấy Quý Ly đang giữ quyền bính, các bậc hiền nhân quân tử buồn lo thời thế, không thể không biểu hiện ra câu thơ.

Ngạc lại làm bài thơ yết hậu bằng quốc ngữ để châm biếm Nguyên Đán. Nguyên Đán tính chuyện thông gia để mong tránh mối họa sau này, đem con là Mộng Dữ gả gắm Quý Ly, Quý Ly đem công chúa Hoàng Trung là con gái của cố tôn thất Nhân Vinh gả cho Dữ¹. Sau Quý Ly trị nước, lấy Mộng Dữ làm Đông cung phán thủ, em Mộng Dữ là Thúc Dao và Thúc Quỳnh làm tướng quân, con cháu Nguyên Đán đều tránh được nạn.

Nguyên Đán có hai người con gái, con trưởng tên là Thái [8b], con thứ tên là Thai, sai nhỏ sinh đem văn học dạy cho hai người.

Nguyễn Ừng Long dạy Thái, Nguyễn Hán Anh dạy Thai. Ừng Long nhân gần gũi là lời, làm thơ ca quốc ngữ khêu gợi Thái, thông dâm với Thái, Hán Anh cũng làm thơ quốc ngữ bắt chước Ừng Long. Thái có thai, Ừng Long bỏ trốn.

Đến ngày Thái đẻ, Nguyên Đán hỏi Ừng Long ở đâu. Người nhà trả lời là Ừng Long sợ tội trốn đi rồi. Nguyên Đán nói :

“Vận nước sắp hết, biết đâu chẳng phải là trời xui nên như thế, vị tất không phải là phúc”.

Bèn cho gọi hai chàng về bảo rằng :

“Người xưa cũng đã có chuyện này. [Các người] không thấy chuyện Văn Quân với Trương Như hay sao². Nếu [các người] làm được như Trương Như, truyền lại danh tiếng cho đời sau thì đó là điều mong muốn của ta”.

1. Nhân Vinh có vợ là công chúa Huy Ninh. Nhân Vinh chết, Nghệ Tông đem Huy Ninh gả cho Quý Ly, như vậy Hoàng Trung gọi Quý Ly là bố dượng.

2. *Trương Như* : tức Tư Mã Trương Như, tên tự là Trường Khanh, người Thành Đô. Đời Hán Cảnh Đế làm vũ ky, thường thị, dùng tiếng đàn khêu gợi người phụ nữ trẻ mới góa chồng là Trác Văn Quân, con gái yêu của Trác Vương Tôn, rồi hai người lấy nhau. Sau được bổ vợ giúp đỡ, Trương Như trở nên giàu có, rồi làm quan, được phong tới chức Hiếu Văn viên lệnh, rất giỏi về từ chương.

Hai chàng cảm ơn sâu nặng, chăm chỉ học hành. Đến khi thi, cả hai đều đỗ. Thượng hoàng nói :

“Bọn chúng có vợ giàu sang, như thế là kẻ dưới mà dám phạm thượng, bỏ không dùng”.

Sau Hán Anh làm quan đến chức Chuyển vận. Ứng Long đến nhà Hồ được cất nhắc [9a] sử dụng, đổi tên là Phi Khanh (Phi Khanh sinh ra [Nguyễn] Trãi, cũng đỗ thái học sinh).

Nguyễn Đán có tập thơ tên là *Băng Hồ*¹, vài quyển, truyền ở đời. Bấy giờ Hàn lâm học sĩ Hồ Tông Thốc cũng có tập thơ *Thảo nhàn hiệu tẩn thi tập* đều là cảm thời thế mà làm cả.

Bính Dần, [Xương Phù] năm thứ 10 /1386/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 19). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai Lâm Bật sang đòi giống các loại cây cau, vải, mít, nhãn, vì nội nhân Nguyễn Tông Đạo nói hoa quả phương Nam có nhiều thứ ngon. Vua sai bọn Viên ngoại lang Phạm Đình đem sang, nhưng những cây ấy không chịu được rét, đi nửa đường đều chết khô cả.

Nhà Minh lại sai bọn Cẩm y vệ xá nhân Lý Anh sang mượn đường đánh Chiêm Thành, đòi 50 con voi, đặt các dịch trạm từ phủ Nghệ An cung cấp cỏ, thức ăn, đưa voi đến Vân Nam.

Lấy Hồ Tông Thốc làm Hàn [9b] lâm học sĩ phụng chỉ.

Tông Thốc (người Sĩ Thành², Diêm Châu) tuổi trẻ đỗ cao, rất có tài danh. Trước đó, Thốc chưa được nổi tiếng lắm, gặp tiết Nguyên tiêu, có đạo nhân là Lê Pháp Quan treo đèn đặt tiệc, mời khách văn chương đến dự làm vui. Thốc nhận thiệp xin đề thơ, làm xong trăm bài thơ ngay trên bữa tiệc. Mọi người xúm lại xem, rất thán phục. Từ đấy tiếng dậy kinh sư, vì giỏi văn học nên được người đương thời kính trọng, mà thơ rượu thì không ngày nào không có.

Trước kia Tông Thốc làm An phủ, có lấy của dân, việc bị phát giác, Nghệ Tông thấy làm lạ hỏi ông chuyện đó. Tông Thốc lay tạ thưa rằng : “Một con chịu ơn vua, cả nhà ăn lộc trời”³, vua tha tội cho. Sau ông được thăng nhiều lần, đến Hàn lâm học sĩ phụng chỉ kiêm Thâm hình viện sứ, thọ hơn 80 tuổi, mất tại nhà.

Đinh Mão, [Xương Phù] năm thứ 11 /1387/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 20). Mùa xuân, tháng 2, Thượng hoàng từ cung Bảo Hòa trở về kinh đô.

1. Theo *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn, Trần Nguyên Đán soạn *Băng Hồ ngọc hác tập*, 10 quyển. Cũng theo sách trên, Hồ Tông Thốc soạn *Thảo nhàn hiệu tẩn thi tập*.

2. *Sĩ Thành* : nên sửa là Thổ Thành, tên xã thuộc huyện Đông Thành, phủ Diêm Châu, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

3. Ý nói một người làm quan, cả họ được nhờ.

[10a] Tháng 3, lấy Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự, ban cho một thanh gươm, một lá cờ đề 8 chữ “Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức”¹ Quý Ly làm bài thơ quốc ngữ tạ ơn.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Bọn loạn thần tặc tử mà thực hiện mưu kế của chúng, nguyên nhân không phải là một sớm một chiều. Việc đó có ngọn nguồn hình thành dần từ lâu rồi. Cho nên, thánh nhân phải nhận biết âm mưu đó từ sớm và thận trọng phòng giữ như giấm lên sương². Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần chẳng những vì Nghê Hoàng không thận trọng trước âm mưu của nó, mà còn vì đã gây ra đầu mối nữa.

Mậu Thìn, *[Xương Phù]* năm thứ 12 /1388/, (Từ tháng 11 về sau là Thuận Tông Quang Thái năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 5, lấy Trần Đỗ làm cung lệnh. Đỗ là con Thượng vị hầu Tông, mẹ Đỗ cải giá lấy Quý Ly, cho nên có lệnh này. Sau Đỗ đổi làm họ Hồ.

Tháng 6, lấy Lê Quý Tỳ³ làm [10b] phán thủ Tri tả hữu ban sự ; nội nhân Nguyễn Vĩ làm Tri diện nội ; Trần Ninh làm tri khu mật viện sự.

Nhập nội hành khiển tả ty Vương Nhữ Chu tri sĩ, lấy Lê Dữ Nghi lên thay.

Mùa thu, tháng 8, sao Chổi hiện ở phương tây. Vua bàn mưu với Thái úy Ngạc rằng :

“Thượng hoàng tin yêu ngoại thích là Quý Ly, cho hẳn mặc sức làm gì thì làm, nếu không lo trước đi thì sau sẽ rất khó chế ngự”.

Con Vương Nhữ Chu là Nhữ Mai hầu vua học, nhân tiết lộ mưu đó. Quý Ly biết được. Đa Phương khuyên Quý Ly lánh ra núi Đại Lại⁴ để đợi biến động. Phạm Cự Luận nói :

“Không được, một khi đã ra ngoài thì khó lo chuyện sống còn”.

Quý Ly nói :

“Nếu không còn phương sách gì thì ta đành tự tử, không để tay kẻ khác giết mình”.

Cự Luận nói :

“Thượng hoàng trong lòng vẫn căm vua về việc giết Quan Phục Đại Vương, vua rất không hài lòng. Nay quyền bính trong thiên hạ đều ở đại nhân cả [11a] mà

1. Văn võ toàn tài, vua tôi một dạ.

2. *Kinh Dịch* có câu : “Lý sương nhi kiên băng chí” (Giấm lên sương thì biết sẽ có băng cứng), ý nói phải thận trọng để phòng sự biến xảy ra, khi mới thấy triệu chứng, như thấy có sương là biết sẽ có đóng băng.

3. Tỳ là em của Quý Ly.

4. *Núi Đại Lại* : cũng gọi là núi Kim Âu, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

vua lại mưu hại ngài thì Thượng hoàng lại càng ngờ lắm. Đại nhân hãy liệu vào lạy Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại, thì nhất định Thượng hoàng sẽ nghe theo ngài, chuyển họa thành phúc, dễ như trở bàn tay. Thượng hoàng có nhiều con chính đích, ngài cứ tâu rằng thần nghe ngạn ngữ nói "Chưa có ai bán con để nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu để nuôi con" ¹ may ra thượng hoàng sẽ tỉnh ngộ mà đổi lập Chiêu Định vương ² là Thuận Tông. Nếu Thượng hoàng không nghe thì chết cũng chưa muộn".

Quý Ly nghe theo, bí mật tâu với Thượng hoàng như lời Cự Luận. Thượng hoàng cho là phải.

Mùa đông, tháng 10, ngày rằm, nguyệt thực toàn phần.

Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng hoàng vờ ngự về Yên Sinh, sai điện hậu hộ vệ, rồi sai chỉ hậu nội nhân gọi vua tới bàn việc nước. Vua chưa kịp ăn, vội đi ngay, chỉ có hai người theo hầu thôi. Đến nơi, Thượng hoàng bảo vua : "Đại Vương lại đây !" ³, rồi lập tức sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc [11b], tuyên đọc nội chiếu rằng :

"Trước đây, Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về, lấy con đích để nối ngôi, đó là đạo từ xưa. Nhưng từ khi Quan gia lên ngôi đến nay, lòng dạ trẻ con, giữ đức không thường, gần gũi bọn tiểu nhân, nghe lời Lê Á Phu, Lê Dữ Nghi gièm pha vu hãm công thần, làm lung lay xã tắc, phải giáng làm Linh Đức Đại Vương. Song quốc gia không thể không có chủ, ngôi báu không thể bỏ trống lâu, nên hãy đón Chiêu Định vào nối đại thống. Bả cáo, trong ngoài để mọi người đều biết".

Bèn giáng con của vua làm Thuận Đức Vương. Các tướng chỉ huy các phủ quân cũ như tướng chỉ huy quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi, tướng chỉ huy quân Thiết Giáp ⁴ là Nguyễn Kha, Lê Lặc, tướng chỉ huy quân Thiết sang là Nguyễn Bát Sách định đem quân vào cướp lấy vua đem ra. Vua viết hai chữ "Giải giáp" ⁵ đưa cho các tướng và răn bảo họ không được trái ý vua cha, các tướng mới thôi. Lát sau, [thượng hoàng sai] điều vua xuống phủ Thái Dương thắt cổ cho chết.

Trước [12a] đó, theo lệ cũ của sảnh, dài, từ chức Đồng bình chương trở lên được ngồi ghế tựa sơn đen. Bấy giờ Trang Định Đại Vương Ngạc làm Thái úy, Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự. Tri thẩm hình viện Lê Á Phu đã bảo Ngạc

1. Đế Hiện là con Duệ Tông, cháu Nghệ Tông. Ý nói nên phế bỏ Đế Hiện mà lập con mình.
2. Tên húy là Ngung, con út Nghệ Tông, sau được lập làm vua.
3. Theo quy chế của nhà Trần, đáng lẽ Nghệ Tông phải gọi Đế Hiện là "quan gia". Ở đây chỉ gọi là "đại vương" là có ý gay gắt, không coi Hiện là "đế" nữa.
4. Nguyễn văn thiếu hai chữ Thiết Giáp, chúng tôi theo các bản khắc bổ sung vào.
5. Giải tán quân lính.

bỏ ghế của Lê Quý Ly đi, không cho ngồi cùng, lại bí mật tâu vua giết Quý Ly. Mưu cơ tiết lộ, đến nỗi thất bại, bọn Á Phu, Khoái, Vân Nhi, Kha, Bát Sách, Lặc và người học sinh được tin yêu là Lưu Thường đều bị giết cả. Lưu Thường khi bị hành hình có làm thơ rằng :

*Tàn niên tứ thập hựu dư tam,
Trung ái phùng chu tứ chính cam.
Bão nghĩa sinh tiền ưng bất ngộ,
Bộc thi nguyên thượng cánh hà tâm*
(Tuổi tàn bốn chục lại thừa ba,
Bị giết vì trung, chết đáng mà !
Khi sống không sai điều giữ nghĩa,
Phơi thầy đồng nội thẹn gì ta).

Duy có Dữ Nghị là bị đày ra Trại Đầu, sau xét không có tội, lại được bỏ làm Tuyên phủ sứ lộ Bắc Giang. Đến năm Kiến Tân thứ 2¹, lại vì việc bè cánh bị giết. Dữ Nghị là anh họ của Á Phu. Bát Sách chạy trốn, sau bắt giam người mẹ, Sách mới ra chịu chết.

[12b] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Khi ấy khí thế của họ Hồ đang mạnh, mọi người đều biết là nó sẽ cướp ngôi, Trang Định Vương Ngạc là Thái úy, lại là con của Nghệ hoàng, thấy xã tắc sắp nghiêng đổ, nếu biết hướng vua làm điều phải, gây niềm tin ở vua cha, hiệu lệnh nghiêm ngặt, để nhiều người theo về mình, khiến cho Nghệ Tông già lẫn phải tỉnh lại. Giản hoàng nhút nhát phải tự lập, quyền bính về tay hết, mệnh lệnh ban từ trên, thì lòng gian của họ Hồ cũng phải tự ngừng lại. Trang Định không mưu tính đến việc đó, Á Phu không lường được vua mình chẳng có tài cương đoán, lại khuyên vua giết Quý Ly, mà cơ mưu không kín mật, để cho nó biết trước. Trang Định lại không sớm quyết đoán, bỏ lỡ cơ hội, đến nỗi công việc thất bại, thân mình bị giết, lại giết lây cả đến những quân tướng tài giỏi, thực đáng than thở biết bao ! Có người hỏi : Họ Hồ trên được vua tin, [13a] dưới nắm binh quyền, dẫn đến Nguyên Đán là người có kiến thức, lại lão luyện sự đời còn không làm gì được, huống chi là Trang Định ! Xin thưa : Cứ xem nó trong lòng lo sợ mà định tự tử, thì việc chế ngự Quý Ly cũng dễ thôi ! Trước hết hãy

1. Năm 1399, Kiến Tân là niên hiệu Trần Thiếu Đế.

trừ bọn Đa Phương, Cự Luận để chặt vây cánh của nó đi, thì thế nó phải cô lập ngay.

Trước đây, bà Lê thị, hoàng hậu của Duệ Tông là mẹ Linh Đức Vương, em họ của Quý Ly, Duệ Tông đi đánh phương Nam không trở về, bà cắt tóc làm ni cô. Khi Duệ Tông lập Linh Đức lên ngôi, hậu từ chối không được, bèn khóc lóc nói với những người thân thích rằng :

“Con ta phúc bạc, khó lòng gánh vác nổi trách nhiệm lớn, nó đến phải tai họa vì việc đó thôi. Tiên hoàng xa lìa cõi thế, kẻ chưa chết này chỉ muốn chết theo, không muốn trông thấy việc đời nữa, huống chi lại phải nhìn thấy con mình sắp bị nguy hiểm nữa”.

Bà mất được hai năm thì Linh Đức [13b] bị hại.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Linh Đức được lập lên là do Nghệ Hoàng, bị phế bỏ cũng do Nghệ Hoàng. Trước không nghe lời bà hoàng hậu Lê thị là vì nghĩa, sau nghe lời gièm của Quý Ly là vì tư tình. Thế thì khi trước lập lên sao sáng suốt thế ! Mà sau phế bỏ sao mà ngu tối thế ! Lại còn thất cớ chết Linh Đức thì thực quá lắm !

Phong Thái úy Ngạc làm Đại Vương.

Trước đó, Linh Đức bị giáng, Quý Ly nói phao là lập Ngạc lên nối ngôi. Đến khi xong công việc, Ngạc từ chối không nhận, Quý Ly nhân dịp ấy tâu rằng :

“Thái úy biết từ chối ngôi báu, đó là đức lớn”.

Thượng hoàng cho lời ấy là phải nên có lệnh này.

Ngày 27, Thượng hoàng lập con út là Chiêm Định Vương Ngung làm Hoàng đế. Ngung lên ngôi, đổi niên hiệu là [14a] Quang Thái năm thứ 1, đại xá, tự xưng là Nguyên Hoàng.

Nhà Minh sai Đỗ Tử Hiền, Ỗ Lân ¹, Hình Văn Bác ² mang sắc rồng sang phong, nhưng Linh Đức đã bị hại rồi. Trước đây sứ phương Bắc tới thì dẫn qua cửa Tường Phù, chỉ có bọn Lân thì qua cửa Cảnh Dương.

1. *Lịch triều hiến chương loại chí* ghi là Sư Lân.

2. Có sách chép là Đặng Văn Bác (*Lịch triều hiến chương loại chí*) hay Du Văn Vĩ (*Minh sử*, 1.321).

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Ngung, là con út của Nghệ Tông, ở ngôi hơn 9 năm xuất gia hơn 1 năm, bị Quý Ly giết, thọ 22 tuổi. Vua chỉ ngồi giữ ngôi không, việc nước trong tay quyền thần, tai họa đến thân mà không biết, thương thay !

Kỷ Ty [*Quang Thái*] năm thứ 2 [1389], (Minh Hồng Vũ năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, lập Thánh Ngẫu, con gái lớn của Quý Ly làm hoàng hậu, gọi chỗ ở là điện Hoàng Nguyên.

Tháng 2, chôn Linh Đức Đại Vương ở núi An Bài, sai Quý Ty trông coi việc ấy.

Tháng 3, lấy Đỗ Tử Trùng làm Ngự sử đại phu.

Mùa hạ, tháng 4, lấy Phạm Cự Luận làm Thiêm thư Khu mật [14b] viện sự.

Quý Ly hỏi thuộc viên Khu mật viện người nào có thể dùng được, Cự Luận tiến cử người em là Phạm Phiếm cùng Vương Khả Tuân, Dương Chương, Hàn Tử Tây, Nguyễn Sùng, Nguyễn Thư, Nguyễn Cảnh Chân, đều có danh tiếng, đức vọng, có thể dùng được, duy Đỗ Tử Mẫn là hơn cả.

Tháng 5, lấy Vương Khả Tuân coi quân Thần Dực ở Ý Yên, Dương Chương coi quân Thần Dũng.

Mùa thu, tháng 8, Nguyễn Thanh, người Thanh Hóa, tự xưng là Linh Đức trốn tránh tai nạn. Dân chúng vùng sông Lương Giang¹ đều hưởng ứng.

Tháng 9, Nguyễn Ky, người Nông Cống, tụ họp bè lũ đi cướp bóc, tự xưng là Lỗ Vương Điền Ky².

Mùa đông, tháng 10, người Chiêm đến cướp Thanh Hóa, đánh vào Cổ Vô³, [thượng hoàng] sai Quý Ly đem quân đi chống giữ. Giặc đắp ngăn thượng lưu sông, quan quân đóng cọc dày đặc để chống cự.

Ngày 20, giặc phục sẵn quân và voi, rồi giả vờ bỏ doanh trại rút về. Quý Ly lựa lấy quân tinh nhuệ, dùng cảm, làm quân cảm tử, truy kích giặc. Thủy [15a] quân mở hàng cọc xông ra đánh. Giặc liền phá đập chặn nước, tung voi trận xông ra. Lúc ấy, quân tinh nhuệ dùng cảm đã đi xa rồi, quân thủy khó tiến ngược dòng,

1. *Lương Giang* : tức sông Lương, hay sông Chu ở Thanh Hóa. Nhưng Lương Giang còn là tên một khu vực có sông Lương chảy qua. Theo *An Nam chí lược* của Lê Trắc thì Lương Giang là một huyện ở phủ lộ Thanh Hóa đời Trần. Đời Trần, Hồ và thuộc Minh, đều có huyện Lương Giang. Đầu thời Lê cũng còn gọi là huyện Lương Giang, mãi đến đầu thế kỷ XVI mới đổi tên là huyện Thụy Nguyên. Về sau là đất huyện Thiệu Hóa, nay là một phần đất huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Điền Ky* : nha tướng nước Tề đời Chiến Quốc. Điền Ky sau chiếm nước Tề.
3. *Cổ Vô* : CMCB11 chú là tên hương.

tiến lên rất khó khăn, vì thế bị thua. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí (có sách chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt sống. 70 tướng còn lại đều bị chết trận. Quý Ly để tỳ tướng Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự với giặc, còn mình thì trốn về. Nguyễn Đa Phương tạm chỉ huy quân Thánh Dực. Đêm đó, Đa Phương bàn với Khả Vĩnh :

“Thế giặc như vậy, bọn ta cô quân, khó lòng cầm cự được lâu. Nếu rút quân về, giặc nhất định thừa cơ đuổi theo”.

Bèn hạ lệnh các quân giăng nhiều cờ xí, buộc thuyền lớn vào cọc, sai người canh giữ, rồi lấy thuyền nhẹ đang đêm trốn chạy. Quý Ly về đến triều đình, xin phái thêm thuyền chiến Châu Kiều nhưng Thượng hoàng không cho, Quý Ly do vậy xin thôi nắm quyền cầm quân, không đi đánh nữa.

[15b] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Quý Ly thân làm đại tướng, có quan hệ tới mỗi an nguy của cả nước, thế mà để đến nỗi thất trận tan quân, tội ấy rất lớn. Đã không lo dốc sức trận sau để chuộc tội lần trước, lại bỏ quân chuẩn về trước để tránh mưu kế của giặc, rồi lại không tự trối mình chịu tội như người xưa vẫn làm. Cái lòng vô quân đã lớn lắm. Cứ theo quân pháp thì hẳn đáng phải tội chết, như trận đánh Thành Bộc, Tử Ngọc để vỡ quân, bị vua Sở giết, tuy cũng là quá, nhưng sau nước Sở mỗi ngày một mạnh và uy lệnh được thi hành. Nghệ hoàng không bắt tội Quý Ly, thế là chính hình đã lỡ lắm rồi. Còn như Đa Phương, Khả Vĩnh vì đem cô quân chống lại giặc mạnh mà phải ngầm rút chạy thì chưa hẳn phải trách cứ nặng nề. Là vì trong việc dùng binh, hễ đánh lui được giặc là có công, đánh không lợi mà rút là không có tội. Dùng kế lừa giặc để lui quân là thuật của nhà binh, có hại gì đâu ? Nghệ Tông không biết [16a] dùng Đa Phương đó thôi.

Tháng 11, Thượng hoàng sai Trần Khát Chân ¹ chỉ huy quân Long Tiệp ra quân đánh giặc.

Khát Chân vâng mệnh, khẳng khái nhổ nước mắt lạy tạ ra đi. Thượng hoàng cũng khóc, lấy mắt tiễn đưa. Quân xuất phát từ sông Lô ², đến Hoàng Giang đã gặp giặc rồi, Khát Chân quan sát chỗ ấy không thể đánh được, mới lui giữ sông Hải Triều ³. Em trai Linh Đức là Nguyên Diệu muốn báo thù cho Linh Đức, đem quân đầu hàng giặc.

1. *Trần Khát Chân* : là dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng.

2. *Sông Lô* thời Trần tức sông Hồng.

3. *Sông Hải Triều* : tức sông Luộc hiện nay, khúc sông chảy qua huyện Phù Tiên, Hải Hưng và huyện Hưng Hà, Thái Bình.

Lấy Nhân Tinh Vương Nguyên Đĩnh, con trai Thái tử Nguyên Trác, làm Tư đồ ; cử Hàn lâm học sĩ Trần Tôn làm Thiếu bảo cùng gia thần là Nguyễn Khang làm phụ tá.

Nguyễn Đa Phương từ sông Ngụ về, cho rằng mình có công cao, có ý lên mặt, thường hay chê Quý Ly là bất tài. Quý Ly liền gièm lại rằng vì nghe Đa Phương mà đến nỗi thất bại. Bèn thu lại số quân do Đa Phương chỉ huy, [16b] Đa Phương vẫn còn vẻ kiêu. Thượng hoàng nói :

“Nên trị tội nhẹ để cảnh cáo hần”.

Quý Ly tâu :

“Đa Phương rất gan góc, tráng kiện, thần sợ hần sẽ trốn sang nước Minh phương Bắc hay Chiêm Thành phương Nam, thả cộp để lại mối họa về sau, chỉ bằng giết đi là hơn”.

Rồi bắt Đa Phương phải tự tử.

Đa Phương than rằng : “Ta vì có tài nên được giàu sang, cũng vì có tài mà đến nỗi chết, chỉ hận là không được chết ở nơi chiến trận mà thôi”.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Đa Phương vào bè với họ Hồ, có lẽ trời mượn cơ đó để giết hần chăng ? Khả Vĩnh sau vì họ Hồ mà giết Thuận Tông, rồi cũng vì việc bè đảng mà chết. Những kẻ a dua phụ họa với loạn thần hãy lấy đó làm gương !

Tháng 12, nhà sư Thiên Nhiên là Phạm Sư Ôn làm phản, hô hào dân chúng tụ họp ở lộ Quốc Oai Thượng, tiến xưng hiệu lớn, lấy Nguyễn Tông Mại người Cổ Sở, Lư Mộ ; Nguyễn Khả Hành người La Xã¹ [17a] làm hành khiển, chiêu tập những bọn không quê quán, lập các quân hiệu Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hận, đánh vào kinh sư.

Hai vua sang châu Bắc Giang. Sư Ôn ở kinh sư ba ngày rồi ra đóng quân ở Nộn Châu². Thượng hoàng sai tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Hoàng Phụng Thế đi đánh, dẹp được.

Trước đó, Phụng Thế (người Hoằng Hóa) cùng thủ tướng Chiêm Thành La Ngai cầm cự nhau ở sông Hoàng Giang, đến đây được lệnh này. [Phụng Thế đưa quân] theo đường ra sông Miệt Giang³. Bấy giờ mùa đông, nước cạn, phải đào khơi dòng chảy cho thuyền chiến đi qua. Đánh một trận, bắt sống được Sư Ôn, Tông Mại, Khả Hành, đều đem giết cả. Còn những kẻ bị cưỡng bức đi theo thì không hỏi đến người nào.

1. *La Xã* : nay là xã Xuân La, huyện Từ Liêm, phía tây Hồ Tây.

2. *Nộn Châu* : thuộc lộ Quốc Oai.

3. *Miệt Giang* : tức sông Châu Cầu ngày nay, là phân lưu của sông Hát, nối với sông Hoàng Giang.

Canh Ngọ, /*Quang Thái*/ năm thứ 3 /1390/, (Minh Hồng Vũ năm thứ 23). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đô tướng Trần Khát Chân đại thắng quân Chiêm Thành ở Hải Triều, giết được chúa của nó là Chế Bồng Nga.

Khi ấy, Bồng Nga cùng với [17b] Nguyên Diệu dẫn hơn một trăm thuyền chiến đến quan sát tình thế của quan quân. Các thuyền giặc chưa tập hợp lại, thì có tên tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê nhân bị Bồng Nga trách phạt, sợ bị giết, chạy sang doanh trại quân ta, trở vào chiến thuyền sơn xanh bảo rằng đó là thuyền của quốc vương hần. Khát Chân liền ra lệnh các cây súng¹ nhất tề nổ đạn, bắn trúng thuyền Bồng Nga, xuyên suốt ván thuyền, Bồng Nga chết, người trong thuyền òn ào kêu khóc. Nguyên Diệu cắt lấy đầu Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thượng đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang liền giết luôn Nguyên Diệu, lấy cả đầu Bồng Nga. Quân giặc tan vỡ.

Khát Chân sai quân giám Lê Khắc Khiêm bỏ đầu giặc vào hòm, đi thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình Than. Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba, Thượng hoàng đang ngủ say, giật mình tỉnh dậy, tưởng là giặc đánh vào ngự doanh. Đến khi nghe tin thắng trận, nói là đã lấy được đầu Bồng Nga thì mừng lắm, cho gọi các quan [18a] tới xem cho kỹ. Các quan mặc triều phục, hô “muôn năm”. Thượng hoàng nói :

“Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được gặp nhau, có khác gì Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ, thiên hạ yên rồi !”.

La Ngai dẫn số quân còn lại đến phía trên bờ sông Lô hỏa táng xác Bồng Nga, rồi ngày đêm đi bộ men theo chân núi, gác đường sạn đạo², nấu cơm trên đó, rồi vừa đi vừa ăn, đem cả quân trở về. Gặp quan quân đuổi đánh thì dừng voi lại, tung tiền bạc của cải ra để quân ta ngừng lại.

Bấy giờ, người Nghệ An vốn ở hai lòng, còn Tân Bình, Thuận Hóa thì phần nhiều làm phản theo Chiêm Thành, cho nên người địa phương phân tán đánh lên khắp nơi, không ai ngăn được. Triều đình tuy đã lấy Lê Khả Chú làm An phủ sứ hai lộ ấy, nhưng chỉ ở kinh sư mà trấn trị từ xa, chứ chưa bao giờ tới quận. Chỉ có thổ hào Phan Mạnh và Phạm Cánh đem dân chúng quy thuận. Mạnh là người can đảm mưu lược, dò biết được nhiều tình hình của giặc, lại có công đón [18b] đánh quân giặc bại trận chạy qua. Thượng hoàng thưởng cho rất hậu, cho làm tới Dực vệ quân, lại thăng làm Uy Minh tướng quân, chỉ huy quân Thánh Dực ở Tân Bình và Thuận Hóa, đeo vân phù vàng.

Tháng 2, vua ngự về Long Hưng, Kiến Xương, Yên Sinh, bãi yết các lãg.

1. Nguyễn văn : “hỏa súng”, chỉ loại súng có nòng kim loại và có nhồi thuốc cháy.
2. Đường men theo núi, phải lấy gỗ bắc sán mà đi.

Xuống chiếu bắt bọn đảng giặc là Nguyên Đĩnh, Nguyễn Động, Nguyễn Doãn, Hoàng Khoa, Nguyễn Khang¹. Những người bị cưỡng bức theo chúng thì không trị tội, Nguyên Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống sông tự tử, Khang thì chạy trốn sang nước Minh, nói dối là con cháu họ Trần, đổi tên là Thiêm Bình.

Lấy Trần Khát Chân làm Long Tiệp phụng thần nội vệ thượng tướng quân, phong tước Vũ Tiết Quan nội hầu. Phạm Khả Vĩnh (người Tây Chân)² làm Xa kỵ vệ thượng tướng quân, phong tước Quan phục hầu. Phạm Lặc, Dương Ngang được thưởng tước 5 tư, thăng Lặc làm Giám cấm vệ đô, ban cho Ngang 30 mẫu ruộng. Còn những người khác thì đều được thăng chức tước theo mức độ khác nhau.

Mùa hạ, tháng 4, tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế [19a], tiên hậu và thụy hiệu cho thần kỳ các nơi.

Tháng 6, ngày 25, mưa bão lớn.

Lấy Chương Tĩnh vương Nguyên Hy, em trai Nguyên Diệu, làm Nhập nội kiểm hiệu tướng quốc bình chương sự. Bấy giờ Chương Tĩnh Vương Nguyên Hy trong lòng không yên³, cho nên có lệnh này.

La Ngai về đến Chiêm Thành, chiếm nước, tự lập làm vua. Con của Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nan và em là Chế Sơn Nô sợ bị giết, liền chạy sang ta. Phong Ma Nô Đà Nam làm Hiệu chinh hầu, Sơn Nô làm A hầu.

Mùa đông, tháng 10, khơi sông Thiên Đức.

Sai thợ đá ở An Hoạch⁴ đào mở cửa hang núi Thiên Kiện và hang núi Khuẩn Mai để lấy tiền của chôn ở đó khi trước. Nhưng bấy giờ cả hai núi đều bị lở, cửa hang bị lấp kín, đào mãi không được, phải bỏ.

Tháng 11, ngày 14, Tư đồ Chương Túc Quốc thượng hầu [19b] Nguyên Đán mất.

Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời xưa. Thượng hoàng thường ngự đến nhà riêng của ông để thăm bệnh và hỏi việc sau này. Nhưng Nguyên Đán đều không nói gì, chỉ thưa :

“Xin bệ hạ kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như con, thì nước nhà vô sự. Tôi dầu chết cũng được bất hủ”.

1. CMCB11 chép là Trần Khang.

2. *Tây Chân* : tên huyện đời Trần và đầu thời Lê. Đến thế kỷ XVII, đổi là Nam Chân. Nay là đất huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

3. *Nguyên Hy* : có hai người anh là Linh Đức (Đê Hiên) và Nguyên Diệu đều bị giết, nên lo ngại không yên.

4. *An Hoạch* : tức làng Nhồi, hay Nhuệ thôn, thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thượng hoàng có làm bài thơ đề trên mộ ông. Nguyên Đán từng làm bài thơ *Thập cảm*¹ có câu rằng :

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,

Bất thức lão nha liên ai phú.

(Đem con mà gửi cho loài quạ,

Chẳng biết quạ già có xót thương ?).

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Làm rõ điều nghĩa mà không mưu lợi, làm sáng đạo lớn mà không kể công, đó là tấm lòng người quân tử. Nguyên Đán là bậc đại thần cùng họ với vua, biết họ Hồ sắp cướp ngôi, cơ nghiệp nhà Trần sắp hết, thế mà không nghĩ đến việc vưng vàng vượt qua gian nan, cùng vui cùng lo với nước, lại đem con mình gửi gắm cho họ Hồ để làm kế về sau². [20a] [Thế là] mưu lợi mà không nghĩ đến nghĩa, bỏ đạo mà chỉ tính đến công, sao gọi là người hiền được ? Hơn nữa, lúc ấy tai họa người Chiêm là việc cần kíp, mà lại bảo yêu Chiêm Thành như con, thờ nước Minh như cha, thì chỉ là câu nói tầm thường chung chung về đạo thờ nước lớn, yêu nước nhỏ, có bổ ích gì cho việc nước lúc đó ? Tiếc rằng học vấn kiến thức của ông biết trước được mọi điều mà lòng nhân thì không giữ được.

Tháng 12, lấy Phạm Thán làm Tri phủ phủ Nghệ An.

Tân Mùi, [Quang Thái] năm thứ 4 [1391], (Minh Hồng Vũ năm thứ 24). Mùa xuân, tháng 2, Lê Quý Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét duyệt quân ngũ, xây sửa thành trì.

Tháng 3, Quý Ly sai viên tướng coi quân Tà Thánh Dục Hoàng Phụng Thế đem quân đi tuần đất Chiêm Thành. Người Chiêm Thành đặt mai phục. Quân Phụng Thế [20b] tan vỡ, [Phụng Thế] bị giặc bắt. Quý Ly sai chém 30 viên đại đội phó dưới quyền của Phụng Thế. Phụng Thế dùng mưu kế thoát về, được phục chức như cũ.

Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly đem quân về.

Tháng 6, Thái úy Trang Định Vương Ngạc trốn ra trang Nam Định. Người trong trang lấy thuyền đưa Ngạc ra trại Vạn Ninh³. Người trại ấy là Dương Đò không nhận. Thượng hoàng sai viên tướng coi quân Ninh Vệ Nguyễn Nhân Liệt

1. *Thập cảm* : có nghĩa là "mười loài chim", thơ vịnh.

2. Bản Chính Hòa mất từ 20 a và b. Chúng tôi dịch theo bản VHV 179/1-9 kho sách Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, BK8, 20a-b.

3. Nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.

đuổi bắt về. Quý Ly ngầm sai Liệt giết đi. Nhân Liệt đánh chết Ngạc rồi về tâu là Ngạc bạo ngược nên đã bị giết. Ngạc bị giáng làm Mẫn Vương. Sau Thượng hoàng tỉnh ngộ lại, hỏi người đuổi bắt Mẫn Vương là ai, Nhân Liệt sợ, thất cổ tự tử.

Trước đó, Thượng hoàng đã phế Linh Đức, định lập Ngạc. Quý Ly dùng mưu đánh lừa, mới lập vua mà gia phong Ngạc làm đại vương, vẫn giữ chức phụ thần. Ngạc có hiềm khích với Quý Ly, nhiều lần bị Quý [21a] ¹ Ly gièm, thành ra sợ hãi nghi hoặc, nên đến nổi thế. Sau Quý Ly cướp nước, giáng Ngạc làm Liệt hiệu phán hầu.

Mùa thu, tháng 8, các tướng Hóa Châu bàn về thế lợi hại. Phan Mạnh nói :

“Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể có hai vua !”.

Chu Bình Khuê nói : “Dương liễu nhiều lời, mọi người ngậm miệng” (chưa rõ câu này nói ý thế nào) ².

Bấy giờ bọn Đặng Tất và Hoàng Hối Khanh ngầm gửi thư cho Quý Ly, Quý Ly cho là họ âm mưu làm loạn. Bình Khuê và Mạnh đều bị giết cả. Lấy Đặng Tất làm Hữu châu phán, Hoàng Hối Khanh làm Chính hình viện đại phu. Ngự sử đại phu Đỗ Tử Trưng không nói gì đến việc ấy. Quý Ly làm thơ gửi cho Trưng, có câu :

Tả vấn Tử Trưng nọa trung uy,

Thư sinh hà nhẫn phụ bình sinh.

(Thư hỏi Tử Trưng trung uy nhất,

Học hành sao nỡ phụ bình sinh ?).

Mùa đông, tháng 12, lấy La Tu làm Tri phủ phủ Thanh Hóa.

Dựng điện Thụy Chương.

[21b] **Nhâm Thân**, [Quang Thái] năm thứ 5 [1392], (Minh Hồng Vũ năm thứ 25). Mùa xuân, tháng 2, giết tôn thất Trần Nhật Chương. Nhật Chương mưu giết Quý Ly, Thượng hoàng cho là có lòng khác, giết đi.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán, xuống chiếu cầu lời nói thẳng.

Bùi Mộng Hoa dâng thư, đại ý nói : “Thần nghe trẻ con có câu hát rằng : ”Thâm hiềm thay Thái sư họ Lê ³ “Xem thế, Quý Ly nhất định có ý dòm ngó ngôi báu”.

1. Từ BK8, 21a, dịch theo bản Chính Hòa.

2. CMCB 11 chú rằng Quý Ly nói nhiều để khóa miệng mọi người.

3. Nguyễn văn : “Thâm tại ! Lê sư”, có nhiều cách hiểu. Ở đây dịch theo cách hiểu của Bùi Mộng Hoa.

Thượng hoàng xem tờ tâu rồi đưa cho Quý Ly. Sau Quý Ly chuyên chính, Mộng Hoa ảm lãnh không ra nữa.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Kinh Dịch nói : Vua không kín thì mất bề tôi¹. Sao cầu được lời nói thẳng rồi lại đưa cho kẻ bị lên án xem ? Nghệ Hoàng đến đây đã già lẫn quá rồi. Mộng Hoa không gặp vua sáng là tự trời, mà cũng là điều bất hạnh cho nhà Trần đó.

Tháng 6, lấy Phạm Cự Luận tri Khu mật viện sự.

Mùa thu, tháng 7, đổi tên cho Lê Nhân [22a] Thống thành [Lê] Cảnh Kỳ, lấy vào chính phủ làm Hành khiển.

Tháng 9, lấy Hà Đức Lân làm Hành khiển tả ty.

Mùa đông, tháng 10, đặt các quan cửa sông và tuần thu ở các xứ để xét bắt trộm cướp, mỗi xứ tùy vị trí xung yếu có thể đặt 3, 4 hay 5 dô².

Phan Phu Tiên nói : Nhà Trần từ sau khi Dụ Tông hoang dâm phóng túng, lại thêm Chiêm Thành xâm lược, quây rối, thì giặc cướp rất nhiều. Chúng cướp của bắt người giữa ban ngày, pháp luật không thể ngăn cấm được. Quý Ly nắm quyền cai trị, tìm cách lòng bắt, mới hạn chế được một phần nào !

Tháng 12, xuống chiếu rằng quân lính và dân thường hề ai trốn việc lao dịch [cho nhà nước] thì phải phạt 4 quan tiền, thích vào gáy 4 chữ, kẻ đầu mục thì xử tội chém, ruộng đất sung công.

Quý Ly soạn sách *Minh đạo* gồm 14 thiên dâng lên.

Đại lược cho Chu Công³ là tiên thánh, Khổng Tử⁴ là tiên sư. Văn Miếu đặt tượng Chu Công [22b] ở chính giữa, nhìn về phương nam⁵, Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương tây. Cho sách *Luận ngữ*⁶ có bốn chỗ đáng ngờ, như Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử⁷, Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần,⁸ Công Sơn, Phất Hất⁹ cho gọi, mà Khổng Tử

1. Nguyên văn : "Quân bất mật tác thất thần", lời của Hệ từ trong *Kinh Dịch* giải nghĩa hào "sơ cửu" quẻ Tiết.
2. CMCB tr.10 chú rằng : Mỗi dô là 30 người.
3. *Chu Công* : tức Chu Công Đán, con Văn Vương, người định ra quan chế, lễ nhạc. Đời sau nói đến lễ, nhạc, phần nhiều nhắc đến Chu Công.
4. *Khổng Tử* : tên là Khâu, tên tự là Trọng Ni, người nước Lỗ thời Xuân Thu, đã soạn *Lục kinh*, là sách kinh điển của Nho giáo, trở thành ông tổ của nho gia.
5. Tượng trưng cho ngôi vị của thiên tử.
6. *Luận ngữ* : là sách ghi những lời của Khổng Tử, do học trò của ông biên tập, được coi là sách kinh điển của nho gia.
7. Xem *Luận ngữ* thiên *Ung dã*, Nam Tử là vợ Vệ Linh Công, đẹp nhưng rất dâm dật.
8. Xem *Luận ngữ*, thiên *Vệ Linh Công*. Khổng Tử từ nước Vệ sang nước Trần, dọc đường bị hết lương ăn, người đi theo đói đến nỗi không đứng dậy được.
9. Xem *Luận ngữ*, thiên *Dương hoa*. Công Sơn tức Công Sơn Phất Nhiêu, làm quan tể của họ Quý, giữ ấp Phí làm phản. Phất Hất là quan tể ấp Trung Mâu, gia thân của quan đại phu Triệu Giản Từ nước Tấn.

đều muốn tới giúp... Cho Hàn Dũ là “đạo nho”¹; cho bọn Chu Mậu Thúc², Trình Di³, Dương Thì⁴, La Trọng Tổ⁵, Lý Diên Bình⁶, Chu Tử⁷, tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thao cốp nhặt [văn chương người xưa]. Thượng hoàng ban chiếu dụ khen.

Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôì dâng thư nói bàn thế là không phải, bị dày di châu gần.

(Xuân Lôì người xã Ba Lỗ, huyện Tân Phúc⁸ là người thông minh, nhanh trí, hiểu biết, có kinh nghiệm, sau làm quan đến Trung thư hoàng môn thị lang kiêm tri Ái Châu thông phán, chết tại chức). [Xuân Lôì] khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Đạo của tiên thánh nếu không có Khổng Tử thì không ai phát huy được ; hậu [23a] thánh sinh ra, nếu không có Khổng Tử thì không còn ai làm khuôn phép nữa. Từ khi có sinh dân đến nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử, thế mà Quý Ly lại dám khinh suất bàn về ngài thì thực là không biết lượng sức mình

Quý Dật, [Quang Thái] năm thứ 6 [1393], (Minh Hồng Vũ năm thứ 26). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Hồ Cương coi quân Tả Thánh Dực (Cương người Diễn Châu). Quý Ly ngầm tìm được dòng dõi họ Hồ, muốn đổi theo họ cũ, đưa Cương ra làm người tâm phúc.

Tháng 2, thi thái học sinh, cho đỗ 30 người, là bọn Hoàng Quan Chi, Lê Vĩ Tảo, Mai Tú Phu, Đồng Thúc...

Mùa hạ, tháng 4, thi lại viên.

Tháng 6, hạn hán.

Mùa thu, tháng 7, gió dữ, mưa lớn.

Tháng 8, động đất, nước to.

1. *Hàn Dũ* : tên tự là Thoại Chi, cũng gọi là Hàn Xương Lễ, người Nam Dương, là một danh nho đời Đường.
2. *Chu Mậu Thúc* là tên tự của Chu Đôn Di đời Tống, hiệu là Liêm Khê tiên sinh, soạn Thái cực đồ và sách Thông thư, là ông tổ của phái Lý học.
3. *Trình Hiệu, Trình Di* : là hai anh em, học trò Chu Đôn Di. Trình Hiệu, hiệu là Minh Đạo tiên sinh, có san định lại sách *Tĩnh lý* và thuyết *Thái cực đồ*. Trình Di, hiệu là Chính Thúc, hiệu là Y Xuyên tiên sinh, là em Trình Hiệu, có làm truyện cho kinh *Dịch* và kinh *Xuân thu*.
4. *Dương Thì* : tên tự là Trung Lập, hiệu là Quý Sơn tiên sinh, học trò của Trình Di.
5. *Trọng Tổ* : là tên của La Tung Ngạn, hiệu là Dục Chương tiên sinh, học trò Dương Thì. Ông ở ẩn, đọc sách, không ra làm quan.
6. *Lý Diên Bình* : tức Lý Đồng, tên hiệu là Diên Bình tiên sinh, là học trò La Tung Ngạn và là thầy học Chu Hy, nổi tiếng về lý học.
7. *Chu Tử* : tức Chu Hy, tên tự là Nguyên Hối (sau đổi là Trọng Hối, khi mất được tôn tự ở Văn Miếu nên gọi là Chu Tử, là người tập đại thành của phái Lý học đời Tống).
8. *Huyện Tân Phúc* : sau là huyện Đa Phúc, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tháng 9, có sâu lúa.

Mùa đông, tháng 10, đem công chúa Thái Dương¹ gả cho Thái bảo Hăng. Thái Dương là hoàng hậu của Linh Đức. Từ khi Linh Đức bị hại, Thượng hoàng định chọn người chồng hiền gả cho. Thái Dương nhân đi chơi [23b] Hồ Tây, thông dâm với Phủ quân ty là Nguyên Uyên (con của Cung Tín Vương Thiên Trạch). Thượng hoàng giận, đem gả cho Hăng là em Nguyên Uyên để làm nhục.

Giáp Tuất, [Quang Thái] năm thứ 7 [1394], (Minh Hồng Vũ năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, thuyền buôn nước Chà Bà² tới dâng ngựa lạ.

Tháng 2, Thượng hoàng sai thợ vẽ tranh Chu Công giúp Thành Vương³, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế⁴, Gia Cát giúp Thục Hậu chúa⁵, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông⁶, gọi là tranh “Tứ phụ”⁷, ban cho Quý Ly, để giúp quan gia⁸ cũng nên như thế.

Tháng 3, Thượng hoàng chiêm bao thấy Duệ Tông đem quân đến và đọc bài thơ như sau :

Trung gian duy hữu xích chủy hầu.

Ân cần tiếm thượng bạch kê lâu.

Khẩu vương dĩ định hưng vong sự.

Bất tại tiền đầu tại hậu đầu.

(Ở giữa chỉ có loài mò dõ,

Lăm le lẩn lén lâu gà trắng,

Khẩu vương đã định việc hưng vong

Không ở trước mà ở về sau).

Thượng hoàng tự mình chiết tự đoán là : “xích chủy”⁹ là Quý Ly “bạch kê” là Thượng [24a] hoàng, vì thượng hoàng tuổi tân dậu¹⁰ ; “khẩu vương” là chữ

1. CMCB 11 chép là Thiên Huy công chúa, con gái thượng hoàng.

2. Tức Ja-va (In-đô-nê-xi-a).

3. Chu Công Đán là quan chưởng tể nhà Chu. Chu Vũ Vương Phát chết, con là Thành Vương Tung lên nối ngôi lúc 13 tuổi. Chu Công phải trông coi mọi việc, giúp Thành Vương đến lúc trưởng thành.

4. Hoắc Quang giữ chức Đại tư mã tướng quân, phò Hán Chiêu Đế lúc lên ngôi mới 9 tuổi.

5. Gia Cát Lượng tức Khổng Minh, là thừa tướng của Chiêu Liệt Đế Lưu Bị nước Thục đời Tam Quốc. Lưu Bị chết, con là Lưu Thiện nối ngôi, tức Thục Hậu chúa, mọi việc nước, việc quân đều phải trông cậy vào Gia Cát Lượng.

6. Tô Hiến Thành là Thái úy triều Lý Cao Tông, nhận di mệnh Cao Tông phò vua nhỏ là Long Cán lên ngôi mới 3 tuổi.

7. *Tứ phụ* : nghĩa là bốn viên đại thần giúp vua khi mới lên ngôi.

8. Chỉ Thuận Tông.

9. *Xích Chủy* : nghĩa là môm dõ, niệng dõ, hay dõ mò. Xích chủy hầu là loài dõ mò ám chỉ Lê Quý Ly.

10. *Bạch kê* : nghĩa là gà trắng. Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, tức năm gà. Tân thuộc hành kim, loài kim sắc trắng. Vì thế “bạch kê” ám chỉ Nghệ Tông.

“quốc”¹ ; việc nước còn hay mất sau sẽ thấy. Thượng hoàng suy nghĩ về giấc chiêm bao này lung lăm, nhưng thế không thể làm gì được nữa.

Mùa hạ, tháng 4, sau hội thề², thượng hoàng gọi Quý Ly vào cung, ung dung bảo rằng :

“Bình chương³ là họ thân thích nhà vua, mọi việc nước nhà đều trao cho khanh cả. Nay thế nước suy yếu, trăm thì già nua. Sau khi trăm chết, quan gia nếu giúp được thì giúp, nếu hèn kém ngu muội thì khanh cứ tự nhận lấy ngôi vua”.

Quý Ly bỏ mũ, rạp đầu khóc lóc từ tạ, chỉ trời vạch đất thề rằng :

“Nếu thần không biết dốc lòng trung, hết sức giúp Quan gia đề truyền đến con cháu về sau thì trời sẽ ghét bỏ thần”.

Quý Ly lại nói : “Lúc Linh Đức Vương làm điều thất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì thần đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được tới ngày nay ! Thần dù nát thịt tan xương cũng chưa hề báo đáp lấy một trong muôn phần ơn đức đó, dám đâu lại có lòng khác !”.

Mùa thu, tháng 7, lấy Phùng [24b] Cự làm Kinh sư doãn, đổi thành Trung đô doãn.

Tháng 8, lấy Hoàng Hối Khanh làm An phủ sứ lộ Tam Đài.

Mùa đông, tháng 11, bãi bỏ Đăng văn kiểm pháp viện, đặt Thượng lâm tự. Lấy Lê Nguyên Trừng con cả của Lê Quý Ly làm Phan tư sự. Tháng 12, ngày 15, Thượng hoàng băng, táng vào Nguyên Lăng ở Yên Sinh, miếu hiệu là Nghệ Tông, tên thụy là Quang Nghiên Anh Triết. Hoàng Đế.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Nghệ Tông tính trời hòa nhã, giữ lòng kính cẩn, lo sợ. Nhưng uy vũ không đủ để đánh lui giặc ngoài⁴, sáng suốt không đủ để phân biệt lời gièm, có một Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao việc nước cho người họ ngoại⁵, khiến xã tắc nhà Trần đi đến sụp đổ, thực là “dằng trước có kẻ siểm nịnh mà không thấy, dằng sau có giặc cướp mà không [25a] hay”⁶.

Ất Hợi, [Quang Thái] năm thứ 8 [1395], (Minh Hồng Vũ năm thứ 28). Mùa xuân, tháng 2, ngày 20, bỏ huy chữ “nguyệt” 月 và chữ “nam” 南, cho dùng chữ cũ.

1. Chữ vương 王 ở trong lòng chữ khẩu 口 là chữ “quốc” 國.

2. Theo tục nhà Trần, hằng năm vào ngày mùng 4 tháng 4, vua hội họp bề tôi làm lễ tuyên thệ ở đền Đông Cô. (Xem *Bản ký*, quyển 5, Kiến Trung năm thứ 3, 1277).

3. Chỉ Quý Ly.

4. Chỉ Chiêm Thành.

5. Chỉ Lê Quý Ly.

6. Lời Đồng Trọng Thư trong sách *Hán thư*. Nguyên văn : “Tiền hữu sàm nịnh bất kiến, hậu hữu tặc nhi bất tri”.

Quý Ly giết người tôn thất là Phủ quân ty Nguyên Uyên và con thứ của Cung Chính Vương Sư Hiền là Nguyên Dân, vì hai người này trong khi để tang Nghệ Tông hay nói đến chuyện Nhật Chương¹. Lại giết cả sĩ nhân Nguyễn Phù. Sư Hiền giả diếc thoát chết. Tước bỏ họ Trần của Nguyên Uyên, đổi thành họ Mai. Theo lệ cũ : người tôn thất có tội nặng phải tước bỏ họ cũ, đổi gọi là họ Mai.

Lấy Quý Ly làm Nhập nội phụ chính thái sư bình chương quân quốc trọng sự, Tuyên Trung vệ quốc đại vương, đeo lân phù vàng.

Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, đài gọi là “Họa lưu”². Quý Ly nhân biên chép thiên *Vô dật*³, dịch [25b] ra quốc ngữ để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế⁴.

Tháng 6, cấm các quan không được dùng áo thụng tay, chỉ cho phép dùng áo hẹp tay. Dân gian chỉ được dùng trong dịp ngày chay, ngày giỗ. Đồ dùng không được mạ vàng, sơn son.

Nhà Minh sai bọn Nhâm Hanh Thái sang đòi 5 vạn quân, 50 cô voi, 50 vạn thạch lương đưa đến biên giới để dùng vào việc quân.

Khi ấy, người Minh đánh các man làm phản ở Long Châu và châu Phụng Nghĩa⁵, ngầm bày kế ấy, hòng lấy cơ số lương thực nộp không đủ, để bắt người nước ta. Hanh Thái mật báo cho ta biết. Ta thạc cơ không cung cấp quân lính và voi chiến, chỉ cấp một ít lương thực sai quan đưa đến Đồng Đăng rồi trở về.

Nhà Minh lại sai sứ sang đòi nhà sư, phụ nữ xóa bóp, người bị thiên, ta đưa sang mỗi loại một ít.

Mùa đông, tháng 12, lấy Lương Nguyên Bưu làm Hành khiển, tri [26a] Đại tông chính ; Hà Đức Lân làm nhập nội hành khiển môn hạ tả ty ; Hoàng Hối Khanh làm Phát vận ty ; Phạm Cự Luận làm Tham mưu quân sự kiêm Khu mật viện sự.

Bính Tý, /*Quang Thái*/ năm thứ 9 /1396/. (Minh Hồng Vũ năm thứ 29). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu sa thải các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở xuống, bắt phải hoàn tục. Lại thi những người thông hiểu kinh giáo, ai đỗ thì cho làm Đường đầu thủ⁶, tri cung, tri quan, tri tự, còn thi cho làm kẻ hầu của người tu hành.

1. Nhật Chương mưu giết Quý Ly, bị Nghệ Tông giết (Việc chép vào năm Quang Thái thứ 5, 1392).
2. *Sảnh, đài* : là Trung thư sảnh và Ngự sử đài. *Họa lưu* : là nhà ở của đại thần thân cận vua.
3. Một thiên trong sách *Thượng thư* được coi do Chu Công Đán soạn ra để răn dạy Thành Vương nhà Chu. “Vô dật” có nghĩa là chớ có lơ đãng, an nhàn. Nội dung của thiên này là làm vua nên chăm lo chính sự, hiểu nỗi khó nhọc của dân, không nên đánh thuế nặng....
4. Nghĩa là giúp vua trị nước kiêm việc dạy bảo vua.
5. *Long Châu* và *Phụng Nghĩa* : đều thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
6. CMCB 11 chép là *Tăng đường đầu mục*, có lẽ là một chức đứng đầu một bộ phận nhà sư.

Tháng 3, xét duyệt quân ngũ.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu phát [tiền giấy] Thông bảo hội sao. In xong, ra lệnh cho người đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy.

Thẻ thức [tiền giấy] : từ 10 đồng về rồng, từ 30 đồng về sóng, từ 1 tiền về mây, từ 2 tiền về rùa, từ 3 tiền về lân, từ 5 tiền về phượng, từ 1 quan về rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất, tài sản tịch thu.

Cấm [26b] tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, tất cả thu hết về kho Ngao Tri ở kinh thành và trị sở các xứ. Kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả.

Xuống chiếu qui định cách thức thi chọn nhân tài, dùng thẻ văn bốn kỳ, bãi bỏ phép viết ám tả cổ văn.

Kỳ thứ nhất thi một bài kinh nghĩa có các phần phá đề, tiếp ngữ, tiểu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận, từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ hai thi một bài thơ Đường luật, một bài phú cổ thể, hay thể Ly tao, thể Văn tuyển, cũng từ 500 chữ trở lên. Kỳ thứ ba thi một bài chiếu theo thể Hán, một bài chế, một bài biểu theo thể tứ lục đời Đường. Kỳ thứ tư một bài văn sách, ra đề thi theo kinh, sử hay thời sự, mỗi bài phải 1.000 chữ trở lên. Cứ năm trước thi hương thì năm sau thi hội, người đỗ thì vua thi 1 bài văn sách để xếp bậc.

Tháng 6, quy định [27a] kiểu mũ áo các quan văn võ : Quan nhất phẩm (áo) màu tía ; nhị phẩm màu đỏ thẫm ; tam phẩm màu hồng nhạt ; tứ phẩm màu xanh lục ; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu xanh biếc ; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh. Duy nội thị thì dùng quần hai ống, không dùng xiêm. Người không có phần hàm và hạng hoàng nô thì dùng màu trắng. Các tòng quan chức tước từ lục phẩm trở lên dùng mũ cao sơn ¹, chánh lục phẩm được thất đai, đi hia. Về sắc mũ, chánh thì sắc đen, tòng thì sắc xanh. Người tôn thất thì đội mũ phương thẳng màu đen. Võ quan, tước lục phẩm đội mũ chiết xung, tước cao mà không có chức thì thất đai, đội mũ giác đỉnh, từ thất phẩm trở xuống đội mũ thái cổ ² ; tòng thất phẩm đội mũ toàn hoa. Vương hầu đội mũ viễn du ³ ; ngự sử đài đội mũ khước phi ⁴. Những quy chế về tiền giấy, về mũ áo trên đây đều làm theo lời của thiếu bảo Vương Nhữ Chu cả.

1. *Mũ cao sơn* : cũng chế như kiểu mũ viễn du, nhưng không lõm xuống, đứng thẳng, không có ống suốt tháo ra lắp vào.
2. *Mũ thái cổ* : theo *Lễ ký*, là mũ của người mới gia quan, mũ vải thẫm.
3. *Mũ viễn du* : theo *Dư phục chí* trong *Hậu Hán thư* thì kiểu mũ này cũng như mũ thông thiên, cao 9 tấc, thân mũ thẳng, đỉnh mũ hơi lõm, thẳng chỗ lõm xuống ấy làm một vòng sắt (cầu mũ), nằm ngang trước vòng sắt có cái ống suốt ngang để tháo hoặc lắp vòng sắt ấy.
4. *Mũ khước phi* : chế như kiểu mũ trường quan, cao 7 tấc, rộng 5 tấc, làm bằng cật tre, nhưng bên dưới có lại.

Mùa thu, tháng 8, sai tướng chỉ huy quân Long Tiệp là Trần Tùng đi đánh Chiêm Thành, bắt được tướng nước ấy là Bồ Đông đem về, ban cho họ tên là Kim [27b] Trung Liệt, chỉ huy quân Hồ Bôn.

Sau này, vào năm Bình Tuất, khi phòng ngự thành Đa Bang, [Trung Liệt] dâng kế sách đưa quân lên biên giới đón đánh, không cho quân giặc tiến vào đất ta, không để chúng ý vào trường bình và thông được đường tiến quân. Nhưng các tướng không theo kế ấy. Bồ Đông bị bệnh rồi chết.

Mùa đông, tháng 10, lấy Hồ Cương làm Đại tri châu lộ Diên Châu, Đặng Tư Thành làm Phán châu sự.

Tháng 11, Quý Ly làm sách *Quốc ngữ Thi nghĩa*¹ và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Từ sau khi Mạnh Tử mất, người làm thầy đều chỉ chuyên dạy môn của mình, người đi học cũng chỉ học riêng theo một học thuyết. Nguồn chia, dòng tách, sai một ly đi một dặm ! Có khi thì chảy tách thành một dòng khác, có khi lại quay giáo mà đánh lẫn nhau, không sao quay về một mối được ! Những học giả đáng [28a] ca ngợi, tuy gọi bậc đại nho cũng không tránh khỏi còn có tỳ vết nhỏ, chưa có ai là được hoàn hảo cả.

Chu Tử sinh vào cuối đời Tống, kế tiếp công việc chú giải lục kinh² của các nhà nho Hán, Đường, ngược dòng tìm nguồn, hiểu được ý của thánh nhân ở các bộ kinh để lại, rõ được đạo thánh nhân ở những lời huấn giải, vắt óc nghiền ngẫm, lý và tâm dung hợp. Ông giải thích thì tường tận, chỉ dẫn thì xa rộng, thực là tập đại thành của các tiên nho và cũng là khuôn mẫu cho những kẻ hậu học. Huống chi lại có Trình Tử xướng ở trước, và Chu Tử bổ sung chỗ chưa hoàn hảo ở sau, thì nghĩa đã tinh lắm rồi. Người sau mà có trước tác, thì cũng chỉ là mở mang cho rộng thêm, tô chuốt cho bóng thêm, có thể mà thôi, sao lại được chê bai bần cãi ?

[28b] **Đinh Sửu**, [Quang Thái] năm thứ 10 [1397], (Minh Hồng Vũ năm thứ 30). Mùa xuân, tháng giêng, sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sử lệnh Đỗ Tĩnh (có sách chép là Mẫn) đi xem đất và đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hóa, đắp thành đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố, có ý muốn dời kinh đô đến đó, tháng 3 thì công việc hoàn tất.

1. *Quốc ngữ Thi nghĩa* : Giải thích Kinh Thi bằng quốc ngữ hay dịch Kinh Thi ra quốc ngữ (chữ Nôm).
2. Chỉ 6 bộ sách kinh điển của nhà Nho là Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân thu và Kinh Nhạc.

Trước đó, triều đình bàn bạc chưa xong, hành khiển Phạm Cự Luận khuyên nên thôi.

Quý Ly nói : “Ý ta đã định từ trước rồi, người còn nói gì nữa !”.

Đến đây thì thực hiện.

Lúc ấy, Khu mật chủ sự Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can, đại ý nói : Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ¹ có núi Tân Viên, có sông Lô nhĩ², núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất ấy làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước : khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp dầu... Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà. An [29a] Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh, ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu : “Cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm”³.

Quý Ly không nghe. Sau đến kỳ xét công Quý Ly thấy có tên Nhữ Thuyết liền nói :

“Người này từng nói cốt ở đức không cốt ở hiểm”.

Rồi phé bỏ không dùng.

Phan Phu Tiên nói : Tào Tháo dời kinh đô đến đất Hứa, nắm lấy thiên tử để sai khiến chư hầu, cơ nghiệp nhà Hán chìm đắm thực là bắt đầu từ đó. Quý Ly dời kinh đô đến An Tôn, giết vua và diệt họ vua, cơ nghiệp nhà Trần bị sụp đổ, chả lẽ không phải bởi đó hay sao ? Tuy nhiên, bọn loạn thần tặc tử đời nào mà chẳng có chúng ? Cốt ở người làm vua phải cương quyết mà xử đoán, sáng suốt mà tra xét để không có mối lo về sau thôi.

Mùa hạ, tháng 4, đổi trấn Thanh Hóa thành trấn Thanh Đô ; trấn Quốc Oai thành trấn Quảng Oai ; trấn [29b] Đà Giang thành trấn Thiên Hưng ; trấn Nghệ An thành trấn Lâm An ; trấn Trường Yên thành trấn Thiên Quan ; trấn Lạng Giang thành trấn Lạng Sơn ; trấn Diên Châu thành trấn Vọng Giang ; trấn Tân Bình thành trấn Tây Bình. Bãi các chức đại, tiểu tư xã, đại toát, còn chức quản giáp vẫn theo quy chế cũ.

Định quy chế quan lại trấn nhậm bên ngoài.

1. *Long Đỗ* : chỉ Thăng Long. Truyền thuyết kể rằng lúc Cao Biền nhà Đường mới đắp thành Đại La, thấy thần nhân hiện lên xưng là thần Long Đỗ. Đại La từ đời Lý, đổi là Thăng Long. Do đó người ta thường gọi Thăng Long (Hà Nội ngày nay) là đất Long Đỗ.
2. *Sông Lô* : hay sông Nhị, là sông Hồng ngày nay.
3. Nguyễn văn “Tại đức bất tại hiểm” là câu của Ngô Khởi, một danh tướng đời Chiến Quốc nói với Ngụy Vũ hầu.

Lộ đặt chức An phủ sứ và An phủ phó sứ. Phủ đặt chức Trấn phủ sứ và Trấn phủ phó sứ. Châu đặt chức Thông phán và Thiêm phán. Huyện đặt chức Lệnh úy và Chủ bạ để cai trị. Lộ thống nhiếp phủ, phủ thống nhiếp châu, châu thống nhiếp huyện. Các việc hộ tịch, tiền thóc, ngục tụng đều làm chung thành sổ sách của một lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để làm bằng cứ mà khảo xét. Lại đặt các phủ đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản và ty thái thú để trông coi.

Lấy Phó tướng Lê Hán Thương coi phủ đô hộ lộ Đông Đô ; Thái bảo Trần Hãng coi phủ đô thống lộ Bắc Giang ; Trần Nguyên Trữ ¹ [30a] coi phủ đô thống lộ Tam Giang ; thiếu bảo Vương Nhữ Chu làm tri Thiên Trường phủ lộ quân dân sự ; Hành khiển Hà Đức Lân làm hành Tân Yên phủ lộ thái thú. Lại đặt chức giáo thụ và giám thư ở các châu trấn.

Tháng 5, xuống chiếu rằng :

“Đời xưa, nước có nhà học, dăng có nhà tự, toại có nhà trường ² là để tỏ rõ giáo hóa, giữ gìn phong tục, ý trăm rất chuộng như vậy. Nay quy chế ở kinh đô đã đủ, mà ở châu, huyện thì có thiếu, làm thế nào rộng đường giáo hóa cho dân ? Nên lệnh cho các phủ lộ Sơn Nam, Kinh Bắc ³, Hải Đông, đều đặt một học quan, ban cho quan điền ⁴ theo thứ bậc khác nhau : phủ châu lớn thì 15 mẫu, phủ châu vừa 12 mẫu ⁵, phủ châu nhỏ 10 mẫu để chi dùng cho việc học trong phủ châu mình (một phần để cúng ngày mùng một, một phần cho nhà học, một phần cho đèn sách). Lộ quan và quan đốc học hãy dạy bảo học trò cho thanh tài nghệ, cứ đến cuối năm thì chọn [30b] người ưu tú tiến cử lên triều đình, trăm sẽ thân hành thi chọn và cất nhắc”.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Bấy giờ có chiếu lệnh này, còn gì tốt đẹp bằng thế nữa ? Nhưng lệnh này không thấy thi hành, vì không phải là bản ý của vua, mà vì Quý Ly muốn làm việc cướp ngôi, mượn việc ấy để thu phục lòng người mà thôi.

Tháng 6, xuống chiếu hạn chế danh điền ⁶.

Đại vương và trưởng công chúa thì số ruộng không hạn chế ; đến thứ dân thì số ruộng là 10 mẫu. Người nào có nhiều nếu có tội, thì cho tùy ý được lấy ruộng

1. Bản dịch cũ (t.II, tr.201) chép là Trần Nguyên Hân và chú là CMCB 11 chép là Trần Nguyên Hân. Nhưng thực ra *Cương mục* ở chỗ này vẫn ghi là Trần Nguyên Trữ coi phủ đô thống Tam Giang.
2. *Dăng* : là một đơn vị hành chính đời xưa gồm 50 nhà ; *toại* tương tự như làng, xã ; *tự* và *trường* đều là tên trường học.
3. Đây là tên đất thời Lê chứ không phải tên đất đời Trần. Có thể lời chiếu được chép lại không đúng nguyên văn.
4. *Quan điền* : tức ruộng công.
5. Bản dịch cũ chép là 11 mẫu và chú là CMCB 11 ghi 12 mẫu.
6. *Danh điền* : là ruộng có người đứng tên, tức ruộng tư.

để chuộc tội, bị biếm chức hay mất chức cũng được làm như vậy. Số ruộng thừa phải hiến cho nhà nước.

Trước kia, các nhà tôn thất thường sai nô tỳ của mình đắp đê bói ở bờ biển để ngăn nước mặn, sau hai ba năm, khai khẩn thành ruộng, cho họ lấy lẫn nhau và ở ngay đấy, lập ra nhiều ruộng đất tư trang, cho nên có lệnh này.

Hữu thiêm tri chính sự [31a] hành Khu mật viện sự Phạm Cự Luận chỉ huy quân Thần Sách đánh bọn giặc cỏ áo đỏ ở trấn Tuyên Quang, thua trận bị chết, được tặng Tả bộc xạ (Cự Luận người huyện Đường An ¹). Lấy Hành khiển Đỗ Thế Mãn thay làm Kinh lược sứ Tuyên Quang.

Mùa đông, tháng 11, Quý Ly bức vua dời kinh đô đến phủ Thanh Hóa.

Vua đi Yên Sinh bái yết các lăng trước, rồi tới hành tại ở hương Đại Lại gọi là cung Bảo Thanh. Cung nhân Trần Ngọc Cơ và Trần Ngọc Kiểm nói mật với vua là dời kinh đô thế nào cũng có việc cướp ngôi. Quý Ly nghe được, cho rằng viên miếu lệnh Lê Hợp, viên phụ đạo Hữu Lũng ² là Lương Ông cùng đồng mưu, đem giết cả.

Hành khiển đồng tri Đại tông chính tự Lương Nguyên Bưu dỡ gạch ngói, gỗ lớn ở các cung điện Thụy Chương, Đại An, giao hết cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở tới kinh đô mới, gặp bão chìm [31b] đắm mất quá nửa.

Nhà Minh đưa hai người tộc họ nhà Nguyễn là Đại Hồ và Tiểu Hồ sang an trí ở nước ta. Cho Đại Hồ tên là Địa Phục Cơ, Tiểu Hồ tên là Địa Bảo Lang.

Tướng Chiêm Thành là Chế Đa Biệt cùng với em là Mộ Hoa Từ Ca Diệp đem cả nhà sang hàng. Ban tên cho Đa Biệt là Đại Trung, phong làm Kim Ngô vệ tướng quân, Ca Diệp làm Cẩm vệ đô, đều ban họ Đinh, lại cho trấn thủ Hóa Châu để chống giữ Chiêm Thành.

Mậu Dần, Quang Thái năm thứ 11 /1398/, (từ tháng 3 trở đi là Thiệu Đế Kiến Tân năm thứ 1, Minh Hồng Vũ năm thứ 31). Mùa xuân, tháng 3, ngày 15, Lê Quý Ly bức vua phải nhường ngôi cho hoàng tử An ³.

Quý Ly có ý cướp ngôi, nhưng đã trót thề với Nghệ Hoàng rồi, sợ trái lời thề, bèn ngầm sai đạo sĩ Nguyễn Khánh ra vào trong cung, thuyết phục vua rằng :

1. *Đường An* : tức huyện Bình Giang về sau, nay là một phần đất huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng.
2. Nguyên văn là chữ "hữu", nhưng chắc là chữ "cô", *Cương Mục* cũng chép là Cô Lũng. Cô Lũng là tên đời Trần, đến đời Lê mới đổi là Hữu Lũng, nay là huyện Hữu Lũng, thuộc tỉnh Lạng Sơn.
3. Nguyên văn là chữ, 安 không có loại từ điển nào có chữ này. Tên vua nhà Trần thường có bộ nhật, hoặc hóa. Ở đây, tên vua là An và thêm bộ hóa.

"Cõi tiên thanh nhã thơm tho, khác hẳn phàm trần. [32a] Liệt thánh triều ta chỉ thờ đạo Phật, chưa có ai đi theo chân tiên. Bệ hạ được tôn ở ngôi cửu ngũ ¹, nhưng muôn việc khó nhọc, chỉ bằng truyền ngôi cho Đông cung ² để giữ khí hư hòa".

Vua nghe lời, rồi Khánh làm lễ tâu ghi vào sổ phụng đạo vào cõi tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại, mời vua tới ở đó. Vua bèn nhường ngôi cho hoàng thái tử. Tờ chiếu nhường ngôi đại lược nói :

"Trẫm sớm mộ huyền phong ³, không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc ⁴. Đức kém làm giữ ngôi cao, thực khó lòng kham nổi. Huông chi tâm bệnh thường hay phát ra, việc tông miếu và chính sự do đấy đều bị trở ngại. Lời thề nguyên trước, trời đất quỷ thần đều đã nghe. Nay phải nhường ngôi để giữ mãi cơ đồ to lớn, Hoàng thái tử An hãy lên ngôi Hoàng đế. Phụ chính thái sư Lê Quý Ly lấy danh nghĩa Quốc tổ ⁵ giữ quyền nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thanh để thỏa ý nguyên từ trước".

[32b] Hoàng thái tử An lên ngôi ở cung Bảo Thanh, đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ 1. Đại xá. Tôn Khâm Thánh hoàng hậu là Hoàng thái hậu.

Khi ấy thái tử mới lên 3 tuổi, nhận truyền ngôi không biết lay. Quý Ly sai thái hậu lay trước cho thái tử lay theo.

Quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương. Bản văn thì đề là Trung thư thượng thư sảnh phụng nhiếp chính cai giáo hoàng đế thánh chỉ v.v...

Ngày hôm ấy, lên ngự điện ở kinh đô mới. Lễ mừng xong, ban yến cho các quan từ ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai, con gái dạo xem ở cửa nam thành cả ngày lẫn đêm.

Ra lệnh cho những người có ruộng phải khai báo số mẫu ruộng.

Hành khiển Hà Đức Lân nói kín với người nhà rằng : "Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân thôi". Quý Ly nghe được, giáng Lân làm Hộ bộ thượng thư.

1. Hào Cửu ngũ của quẻ Kiền trong Kinh Dịch nói : "Long phi tại thiên, lợi kiến đại nhân" được coi là điềm xuất hiện vua giỏi, nên "ngôi cửu ngũ" là chỉ ngôi vua.

2. Tức thái tử.

3. Huyền phong : là phong cách thanh tao, ở đây chỉ đạo giáo.

4. Hoàng ốc : loại xe vua ngự, ngoài bọc lụa sắc vàng. Nền hoàng ốc cũng dùng để chỉ ngôi vua.

5. Quốc tổ : tức là tổ phụ (ông) của vua. Vợ Thuận Tông là con gái trưởng Quý Ly. Quý Ly là ông ngoại của Thiếu đế An.

Lại ra lệnh cho dân phải nêu rõ họ tên cắm ở trên ruộng. Quan lộ, phủ châu, huyện [33a] cùng khám xét, đo đạc, lập thành sổ sách, 5 năm mới xong. Ruộng nào không có giấy khai báo hay cam kết thì lấy làm quan điền ¹.

THIỆU ĐẾ

Tên là An, là con trưởng của Thuận Tông, ở ngôi 2 năm, Quý Ly cướp ngôi, phế làm Bảo Ninh Đại Vương.

Phụ : HỒ QUÝ LY và HÁN THƯƠNG

Quý Ly tên tự là Lý Nguyên, tự suy tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang, đời Hậu Hán thời Ngũ Quý ² sang làm Thái thú Diên Châu. Sau đó, làm nhà ở hương Bào Đột châu này, rồi là trại chủ. Đến đời Lý, [có người] lấy công chúa Nguyệt Địch, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm đời đến ở hương Đại Lại, Thanh Hóa, làm con nuôi tuyên úy Lê Huân, từ đấy lấy Lê làm họ mình. Quý Ly là cháu bốn đời của Huân. Đời Trần Nghệ Tông, từ chức Chi hậu tư cục chánh chương thăng lên Khu mật đại sứ, lên Tiểu tư không, tiến phong Đồng bình chương sự, liên tiếp gia phong tới Phụ chính thái sư nhiếp chính, Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương, Quốc Tổ Chương Hoàng, rồi thay ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, trở lại họ Hồ, chưa đầy một năm thì truyền ngôi cho con là Hán Thương. Hán Thương tên cũ là Hòa, tiến ngôi được hơn 6 năm. Sau hai cha con đều bị người Minh bắt. Sử cũ đem hai người họ Hồ ³ chép từng năm thành kỷ ⁴, nay truất bỏ và sửa cho đúng.

[33b] *Kỷ Mão*, [*Kiến Tân*] năm thứ 2 /1399/, (Minh Thái Tổ Kiến Văn năm thứ 1 ⁵). Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly cưỡng bức vua phải xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thôn Đạm Thủy ⁶, mật sai nội tâm học sinh Nguyễn Cẩn đi theo để trông coi. Vua hỏi rằng :

1. *Quan điền* : ruộng công.
2. *Ngũ Quý* : còn gọi là Ngũ Đại, giai đoạn lịch sử Trung Quốc gồm 5 triều đại : Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu. Hậu Hán (947 - 950) là tên một triều đại do Lưu Trứ Viên lập ra kế tiếp triều đại Hậu Tấn, đặt quốc hiệu là Hán, nên đời sau gọi là Hậu Hán.
3. Tức Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương.
4. Theo phép chép sử truyền thống của sử gia phong kiến, chỉ những triều đại chính thống mới được chép riêng thành kỷ, như kỷ nhà Lý, kỷ nhà Trần, kỷ nhà Lê..., những triều đại không chính thống (gọi là nhuận triều) thì không được chép thành kỷ.
5. *Kiến Văn* : là niên hiệu của Minh Huệ Đế, không phải là của Minh Thái tổ, *Toàn thư* in lầm.
6. *Thôn Đạm Thủy* : thuộc huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

“Người theo hầu ta muốn làm gì chẳng ?”

Cẩn không nỡ trả lời. Quý Ly làm bài thơ bảo Cẩn rằng :

“Nguyên Quân ¹ không chết, thì người phải chết !”.

Lại làm bài thơ đưa cho Nguyên Quân rằng :

Tiền hữu dung ám quân,

Hôn Đức cập Linh Đức.

Hà bát tảo an bài,

Đồ sử lao nhân lực.

(Trước có vua hèn ngu,

Hôn Đức và Linh Đức.

Sao không sớm liệu đi,

Đề cho người nhọc sức ?).

Cẩn bèn dâng thuốc độc. Vua không chết, lại dâng nước dừa và không cho ăn mà vẫn không chết. Đến đây, sai Xa kỵ vệ thượng tướng quân Phạm Khả Vĩnh thất cổ chết. Chôn ở lăng Yên Sinh, miếu hiệu là Thuận Tông.

Bọn Thái bảo Trần Hăng, Thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không thành, bị giết.

Hôm ấy, Quý Ly họp thề ở Đốn Sơn ². Bọn Khát Chân đã có ý giết Quý Ly. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân [34a] để xem, y như lệ thiên tử ngự đến miếu đến chùa ³. Châu Khả Vĩnh là Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm gươm định lên, Khát Chân trừng mắt ngăn lại, nên việc không xong.

Quý Ly chợt dạ đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ xuống lầu.

Ngưu Tất vút gươm xuống đất nói : “Chết uổng cả lũ thôi”.

Sự việc bị phát giác, bọn tôn thất Hăng, Trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, hành khiển Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bưu, Phạm Ông Thiện, Phạm Ngưu Tất và các liêu thuộc, thân thích gồm hơn 370 người đều bị giết cả, tịch thu gia sản, con gái bắt làm tỳ, con trai từ 1 tuổi trở lên hoặc bị chôn sống, hoặc bị chìm nước. Lùng bắt dư đảng liên mấy năm không sót. Người quen biết nhau chỉ đưa mắt ra hiệu, không dám nói chuyện với nhau. Nhà dân không được chứa người đi đường ngủ trọ, hề có người [34b] ngủ trọ thì phải báo nhà láng giềng, cùng nhau xét hỏi giấy tờ, hành lý, lý do đi qua

1. Tức Thuận Tông. Sau khi truyền ngôi cho con, Thuận Tông tự xưng là Thái Thượng Nguyên Quân Hoàng Đế.

2. Đốn Sơn : là ngọn núi ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, thuộc tỉnh Thanh hóa.

3. Chữ “lệ” 例 ở nguyên bản là chữ “trắc” 例, sửa lại là “lệ”, chúng tôi cho là hợp lý.

để làm chứng cứ bảo lĩnh. Các xã đều đặt điểm tuần, ngày đêm tuần tra canh giữ. Lễ minh thệ từ đó không cử hành nữa.

Khát Chân người Hà Lăng, huyện Vĩnh Linh¹, ba đời làm thượng tướng quân. Người đời truyền rằng Khát Chân khi sắp bị hành hình, lên núi Đốn Sơn gào thét 3 tiếng, chết qua 3 ngày sắc mặt vẫn như khi sống, ruồi nhặng không dám bâu. Sau có bị hạn hán, cầu mưa thì ứng nghiệm ngay.

Nguyên Bưu người Tuyên Quang, tiên tổ là Thế Sung làm Toát Thông Vương kiêm phụ đạo ở triều Lý. Các con là Văn, Hiến, Quế đều được phong hầu. Con của Quế là Hiếu Bảo vì có công đánh Toa Đô được phong Quan phục hầu; Hiếu Bảo sinh ra Thế Tắc được phong Lạc Thuận hầu; Thế Tắc sinh ra Cúc Tôn làm Quan sát sứ; Cúc Tôn sinh ra Nguyên Bưu.

[35a] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Quý Ly đến đây tội ác đã chất đầy rồi. Trần Hăng đã đi lại, hẹn ước với các tướng văn tướng võ từ trước, nếu biết thừa cơ quyết đoán, vạch tội giết vua của Quý Ly, hiệp sức với Khả Vĩnh mà giết nó, thì danh chính ngôn thuận, mà việc cũng xong rồi. Đáng tiếc lại do dự, sợ sệt, đến nỗi chuốc lấy bại vong.

Tháng 6, Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng, mặc áo màu bò hoàng², ở cung Nhân Thọ, ra vào theo lệ thái tử³, dùng 12 chiếc lọng vàng. Con là Hán Thương xưng là Nhiếp thái phó, ở bên hữu điện Hoàng Nguyên. Nguyên Trừng làm tư đồ. Bảng văn thì đề là Phụng Nhiếp Chính Quốc Tổ Chương Hoàng, chỉ xưng là “du” mà chưa dám xưng “trẫm”⁴.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Công tử Ngừ nước Sở trước khi cướp ngôi, đặt phục chế, bày [35b] quân hầu, kết cỏ bò như cung vua, ngang nhiên ngạo mạn, lộ vẻ hung hăng để làm nhụt chí mọi người. Thấy không ai dám chống lại, bấy giờ mới không còn kiêng sợ gì nữa mà trở hết ngón ác⁵. Việc làm của họ Hồ cũng cùng một duệ !

Mùa thu, tháng 7, Nguyễn Dung Phủ, người Cổ Đằng⁶ phủ Thanh Hóa dâng thư đại ý rằng :

Chương Hoàng là hiệu gì ? Bò hoàng là sắc gì ? Đối với việc phó thác của tiên đế thì thế nào ?

1. *Vĩnh Linh* : tên huyện đời Trần, đời Lê đổi là Vĩnh Phúc. Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Màu bò hoàng* : màu vàng như nhị hoa xương bồ.
3. CMCB 11 chép là “thiên tử”, có lẽ hợp lý hơn.
4. “Du” là đại từ ngôi thứ nhất, nghĩa là “ta”, dùng cho mọi người, con “trẫm” là tiếng tự xưng, chỉ riêng vua được dùng.
5. Công tử Ngừ nước Sở khi hội thề với các nước ở đất Quắc, mặc áo đẹp như áo vua, có quân hầu cầm giáo mác hộ vệ, kết cỏ bò làm chỗ ở tại nơi thề như cung vua. Sau này, giết Giáp Ngao, là vua Sở, lên làm vua tức Sở Linh Vương (xem *Tả truyện*, Lễ Chiêu Công năm thứ 1).
6. *Cổ Đằng* : là tên giáp, thuộc huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Quý Ly bắt giam mấy ngày rồi tha.

Tháng 8, tên cướp Nguyễn Nhữ Cái trốn vào núi Thiết Sơn làm giả tiền giấy tiêu dùng. Gặp lúc Thuận Tông bị giết, Khát Chân bị chém, mới chiêu dụ dân lành được hơn vạn người, hoạt động ở các xứ Lập Thạch, sông Đáy, Lịch Sơn ¹, sông Đà, Tản Viên, cướp bóc bữa bãi, các châu huyện không sao chống được.

Tháng 9, dời các tội nhân giam ở Cảo Điền vào xã Tương Một, Thanh Hóa.

[36a] Sai Trần Ninh đốc suất người phủ Thanh Hóa trồng tre gai ở phía tây thành, phía nam từ Đồn Sơn, phía bắc từ An Tôn đến tận cửa Bào Đàm, phía tây từ chợ Khả Lãng ở Vực Sơn đến sông Lỗi Giang, vây quanh làm tòa thành lớn bọc phía ngoài. Dân chúng ai lấy trộm măng thì bị xử tử.

Dọc rừng rậm và đồng hoang dựng các quán xá, từ cầu Đại Tân đến bến Đàm Xá để tiện cho quân dân qua lại nghỉ ngơi.

Đặt sở tuần kiểm ở sông Đại Lại. Sai chăng dây chèo to ở giữa sông phàm các thuyền trên sông phải kéo dây theo thứ tự mà đi, không được tranh nhau đi trước.

Mùa đông, tháng 10, đổi người có tội đi đầy làm lính khơi mương, sai đi khơi các con kênh Vi, kênh Trầm, kênh Hào, đến tận cửa biển Hà Hoa để tiện thuyền bè qua lại.

Tháng 12, sai Nguyễn Bằng Cử, An phủ sứ Đông Lộ ² đi đánh Nguyễn Nhữ Cái, dẹp yên được.

(Bằng Cử người huyện Đông Ngàn, Bắc Giang).

[36b] Canh Thìn, /*Kiến Tân*/ năm thứ 3 /1400/, (Năm này nhà Trần mất, từ tháng 3 trở đi, Quý Ly cướp ngôi, xưng là Thánh Nguyên năm thứ 1; Minh Kiến Văn năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm thái tử.

Trước đây, Quý Ly định lập Hán Thương nhưng chưa quyết, mới mượn cái nghiên đá mà nói rằng :

“Thử nhất quyền kỳ thạch, hữu thì vi vân vi vũ dĩ nhuận sinh dân” (Hòn đá lạ bằng nắm tay này, có lúc làm mây làm mưa để nhuận thấm sinh dân), bảo con trưởng là Trưng đối lại để xem chí hướng ra sao.

Trưng đối lại rằng : “Giá tam thôn tiểu tòng, tha nhật tác đồng tác lương dĩ phù xã tắc” (Cây thông nhỏ mới ba tấc kia, ngày sau làm rường làm cột để chống nâng xã tắc). Bấy giờ ý mới quyết định.

1. *Lịch Sơn* : thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

2. Ở đây *Toàn thư* chép là Đông Lộ, nhưng ở đoạn sau (từ 40b), chép rõ rằng Bằng Cử là An phủ sứ lộ Đông Đô.

Tháng 2, ngày 28, Quý Ly bức vua nhường ngôi và buộc người tôn thất và các quan ba lần dâng biểu khuyên lên ngôi. Quý Ly giả vờ cố tình từ chối nói : “Ta sắp xuống lỗ đến nơi rồi, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới đất nữa ?”.

Rồi tự lập làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu ¹, đổi thành họ Hồ.

[37a] *Phan Phu Tiên* nói : *Khổng Tử* nói : “Không phải ma nhà mình mà cúng là siểm nịnh”. Vì thế *Địch Thanh* từ chối không nhận là dòng dõi *Lương Huệ Công* ² ; *Lưu Việp* tạ từ không nhận là họ hàng *Lưu thái hậu*. Nhà *Đường* tể *Đế Nghiêu* làm tiên tổ mà tiên nho chê cười ; *Chiêu Liệt* là con cháu *Trung Sơn Tĩnh Vương* mà *Ôn Công* không thừa nhận ³. Đâu phải có riêng tư gì trong việc khen chê !

Là vì họ hàng xa xôi, các đời biến đổi, khó mà tin chắc được. Quý Ly lại nhận là dòng dõi xa của *Hồ Công Mãn*, tể *Ngu Thuấn* làm thủy tổ, thì cái tội dối đời để tiến ngôi thực không gì to bằng.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : *Phu Tiên* theo thuyết của *Ôn Công* cho rằng nếu *Chiêu Liệt* là dòng dõi của *Trung Sơn Tĩnh vương* thì họ hàng xa xôi cũng khó mà tin được. Như vậy là không tin lời của *Gia Cát Vũ* [37b] hầu ⁴. Nhưng *Gia Cát* là bậc hiền tài, hơn nữa thế đại cũng chưa xa lắm, bảo *Chiêu Liệt* là dòng dõi nhà vua chả lẽ lại không có căn cứ mà nói bịa đặt hay sao ? *Chu Tử* ⁵ đã theo thuyết ấy thì còn nghi ngờ gì nữa.

Hồ Quý Ly phế vua làm *Bảo Ninh Đại Vương*, vì vua là cháu ngoại nên không giết.

Lộ Tam Giang dâng con chim đen mỏ mủ, tên là chim yểng, có thể nói được tiếng người. (Người đàn bà hương ấy một hôm bắt được cái trứng chim, để lẫn vào trứng gà cho ấp, khi lớn lên, chim vẫn theo người đàn bà ấy đi cho lợn ăn, bắt chước tiếng gọi lợn, dần dần nói được tiếng người).

Người trong thành dâng chim trắng.

1. Theo truyền thuyết, họ Hồ là con cháu *Ngu Thuấn* ; con *Ngu Yên* là *Vĩ Mãn* được *Chu Vũ Vương* phong cho ở đất *Trần* gọi là *Hồ Công*, sau dùng chữ *Hồ* làm tên họ. *Quý Ly* nhận mình là dòng dõi họ Hồ, con cháu *Ngu Thuấn*, nên đặt quốc hiệu là *Đại Ngu*.
2. *Địch Thanh* khi làm tể tướng nhà *Tống*, có người con cháu xa của *Địch Nhân Kiệt* tức *Địch Lương Công* (được phong là *Lương Huệ Công*) đem bức chân dung và bằng sắc của *Lương Công* đến dâng và bảo ông là con cháu xa của *Lương Công*. Ông từ chối nói : *Mấy gặp được phú quý nhất thời, đâu dám nhận là con cháu Lương Công*.
3. *Chiêu Liệt* là *Lưu Bị*, *Trung Sơn Tĩnh Vương* là con *Hán Cảnh Đế*, *Ôn Công* tức *Từ Mã Quang*, sử gia đời *Tống*, tác giả bộ sử *Tư trị thông giám*. *Từ Mã Quang* không thừa nhận *Lưu Bị* là dòng dõi vua *Hán*.
4. *Từ Khổng Minh* *Gia Cát Lượng*, bề tôi của *Lưu Bị*.
5. *Chỉ* *Chu Hy*.

Quý Ly sai thuộc quan ở tam quán, chỉ hậu nội nhân, nội tâm học sinh chia nhau đi các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở trong quan lại, việc lợi việc hại ở dân gian để tiến hành việc giáng truất hay thăng bổ, quy định thành thể thức lâu dài. Từ đó, các chức thú lệnh¹ mới thay đổi luôn.

Mùa thu, tháng 8, Quý Ly mở khoa thi [38a] thái học sinh. Lấy đỗ bọn Lưu Thúc Kiệm 20 người. Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành đều đỗ kỳ này.

(Tử Tấn, Mộng Nguyên và Thành đều làm quan ở triều nay² đến chức Quốc tử giám tế tửu, Hiến làm đến Quốc tử giám giáo thụ).

Đầu đề bài phú là “Linh kim tàng”³. Các học trò xin giảng nghĩa đề thi. Quan trường hỏi : “Có lẽ cũ như vậy không ?” Duy có Bùi Ưng Đầu trả lời rằng triều Tống có Tôn Hà Khoa đã hỏi nghĩa đề thi “Chi ngôn nhật xuất”⁴. Cho nên quan trường đã giảng nghĩa đề này.

(Ưng Đầu người Sơn Vi⁵, làm giám thư khó đời Trần, đến đây bị giải chức, vào thi đã 50 tuổi, được bổ chức giám quan. Sau nói việc trái ý, bị giáng làm thái tử thuyết thư, không bao lâu bị giáng làm thái tử tân khách).

Mùa đông, tháng 12, Quý Ly tìm phá hệ họ nội, họ ngoại, bà là họ Chu, mẹ là họ Phạm, gọi là họ Họa thị.

Quý Ly lấy Hành khiển Đỗ Mãn làm Thủy quân đô tướng ; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Trần Văn (được ban họ Hồ) làm Đồng đô tướng ; tướng chỉ huy quân Long Tiệp Trần Tùng (được ban họ Hồ) làm Bộ quân đô tướng ; tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực là Đỗ Nguyên Thác làm Đồng đô tướng ; [38b] đem 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành.

Quý Ly nhường ngôi cho con là Hán Thương, tự xưng là thượng hoàng, cùng coi chính sự.

Hán Thương phong bà phi của mình là Trần Thị làm Hiến Gia hoàng hậu, ở cung Phù Tang. Vì chữ “tang” (cây dâu) đồng âm với chữ “tang” (việc tang) nên đổi là cung Phù Cự.

Quý Ly sai sứ sang nhà Minh.

1. *Thú* : thái thú, *lệnh* : lệnh doãn. Thú lệnh là tên gọi chung những chức quan đứng đầu ở phủ, châu hoặc ở huyện.
2. Chỉ triều Lê.
3. *Linh kim tàng* : kho chứa gươm thiêng, lấy điển Lưu Bang dùng gươm chém rắn khi mới nổi lên chống nhà Tần.
4. *Chi ngôn nhật xuất* (Chén rượu như câu nói mỗi lúc một khác) là câu trong sách *Trang Tử*. Chi là chén uống rượu, để không thì đứng, rót rượu đầy thì nghiêng, tùy theo thứ chứa ở trong mà biến đổi tư thế, cũng ví như lời nói tùy theo sự vật mà đổi thay.
5. *Sơn Vi* : tên huyện, sau này là huyện Lâm Thao, nay là đất huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú.

Trước kia, mẹ Hán thương là Huy Ninh công chúa (truy tôn là Thái Từ hoàng hậu), con gái của Trần Minh Tông, trước đã lấy Phò ký lang Trần Nhân Vinh, Nghệ Tông không cho giữ tiết [để tang chồng], đem gả cho Quý Ly, sinh ra Khâm Thánh hoàng hậu và Hán Thương.

Đến đây, sai sứ sang báo nhà Minh, nói rằng họ Trần đã tuyệt tự, Hán Thương là cháu ngoại Minh Tông, tạm trông coi việc nước.

Hán Thương đánh thuế các thuyền buôn, định 3 mức thượng, trung, hạ. Mức thượng đánh thuế mỗi thuyền 5 quan, mức trung 4 quan, mức hạ 3 quan.

Năm ấy, chúa Chiêm Thành [39a] La Ngai chết, con là Ba Đích Lại lên ngôi.

Tân Tỵ, /1401/, (Hò Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 1, Minh Kiến Văn năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, sét đánh điểm canh trên thành.

Hán Thương đổi lịch Hiệp kỷ của nhà Trần, dùng lịch Thuận Thiên.

Tháng 3, sét đánh vào Đông cung, chết mất 3 người.

Mùa hạ, tháng 4, Hán thương sai làm sổ hộ tịch trong cả nước, cho ghi họ Hồ có hai phái ở Diễn Châu và Thanh Hóa. Biên hết vào sổ những nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên và lấy sổ hiện tại làm thực số, không cho phép người lưu vong mà vẫn biên tên trong sổ. Yết thị cho các phiên trấn hề có người kinh nào trú ngụ thì đuổi về nguyên quán. Trước đây Quý Ly có lần nói với các quan : “Làm thế nào có được 100 vạn quân để chống giặc Bắc ?” Đồng tri khu mật sứ Hoàng Hối Khanh dâng kế sách này.

Đến đây, sổ làm xong, tính số người từ 15 tuổi trở lên, 60 tuổi [39b] trở xuống được gấp bội so với trước. Cho nên năm Thiệu Thành thứ 2 [1402] điểm binh càng nhiều.

Hán Thương lập phép hạn chế gia nô, chiếu theo phẩm cấp được có số lượng khác nhau, còn thừa phải dâng lên, mỗi tên được trả 5 quan tiền. Người nào đáng được có gia nô phải xuất trình chúc thư 3 đời. Nô người nước ngoài thì không theo lệ này.

Các nô đều thích vào trán để đánh dấu : Quan nô thì thích hình viên ngọc hòa châu, có khi lấy bỏ sung vào quân diện tiền ; của công chúa thì thích hình cây dương, cây đường ; của đại vương thì thích 2 khuyên đỏ, của quan nhất phẩm thích 1 khuyên đen ; của quan nhị phẩm trở xuống thích 2 khuyên đen.

Bấy giờ bọn sĩ đại phu tham phú quý, mong được lòng của họ Hồ, dâng thư khuyên giết hại con cháu nhà Trần, giảm bớt số ruộng và nô để nén bớt thế lực của họ, như bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hy Chu, Đồng Thức, còn lại thì nhiều vô kể.

Hồ Tùng đi đánh Chiêm Thành, nghe lời Đinh Đại Trung, cho quân bộ đi đường núi, [40a] tách xa hẳn quân thủy, gặp khi nước lũ, tướng sĩ ở giữa đường hết lương đến 3 ngày, phải nướng cả áo giáp bằng da để ăn. Quân trở về, Tùng do đi đường hiểm, lỡ mất quân cơ, đáng phải xử chém. Nhưng vì có công lao hồi còn tiềm ẩn¹ được tha tội chết, đồ làm xã binh.

Hán Thương đặt kho thường bình², phát tiền giấy cho các lộ, theo giá cả mua thóc chứa vào kho. Bấy giờ số quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện có thay đổi, nên không làm được.

Hán Thương đặt hương đình quan, có chánh, có phó, sau chỉ dùng một viên.

Hán Thương hạ lệnh cho các lộ nung gạch để dùng vào việc xây thành. Trước đây xây thành Tây Đô, tải nhiều đá tới xây, ít lâu sau lại bị sụp đổ, đến đây mới xây trên bằng gạch, dưới bằng đá.

Hán Thương định quan chế và hình luật nước Đại Ngu.

Mùa đông, tháng 12, Hán Thương lấy Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm học sĩ.

[40b] **Nhâm Ngọ, /1402/**, (Hán Thương Thiệu Thành năm thứ 2, Minh Kiến Văn năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Hán thương xét duyệt quân ngũ.

Tháng 3, Hán Thương đắp sửa đường sá từ thành Tây Đô đến Hóa Châu. Dọc đường đặt phố xá và trạm truyền thư, gọi là đường thiên lý.

Mùa hạ, tháng 6, Hán Thương lấy Đồng Thức làm Trung tán, ban cho họ Ngụy (ví với Ngụy Trung³ nhà Đường).

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương đem đại quân đi đánh Chiêm Thành. Lấy Đỗ Mẫn làm Đô tướng ; Điện nội phán thủ Nguyễn Vĩ làm Chiêu dụ sứ ; An phủ sứ lộ Đông Đô Nguyễn Bằng Cử làm Đồng chiêu dụ sứ.

Đại quân sắp tới đất Chiêm, Đinh Đại Trung cưỡi ngựa đi trước các quân, gặp tướng giặc Chế Tra Nan, hai bên giao chiến, đều bị chết.

Chúa Chiêm Ba Đích Lại sợ, sai cậu là Bồ Điền dâng một voi trắng, một voi đen và các sản vật địa phương, lại dâng đất Chiêm Động⁴ để xin rút quân.

Bồ Điền tới, Quý Ly bắt ép [41a] phải sửa tờ biểu là dâng nộp cả động Cô Lũy⁵. Rồi chia đất ấy thành bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Đặt An phủ sứ và

1. Tức là khi Hán Thương còn ở ngôi thái tử.
2. *Thường bình* : nghĩa là "luôn luôn cân bằng". Khi thóc hơn thì đóng vào, khi thóc kém thì bán ra theo giá rẻ để giá thóc ổn định.
3. *Ngụy Trung* : là tể tướng của nhà Đường, nổi tiếng thẳng thắn can ngăn vua, dâng hơn hai trăm tờ biểu số can ngăn lên Đường Thái Tông, Thái Tông cũng phải kính nể.
4. *Chiêm Động* : được chia làm hai châu Thăng và Hoa, là đất các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn, Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng ngày nay.
5. *Cô Lũy* : được chia thành hai châu Tư và Nghĩa, là đất các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi ngày nay.

An phủ phó sứ lộ Thăng Hoa để cai trị ; miền đầu nguồn đất ấy thì đặt trấn Tân Ninh ¹. Chiêm Thành thu lấy những dân phụ cận đưa về nước. Người ở lại thì bỏ làm quân.

Hán Thương điều An phủ sứ lộ Thuận Hóa Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa. Cảnh Chân dâng thư nói xin theo việc cũ của nhà Hán, nhà Đường, mộ người nộp thóc để việc phòng bị biên cương được đầy đủ, những người nộp thóc thì hoặc ban tước cho, hoặc được miễn tội tùy theo mức độ.

Quý Ly phê : “Biết được mấy chữ mà dám nói việc Hán Đường, thực là thằng ngọng hay nói, chỉ chuốc lấy tiếng cười thôi !”

Hán Thương lấy Hiệu Chính hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Cổ Lũy huyện thượng hầu, trấn giữ châu Tư, Nghĩa, chiêu dụ, vỗ về dân chúng người Chiêm để mưu tiến đánh.

Đặt nhã nhạc, lấy con các quan văn [41b] làm kinh vĩ lang, con các quan võ làm chinh đồn lang, tập múa các điệu vũ văn, võ.

Tháng 8, Hán Thương đắp đàn Giao ở Đón Sơn để làm lễ tế Giao ². Đại xá.

Hôm tế, Hán Thương ngồi kiệu Vân Long, từ cửa Nam đi ra, các cung tần, mệnh phụ ³, quan văn, quan võ trong triều theo thứ tự đi sau. Mũ áo của đàn bà kém chồng một bậc, nếu bản thân là tôn quý thì không phải kém.

Lệ cũ của đời trước có nghi lễ bái yết hai bậc, quan lại và người theo hầu rất đông. Cứ 3 năm cử hành đại lễ một lần, thiên tử ngồi xe Thái Bình ⁴, khắc gỗ làm 40 hình người tiên, mặc áo vóc, cầm cờ đi trước, nếu đi thuyền nhỏ ở hồ Chu Tước thì dùng dây thừng gắm để kéo thuyền ; 2 năm cử hành trung lễ một lần, thiên tử ngồi ngai chạm bách cầm ; 1 năm cử hành tiểu lễ một lần, thiên tử ngồi ngai nhỏ. Chưa từng làm lễ tế Giao. Nay Hán Thương mới bắt đầu làm lễ này. Nhưng vì khi dâng chén rượu, [Hán Thương] run tay, rượu bị đổ [42a] xuống đất, nên phải ngừng lại.

Hán Thương định lại các lệ thuế và tô ruộng.

Triều trước, mỗi mẫu thu 3 thăng thóc, nay thu 5 thăng. Bãi dâu, triều trước thu mỗi mẫu 9 quan hoặc 7 quan tiền, nay thu hạng thượng đẳng mỗi mẫu 5 quan tiền giấy, hạng trung đẳng 4 quan tiền giấy, hạng hạ đẳng 3 quan tiền giấy. Tiền nộp hằng năm của dinh nam trước thu 3 quan, nay chiếu theo số ruộng, người nào chỉ có 5 sào ruộng thì thu 5 tiền giấy ; từ 6 sào đến 1 mẫu thì thu 1

1. *Tân Ninh* : là vùng các con sông Thu Bồn, Vu Da ở miền tây tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng hiện nay.

2. *Tế Giao* : là tế trời vào tiết Đông chí và tế đất vào tiết Hạ chí.

3. *Mệnh phụ* : các bà được vua phong hiệu cho.

4. *Xe Thái Bình* : được chế tạo từ đời Lý.

quan ; 1 mẫu 1 sào đến 1 mẫu 5 sào thu 1 quan 5 tiền ; từ 1 mẫu 6 sào đến 2 mẫu thu 2 quan ; từ 2 mẫu 1 sào đến 2 mẫu 5 sào thu 2 quan 6 tiền ; từ 2 mẫu 6 sào trở lên thu 3 quan. Định nam không có ruộng và trẻ mồ côi, đàn bà góa, thì dầu có ruộng cũng thôi không thu.

Sĩ nhân Nguyễn Bẩm dâng thư cho rằng Tiền Hồ ¹ nên nhường ngôi, lui về ở Kim Âu ², Hậu Hồ ³ thì nên tôn là thượng hoàng [42b], thái tử Nhuế lên ngôi Quan gia ⁴. Quý Ly giận lắm, cho là Bẩm chỉ trích nhà vua, sự tình nghiêm trọng, sai đem chém.

Quý Mùi, /1403/, (Hán Thương Khai Đại năm thứ 1, Minh Thái Tông Vĩnh Lạc năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương đem những người không có ruộng mà có của dời đến Thăng Hoa ⁵, biên chế thành quân ngũ. Quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện chia đất cho họ ở. Người ở châu nào thì thích hai chữ tên châu ấy vào hai cánh tay để làm dấu hiệu. Đến năm sau đưa vợ con đi theo, giữa đường, bị bão chết đuối, dân phần nhiều ta oán.

Hán Thương mộ dân nộp trâu để cấp cho dân mới dời đến ở Thăng Hoa, người nộp được ban tước.

Hán Thương lấy phủ lộ Thanh Hóa làm đất Tam phủ ⁶ của kinh kỳ ; đổi phủ Thanh Hóa thành phủ Thiên Xương, gồm với Cửu Chân và Ái Châu gọi là Tam phủ. Lại đổi Diễn Châu thành phủ Linh Nguyên, cộng là Tứ [43a] phủ. Đổi phủ Kiến Xương thành phủ Kiến Ninh, đổi núi Đại Lại thành núi Kim Âu. Đặt chức thị giám ⁷ ; ban hành cân, thước, thăng, đấu, định giá tiền giấy, cho mua bán với nhau. Bấy giờ, người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy. Lại lập điều luật để xử tội không tiêu tiền giấy, bán giá cao, đóng cửa hàng, bao che giúp nhau.

Hán Thương cấm người tôn thất và cung nhân không được xưng quý hiệu, người vi phạm bị trị tội.

Hán Thương sai giết người phương thuật là Trần Đức Huy.

Đức Huy hồi trẻ mồm rộng dút vừa nắm tay, tay dài quá gối, có người bảo rằng ngày sau tất quý hiển. Đến khi lớn lên, học nghề phương thuật, thường ban đêm đánh mõ làm phép kỳ binh, như có nghìn muôn người reo hò đánh nhau ; lại đi khắp các xã, lấy trộm tên những người đi tuần biên vào sổ quân. Việc bị phát giác, thu được một quyển sách phương thuật, một con dấu ngụy, một thanh

1. Chi Hồ Quý Lý.
2. Tức núi Đại Lại, thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
3. Chi Hồ Hán Thương.
4. Tức ngôi vua. Đời Trần, Hồ, vua gọi là *quan gia*.
5. Tên lộ, gồm 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.
6. Đời xưa, đất gần kinh kỳ gọi là "phủ". "Tam phủ" là ba vùng đất gần kinh kỳ.
7. *Thị giám* : người coi chợ.

gươm nhỏ, một chiếc mõ đồng. Xử tội lăng trì, [43b] sổ quân thì ném xuống nước hoặc đốt đi không hỏi đến.

Hán Thương dựng miếu ở các lăng tẩm tại Thiên Xương, để thờ cúng tổ khảo, sớm chiều cúng tế. Lại dựng miếu ở các lăng tẩm Bào Đột, Linh Nguyên để thờ cúng tiên tổ. Ở kinh thành thì dựng Đông thái miếu để thờ tông phái họ mình, Tây thái miếu để thờ họ ngoại là Trần Minh Tông và Trần Nghệ Tông.

Nhà Minh sai Ô Tu¹ sang báo việc Thái Tông lên ngôi và đổi niên hiệu.

Bấy giờ vua Minh đóng đô ở Kim Lăng, Yên Vương Lê làm phản, giết các quan Tam ty, đem quân tiến đánh kinh sư, đi đến đầu thắng được đẩy, vào trong thành chém giết bừa bãi. Kiến Văn² tự thiêu mà chết. Lê tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Vĩnh Lạc. Bấy giờ có bài thơ rằng :

Giang thượng hoàng kỳ động,

Thiên biên tứ chiếu hồi.

Kiến Văn niên dĩ một,

Hồng Vũ vận trùng khai.

Triều sĩ tạo hình lục,

Cung nga đồ kiếp khôi.

Thùy tri thiên tái hậu,

Thanh sử hữu [44a] dư ai.

(Trên bến cờ vàng động,

Chân trời chiếu tia về³.

Năm Kiến Văn đã mất,

Vận Hồng Vũ lại ra.

Triều quan bị chém giết,

Cung nga thấy bụi tro.

Ai hay ngàn năm nữa.

Sử sách có thương ru !)

Có người bảo là Giải Tấn làm bài thơ đó cho nên bị tai họa⁴.

1. *Minh sử, An Nam truyện* chép năm này nhà Minh sai hành nhân là Dương Bật sang ta. CMCB 12 cũng chép theo như vậy.

2. *Kiến Văn* : là niên hiệu của vua Huệ Đế nhà Minh.

3. Khi Yên Vương Lê mang quân đánh về kinh đô. Kiến Văn sai đem chiếu thư xá tội cho Lê, bảo rút quân trở về phiên trấn. Lê không nhận tờ chiếu.

4. Giải Tấn bị nhà Minh bắt giam rồi giết chết. Việc này chép vào năm Trùng Quang Đế thứ 3 (1441) (Xem BK 9).

Hán Thương đóng thuyền dinh nhỏ để đánh Chiêm Thành, dự định phân chia các đất Bản Đạt lang, Hắc Bạch và Sa Li Nha ¹ từ Tư Nghĩa trở về nam đến biên giới Xiêm La làm châu huyện.

Gia phong Phạm Nguyên Khôi làm đại tướng quân hai vệ Thiên Ngưu và Phụng Thần, chỉ huy quân Long Tiệp, hành thủy quân đô tướng ; Hồ Vấn làm phó. Đỗ Mẫn chỉ huy các quân Thiên Cương, Chương Thánh và Củng Thần, hành bộ quân đô tướng ; Đỗ Nguyên Thác làm phó. Quân thủy bộ cộng 20 vạn người đều theo tiết chế của Nguyên Khôi. Ai ra trận mà sợ giặc thì bị chém, vợ con, điền sản bị tịch thu sung công. Các quân vào đất Chiêm, làm nhiều chiến cụ ; vây thành Chà Bản sắp lấy được, nhưng vì quân đi đã 9 tháng, hết lương ăn, không thắng phải rút về. Đỗ Nguyên Thác vì trái lệnh của đô tướng, tha tội chết, bị đồ làm binh.

Chiêm Thành cầu cứu [44b] nhà Minh. Người Minh đi 9 chiếc thuyền vượt biển sang cứu. Các quân ta trở về gặp quân Minh ở ngoài biển. Người Minh bảo Nguyên Khôi rằng phải mau rút quân về, không được ở lại lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành trở về bị Quý Ly quở trách vì không giết hết được quân Minh.

Phan Phu Tiên nói : Nguyên Khôi vốn không có tài làm tướng, chỉ giỏi về những việc khéo léo, vì có ơn riêng là họ ngoại, được đặc cách gia phong tước hầu, thế mà trận này thành công được, so với việc Hán Vũ Đế sai nhị sư Lý Quảng Lợi đi đánh Đại Uyển thì có khác gì.

Phương sĩ Nguyễn Đại Năng người Giáp Sơn dùng lửa cứu, kim châm để chữa bệnh cho người, Hán Thương bổ làm chức Quảng tế tự thừa. Đặt quan thuộc Quảng tế ² bắt đầu từ đó.

Đại Năng xảo trá, có sức khỏe, có thể bắn được nỏ cứng. Sau làm Quảng tế lệnh kiêm chỉ huy dinh Binh qua, rồi được điều chỉ huy quân Sùng Uy.

[45a] Bấy giờ sứ nhà Minh qua lại nước ta liên tiếp như mắc cửi, kẻ thì yêu sách, người thì sách hỏi, Hán Thương sai người tùy phương cứu gỡ, vất vả về việc ứng tiếp.

Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán làm nội quan ở Bắc.

Trước đây Minh Thái Tổ từng đòi người bị thiên, tặng nhân, đàn bà xoa bóp, ta đều chiều ý đưa cho. Được vài năm, tha các tặng nhân và tú nữ về nước, chỉ giữ bọn bị thiên sung làm nội quan. Đến khi Thái Tông lên ngôi, có ý muốn xâm

1. *Bản Đạt Lang* : là đất Panduranga của Cham-pa, nay là vùng Phan Rang ở Thuận Hải. *Hắc Bạch* và *Sa Li Nha*, chưa rõ chỉ vùng nào.
2. *Quảng tế* : cơ quan coi việc y tế bấy giờ.

lược phương Nam, sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín sang sứ và thăm hỏi thân thuộc, dặn mật rằng, nếu có quân phương Bắc sang thì dựng cờ vàng, ghi là thân thuộc của viên nội quan họ tên là mõ..., tất sẽ không bị giết hại. Việc ấy bị phát giác, bắt hết thân thuộc của những tên ấy đem giết đi.

[45b] **Giáp Thân, [1404]** (Hán Thương Khai Đại năm thứ 2, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, Hán Thương cho rằng An phủ sứ phủ lộ Tân Hưng kiêm Đông Đô phán là Trần Quốc Kiệt biết đắp đê ngăn nước mặn, tiện việc cày cấy của dân, thưởng tước 1 tư.

Hán Thương sai Phan Hòa Phủ đem biểu nhà Minh hai con voi đen và trắng. Trước đó Chiêm Thành đã cống ta hai con voi đen và trắng và dâng đất để xin hoãn quân, rồi lại nói dối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây, nhà Minh sai sứ sang trách hỏi, nên đưa biểu voi.

Hán Thương định thể thức thi chọn nhân tài : Cứ tháng 8 năm nay thi hương, ai đỗ thì được miễn lao dịch ; tháng 8 năm sau thi ở bộ Lễ, ai đỗ thì được miễn tuyển bổ¹ ; lại tháng 8 năm sau nữa thi hội, ai đỗ thì thi bổ thái học sinh. Rồi năm sau nữa lại bắt đầu thi hương như năm trước. Bấy giờ học trò chuyên nghiệp học hành, mong được bổ dụng, nhưng mới được thi ở bộ Lễ rồi gặp loạn phải thôi. Phép thi phỏng theo lối văn tự ba trường của nhà Nguyên² [46a] nhưng chia làm 4 kỳ, lại có kỳ thi viết chữ và thi toán, thành ra 5 kỳ. Quân nhân, người làm tro, kẻ phạm tội đều không được dự bổ.

Trước đây, năm Nhâm Ngọ [1402], chọn tráng đinh, người nghèo sung làm quân trợ dịch, sau lại đổi thành quân bồi vệ, chia làm hàng tả, hàng hữu, dùng tên cầm thú để đặt quân hiệu (như kiểu phương hoàng, kỳ lân...), lấy quan văn, võ người tôn thất cai quản.

Hán Thương khai Liên Cảng³ từ Tân Bình đến địa giới Thuận Hóa, vì bùn cát dồn lên, không khai được.

Cửa Eo⁴ ở Hóa Châu bị vỡ. Hán Thương sai lấy quân lính ở kinh thành đi đắp lại.

Hán Thương đóng thuyền đinh sắt để phòng giặc phương Bắc, có hiệu là “Trung tàu tải lương”, “Cô lâu thuyền tải lương”, chỉ mượn tiếng là chở lương thôi, nhưng bên trên có đường sào đi lại để tiện việc chiến đấu, bên dưới thì hai người chèo một mái chèo.

1. CMCB 12 chưa là “sung tuyển bổ”, nghĩa là “được lựa chọn bổ dụng”.

2. Theo *Thông giám lập lâm* thì năm Hoàng Khánh thứ 3 (1314) mới định phép thi 3 kỳ là : kỳ thứ nhất thi hai bài minh kinh và kinh nghị ; kỳ thứ hai thi các bài phú, chế, cáo, chương, biểu theo cổ thể ; kỳ thứ ba thi 1 bài văn sách, hỏi về kinh sử và thời sự.

3. *Liên Cảng* : sau thuộc xã Thủy Liên, huyện Lệ Thủy, nay thuộc Quảng Bình.

4. *Cửa Eo* : tức cửa Thuận An ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Quý Ly giết viên tướng quân cũ Hồ Tùng.

Trước đó, Tùng đã bị giải chức, xin bán [46b] các đồ khí giới của nhà mình, [Quý Ly] không cho, có ý muốn dùng lại. Sau Tùng lại lén thông dâm với vợ của cố hành khiển Lương Nguyên Bưu là con gái của Trần Quý. Quý Ly tức giận nói :

“Bọn tài giỏi đều từ cửa nhà Tùng mà ra !”.

Tùng cùng với người Chiêm đầu hàng là Chế Sơn Nô âm mưu làm phản, ngầm liên kết với người Chiêm Thành để trao đổi tin tức cho nhau. Việc tiết lộ, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử.

Nhà Minh sai hành nhân Lý Kỳ ¹ sang.

Kỳ tự quyền làm oai làm phúc, đánh đập các quan bạn tóng và đốc biện, bắt phải đi nhanh, không kể độ đường. Trước đây sứ giả đi từ Đông Đô đến Tây Kinh phải 12 ngày, Kỳ chỉ đi có 8 ngày, đến nhà công quán thì quan sát khắp mọi hình thế. Khi Kỳ trở về, Quý Ly sợ tiết lộ sự tình, sai Phạm Lục Tài đuổi giết đi. Nhưng đến Lạng Sơn, thì Kỳ đã ra khỏi cửa ải rồi. Kỳ hặc tâu [với vua Minh] là họ Hồ xưng đế và làm thơ có những lời lăng mạ.

Hán Thương ra lệnh cho các quan viên không được [47a] đi hia, chỉ cho đi giày tơ gai sống. Lệ cũ đời trước : quan từ lục phẩm trở lên mới được đi hia.

Hán Thương lệnh cho các lộ đồ gạo chín cấp cho các châu ở Thăng Hoa theo lời của Hoàng Hối Khanh.

Hán Thương lệnh cho các lộ biên chế những người không có ruộng làm đội cùng nhân ².

Hán Thương cấm mọi người trong nước không được dùng lụa phiêu kỳ may áo, chỉ cho nên qua thôi.

Ất Dậu, [1405], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 3, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, Quý Lý giết kẻ sĩ là Nguyễn Ông Kiều và Lê Địch.

Trước kia Quý Ly có làm bài thơ răn dạy Hán Thương và Nguyễn Trưng đại khái nói :

Thiên dã phú, địa dã tái.

Huynh đệ nhị nhân, như hà bất tương ái ?

Ô hô ai tại hê ca kháng khái !

(Trời thì che, đất thì chở,

Anh em hai người, sao nỡ chẳng thương nhau ?

1. Toàn thư chép là 琦, Minh sử (An Nam truyện) chép là 琦, vậy phải đọc là Kỳ.

2. Nghĩa là đội những người cùng khổ.

Hỡi ôi ! Tiếng ca khảng khái làm sao !).

Vợ Ông Kiều thường ra vào trong cung, đem thơ ấy nói với Ông Kiều. Ông Kiều [47b] đem thơ ấy truyền tụng ở cầu Hoa Cái. Học sinh trong phủ của Trùng là Nguyễn Cẩm và Nguyễn Nhữ Minh đem chuyện ấy báo hết với Trùng. Trùng tâu với Quý Ly, Quý Ly mật sai Trung đô doãn là Đỗ Tử Triệt bắt Kiều. Tử Triệt làm cỗ mời, dụ Ông Kiều bắt đem bỏ ngục. Ông Kiều thất thế cung xưng lây cả đến bọn Lê Dịch, Đỗ Loát. Loát trốn thoát được. Ông Kiều và Lê Dịch đều bị giết, còn bọn Hà Nhật Tuyên bị đày ra châu xa. Bọn Nguyễn Nhữ Minh có tội nghe đọc bài thơ ấy, phải đồ ra châu Cửu Chân. Vài tháng sau, Tử Triệt bỗng mắc bạo bệnh, đòi lấy bút viết rằng : “Ta kiện nhau với mày”, lát sau chết. Sau Nhật Tuyên cũng bị chết vì tội bè đảng.

Nhà Minh sai sứ sang đòi cắt đất Lộc Châu ở Lạng Sơn.

(Bấy giờ thổ quan phủ Tư Minh, Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành báo lên rằng Lộc Châu là đất cũ của phủ ấy).

Quý Ly sai hành khiển Hoàng Hối Khanh làm cát địa sứ. Hối Khanh đem các thôn như Cổ Lâu, gồm cả thảy 59 thôn trả cho nhà Minh. [48a] Quý Ly trách mắng, lăng nhục Hối Khanh vì trả lại đất nhiều quá. Những thổ quan do bên kia đặt, [Quý Ly] đều bí mật sai thổ nhân ở đó đánh thuốc độc giết đi.

Hán Thương lệnh cho những nơi đầu nguồn ở các trấn nộp gỗ làm cọc. Châu Vũ Ninh thì cho phép lấy gỗ ô mễ ở lăng Cổ Pháp đưa đến cho các quân đóng cọc ở các cửa biển và những nơi xung yếu trên sông Cái để phòng giặc phương Bắc.

Năm ấy đói.

Hán Thương lệnh cho các quan phủ, lộ, châu, huyện kiểm xem các nhà giàu có bao nhiêu thóc, bảo họ bán cho dân, số lượng nhiều ít khác nhau.

Mùa hạ, tháng 6, sét đánh vào Đông cung (tên nô cùng vú nuôi của Đông cung bị chết). Hán Thương có lệnh cầu lời nói thẳng.

Đại xá.

Hán Thương nghị bàn việc dời các cung điện ở Đông Đô tới làm ở động Cổ Liệt¹.

Bấy giờ giặc phương Bắc sắp sang mà dân thì đã lâu ngại đi phục dịch nơi xa, cho nên đặt ra kẻ ấy để thu phục lòng người. Nhưng rốt cuộc không làm được.

Hán Thương đặt 4 kho quân khí. Không kẻ là quân hay dân, hễ ai khéo nghề [48b] đều sung vào làm việc.

1. *Động Cổ Liệt* : theo chú thích của bản dịch cũ thì Cổ Liệt có thể là Kẻ Sét, tức xã Thịnh Liệt sau này, ở gần Hoàng Mai, Hà Nội.

Mùa thu, tháng 7, Quý Ly và Hán Thương đi tuần tra xem xét núi sông và các cửa biển, ở kinh lộ, vì muốn biết thế hiểm hay dễ của các nơi. Tháng 8 thì trở về.

Hán Thương sai bộ Lễ thi chọn nhân tài, đỗ được 170 người. Lấy Hồ Ngạn Thần, Lê Cung Thần sung làm thái học sinh lý hành¹ ; bọn Cù Xương Triều 6 người sung làm Tư Thiện đường học sinh. (Tư Thiện đường vốn là tên nhà học của thái tử triều Trần).

Nhà Minh sai bọn nội quan Nguyễn Tông Đạo sang.

Tháng 9, Hán Thương sai thi lại viên.

Hán Thương định quân Nam ban và Bắc ban chia thành 12 vệ ; quân Điện hậu đông và tây chia thành 8 vệ ; mỗi vệ 18 đội, mỗi đội 18 người ; đại quân thì 30 đội, trung quân thì 20 đội, mỗi doanh là 15 đội, mỗi đoàn là 10 đội ; cấm vệ đô thì 5 đội. Đại tướng quân thống lĩnh cả.

Hán Thương sai tả Hình bộ lang trung [49a] Phạm Canh sang nhà Minh xin giảng hòa, Thông phán Lưu Quang Đình làm phó sứ. Nhà Minh chỉ giữ một mình Canh ở lại mà cho Quang Đình trở về.

Quý Ly biếm Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa ; lấy Phong quốc giám quân cán Nguyễn Ngạn Quang làm Tuyên phủ sứ kiểm chức chế trí sứ trấn Tân Ninh. Quý Ly làm thơ ban cho Quang rằng :

*Biên quận thừa tuyên tư tráng chí,
Hùng phiên tiết chế hữu huy dụ.
Thanh từng bảo nhĩ tuế hàn tiết,
Bạch phát khoan dư tây cố ưu.
Huấn sức binh nông giai tự tự,
Giải đình trấn thủ thị hà thu.
Cần lao vật vị vô tri giả,
Tứ mục nguyên phi tế miện lưu.
(Trấn trị biên cương nuôi chí mạnh,
Hùng phiên tiết chế sẵn mưu hay.
Thông xanh người hãy bền tiết lạnh,
Tóc bạc ta người lo phía tây.
Rèn luyện binh nông đều giữ nghiệp.
Triệt hồi trấn thủ hỏi bao ngày ?
Cần lao chớ bảo không người biết,
Tua mũ đâu che nổi mắt này).*

1. Thái học sinh lý hành : thái học sinh chưa chính thức.

Quý Ly thấy mình tuổi đã 70, ban cho phụ lão các lộ từ 70 tuổi trở lên mỗi người hưởng tước 1 tư, đàn bà thì ban tiền. Ở kinh thành thì ban tước và ban tiệc rượu.

Hán Thương sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khánh đốc suất dân phu [49b] đắp thành Đa Bang¹ để chống giặc.

Khi ấy có ngôi đền bị dân phu phá hủy, Hối Khánh ban đêm chiêm bao thấy thần nhân đến báo, cho làm lại đền đó.

(Hối Khanh làm thơ có câu rằng :

Mao thiêm mệnh dã cung tiều thoán,

Lão mộc thì hồ ách phủ cân

(Mái tranh đành phận nơi đun nấu,

Cây cối thường khi chịu búa rìu).

Người thức giả biết là sau ông sẽ không được trọn vẹn).

Hán Thương sai quân vệ Đông Đô đóng cọc chặn cửa sông Bạch Hạc để chống giặc từ Tuyên Quang đến.

Hán Thương chiếu truyền An phủ sứ các lộ về triều, cùng với các quan ở kinh hợp bàn nên đánh hay nên hòa. Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hòa, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn. Tả tướng quốc Trùng nói :

“Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi !”

Quý Ly ban cho cái hộp trầu bằng vàng.

Sứ thân Ngô Sĩ Liên nói : Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trùng hiểu được [50a] điều cốt yếu đó. Không thể vì cớ là họ Hồ mà bỏ câu nói của Trùng.

Hán Thương cấm nấu rượu, vì lãng phí thóc gạo.

Hán Thương bãi bỏ quan hương đình.

Bính Tuất, /1406/, (Hán Thương Khai Đại năm thứ 4, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nhà Minh sai Chinh Nam tướng quân Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, mượn cớ đưa tên Trần Vương ngụ là Thiêm Bình về nước. Quân dừng lại ở địa đầu biên giới không đi.

Ngày mùng 8, Hoàng Trung đánh vào cửa ải Lãnh Kinh². Quân họ Hồ thất bại.

1. Theo CMCB12 thì thành Đa Bang ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong tỉnh Sơn Tây. Nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây.

2. Ở khoảng Đập Cầu, tỉnh Hà Bắc.

Sáng hôm đó, các quân thủy bộ giao chiến, nhị vệ đại tướng Phạm Nguyên Khôi, tướng chỉ huy quân Chân Cương là Chu Bình Trung, tướng chỉ huy quân Tam Phụ là Trần Nguyên Huyền, Tả Thần Dực quân Trần Thái Bộc đều thua chết. Tả tướng quốc Trường bỏ thuyền lên bờ, suýt bị vây, có người vội dìu xuống thuyền thoát được. Đó là vì thấy bên kia quân [50b] ít, coi thường chúng. Duy có Tả Thánh Dực quân Hồ Văn từ Vũ Cao dẫn quân tới đánh úp, giặc bị thua.

Trung liệu thế không địch nổi, đến trống canh hai nửa đêm trốn về. Tướng chỉ huy quân Hữu Thánh Dực Hồ Xạ, tướng chỉ huy quân Thánh Dực Bắc Giang Trần Đình đã được lệnh chặn đánh ở cửa ải Chi Lăng từ trước. Quân Minh bèn đưa giải Thiêm Bình cho ta và sai quân y Cao Cảnh Chiêu gửi thư hàng nói rằng :

“Quan tổng binh Hoàng sai tiểu nhân tới đây trình bày ngài biết việc này : Trước vì Thiêm Bình chạy sang triều đình tâu rằng hần chính là con của quốc vương An Nam, vì thế mới sai đại binh sang chiêu dụ. Không ngờ trăm họ xứ này đều không phục, rõ ràng là hần nói bậy. Nay lui quan quân về tâu với triệu đình thì bị quan ải dọc đường ngăn giữ, nghẽn lối không qua được. Nay đem Thiêm Bình tới nộp, xin thả cho đi thì may lắm”.

Hồ Xạ cho phép. Vì thế, tuy bắt được nhiều tù binh mà [51a] người Minh vẫn có kẻ trốn được.

Lễ dâng thắng trận xong, tra hỏi Thiêm Bình là tông phái nào, Thiêm Bình không chịu nói. Lệnh người nào nhận biết được Thiêm Bình thì thưởng tước 1 tư, nhưng không ai dám nhận. Xử tội lảng tri.

Thiêm Bình là gia nô của Trần Nguyên Huy, tức là Nguyễn Khang. Các tù binh bắt được đưa đi Nghệ An để làm ruộng, bọn quan lại thì giữ ở kinh giao cho các nhà quyền quý nhận nuôi.

Nội cấm y vệ nhà Minh Phạm Chất nói với Hán Thương rằng Lưu Quang Đình vâng mệnh đi sứ đến Bắc Kinh có lấy Thiêm Bình. Ngay hôm ấy bắt Quang Đình đem chém.

Hán Thương thưởng chiến công, mỗi người tước 3 tư. Hồ Xạ vì nghe kẻ người Minh bắt giải Thiêm Bình để đến nỗi bọn Hoàng Trung chạy thoát, không được vạn toàn, nên Xạ và những thuộc hạ của ông chỉ được thưởng 2 tư. Các quan văn võ trong ngoài dâng biểu mừng, [Hán Thương] từ chối không nhận.

Khởi quân Minh mới vào [51b] cõi, ra lệnh cho nhân dân đều phá bỏ hết lúa má ; các xứ Lạng Châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đái, đều nghiêm

chính làm vườn không nhà trồng. Quân Minh rút đi, nhân dân lại phục nghiệp như cũ.

Hán Thương sai An phủ sứ Tam Giang là Trần Cung Túc sang nhà Minh cầu hòa và giải thích sự việc Thiêm Bình, Thông phán Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán Tường Tư làm tông sự. Nhà Minh giữ họ lại, sau bắt được hai [cha con] họ Hồ mới thả về.

Hán Thương gọi Tuyên phủ sứ Thăng Hoa Nguyễn Ngạn Quang về làm Đại lý chính ; lấy Trấn phủ sứ Nghĩa Châu là Lê Quang Tổ làm Tuyên phủ sứ Thăng Hoa. Hối Khanh giữ chức Hành khiển tả ty thị lang kiêm lĩnh thái thú Thăng Hoa, tiết chế Tân Ninh, chuyển quyền cai trị một phương. Đỗ Mãn thôi chức Thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự, lấy Hành khiển Binh bộ thượng thư kiêm Thiên Ngưu vệ đại tướng quân Đỗ Nhân Giám thay. [52a] Nội nhân coi quân Thiên Cương là Ngô Miễn làm Hành khiển thượng thư lệnh hữu tham tri chính sự kiêm coi các lăng phủ Thiên Xương.

Tháng 6, đình tháp Báo Thiên đổ, An phủ sứ Đông Đô Lê Khải không báo tin, bị biếm 1 tư.

Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung Trần Ngạn Chiêu bị bãi làm Hộ bộ thượng thư, lấy Thiêm tri nội mật kiêm tri Thảm hình viện sự Nguyễn Cẩn làm Hành khiển môn hạ hữu ty lang trung.

Hán Thương bổ thêm hương quân, lấy người có phẩm tước tạm trông coi. Chiêu mộ những người vong mệnh làm quân dũng hãn, đặt các chức thiên hộ, bách hộ để cai quản.

Quý Ly chiêm bao thấy thần nhân ngâm bài thơ rằng :

*Nhị nguyệt tại gia,
Tứ nguyệt loạn hoa,
Ngũ nguyệt phong ba,
Bát nguyệt sơn hà,
Thập nguyệt long xa.
(Tháng hai ở nhà,
Tháng tư loạn hoa,
Tháng năm sóng gió,
Tháng tám núi sông,
Tháng mười xe rồng).*

Mùa thu, tháng 7, Hán Thương ra lệnh cho các lộ đóng cọc gỗ ở bờ phía nam sông Cái, từ thành Đa Bang đến Lỗ [52b] Giang và từ Lạng Châu đến Trú Giang ¹ để làm kế phòng thủ.

Hán Thương lệnh cho dân Tam Đái và Bắc Giang tích trữ lương thực, vượt sông sang làm nhà cửa ở chỗ đất hoang, chuẩn bị di cư đến đó.

Hán Thương gọi các quan cũ chờ lệnh bổ dụng.

Tháng 9, nhà Minh sai Chinh Di hữu phó tướng quân đeo ấn Chinh di phó tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ, Tham tướng Huỳnh Dương bá ² Trần Húc, đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Pha Lũy ³ cứ một toán mai phục, một toán hành quân, thay phiên nhau cứu ứng lẫn nhau.

Chinh Di tả phó tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh, Tham tướng hữu quân đô đốc đồng tri Phong Thành hầu Lý Bân cũng đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Phú Lệnh ⁴, xẻ núi, chặt cây, mở đường tiến quân. Hai đạo quân tổng cộng là 80 vạn.

Tháng 11 [quân Minh] hội ở sông Bạch Hạc, bày doanh trại bờ bắc sông Cái, đến tận Trú Giang.

Hán [53a] Thương hạ lệnh cho quân ở sông Cái theo sự tiết chế của Tả tướng quốc Trường, quân ở Trú Giang theo sự tiết chế của Thiêm văn triều chính Hồ Đồ. Phía ngoài liên kết chiến hạm của thủy quân, trên bờ thì binh tượng của ta đóng đối diện với doanh trại giặc, nhưng chưa từng giao chiến trận nào.

Trước đó, nhà Minh sai Thái tử thái phó Thành quốc công Chu Năng làm tổng binh đeo ấn Chinh Di tướng quân đem quân xâm lược phương Nam. Năng đến phủ Thái Bình ở Quảng Tây thì chết. Trước đó Năng đã làm bằng văn kẻ tội họ Hồ, rêu rao là tìm người họ Trần cho khôi phục lại vương tước. Đến đây, bọn Phụ, Thạnh viết lời bằng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bằng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa.

Bọn Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn và Nguyễn Huân mạo nhận là họ Mạc đều là những kẻ bất đắc chí, đón hàng quân Minh, người Minh đều trao cho quan chức. Sau Thúy làm đến tham chính ; Địch làm đến chỉ huy [53b] sứ ;

1. Có lẽ là khoảng hạ lưu sông Thương.

2. CMCB12 chép là Văn Dương bá.

3. Tức cửa ải Nam Quan ngày nay.

4. Một cửa ải gần thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

Viễn làm đến diêm vận sứ ; Huân làm đến bố chính ; (Thủy, Dịch, Viễn là cháu Mạc Đĩnh Chi).

Mùa đông, tháng 10, người Minh lại đến. Từ sông Lô trở lên bắc lại thực hiện đồng không nhà trống như lần trước.

Tháng 12, ngày mùng 2, người Minh chiếm được Việt Trì, bờ sông Mộc Hoàn và chỗ đóng cọc ở sông Bạch Hạc. Tướng chỉ huy quân Tả Thánh Dực Hồ Xạ không giữ nổi, phải dời hàng trận sang phía nam sông Cái.

Đêm mùng 7, người Minh cho khiêng thuyền ra bờ phía bắc bãi sông Thiên Mạc. Tướng quân Trần Đĩnh đánh bại quân Minh. Tướng Minh đem những tên thoái lui thi hành quân lệnh, binh lính chúng liều chết cố đánh, tự nguyện lập công.

Đêm ngày mùng 9, quân Minh đánh úp quân họ Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy quân Tả Thần Dực Nguyễn Công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không phòng bị, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt, lặng im không có tiếng động của chiến trận. Thủy quân ở phía trên và phía dưới không ai đến cứu, chỉ từ xa xin tả tướng quốc Trùng xem ai [54a] có thể thay giữ chỗ đó. Quân Minh liền vượt sông làm cầu phao để sang.

Sáng ngày 12, người Minh là Trương Phụ dẫn đô đốc Hoàng Trung, đô chỉ huy Thái Phúc tiến công phía tây bắc thành Đa Bang. Mộc Thạnh dẫn bọn đề đốc Trần Tuấn, tiến công phía đông nam thành. Xác chết chất cao ngang với thành mà giặc vẫn tiến đánh, không tên nào dám dừng lại. Bọn Nguyễn Tông Đỗ, tướng chỉ huy quân Thiên Trường đào thành cho voi ra. Người Minh dùng hỏa tiễn bắn voi. Voi lui lại, người Minh theo voi đánh vào. Thành liền bị hạ. Các quân ở dọc sông đều tan vỡ, lui giữ Hoàng Giang. Người Minh vào Đông Đô bắt cướp con gái, ngọc lụa, thống kê lương chứa, chia quan làm việc, chiêu tập dân xiêu tán, làm kẻ ở lâu dài. Chúng thiên hoạn nhiều con trai nhỏ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm đưa về Kim Lăng.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ TOÀN THƯ

QUYỂN IX

[1a]

KỶ HẬU TRẦN

GIẢN ĐỊNH ĐẾ

Tên húy là **Ngỗi**, con thứ của **Nghệ Tông**, tên hiệu cũ là **Giản Định**, họ **Hồ** đổi phong là **Nhật Nam Quận Vương**. Cuối đời **Hồ**, khởi binh khôi phục nhà **Trần**. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong, chẳng phải vì không may.

Đinh Hợi Hưng Khánh năm thứ 1 [1407], (từ tháng 10 trở về trước là **Hán Thương Khai Đại** năm thứ 5, **Minh Vĩnh Lạc** năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 20, Tả tướng quốc **Hồ Trưng** tiến quân đến sông **Lô**, quân **Minh** giữ hai bên bờ sông đánh kẹp lại, quân **Trưng** thất bại, lui giữ cửa **Muộn**¹. **Quý Ly** và **Hán Thương** đều trở về **Thanh Hóa**. Kinh lộ phần nhiều theo giặc làm phản. **Hồ Đồ**, **Hồ Xạ** bỏ **Bình Than** qua **Thái Bình**, **Đại Toàn** đến cửa **Muộn**², hợp sức đắp lũy, đúc hỏa khí, đóng thuyền chiến để chống giặc. Quyên mộ tiền của, ai đóng góp thì bản thân được ban [1b] tước, nếu là con trai thì được lấy con gái tôn thất và được cấp 10 mẫu ruộng.

Thị trung của họ **Hồ** là **Trần Nguyên Chỉ** cùng công chúa **Thiên Huy** dẫn nhân dân tránh loạn ra **Đồ Sơn**, trung thư lệnh **Trần Sư Hiền** cùng công chúa **Thiên Gia** ngược dòng sông **Cái** đều đầu hàng quân **Minh**.

Tướng chỉ huy quân **Thần Đình** của họ **Hồ** là **Ngô Thành** nhân gió theo nước triều lên tiến đánh, đột kích đến **Giao Thủy**. **Phụ**, **Thạnh** chia quân ra hai bên bờ sông chặn đánh. **Thành** thế cô bị hãm trận chết, được truy tặng **Kiều** về tướng quân.

1. *Cửa Muộn* : (nguyên văn là *Muộn Khẩu*) là cửa sông **Hồng** ở huyện **Xuân Thủy**, tỉnh **Nam Hà**, thuộc đất **Giao Thủy** cũ, nhưng nay đã bị lấp.

2. *Thái Bình, Đại Toàn* : là hai cửa sông. *Thái Bình* là cửa sông **Thái Bình** ở huyện **Vĩnh Bảo**, **Hải Phòng**. *Đại Toàn* có lẽ là cửa sông **Điểm Hộ** tỉnh **Thái Bình**.

Người Kiến Hưng là Nguyễn Nhật Kiêm tự tập bè đảng giết viên Trấn phủ sứ Phan Hòa Phủ rồi đầu hàng Trương Phụ (sau Nhật Kiêm kiêu căng không giữ phép, bị Phụ giết).

Quân Minh đối lũy với quân Hồ, ngày đêm đánh nhau, vì nắng mưa, dịch bệnh, lại bùn lầy ẩm ướt khó ở, chúng bèn dời đến đóng ở cửa Hàm Tử, lập doanh trại phòng bị nghiêm ngặt. Tả tướng quốc Trừng và Hồ Đỗ cũng dời quân đến Hoàng Giang, lại đón Quý Ly, Hán Thương từ [2a] Thanh Hóa tới. Bấy giờ người ở Kinh lộ bị quân Minh sai khiến và mất cả gia thuộc, mang lòng oán hận, các quân nhân và tráng đinh đều đến cửa quân tự nguyện gắng sức lập công.

Tháng 3, ngày 13, Tả tướng quốc Hồ Trừng cùng Hồ Đỗ, Đỗ Mãn tiến quân đến cửa Hàm Tử.

Hồ Xạ và Trần Đình chỉ huy quân bộ ở bờ nam ; Đỗ Nhân Giám, Trần Khắc Trang chỉ huy quân bộ ở bờ bắc ; Nguyễn Công Chửng chỉ huy 100 chiến thuyền làm tiên phong. Trừng và Đỗ ở trong doanh Bọn Đỗ Mãn, Hồ Ván chỉ huy quân thủy. Quân thủy, quân bộ tổng cộng 7 vạn người, nói phao là 21 vạn, đều tiến đánh. Người Minh chia hai mặt thủy bộ xông ra. Quân hai bên bờ sông của họ Hồ quay ngược giáo nhảy xuống chết, chỉ có thủy quân thoát được. Nhưng các thuyền chiến và thuyền chở lương đều bị chìm, không một người nào sống sót về được.

Khi ấy Hồ Xạ biết người Minh có mai phục, không chịu tiến quân. Hồ Đỗ [2b] sai người đến trách rằng : “Tướng quân sao không đánh giặc ?”. Xạ bèn tiến đánh, bị thua. An phủ sứ Bắc Giang Nguyễn Hy Chu bị Trương Phụ bắt sống. Hy Chu chửi Phụ là giặc tàn bạo, bị Phụ giết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 1, nhà Minh xuống chiếu cho tìm khắp nơi con cháu họ Trần lập làm quốc vương. Bọn quan lại và bô lão nhiều lần nói là đã bị họ Lê giết hết cả, không còn ai có thể nối dõi nhà Trần được nữa. Nước An Nam vốn là đất Giao Châu, xin được trở lại làm quận huyện như xưa để cùng dân đổi mới. [Nhà Minh] đặt Giao Chỉ Đô chỉ huy sứ ty, Thừa tuyên bố chính sứ ty, Đề hình án sát sứ ty cùng các nha môn vệ, sở, phủ, châu, huyện. Lấy Đô chỉ huy Lữ Nghi giữ đô ty. Bắc Kinh hành bộ Thượng thư Hoàng Phúc giữ hai ty Bố chính và Án sát. Lại cấm sai phái và ngừng thu các loại thuế 3 năm.

Quý Ly và Hán Thương dẫn các tướng tá và quan lại [3a] vượt biển trở về Thanh Hóa.

Ngày 23, quân Minh đánh vào Lôi Giang¹, quân Hồ không đánh mà tan.

1. *Lôi Giang* : một nhánh của sông Mã ở huyện Vinh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, hạ lưu thông với sông Đại Lải.

Ngày 29, quân Minh đánh vào cửa biển Điền Canh¹, quân Hồ bỏ thuyền tự tan vỡ. Hai [cha con] họ Hồ định lánh đến Thâm Giang² nhưng không thành. Ngụy Thức xin hai cha con họ Hồ tự thiêu. Ông nói :

“Nước đã sắp mất, bậc vương giả không chết bởi tay kẻ khác”.

Quý Ly giận, chém chết.

Tháng 5, ngày mùng 5, quân Minh đánh vào cửa biển Kỳ La³, châu Nhật Nam. Nguyễn Đại (Nguyễn Đại trước thờ họ Hồ, sau phản lại họ Hồ, đầu hàng quân Minh, đến đây dẫn người Minh sang xâm lược) bắt được Hữu tướng quốc Quý Tỳ và con ông là Phán trung đô Nguyễn Cửu⁴

Ngày 11, quân Minh đánh vào Vinh Ninh⁵. Bọn vệ quân Vương Sài Hồ 7 người bắt được Quý Ly ở bãi Chỉ Chỉ ; Giao Châu hữu vệ quân là bọn Lý Bảo 10 người bắt được Tả tướng quốc Trừng ở cửa biển Kỳ La.

Ngày 12, đầu mục bộ hạ của Mạc Thúy [3b] là bọn Nguyễn Như Khanh bắt được Hán Thương và thái tử Nhuế ở núi Cao Vọng⁶.

Bọn Hồ Đỗ, Phạm Lục Tài, Nguyễn Ngạn Quang, Đoàn Bồng đều bị bắt. Còn bọn Trần Nhật Chiêu, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Cẩn, Đỗ Mân đều đã đầu hàng từ trước.

Duy có Hành khiển hữu tham tri chính sự Ngô Miễn, Trục trưởng Kiều Biều nhảy xuống nước chết. Khi Miễn chết, vợ là Nguyễn thị ngửa mặt lên trời than rằng :

“Chồng ta thờ chúa, một đời ăn lộc, ngày nay giữ tiết nghĩa mà chết, thế là chết xứng đáng, còn oán hận gì nữa ? Nếu thiếp muốn sống cho qua ngày, chẳng lẽ lại không còn chỗ đến nữa hay sao ? Nhưng đạo chồng, ơn vua, một chốc mà phụ bạc thì thiếp không nỡ nào ! Chỉ bằng, xin theo nhau !”.

Nói xong, cũng nhảy xuống nước chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vợ Ngô Miễn là Nguyễn thị, không những chỉ chết vì nghĩa mà [4a] thôi, câu nói của bà cũng đủ làm lời khuyên cho đời, cho nên chép ra đây để nêu gương.

Trước hai [cha con] họ Hồ đến Kỳ La là định chạy vào Tân Bình. Dân ở đó, có một phụ lão ra bái yết thưa rằng :

1. *Điền Canh* : sau là cửa Ghép hay cửa Móm thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
2. Tức cửa sông Ngàn Sâu ở tỉnh Hà Tĩnh.
3. *Cửa Kỳ La* : ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
4. CMCB 11 chép là Vô Cửu.
5. *Vinh Ninh* : tức là Vinh Lộc ở Thanh Hóa sau này, nơi có thành nhà Hồ.
6. *Núi Cao Vọng* ; ở huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

"Xứ này tên là Kỳ Lê¹, trên có núi Thiên Cầm là diềm không lành. Xin chờ lưu lại".

[Quý Ly] liền chém người ấy. Đến đây, quả nhiên bị bắt trời ở chỗ ấy.

Người Minh thống kê những thứ đã thu được : 48 phủ, châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu bò, 8.865 chiếc thuyền.

Trước đây, Hoàng Hối Khanh nhận lệnh cai trị Thăng Hoa. Khi đến quận, dùng thổ quan là Đại tri châu Đặng Tất và Phạm Thế Căng làm tâm phúc. Tất cùng Tả châu phán Nguyễn Rỗ vốn ghen ghét nhau vì công trạng. Gặp khi hai họ Hồ chạy về phía tây, [4b] bị quân Minh đánh gấp, viết thư báo Hối Khanh lấy một phần ba số dân di cư khi trước, gộp với quân lính địa phương giao cho Rỗ chỉ huy để làm quân cần vương, lại sắc phong cho Cồ Lũy huyện thượng hầu Chế Ma Nô Đà Nan làm Thăng Hoa quận vương để vỗ yên dân Chiêm Thành. Hối Khanh đều giấu đi không cho mọi người biết.

Đến khi Chiêm Thành cất quân định thu lại đất cũ, dân di cư sợ chạy tan cả, bọn Hối Khanh trở về Hóa Châu, chỉ một mình Ma Nô Đà Nan chống nhau với Chiêm Thành, thế cô sức nung, bị người Chiêm giết chết. Hối Khanh trước đã thề bồi với dân Nghĩa Châu. Rỗ biết Tất và Hối Khanh có ý đồ khác nên không đi dự thề. Hối Khanh trở về Hóa Châu, thì Rỗ đưa dân di cư đi đường bộ đến chậm, Tất đi đường thủy đến trước, Trần phủ sử lộ Thuận Hóa là Nguyễn Phong ngăn không cho vào. Tất cố sức đánh, giết Phong, vào được thành, lại đánh nhau với Rỗ [5a] hơn một tháng. Rỗ không có viện binh, liền đem gia quyến sang Chiêm Thành. Hối Khanh đem giết mẹ và gia thuộc của Rỗ. Chiêm Thành cho Rỗ làm quan to. Sau nhà Minh đòi Rỗ đến Kim Lăng, giả cách cho làm Hồ Quảng chỉ huy sứ, rồi giết đi.

Hai cha con họ Hồ đã thất bại, Thế Căng trở về Tân Bình, đón hàng người Minh ở Nghệ An nhận chức Tri phủ của Trương Phụ, cướp bóc của dân rồi trở về. Chiêm Thành lại chiếm cứ Thăng Hoa, rồi sang cướp Hóa Châu. Tất xin với Phụ cho làm quan để cai quản Hóa Châu. Chiêm Thành dẫn quân rút về. Đến đây, Tất sai người đưa Hối Khanh về, đến cửa biển Đan Thai² thì Hối Khanh tự vẫn. Phụ đem thủ cấp của Khanh ra bêu ở chợ Đông Đô.

Trương Phụ, Mộc Thạnh sai Đô đốc thêm sự Liễu Thăng ; Hoành hải tướng quân Lỗ Lân ; Thần cơ tướng quân Trương Thăng, Đô chỉ huy sứ Du Nhượng ; Chỉ huy đồng tri Lương Định ; Chỉ huy thêm sự Thân [5b] Chỉ bắt giải Quý Ly và các con là Hán Thương, Trùng, Triết, Uông, các cháu là Nhuế, Lô, Phạm,

1. Kỳ Lê 羈黎 là do chữ Kỳ La đọc chệch ra, có nghĩa là "trời họ Lê", Thiên Cầm 天擒 có nghĩa là "trời bắt". Thực ra nơi ấy tên là "Thiên Cầm" 天琴 nghĩa là "đàn trời". Người phụ lão không muốn họ Hồ lưu lại, nên nhân thanh âm gần nhau mà nói chệch đi để đánh lừa.

2. Cửa biển Đan Thai : tức Cửa Hội (cửa sông Lam) ở tỉnh Nghệ An.

cháu nhỏ là Ngũ Lang, em là Quý Tỳ, cháu gọi bằng bác là Nguyên Cửu, Tử Tuynh, Thúc Hoa, Bá Tuấn, Đình Việp, Đình Hoảng ; các tướng thần là Đông Sơn hương hầu Hồ Đổ, Hành khiển Nguyễn Ngạn Quang, Lê Cảnh Kỳ ; các tướng quân là huyện bá Đoàn Bồng, đình bá Trần Thang Mông, trung lang tướng Phạm Lục Tài cùng các án tín đến Kim Lăng để dâng.

Vua Minh hỏi rằng : “Trung Quốc như vậy, sao không sợ phục mà dám lão xược chống cự ?”.

Đều trả lời là không biết.

Vua Minh nói : “Tùng sai sứ giả sang bảo, không phải là không biết”.

Nhà Minh vờ cho Vương Nhữ Tương, Đồng Ngạn Hú, Nguyễn Quân, Lê Sứ Khải làm Kinh Bắc¹ thị lang và tham chính ở Sơn Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, sai người đưa đi, đến nửa đường thì giết.

Mùa thu, tháng 7, gió lớn, [6a] nước to.

Người Minh lùng tìm những người ẩn dật ở rừng núi, người có tài có đức, thông minh chính trực, giỏi giang xuất chúng, thông kinh giỏi văn, học rộng có tài, quen thuộc việc quan, chữ đẹp tính giỏi, nói năng hoạt bát, hiểu dễ lực điền, tướng mạo khôi ngô, khỏe mạnh dũng cảm, quen nghề đi biển, khéo các nghề nung gạch, làm hương... lục tục đưa dần bản thân họ về Kim Lăng, trao cho quan chức, rồi cho về nước làm quan phủ, châu, huyện. Những người có tiếng tăm một chút đều hưởng ứng.

Duy có Bùi Ứng Đầu từ chối, lấy cớ đau mắt, bọn hạ trai học sinh Lý Tử Cấu mấy người lui ẩn không chịu ra mà thôi. Bấy giờ có câu ngạn ngữ : “Muốn sống vào ẩn núi rừng, muốn chết làm quan triều Ngô”². Đến khi Thái Tổ Cao Hoàng đế³ ta diệt trừ bọn hung tàn, bọn ngụy quan, đũa nào có tiếng xấu đều bị giết hết, quả đúng như [6b] lời ấy.

Trương Phụ cho là Nguyễn Đại có công trong việc bắt hai cha con họ Hồ, trao cho chức Giao Chỉ đô chỉ huy sứ. Đại kiêu căng ra mặt, làm nhiều việc trái phép, say mê tửu sắc, lại ngầm có chí làm phản. Phụ bèn giết đi.

Tháng 8, Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân về, lưu lại đô ty Lữ Nghi, thượng thư Hoàng Phúc để trấn giữ. (Phúc người Xương Áp, tỉnh Sơn Đông). Trước đây, Hoàng Phúc đốc suất thổ binh tỉnh Quảng Tây điều vận lương thực, theo quân tiến đánh. Đến đây, được giữ lại. Phúc là người thông minh, giỏi ứng biến, có tài trị dân, người ta phục là giỏi.

1. Có lẽ là Bắc Kinh bị chép nhầm ra Kinh Bắc.

2. Nguyên văn : “Dục hoạt nhập ẩn sơn lâm, dục tử Ngô triều tể quan”.

3. Tức Lê Lợi.

Phan Phu Tiên nói : Họ Hồ mất nước, Nguyễn Hy Chu chửi giặc, Hồ Xạ, Đỗ Nhân Giám (Nhân Giám là con Đỗ Mãn) chết trận, Lê Cảnh Kỳ đến Kim Lăng không chịu ăn. Loại người như vậy, tựa hồ có thể khen là chết vì tiết nghĩa được. Nhưng Hy Chu từng xui họ Hồ giết họ Trần ; [7a] cha con Nhân Giám là kẻ tội cũ của nhà Trần, thế là phường ác giúp nhau. Anh ruột của Xạ là Ông Thiện can tội đảng [mưu giết Quý Ly] bị chết, Xạ không chút doái hoài, lại hăng hái đánh giặc cho Quý Ly. Thế là chỉ biết ăn lộc của ai chết vì người ấy là nghĩa mà không biết người ấy là kẻ bất nghĩa. Cảnh Kỳ là người chỉ lo thỏa mãn thân mình, kiếm chác lộc vị, không chết khi Quý Ly cướp ngôi mà chết lúc hấn bị bại vong thì không đáng khen. Còn như Ngô Miễn, Nguyễn Lệnh, Kiều Biểu vốn là kẻ hoạn quan, cái chết của bọn họ là điều nên lăm. Than ôi ! Dương Hùng nhảy từ trên gác xuống ¹ không phải là không trung nghĩa, nhưng khó tránh khỏi cái tội làm tôi cho Vương Mãng. Thiệu Hốt chết theo ² không thể coi là phải đạo, thế nhưng những kẻ phản trắc há chẳng thấy thế mà pháp phòng chột dạ hay sao ?

[7b] *Sử thần Ngô Sĩ Liên* nói : Ngày xưa, Hạ Trưng Thư giết Trần Linh Công, người trong nước không đánh giết được. Sở Tử vào nước Trần, giết Trưng Thư rồi dùng xe xé xác ở cửa thành, kinh *Xuân Thu* ca ngợi việc đánh giết đó.

Họ Hồ giết Trần Thuận Tông mà cướp lấy nước, những người như Trần Hăng, Trần Khát Chân mưu giết mà không được. Sau khi họ chết, trong khoảng 7, 8 năm, không còn ai có thể làm được việc ấy nữa. [Họ Hồ] tự cho là người trong nước không còn ai dám làm gì nữa. Nhưng bọn loạn thần tặc tử thì ai ai cũng có thể giết chúng được và trời cũng không một ngày nào tha trừng phạt chúng dưới gầm trời này ! Người trong nước giết chúng không được thì người nước láng giềng có thể giết, người nước láng giềng giết không được thì người Di người Địch có thể giết. Vì thế người Minh mới có thể giết được chúng. Còn như [người Minh] giả nhân giả nghĩa, sát hại sinh linh thì chính là một bọn giặc tàn bạo. [8a] Cho nên Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta lại có thể tiêu diệt được bọn chúng.

Than ôi, bọn phạm tội đại ác làm sao trốn được sự trừng phạt của trời ? Đạo trời rõ ràng như vậy, đáng sợ thay !

1. *Dương Hùng* : làm đại phu nhà Hán, Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Hùng theo Mãng. Sau vì liên quan việc Lưu Phán, sứ giả đến bắt, Dương Hùng nhảy từ gác Thiên Lộc xuống đất gần chết, được Mãng tha tội.
2. *Thiệu Hốt* : là bề tôi của công tử Từ Cù nước Tề, định đưa Từ Cù từ nước Lỗ về tranh ngôi với anh là Tiểu Bạch (Tề Hoàn Công). Sau Từ Cù bị giết, Thiệu Hốt chết theo.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 2, Giản Định Đế lên ngôi ở Mô Độ¹, châu Trường Yên, dựng niên hiệu là Hưng Khánh. Trước đó, Trương Phụ yết bảng bắt các tôn thất họ Trần và đầu mục quan lại cũ để đưa về. Vua trốn chạy đến Mô Độ. Người Thiên Trường là Trần Triệu Cơ đem quân đến lập lên ngôi, xưng theo tên hiệu cũ².

Tháng 4, quân Minh đánh vào hành dinh, vì quân mới chiêu tập, không đánh mà tan vỡ. Vua liền đi về phía tây, đến Nghệ An tạm đóng lại đó. Đại tri châu Hóa Châu là Đặng Tất nghe tin, giết viên quan nhà Minh, đem quân tới hội, tiến con gái mình sung vào hậu cung. Vua phong Tất [8b] làm Quốc công, cùng mưu việc khôi phục.

Người Minh ngờ viên thổ quan là Hữu tham nghị Bùi Bá Kỳ có bụng khác, bắt đưa về Kim Lăng.

Bá Kỳ (người Phù Nội, Hạ Hồng) vốn là phe Trần Khát Chân, tự xưng là bề tôi trung nghĩa của Nam triều, trốn sang nước Minh, vừa gặp tên Trần vương nguy là Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi có biết không, Bá Kỳ trả lời là không biết.

Đến khi nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước, hỏi Thiêm Bình cần bao nhiêu quân, Thiêm Bình nói: “Chẳng qua vài nghìn thôi, đến đó người ta tự nguyện hàng phục”. Bá Kỳ nói rằng không thể được. Vua Minh giận, phế bỏ Bá Kỳ, đem an trí tại Thiêm Tây, Cam Túc.

Đến khi Thiêm Bình thất bại, vua Minh gọi Bá Kỳ về ban sắc cho, ân cần hứa hẹn lập con cháu nhà Trần và để Bá Kỳ làm phụ thần, rồi sai Kỳ đi theo quân, nên trao cho chức ấy. Bá Kỳ không dưng với đồng liêu ở nha môn, chỉ ở nhà riêng thu nạp các viên quan cũ bị sa cơ lỡ bước. Bấy giờ [9a] viên thổ hào ở Đông Triều là Phạm Chấn lập Trần Nguyệt Hồ làm vua ở Bình Than, đề cử chiêu an gọi là Trung nghĩa quân, cho nên người Minh ngờ Bá Kỳ. Sau Trần Nguyệt Hồ bị người Minh bắt, Phạm Chấn bỏ trốn.

Tháng 12, vua sai Trần Nguyên Tôn, Trần Dương Đình, cộ hành khiển Trần Ngạn Chiêu lại cùng Phạm Chấn thu quân về Bình Than. Không bao lâu bị tan vỡ, chạy về hành tại Nghệ An.

Giết bọn nguy quan Trần Thúc Dao, Trần Nhật Chiêu và thuộc hạ hơn 500 người.

Trước đây, người Minh lấy tôn thất họ Trần là Trần Thúc Dao (là con Trần

1. Mô Độ : bên Yên Mô, ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.
2. Giản Định Đế tên húy Ngỗi, trước được phong là Giản Định Vương, nhà Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Đến đây xưng theo tên hiệu cũ là Giản Định.

Nguyên Đán) giữ đất Diễn Châu, cựu tướng quân Trần Nhật Chiêu giữ đất Nghệ An. Đến đây, vua lên ngôi, vì họ không đón rước trước nên bị giết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Thiên hạ đại loạn, nhân dân Nghệ, Diễn Châu biết [9b] ai là chân chúa. Thúc Dao là con người tôn thất, Nhật Chiêu là tướng quân cũ, nhận quan tước của nhà Minh, giữ đất, trị dân, dân không theo có được không ? Giết Thúc Dao và Nhật Chiêu là phải, còn bọn thuộc hạ nên vỗ về mà dùng, thì chúng không cảm kích ơn đức đó hay sao ? Thế mà lại giết nhiều như vậy, sao gọi là quân nhân nghĩa được ? Xem như Lê Tiết và Lê Nguyên Đĩnh ngầm hợp quân ở Hát Giang, mưu đánh úp Trùng Quang Đế, mà Trùng Quang Đế chỉ giết có Tiết và Nguyên Đĩnh thôi, còn đều tha cả, so với Giản Định Đế thì dường nào hơn ?

Năm ấy đói và dịch bệnh, nhân dân không cày cấy được, người chết gối lên nhau.

Mậu Tý /*Hưng Khánh*/ năm thứ 2 /1408/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 30, tướng nhà Minh là Trương Phụ cùng bọn thổ quan Mạc Thủy đánh vào Diễn Châu. Vua và Đặng Tất vì quân ít không địch nổi, rút về nam đến Hóa [10a] Châu. Quân Minh đuổi theo, đánh vào cửa biển Bồ Chính¹, Phạm Thế Căng đón hàng, Phụ trao cho chức tri phủ Tân Bình, rồi đặt lưu quan để chia trị. Phụ trở về Đông Đô.

Mùa hạ, tháng 4, Đặng Tất rước vua trở về Nghệ An.

Nhà Minh xuống chiếu, đại lược nói :

“Còn nghĩ bọn dư chúng² vốn là ngu muội, hoặc vì đói nghèo bức bách, hoặc bị kẻ mạnh bắt ép, hoặc bị bọn gian dụ dỗ, việc không thể dùng, tình cũng đáng thương, nếu nhất loạt bắt tội cả, trăm thực không nỡ. Khi chiếu thư này tới, đều tha cho cả. Quan lại ở các nha môn, quân dân thuộc đất Giao Chỉ hãy thể lòng chí nhân của trăm phải khoan hồng thương xót, chớ làm ráo riết, chớ vơ vét của dân, hết thấy những việc không cần kíp phải ngừng bỏ cả”.

Tháng 6, ngày 16, Đặng Tất cả phá tên bạn thân Phạm Thế Căng ở cửa biển Nhật Lệ, bắt được Thế Căng và cháu nó là Phạm Đổng Cao giải về hành tại giết [10b] đi.

Trước đó, Thế Căng nhận quan chức của nhà Minh, làm oai làm phúc tiếm xưng là Duệ Vũ Đại Vương. Đến đây, hợp quân chiếm cứ núi An Đại³. Tất đánh dẹp được.

1. Tức là cửa sông Gianh ở huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. *Dư chúng* : chỉ những người không chịu phục tùng nhà Minh.

3. *An Đại* : một ngọn núi ở huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Tháng 9, động đất, nhà cửa, cây cối như nghiêng đổ cả.

Mùa đông, tháng 10, quốc công Đặng Tất điều quân các lộ Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiến đánh Đông Đô. Khi quân đi qua các xứ Trường Yên, Phúc Thành¹, các quan thuộc cũ và các hào kiệt không ai không hưởng ứng đi theo. Tất chọn những người có tài đều trao cho quan chức.

Tháng 12, ngày 14, quốc công Đặng Tất cả phá quân Minh ở Bồ Cô hãn².

Bấy giờ nhà Minh sai tổng binh Mộc Thạnh mang tước Kiểm quốc công, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem 5 vạn quân từ Vân Nam đến Bồ Cô, vừa khi vua cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, sai các quân đóng cọc giữ, [11a] và lên hai bên bờ đắp lũy. Thạnh cũng chia quân thủy, quân bộ cùng cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh, các quân thừa cơ xông ra đánh, từ giờ Ty đến giờ Thân³, quân Minh thua chạy, chém được Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghi, cùng quân mới, quân cũ đến hơn 10 vạn tên. Chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát trốn về thành Cổ Lộng⁴.

Vua bảo các quân :

“Hãy thừa thế chẻ tre, đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông Quan⁵ thì chắc chắn phá được chúng”.

Tất tâu : “Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mối lo về sau”.

Do dự mãi không quyết định được. Quân giữ thành Đông Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về. Tất chia quân vây các thành, gửi hịch cho các lộ hành quân đánh giặc.

Phan Phu Tiên nói : Đặng Tất chỉ biết hành quân là gấp mà không biết cứu [11b] Đông Đô còn gấp hơn. Đông Đô có tầm hình thế của cả nước, chiếm được Đông Đô thì các lộ không đâu không hưởng ứng, hơn nữa hào kiệt trung châu đều ở cả đó. Bỏ nơi ấy mà không lo đánh chiếm, lại chia quân phân tán đi các xứ, vì thế hiệu lệnh không thống nhất, rốt cuộc đi đến sụp đổ là đáng lắm !

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Đường Thái Tông dùng binh, phần nhiều nhân thế chẻ tre mà giành thắng lợi, là vì có tư thế anh hùng mà tướng và quân vốn đã rèn sẵn. Vua tính kế quyết thắng nhưng

1. Trường Yên : là đất Ninh Bình ; Phúc Thành sau là xã Phúc An, huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.
2. Bồ Cô là tên một bên đò ở xã Bồ Cô, sau đổi là xã Hiếu Cổ, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc đất huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà.
3. Khoảng từ 11 giờ đến 16 giờ.
4. Thành do người Minh đắp, thuộc xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà, tục gọi là thành Cách.
5. Thành Đông Quan : tức là thành Đông Đô cũng là kinh đô Thăng Long cũ nay là Thủ đô Hà Nội.

Tất không theo, có nhiên là đáng tiếc. Song có lẽ Tất liệu vua mình không phải là bậc anh hùng như [Đường] Thái Tông, mà quân thì từ xa đến, lương thực có thể không tiếp tế được, còn quân ở kinh lộ thì chưa tập hợp được, chẳng thà theo phép hơn địch gấp 10 lần thì bao vây, hơn địch gấp 5 lần thì đánh¹ là hơn. Nếu không thế thì thành Cổ Lộng chỉ cách Bồ Cô không quá nửa ngày đường sao vẫn không thể thừa thế chẻ tre mà đánh, [12a] hướng chi thành Đông Quan. Kế ấy cũng chưa lấy gì làm hồng hắm, chỉ vì vua tin lời gièm mà vội giết Tất thôi. Than ôi, Đặng Tất sau khi phá được giặc mạnh, trở tài mới trong khoảng một tuần một tháng, công việc chưa làm được một nửa mà bị chết oan, đó là cái họa sụp đổ [của nhà Trần], chứ đâu phải là tội của Tất.

Quan quân đến phủ Kiến Xương, viên thổ quan đồng tri Trần Quốc Kiệt trốn vào rừng bị chết đói. Trần Phúc² nghe tin cho lập đền thờ.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Quốc Kiệt chết đói, không phải là giữ tiết nghĩa với nhà Minh, mà là xấu hổ vì nhận quan chức của nhà Minh đó ! Thế mới biết lòng hổ thẹn là đầu mối của điều nghĩa. Tiếc thay Quốc Kiệt không biết xấu hổ ngay từ đầu.

Kỷ Sửu, [Hưng Khánh] năm thứ 3 [1409], (từ tháng 3 trở đi là Trưng Quang đến năm thứ 1, Minh Vĩnh Lạc năm thứ 7). Mùa xuân, tháng 2, giết quốc công Đặng Tất [(12b)] và Đồng tri khu mật viện sự tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân.

Khi ấy vua đóng ở Hoàng Giang, nội nhân là Nguyễn Quĩ (có sách viết là) học sinh Nguyễn Mộng Trang mật tâu rằng Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền bỏ quan và cách chức, nếu không tính sớm đi, sau này khó lòng kiềm chế. Vua cho gọi hai người đến, bóp cổ giết Tất, Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua may thoát khỏi vòng vây hãm nguy hiểm, cầu người cứu giúp nạn nước, được cha con Đặng Tất có tài làm tướng, cha con Cảnh Chân giỏi bày mưu lược, đủ để lập được công khôi phục, dựng được nghiệp trung hưng. Với trận thắng Bồ Cô, thế nước lại nổi. Thế mà nghe lời gièm pha ly gián của bọn hoạn quan, một lúc giết hại hai người bề tôi phò tá, tự mình chặt bỏ chân tay vây cánh của mình, thì làm sao nên việc được !

1. Nguyên văn "Thập vi ngũ công" là cách nói tắt của câu : "Thập tác vi chi, ngũ tác công chi" trong binh pháp cổ Trung Quốc ("*Thông diễn*" và "*Tôn Tử thập gia chú*") nghĩa là : Hơn địch 10 lần thì bao vây, hơn địch 5 lần thì đánh. Ý nói là cách đánh cân thận chắc thắng.

2. Nên sửa là Hoàng Phúc.

Cho nên đức của người làm vua quý ở chỗ cương quyết, sáng suốt. Cương quyết thì có thể [13a] xử đoán được, sáng suốt thì có thể xét rõ được. Ôi, nếu lúc đó vua gọi hai đại thần đến, dẫn hai đứa ấy kể rõ tội gièm pha vu hãm đại thần rồi chém ngay chúng đi thì uy lệnh được thi hành và bọn Tất dưng cảm càng tăng, cảm kích càng sâu, giả sử có manh tâm chuyên quyền chẳng lẽ không sợ uy mà phải tự bỏ, sợ gì khó kiềm chế nữa. Đã không làm được như thế thì chỉ có long đong rồi đến chết chìm mà thôi !

Con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị, con Đặng Tất là Dung đều căm giận vì cha bị chết oan, mới đem quân Thuận Hóa về Thanh Hóa, đón rước Nhập nội thị trung Trần Quý Khoáng đến Nghệ An lên làm vua.

Tháng 3, ngày 17, vua lên ngôi ở Chi La¹, đổi niên hiệu là Trùng Quang, lấy Nguyễn Sứ là Thái phó, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Đặng Dung làm đồng bình chương [13b] sự, Nguyễn Chương làm Tư mã. Giản Định để giữ thành Ngự Thiên² chống nhau với quân Minh. Bọn Sứ hội đánh úp bắt được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, Hưng Khánh thái hậu³ cùng với hành khiển là Lê Tiết, Lê Nguyên Đĩnh ngầm khởi binh ở Hát Giang mưu đánh úp Trùng Quang Đế. Người Nghệ An là Nguyễn Trạo tiết lộ việc ấy. Trùng Quang Đế giết bọn Tiết và Nguyên Đĩnh, còn những người khác đều tha cả.

Ngày 20, bọn Nguyễn Sứ dẫn Hưng Khánh Đế đến sông Tam Chẽ⁴ ở Nghệ An, Trùng Quang đổi mặc áo thường xuống thuyền đón rước. Khi ấy trời đất đương tối sầm bỗng nhiên mây vàng rực rỡ hiện ra, mọi người đều kinh ngạc. Bèn tôn Hưng Khánh Đế làm Thượng hoàng, cùng chung sức đánh giặc.

Tháng 5, bà phi của Trùng Quang Đế mất.

Tháng 6, Hưng Khánh thái hậu mất.

Tháng 7, mưa dầm suốt mấy tuần không tạnh.

Tổng binh nhà Minh là Mộc Thạnh sai Hoàng La tới. Vua sai [14a] người tiếp hấn ở Nỗ Giang⁵, Thanh Hóa.

Hai vua ra quân đánh giặc. Thượng hoàng tiến quân tới Hạ Hồng, vua đem quân đến Bình Than, đóng dinh ở đấy. Quân Minh đóng ở cửa thành cố thủ. Vua hạ lệnh cứ 4, 5 ngày một lần đi tuần tra. Hào kiệt các lộ đều hưởng ứng, chỉ

1. Chi La : tên huyện, sau là huyện La Sơn, nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Ngự Thiên : tên huyện, trước là hương Đa Cường, có mộ tổ nhà Trần ở đấy nên gọi là Ngự Thiên, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
3. Mẹ của Đế Ngỗi.
4. Khúc sông Lam ở gần chân núi Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
5. Nỗ Giang : khúc sông Mã chảy qua làng Nguyệt Viên, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, còn gọi là sông Nguyệt Thường.

có tri phủ Tam Giang ¹ là Đỗ Duy Trung (Duy Trung là thổ hào ở Thao Giang) bảo dưỡng quan lại nhà Minh nên không chịu theo thôi.

Vừa khi tổng binh Trương Phụ, với tước Anh quốc công đeo ấn Chinh Di tướng quân sang cứu viện, thế quân Minh lại lên. Thượng hoàng liền bỏ thuyền lên bờ, đến trấn Thiên Quan ². Vua ngờ Thượng hoàng có ý khác, sai Nguyễn Súy đuổi theo nhưng không kịp. Trương Phụ chia quân đuổi theo, bắt được Thượng hoàng và Thái bảo Trần Hy Cát cùng ấn báu, giải về Kim Lăng, rồi bị hại.

Tháng 8, Trưng Quang Đế cầm cự nhau với Trương Phụ ở Bình Than.

Vua lệnh cho Bình chương Đặng Dung giữ cửa Hàm Tử. Bấy giờ [14b] lương thực rất thiếu thốn, Dung chia quân đi gặt lúa sớm để cấp cho quân. Quân Minh dò biết, dùng thủy quân đánh cửa Hàm Tử, quân của Dung tan vỡ. Vua nghe tin thất thủ, tự lượng không chống nổi, mới dẫn quân về Nghệ An mưu việc tiến thủ.

Phụ đi đến đâu, giết chóc rất nhiều, có nơi cây chết thành núi, có chỗ moi ruột quần vào cây, hoặc rán thịt lấy mỡ, hoặc nướng đốt làm trò, thậm chí có đưa mỡ bụng lấy thai, cắt lấy hai cái tai để nộp theo lệnh. Kinh lộ các nơi lần lượt đầu hàng. Những dân còn sót lại bị bắt hết làm nô tì và bị đem bán, tan tác khắp bốn phương cả.

Thượng thư Hoàng Phúc lại đặt quan chức, chia ra trị các phủ, huyện từ Thanh Hóa trở ra Bắc. Người địa phương có ai chiêu an được, hay có công cướp giết, Trương Phụ đều trao cho quan chức. Hoàng Phúc xin nâng hai châu Thái Nguyên và Tuyên Quang lên thành phủ.

Năm này đói và dịch bệnh nặng hơn [15a] năm trước.

TRUNG QUANG ĐẾ

Tên húy là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội Nghệ Tông, cháu gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm. Vua gặp thời loạn lạc, gắng chí mưu việc khôi phục, nhưng vì trời không giúp nhà Trần nữa, nuốt hận mà chết, thương thay !

Canh Dần, Trưng Quang năm thứ 2 [1410], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ sai người Minh mở thêm đồn điền ở nơi

1. *Phủ Tam Giang* : là đất tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

2. *Trấn Thiên Quan* : là vùng đất gồm huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình và huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày nay.

gần thành và thu thóc lúa ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Tam Giang để dự trữ lương quân.

Mùa hạ, tháng 5, vua đem bọn Nguyễn Cảnh Dị tiến quân đến bến La, Hạ Hồng, đánh phá quân của đồ đốc Giang Hạo, thừa thắng đuổi theo, tiến quân đến Bình Than, đốt phá gần hết thuyền trại của quân Minh.

Bấy giờ, các hào kiệt nghe tin đều hưởng ứng. Người Thanh Hóa là Đồng Mặc, tên hiệu là Lỗ Lược tướng quân, đánh giết bọn giặc nhiều không kể xiết. Chỉ huy của quân Minh là Tả [15b] Địch bị bắt, Vương Tuyên (có sách ghi là Vương Đản) thế cùng phải tự vẫn. Hưng Khánh Đế cho Mặc làm Phủ quân quận Thanh Hóa.

Lại có Nguyễn Ngân Hà tuy không bằng Mặc, nhưng cũng là người trộm trong đám hào kiệt. Lê Nhị ở Thanh Oai giết cha con tên đô ty Lư Vượng ở cầu Ngọc Tản, lại chiếm giữ huyện Từ Liêm, quân Minh rất sợ hãi. Lê Khang ở Thanh Đàm¹, Đỗ Cối, Nguyễn Hiệu ở Trường Yên cũng họp quân chống giặc. Nhưng vì hiệu lệnh không thống nhất, quân đội không có chỉ huy chung, nên sau đều tan vỡ cả. Gặp khi Trương Phụ đến Diễn Châu, vua lại đem quân về Nghệ An.

Hoàng Phúc xin cấp ruộng cho các thổ quan, tùy theo phẩm trật, để họ cho người cày cấy thu tô thay cho bổng lộc, còn các lưu quan thì cấp lính để cấy ruộng thu thóc, chi cấp lương ăn.

Tân Mão, [Trùng Quang] năm thứ 3 [1411], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ cấp bằng cho thổ quan các phủ vì có công [16a] đánh dẹp, gồm cả những thổ quan ở phủ, châu cai quản quân lính, những người thuộc thiên trường, bách trường lấy làm chỉ huy thiên hộ.

Tháng 2, nhà Minh xuống chiếu ân xá, đại lược nói : “Giao Chỉ đã thuộc về Chức phương² mà liên mấy năm chưa được yên nghỉ. Nghĩ thương dân ấy sau cơn khốn khổ, đặc cách ban ân khoan thứ, xót thương, ngõ hầu khiến cho triệu dân đều được thấm nhuần đức trạch”.

Lại dụ bọn quan lại, quân dân rằng : “Người Giao Chỉ đều là dân của trời, đã vỗ về chúng, thì chúng đều là con đỏ của trẫm. Chúng nhất thời đi theo bọn giặc, nghe nói bị giết, trẫm thực thương xót trong lòng, sao lại nỡ để chúng như vậy ? Và lại, bọn gây tội ác chỉ có mấy đứa thôi, còn trăm họ nơi bãi biển, hang núi, bị chúng cưỡng bức, uy hiếp, hoặc giúp chúng lương thực, hoặc bị chúng đem theo làm giặc ở các nơi, đều là bất đắc dĩ, bị chúng làm cho lầm lỡ chứ không phải là do bản tâm. Nếu biết [16b] hối hận sửa bỏ lỗi lầm, đều cho được

1. Huyện Thanh Đàm : là huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

2. Chức phương : chức quan nắm giữ bản đồ của thiên hạ, trông coi việc tiến cống của bốn phương. Ở đây ý nói Giao Chỉ đã nằm trong bản đồ của nhà Minh.

đổi mới. Làm ác chỉ có mấy đứa, trăm họ không có tội gì. Trong đó, người nào hiền ngang dũng cảm, có kiến thức, có thể bắt được mấy đứa kia đem dâng thì nhất định sẽ ban cho quan to, tước cao. Còn bọn làm ác, nếu biết tẩy rửa tâm trí, đổi lỗi sửa mình, thì chẳng những được khoan tha tội lỗi, lại còn chắc chắn được làm quan vinh hiển nữa”.

Tháng 3, nhà Minh sai quan mang sắc chỉ cho các thổ quan như sau : “Các người tài năng khôi kiệt, tư chất đôn hậu, sáng suốt nhìn xa, trước đã thành tâm gắng sức, tận trung với triều đình, nghĩ tới công lao của các người, đặc ân thăng cho chức vụ vinh hiển. Nay nghe các người biết làm tròn chức vụ, dốc sức lập công, bắt giết bọn giặc phản nghịch, giữ vững đất đai, nghĩ đến lòng trung thành ấy, xiết nỗi vui mừng khen ngợi. Hiện nay, bọn giặc còn sót chưa dẹp yên hết, các người hãy lập thêm nhiều công, ra sức quét sạch bọn chúng để tiếp nối công tích trước đây. Ta đặc cách sai người [17a] sang ủy lạo ban thưởng. Các người hãy kính cẩn phục tùng mệnh lệnh ân sủng này”.

Mùa thu, tháng 7, sông Đáy nước lên to, vỡ đê quai, trôi cả nhà cửa của dân.

Tháng 9, vua và bọn Nguyễn Súy chia đường tiến đến cửa biển, bắt được tên chỉ huy Nguyễn Chính người địa phương ở Bài Lâm, chém bêu đầu rồi về.

Sai Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm sứ giả cầu phong, Thảm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình.

Trước đó, vua đã sai hành khiển Nguyễn Nhật Tư và thảm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận, bắt giam rồi giết cả. Đến đây lại sai bọn Ngạn Thần đi.

Đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Trùng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi thăm quốc chủ khỏe hay yếu, tình hình trong nước thế nào, Ngạn Thần nói hết cả với Trùng. Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho vua làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An.

Sứ về nước, Nột Ngôn tâu hết [17b] việc Ngạn Thần tiết lộ việc nước và nhận lệnh của giặc. [Vua sai] bắt Ngạn Thần giam ngục rồi giết.

Gả Quốc tử trưởng công chúa¹ cho Hồ Bối người Hóa Châu, phong Bối làm Tư đồ rồi sai ra Thanh Hóa chống giặc.

Nhà Minh bắt giam viên Tham nghị Giải Tấn rồi giết đi (Tấn là người Cát An, tỉnh Giang Tây). Tấn đỗ tiến sĩ cấp đệ, bổ Hàn lâm học sĩ, vì nói việc trái ý vua, bị đuổi ra làm Tham nghị ở Giao Chỉ. Khi đến ty, lại nói rằng :

“Giao Chỉ chia đặt quận huyện không bằng dễ nguyên như cũ, phong tước

1. Tức trưởng công chúa chị gái vua.

chia đất cho các thổ hào để họ cai quản lẫn nhau. [Chia đặt quận huyện] dầu có cái được cũng không bù được những cái mất, cái lợi không chứa được cái hại”.

Vua Minh xem tờ tâu nổi giận, cho là Giải Tấn có ý tư vị họ Trần, bắt lợi cho nước, xuống chiếu bắt giam ở Cẩm y vệ, rồi ốm chết. Đến năm Minh Nhân Tông lên ngôi, mới được đưa về chôn, gia thuộc mới được về quê hương.

[18a] *Sử thần Ngô Sĩ Liên nói* : Lời nói của bề tôi ngay thẳng không phải lợi cho mình mà lợi cho nước. Nhưng các vua chúa tầm thường thì không hay coi đó là lợi mà cứ muốn hại người ta. Đó là do họ bị che lấp nặng rồi. Minh Thái Tông một khi đã manh tâm hiếp đại hý công, tham cướp được nước ta, Giải Tấn há lại không biết nói thế là chạm tới cơn giận dữ hay sao ? Đó chính là vì nước không nghĩ đến mình. Thái Tông không nghe, cùng binh độc vũ, cho rằng ắt chiếm được. Lời của Giải Tấn lúc ấy hình như chưa ứng nghiệm.

Đến khi Thái Tổ ta ¹ dẹp loạn trừ bạo, bắt được phong thư bọc sáp của Vương Thông nói rằng : “Quân để dùng phải được như số quân đi đánh lúc đầu, và phải được 6, 7 viên đại tướng như Trương Phụ mới có thể đánh được, mà dầu có lấy được cũng không thể giữ được”, thì bấy giờ lời Giải Tấn mới ứng nghiệm. Lời nói của bề tôi ngay thẳng chả lẽ không [18b] lợi cho nước hay sao ? Cốt ở người làm vua biết soi xét mới được.

Người Minh bắt giải giáo thụ Lê Cảnh Tuân về Kinh Lăng.

Trước đây, Cảnh Tuân là hạ trai học sinh ² của họ Hồ. Năm Hưng Khánh thứ 1, viết bức thư một vạn chữ ³ dâng cho Tham Nghị Bùi Bá Kỳ, nêu ba phương sách thượng, trung, hạ, đại lược nói rằng :

“Nhà Minh đã có sắc ban cho ngài theo quân tiến đánh, đợi khi bắt được họ Hồ thì chọn con cháu họ Trần lập làm vua, gia tước cho ngài để ở nước làm phụ tá. Nay thấy thiết lập ty hồ chính, phong tước cao cho ngài, mà chỉ cấp người quét dọn đền miếu nhà Trần. Nếu ngài có thể tâu lại, phân tích những lời khai của các quan lại, kỳ lão, nói rõ con cháu họ Trần chưa hết, để xin ban chiếu sắc riêng, phong lại cho họ Trần, đó là thượng sách. Nếu không được như thế, thì xin thôi chức vị hiện nay, nguyện làm [19a] quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu ngài còn tiếc quan tước to, tham bổng lộc nhiều, thì đó là hạ sách.

1. Chỉ Lê Lợi.

2. Đời Trần, học sinh chia làm ba bậc là thượng trai, trung trai và hạ trai.

3. Nguyên văn : “Vạn ngôn thư”.

Nếu ngài làm theo thượng sách thì tôi là nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì bổ sung vào ô thuốc của ngài, tùy ngài sử dụng. Nếu ngài làm theo trung sách, thì tôi xin bụng khay chén hầu hạ ở đó, cũng xin tùy ngài sai khiến. Nếu ngài làm theo hạ sách thì tôi sẽ là kẻ câu văng cầy nhàn¹ cho hết tuổi thừa mà thôi".

Đến khi tịch biên nhà Bá Kỳ, bắt được bức thư ấy, tâu lên, sai bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, thì gần đây vì loạn lạc, không biết đi đâu.

Đến đây, đặt học hiệu ở Giao Châu, bắt được Cảnh Tuân đưa về Kim Lăng giam xuống ngục của vệ Cẩm y. Cảnh Tuân ở trong ngục 5 năm, cùng con là Thái Điền đều bị ốm chết.

Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói : Ba phương sách của Cảnh Tuân có khí khái của bậc trượng phu. Ông nhận [19b] chức giáo thụ của nhà Minh phải chăng là vì muốn ẩn dật mà không được ?

Nhâm Thìn, [Trùng Quang] năm thứ 4 [1412] (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, viên phụ đạo ở Đại Từ, Thái Nguyên là Nguyễn Nhuế khởi binh, hoạt động ở vùng núi Tam Đảo, bị Trương Phụ nhà Minh bắt.

Bấy giờ kinh lộ đều phụ thuộc vào nhà Minh, trăm họ phải làm sai dịch và nộp lương theo sự sai bắt của bọn quan thú nhiệm. Thổ quan thì đóng thuyền và lập đồn điền để giúp việc cho tổng binh. Từ Diễn Châu trở vào nam, không được cày cấy.

Mùa hạ, tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh đem quân đánh vào hành tại ở Nghệ An, gặp bọn Nguyễn Sứ, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung ở Mô Độ. Dung, Phụ đều liều chết đánh nhau chưa phân thắng bại, thì Sứ và Cảnh Dị vượt biển chạy, Hồ Bối bỏ thuyền lên bờ. Dung thế cô, không có cứu viện, bèn đi thuyền nhẹ vượt biển trốn đi.

[20a] *Sứ thần Ngô Sĩ Liên nói* : Đạo cầm quân chế thắng cốt ở đồng tâm hiệp lực. Giả sử bọn Sứ và Dị một lòng quyết đánh thì Dung và Phụ cũng chưa biết ai được ai thua. Đó là vì trời không giúp họ Trần vậy !

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Tổng binh Hàn Quan với chức Hữu quân đô đốc đồng tri, đeo ấn Chinh Nam tướng quân sang trấn giữ.

Trương Phụ nhà Minh lệnh cho Tam Giang và Tuyên Hóa đóng thuyền để cấp cho quân.

1. Chỉ người đi ở ẩn.

Bọn Trương Phụ nhà Minh lại vào cướp hành tại ở Nghệ An ; Thanh Hóa, Diễn Châu đều bị hãm.

Mùa đông, tháng 12, nhà Minh mang sắc dụ các quan lại, kỳ lão các châu, phủ, huyện thuộc Bồ chính ty rằng :

“Trẫm vâng mệnh trời, thống trị thiên hạ, chỉ mong cho dân thiên hạ được yên ổn, Giao Chỉ ở xa tận ven biển, xưa là đất của Trung Quốc, nay [20b] đã lại như cũ, binh lính và dân chúng theo về giáo hóa đến nay đã mấy năm rồi, đã đặt mục, bá, thú, lệnh và quân, vệ, ty, chọn dùng những người trung lương, hiền năng để vỗ trị. Trẫm sớm khuya nghĩ đến, còn lo rằng đất xa dân đông, giáo hóa có chỗ không thấu tới, không được thăm ơn trạch yêu thương, nuôi nấng của nhà nước.

Nay bọn các người đều là bề tôi trung lương, phải thể lòng kính trời thương dân của trẫm, hưng lợi trừ hại cho dân, thuận theo lòng yêu ghét của dân mà trừ bỏ mối gian tệ cho dân. Dạy dân cày ruộng, trồng dâu, khiến cho không trái thời vụ thì áo mặc, cơm ăn có chỗ trông cậy ; dạy dân bằng hiếu, để, trung, tín ; khuyên dân điều lễ nghĩa, liêm sỉ, thì phong tục sẽ tốt lành. Khi tang ma, hoạn nạn thì thương xót giúp đỡ lẫn nhau ; lúc khó khăn cùng long đong thì chu cấp phù trì cho nhau. Người già phải dạy con trẻ, kẻ dưới phải kính bề trên, ai nấy phải thuận theo bản tính, không được làm trái với lễ. [21a] Chớ có làm trộm cướp, chớ có đi lừa dối, chớ múa may văn chương mà đùa với luật pháp, chớ theo ý riêng mà bỏ lẽ công, muốn cho dân chúng an cư lạc nghiệp, mãi mãi là dân trời vô sự, để cùng vui thời thịnh trị thái bình, thì bọn các người phải thận trọng với chức vị của mình, làm tròn công việc của mình, theo được đức ý thay trời nuôi dân của trẫm, để có thể sánh vai với những bậc tuấn lương đời xưa, tên tuổi chiếu sáng sử xanh, thể chẳng tốt đẹp lắm sao !”.

Nông Văn Lịch ở Lạng Sơn tụ tập quân lính chiếm giữ đất ấy, chẹn lấp đường đi lại của người Minh, giết bắt vô số. Tham chính Mạc Thúy từng đem quân tiến sâu vào đất ấy, bị trúng tên thuốc độc mà chết. Sau vì Văn Lịch thông dâm với vợ của cấp dưới, binh sĩ tức giận giết chết.

Nguyễn Liễu ở Lý Nhân ¹ chiêu tập người các huyện Lục Na ², Vũ Lễ đánh cướp người Minh trong mấy năm. Vua ở Nghệ An, đường bị ngăn trở không thông, quân của Liễu bị tan vỡ dần, Tham nghị Nguyễn Huân vờ kết thông [21b] gia rồi dụ [Liễu] đến giết chết.

Quý Ty, [Trùng Quang] năm thứ 5 [1413], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, vua dẫn bọn Nguyễn Sứ, Nguyễn Cảnh Dị lại đem quân

1. *Lý Nhân* : là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà.
2. *Lục Na* : là tên huyện thời thuộc Minh, nay là huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc.

vượt biển đến Vân Đồn, Hải Đông và các bãi biển để thăm dò và lấy lương thực, đánh quân Minh đóng giữ ở những nơi ấy.

Hoàng Phúc nhà Minh chọn lựa thợ giỏi và vợ con họ đưa về Yên Kinh để đóng thuyền.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh lệnh cho quân nhân đem muối đổi lấy thóc lúa ở Tam Giang, Tuyên Hóa, Quy Hóa để trữ lương quân, lại mộ khách buôn nộp thóc, chở thuyền đem về các xứ Quảng Đông, Phúc Kiến, Chiết Giang, Tứ Xuyên, Vân Nam để bán.

Tháng 3, ngày mồng 4, vua lại trở về Nghệ An, quân lính mười phần chỉ còn 3, 4 phần.

Tổng binh Hàn Quan ốm chết ở thành Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Trương Phụ nhà Minh vào cướp Nghệ [22a] An.

Vua ngự đến Hóa Châu, sai đài quan Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang phương vật tới Nghệ An. Trương Phụ giữ Biểu lại, Biểu tức giận mắng Phụ rằng :

“Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại sinh dân, thực là loài giặc dữ”.

Phụ nổi giận giết chết.

Tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh họp các tướng bàn kế đánh chiếm. Thạnh nói :

“Hóa Châu núi cao biển rộng, chưa dễ lấy được”. Phụ nói :

“Tôi sống được cũng là vì Hóa Châu, có làm ma cũng là vì Hóa Châu. Hóa Châu mà chưa đẹp được, tôi còn mặt mũi nào trông thấy chúa thượng nữa !”

Bèn đem quân thủy đi, mất 21 ngày, đánh vào thành châu Thuận Hóa.

Mùa thu, tháng 9, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Sứ ở kênh Sái Già¹. Quân Nam quân Bắc [22b] đương cầm cự nhau, Đặng Dung mai phục binh tượng, nửa đêm đánh úp doanh trại Phụ. Dung nhảy lên thuyền của Phụ, định bắt sống Phụ nhưng không nhận ra hắn. Phụ vội đi thuyền nhỏ trốn chạy. Quân Minh tan vỡ đến một nửa, thuyền bè, khí giới bị đốt phá gần hết. Bọn Sứ không chịu hợp sức đánh. Phụ thấy quân của Dung ít, quay lại đánh. Quân của Dung tan chạy, từ đấy chỉ ẩn nấp trong núi hang.

1. *Sái Già* : theo *Minh sử* và *Minh sử ký sự* của Cốc Ứng Thái chép về việc này, đều nói đánh ở sông Ái Tử, thì có lẽ Sái Già tức là chỗ này (lời chưa của CMCB 12).

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Trận đánh ở Sái Già, Đặng Dung, Nguyễn Sứ, đem tàn quân trở lại chống lại bọn giặc mạnh, quân tướng đều tinh nhuệ. Dung nửa đêm đánh úp doanh trại giặc làm cho tướng giặc sợ hãi chạy trốn, đốt hết thuyền bè, khí giới của chúng, không phải người thực sự có tài làm tướng, thì có làm được như thế hay không ? Thế nhưng cuối cùng vẫn bại vong, đó là do trời. Tuy thất bại, cũng vẫn vinh quang, vì sao vậy ?

Bọn Dung vì nghĩa không thể cùng sống với giặc, phải tiêu diệt bọn chúng mới nghe, cho nên mới hết lòng, hết sức giúp đỡ [23a] Trùng Quang để mưu khôi phục. Trong khoảng 5 năm, kiên trì chiến đấu với giặc, đâu có bất lợi, nhưng ý chí không núng, khí thế càng hăng, đến kiệt sức mới chịu thôi. Lòng trung vì nước của người bề tôi, dầu trăm đời sau vẫn còn tưởng thấy được !

Ngày xưa nước Lỗ đánh nhau với nước Tề ở đất Can Thì bị thất bại, thánh nhân không vì thua mà kiêng né, lại chép rõ để nêu niềm vinh quang chiến đấu với kẻ thù, chứ không bàn đến việc thành bại. Thế thì trận đánh ở Sái Già, quân Minh bị tan vỡ một nửa, quân ta đến khi sức kiệt mới chịu thua cũng vinh quang lắm thay !

Mùa đông, tháng 10, Trương Phụ nhà Minh lấy Đô đốc Hoàng Trung đi dò trước, chặn ở thượng lưu. Nguyễn Sứ sai ba thích khách, đội cỏ xuôi dòng đến thuyền của Phụ. Một người trèo lên mũi thuyền, hai người trèo lên đuôi thuyền. Phụ biết, bắt được hai người, giết một người, thả một người, lại còn cho [23b] tiền bạc. Hôm sau Phụ hội họp các tướng nghị bàn, Hoàng Trung nói không hợp ý Phụ, Phụ nổi giận kể tội Trung phòng giữ không nghiêm, để đến nỗi có chuyện thích khách, rồi chém Trung. Các tướng đều sợ tái mặt đi.

Tháng 11, bọn Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung bị Trương Phụ nhà Minh bắt sống. Cảnh Dị mắng ngay vào mặt Phụ :

“Tao định giết mày, lại bị mày bắt”, chửi Phụ luôn miệng. Phụ giận lắm, giết Dị rồi lấy gan ăn.

Vua chạy sang Lão Qua. Phụ sai người lùng bắt được, đưa đến cửa quân. Người Thuận Hóa đều hàng. Thế là nhà Trần mất.

Trước đây, nhà Hậu Trần dấy binh mưu việc hưng phục, viên Trấn phủ cũ Phan Quý Hựu có công bày mưu giúp việc, được thăng dần đến Thiếu bảo. Đến khi Trương Phụ vào cướp Nghệ An, vua ngự tới Hóa Châu, Quý Hựu hàng giặc. Phụ mừng lắm. Được mười hôm thì Quý Hựu ốm chết. Phụ cho con là Liêu làm Tri châu Nghệ An và hậu thưởng gia thuộc Quý Hựu. [24a] Liêu đem tình

hình tướng văn tướng võ giỏi kém thế nào, số quân có được bao nhiêu, núi sông hiểm dị ra sao kể rõ cho Phụ biết. Bấy giờ Phụ mới quyết chí đánh Hóa Châu.

Trở lên là 12 đời vua nhà Trần, bắt đầu từ năm Bính Tuất (1226) chấm dứt ở năm Kỷ Mão (1399), tổng cộng 174 năm và 2 đời vua nhà Hậu Trần 7 năm.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Trùng Quang Đế lấy quân một lữ để mưu khôi phục đất nước trong lúc loạn lạc lưu ly, ví như dùng một cây gỗ để chống giữ ngôi nhà lớn đã đổ, chả lẽ không biết rằng thế không thể cứu vãn được nữa hay sao ? Nhưng hãy làm hết bổn phận nên làm, ngộ hầu có thể vãn hồi được thiên mệnh !

Còn như khi bị giặc bắt đem về, giữ nghĩa không chịu nhục, cam lòng nhảy xuống biển mà chết, để cùng mất với nước, thực đúng là “quốc quân chết vì xã tắc”, mà các [24b] bề tôi của ngài như Cảnh Dị chửi giặc mong cho chúng giết ngay mình, Nguyễn Biểu kẻ tội ác của giặc rồi chết, đều là những người tiêu biểu đáng ca ngợi cả. Chỉ có Hồ Ngạn Thận đi sứ làm nhục mệnh vua, đã bị giết rồi, Phan Liêu đem tình hình mạnh yếu trong nước đi báo cho giặc, tuy được thoát chết trong một thời, nhưng sau lại bị Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta giết chết. Than ôi, người làm tội trung với nước tuy chết vì nghĩa không có tội gì, mà để lại tiếng thơm mãi mãi, còn bọn bất trung phản quốc, không thể tránh khỏi chết, lại còn để tiếng xấu ngàn năm, thực đúng như thế.

KÝ THUỘC MINH

Giáp Ngọ, /1414/, (Minh Vinh Lạc thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh chiêu dụ, vô về Tân Bình, Thuận Hóa, chia đặt quan cai trị để cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân khẩu, gộp làm sổ hộ.

[25a] Phủ Thăng Hoa tuy có đặt quan, nhưng Chiêm Thành vẫn có trường lộ chiếm giữ cai trị, nên nhà Minh chỉ ghi tên không mà thôi.

Quan lại ở kinh lộ, những ai lãnh giặc đi theo Trùng Quang Đế đến Hóa Châu, đến đây người thì mang cả nhà chạy sang nước Lão Qua, người thì chạy sang Chiêm Thành, còn người trong nước từ đây đều làm thần thiếp cho người Minh cả.

Mùa hạ, tháng 4, Tổng binh Trương Phụ, Mộc Thạnh, Binh bộ thị lang Trần Hiệp của nhà Minh đem Trùng Quang Đế, Nguyễn Sứ và Đặng Dung về Đông Quan. Quan lại các phủ, châu, huyện sắm lễ vật cùng trưởng võ cờ thêu đến mừng. Sai người giải về Yên Kinh.

Trùng Quang Đế đi đến nửa đường nhảy xuống nước chết. Sứ thấy Trùng Quang Đế đã nhảy xuống nước chết, ngày ngày chơi cờ với viên chỉ huy coi giữ mình, thành quen, mới lấy bàn cờ đánh hấn ngã xuống nước chết, Sứ cũng nhảy theo xuống nước chết. Quốc thống từ đấy thuộc về nhà Minh.

Mùa thu, tháng 7, [25b] Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho các phủ, châu, huyện, phạm quân nhân bắt được tội tở, cùng đàn bà con gái trốn đi các xứ khác thì giải về cửa quân. Bọn quan lại chiều ý cấp trên bắt nhiều dân nghèo xiêu tán giải nộp.

Tháng 8, Trương Phụ, Mộc Thạnh và Trần Hiệp trở về bắc, chia quân trấn giữ.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh truyền bảng cho các phủ, châu, huyện dựng Văn Miếu và các đàn thờ thần xã tắc, thần gió, thần mây, thần núi, thần sông và những thần không ai thờ cúng để tế lễ thường xuyên.

Nhà Minh cấm con trai, con gái không được cắt tóc ; phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài, đồng hóa theo phong tục phương bắc.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh mở học hiệu và sức tìm hỏi những người nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ, hạ lệnh cho các phủ, châu, huyện lấy lễ mà thành tâm thỉnh mời. Đó là làm theo lời của Hữu tham tri Bành Đạo Tường.

Nhà Minh bắt khai số ruộng và đất trồng dâu, trưng thu lương thực, tơ tằm. Mỗi hộ 1 mẫu thì bắt khai thành 3 mẫu. [26a] Đến sau xét hộ khẩu tăng hằng năm, định số ruộng mỗi hộ là 10 mẫu (nghĩa là mỗi mẫu chỉ có 3 sào, 10 mẫu thực ra chỉ có 3 mẫu). Mỗi mẫu thu 5 thăng thóc, đất bãi mỗi hộ một mẫu thu 1 lạng tơ, mỗi cân tơ dệt được 1 tấm lụa.

Át Mùi, [1415], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 13). Mùa thu, tháng 8, nhà Minh khám thu các mỏ vàng, bạc, mộ phụ đai nhật vàng bạc và bắt voi trắng, mò trâu châu. Thuế khóa nặng, vợ vét nhiều, dân chúng điêu đứng. Bãi muối ven biển cấm dân mua bán riêng, sai nội quan coi giữ cả. Lại đặt chức cục sứ và phó của từng bãi muối để chia nhau trông coi. Các phủ, châu, huyện đều đặt phó sứ ty Thuế khóa và sở Hà bạc.

Phép lấy muối của nhà Minh : Trước hết sai viên cục sứ và viên phó đốc thúc dân nấu muối, mỗi tháng được bao nhiêu đưa tới ty Đề cử thu giữ. Các

viên nội quan mộ người buôn bỏ tiền ra lĩnh giấy khám hợp¹ của ty Bô chính. Giấy khám hợp lớn [26b] thì lấy 10 cân muối, giấy khám hợp nhỏ thì lấy 1 cân rồi mới được đem bán. Nếu không có [giấy khám hợp] thì [xử tội] như luật nấu lậu. Lại cấm người đi đường, lệ chỉ được đem 3 bát muối và 1 lọ nước mắm thôi.

Tháng 9, Hoàng Phúc nhà Minh sai quan áp giải đích thân những bọn nho học, thầy thuốc, thầy tướng số, nhà sư, đạo sĩ đưa về Yên Kinh trao cho quan chức rồi đưa về các nha môn làm việc. Lại ra lệnh cho các quan ty sở tại cấp cho tiền đi đường và người bạn tống, nếu không sẽ bị trừng trị ; dọc đường phải cấp cơm ăn và tiền đi đường.

Mùa đông, tháng 10, Tổng binh nhà Minh là Trương Phụ giữ chức Chinh lỗ phó tướng quân, lại sang trấn thủ.

Nhà Minh mở đường thủy Vĩnh An, Vạn Ninh, đặt trạm đón chuyển đường thủy đến thẳng Khâm Châu. Lại đặt trạm chạy ngựa đến thẳng Hoành Châu².

Bính Thân, /1416/ (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh bắt đầu đưa những thượng quan văn võ và kỳ lão sang Yên [27a] Kinh, đổi trát văn của Tổng binh mà dùng giấy vàng của bộ để thực thụ quan chức. Thăng Tham nghị Nguyễn Huân làm Tả bô chính sử ; Tri phủ Lương Nhữ Hốt, Đỗ Duy Trung làm Tham chính. Còn lại thì thăng chức Tri phủ, Đồng tri phủ, Tri châu, Đồng tri châu, Tri huyện. Nhân đó, ban sắc rằng :

“Trước kia bình định Giao Chỉ, các người đã tỏ lòng thành, làm việc nghĩa, lòng hướng về triều đình, trăm khen ngợi lòng thành của các người mà trao cho quan chức. Từ khi nhận mệnh đến nay, đã biết tận tâm hết sức, hăng hái trung thành, quét diệt phản nghịch, vỗ yên bờ cõi, cố gắng làm trọn chức phận, đã nhiều lần thăng thưởng để biểu dương công trạng của các người. Nay các người đến cửa khuyết triều cống, trăm xét lòng thành, đáng nên khuyến khích. Nay đặc ân thăng cho các người làm chức nhỏ... Các người hãy gắng trung thành, cần mẫn hơn nữa, kính cẩn giữ khí tiết của người bề tôi, úy lạo, vỗ về, khiến cho dân chúng đều được yên nghiệp sinh sống, cùng hưởng phúc thái bình [27b] thì sẽ được trời che chở, các người sẽ được phúc lộc dồi dào nối đến đời con đời cháu, mà tiếng tốt của các người sẽ lưu truyền trong sử sách, mãi mãi không cùng”.

Tháng 2, Trương Phụ nhà Minh ra lệnh xét duyệt danh số thổ quân, lấy một phần ba số hộ khẩu, chia về các vệ, sở. Mỗi hộ định mức là 3 đinh. Từ Thanh

1. *Giấy khám hợp* : giấy chứng nhận có đóng dấu, được cắt làm hai nửa, người được phép cầm một nửa, quan nha giữ một nửa, để khi khám xét, có thể ráp lại xem đúng con dấu hay không.
2. *Hoành Châu* : thuộc phủ Nam Ninh, sau là Hoành Huyện, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Hóa trở vào Nam, nhân đình thừa thớt, định mức là 2 đình. Chỗ nào không phải là vệ, sở mà là nơi quan yếu, cũng lập đồn lũy, lấy dân binh canh giữ.

Mùa thu, tháng 9, quân lính huyện Tân An nổi lên, Trương Phụ dẹp được.

Nhà Minh chiêu dụ các quan cũ của triều trước, giả cách bỏ đi các nha môn quân, dân làm việc rồi chuyển đưa về Yên Kinh giữ lại. Bọn người bon chen, vốn không phải là quan lại cũ, chưa được thực thụ quan chức, cũng hăng hái ra nhận, trong nước vì thế trở nên trống rỗng. Ở được vài năm, thấy vất vả khổ sở, thỉnh thoảng họ lại trốn về.

Nhà Minh bắt đầu đưa các thổ lại đi, [28a] người nào đủ 9 năm thì giữ lại nha môn ở Kinh để làm việc, người chưa đủ năm thì cho về.

Đình Dậu /1417/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 15). Nội quan nhà Minh là Mã Kỳ tâu rằng Tổng binh Trương Phụ ở Giao Chỉ chọn lấy những thổ nhân mạnh khỏe can đảm làm vi tử thủ ¹, vua Minh nghi ngờ, gọi Phụ về, sai Phong Thành hầu Lý Bân với chức Tổng binh Chinh Di tướng quân sang thay Phụ trấn giữ.

Nhà Minh sai Giám sát ngự sử chia giữ việc tuần xét bắt đầu từ đây.

Binh bộ thượng thư nhà Minh là Trần Hiệp, lại giúp việc quân chính cho Tổng binh.

Nhà Minh định lệ mỗi năm cống các nho học, sinh viên sung vào Quốc tử giám : Nhà phủ học mỗi năm 2 tên, nhà châu học 2 năm 5 tên, nhà huyện học mỗi năm 1 tên. Sau lại quy định nhà phủ học mỗi năm 1 tên, nhà châu học 3 năm 2 tên, nhà huyện học 2 năm 1 tên.

Bộ Lại khám hợp, lệnh cho 2 ty Bồi chính và Án sát cùng [28b] các quan phủ, châu, huyện ở Giao Chỉ, hẹn đến ngày mồng 1 tháng giêng sang năm đến kinh triều cận, không kể là chức chánh hay chức tá, chỉ cần người giữ chức lâu năm, cho dẫn đầu, đưa các quan lại cùng đi. Lại khám các hạng mục hộ khẩu, ruộng đất, lương thực trong 3 năm, từ tháng 7 năm Giáp Ngọ, đến cuối tháng 6 năm này, làm thành sổ "tu tri" ² dâng lên để kê xét.

Hoàng Phúc sức cho các hào phú, thổ quan là bọn Nguyễn Huân, Lương Như Hốt, Đỗ Duy Trung, Đỗ Hy Vọng, Lương Sĩ Vinh, Dương Cự Giác đều phải đem người nhà sang Yên Kinh phục dịch, xây dựng cung điện. Vua Minh nói là làm khó nhọc người phương xa, ban cho ưu hậu rồi cho về.

1. *Vi tử thủ* : là những người sung vào làm công việc ở nơi quan phủ. Ở đây, có lẽ Phụ chọn những người khỏe mạnh, can đảm đem vào đình thự của mình để sai khiến và đề phòng bất trắc.
2. *Tu tri* : có nghĩa "can biết". Sổ "tu tri" có nghĩa là sổ ghi số hộ khẩu, ruộng đất, lương thực cần phải biết để nắm tình hình.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TOÀN THƯ

QUYỂN X

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

THÁI TỔ CAO HOÀNG ĐẾ

Vua họ Lê, tên húy là Lợi, người hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, trấn Thanh Hóa¹. Ở ngôi 6 năm, thọ 51 tuổi², táng ở Vĩnh Lăng.

Vua hăng hái đốc khích binh đánh dẹp giặc Minh. Sau 10 năm thì thiên hạ đại định. Đến khi lên ngôi, đã ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu thập sách vở, mở mang trường học, có thể gọi là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

Trước kia, tổ ba đời của vua tên húy là Hối, một hôm, đi chơi Lam Sơn, thấy đàn chim bay lượn quanh chân núi, như hình ảnh nhiều người tụ họp, bèn nói : "Đây hẳn là chỗ đất tốt", rồi dời nhà đến ở đấy. Sau 3 năm thì thành sản nghiệp. Từ đó, đời đời làm quân trưởng một phương. Hối sinh ra Đinh, nối được nghiệp nhà, có tới hơn 1 nghìn tôi tớ, lấy vợ là Nguyễn Thị [1b] (tên húy là Quách), sinh được hai người con trai, con cả là Tông, con thứ là Khoáng. Khoáng lấy vợ người Chủ Sơn (Chủ Sơn nay là Thủy Chú)³ là Trịnh Thị (tên húy là Thương), đến năm Ất Sửu, tháng 8, ngày mùng 6⁴ sinh ra vua tại hương Chủ Sơn, huyện Lôi Dương⁵. Vua sinh ra, thiên tư tuấn tú khác thường, thần sắc tinh anh kỳ vĩ, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, trên vai có một nốt ruồi, tiếng nói như chuông, dáng đi tựa rồng, nhịp bước như hồ, kẻ thức giả đều biết vua là bậc phi thường.

1. Lam Sơn nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn thì Lê Lợi thọ 49 tuổi. Lê Lợi sinh năm Ất Sửu (1385), mất năm Quý Sửu (1433) thì thọ 49 tuổi, như *Đại Việt thông sử* đã ghi là đúng.

3. *Chủ Sơn* : tên hương, sau đổi là thôn Thủy Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.

4. Tức là ngày 10 tháng 9 năm 1385.

5. Xem chú thích 3.

Bấy giờ, họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, rồi quân Minh xâm lược nước Nam, chia cắt nước ta thành quận huyện, bắt nhân dân ta làm tồ tớ, luật pháp phiền hà khắc nghiệt, thuế má lao dịch nặng nề. Đối với những người hào kiệt trong nước, chúng phần nhiều vờ trao cho quan tước rồi đem về an trí ở phương Bắc. Vua hiểu biết hơn hẳn mọi người, sáng suốt và cương quyết, không bị quan tước dụ dỗ, không bị uy thế khuất phục. Người Minh đã dùng trăm phương ngàn kế xảo trá, vẫn không dụ được vua.

Trước đó, bọn Đặng Tất, Nguyễn Súy ở Châu Hóa [2a] cùng lập con cháu nhà Trần là Trần Ngỗi, Trần Khoáng làm vua. Nhưng vua thấy họ yếu hèn, lại say đắm tử sắc, biết là chẳng làm nên chuyện, mới ẩn nấu chốn núi rừng, dụng tâm nghiên ngẫm thao lược, tìm mời những người mưu trí, chiêu tập dân chúng lưu ly, hăng hái dấy nghĩa binh, mong trừ loạn lớn.

Vua từng bảo mọi người :

"Ta cất quân đánh giặc, không phải là có lòng ham muốn phú quý, mà chính vì muốn để ngàn năm về sau, người đời biết ta không chịu làm tồ tớ cho bọn giặc tàn ngược".

Phép dùng binh của vua là biết lấy mềm đánh cứng, lấy yếu thắng mạnh, cho nên phần nhiều đều dẫn tới thắng lợi. Các thành Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô đều sai văn thần Nguyễn Trãi viết thư, dụ bảo bọn giặc điều hòa phúc, nên không cần đánh mà chúng phải đầu hàng, chưa từng giết hại một người nào. Bắt được hơn 10 vạn viện binh của quân Minh, cũng đều tha cả. Vua kinh dinh thiên [2b] hạ trong khoảng 10 năm, dẹp yên loạn lớn và dựng nên nghiệp đế.

Mậu Tuất, /1418/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, ngày Canh Thân, vua khởi binh ở Lam Sơn.

Trước đó, người Minh đã có lần trao quan chức để dụ dỗ, nhưng vua không chịu khuất phục, khảng khái, có chí lớn dẹp loạn. Vua từng nói :

"Bậc tượng phu sinh ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to, lưu lại tiếng thơm ngàn năm sau, sao lại chịu hèn nhát để cho người sai khiến ?"

Thế rồi, dần dần hào kiệt, dựng cờ nghĩa, thế diệt giặc Minh.

Ngày mùng 9 tháng ấy, bọn nội quan nhà Minh là Mã Kỳ đem đại binh tới uy hiếp vua ở Lam Sơn. Vua bèn lui quân đến đóng ở Lạc Thủy ¹, đặt quân mai phục

1. *Lạc Thủy* : theo CMCB 13 thì Lạc Thủy thuộc huyện Cẩm Thủy sau này. Huyện Cẩm Thủy bây giờ là huyện Lôi Giang, ở phía hữu ngạn sông Mã, thuộc lưu vực sông Âm của huyện Lang Chánh ngày nay. Nhưng căn cứ vào địa bàn hoạt động của nghĩa quân năm này (1418), thì có lẽ Lạc Thủy ở đây là một địa điểm vùng thượng lưu sông Chu, phía trên Lam Sơn.

để chờ giặc.

Ngày 13, bọn Kỳ quả nhiên đến. Vua tung hết quân mai phục xông ra đánh giặc. Cháu vua (có sách chép là con vua, *Minh sử* chép em vua) là Lê Thạch, cùng các tướng Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý... dẫn đầu xông vào trận giặc, chém được hơn [3a] 3.000 thủ cấp, thu được hàng ngàn quân tư, khí giới, rồi dời quân đến núi Chí Linh¹.

Ngày 16, tên phản bội Ái (không rõ họ) dẫn đường cho giặc đi lối tắt, đánh úp đằng sau vua, bắt mất gia thuộc của vua và rất nhiều vợ con của quân dân. Quân sĩ dần dần chán nản bỏ đi. Vua cùng bọn Lê Lễ, Lê Náo, Lê Bí, Lê Xí, Lê Đạp bí mật nương nấu ở trên núi².

Tháng 2, vua hết lương, không còn gì nổi lửa. Gặp khi giặc lui quân, bèn về đắp thành đất ở Lam Sơn.

Tháng 3, đánh ra Mường Yên³, thu được hơn trăm người.

Mùa hạ, tháng 4, trước nhà Minh ra lệnh cho các phủ, huyện, châu nước ta trồng hồ tiêu, nay đã lên tốt, sai nội quan Lý Lượng sang thu về dùng. Từ đây, quan lại đốc thúc bắt trồng, mỗi cây giống giá tới 5 quan tiền.

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai hành nhân Hạ Thanh, tiến sĩ Hạ [3b] Thì sang thu lấy các loại sách ghi chép về sự tích xưa nay của nước ta.

Nhà Minh mở công trường mò ngọc trai, kiếm hương liệu, săn bắt chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, tìm lông rùa chín đuôi, chim đậu ngược, vượn bạc má, trăn, rắn... để dâng nộp.

Tháng 9, viên Tổng binh nhà Minh là Lý Bân đem quân tới lòng vực. Vua đặt quân mai phục ở Mường Một⁴, dùng tên thuốc độc bắn giặc chết và bị thương quá nửa. Bân thua rút quân về.

Nội quan nhà Minh là Thái giám Sơn Thọ đốc suất quân dân, vây núi Tam Trĩ, châu Tĩnh Yên⁵, săn được một con voi trắng, trên lưng có văn đốm, dùng yên bạc thắt lên rồi sai Đô đốc Giang Hạo đưa về Yên Kinh, cho là điềm lành. Các ty trong ngoài dâng biểu chúc mừng.

1. *Núi chí Linh* : tức là núi Pồ Rinh, thuộc xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

2. Tức núi Chí Linh.

3. *Mường Yên* : tức là xã Yên Nhân, phía tây núi Pồ Rinh (Chí Linh).

4. *Mường Một* : hay Mường Mọt, sau là xã Bát Mọt, thuộc huyện Thường Xuân ngày nay.

5. *Châu Tĩnh Yên* : thời thuộc Minh là đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay. *Núi Tam Trĩ* : tức là núi Ba Chẽ.

Ký Hội /1419/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 17). Mùa xuân, tháng 2, nhà Minh sai giám sinh Đường Nghĩa sang ban các sách *Ngũ kinh*, *Tứ thư*, *Tính lý đại toàn*, *Vi thiện âm chất*, *Hiếu thuận sự thực*, cho [4a] nho học các phủ, châu, huyện. Sai tăng học truyền giảng kinh Phật tại Tăng đạo ty.

Lý Bân nhà Minh tâu xin Hộ bộ ban cấp hộ thiếp¹ cho Giao Chỉ, bắt châu huyện làm sổ thuế khóa phu dịch² và lên danh sách lý trưởng và giáp thủ³ từng năm⁴. Đại để, cứ 110 hộ là một lý, mỗi năm cử 1 lý trưởng, 10 giáp thủ, để nhận các việc lao dịch, hết lượt lại cử từ đầu. Người làm lý trưởng, giáp thủ bị roi vọt đánh đập khổ sở khôn xiết.

Mùa hạ, tháng 4, vua đánh đồn Nga Lạc⁵, bắt được viên thổ chỉ huy Nguyễn Sao, chém được 300 thủ cấp.

Tháng 5, vua đóng ở sách Đà Sơn⁶, quân Minh tiến đánh. Vua phục kích ở Mường Chánh⁷, cả phá quân giặc, rồi dời đến đóng quân ở sách Lư Sơn⁸, ít lâu sau, dời sang Mường Thời⁹, rồi lại về đóng bản doanh ở Vu Sơn¹⁰.

Mùa thu, tháng 7, viên thổ quan Tri phủ Nghệ An là Phan Liêu vì bị bọn nội quan nhà Minh [4b] bức bách lấy vàng bạc, bèn dẫn quân bắt giết các quan do nhà Minh phái đến, rồi đem quân vây thành Nghệ An, sắp hạ được thành thì Lý Bân chợt đem quân đến. Liêu trốn sang Ai Lao. Bân đuổi tới châu Ngọc Ma¹¹ không kịp, lại quay về Nghệ An¹², sửa sang thành trì, vỗ yên dân chúng.

Khi Bân đi đánh Liêu, có sai viên chỉ huy Lộ Văn Luật làm tiên phong¹³. Văn Luật đã đi, lại bị giữ lại bàn tính mưu kế, trong lòng hoài nghi, lo sợ, nên bỏ trốn đi. Bân bắt mẹ già, gia thuộc và anh em của Luật như Đồng tri châu châu Tam Đái

1. *Hộ thiếp* : như sổ hộ tịch, mỗi tám hộ thiếp có ghi rõ họ tên, quê quán và số đinh trong mỗi hộ, có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiềm để phòng khi khám nghiệm. Sổ hộ khẩu thì để ở Hộ bộ, còn hộ thiếp thì phát cho các hộ (theo *Đại Minh hội điển*).
2. Nguyên văn : *Phủ dịch hoàng sách*, tức là quyển sách bia vàng kê khai thuế khóa phu dịch. Theo *Thông giám tập lãm*, thì năm Hồng Vũ thứ 14 (1381) nhà Minh hạ chiếu bắt cả nước làm sổ "hoàng sách".
3. *Giáp thủ* : là người đứng đầu một giáp (gồm 10 hộ), *lý trưởng* : người đứng đầu 1 lý (gồm 110 hộ).
4. Nguyên văn : Lý trưởng, giáp thủ chu niên đồ dạng.
5. *Đồn Nga Lạc* : ở gần Lam Sơn, thuộc vùng Bái Thượng ngày nay.
6. *Đà Sơn* : tên sách, có lẽ cũng gần Lam Sơn.
7. *Mường Chánh* (nguyên văn không có chữ "Mường") : huyện Lang Chánh sau này.
8. *Lư Sơn* hay *Lô Sơn* : theo *Thanh Hóa tỉnh chí* thì Lư Sơn ở vùng giáp giới hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc châu Quan Hóa. Theo *Đồng Khánh dư địa chí* thì hai xã Trịnh Điện và Hựu Thủy thuộc tổng Hựu Thủy và động Lư Sơn là một danh thắng của châu Quan Hóa.
9. *Mường Thời* (nguyên văn không có chữ "Mường") : có lẽ là Man Xối, ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hóa, giáp Lào.
10. *Vu Sơn* : có lẽ là Lư Sơn.
11. *Châu Ngọc Ma* : thời thuộc Minh là phủ Ngọc Ma, thời Lê thuộc Nghệ An, thời Nguyễn đổi làm phủ Trấn Định, gồm các huyện Cam Môn, Cam Cát, Cam Lĩnh.
12. *Thành Nghệ An* : tại núi Thành, xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày nay.
13. *Lộ Văn Luật* : người huyện Thạch Thất, Hà Tây. Luật đầu hàng giặc, được giặc cho làm chỉ huy quân ở Nghệ An.

là Văn Phi. Đồng tri châu phủ Trấn Man Phan Kiệt là anh họ của Liêu, nghe in Liêu trốn đi, cũng đem cả nhà đi theo, nhưng chưa ra khỏi cõi đã bị thất cổ chết cùng với vợ.

Mùa đông, tháng 11, Trịnh Công Chứng và Lê Hanh ở Hạ Hồng ¹ Phạm Thiện ở Tân Minh ², Nguyễn Đặc ở Khoái Châu, Nguyễn Đa Cầu và Trần Nhuế ở Hoàng Giang thấy thành Đông Quan chỉ còn những quân lính ốm yếu, liền dấy [5a] quân tiến đánh. Quân đến Lô Giang, đánh phá được cầu phao, nhưng ít lâu sau, bị Lý Bân đánh bại, tan tác chạy dài.

Bấy giờ, chỗ nào cũng rối loạn, chỉ còn các xứ Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa là yên tĩnh như cũ ³.

Canh Tý, /1420/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 18). Mùa xuân tháng 2, Lý Bân từ Nghệ An trở về Đông quan.

Mùa hạ, tháng 4, Lộ Văn Luật dấy binh ở Thạch Thất, Lý Bân đánh phá được.

Lộ Văn Luật chạy sang Ai Lao, dân chúng thì trốn vào hang núi Phật Tích và An Sầm ⁴. Quân Minh dỡ nhà hun động, người trong động bị khói lửa hun đều chết, người nào ra hàng cũng bị giết cả, vợ con bị bắt làm nô tì.

Mùa hạ, tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá Trần Trí sang trấn giữ phủ Phụng Hóa.

Trần Thái Xung ở Đạo Hội, Phạm Ngọc ở Đồ Sơn đều tụ quân nổi dậy, Bân đánh bại cả.

Nhà Minh lấy Hùng Tông Lỗ làm Giao Chỉ hữu tham nghị.

Tông Lỗ (người Tứ Xuyên) [5b] trước làm Tri phủ Tam Giang, bị Hoàng Phúc nhận xét là : "Hỏi đến vốn học thì chẳng biết gì, xét đến việc làm thì không có gì đáng kể, cả phủ chỉ một mình là nhất, nhưng suốt ba năm công việc chỉ nhờ người", sai đưa về Yên Kinh. Lại bộ dẫn lời nhận xét ấy, tâu xin giáng làm thương quan ⁵. Vua Minh hỏi lý do, Lại bộ trả lời là trước đã từng làm Giang Tây tham nghị, Vua Minh nói : "Trưởng quan khó làm thì hãy cho trở về chức phó nghị". Vì thế mới đổi làm tham nghị. Khi tới nơi nhận chức, Tông Lỗ nói : "Trước đây

1. Vùng phía nam tỉnh Hải Hưng ngày nay.

2. Huyện Tân Minh sau đổi là Tiên Minh, nay là đất huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

3. Thực ra các xứ đó vẫn còn những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, đặc biệt cuộc đấu tranh của "Nghĩa quân áo đỏ" hầu như đã lan rộng khắp miền núi.

4. Phật Tích và An Sầm : là hai hang núi thuộc huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Núi Phật Tích còn gọi là núi Sài Sơn hay núi Thầy.

5. Thương quan : là chức quan trông coi kho tàng.

dại nhân xét tội vào bậc dưới, nay tôi cũng được cùng ngồi một công đường với ngài". Đến năm Ất Ty, đời Hồng Hy (niên hiệu của Minh Nhân Tông), Tông Lỗ lại bị xét là hèn kém, mất chức, làm dân.

Người làng Trảng Kênh, huyện Thủy Đường ¹ là Lê ngã đổi họ tên thành Dương Cung, tự xưng là Thiên Thượng Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên.

Ngã vốn là gia nô của Trần Thiên Lại, tướng mạo rất đẹp, đã từng đi khắp bốn phương, đến đâu cũng được mọi người cung dưỡng. Ngã lại trá [6a] xưng là linh hầu của Mã Kỳ, di dọa nạt các châu huyện làm kẻ nuôi thân. Thấy Công Chứng, Phạm Ngọc, Phạm Thiện đua nhau nổi dậy, Ngã bảo những người quen biết :

"Các anh có muốn giàu sang không ? Ai muốn thì hãy theo ta !".

Đến huyện Đan Ba ², Lạng Sơn, Ngã trá xưng là cháu bốn đời của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua trở về. Phụ đạo Đan Ba là Bé Thuấn đem con gái gả cho và lập làm vua. Trong khoảng mấy tuần một tháng, đã có vài vạn quân, hấn ra An Bang ³ chiếm trại Hồng Doanh. Sau khi Công Chứng, Phạm Ngọc bị thất bại, thì dư đảng của họ theo về với Ngã, số quân được đến mấy vạn người. Ngã tiến xưng tôn hiệu, dựng niên hiệu, đặt quan chức, đúc tiền, đốt thành Xương Giang ⁴, cướp trại Bình Than. Có người biết hấn là Ngã cũng không dám nói. Thiên Lại đi gặp hấn, trở ra nói rằng :

"Nó là gia nô của ta, việc gì phải lạy nó".

Rồi dời thuyền trốn đi. Ngã đuổi theo nhưng không kịp. Thiên Lại gửi hịch cho các huyện gần đó, tự xưng là Hưng Vận quốc [6b] thượng hầu, đem quân đánh nhau với Ngã, bị Ngã giết chết, Lý Bân đem đại quân thủy bộ đến đánh. Ngã và Thuấn đang đêm bỏ trốn cả, không biết là đi đâu.

Tả tham chính Hầu Bảo giữ đồn Hoàng Giang ⁵, bị Nguyễn Thuật, người Kiến Xương ⁶ đánh giết.

Mùa đông, tháng 10, vua nghe tin quân Minh sắp đến, đặt mai phục ở bến Bồng ⁷ chờ giặc, chém giết quân giặc nhiều vô kể, bắt được hơn trăm con ngựa. Vua cho nghỉ quân ở Mường Nanh ⁸, rồi lại dời đến đóng quân ở Mường Thôi.

1. Huyện Thủy Đường : nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

2. Huyện Đan Ba : nay là huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

3. An Bang : là đất tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

4. Thành Xương Giang : ở đất xã Thọ Xương, nay thuộc thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc.

5. Đồn này ở ngã ba Tuần Vương tỉnh Nam Hà ngày nay.

6. Kiến Xương : là vùng đất các huyện Vũ Thư, Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày nay.

7. Bến Bồng : có lẽ nằm trên thượng lưu sông Chu.

8. Mường Nanh : nay còn địa danh Mường Nang, tức là xã Thịnh Nang, huyện Lang Chánh. Mường Nanh có lẽ là đất ấy.

Tên Đồng tri châu Quỳnh Châu là Cầm Lạn dẫn bọn Lý Bân, Phương Chính đem hơn 10 vạn quân, theo đường Quỳnh Châu, đến thẳng Mường Thôi. Vua phục kích chúng ở Thi Lang¹. Bân và Chính chỉ chạy thoát được thân mình.

Tháng 11, vua tiến quân đóng ở sách Ba Lầm² thuộc huyện Lỗi Giang, khiêu khích cho giặc ra đánh. Tướng giặc là bọn Đô ty Tạ Phương, Hoàng Thành bỏ đồn Nga Lạc, về giữ trại Quan Du³ để phòng [7a] bị cho thành Tây Đô, cố giữ không ra đánh. Vua ngày đêm dùng nhiều cách tiến công uy hiếp để giặc mỏi mệt, rối loạn. Lại sai Lê Sát, Lê Hào chia nhau tiến đánh, cả phá bọn giặc, chém được hơn nghìn thủ cấp, thu được rất nhiều chiến cụ, từ đó thế giặc ngày một suy. Vua bèn chiêu tập nhân dân các xứ. Các huyện bên cạnh đều sôi nổi hưởng ứng, cùng nhau tiến đánh và uy hiếp các đồn giặc.

Tam ty nhà Minh kiến nghị rằng :Bọn quan lại, quân dân Giao Chỉ mắc tội từ tử hình trở xuống, xin đều cho chúng nộp thóc tùy theo mức độ để chuộc tội, lấy số thóc đó làm lương thực dự trữ nơi biên giới. Vua Minh nghe theo.

Năm ấy, Hoàng Phúc xin miễn việc bắt quan lại về châu hầu, vì địa phương này chưa yên.

Tân Sửu, /1421/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh xây dựng xong điện Phụng Thiên ở Yên Kinh. Vua Minh ngự chính điện để các quan vào chầu, xuống chiếu cho các quan phủ, huyện, châu vào mừng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 8, [7b] điện bị cháy, mới thôi.

Bắt đầu lấy những người thiên hoạn sung vào nội phủ.

Tháng 6, lộ Tam Giang lụt to. Có người bảo là (thủy thần) lấy gỗ chò để dùng nên có tai họa đó.

Mùa thu, tháng 9, nước sông Đáy⁴ dâng tràn.

Tổng binh Lý Bân và nội quan Lý Lượng của nhà Minh bắt Phạm Luật là sinh viên huyện Giáp Sơn, buộc Luận mạo nhận là Dương Cung để cho qua chiếu lệnh lùng bắt⁵, bắt đến cả gia thuộc Luận là bọn Phạm Xã giải về Yên kinh.

1. *Thi Lang* : hay Bồ Thi Lang, là một địa điểm gần căn cứ của nghĩa quân lúc ấy.

2. *Ba Lầm* : tên sách, có lẽ là vùng Chiềng Lầm ở xã Diên Lư, thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

3. *Quan Du* : sau đổi là châu Quan Hóa, nay là huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

4. *Sông Đáy* : tức sông Tiêu Đáy ở tỉnh Tuyên Quang, nay thuộc tỉnh Hà Tuyên.

5. *Dương Cung* : tức là Lê Ngã. Lê Ngã nổi lên đánh phá giặc Minh, tin truyền về triều đình nhà Minh, vua Minh ra lệnh lùng bắt rất nghiêm ngặt, bọn Lý Bân phải bày ra mưu này cho qua chuyện.

Tri huyện Đặc Khiêm nhận thực không phải tên Cung. Bân không nghe. Khiêm lấy bao vàng dâng đại cáo, tâu thẳng về Yên Kinh. Bân sai người chặn đường bắt về. Hoàng Phúc khuyên Khiêm rằng :

"Mọi người đều cho là đúng, chỉ riêng người bảo không phải là làm sao ?". Khiêm nói :

"Ai ra ngoài mà chẳng phải qua cửa ngõ ?"¹.

Bân cho giải cả Khiêm và Luận về Yên Kinh, giao xuống cho pháp ty xét hỏi. Khiêm suýt nữa bị tội, vì có người anh đánh trống dấy văn² khiếu oan nên được miễn tội. Sau thắng dần đến chức Hữu bố chính sứ nước ta. Gia thuộc của Luận cuối cùng bị chết [8a] trong ngục.

Mùa đông, tháng 11, ngày 20, tham tướng nhà Minh là Trần Trí đem quân các vệ Giao Châu cùng ngự binh, gồm hơn 10 vạn tên đánh sát đến ải Kinh (có sách chép là Kinh) Lộng³, sách Ba Lãm. Vua họp các tướng bàn rằng :

"Quân giặc nhiều, quân ta ít, nhưng quân giặc mệt, quân ta nhàn. Binh pháp có nói được hay thua là ở tướng chứ không phải ở quân nhiều hay ít. nay quân giặc tuy nhiều, nhưng ta đem quân nhàn đợi đánh quân mệt mỏi, chắc chắn sẽ đánh bại chúng".

Đến đêm, vua chia quân đánh úp doanh trại giặc. Quân ta đánh trống reo hò xông tới, phá được bốn doanh trại giặc, chém được hơn ngàn thủ cấp. Sau Trí khinh vua ít quân, lại phá núi mở đường để tiến đánh. Vua ngầm phục kích ở đèo Ông⁴ để đợi giặc. Đến trưa, Trí quả nhiên đem quân đi theo đường núi đến. Quân phục hai bên xông ra, đánh bại giặc. Quân Trí phải rút.

Nhưng đúng lúc ấy, Ai Lao đem 3 vạn quân và 100 thớt voi⁵ thỉnh linh tới doanh trại của vua phao tin là cùng hợp sức với vua để đánh [8b] giặc. Vua tin lời họ, không phòng bị. Đến nửa đêm, bị họ đánh úp. Vua phải đích thân đốc chiến, suốt từ giờ Tý đến giờ Mão, đánh tan bọn Ai Lao, chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt được 14 con voi, thừa thắng truy kích liền 4 ngày đêm, đuổi đến tận sào huyệt của chúng rồi về.

Tháng 12, vua tiến ra đóng quân ở sách Thủy⁶.

1. Ý nói mọi người đều cùng một đức với Hoàng Phúc.

2. *Trống dấy văn* : trống để ở điện đình, ai có việc oan khuất thì đánh lên, trình bày nỗi oan để được xét lại.

3. *Ái Kinh Lộng* ; tức là ải Cổ Lũng sau này, thuộc huyện Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa.

4. Nguyên là Ung ải, tức đèo Ông ở xã Thiết Ông, trên tả ngạn sông Mã.

5. *Đại Việt thông sử* chép là 5 vạn quân và 100 thớt voi.

6. *Sách Thủy* : bản dịch cũ cho là đất Hữu Thủy ở gần Lar Sơn.

Tù trưởng Ai Lao là Mãn Sát đã cùng quần, muốn vua hoãn đánh để đợi viện binh, mới giả vờ xin hòa. Vua biết đó là mưu kế xảo quệt, không cho. Các tướng cố xin cho hòa, nói là quân lính khó nhọc đã lâu, nên cho nghỉ ngơi một chút. Chỉ có Bình chương Lê Thạch cho là không thể cho giặc giải hòa, liền tự mình hăng hái xông lên trước, chẳng may trúng phải chông ngầm mà chết.

Thạch là con người anh của vua. Vua thuở ấu thơ, được anh nuôi nấng nên ngài yêu Thạch hơn cả con mình. Thạch tính người nhân ái, ham đọc sách, khỏe mạnh, dũng cảm, yêu mến quân sĩ, vua từng sai chỉ huy quân tiên phong, đánh đâu thắng đấy. Đáng tiếc Thạch dũng cảm nhưng kém [9a] mưu. Đến đây chết, vua rất thương xót.

Trước đây, vua vốn hòa hiếu với Ai Lao, chưa từng có hấn khích gì. Khi vua cầm cự với giặc tại sách Lư Sơn, Ai Lao từng cho quân sang cứu viện. Đến khi tên ngụy quan Lộ Văn Luật trốn giặc sang Ai Lao, sợ uy danh vua, thêu dệt gây nên hiềm khích, nên mới đến nổi thế.

Phương Chính và Hoàng Phúc nhà Minh cùng với bọn Tổng binh, Tam ty và Trấn thủ Trần Hiệp bàn định rằng : những viên văn võ thổ quan nào có kêu xin việc gì thì mượn cớ đã đủ hạn khảo khóa, sai về Yên Kinh làm việc công để an trí tại đó.

Nhâm Dần/1422/, (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 20). Mùa xuân, ngày mồng 1, nhật thực.

Tháng 2, viên Tổng binh nhà Minh là Phong Thành hầu Lý Bân bị bệnh nhọt chết.

Mùa đông, tháng 12, vua tiến quân đóng ở Quan Da. Ai Lao lại ước hẹn với quân Minh đánh vào trước mặt và sau lưng quân ta, nhiều người chết và bị thương. Vua bèn bí mật lui về [9b] sách Khôi¹. Mới được 7 ngày, giặc Minh lại đem đại binh đến vây. Vua bảo các tướng sĩ :

"Giặc vây ta bốn mặt, có muốn chạy cũng không có lối nào. Đây chính là "tử địa"². mà binh pháp đã nói, đánh nhanh thì sống, không đánh nhanh thì chết".

Vua nói xong chảy nước mắt. Các tướng sĩ đều xúc động, tranh nhau liều chết quyết chiến.

1. *Sách Khôi* : tức là Khôi huyện, thuộc trấn Thiên Quan, ở giữa hai huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
2. "Tử địa" tức là "đất chết", chỉ hoàn cảnh hiểm nghèo.

Bọn Lê Lĩnh, Lê Văn, Lê Hào, Lê Triện xông lên trước phá trận, chém được tham tướng Minh là Phùng Quý và hơn nghìn thủ cấp giặc, bắt được trăm con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chỉ thoát được thân mình chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng bỏ trốn.

Vua đem quân về đóng ở núi Chi Linh. Quân lính hết lương, hơn hai tháng, chỉ ăn rau củ và măng tre mà thôi. Vua giết 4 con voi và cả ngựa của mình cưỡi để nuôi quân sĩ. Song thỉnh thoảng vẫn có kẻ bỏ trốn. Vua bèn cấm giữ nghiêm ngặt, bắt được kẻ nào bỏ trốn thì chém, để rạo cho mọi người biết. Quân lính lại nghiêm [10a] tức như trước.

Bấy giờ, do trải nhiều phen hoạn nạn, quân lính đã mệt mỏi, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên vua giảng hòa với giặc. Vua bất đắc dĩ phải vờ hòa hiếu với bọn tướng giặc Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trần Trí, để yên lòng quân. Sai bề tôi thân thích là bọn Lê Văn, Lê Trần đi giảng hòa.

Nhà Minh sai nội quan cùng Hộ bộ chủ sự Mã Minh kiểm kê tiền bạc và lương thực chứa trong kho các phủ, châu, huyện. Đồng thời, sai An Bình bá Lý An và Trần Trí, đều giữ chức tham quan để trấn trị đất này.

Quý Mão, [1423], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 21). Mùa hạ, tháng 4, ngày 14, vua lại đem quân về Lam Sơn.

Bọn tham tướng Trần Trí, nội quan Sơn Thọ nhà Minh đưa biểu vua nhiều trâu ngựa, cá muối cùng thóc giống và nông cụ để dụ dỗ. Vua cũng sai bọn Trần đưa tặng vàng bạc để đáp lễ, nhưng vẫn bí mật [10b] phòng bị. Bọn Trí biết ý định của vua bề ngoài giả cách thân thiện, nhưng bên trong thì ngầm mưu đánh úp, liền bắt giữ bọn Trần không cho về. Vua nổi giận, cắt đứt giảng hòa. Các tướng sĩ cũng sôi sục căm thù, đều thề xin liều chết quyết chiến.

Bọn quan lại ở nước ta lại phải [sang Yên Kinh] làm lễ chầu hầu và dâng số tu tri¹. Nơi nào chỉ có một viên lưu quan² và có thổ quan thì sai viên lưu quan đi, lấy viên quan khác đến thay. Những viên lưu quan đều bị xét hỏi, xong việc thì được trở về chức cũ, chỉ có bọn thổ quan, thổ lại thì thả về ngay.

Mùa đông, tháng 11, ngày 21, hoàng tử Nguyên Long sinh.

1. *Số tu tri* : tức là số hộ tịch, ruộng đất, lương bổng của các nơi ở Giao Chỉ.
2. *Lưu quan* : chỉ quan lại Trung Quốc do nhà Minh cử sang.

Giáp Thìn, [1424], (Minh Vĩnh Lạc năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh ra lệnh khai thác mỏ bạc. Trước đó, chỉ khai thác mỏ vàng. Đến đây, ra lệnh khai mỏ bạc, nhưng chưa làm lại thôi.

Mùa thu, tháng 7, vua Minh thân hành đi đánh giặc Hồ¹, đem quân về đến sông Du Mộc² thì ốm nặng, để di mệnh truyền ngôi cho hoàng thái tử. Ngày Tân Mão 18, vua Minh băng, nhưng giữ kín, đưa về đến Yên Kinh mới phát tang, thọ 65 tuổi, táng ở Trường Lăng, miếu hiệu [11a] Thành Tổ, tên thụy là Văn Hoàng Đế.

Mùa thu, tháng 8, ngày 15, thái tử nhà Minh Cao Xí lên ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, đại xá. Tờ chiếu viết :

"Trẫm nghĩ, trời sinh ra dân, liền lập ra vua ra chúa để yêu nuôi muôn triệu người cho đến cõi thái hòa, để thống trị Hoa Di, để cùng đạt tới phần vinh thịnh vượng. Tiên hoàng ta vâng mệnh trời vỗ yên đất nước, trị hóa cao hơn cả trăm vua, văn đức vũ công, thanh giáo ban khắp ra bốn biển. Mới đây, vì biên cương báo động, cần phải xa giá thân chinh ; đến khi quân về, bỗng đâu Đĩnh Hồ³ xa khuất.

Ngài để lại di mệnh đem ngôi báu trao cho kẻ ít đức này. Đương lúc đau thương khôn xiết, đâu dám vội người mà tuân theo lệnh. Nhưng các tôn thân, công hầu bá, phò mã, các quan văn võ, quân dân, kỳ lão và các sứ thần triều cống của tứ di⁴ đều cúi đầu dưới cửa khuyết, dâng biểu khuyên lên ngôi, cho là ngôi trời không thể bỏ trống lâu ngày, sinh dân không thể [11b] không có người đứng chủ, mà con trướng đích nối giữ đại thống là đạo vĩnh hằng của nhà nước. Lời tâu bày đến hai ba lần, lòng thành khẩn xiết bao giải tỏ.

Cho nên, ta trên tuân theo di mệnh, dưới thể lòng mọi người, ngày 15 tháng 8 đã kính cáo trời đất, tông miếu, xã tắc, lên ngôi hoàng đế, để đón phúc lớn của tông miếu, để nhờ mưu xa của thánh thần. Nay nhân buổi mới lên ngôi, ban mệnh đổi mới, lấy sang năm làm năm Hồng Hy thứ nhất, còn các việc nên làm, nêu rõ như sau :

Những việc như lấy vàng bạc, tìm hương liệu ở Giao Chỉ đều đình chỉ hết. Các quan viên trong ngoài sai đi trông coi, hạn trong 10 ngày phải lên đường về kinh, không được kiếm cớ ở chậm lại mà ngược hại quân dân. Ôi ! vua tôi cùng

1. *Giặc Hồ* : chỉ người Thất Sát A Lỗ Thái.

2. *Sông Du Mộc* : ở huyện Đa Luận, tỉnh Sát Cáp Nhĩ.

3. *Đĩnh Hồ* : theo truyền thuyết Trung Quốc : Hoàng đế đức vạc ở chân núi Kinh Sơn, vạc đức xong, liền cưỡi rồng bay đi. Chỗ ấy gọi là Đĩnh Hồ. Sau dùng chữ Đĩnh Hồ để chỉ vua chết.

4. *Tứ di* : chỉ các nước xung quanh Trung Quốc hồi ấy.

một dạ, thương dân cốt ở khoan hồng, thường phạt có phép thường, trị nước trước phải minh tín. Những mong các hiền tài [12a] giúp việc văn võ, các quan chức giỏi giang trong ngoài hết lòng trung trinh, giúp đỡ thiếu sót để nổi nghiệp lớn. Cho nên quốc gia hưng thịnh mãi mãi, để ban ân huệ tới khắp dân đen, để mở rộng phúc trị bình cho mọi nơi trong cõi".

Các nha môn lớn nhỏ ở nước ta sai quan đem lễ vật sang tế lễ và chúc mừng.

Mùa thu, tháng 9, ngày 20, vua chỉ huy quân và voi đánh úp đồn Đa Căng¹, phá được đồn này. Tham chính nhà Minh là Lương Nhữ Hốt chỉ chạy thoát được thân mình, ta thu hết khí giới, đốt phá đồn giặc.

Đô chỉ huy sứ nhà Minh Nguyễn Suất Anh² đem quân đến cứu viện, nhưng đồn đã mất. Anh chường hừng, không chỗ bấu víu, vua lại đánh bại chúng. Anh chạy vào thành Tây Đô. Vợ con của Anh bị ta bắt được, vua đều tha cho về cả.

Nhà Minh cho gọi Công bộ thượng thư nắm việc hai ty Bô chính và Án sát ở Giao Chỉ là Hoàng Phúc về nước. Tờ sắc viết :

"Khanh là bậc lão thành của nước, khó nhọc lâu ở ngoài, trăm mong nhớ khôn khuây, muốn được trông thấy [12b] mặt ngay. Thấy sắc tới thì khanh đi trạm mau về kinh để thỏa lòng trăm mong đợi. Còn vợ con thì sai phu trạm đưa về sau".

Nhà Minh lấy Binh bộ thượng thư Trần Hiệp sang trấn giữ, kiêm coi việc hai ty Bô chính, Án sát và giúp đỡ việc quân chính cho tổng nhung.

Hiệp người phủ Thường Châu, tỉnh Trực Lệ, trước kia làm Đại lý thiếu khanh. Năm Bính Tuất, Khai Đại năm thứ 4 đời Hồ (1406), vận chuyển lương thực đi theo quân Minh, đến năm Kỷ Sửu, Hưng Khánh năm thứ 3 (1409), Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn bại trận bị chết ở bến Bô Cô, điều Hiệp làm Thị lang quản sự, khi bình được châu Hóa, được thăng làm Binh bộ thượng thư.

Hoàng Phúc được gọi về, có tâu xin bảo cử các thổ hào làm quan như phụ đạo Bình Nguyên là Hoàng Ngân Phong, con Tri phủ Đỗ Hy Vọng là Đỗ Cử, con Diêm vận đồng tri Thân Bí Quyết là Bá Tuấn. Lại tâu rằng :

"Các thổ lại vẫn quyến luyến quê hương, nếu khoan dung cho chúng thì trái với [13a] phép tắc đã quy định, nếu gò bó chúng thì phần nhiều đều bỏ trốn, đến khi lòng bắt thì chúng quay lại giúp đỡ giặc cướp. Xin xuống chiếu cho Văn Nam để những tên suốt đời làm lại thì chuyển cho làm việc ở các nha môn".

Vua Minh nghe theo.

1. *Đồn Đa Căng* : có lẽ là Bất Căng, thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Đồn này nằm trên hữu ngạn sông Chu.
2. *Lam Sơn thực lục và Đại Việt thông sử* chép là Nguyễn Hoa Anh.

Vua chọn đình tráng, sửa khí giới, rèn bộ ngũ, chứa sẵn lương khô, tiến thẳng vào Nghệ An.

Khi qua núi Bồ Lạp (có sách chép là xứ Bồ Cự) thuộc châu Quỷ¹, thì gặp tên Chỉ huy đồng tri nhà mình là Sư Hựu cùng viên thổ quan là Tri phủ châu Trà Lân Cầm Bành đem 5.000 quân đón ở phía trước, lại có các tướng Minh Trần Trí, Lý An, Phương Chính, Thái Phúc đem quân tiếp đến uy hiếp mặt sau.

Trời sắp tối, vua bèn phục sẵn binh tướng trong rừng. Bọn Phương Chính đến, vua tung quân ra đánh. Quân Minh tan vỡ lớn. Ta chém được Đô ty Trần Trung và hơn hai nghìn thủ cấp quân giặc, bắt được hơn một trăm cỗ ngựa. Quân Minh tháo chạy.

Hôm sau, quân ta tiến đến trang Trịnh Sơn², châu Trà Lân³, [13b] gặp Sư Hựu ở đó, lại cả phá chúng, chém được thiên hộ Trương Bản và hơn nghìn quân giặc. Hựu chỉ chạy thoát thân mình. Vua dẫn quân đến sách Mộc. Bọn Trần Trí đuổi theo đến núi Trại Hoàng, nhưng vì đã nhiều phen bị thua đau, không dám tiến sâu, lui về giữ thành Nghệ An.

Mùa đông, tháng 11, vua sai người chiêu dụ Cầm Bành. Bành cự tuyệt không theo, mình dẫn cùng với hơn ngàn quân lên dựng rào lũy trên đỉnh núi để đón quân cứu viện. Vua đem quân tới bao vây.

Tháng 12, Sơn Thọ nhà Minh sai Nguyễn Sĩ đưa trả Lê Trăn để cầu hòa.

Bọn Phương Chính, Sơn Thọ đến Nghệ An, muốn cứu Cầm Bành nhưng không dám tiến quân, bèn sai người đem thư xin vua giải vây cho Bành.

Bấy giờ, Cầm Bành cố thủ, vây đã hơn một tháng chưa lấy được, lại nghe tin quân cứu viện tới. Vua gọi các tướng lên bảo rằng :

"Cầm Bành đang nguy khốn, bọn Chính đáng lẽ phải cấp tốc cứu viện, nay lại dùng dằng, hẳn là có ý lo sợ. Chỉ bằng ta [14a] giả cách cho hòa để xem tình thế ra sao, tin đi tin lại mất hàng tuần hàng tháng, thì Cầm Bành lúc ấy chắc đã bị bắt rồi".

Vua bèn viết thư để trên bè cho thuận dòng trôi xuống. Trong thư vua nói thác là vẫn muốn theo lời thỉnh cầu của họ, trở về Thanh Hóa. Nhưng lại bị Cầm

1. *Bồ Lạp* : là tên núi, cũng gọi là Bồ Cự, Bồ Đẳng, là một ngọn núi ở xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Nhân dân địa phương thường gọi là Bù Đôn và phía đông bắc có một bản nhỏ gọi là Bản Liệp. Vùng này nay thuộc xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.
2. *Trang Trịnh Sơn* : là Kê Trịnh, nay thuộc xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, cách thành Trà Lân (hay Trà Long) hơn 10km.
3. *Châu Trà Lân* : hay Trà Long, là đất huyện Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An. ngày nay, đời Trần là đất Mật Châu, đời Nguyễn gọi là phủ Tương Dương.

Bành chặn đường, nếu có lòng thương thì xin cho một người tạm đến hòa giải để thông đường về.

Bọn Chính nhận được thư, sai Trần Đức Nhị chạy đến bảo Cầm Bành hòa giải, Cầm Bành biết là viện binh không đến, mở cửa thành ra hàng, Châu Trà Lân đã dẹp yên. Vua ra lệnh cho quân rằng :

"Cầm Bành đã đầu hàng, chớ có mảy may xâm phạm, tha tội cho tất cả, không được giết một người nào". (Sau Cầm Bành mưu phản, vua giết chết).

Vua vỗ về an ủi các bộ lạc, khao thưởng các tù trưởng. Tuyển chọn đinh tráng bổ sung quân ngũ được 5 nghìn người, thế quân càng mạnh. Quân Minh nghe tin Cầm Bành đã hàng, liền quay lại đánh trại Trà Lân. Vua lại đánh phá được.

Vua muốn đánh thành Nghệ An, [14b] nhưng chưa biết tình thế ra sao. Gặp khi vua Minh mới lên ngôi, sai nội quan Sơn Thọ dùng lời lẽ quý quyết để dụ dỗ vua. Vua biết dụng ý của chúng liền nói :

"Giặc sai người đến lừa ta, ta nhân chỗ sơ hở của chúng mà lừa lại, chính là dịp này đây".

Rồi lại trao đổi đi lại với giặc, trinh sát tình hình của chúng để mưu đánh úp thành Nghệ An. Bọn Thọ biết là mưu kế của chúng không đánh lừa nổi, mới lại đoạn tuyệt không cho sứ đi lại nữa.

Bấy giờ vua chấn chỉnh binh tượng, tiến quân bao vây thành Nghệ An. Quân sắp đi, vừa lúc có tin báo quân Minh đã sắp đặt voi ngựa, thuyền bè, tiến quân cả hai đường thủy và bộ, định ngày mai sẽ tới. Vua chia hơn 1.000 quân, cho bọn Lê Liệt đi đường tắt đóng giữ huyện Đỗ Gia ¹. Vua đích thân chỉ huy đại quân giữ chỗ hiểm yếu để đợi chúng.

Được ba bốn hôm, quân Minh quả nhiên đến quán Lậu và cửa Khả Lưu ², bày doanh trại ở hạ lưu. Vua ở thượng lưu, ban ngày dựng cờ đánh trống, ban đêm thì đốt lửa sáng trưng. Nhưng ngầm sai binh tượng [15a] vượt sông, phục sẵn ở chỗ hiểm yếu. Trời gần sáng, giặc liền đem quân đến đánh dinh vua. Vua giả vờ rút lui, dẫn giặc tới chỗ có quân mai phục. Giặc không để ý, đem quân tiến vào sâu, quân mai phục bốn mặt nổi dậy, xông ra đánh phá. Quân giặc bị chém đầu và chết đuối tới hàng vạn tên.

Hôm sau, giặc liền dựa vào thế núi, đắp hào lũy để ở, không ra đánh nữa.

1. *Đỗ Gia* : nay là đất huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Gần xã Linh Cảm của huyện này có làng Đỗ Xá, có lẽ là nơi đóng quân của Lê Liệt.
2. *Khả Lưu* : là tên một cửa ải xưa, ở phía bắc sông Lam, thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

Bấy giờ lương thực của giặc có rất nhiều mà quân của vua thì không đủ lương ăn cho 10 ngày. Vua nói với tướng sĩ :

"Giặc cậy có nhiều lương, cố thủ để làm kẻ lâu dài, ta lương ít không thể cầm cự dài ngày với giặc".

Rồi đốt cháy doanh trại, ngược dòng sông giả cách trốn đi, nhưng lại ngấm đi đường tắt trở về, đợi giặc đến thì đánh. Quân Minh cho là vua đã chạy, mừng lắm, bèn tiến quân vào đóng ở doanh trại cũ của vua, lên núi đắp lũy.

Ngày hôm sau, vua cho quân tinh nhuệ ra khiêu chiến. Giặc đem quân ra ngoài lũy để đánh. Vua phục sẵn ở Bồ Ai ¹, giữa nơi hiểm yếu. Giặc lại không ngờ tới, đem hết [15b] quân ra đánh. Vua bèn tung phục binh xông vào trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Lễ, Lê Văn, Lê Nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê Tông Kiều, Lê Khôi, Lê Bôi, Lê Văn An tranh nhau lên trước phá quân giặc, chém đầu giặc không sao kể xiết. Thuyền giặc trôi ngổn ngang, xác chết đuối nghen tắc khúc sông, khí giới vút đầy cả rừng núi. Ta bắt sống Đô ty Chu Kiệt, chém tướng tiền phong là Đô ty Hoàng Thành, bắt sống hàng nghìn tên giặc. Trần Trí, Sơn Thọ thu nhặt tàn quân chạy về thành Nghệ An. Vua thừa thắng đuổi dài suốt 3 ngày, đến tận dưới chân thành. Bọn Trí vào thành cố thủ.

Nhà Minh sai Cẩm y vệ xá nhân sang bắt bọn Phương Chính và Sư Hựu về kinh, vì bị thua trận ở châu Trà Lân. Hựu đi đến giữa đường uống thuốc độc chết, Phương Chính vẫn được làm Đô đốc đồng tri, gia chức tham tướng.

Nhà Minh ra lệnh cho bọn Mã Kỳ lại [16a] sang lấy vàng bạc, châu báu và hương liệu.

Ất Tỵ, /1425/, (Minh Nhân Tông Cao Xí Hồng Hy năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua đem quân đến hương Đa Lôi ², huyện Thổ Du, trấn Nghệ An. Già trẻ tranh nhau đem trâu rượu đến đón và khao quân. Mọi người đều nói : "Không ngờ ngày nay lại được trông thấy uy nghi của nước cũ".

Tri phủ châu Ngọc Ma là Cẩm Quý đem hơn 8.000 quân và hơn 10 con voi đến theo giúp. Vua ra lệnh cho các tướng rằng :

"Dân chúng khổ về chính sách bạo ngược của giặc đã lâu rồi. Những châu huyện nào chúng ta đi tới, không được mảy may xâm phạm của dân. Nếu không

1. *Bồ Ai* : là một địa điểm ở về phía trên ai Khả Lưu, cách Khả Lưu không xa. Hiện nay, ở xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An có khe Ai đổ ra sông Lam và ngọn núi thấp ở đây cũng có người gọi là Bồ Ai. Có lẽ đó là Bồ Ai xưa kia.
2. *Hương Đa Lôi* : nay là Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

phải là trâu bò, thóc lúa của bọn ngục quan, thì dầu đói khát khôn khó đến đâu cũng không được lấy bậy".

Mọi người đều tuân lệnh.

Bấy giờ, quân lính đã ba ngày chưa được ăn mà vẫn không có ai vi phạm lệnh đó. Dân thấy pháp lệnh đã được ban ra và thi hành nghiêm ngặt như vậy, liền đem hết trâu bò, thóc lúa của giặc Minh cấp cho quân lính. Bấy giờ, vua chia quân đi lấy lại đất đai các nơi. Đến châu huyện nào, người ta đều nghe tiếng mà quy phục, cùng [16b] nhau hợp sức vây đánh thành Nghệ An. Giặc cố thủ không dám ra nữa. Thế là đất Nghệ An đều về ta cả.

Vua huấn luyện tướng sĩ, sửa chữa vũ khí, chưa đầy 10 ngày, chiến cụ đã đầy đủ cả. Bèn duyệt võ nghệ, dạy cho binh sĩ phép ngồi, đứng, đánh, đâm, chỉ bảo các thế kỳ, chính, phân, hợp, cho họ biết hiệu chiêng, hiệu trống, hiệu cờ. Kỳ luật quân đội đã nghiêm chỉnh, tinh thần binh sĩ càng tăng thêm. Thường phạt thi hành, nên quân lính gan dạ quyết chiến. Nhân dân trong vùng đều dắt díu nhau tới, đông vui như đi chợ. Vua võ về phủ dụ, mọi người đều hân hoan vui vẻ.

Mùa hạ, tháng 4, Tham tướng nhà Minh là An Bình bá Lý An đem thủy quân từ thành Đông Quan đến cứu. Vua đoán là Trần Trí bị cùng quẫn lâu ngày, thấy quân cứu viện đến, tất mở cửa thành ra đánh, bèn dời quân tới đóng ở huyện Đỗ Gia, đào cửa sông, phục quân trên bờ sông đợi quân giặc đến [17a] để đánh.

Ngày 17, bọn Trí đem hết quân ra đánh trại Lê Thiết. Đội quân của Trí sang một nửa, quân mai phục liền nổi dậy đánh tan, chém hơn ngàn thủ cấp giặc, bọn chết đuối cũng rất nhiều. Từ đó, giặc càng sợ hãi, đắp thêm hào lũy, gắng sức cố thủ.

Tháng 5, vua sai Tư không Lê Lễ (Lễ là cháu gọi vua bằng cậu, vốn họ Đinh, được ban họ Lê) đi tuần ở Diễn Châu¹. Lễ đặt phục binh trước. Quân Minh không biết. Gặp khi Đô ty Trương Hùng của nhà Minh đem hơn 300 chiếc thuyền chở lương từ Đông Quan đến. Trong thành mừng lắm, tranh nhau mở cửa thành ra đón. Quân phục thành liền nổi dậy, chém viên Thiên hộ họ Trương và hơn 300 quân giặc. Hùng tháo chạy, Lễ cướp lấy thuyền lương rồi đuổi theo, vừa đi vừa đánh, đến tận thành Tây Đô.

Bấy giờ, giặc đều đến cứu thành Nghệ An, vua đoán là các thành Tây Đô đều đã suy yếu, liền chọn 200 quân tinh nhuệ, [17b] 2 thớt voi, sai bọn Lê Lễ, Lê Sát,

1. Thành Diễn Châu : còn có tên là thành Trại, nay còn dấu vết ở xã Diễn Hồng, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, cách quốc lộ số 1 gần 400 mét về phía đông và cách Cửa Vạn 2km.

Lê Nhân Chú và Lê Triện, Lê Bị đi gấp theo đường đất đánh úp thành Tây Đô¹, chém được hơn 500 thủ cấp giặc, bắt sống được rất nhiều. Quân Minh đóng cửa thành cố thủ. Dân cư ngoài thành, bọn Lê Triện đều phủ dụ được cả. Bấy giờ người Thanh Hóa tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc. Bèn bao vây thành đó.

Vua Minh băng, thọ 48 tuổi, miếu hiệu là Nhân Tông. Thái tử Minh là Chiêm Cơ lên ngôi, đổi niên hiệu là Tuyên Đức, tức là Tuyên Tông. Các quan phương diện và phủ, huyện, châu về châu mừng.

Mùa thu, tháng 7, vua dự đoán thành giặc ở các xứ Thuận Hóa, Tân Bình đã từ lâu không thông tin tức với Nghệ An và Đông Đô, bảo các tướng :

"Người làm tướng giỏi ngày xưa bỏ chỗ rắn đánh chỗ mềm, tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, như thế chỉ dùng một nửa sức mà nên công gấp đôi".

Bèn sai Tư đồ Trần Hãn và Thượng tướng Lê Nỗ [18a] báo cho bọn Lê Đa Bò đem hơn 1.000 quân và 1 thớt voi ra đánh các thành Tân Bình, Thuận Hóa và chiêu dụ nhân dân.

Đến sông Bồ Chính² thì gặp giặc Minh, bọn Hãn đưa quân vào chỗ hiểm yếu, bí mật mai phục ở Hà Khương để nhử giặc. Tướng Minh là Nhậm Năng đem hết quân tiến vào. Bọn Hãn hợp binh tượng còn lại để đánh rồi giả cách thua chạy. Năng đuổi theo, quân mai phục đánh kẹp hai bên, giặc Minh tan vỡ, bị chém đầu và chết đuối rất nhiều.

Bấy giờ quân của Hãn và Nỗ có ít mà quân giặc còn rất đông, đã sai người cáo cấp và xin thêm quân từ trước. Vua sai tiếp bọn Lê Ngân, Lê Bôi, Lê Văn An đem 70 chiếc thuyền chiến vượt biển đến thẳng chỗ đó. Đến khi được tin thắng trận của Nỗ, liền thừa thắng đánh vào các xứ ở Tân Bình³, Thuận Hóa⁴. Quân và dân các nơi giặc chiếm đều quy thuận. Quân Minh vào thành cố thủ. Thế là Thuận Hóa, Tân Bình đều thuộc về ta cả. Các tướng suy tôn [18b] vua là "Đại thiên hành hóa"⁵. Từ đó, các mệnh lệnh, dụ văn, phần nhiều lấy bốn chữ ấy để xưng.

Bính Ngọ, /1426/, (Minh Tuyên Tông Chiêm Cơ, Tuyên Đức năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, Lê bộ nhà Minh hạ lệnh mở khoa thi hương để chọn học trò.

1. *Thành Tây Đô* : nay ở vào khoảng giữa hai xã Vinh Tiến và Vinh Long, huyện Vinh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Sông Bồ Chính* : tức là sông Gianh, tỉnh Quảng Bình.
3. *Tân Bình* : tên phủ thời thuộc Minh, gồm đất các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Lệ Ninh, Tuyên Hóa, Bến Hải, tỉnh Quảng Bình ngày nay.
4. *Thuận Hóa* : tên phủ thời thuộc Minh gồm đất các huyện Triệu Hải, Hương Điền, Hương Phú, Hương Hóa, Phú Lộc, tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay.
5. *Đại thiên hành hóa* : nghĩa là thay trời tiến hành việc giáo hóa.

Tổng binh và hai ty Bô chính và Án sát xin tạm ngừng. Lại xin miễn lễ châu hầu sang năm vì địa phương chưa yên.

Mùa hạ, tháng 5, vua Minh xuống chiếu rằng :

"Đạo lý thống trị cốt ở yên dân, lòng nhận xót thương, cũng nên tha tội. Giao Chỉ từ khi sáp nhập vào bản đồ đến nay đã hai mươi năm, nhiều lần gây chuyện phản nghịch, phải huy động tới quân của nhà vua. Nhưng ghét chết, thích sống, lòng người không ai khác ai, lợi nước vào lửa, bản tâm có ai muốn thế. Xét kỹ duyên do, đều bởi người có chức trách đã không biết cách vỗ về, lại còn cướp bóc không hề biết chán. Tình cảnh kẻ dưới không thấu lên trên, ơn trạch người trên không thấm xuống dưới. Đến nỗi dân chúng khốn khổ, nảy lòng nghi ngờ, trốn vào núi rừng, họp nhau làm loạn. Xét thực tình đều là do bất đắc [19a] dĩ, nên xử tội cũng đáng được xót thương. Vậy ban ơn mưa móc, cho đều được thấm nhuần. Những quan lại và quân dân Giao Chỉ mắc tội phản nghịch và các tội khác, đã bị phát giác hay chưa bị phát giác, đã được xét xử hay chưa được xét xử, kể từ ngày chiếu thư này ban ra, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều tha cho cả. Quân và dân đất Giao Chỉ, ngoài việc nộp tiền thuế và lương thực ra, các khoản trưng thu khác, cùng những việc đòi lấy vàng bạc, tiền đồng, muối, sắt, hương liệu, thuốc cá... đều lập tức đình chỉ cả, cho phép được trao đổi ở trong hạt với nhau, quan phủ không được cấm, làm như vậy để tỏ lòng thương dân của trẫm".

Mùa hạ, tháng 6, có người đàn bà nghèo hèn ở trang Phao, huyện Đáy Giang mắc bệnh hủi, bị chồng ruồng bỏ. Bỗng một hôm gặp một cụ già trên đường trao cho một hòn đá nhỏ như quả trứng gà, bảo mài nước bôi vào chỗ loét thì khỏi ngay. Mụ làm theo như vậy, quả nhiên khỏi bệnh. Xa gần nghe tin, nhiều người đem tiền lụa đến xin chữa cho [19b]. Mụ ứng tiếp không xuể, chỉ lấy hòn đá mài nước mà cho, gọi là nước bồ tát. Người ta nói nhau trên đường, hỏi nhau đã xin được nước đó chưa. Việc bị phát giác, cả người và đá đều bị bắt đưa về giữ lại ở Tam ty. Không bao lâu, quan quân tới, người đàn bà ấy mới được đưa về. Kể thức giả cho rằng đó là diễm Lê Thái Tổ lấy được nước.

Mùa thu, tháng 8, vua cho là quân tinh nhuệ của giặc đều ở Nghệ An cả, các xứ Đông Đô của chúng nhất định suy yếu, bèn tăng thêm binh tượng, sai bọn Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo, Thái úy Lê Triện, Thái giám Lê Khả, Á hầu Lê Như Huân, Lê Bí đem hơn 3.000 quân 1 thớt voi đi tuần các xứ Thiên Quan ¹, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng ², Quy Hóa ³, Đà Giang, Tam Đới ⁴, Tuyên Quang để cắt

1. *Thiên Quan* : vùng đất huyện Nho Quan cũ, nay thuộc huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình.
 2. *Gia Hưng* : gồm các huyện Thuận Châu, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Phù Yên tỉnh Sơn La, các huyện Thanh Sơn, Tam Thanh tỉnh Vĩnh Phú và huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình ngày nay.
 3. *Quy Hóa* : thuộc Yên Bái, Lào Cai ngày nay.
 4. *Tam Đới* : thuộc tỉnh Vĩnh Phú ngày nay.

đứt đường viện binh của giặc từ Văn Nam sang ; bọn thiếu úy Lê Bị, Thái giám Lê Khuyển [20a] đem 2.000 quân và 1 thớt voi đánh ra các xứ Khoái Châu ¹, Bắc Giang, Lạng Giang để chặn viện binh từ Lương Quảng tới ; bọn Tư không Lê Lễ và Lê Xí thì đem tinh binh tiến sau để phô trương thanh thế. Quân ta đi đến đâu, không mấy may xâm phạm của dân, chợ búa không thay đổi hàng quán. Vì thế, các lộ ở Đông Đô và các xứ phiên trấn, chỗ nào cũng vui mừng, tranh nhau mang trâu dê cơm rượu đến khao quân lính và đều hưởng ứng vây đánh các thành giặc. Quân Minh chỉ còn ngồi giữ để đợi viện binh mà thôi.

Ngày 12, bọn Triệu đem 3.000 quân tiến sát đến thành Đông Quan.

Quân Minh thấy Triệu mang quân trợ trợ từ xa tới, dốc hết quân ra đánh. Đến các xứ Ninh Kiều ² thuộc Ứng Thiên (nay là Chương Đức) thì bọn Lê Triệu, Lê Khả, Lê Bí dốc sức quyết chiến, phá tan quân giặc, chém được hơn 2.000 thủ cấp, rồi tiến quân đóng ở phía tây sông Ninh Giang ³.

Tham tướng nhà Minh là Trần Trí cho là thành Đông Quan trợ trợ nguy hiểm [20b] mới đắp thêm lũy, đào thêm hào, làm kế cố thủ, lại gửi thư cho bọn Lý An, Phương Chính bảo bỏ thành Nghệ An về cứu đất căn bản ⁴.

Tháng 9, ngày 17, bọn Lý An, Phương Chính bỏ thành Nghệ An, vượt biên chạy về Đông Quan, chỉ để Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An. Vua tiến đánh phía ngoài thành, phá được.

Vua liệu tính thế giặc ngày một suy, quân ta ngày một mạnh, thời cơ đã đến mà không hành động ngay sợ lỡ mất cơ hội, liền để bọn Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Bôi, Lê Điền, Lê Lĩnh, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng ở lại đóng dinh vây thành Nghệ An. Vua đích thân chỉ huy đại quân, ngày đêm đi theo đường thủy, đường bộ tiến gấp đuổi theo bọn An, Chính.

Khi đến thành Tây Đô, vua đóng dinh ở Lỗi Giang, ủy lạo tướng sĩ, ban thưởng bỏ lão trong làng và họ hàng cùng những người quen biết cũ theo thứ bậc khác nhau. Bấy giờ nhân dân các huyện nghe tin vua [21a] đến Thanh Hóa, đều hăng hái đến trước cửa quân, tình nguyện rong ruổi theo hầu để lập chút công lao.

1. Nguyên văn là Khoái Giang, sửa lại theo *Dại Việt thông sử* và *Cương mục*.

2. *Ninh Kiều* : là vùng Ninh Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay. Đây là một vị trí trọng yếu và hiểm trở nằm trên đường thượng đạo từ Đông Quan vào Thiên Quan và Thanh Hóa.

3. *Ninh Giang* : là đoạn sông Đáy chảy qua vùng Hà Tây, Nam Hà rồi theo sông Mỹ Đô chảy vào sông Hồng (đoạn Hoàng Giang).

4. Chỉ Đông Đô.

Ngày 20, viên Đô ty Vương An Lão ở Vân Nam của nhà Minh đem hơn 1 vạn viện binh đến cầu Xa Lộc ¹, lộ Tam Giang. Bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả đón đánh phá tan giặc, chém hơn 1.000 thủ cấp, giặc chết đuối rất nhiều. Quân giặc còn sót lại chạy vào thành Tam Giang.

Hôm ấy, Lê Triện đánh nhau với quân Minh ở cầu Nhân Mục ², chém hơn một nghìn thủ cấp giặc, bắt được tên Đô ty nhà Minh là Vi Lượng ³.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai bọn Tổng binh Thành Sơn hầu Vương Thông và Tham tướng Mã Anh đem 5 vạn quân, 5 nghìn ngựa chia đường sang cứu viện các thành Đông Đô. Một vạn quân Vân Nam tiến trước, thẳng đến Tam Giang ⁴, thuận dòng mà xuống. Bọn Lê Khả nghe tin giặc [21b] đến, từ Ninh Kiều hành quân cấp tốc, gặp giặc ở cầu Xa Lộc, đón đánh bại quân giặc.

Ngày mùng 6, bọn Vương Thông nhà Minh đem các quân mới cũ gồm hơn 10 vạn tên, chia làm ba đường đánh vào quân ta.

Vương Thông từ Khâu Ôn tới, qua cầu Tây Dương ⁵, đóng quân ở bến Cỏ Sờ ⁶, làm cầu phao cho quân qua sông. Phương Chính tiến từ cầu Yên Quyết ⁷, đóng quân ở cầu Sa Đồi ⁸. Sơn Thọ và Mã Kỳ tiến từ cầu Nhân Mục, đóng quân ở cầu Thanh Oai ⁹. Quân giặc dàn doanh trại liên nhau đến vài mươi dặm, cờ xí rợp đồng, giáo mác rực trời, tự cho là đánh một trận là bắt hết được quân ta.

Bọn Lê Triện, Lê Bí mai phục binh tượng ở đồng Cỏ Lãm ¹⁰, cho du binh như đánh vào doanh quân Thọ, Kỳ rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, khi qua bờ cầu Tam La ¹¹, chỗ ấy ruộng nước, bùn lầy, quân mai phục của ta nổi dậy đánh tạt ngang vào bọn giặc. Quân giặc bị sa lầy. Ta chém hơn một nghìn thủ cấp, đuổi tận đến cầu Nhân Mục. Xác giặc phơi ngổn ngang đến vài [22a] mươi dặm, ta bắt sống hơn 500 tên. Bọn Triện định đánh chặn hậu doanh của Phương Chính, nhưng Chính đã rút đi rồi. Trời tối, bèn thu quân về.

1. Cầu Xa Lộc : tục gọi là cầu Ròng Rọc ở gần làng Tứ Xã, huyện Lâm Thao cũ, nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú.
2. Cầu Nhân Mục : tức là Cống Mục, ở xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm, Hà Nội, cầu bắc qua sông Tô Lịch, trên đường từ Đông Quan đến Ninh Kiều.
3. Minh sử chép là Viên Lượng.
4. Thành Tam Giang : là trị sở của phủ Tam Giang, nằm ở phía bắc ngã ba Hạc, có thể là thành cổ Dục Mỹ, ở gần cầu Xa Lộc.
5. Cầu Tây Dương : tức cầu Giấy, bắc qua sông Tô Lịch, huyện Từ Liêm, Hà Nội ngày nay.
6. Bến Cỏ Sờ : tức bến Giá ở xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Tây ngày nay.
7. Cầu Yên Quyết : tức cống Cốt ở Hạ Yên Quyết, gần Láng, Hà Nội ngày nay.
8. Cầu Sa Đồi : cầu bắc ngang sông Nhuệ còn gọi là cầu Đồi ở phía tây xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
9. Cầu Thanh Oai : bắc qua sông Đỗ Động ở xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây ngày nay.
10. Cỏ Lãm : tức tổng Thăng Lãm, tên nôm là Sớm, nay gồm các xã Phú Lãm, Phú Cường, Văn Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.
11. Cầu Tam La : tức Ba La, còn gọi là Ba La Bổng Đò, sát thị xã Hà Đông, trên đường đi Thanh Oai và Văn Đình, thuộc tỉnh Hà Tây ngày nay.

Ngày mồng 7, bọn Lê Triện đánh Vương Thông ở các trại ngoài Cổ Sở.

Bấy giờ, giặc đã phục binh sẵn, đan tre làm lá chắn, bên trong gài chông sắt, giả cách vứt lá chắn bỏ chạy. Voi của ta giẫm lên, trúng phải chông sắt, quân ta thất lợi, phải tạm lui. Bọn Triện tự liệu không thể chặn được mới phá hủy doanh trại cũ, thu quân giữ nơi hiểm yếu, cáo cấp trước với bọn Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Xí.

Lúc ấy bọn Lễ đã bí mật mai phục tinh binh ở Thanh Đàm ¹ để đợi giặc, được tin báo của Triện, bèn đang đêm đem hơn 3 nghìn quân tinh nhuệ và 2 thớt voi đến cứu, hội quân ở Cao Bộ ², chia quân phục sẵn các chỗ hiểm yếu. Nhân bắt được gián điệp của giặc, tra hỏi biết được giặc định đặt súng phía sau quân ta.

[22b] Lễ và Triện dùng luôn kế của giặc để đánh giặc, hạ lệnh cho các quân nghe tiếng súng nổ vẫn nằm im không được nhúc nhích. Giặc cho là không có quân, đi theo đường tắt tới, nổ súng rồi đem toàn bộ quân tiến sâu vào.

Đến cách sông Yên Duyệt ³ vài dặm thì phục binh ta ba mặt đều xông lên, hăng hái đánh vào các xứ Tốt Động ⁴, Chúc Động ⁵, phá tan quân giặc ⁶, chém được thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Lý Lượng và 5 vạn quân giặc. Giặc chết đuối rất nhiều, nước sông ở Ninh Kiều do vậy mà tắc nghẽn. Bắt sống hơn 1 vạn tên giặc, thu được ngựa, quân tư, khí giới, xe cộ nhiều không kể xiết. Phương Chính theo đường bên Cổ Sở trốn về. Bọn Vương Thông, Mã Kỳ chỉ thoát được thân, chạy về thành Đông Quan. Bọn Lễ thừa thắng tiến quân bao vây thành Đông Quan.

Tin thắng trận báo về hành dinh ở Lỗi Giang. Bấy giờ, vua đương đóng quân ở Thanh Hóa, hội các quân ở Hải Tây, nhận được thư báo thắng trận của bọn Lê Lễ, bèn đích thân dẫn đại quân [23a] và 20 thớt voi chia hai đường thủy, lục ngày đêm đi gấp.

1. Thanh Đàm : tức là Thanh Trì, trị sở huyện này xưa ở phía đông nam Văn Điển, Hà Nội ngày nay.
2. Cao Bộ : tên nôm là làng Bụa, thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.
3. Sông Yên Duyệt : ở làng Yên Duyệt, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây ngày nay.
4. Tốt Động : tên nôm gọi là làng Rét. Đây là vùng đất thấp, lầy lội. Cánh đồng Tốt Động là đồng chiêm trũng, rất lầy lội.
5. Chúc Động : cách Tốt Động 6km về phía đông bắc và ở ngay phía tây Ninh Kiều. Cả hai con đường từ Ninh Kiều đến Cao Bộ đều phải đi qua vùng Chúc Động. Chúc Động nay là Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.
6. Đoạn này Toàn thư viết rất khó hiểu. Xin ghi lại đoạn nói về trận đánh này của Cương mục để tiện tham khảo : "Bắt được gián điệp của địch, ta biết Thông đã tiến đóng ở Ninh Kiều, ngầm cho kỵ binh tiến nhanh đến phía sau quân Triện, còn chính binh của Thông sẽ vượt sông tiến lên phía trước. Chúng hẹn nhau sẽ nghe tiếng súng pháo nổ, thì các mũi quân địch cùng lúc đánh khép lại. Hồi canh nửa đêm ấy, bọn Lễ sai quân bắn súng pháo ở nơi yếu hại để đánh lừa giặc. Giặc nghe súng nổ, đều đổ xô đi chiếm lấy chỗ thuận lợi. Chúng lừa quân đi tắt vào. Bấy giờ trời mưa, đường lầy lội, chúng kéo đến Tốt Động, bị phục binh ta bốn bề nổi dậy. Quân ta hợp sức lại, hăng hái chiến đấu, cả phá được quân giặc". (CMCB 13, 28 - 29).

Ngày 11, tới sông Lũng Giang¹ đóng dinh, các tướng tới đón mừng.

Tri châu phủ Chính Bình là Hà Trung bị vua bắt, giết chết.

Bọn Vương Thông nhà Minh vì bị thua ở Tốt Động, quân khí cơ hồ mất sạch, bèn phá chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh² để làm súng đạn, hỏa khí. Sau khi Trần Hiệp chết, Hữu bố chính sứ Đặc Khiêm giữ ấn của Bố chính ty, án sát sứ Dương Thì Tập giữ ấn của An sát ty, Đô đốc thêm sự Trần Duệ giữ ấn của Đô ty. Từ đó, lịch chính sóc³ của nhà Minh không được thi hành ở các quận huyện nước ta nữa.

Ngày 22, vua tiến quân đến Tây Phù Liệt⁴.

Ngày 23, vua sai bọn Trần Hãn, Lê Bị đem hơn trăm chiếc thuyền thủy quân, ngược dòng sông Đại Lũng ra cửa sông Hát, rồi thuận [23b] dòng xuôi xuống đến bến Đông Bộ Đầu sông Lô⁵, bọn Lê Lễ đem hơn 1 vạn quân bộ bí mật tiến đến cầu Tây Dương. Vua đích thân dẫn binh tượng đến cửa Nam ngoài thành Đại La để đánh thành Đông Quan.

Đến đêm, hồi canh ba, quân bốn mặt đánh ập vào, phóng lửa đốt các nhà ở ngoài thành, khói lửa mù mịt đầy trời. Các doanh quân đóng ngoài thành của Phương Chính tranh nhau chạy vào cửa thành xác chết gối lên nhau. Ta bắt hết những người trong nước buộc phải theo giặc và hơn trăm chiến thuyền cùng rất nhiều khí giới, nghi trượng. Giặc biết là quân dân các cùng gần đó đều theo về ta cả, thế mỗi ngày một cùng quẫn, lại đắp thêm tường lũy, liều chết cố thủ, để đợi viện binh.

Vua dời ra đóng dinh ở Đông Phù Liệt⁶.

Khi vua mới tới thành Đông Đô, những hào kiệt ở kinh lộ và nhân dân các phủ huyện cùng các tù trưởng ở biên trấn đều tấp nập kéo đến cửa quân, xin hết sức liều chết đánh thành giặc ở các xứ. Vua biểu dương [24a] lòng thành của họ, phủ dụ, úy lạo, báo cho họ biết lẽ bỏ nghịch theo thuận. Từ kẻ sĩ tới dân chúng, hễ ai đến quân doanh, vua đều dùng lời lẽ khiêm tốn, dùng nghi lễ trang trọng để tiếp đãi, rồi tùy theo tài năng hơn hay kém của từng người để bố trí các chức vụ khác nhau. Lấy ban thưởng để khích lệ khiến người người đều hăng hái, dùng hình

1. *Lũng Giang* : tức là sông Đáy, còn gọi là sông Đại Lũng.
2. *Chuông Quy Điền* : tương truyền được đúc từ đời nhà Lý, chuông để ở chùa Một Cột. *Vạc Phổ Minh* : là chiếc vạc lớn của chùa Phổ Minh gần thành phố Nam Định, tỉnh Nam Hà. Chùa này làm vào năm Thiệu Long năm thứ 5 (1262).
3. *Lịch chính sóc* : chính sóc là ngày mồng một tháng giêng Âm lịch. Ở đây chỉ lịch tính theo tuần trăng của nhà Minh.
4. *Tây Phù Liệt* : thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.
5. *Sông Lô* : bây giờ là sông Hồng. *Đông Bộ Đầu* : nay ở khoảng dốc Hàng Than, phía trên cầu Long Biên, Hà Nội.
6. *Đông Phù Liệt* : tên xã, cũng thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày nay.

phạt mà răn đe, nên ai ai cũng giữ gìn. Vì vậy, mọi người đều cảm kích mong được dốc trọn sức mình, quân đi đến đâu là thành công đến đấy.

Vua chia các lộ trấn ở Đông Đô thành bốn đạo ¹. Đặt quan lại văn võ trong ngoài và tuần kiểm ở các xứ cửa biển để khám xét những người qua lại và bắt bọn ngục quan, bọn phản bội, bọn ngoan ngoanh không chịu cải hóa, bọn ăn ở hai lòng, bọn mang thư chạy về phương Bắc.

Lại dụ những người có tài văn chương mà chưa được nhận chức, nếu ai viết thư dụ được người thành Đông Quan, khiến họ mở cửa thành ra hàng và giảng hòa về nước, [24b] thì sẽ được thăng chức vượt cấp.

Lại ra lệnh tịch thu vợ con, nô tỳ sản nghiệp của bọn ngục quan nộp lên, còn thóc lúa của chúng thì vẫn để ở bản xứ để đợi cung cấp cho quân đội.

Mùa đông, tháng 11, vua tìm được Trần Cảo lập làm vua.

Trước đó, có người tên là Hồ Ông, là con một người ăn xin, trốn theo Cầm Quý, giả xưng là con cháu họ Trần.

Bấy giờ người trong nước khổ về chính lệnh hà khắc của giặc, mong có người làm chủ, mà vua thì gấp việc diệt giặc cứu dân, nên sai người đón lập Cảo cho xong việc quyền nghi nhất thời, mà cũng muốn mượn cơ để trả lời nhà Minh để cho họ tin.

Đặt niên hiệu là Thiên Khánh, sai Tả bộc xạ Lê Quốc Hưng dạy cho, nhưng thực ra là để coi giữ. Cảo trước đóng dinh ở núi Không Lộ ², sau dời về Vũ Ninh ³.

Tháng 12, cấm chặt phá hoa quả, cây cối và cướp bóc tài sản của dân.

[25a] Vua thân đốc suất tướng sĩ ngày đêm đánh thành Đông Đô.

Bọn Vương Thông, Sơn Thọ nhà Minh hễ đánh là thua, chán nản lo sợ, mưu kế đã cùng, viện binh không có, tình thế ngày một khốn quẫn, bèn sai người đưa thư xin hòa, mong được toàn quân trở về nước. Vua nói :

"Câu đó đúng hợp ý ta. Vả lại, binh pháp có nói không đánh mà khuất phục được quân của người là kế hay hơn cả".

1. Bốn đạo : 1 - Tây Đạo gồm các trấn Tam Giang, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Gia Hưng ; 2 - Đông Đạo gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang ; 3 - Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Thái Nguyên ; 4 - Nam Đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường.

2. Núi Không Lộ : ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Trên núi có chùa Lạc Lâm, xưa là nơi hóa thân của nhà sư Không Lộ.

3. Vũ Ninh : sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.

Bèn bằng lòng cho giảng hòa, hẹn ngày kíp gọi quân sĩ ở các thành cùng một lúc về tập hợp ở thành Đông Quan để cho về nước cả. Sai cận thần trao đổi với quân Minh, cho phép họ được đi lại, mua bán không khác gì dân thường.

Bấy giờ, bọn nguy Đô ty Trần Phong ¹, Tham chính Lương Nhữ Hốt ² Đô chỉ huy Trần An Vinh, đã bán nước làm quan to cho giặc, sợ sau khi giặc rút về, chúng sẽ hết đường sống sót, bèn ngấm ngầm làm kế phản gián, bảo [người Minh] rằng :

"Trước kia Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, đem quân về hàng. Hưng Đạo [25b] Đại Vương cho hàng, nhưng dùng mưu lấy thuyền lớn cho đưa họ về nước, rồi cho người giỏi bơi lặn sung làm phu thuyền. Ra đến ngoài biển, lừa lúc ban đêm mọi người ngủ say, bọn phu thuyền lặn xuống nước, dúi thủng đáy thuyền, những người đầu hàng đều bị chết đuối hết, không một ai sống sót trở về được".

Bọn Thông tin lời, đem lòng ngờ vực, lại nảy ý khác, đắp thêm tầng lũy kếp, đào hào, thả chông để làm kế tạm bợ, ngoài mặt nói hòa hiếu, nhưng ngấm ngầm bày mưu tính kế. Chúng bí mật sai mấy chục bọn mang thư bọc sáp đi lối tắt về xin viện binh. Vua bắt được người mang thư, ghét bọn chúng tráo trở, bèn bí mật phục quân ở bốn phía quanh thành Đông Quan, đón giặc ra vào, bắt được hơn 3 nghìn tên dò thám, hơn 5 trăm con ngựa. Từ đấy, quân Minh đóng chặt cửa thành không ra, sứ qua lại cũng dứt.

Vua sai các tướng chia quân đi đánh các thành : Quốc Hưng đánh hai thành Điều Điều ³ và Thị Cầu ⁴ ; [26a] Lê Khả và Lê Khuyển đánh thành Tam Giang ⁵ ; Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lý, Lê Lãn và Lê Triện đánh thành Xương Giang ⁶ ; Lê Lựu và Lê Bôi đánh thành Khâu Ôn ⁷.

Ngày 20, đặt chức an phủ sứ ở các lộ. Lấy bọn Đào Công Soạn, Nguyễn Dực 24 người làm chức đó. Đặt chức viên ngoại lang của Lục bộ, lấy bọn Nguyễn Công Vĩ 6 người làm chức ấy.

Đình Mùi, [1427], (Minh Tuyên Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, vua tiến quân sang bờ bắc sông Lô, đối lũy với thành Đông Quan. Bọn Thiếu úy Lê

1. Trần Phong : người huyện Chí Linh, nay thuộc tỉnh Hải Hưng, theo giặc Minh làm đến Đô ty.
2. Lương Nhữ Hốt : theo giặc Minh làm đến Tham chính. Bọn Trần Phong, Nhữ Hốt sau được Lê Lợi tha chết, nhưng rồi lại mưu phản, cuối cùng đều bị giết.
3. Thành Điều Điều : ở huyện Gia Lâm, Hà Nội.
4. Thành Thị Cầu : nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc.
5. Thành Tam Giang : ở huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ cũ, nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú.
6. Thành Xương Giang : nay là thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc.
7. Thành Khâu Ôn : là tỉnh lý Lạng Sơn ngày nay.

Khả giữ cửa Đông, Tư đồ Lê Lễ giữ cửa Nam, Thái giám Lê Chứng đem hai vệ Thiết đột là bọn Nghi Phúc giữ cửa Tây, Thiếu úy Lê Triện đem quân hai vệ giữ cửa Bắc, vây đánh thành Đông Quan.

Sơn Thọ nhà Minh sai bọn thông sự Nguyễn Nhậm gồm ba người sang thông tin tức.

Ban chức hỏa thủ ¹ cho quân các lộ theo thứ bậc khác nhau.

[26b] Sai Dương Thái Nhất sửa lại đền thờ Hưng Đạo Đại Vương, cấm không được chặt cây cối ở các đền miếu.

Hạ lệnh cho lộ An Bang nộp gỗ cộc và tên tre.

Bổ thuộc lại Hàn lâm viện và bốn đạo gồm 515 người.

Hạ lệnh cho các lộ, trấn chứa lương ở các thành Xương Giang và Tam Giang để cấp cho quân.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu, các quan cấp lộ tìm hỏi những người có tài lược, trí dũng, làm nổi các chức quan trọng như Tư mã, Thượng tướng, mỗi viên tiến cử lấy một người.

Hạ lệnh cho nhân dân dâng thóc cung cấp cho quân sĩ. Ai hiến thóc được thưởng tước tùy theo mức độ khác nhau.

Quân Minh ở Nghệ An và Diễn Châu ² ra hàng.

Vũ Cự Luyện người huyện Đường An và Đoàn Lô người huyện Cổ Phí dâng kế sách đánh thành và các kiểu chiến bằng, xe phần ôn, xe phi mã ³. Sai các tướng theo các kiểu ấy mà làm.

Hạ lệnh cho các xứ thờ cúng đền miếu các công thần.

Sai viên bách hộ nhà Minh là Hà Vượng đem thư vào thành Đông Quan.

Sai bọn Tuyên Quang Tư mã Lương Thế Vinh và [27a] Đề đốc phụ đạo Ma Tông Kế đóng thuyền chiến.

Hạ lệnh cho viên Tổng tri coi việc quân dân Lạng Sơn và An Bang là Nhập nội thiếu bảo Lê Lựu đem quân đi đánh giặc, cho quyền tiền trạm hậu tấu ⁴.

Lấy Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi làm Triều liệt đại phu, Nhập nội hành khiển, Lại bộ thượng thư kiêm hành Khu mật viện sự.

1. *Hỏa thủ* : như chức đội trưởng sau này.

2. Tướng Minh giữ thành Nghệ An là Thái Phúc, giữ thành Diễn Châu là Tiết Tu.

3. *Chiến bằng* : là dài cao bằng gỗ dùng để đánh thành. *Xe phần ôn* : là loại xe để đánh thành, có 4 bánh, căng dây làm khung, che bằng da trâu, dưới có thể nấp được mười người, sắt, lửa, gỗ, đá không thể phá được. *Xe phi mã* : cũng là loại xe để đánh thành.

4. Tức là hễ ai có tội thì cho phép chém trước rồi tâu lên sau.

Bấy giờ, vua dựng lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề trên bờ sông Lô¹. (Khi ấy, có hai cây bồ đề ở trong dinh, nên gọi là dinh Bồ Đề), cao bằng tháp Báo Thiên, hằng ngày vua ngự trên lầu nhìn vào thành để quan sát mọi hành vi của giặc, cho Trãi ngồi hầu ở tầng hai, nhận lệnh soạn thảo thư từ qua lại.

Ngày 13, bọn Lê Lựu, Lê Bôi ngày đêm đánh gấp thành Khâu Ôn. Quân Minh tự lượng chống đỡ không nổi, đang đêm bỏ thành chạy trốn.

Giết Tư mã [27b] Lê Lai, tịch thu gia sản, vì Lai cậy có chiến công, nói năng khinh mạn.

Chém Thiên hộ Lý Văn và tông nhân Bùi Vĩnh vì chở trộm mắm muối vào thành Chí Linh².

Hạ lệnh kiểm kê quân khí, người nào để thiếu thì xử tội theo quân pháp.

Hạ lệnh cho Thái Nguyên và Lạng Sơn nộp vỏ gai.

Hạ lệnh cho Tư mã Cao Ngự tổng chỉ huy trấn Thiên Quan vây thành Cổ Lộng. Cho phép xử tội phải tâu trước rồi sau mới được trị tội.

Hạ lệnh cho huyện Tân Phúc mở lò rèn đồ sắt.

Hạ lệnh cho Thiếu úy Lê Văn đóng ở cửa Đông thành Đông Quan ; Tư không Lê Lễ, Thiếu úy Lê Sát, Lê Lý, Lê Lỗi, Lê Chích đóng ở cửa Nam ; Thiếu úy Lê Bị, Thái giám Lê Nguyễn, Cháp lệnh Lê Chứng đem ba vệ Thiết đột đóng ở cửa Tây ; Thiếu úy Lê Triện, Lê Văn An đem 14 vệ quân đóng ở cửa Bắc. Hạ lệnh cho các lộ Tam Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa [28a] nộp luồng vầu làm thành dưới nước, dựa vào bờ bắc sông Nhị, cao ngang với thành Đông Quan.

Bọn Chỉ huy Trương Lân và Tri phủ Trần Văn ở thành Điều Điều ra hàng.

Chế súng Cỗn dương, ra lệnh cho các tướng theo kiểu đó mà làm.

Hạ lệnh cho người trong nước, ai có cha mẹ, vợ con, anh em, nô tì, thân thích theo giặc ở trong thành cho tự nguyện lên thành³, khi phá được thành sẽ cho nhận đem về. Nếu không tự nguyện lên thành mà tranh nhau nhận về đoàn tụ thì phải xử theo quân luật.

Ra lệnh cho phụ đạo các xứ nhận các chức Thủ ngự, Đoàn luyện, tước trung phẩm.

1. Theo *Bắc Ninh tỉnh chí*, thì dinh Bồ Đề ở thôn Phú Hựu, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
2. *Thành Chí Linh* : lúc ấy quân Minh còn đóng giữ.
3. Nguyên văn là "tự nguyện dâng thành" (tự nguyện lên thành), chúng tôi ngờ là có lầm lẫn từ chữ "dâng tãi" (khai báo) ra chữ "dâng thành" (lên thành).

Tháng 2, ngày mùng 7, Phương Chính ngầm đem quân đánh úp Cảo Động¹, huyện Từ Liêm, Triệu cố sức đánh lại, bị tử trận, Bí bị giặc bắt sống. (Sau giặc về nước, lấy lễ trả Bí về).

Ngày 19, quân Minh đánh vào Bài Sa Đồi, huyện Từ Liêm. Quân ta cố thủ quyết chiến, binh khí hết sạch, dùng mảnh nồi [28b] chõ, chum vại ném vào giặc. Giặc không tiến vào được, liền phá nhà cửa của dân để đánh hỏa công. Hôm ấy, gió rét lửa nóng, quân ta tránh lửa vượt sang sông, có nhiều người bị chết đuối. Chỉ có những quân lính ở Thiên Quan không biết bơi, ở lại tử chiến với giặc, giặc lại thua chạy.

Người Minh giữ thành Thị Cầu là Đường Bảo Trinh ra hàng.

Sai viên chỉ huy họ Tăng đã đầu hàng, theo Nguyễn Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang.

Sứ Chiêm Thành sang cống. Ban yến, cho ngựa và lụa bảo về. Sai Thiêm tri khu mật Hà Lật cùng đi với họ.

Hạ lệnh thưởng công cho các tướng hiệu bắt đầu từ việc lập công mới : đại thần đến thiếu úy có công lao lớn, được thưởng phù vàng thì được ăn lộc một quận ; chức chấp lệnh mà có công thì được ăn lộc một ấp ; các đốc tướng, quân nhân có công cũng được ăn lộc một quận hay một ấp theo thứ bậc khác nhau. Người nào không có công, không được thưởng gì đều phải giáng làm dân thường.

Xuống chiếu rằng : [29a] Các lăng miếu của triều trước, nơi nào bị giặc phá hoại thì làm lại, cấp cho số người giữ việc thờ cúng theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 3, vua duyệt binh ở Vĩnh Động². Chánh đốc Nguyễn Liên đề hàng ngũ trống thiếu, vũ khí không đủ, bị chém đề rao trong quân.

Lấy Bùi Ư³ Đồi làm Lễ bộ thượng thư kiêm tri Đông đạo quân dân tịch bạ.

Hạ lệnh cho ba quân, người nào có thể liệu mình vì nước, tinh thông võ nghệ, khỏe mạnh dũng cảm, không kẻ sống chết, đều được cấp văn bằng và tuyển vào làm thị vệ ở nội phủ.

Tháng 6, bọn Chỉ huy sứ Lưu Thanh ở thành Tam Giang ra hàng.

Trước đây, quân lính ở thành Tam Giang theo sự điều động của quan Tổng binh nhà Minh đi đánh vua ở Thanh Hóa, bị thua trở về, có tên ngụy binh buông lời khinh mạn vua. Thanh mắng nó : "Thằng man vô lễ, ông ấy³ sẽ là [29a] hoàng đế của chúng mày đấy". Đến đây thì ra hàng.

1. Cảo Động : tên xã, tức là Nhật Tảo, hay Xuân Tảo ở phía tây Hồ Tây, Hà Nội.

2. Sau là huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cũ nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng.

3. Chỉ Lê Lợi.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua nổi dậy, nghĩa binh đi đến đâu, quân Minh đều thua chạy, có phải vì ta nhiều địch ít, ta mạnh địch yếu mà chúng không chống nổi đâu ? Là vì đức của vua hợp với lẽ trời, nên trời giúp cho, làm đẹp lòng người nên người theo về, không những là người nước ta vui vẻ thuận phục, mà cả đến bọn phản nghịch cũng tôn kính như vậy, nên chúng không còn chí chiến đấu và đều ra hàng là phải lắm ! Thế thì việc dấy quân nhân nghĩa của vua có những chỗ rực rỡ hơn so với Thang Vũ, mà qua việc này lại càng nổi bật. Còn như cái diễm được nước ¹ thì đâu có thể dùng thuyết sấm vĩ mà xét được ?

Hơn 1 vạn quân Minh đầu hàng trong các thành âm mưu làm phản bị giết. Thành Tam Giang không nằm trong số đó.

Trước đó, [30a] ngày mùng 9, Tư không Lê Lễ, thượng tướng quân Lê Xí đánh nhau với quân Minh ở My Động (nay là Hoàng Mai) ². Lễ tử trận.

Hôm ấy, Vương Thông đem quân tinh nhuệ trong thành ra đánh Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Nguyễn giữ vững thành lũy chống lại. Vua vội sai Lê Lễ, Lê Xí đem hơn 500 quân Thiết đột đến đánh, đuổi giặc tới Mi Động. Vương Thông thấy Lễ ít quân, mới đánh kệp vào. Lễ và Xí cưỡi voi cố sức đánh, voi sa lầy, bị quân Minh bắt sống đem vào thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất phục, bị giết chết. Xí về sau nhân đêm mưa gió, dùng mẹo đánh lừa tên canh giữ, chạy thoát về, ra mắt vua ở dinh Bồ Đề. Vua kêu lên : "Sống lại".

Trước kia, mỗi lần Lễ ra trận, vua thường răn chớ nên khinh địch. Đến khi thắng trận ở Tốt Động, mọi người đều khen Lễ là giỏi. Vua nói : "Trăm trận đánh được cả trăm không phải là điều hay cả đâu. Hấn cày quân tinh [30b] quen mui được luôn, thất bại có thể đứng mà chờ đó !"

Đến đây quả nhiên như vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Khuất Hà quen mùi thắng trận ở Bồ Đào đến nổi bị bại vong³, đó là quân tàn bạo, bị cô lập, đi xâm chiếm nước nhỏ. Lê Lễ quen thói đánh được ở Tốt Động, cũng vì thế mà bại vong, nhưng là quân khảng khái phục thù. Tuy hai người đều thất bại như nhau, nhưng ý nghĩa lại rất khác. Cho nên tướng giỏi thời ấy, thì Lễ và Triện xứng đáng đứng đầu.

1. Xem việc tháng 6, năm Bính Ngọ BK 10, 19b.

2. *Hoàng Mai* : nay thuộc Hà Nội.

3. Theo *Tả truyện*, Lê Hoàn Công năm thứ 11 và 13, Khuất Hà đánh được quân nước Văn ở Bồ Đào, cho mình là giỏi. Sau đánh nước La, khinh nước La nhỏ bé, không phòng bị, bị nước La đánh cho thua, phải tự tử.

Lấy thông hầu Lê Nhân Chú làm Hành quân đốc quản nhập nội đại tư mã, lĩnh Tiền, Hậu, Tả, Hữu tứ vệ, kiêm tri Tân vệ quân sự.

Hạ lệnh cho tướng hiệu và quân nhân các lộ Quốc Oai và Tam Đái rằng :

Kẻ nào thấy thư của giặc dụ dỗ, phỉnh phờ, đe dọa mà lên trình riêng với tướng của mình thì bị chém, các viên đốc tướng không biết giám sát cũng xử tội như vậy. Kẻ nào lừa gạt, mê hoặc các châu huyện thì bắt giải tới quân [31a] môn để chém.

Chia bọn quan lại nhà Minh đã đầu hàng cho ở các xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Lam Á¹, Tân Bình.

Hạ lệnh cho các lộ tiến cử những người hiền tài, chính trực, trí dũng anh kiệt, cho gọi tới trả lời các câu hỏi, rồi cất nhắc sử dụng. Ai che dấu thì bị xử tội truất giáng.

Hạ lệnh cho bọn Thiếu úy, Cháp lệnh, Tổng giám rằng :

Ngày thường quân nhân phạm pháp thì không được tự ý giết chết. Khi ra trận mà kẻ nào trái lệnh thì cho phép chém trước tâu sau.

Ngày 19, thành Thị Cầu ra hàng.

Vua hạ lệnh rằng : Người nào có vợ con, anh em trước bị giặc ở các thành cướp bắt làm thê thiếp hoặc nô tì cho chúng, nay ta đã chiêu hàng, các người hãy kéo nhau đến thành Đông Quan. Nếu chém được thủ cấp giặc, hoặc bắt sống được giặc, thì ta trả lại vợ con anh em cho, lại còn thưởng tước, thăng cấp theo thứ bậc khác nhau.

Cấm những kẻ xưng là đồng cốt, tà đạo, mượn tiếng ma quỷ, thần thánh, gieo rắc hoang mang, bịa đặt mê hoặc lòng người.

Hạ lệnh [31b] cho dân phiêu bạt trở về quê quán cày cấy. Người nào không có điền sản thì cho phép buôn bán. Kẻ nào bỏ nghề nghiệp thì bị xử tội nặng.

Sai Chu Sài là người Minh đầu hàng đem 340 con ngựa đến châu Hóa để chăn nuôi.

Diễn tập thủy trận.

Sai các viên Thiếu úy tuyển chọn con em những nhà giàu có trong dân, vóc người cường tráng to lớn, võ nghệ tinh thông, khỏe mạnh dũng cảm, mỗi viên chọn lấy 200 người, bổ làm quân thị vệ, kẻ nào hèn nhát thì không lấy.

1. Lam Á¹ : theo *Cương mục* là Lam Sơn (CMCB12.6b).

Cắm chõ mắm, muối qua cửa ải Bạch Lãm, vì tên Đào Quý Khách thông đồng với giặc.

Tháng ấy, nhà Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng đem quân sang xâm lược, lấy Binh bộ thượng thư Lý Khánh làm Tham tán quân vụ.

Bấy giờ Trần Hiệp đã bị thua chết, Thành Sơn hầu Vương Thông tâu xin thêm quân. Nhà Minh sai bọn Thăng đem 7 vạn quân sang và ra lệnh cho Khánh cử các thuộc viên có tài lược của lục khanh [32a] cho đi theo để giúp mình, Khánh tâu cả bọn Trần Dung trở xuống, gồm hơn 10 người cùng đi.

Mùa hạ, tháng 4, sai phòng ngự sứ Trần Ban don đốc tu sửa ải Lê Hoa ¹.

Vua nói : "Ta không có tài dũng, trí tuệ, một mình gánh vác công việc nặng nề, sợ không làm nổi, cho nên phải nhún mình cầu hiền, dốc lòng trọng sĩ, cùng mưu việc lớn, để cứu vớt sinh dân. Ai tiến cử được người mưu trí dũng lược hơn người, hoặc người nào tự tiến cử mình thì đều làm quan cao, tước trọng".

Phong Đình Liệt là em Lê Lễ làm Nhập nội thiếu úy Á hầu. Các vợ lẽ của Lễ là bọn Hà Ngọc Dung 5 người đều phong làm Tông cơ, để đền công Lễ chết vì nước.

Cho Lê Ba Lao làm Quan sát sứ, tước Thượng phẩm, cấp cho 100 mẫu ruộng vì con là Triện nhiều lần đánh bại giặc mạnh, lập chiến công lớn, chết vì việc nước. Cho con Triện là Lãng làm Phòng ngự sứ, tước Thượng trí tự [32B] Trước Phục hầu và cho 2 con ngựa.

Hạ lệnh rằng người nào bắt được bọn to lớn khỏe mạnh mà chưa vào sổ quân dân, bọn du thủ thực, không chịu sai dịch, đưa đến cửa quân, thì được thưởng trước 1 tư.

Hạ lệnh dụ bảo các tướng hiệu và quân nhân thuộc 14 vệ Thiết đột rằng : "Có thể đồng lòng liều chết đánh tan quân giặc là sức của các người, còn xếp đặt lo toan, áo cơm khen thưởng thì do ở ta. Bọn các người chớ ngại khó nhọc, chớ lo nghèo túng. Bao giờ thấy vợ con ta nghèo túng thì vợ con các người mới nghèo túng. Mong các người một lòng đánh giặc, chớ nảy lo phiền".

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và quân nhân các xứ Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa rằng :

"Ta khởi binh ở đất các người, đã gần thành công. Mong các người trước sau một lòng, vàng đá một tiết, để trọn nghĩa vua tôi, cha con. Ta biết các người đều là

1. *Ái Lê Hoa* : là một địa điểm ở ven sông Lô chảy qua vùng biên giới tỉnh Hà Tuyên và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc bấy giờ

hiền sĩ của đất nước.[33a] Trước kia, Hưng Khánh, Trùng Quang¹ chỉ có tiếng hảo, không nên công gì là bởi chính lệnh không thống nhất, đại thần không được biết gì. Bọn các người chỉ uống phí sức lực cho họ thôi. Nay thiên hạ về một mối, ta cùng các người nghĩa như cha con, mong các người dốc lòng khôi phục lãnh thổ nước nhà. Từ xưa, các tướng văn tướng võ được phong hầu cũng chỉ như các người thôi, có khác gì đâu. Các người hãy chỉnh đốn đội ngũ của mình, luyện tập quân sĩ của mình, sau khi dẹp yên bọn giặc tàn bạo, sẽ chia một nửa số người về làm ruộng. Nay trời mượn tay ta diệt giặc, việc không dừng được. Kê nào theo lệnh ta thì phá được giặc, vẫn sống mà lại có công, kê nào không theo lệnh thì chết mà chẳng được việc gì ! Mỗi đội đều phải chép lại một bản lệnh này, mỗi ngày đọc đi đọc lại nhiều lần cho quân lính được biết".

Hạ lệnh cho các tướng và quân nhân rằng :

Giặc Minh tàn hại dân ta đã hơn hai chục năm. Buổi đầu số quân của ta có mấy trăm² người. Hiện nay có [33b] 35 vạn. Đợt khi phá được thành Đông Quan, sẽ cho 25 vạn người về nhà làm ruộng, chỉ để lại 10 vạn làm quân để phòng việc nước. Một nhà 3 người thì 1 người làm quân, mọi loại phú dịch đều tha cho 3 năm. Lại nêu 10 điều quân luật cho các tướng hiệu và quân nhân :

- 1 - Làm huyền não trong quân.
- 2 - Gây kinh động hảo, bịa điều họa phúc làm dao động lòng quân.
- 3 - Khi ra trận, nghe tiếng trống, thấy cờ hiệu mà gia cách không nghe, không thấy, dùng dằng không tiến.
- 4 - Khi ra trận, trông thấy cờ dừng quân, nghe thanh la dừng quân mà không đứng lại.
- 5 - Nghe tiếng chiêng lui quân mà cưỡng lại không lui.
- 6 - Canh phòng túc trực không siêng, hoặc ngủ say bỏ canh, bỏ hàng ngũ ngấm trốn về.
- 7 - Đắm đuối nữ sắc, lén lút thả riêng cho người họ nhà vợ không làm quân dịch.
- 8 - Thả quân lính để lấy tiền và che giấu không biên vào sổ quân.
- 9 - Theo thói ưa ghét của riêng mình [34a] mà đảo lộn công tội của người.
- 10 - Bất hòa với mọi người, gian ác, trộm cắp.

1. Tên hiệu của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

2. Nguyên văn : "số bách vạn" chỗ này hẳn có nhầm lẫn. Có lẽ là "mấy trăm người".

Mười điều trên đây, kẻ nào phạm phải đều bị chém.

Lấy Thiếu bảo Lê Văn An làm Tổng tri, coi các việc quân của Quốc Oai Thượng, Quốc Oai Trung, Tam Đái, Quảng Oai, và lệnh cho rằng : Nếu có viên chấp lệnh hay giám quan nào không theo quyền tiết chế của người thì chém trước tâu sau.

Lấy 3 điều răn bảo các quan văn võ :

- 1 - Chớ thờ ơ.
- 2 - Chớ lừa dối.
- 3 - Chớ tham lam.

Dụ các hào kiệt trong nước rằng :

"Các thành đã phá được cả rồi, chỉ còn thành Đông Quan chưa hạ được. Ta vì thế mà nằm không yên chiếu, ăn không ngon miệng, sớm khuya suy nghĩ, khô héo ruột gan. Thế mà bên cạnh ta, vẫn chưa có được người giúp đỡ. Ta tuy là chủ tướng, nhưng xét lại bản thân mình một là già ốm, [34b] bất tài, hai là học thức nông cạn, ba là trách nhiệm nặng nề khó bề kham nổi, mà các đại thần như tả, hữu tướng quốc, thái phó, thái bảo vẫn chưa đặt, thái úy, đô nguyên soái vẫn còn khuyết, hành khiển và các quan, mười phần mới được một, hai phần. Cho nên, ta nhún mình thành thực khuyên các hào kiệt cùng nhau dốc sức, cứu giúp muôn dân, chớ có mai danh ẩn tích, để thiên hạ phải làm than mãi mãi. Nếu có ai khi tiết thanh cao như Tử Hạo¹, lánh đời ẩn tích như Tử Phòng² cũng hãy ra cứu nạn cho dân đã, đợi khi thành công, muốn thỏa chí xưa thì lại trở về rừng núi, không hề cấm giữ".

Hạ lệnh rằng : Khi sai phái thuộc hạ dưới quyền, đều phải cấp giấy tờ có đóng dấu hoặc ký họ tên quan phụ trách và ghi rõ số người đi là bao nhiêu, đến chỗ nào, làm việc gì, hạn định ngày nào phải về dinh, không được đi lại tự do. Quan phụ trách và người dưới quyền nếu không tuân lệnh này [35a] thì tùy tội nặng nhẹ, mà xử giáng cấp, phạt trọng, chặt chân, hay chém đầu. Nếu xét được tình trạng bọn giặc móc nối với nhau thì có trọng thưởng.

Cấm không được trao đổi mắm muối với Chăm Lạn.

1. *Tử Hạo* : bốn ông già ở ẩn trên núi Thượng Sơn đầu đời Hán là Đồng Viên công, Ý Lý Quý, Hạ Hoàng công và Dạng Lý tiên sinh
2. *Tử Phòng* : tức là Trương Lương, vốn là thần tử của nước Hàn, để trả thù cho vua Hàn bị Hạng Vũ giết, đã theo giúp Lưu Bang. Khi Lưu Bang đã thống nhất được Trung Quốc, Trương Lương bỏ đi ở ẩn

Hạ lệnh cho những nơi trọng yếu phải canh giữ cho nghiêm, xét hỏi kỹ những người lạ mặt và thư từ về việc quân qua biên giới xem có thực hay là giả.

Tháng 5, hạ lệnh cho các tướng hiệu lớn nhỏ phải làm tờ khai, cam kết không gian tham nhận của đút lót, không lấy vợ người bản lộ, không chiếm giữ người họ hàng của quân lính để sai khiến riêng.

Hạ lệnh tiếp tục nộp những văn bằng, giấy khám hợp và ấn tín đã nhận trong thời giặc Ngô.

Nguyễn Tử Hoan ở huyện Bồ Chính dâng kế sách hợp ý vua, được trao chức Quân sư.

Hạ lệnh rằng, các tầng đạo phụ lão người nào đón tiếp quan quân nhiều lần thì quan ở lộ điều tra xem, nếu quả có đức hạnh, tuổi già thì cấp cho quan tước.

Hạ lệnh cho các thiếu úy, chấp lệnh, lộ quan bắt ngay những quân dân, vợ con, [35b] nô tỳ, tài vật, trâu bò của các thổ quan ngụ ở trong thành đem giải nộp cho hết, điều tra những kẻ có lòng khác, thu thập văn bằng ấn tín của ngụ quan, theo đúng hạn nộp lên.

Tuyển chọn đình tráng tiếp tục bổ sung quân ngũ, không được thay đổi người khác.

Bọn Vi Báo 12 người ở các châu Lãng, Thông thuộc phủ Tư Minh của nhà Minh sang đầu hàng.

Thường công đánh trận ở Cơ Xá, huyện Từ Liêm.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu rằng :

Khi nào nghe thấy 1 tiếng súng lớn mà không có tiếng chiêng thì các tướng phải đến ngay để nghe lệnh. Nếu thấy 2 hoặc 3 phát súng lớn và 2 hoặc 3 tiếng chiêng, như vậy là có báo động khẩn cấp, các chấp lệnh và đốc tướng phải chỉnh đốn ngay đội ngũ, còn thiếu úy thì tới ngay quân doanh nghe lệnh.

Hạ lệnh cho các xứ Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân, Tân Hưng nhận nuôi hơn 6 nghìn dân ông, dân bà ở các thành giặc đã đầu hàng, không để họ đói rét, lang thang.

Bọn phụ đạo Mường Mộc ¹, trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham quy [36a] thuận.

Trao cho Khả Tham chức Nhập nội tư không đồng bình chương sự tri Đà Giang trấn thượng bạn ; ban cho túi kim ngư ², tước Trụ quốc Quan Phục hầu.

1. Nay là Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2. Túi kim ngư : túi có hình con cá bằng vàng.

Cho Xa Lộc làm Kim ngô vệ thượng tướng quân, tước Đại Trí tự ; Xa Khát, Xa Bàn, Xa Diêm ¹ đều được làm Ngọc kiểm vệ đại tướng quân, tước Ninh tự, đều được ban quốc tính².

Mùa hạ, tháng 6, ngày mùng 10, trấn thủ Quảng Tây Chinh man tướng quân Trần Viễn hầu Cồ Hưng Tổ của Nhà Minh đem 5 vạn quân, 5 nghìn cỗ ngựa, từ Quảng Tây sang cứu viện các thành. Đến cửa ải Pha Lũy ³ bị tướng giữ ải Lê Lữ, Lê Bôi đón đánh ngay tại cửa ải, phá tan quân giặc, chém hơn 3.000 thủ cấp, bắt được 500 ngựa, Hưng Tổ thua to chạy về.

Phụ đạo Quỳnh Châu Cầm Lạn quy thuận.

Gia phong thị trung Tư Tề làm Tư đồ ; Đại tư mã Lê Nhân Chú làm Tư không ; Thiếu úy Lê [36b] Ván, Lê Sát làm Tư mã ; Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy và răn họ rằng :

"Chức tước đã cao, sớm khuya chớ có lơ là, không được thỏa mãn mà xao nhãng lập công".

Ban cho mỗi người một chiếc lọng.

Định lệ tiền chuộc các vợ cả, vợ lẽ và nô tỳ của ngục quan. Vợ của Bế chính ty thì 70 quan, dưới đến các hạng sinh viên, thổ quan, thừa sai, bạn đương, thì vợ là 10 quan, con trai, con gái và nô tỳ từ 10 tuổi trở xuống thì 5 quan.

Hạ lệnh cho các lộ tích trữ thóc công, không được khinh xuất phát ra.

Đắp thành nhỏ ở bãi Cơ Xá, quân Minh đến đánh phá, vua ra lệnh không cho cứu, để giặc tưởng là quân ta nhất.

Mùa thu, tháng 7, hạ lệnh cho các lộ cùng quan văn các hỏa và tướng hiệu các quân làm sổ hộ tịch.

(Bấy giờ vẫn theo danh hiệu cũ của nhà Trần gọi Hành khiển của Thượng thư sảnh và Môn hạ sảnh là Tả hữu hòa).

Người Chiêm Thành dâng lễ vật địa phương.

Hạ lệnh cho các vệ thủy quân, mỗi chiếc thuyền chiến dùng 50 người, giữa [37a] trại 5 người, vận lương 5 người, sai phái 5 người.

1. Xa Lộc, Xa Khát, Xa Bàn và Xa Diêm ; đều là con Xa Tham (Theo CMCB 14, 15b)

2. Quốc tính : là họ vua, ở đây là họ Lê.

3. Aì Pha Lũy : tức là cửa Nam Quan sau này, ngày nay là Hữu Nghị Quan.

Hạ lệnh cho ba lộ Bắc Giang, mỗi lộ chuyển 3.000 gánh lương chứa tại thành Xương Giang.

Hạ lệnh rằng hễ thấy người áo đỏ Mường Mộc chở mắm muối về thì không được ngăn cấm.

Hạ lệnh rằng : Các quân khi ra trận, nếu 50 hoặc 100 người kéo nhau rút chạy mà bỏ lại 1, 2 người không cứu thì bị chém cả toán. Nếu không may có người chết tại trận mà cùng nhau góp sức khiêng xác ra ngoài thì được tha tội.

Ra lệnh cho các tướng rằng :

"Người cầm quân phải chăm đánh dẹp, người coi chuyên chở phải chăm tải lương. Vào núi xẻ ván, nấu cát làm muối, ngăn giữ trên bộ, dưới sông, chặn bắt những kẻ gian phi, ai nấy đều phải quên mình hết sức, cùng nhau lo việc diệt giặc. Ta là cha mẹ dân, có đâu lại không nghĩ tới nỗi gian lao mà dám gây ra việc đau khổ ? Đó chỉ là do bất đắc [37b] dĩ mà thôi".

Xét thưởng chiến công trong trận Thổ Khôi ¹ thành Đông Quan. Ban thưởng ngân bài và tiền bạc, tơ lụa.

Tư không Lê Khả Tham dâng 3 con voi, cùng vòng vàng, vòng bạc, chiêng đồng.

Ai Lao dâng sản vật địa phương.

Tháng 8, ban dụ cho cả nước rằng :

"Giặc còn ở trong nước ta, dân chúng vẫn chưa được yên, liệu các người có yên được không ? Trước kia, họ Hồ vô đạo, giặc thừa dịp ấy mà cướp nước ta. Tội ác tàn bạo của chúng, các người cũng đã thấy cả rồi. Vả lại, ra sức khó nhọc trong một năm mà có cơ nghiệp thái bình muôn thuở, các người hãy nghĩ cho kỹ điều đó, chớ dễ phải hối hận về sau".

Hạ lệnh cho các lộ rằng :

Hễ thấy dân quân chở lương đi bán thì cấp giấy và chỉ bảo cho nơi đến bán, không được đi lung tung.

Lấy Viên ngoại lang Lê Khắc Hải và Bùi Tất Ứng làm chánh, phó sứ mang ngựa và [38a] đồ uống rượu bằng pha lê màu xanh trắng ban cho chúa Chiêm Thành.

Ra lệnh chế tạo xe đánh thành và tu sửa chiến khí.

1. Thổ Khôi : tên xã, ở tả ngạn sông Hồng, gần xã Bát Tràng, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Thưởng cho Lê Khả Tham 20 tấm lụa, 10 con ngựa.

Hạ lệnh cho nhân dân các lộ tới dinh Bồ Đề tuyển chọn người khỏe mạnh bổ sung quân ngũ.

Ban dụ cho các tướng hiệu và quân nhân ở Tân Bình, Thuận Hóa rằng :

"Trước kia, nước Chiêm Thành trái mệnh, xâm lấn bờ cõi của ta, ông cha các ngươi đã dốc chí trung thành lo báo đền nhà trước, đánh giết bọn giặc lấy lại bờ cõi, tiếng thơm, công lớn còn sáng ngời trong sử sách. Ngày nay, giặc Minh vô đạo, trái mệnh trời, hung hăng hiếu chiến ¹, hòng mở rộng mãi đất đai, khiến cho sinh dân lầm than đã hơn hai chục năm rồi. Ngay ở kinh lộ của ta cũng chưa thấy có ai dốc lòng hết sức, lập công nêu danh mà bọn các ngươi là bề tôi ở chốn phen giầu biên cương lại biết nghĩ tới công sức của ông cha ngày trước, hết lòng với vua mà đánh giặc, lập công trước. [38b] Lòng trung thành đó, thực đáng ngợi khen. Vậy đặc biệt thăng cho các ngươi tước Á đại liêu ban, các ngươi hãy cố gắng".

Tháng 9, ngày mùng 8, bọn Thái úy Trần Hãn, Tư mã Lê Sát, thiếu úy Lê Triện ², Lê Lý đánh lấy được thành Xương Giang.

Khi ấy, viên chỉ huy nhà Minh là Kim Dận cho là thành này nằm ngay trên đường về của quân Minh, nên cùng với tên quan mới bổ đến là Lý Nhậm liệu chết cố thủ. Trải qua hơn 6 tháng trời cầm cự với các quân Khoái Châu, Lạng Giang, chúng vừa đánh vừa giữ, khiến quan quân không thể lên được thành. Vua sai bọn Hãn đắp đất, mở đường đánh nhau với giặc, dùng câu liêm, giáo dài, nỏ cứng, tên lửa, súng lửa, bốn mặt đánh vào, thành cuối cùng bị hạ. Bọn Dân, Nhậm đều tự sát. Đem ngọc lụa và con gái bắt được của giặc ban hết cho quân sĩ. Tổng binh Vương Thông được tin, làm hai bài văn tế. Được hơn 10 ngày thì viện binh giặc tới nơi, nhưng thành đã bị hạ.

Vua sai các tướng đắp đê Vạn Xuân ³ để làm [39a] chiến lũy. Trước đây, quân Minh đào mương nhỏ cạnh sông Cái ⁴ ngoài thành để chứa

1. Nguyên văn : "Cùng binh độc vũ".

2. Lê Triện đã hy sinh trong trận Cảo Động, huyện Từ Liêm, ngày 7 tháng 2 năm ấy, ở đây hẳn có sự lầm lẫn.

3. Đê Vạn Xuân ; tức đê Thanh Trì ngày nay.

4. Nguyên văn : "Đại giang", tức sông Nhị.

thuyền chiến và khí giới, lại đắp thêm thành phụ để cố thủ, mà dê Vạn Xuân là lối đi lại cho quân do thám và người chặn ngựa, cắt cỏ của giặc, ở trên dê cao này mà nhòm xuống thì rất tiện. Giặc cho thế là đặc sách. Khi quan quân tiến đánh, quân Minh thường đặt mai phục để tranh hơn. Vua hạ lệnh cho các tướng vượt sông, lừa lúc giặc không ngờ, cướp lấy dê đắp thành chiến lũy, chỉ một đêm là xong, toàn bộ quãng dê về ta. Đến khi nghe viện binh của giặc tới, các tướng sĩ nhiều người dâng thư khuyên vua đánh các thành ở Đông Đô để cắt đứt nội ứng của giặc. Vua nói :

"Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững hàng năm hàng tháng không hạ được, khi ấy quân ta sức mỗi chí nhụt, nếu viện binh giặc lại đến thì trước mặt, sau lưng đều bị tấn công, đó là con đường nguy hiểm. Chỉ bằng nuôi sức quân, mài giũa tinh thần sắc bén, để đợi viện binh của giặc. Viện binh giặc bị phá thì thành giặc nhất định phải hàng. Như thế là nhất cử lưỡng tiện, là mưu chước vạn toàn".

Bèn hạ lệnh [39b] canh giữ nghiêm ngặt, ngày đêm tuần tra khám xét.

Hạ lệnh cho các xứ Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa dời vợ con của quân dân đi xa để tránh viện binh của giặc tới.

Ngày 18, nhà Minh sai Tổng binh Chinh lỗ tướng quân Thái tử thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng, Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tự, Binh bộ thượng thư Lý Khánh, Công bộ thượng thư Hoàng Phúc, thổ quan Hữu bố chính sứ Nguyễn Đức Huân đem hơn 10 vạn quân và 2 vạn ngựa đánh vào cửa Pha Lũy.

Chinh Nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Tham tướng Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung đem 5 vạn quân và 1 vạn ngựa đánh vào cửa Lê Hoa. Cả hai đạo đều đã tới đầu địa giới nước ta.

Vua họp các tướng bàn rằng :

"Giặc vốn khinh ta, cho là người nước ta nhút nhát, sợ oai giặc đã lâu, nay nghe tin đại quân sang, hẳn là ta rất hoảng [40a] sợ. Huống chi lấy mạnh nạt yếu, lấy nhiều lấn ít đó là lẽ thường. Giặc không thể tính được hình thế được thua của người của mình, không thể hiểu được cơ vi qua lại của thời của vận. Và lại, quân đi cứu nguy cấp phải lấy mau chóng làm quý, giặc nhất định phải hành quân gấp vội. Binh pháp có nói : Hành quân 500 dặm mà chỉ vội hám lợi thì sẽ què thượng tướng. Nay Liễu Thăng đến, đường sá xa xôi, quân lính tất mỗi mệt. Ta đem quân nhân khỏe, đợi đánh quân mỗi mệt, nhất định sẽ thắng".

Bèn sai bọn Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Lãm, Lê Liệt, Lê Thụ đem 1 vạn quân tinh nhuệ, 5 thớt voi, bí mật mai phục trước ở ải Chi Lăng¹ để đợi giặc.

Trước đó, Lê Lưu giữ cửa Pha Lũy, thấy giặc đến, lui giữ cửa ải [Lưu]². Giặc tiến đánh, Lưu lại bỏ cửa [ải] Lưu lui về đóng ở Chi Lăng. Giặc lại tiến quân đánh phá uy hiếp Chi Lăng. Bọn Sát và Nhân Chú mật sai Lưu ra [40b] đánh rồi giả cách thua chạy. Giặc quả nhiên rất mừng.

Ngày 20, Liễu Thăng đốc suất đại quân đuổi theo. Đến chỗ có mai phục, bọn Sát và Nhân Chú tung hết quân mai phục, bốn mặt đều nổi dậy xông vào đánh giặc. Quân giặc thua to. Chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên³ và hơn 1 vạn thủ cấp quân giặc.

Ngày 25, vua lại sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân tiếp đến ải núi Mã Yên. Bọn Sát và Nhân Chú chỉ huy các quân tung hết binh sĩ ra đánh giặc, chém Bảo Định bá Lương Minh tại trận⁴.

Ngày 28, Lý Khánh cũng chết. Thôi Tự và Hoàng Phúc dẫn quân miễn cưỡng tiến lên. Nhân Chú lại đánh bại bọn chúng, chém được hơn 2 vạn thủ cấp, bắt được lừa ngựa, trâu bò, quân tư khí giới nhiều không kể xiết⁵.

Mùa đông, tháng 10, vua sai Lê Lý và Lê Văn An đem 3 vạn quân bao vây bốn mặt, lại dựng rào lũy ở [41a] tả ngạn sông Xương Giang⁶ để ngăn chặn. Bọn Tự không còn mưu kế gì khác, đành phải đắp lũy giữa cánh đồng để tự vệ⁷.

Tự ngỡ là thành Xương Giang chưa bị phá, dẫn quân định tới đó. Khi tới nơi thì thành Xương Giang đã mất, chúng hết cả hy vọng, lại càng kinh hoàng sợ hãi. Gặp lúc trời bão tai biến, mưa to gió lớn, núi rừng gầm thét, người ngựa nhìn nhau không nhích lên được bước nào. Giặc chỉ còn cách đợi đến đêm vắng, bắn súng làm tín hiệu báo cho hai thành Đông Quan và Chí Linh để họ nghe thấy tiếng

1. *Chi Lăng* : là ải hiểm trở nhất trên con đường từ Pha Lũy đến Đông Quan, cách Pha Lũy khoảng 60km, thuộc xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

2. *ải Lưu* : (nguyên văn thiếu chữ Lưu) cũng là cửa ải trên đường từ Khâu Ôn đến Chi Lăng, nằm ở khoảng Lạng Nặc, hoặc trên đó không xa lắm, vùng giáp giới hai xã Nhân Lý và Sao Mai, huyện Chi Lăng ngày nay.

3. *Mã Yên* : tên nôm là núi Yên Ngựa, một hòn núi đá cao khoảng 40m so với mặt đất, chu vi 300m, nằm ở phía nam cánh đồng Chi Lăng. Quanh chân núi là cánh đồng lấy lợi, muốn qua phải bắc cầu mới đi được.

4. Đây là trận phục kích lớn xảy ra ở Cần Trạm, nay là vùng Kép và một số xóm phía tây nam xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

5. Trận ngày 28 tháng 9 (tức ngày 18 tháng 10) xảy ra ở Phố Cát là vùng đồi đất giữa Cần Trạm và Xương Giang, khoảng xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, Hà Bắc ngày nay. Trận này, Lý Khánh phải thất cố tự tử.

6. Đoạn sông Thương chảy qua vùng Xương Giang. Khi ấy, quân thủy bộ ta lợi dụng đoạn sông Thương này để bố trí bao vây địch ở mặt tây.

7. Khu vực đóng quân của địch ở phía bắc thành Xương Giang, đó là một vùng đồng ruộng và xóm làng rộng lớn gồm xã Tân Đình (thuộc huyện Lạng Giang, tỉnh Hà Bắc ngày nay) và xung quanh, cách Xương Giang 3km.

súng thì ra cứu viện. Nhưng Đông Quan và các thành tự cứu còn chưa xong, biết đâu đến chỗ khác !

Vua bèn sai các quân thủy, bộ cùng tiến quân bao vây chúng. Lại chia quân chặn hết các ải Mã Yên, Chi Lăng, Pha Lũy, Bàng Quan ¹. Thôi Tụ và Hoàng Phúc muốn tiến không được, muốn lui cũng không xong, bèn giả xin hòa, nhưng âm mưu định chạy vào thành Chí Linh. Vua biết được quỷ kế của chúng, kiên quyết khước từ không cho hòa. Kế đó, sai Trần Hân chặn đứng [41b] đường vận chuyển lương thực của giặc, sai bọn Lê Ván, Lê Khôi, đem 3 nghìn quân Thiết đột, 4 thớt voi, cùng với bọn Sát, Lý, Nhân Chú, Văn An tấn công bọn giặc.

Ngày 15, quân Minh đại bại, ta chém hơn 5 vạn thủ cấp giặc, bắt sống bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc và hơn 3 vạn tên, thu được vũ khí, ngựa chiến, vàng bạc, vải lụa nhiều không kể xiết ². Còn những kẻ chạy trốn thì trong khoảng không đến 5 ngày đều bị bọn chặn trâu kiếm củi bắt bằng hết, không sót tên nào.

Bấy giờ Tổng binh Vân Nam là Kiềm quốc công Mộc Thạnh cùng với bọn Phạm Văn Xảo, Lê Khả, Lê Trung, Lê Khuyển cầm cự nhau ở Lê Hoa.

Vua liệu tính rằng Mộc Thạnh tuổi đã già, từng trải việc đời đã nhiều, lại biết tiếng vua từ trước, nhất định còn dợi xem Liễu Thăng thành bại ra sao chứ không nhẹ dạ tiến quân, bèn gửi thư mật, bảo bọn Khả, Khuyển cứ đặt mai phục chờ đợi, chờ giao chiến vội. Đến khi quân Liễu Thăng đã bị thua, vua sai lấy [42a] 1 tên chỉ huy và 3 tên thiên hộ của giặc mà ta bắt được, cùng những sắc thư, phù ấn của Liễu Thăng đưa đến chỗ quân Mộc Thạnh.

Bọn Thạnh trông thấy rất hoảng sợ, trong phút chốc quân hấn tan vỡ tháo chạy. Bọn Văn Xảo và Khả thừa thắng tung quân ra đánh, phá tan quân giặc ở Lãnh Câu ³ và Đan Xá ⁴, chém hơn 1 vạn thủ cấp, bắt sống hơn 1 nghìn tên và hơn 1 nghìn con ngựa, còn bị chết đuối ở khu vực thì nhiều không kể xiết. Mộc Thạnh thì chỉ còn một mình một ngựa tháo chạy. Ta thu được chiến khí, của cải, xe cộ nhiều hơn hẳn thành Xương Giang.

Sai thông sứ Đặng Hiếu Lộc giải Thôi Tụ, Hoàng Phúc và tù binh bắt được cùng là song hồ phù và ấn bạc hai tâng của Chinh lỗ tướng quân⁵, chiến khí, cờ trống, sổ quân... bảo cho thành Đông Đô biết.

1. ải Bàng Quan : hay Nội Bàng, ở vùng Chu, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

2. Trận này chỉ có một tên chủ sự Phan Hậu trốn thoát về nước (Theo *Hoàng Minh thực lục*).

3. Nghĩa là "ngôi Nước Lạnh".

4. Lãnh Câu và Đan Xá là hai địa điểm gần cửa ải Lê Hoa.

5. Tức là Liễu Thăng.

Bấy giờ quân Minh trông thấy khí giới thu được ở thành Xương Giang đưa tới, lại nghe tin hai đạo quân cứu viện và hai thành Đông Quan¹ và Chí Linh đều đã mất, nhưng trong lòng còn nghi [42b] hoặc chưa tin hẳn, vẫn đóng cửa thành cố thủ. Đến đây thấy ta bắt được bọn Phúc, Tụ, thì sợ hết vía, không dám hành động gì nữa.

Hạ lệnh cho các tướng sĩ sửa soạn rào gổ, chiến khí để vây thành Đông Quan.

Mùa đông, tháng 11, hạ lệnh các tướng hiệu dâng kế sách bàn về những việc đương thời, nếu có ích thì được ban thưởng hậu.

Kiểm tra xe đánh thành và chiến khí của các quân.

Tổng binh Vương Thông và nội quan Sơn Thọ nhà Minh sai viên thiên hộ họ Hạ mang thư đến giảng hòa, xin mở cho đường về. Vua chấp nhận, lại gửi tặng thổ sản và hải sản.

Sai bọn Đại tướng Nguyễn Lôi mang thư dụ hàng hai thành Cổ Lộng và Tây Đô.

Sai bọn Chủ thư thị sử Trần Hồ đi chiêu dụ châu Ninh Viễn (sau đổi là châu Phục Lễ, nay là phủ An Tây). Phụ đạo châu ấy là Đèo Cát Hãn đem binh tượng theo về.

Ban hành tiền mới đúc (tức là đúc vào năm Thiên Khánh)².

Thưởng chiến công ở cửa thành Đông Quan.

Bấy giờ có viên Phán đại lý [43a] chính họ Trần (không rõ tên) tâu với vua là vì tính ngồng cuồng nhiều bệnh, xin được thôi việc để xuất gia. Vua y cho, nhưng còn an ủi, muốn đền công lao. Trần vội cắt tóc, vào từ tạ mà đi, từng đến ở chùa Cổ Lâm, huyện Thanh Oai, sau không biết là đi đâu.

Quan quân vây thành gấp, quân Minh nhiều lần đánh đều thua. Bọn đi kiểm cũi chăn ngựa đều bị ta bắt. Vương Thông tuy xin giảng hòa, nhưng vẫn do dự chưa quyết. Các quân ta đắp lũy, Vương Thông sợ, đem hết quân ra đánh. Quan quân đặt mai phục rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, quân phục xông ra đánh, phá tan quân giặc. Thông ngã ngựa suýt nữa bị bắt. Quân ta đuổi đến cửa Nam thành, đắp lũy phía ngoài cửa để chặn giặc. Vua lại thân đốc suất các tướng đắp lũy từ phường Yên Hoa³ đến tận cửa Bắc thành, chỉ trong một đêm là xong.

Vua đã cho quân Minh giảng hòa, hạ lệnh cho Bắc Giang, Lạng Giang sửa cầu

1. Sửa lại thành Xương Giang mới đúng.

2. Niên hiệu của Trần Cao, tức năm Bình Ngô, 1426.

3. Tức là Yên Phụ, Hà Nội ngày nay.

đắp đường, lại hạ lệnh cho các [43b] lộ chuẩn bị thuyền ghe, buồm chèo đưa tới quân doanh giao cho chúng về nước.

Vua dụ các tướng hiệu, quân nhân 6 điều là :

- 1 - Kẻ làm tôi con phải trung thành thờ vua, không được làm điều dối trá.
- 2 - Ở với mọi người phải cho ngay thẳng, không được làm điều gian phi.
- 3 - Khi ra trận đánh giặc có bắt được tù binh, chém được giặc không được cướp công của nhau.
- 4 - Có kẻ nào gian ác, phi pháp ở trong quân, trong dân thì phải bắt giữ để trị tội, mà các người cũng phải lấy đó làm gương răn, chớ để tội đến thân mình.
- 5 - Các quan thị vệ chớ cậy mình được yêu quý mà ngược đãi, bắt nạt mọi người.
- 6 - Khi làm việc, lúc lập công, phải tự mình làm gương trước, để mọi người dưới trông vào bắt chước.

Ngày 22, vua cùng với Tổng binh quan nhà Minh Thái tử thái bảo Thành Sơn hầu Vương Thông, Tham tướng hữu đô đốc Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ, Vinh Xương bá Trần [44a] Tử, An Bình bá Lý An, Đô đốc Phương Chính, chương Đô ty sự đô đốc thêm sự Trần Tuấn, Đô chỉ huy thêm sự Trần Hựu, giám sát ngự sử Chu Kỳ Hậu, Cấp sự trung Quách Vinh Thanh, Hữu bố chính sứ Dặc Khiêm, Hữu tham chính Lục Quảng Bình, Tả tham chính Hồng Bình Lương, Lục Trinh, Án sát sứ Dương Thì Tập, Thêm sự Quách Đoan, hội thề ở phía nam thành. Họ hẹn đến ngày 12 tháng 12 thì đem quân về nước và sai người đem tờ trình xin trả lại đất đai cho ta.

Bấy giờ bọn Thông ở trong thành đã quần bách lăm rồi, chỉ còn trông cậy vào viện binh, thì viện binh lại bị ta đánh bại, cho nên phải giảng hòa, xin rút quân về nước.

Khi ấy, các tướng sĩ và người nước ta, khỏ vì bọn giặc tàn ngược đã lâu, rủ nhau cố xin với vua rằng giặc nhiều mảnh khéo biến trá, phải dùng quân mà đánh thẳng chúng, khuyên vua hãy giết chúng đi. Chỉ có Hành khiển Nguyễn Trãi tham mưu ở nơi màn trướng, đã xem thư bọc sáp của Thông [gửi về nước] nói rằng :

[44b] "Chớ vì một góc đất nhỏ nhoi mà bao phen làm nhọc quân đi muôn dặm. Giả sử dùng tới số quân như lần đánh ban đầu ¹, có được 6, 7, 8 viên đại tướng...

1. Chỉ lần xâm lược nước ta vào năm 1407.

như bọn Trương Phụ thì mới có thể đánh được. Nhưng dẫu có đánh được cũng không thể nào giữ được".

Nên Trãi biết rất rõ chỗ mạnh chỗ yếu của giặc, mới chủ trương hòa nghị. Vua nghe theo. Bèn ra lệnh cho các quân giải vây và rút ra. Bấy giờ quân Minh cho Sơn Thọ, Mã Kỳ ra dinh Bồ Đề làm con tin với vua. Vua cũng sai Tư đồ Tư Tề và Lê Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin với quân Minh. Cuối cùng hòa ước đã thành. Trước đây, vua cho Lê Quốc Trinh và Lê Như Tỳ đi làm con tin. Đến đây, vì muốn cho Sơn Thọ và Mã Kỳ tới hội, cho nên sai Tư Tề và Nhân Chú cùng đi.

Trước đó, vua sai Nguyễn Trãi soạn thư cầu phong, sai người dâng biểu của Cảo xin lập làm [45a] dòng dõi họ Trần, chuyển tới Quảng Tây và Vân Nam nhà Minh mỗi nơi một bản. Kiềm quốc công Mộc Thạnh nhận được thư, lập tức chạy tâu về kinh, vua Minh nhận được biểu, ra dụ cho các quan văn võ rằng :

"Những người bàn không hiểu ý nghĩa của việc ngừng can qua, hễ cho rằng làm thế là không có uy vũ¹. Nhưng nếu dân được yên thì trăm có kể gì lời bàn của người khác".

Rồi sai bọn Công bộ thượng thư La Nhữ Kính, Từ Vinh Đạt mang chiếu sắc phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương, bãi quân nam chinh. Sắc thư viết :

"Gần đây các quan biên ải đem thư từ tâu lên, thấy trình bày rất khẩn thiết, có điều hợp với ý trăm, đáng được đại xá, không kể là tội lớn hay tội nhỏ, đều cho được sửa đổi duy tân." Và bảo vua kể rõ tên các con cháu nhà Trần hiện còn sống, tâu lên để sai sứ sang sách phong. Triều cống thì vẫn theo lệ cũ năm Hồng Vũ.

Thành Sơn hầu Vương Thông không đợi lệnh mà đem quân về trước, vì bị vua đánh gấp, [45b] còn thư từ qua lại lời lẽ rất thành khẩn, đều là do Trãi vâng lệnh soạn thảo cả.

Sai Đồng tri Nguyễn Mẫn, Đội trưởng Nguyễn Lôi mang thư đến hai thành Tây Đô và Cổ Lộng ra lệnh giải vây, vì hai thành này chưa hạ được.

Bọn hương hộ² người địa phương là Vương Mạnh đem vợ con 39 người tới dâng đoạn tằm và hương quý. Bấy giờ đối với ngục quan, thổ quân và các hộ đãi vàng, tìm hương liệu ở trong thành, Vương Thông cho họ được tự nguyện về

1. Chữ 武 (vũ) là do hai chữ 止 chỉ và 戈 qua hợp thành. "Chỉ qua" có nghĩa là "ngừng việc can qua". Nhưng bọn quan lại hiểu chiến cho rằng như thế là "bất vũ" nghĩa là không anh hùng, không có uy vũ.
2. Hương hộ : là những hộ tìm kiếm hương liệu.

phương Bắc hay ở lại nước Nam theo ý của mình. Nhưng người muốn ở lại thì nhiều, muốn xin đi thì ít.

Ngày 29, sai sứ sang trình bày với nhà Minh.

Trước đó, vua đã lập Trần Cảo. Hồi tháng 8, đã sai sứ sang cầu phong.

Đến đây, lấy Hàn lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh (người làng Khả Mộ, nay là Mộ Trạch, huyện Đường An), Chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thăm hình viện sứ. Quốc tử bác [46a] sĩ Lê Đức Huy, Kim ngô vệ tướng quân Đặng Hiếu Lộc làm Thăm hình viện phó sứ (bốn người này đều là đầu mục), nội lệnh sử Đặng Lục và Lê Trạc, Vũ vệ tướng quân Đỗ Lãnh và Trần Nghiễm đều làm An phủ sứ (bốn người này đều là tông nhân) đem tờ biểu và phượng vật (hai pho tượng người bằng vàng thay cho mình, một chiếc lư hương bạc, một đôi bình hoa bạc, 300 tấm lụa thổ, 14 đôi ngà voi, 20 lọ hương xông áo, 2 vạn nén hương, 24 khối trầm hương và tóc hương) cùng với bọn chỉ huy do Vương Thông sai về, đều lên đường đưa về Yên Kinh. Đồng thời, đưa cả chiếc song hồ phù và quả ấn bạc hai tầng của Quan tổng binh An Viễn hầu, nguyên lĩnh Chinh lỗ phó tướng quân, 13.578 quân nhân, 280 viên sĩ quan, 2.137 viên quan lại, 13.180 tên quân cờ, 1.200 con ngựa tốt, [46b] lập bản danh sách đầy đủ, đưa sang Yên Kinh để trần tình và xin phong Trần Cảo làm quốc vương. Sau khi sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang cầu phong, tất cả bọn ngục quan và lương dân bị cưỡng bức đi theo ở trong thành Đông Quan, vua đều sai đưa về cả.

Tháng 12, ngày 12, Vương Thông nhà Minh sai quân bộ qua sông Lô đi trước, quân thủy theo sau.

Bấy giờ các tướng sĩ và người nước ta rất căm thù quân Minh đã giết hại cha con, thân thích họ, liền rủ nhau tới khuyên vua giết bọn chúng đi. Vua dụ rằng :

"Trả thù báo oán là thường tình của mọi người, nhưng không thích giết người là bản tâm của bậc nhân đức. Và lại, người ta đã hàng mà mình lại giết thì là diêm xấu không gì lớn bằng. Nếu cốt để hả nổi căm giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, thì chi bằng tha mạng sống cho ức vạn người, để dập tắt mối chiến tranh cho đời sau, sử xanh ghi chép [47a] tiếng thơm muôn đời, há chẳng lớn lao sao ?".

Bèn hạ lệnh : Cánh đường thủy, cấp 500 chiếc thuyền, cho Phương Chính, Mã Kỳ lãnh nhận. Cánh đường bộ, cấp lương thảo, cho Sơn Thọ, Hoàng Phúc lãnh nhận. Còn hơn 2 vạn người bị bắt hoặc đầu hàng và 2 vạn con ngựa thì do Mã Anh lãnh nhận. Chinh man tướng quân Trần Tuấn đem quân trấn thủ đi theo.

Tất cả đều tới dinh Bồ Đề lạy tạ mà về. Bọn Phương Chính vừa xúc động vừa hổ thẹn đến rơi nước mắt.

Ngày 17, Vương Thông nhà Minh dẫn quân bộ đi sau. Thông cùng vua nói chuyện từ biệt suốt đêm rồi đi. Vua sai đưa trâu rượu, cờ thêu, trống vẽ cùng các lễ vật tiễn chân rất hậu. Quân thủy, bộ của ba thành Tây Đô, Cổ Lộng, Chí Linh cùng lực tục rút tiếp. Từ đây, việc binh đao dập tắt, khắp thiên hạ thái bình.

Xét *Minh sử*, đoạn trước chép : Hoàng Phúc từ Giao Châu trở về, trước đó, Mã Kỳ [47b] đã nhiều lần tâu xin cho Phúc trở lại chức cũ, vì người Giao Chỉ ta rất nhớ Phúc. Vua Minh theo lời tâu, sau Phúc cùng đi với Liễu Thăng. Đến khi quân minh bị thua. Phúc bị quân ta bắt được, xuống ngựa van lạy, quân ta không nỡ giết.

Đoạn tiếp chép : Thành Sơn hầu Vương Thông bỏ Giao Chỉ dẫn quân về, thủy quân theo sau. Bọn Thăng đã thua chết, Vương Thông hoảng sợ, bèn tập hợp các tướng sĩ bàn rằng : Thành thì không thể giữ nổi, đánh cũng không thể thắng được, chỉ bằng giữ toàn quân rồi rút về Bắc. Mọi người đều theo. Thông bèn giảng hòa với vua. Lại vì vua tâu với triều đình xin lập con cháu họ Trần, rồi sai người mang tờ biểu của Cảo là cháu ba đời của quốc vương An Nam xin lập làm dòng dõi nhà Trần.

Sau khi dẹp yên giặc Ngô, vua ban bố Đại cáo khắp thiên hạ. Toàn văn bài Đại cáo như sau ¹.

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
[48a] Quân điếu phạt ² trước lo trừ bạo.
Xét như nước Đại Việt ta,
Thực là một nước văn hiến.
Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương.
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt không bao giờ thiếu.

1. Tức bài *Bình Ngô đại cáo* do Nguyễn Trãi soạn. Khi dịch bài này, chúng tôi đã tham khảo các bản dịch của Bùi Kỳ, Đào Duy Anh, Bùi Văn Nguyên, Vũ Khiêu.

2. Do câu "điều dân phạt tội" ở *Kinh Thư*, nghĩa là thương xót nhân dân, đánh kẻ có tội.

Cho nên :

Lưu Cung¹ tham công mà đại bại,
Triệu Tiết² thích lớn phải tan tành.

Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô,
Sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã.³

Việc xưa xem xét,
Chứng cứ rành rành.

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chính sự phiền hà,
Để đến nỗi lòng người oán hận.
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa,
Bọn gian tà lại bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen⁴ [48b] trên lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ.
Dối trời lừa người, kể quý quyết đủ muôn ngàn khoe,
Gây binh kết oán, tội chồng chất ngót hai mươi năm.
Tan nghĩa nát nhân, trời đất tưởng chừng muốn sập,
Suru cao thuế nặng, núi chằm hết thấy sạch không.
Kẻ tìm vàng phá núi dãi bùn, lặn lội nơi lam chướng,
Người mò ngọc giòng dây quăng biển, làm mồ lũ giao long.
Nhiều dân, đặt cạm bẫy hươu đen,
Hại vật, chăng lưới bắt chim trả.
Đến cỏ cây sâu bọ cũng chẳng được trọn đời,
Người góa bụa khôn cùng không một ai yên ổn.
Hút máu mủ sinh dân, quân gian ác miệng răng nhồm bèo,
Dựng công trình thổ mộc, nhà công tư dinh thự nguy nga.
Chốn châu huyện, bao tầng suru dịch,

1. *Lưu Cung* : vua Nam Hán, sai con là Hoảng Tháo mang quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại.
2. *Triệu Tiết* : viên tướng nhà Tống, sang xâm lược nước ta, bị Lý Thường Kiệt đánh bại.
3. *Nguyên văn* : Toa Đô bị bắt ở cửa Hàm Tử, Ô Mã bị giết ở sông Bạch Đằng, chúng tôi sửa một chút cho đúng sự thực lịch sử.
4. *Dân đen, con đỏ* : là chỉ nhân dân nơi chung.

Nơi xóm làng, lặng lẽ củi canh.
 Tất cạn nước Đông Hải không đủ rửa tanh nhơ,
 Chặt hết trúc Nam Sơn [49a] không đủ ghi tội ác.
 Thần người đều căm giận,
 Trời đất chẳng dung tha.
 Ta :
 Phát tích chốn Lam Sơn,
 Nương mình nơi hoang dã.
 Ngắm thế thù há đội trời chung,
 Thề nghịch tặc khó cùng tồn tại.
 Đau lòng nhức óc đã trải mười năm,
 Ném mật nằm gai phải đầu một buổi.
 Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
 Lấy xưa nghiệm nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ
 Chí phục thù đã quyết,
 Dầu thức ngủ không quên.
 Vừa khi cờ khởi nghĩa mới dấy lên,
 Chính lúc thế giặc đương rất mạnh.
 Thế mà :
 Nhân tài như lá mùa thu,
 Tuất kiệt tựa sao buổi sớm.
 Bôn tẩu trước sau đã ít kẻ dờ dẩn,
 Vạch mưu dưới trướng lại thiếu người bàn bạc.
 Chỉ vì : Chỉ muốn cứu dân, những dăm dăm muốn tiến về đông ¹,
 Nên : cỗ xe dãi hiền, vẫn canh cánh để dành phía tả ².
 Nhưng : Được người đầu dễ, mù mịt [49b] xa vời,
 Mong tự đáy lòng, gấp hơn cứu đuối.

-
1. *Muốn tiến về đông* : Nguyên văn là "dục đông", câu trong *Hán thư*. Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ bắt vào Tây Thục, bức độc nói : "Ta cũng muốn tiến về đông, sao chịu ở mãi chốn này". Câu này ý nói nghĩa quân chỉ lăm lăm muốn tiến ra miền Đông Đò (Hà Nội).
 2. *Sử ký, Tín Lãng Quân truyện* : Tín Lãng Quân người nước Ngụy nghe tiếng Hầu Doanh là một hiền sĩ, đem xe đến đón, mình ngồi phía hữu, để trống chỗ bên tả cho Hầu Doanh. "Để dành phía tả" là có ý khao khát, tôn trọng người hiền.

Phần giặc quân thù chưa bị diệt,
 Phần lo vận nước còn lao đao.
 Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
 Lúc Khôi huyện quân không một lữ.
 Bời trời muốn thử thách ta, để trao mệnh lớn,
 Nên ta càng mài ý chí, quyết vượt gian nguy.
 Dựng gậy làm cờ ¹, tụ hội bốn phương manh lệ, ²
 Hòa rượu mời lính ³, dưới trên một dạ cha con.
 Lấy yếu chống mạnh, thường đánh bất ngờ,
 Lấy ít địch nhiều, hay dùng mai phục.
 Rốt cuộc : Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,
 Lấy chí nhân thay cường bạo.
 Trận Bò Đằng sấm vang chớp giật,
 Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
 Sĩ khí do đó càng tăng,
 Quân thanh từ đây càng dậy.
 Bọn Trần Trí, Sơn Thọ, nghe hơi mà mất vía,
 Lũ Lý An, Phương Chính, nín thở mong thoát thân.
 Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta [50a] chiếm lại,
 Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
 Ninh Kiều máu chảy thành sông, trôi tanh muôn dặm,
 Tốt Động thây phơi đầy nội, để thối ngàn năm.
 Tâm phúc giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
 Một gian giặc, Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
 Vương Thông gỡ rối, đám cháy lại càng bùng,
 Mã Anh cứu nguy, lửa thù càng thêm bốc.
 Nó trí cùng lực kiệt, chờ chết bó tay,

-
1. Nguyên văn : "Yết can vi kỳ", chữ trong *Hán thư*, y nói cuộc khởi nghĩa có tính chất quân chúng rộng rãi.
 2. *Manh lệ* : *manh* chỉ dân thường, nông dân ; *lệ* là những người bị lệ thuộc, như nô tỳ. *Manh lệ* là những người có thân phận hèn kém trong xã hội cũ.
 3. Nguyên văn : "*Đầu lao hướng sĩ*". Xưa có viên tướng giỏi, được biểu một bình rượu ngon liền đem rượu đó xuống dòng sông bảo quân sĩ cùng uống để tỏ lòng đồng cam cộng khổ từ trên xuống dưới.

Ta mưu phạt tâm công¹, không chiến cũng thắng.
 Tưởng chúng phải đổi nét thay lòng,
 Ngờ đâu vẫn làm càn chuốc tội.
 Khăng khăng cố chấp, gieo vạ cho bao người,
 Thiển cận tham công, mua cười khắp thiên hạ,
 Thế rồi thẳng nhai ranh Tuyên Đức² hiếu chiến hung hăng³,
 Lại sai lũ hèn nhát Thạnh, Thăng⁴ đem dầu chữa cháy.
 Tháng 9 năm Đinh Mùi, Liễu Thăng bèn đem quân từ Khâu Ôn
 [50b] tiến sang,
 Tháng 10 cùng năm ấy, Mộc Thạnh cũng chia đường từ Vân Nam
 kéo đến.
 Ta trước đã chọn quân chẹn hiểm, bẻ mũi tiên phong,
 Rồi sau lại điều binh chặn đường, cắt nguồn lương giặc.
 Ngày 18 tháng ấy, Liễu Thăng bị quân ta tấn công, rừng Chi Lăng
 mưu đồ đổ sụp.
 Ngày 20, Liễu Thăng bị quân ta đánh bại, núi Mã Yên tử trận phơi
 thây,
 Ngày 25, Bảo Định bá Lương Minh trận hãm phải bỏ mình,
 Ngày 28, Thương thư Lý Khánh kế cùng phải thất cổ.
 Ta thuận đà, đưa dao tung phá,
 Giặc bí nước, quay giáo đánh nhau.
 Kế đó, lại tăng quân vây bức bốn bên,
 Hẹn đến giữa tháng 10 nhất tề diệt giặc.
 Kén quân tỳ hổ, chọn tướng vuốt nanh,
 Voi uống cạn sông, gươm mài vệt núi.
 Đánh một trận, sạch sanh kinh ngạc,
 Đánh hai trận, [51a] tan tác chim muông.
 Nó như kiến tan đàn dưới bờ dề vỡ,

1. *Mưu phạt tâm công* : đánh bằng mưu trí, đánh vào lòng người.
 2. *Tuyên Đức* : là niên hiệu của vua Tuyên Tông nhà Minh.
 3. Nguyễn văn là "cùng binh độc vũ".
 4. *Thạnh, Thăng* : là Mộc Thạnh và Liễu Thăng.

Ta tựa cơn gió mạnh quét sạch lá khô.
Đô đốc Thôi Tự lê gối xin đầu hàng,
Thượng thư Hoàng Phúc trối mình đành chịu bắt.
Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,
Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,
Âm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.
Bình Vân Nam bị quân ta chẹn ở Lê Hoa, nơm nớp hoảng kinh
trước đà vỡ mặt,
Bọn Mộc Thạnh nghe quân Thăng bại ở Cần Trạm, xéo nhau tháo
chạy, chỉ cốt thoát thân !
Suối Lãnh Cầu, máu chảy trôi chày, nước sông rền rĩ,
Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đỏ lôm.
Hai cánh viện binh đã gót chẳng kịp quay, thấy đều đại bại,
Mấy thành giặc khốn cũng nói nhau cời giáp, lũ lượt ra hàng.
Tướng giặc bị [51b] tù, nó đã vẫy đuôi xin tha mạng sống,
Oai thần không giết, ta cũng thể lòng trời mở đức hiếu sinh.
Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, được cấp trước
năm trăm chiếc thuyền, đã vượt biển, vẫn hồn bay phách lạc,
Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, lại được cho
mấy ngàn cỗ ngựa, về nước rồi, còn tim thót chân run.
Nó đã tham sống sợ chết, thực bụng cầu hòa,
Ta coi toàn quân là hơn, để dân nghỉ sức.
Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,
Mà cũng xưa nay chưa từng nghe thấy.
Xã tắc do đó vững bền,
Non sông từ đây đổi mới.
Trời đất bĩ rồi lại thái ¹.
Nhật nguyệt mờ rồi lại trong.

1. *Bĩ rồi lại thái* : qua thời kỳ gian khổ, đen tối, đến thời kỳ vui sướng, tươi sáng.

Để mở nền thái bình muôn thuở,

Để rửa mối sỉ nhục ngàn thu !

Âu cũng nhờ trời đất, tỏ [52a] tông linh thiêng ngầm giúp mới
được như vậy.

Ôi !

Một gươm đại định, nên công oanh liệt vô song,

Bốn biển thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn,

Bỏ cáo gần xa,

Mọi người đều biết.

(Bản Đại cáo này do văn thần Nguyễn Trãi soạn).

Tướng Minh là bọn Vương Thông về đến Long Châu. Vua Minh đã liệu trước bọn Vương Thông cùng quần, việc đã đến thế, không làm thế nào được nữa, đành sai bọn La Nhữ Kính mang thư sang phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương, bãi bỏ quân nam chinh, ra lệnh cho Thông trở về Bắc, trả lại đất cho An Nam, việc triều cống theo lại lệ cũ năm Hồng Vũ, cho sứ thần đi lại.

Phan Phu Tiên nói : Nhà Trần dựng nước vào năm Kiến Trung¹, mất nước vào năm Kiến Tân². Quân Minh vượt sông vào ngày 12 tháng 12 năm Bình Tuất [1406], cũng phải rút về nước ngày 12 tháng 12 năm Đinh Mùi [1427]. [52b] Dẫu rằng mưu người chẳng nên, âu cũng là vận trời có số cả. Kể ra, Thái Tông tên húy là Cảnh, Thiệu Đế tên húy là An, nét chữ gần giống nhau³. Quân Minh khi vượt sông, lúc về nước, đều gặp ngày 12 tháng 12, có phải chỉ là tình cờ mà không do số trời đâu !

Ngô Sĩ Liên nói : Loạn lạc tốt cùng thì trị bình sẽ tới, đó là vận hành của trời. Thánh nhân sinh ra thì muôn vật sống lại (quẻ *Càn, Kinh Dịch*), đó là hanh thông của thời. Xét suốt các cuộc loạn lạc trong cõi nước Việt ta, chưa bao giờ đến tốt cùng như lúc này, các lần dấy nghiệp để vương chưa bao giờ khó khăn như lúc này.

Triệu Vũ Đế nhân nhà Doanh Tần rối loạn, trung nguyên không có kẻ đứng đầu, quần hùng đánh lộn lẫn nhau, mà kiêm tính đất đai, chưa lấy gì làm khó. Đinh Tiên Hoàng nhân nhà Ngô đã mất,

1. *Kiến Trung* : là niên hiệu của Thái Tông Trần Cảnh. Trần Cảnh lên ngôi năm Ất Dậu, 1225.

2. *Kiến Tân* : là niên hiệu Thiệu Đế Trần An. Trần An bị phế năm Canh Thìn, 1400.

3. Chữ Cảnh và chữ An cùng có chữ Hòa ở dưới.

mười hai sứ quân cát cứ, mất hết kỷ cương, mà dựng nên nước, cũng chưa lấy gì làm khó. Nhà Lê ¹ thay nhà Đinh, nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý [53a] đều là nối đời thái bình, nhân lúc suy loạn, lại càng dễ lắm. Nói cho cùng, cũng đều chưa khỏi tiếng cướp ngôi, chẳng phải là hành vi nhân nghĩa để phò cùng thiên hạ, cho mọi người sướng mắt trông vào, như cuộc đời của vua Thang vua Vũ !

Họ Hồ thoán nghịch, tự chuốc bại vong, giặc Minh bạo tàn, hồng thay bờ cõi. Chúng giả nhân, diệt nước, giết hại, làm cạn. Dân nước Việt ta, gan óc lầy đất. Con thơ cháu bé bị giáo gươm đâm chém, quăng xác thảm thê. Người lớn thì phía nam chạy xuống Chiêm Thành, phía tây trốn sang Đại Lý ². Làng mạc hoang phế, xã tắc thành gò cho cỏ mọc, cho hươu chạy, thành bãi hoang cho chim đỗ, thành rừng rậm cho hổ báo nấu mình. Rồi giặc chia châu, đặt huyện, đắp lũy, đào hào, đóng quân trấn giữ đến hơn hai mươi năm, thay đổi phong tục nước ta theo tóc dài, răng trắng ³, biến người nước ta trở thành người Ngô. Than ôi ! họa loạn tột cùng [53b] đến mức như vậy !

Vua sinh vào thời buổi ấy, bẩm chất văn võ thánh thần, gặp lúc trời đất đoái thương, không nỡ ngồi nhìn sinh dân lầm than, quân giặc ngang ngược. Nghĩ rằng trách nhiệm thay trời đánh giặc chẳng ở ta thì còn ai nữa ! Nhưng còn lo vận trời đang bí chưa thông, việc lớn gian nan khó nổi. Thế rồi hội tụ bề tôi cùng chí hướng, tôi gươm thiêng cho sắc, giấu tiếng chèn Lam Sơn, xem thế, đợi thời. Gặp việc thì lo sợ, không dám vội vàng. Giữ chỗ hiểm, đặt phục binh, thường lấy ít để địch nhiều ; tính thời cơ, nắm chắc thắng, hay lấy yếu để chống mạnh. Khí giới, lương thực phần nhiều lấy ở chỗ giặc. Kinh dinh hơn mười năm, khôn lo bao nhiêu độ. Chỉ vì mưu đã sâu, kế lại kỹ, cho nên hễ đánh là thắng, đã phá là tan. Đánh một trận mà dẹp yên châu Hoan, châu Hóa ; đánh hai trận mà bình định châu Diễn, châu Ái. Thế rồi phát cao cờ chính nghĩa, [54a] tạo thế vững dằng hoàng. Đưa quân vượt biển mà giặc ở Cổ Lộng, Chí Linh vờ mặt, hành binh qua núi mà giặc ở Tam Giang, Đông Quan bay hồn.

1. Chỉ nhà Tiền Lê do Lê Hoàn sáng lập

2. Đại Lý : là tên một vương quốc trước đây ở Vân Nam, ở đây là chỉ vùng Vân Nam, Trung Quốc

3. Tóc dài, răng trắng : chỉ phong tục người Trung Quốc bấy giờ. Phong tục của ta thì tóc ngắn, nhuộm răng đen

Bọn Vương Thông, Phương Chính đã kế cùng, dành giữ thành bên lũy chờ cứu viện. Lửa không nhóm tự cháy, quả nhiên Liễu Thăng từ bắc tiến sang giúp Hạ Kiệt làm càn. Lại thêm Mộc Thạnh từ phía tây cũng tới. Nực cười hai đạo viện binh, giờ càng bộ ngựa chống xe, há chẳng ngu sao ! Huống chi lấy chí nhân đánh bọn bất nhân, giặc tất phải khiêng thầy mà chịu trời. Thú cùng trong cũi, vẫy đuôi xin tha. Thì rủ lòng nhân mà mở lưới Thang¹, cho mùa mộc để phò đức Thuần². Cuối cùng tha cho mười vạn quân hàng, được toàn tính mạng mà về bắc. Bốn biển hân hoan chiêm ngưỡng, thỏa lòng đã được hồi sinh. Phương xa mến đức sợ uy, chúc cống chăm lo hết phận. Ôi ! thịnh thay !

Thế mới biết, họa loạn [54b] đến tột cùng thì trị bình càng vững chắc. Nhân nghĩa càng sâu thì ảnh hưởng càng xa. Trời xoay vần, thời thông suốt, nay đúng là lúc vận hội bắt đầu.

Xét sách *Toàn thư*, tính bắt đầu từ năm Giáp Ngọ [1414], chấm dứt ở năm Đinh Mùi [1427], cả thấy là 14 năm phụ thuộc nhà Minh. Nếu tính suốt từ năm Giáp Ngọ [207 TCN] đời Triệu Vũ Đế trở về, đến năm Đinh Mùi quân Minh rút về nước, là 1.634 năm, tính gồm cả Ngoại kỷ là 2.672 năm. Nay chép theo sách *Việt giám*³, nhưng không dám không chép sách *Toàn thư* để tham khảo.

Mậu Thân, Thuận Thiên năm thứ 1, [1428], (Minh Tuyên Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, quân Minh đã về nước, vua bèn thảo tóm cả nước, lấy năm này làm năm đại định.

Lời bàn : Từ khi trời đất định vị, thì Nam, Bắc chia trị rạch ròi. Phương Bắc dẫu lớn mạnh nhưng không thể [55a] đè nén được phương Nam, cứ xem các thời Lê, Lý, Trần cũng đủ biết. Vì thế, cuối đời Tam Quốc, phương Nam tuy có suy yếu, nhưng cũng chỉ có nội loạn thôi. Đến như nhà Nhuận Hồ thì bạo ngược đã quá, mà đến nỗi nước mất, thân nhục, giặc Bắc hung tàn, dân Nam khốn khổ. May mà lòng trời còn đó, thánh chúa ra đời, chinh phục bằng nghĩa,

1. *Lưới Thang* : vua Thang nhà Thương thấy người đánh lưới chim bủa vây cả bốn mặt, bèn cắt bỏ đi ba mặt, tỏ lòng nhân đức.
 2. Họ Hữu Miêu trái mệnh, vua Thuần cho mùa mộc dưới thềm trong triều, được 7 tuần thì Hữu Miêu quy phục.
 3. Tức sách *Việt giám thông khảo* 26 quyển của Vũ Quỳnh, sách này chép từ đời Hồng Bàng đến Mười hai sứ quân, làm phần Ngoại kỷ ; từ Đinh Tiên Hoàng đến khi Lê Lợi đuổi được giặc Minh làm phần Bản kỷ.

đánh dẹp bằng nhân, non sông mới được đổi mới, nhật nguyệt mới lại sáng tươi. Nhân dân từ đây bình yên, nước nhà từ đây thuận trị. Đó là do vua tôi một dạ, trên dưới cùng lòng vậy. Ôi ! loạn tột tất phải trị, nay đã thấy điều này.

Ngày mồng 10, Trần Cảo uống thuốc độc chết.

Bấy giờ các quan đều dâng sớ nói Trần Cảo không có công gì với dân, sao lại ở trên mọi người, nên sớm trừ đi. Vua cũng biết là như vậy, nhưng trong lòng không nỡ, đối xử càng hậu. Cảo biết người trong nước không phục mình, bèn ngầm đi thuyền vượt biển [55b] trốn vào châu Ngọc Ma. Đến Ma Cảng (đất Nghệ An) quan quân đuổi bắt được, đem về Đông Quan, bắt uống thuốc độc chết.

(Có thuyết nói rằng : Trước đây, sau khi lập Cảo, vua cho Cảo đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời sang Ninh Giang. Đến năm này, chuyển về thành Cổ Lộng. Cảo tự nghĩ là trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua, mình không có công gì với thiên hạ mà ở ngôi tôn, nếu không sớm liệu, sợ có hối hận sau này. Rồi ngầm đi thuyền ra biển mà chết.

Có thuyết nói rằng : Cảo tự biết người trong nước không phục, bèn cùng với bọn Văn Nhuệ ngầm đi thuyền biển trốn đến ải Cổ Lộng, vua sai người đuổi bắt giết đi, vứt xác vào bụi gai. Lúc Cảo chết, có câu khấn trời, ai nghe cũng phải thương xót, thiên hạ cho là oan. Sau này, thời Lê mạt, Trần Cảo làm loạn, tương truyền đó là kiếp sau của Trần Cảo này.

Có thuyết nói : Trần Cảo tên là Địch, trong nạn giặc Minh, Địch ẩn nấu trong dân, đến khi Thái Tổ dấy quân, thấy lòng người vẫn nhớ nhà Trần, cho nên lập lên, để theo nguyện vọng mọi người. Đến đây, giặc Minh đã dẹp, mà Địch vẫn giữ ngôi, Thái Tổ nói kín rằng : "Ta trải trăm trận mới lấy được thiên hạ, mà hắn lại giữ ngôi sao". Cảo sợ hãi, chạy đến ải Cổ Lộng, Thái Tổ sai người đuổi theo giết đi, ném xác vào bụi gai).

Hạ lệnh cho các quan Tư không, Tư đồ, Tư mã, Thiếu úy, Hành khiển bàn định pháp lệnh cai trị quân dân, để người làm tướng biết phép trị quân, quan các lộ biết phép trị dân, cũng để răn dạy quân [56a] dân biết là có pháp luật. Mọi công việc đều có các cơ quan phụ trách riêng, dâng lên vua xem.

Hạ lệnh cho các tướng hiệu và các quan rằng : Từ xưa tới nay, trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên học tập đời xưa đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện,* là ác, điều thiện thì làm, điều chẳng lành thì tránh, chớ để đến nỗi phạm pháp.

Hạ lệnh cho các đại thần, thiếu úy, chấp lệnh, truyền lệnh cho các lộ, nếu thấy nguy quan, thỏ quân và dân chúng từ các thành trốn ra mà che giấu, không giải trình thì chém. Lại hạ lệnh cho các lộ tra xét những người lạ mặt qua lại, ai dám dung túng cho giặc Minh và nguy quan trốn lọt mà không biết, thì lộ quan cùng người thủ đội đều bị chém.

Hạ lệnh cho con em các nhà dầu mực và các tướng hiệu đều nên trở về nhận ruộng đất ở quê cha đất tổ, để chấm dứt nạn tranh chiếm ruộng đất.

Nhà Minh có chiếu nói : Tất cả bọn quan lại, quân nhân của triều đình [56b] sai sang còn bị giam giữ đều phải trả về hết, các vũ khí còn giữ lại cũng phải đưa nộp. Vua bèn cho yết bảng nghiêm cấm, nếu người nào chứa giấu quan quân của nhà Minh từ 1 người trở lên thì giết không tha. Người ra thú lục tục cho đưa về Yên Kinh.

Tháng 2, định các mức khen thưởng cho những hỏa thủ¹ và quân nhân của quân Thiết đột có công lao siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai² gồm 121 người :

Công hạng nhất, được ban quốc tính là bọn Lê Văn, Lê Quy, Lê Dịch, Lê Ê 52 người làm Vinh lộc đại phu, tả Kim ngô vệ đại tướng quân, tước Thượng trí tự.

Công hạng hai, được ban quốc tính là bọn Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khảo 72 người, làm Trung lượng đại phu, tả Phụng thần vệ tướng quân, tước Đại trí tự.

Công hạng ba, được ban quốc tính là bọn Lê Lễ, Lê...³ 94 người, làm Trung vũ đại phu Câu kiềm vệ tướng quân, tước Trí tự.

Hành khiển Lê Cảnh [57a] phụng mệnh làm biểu ngạch.

Nhà Minh sách phong hoàng trưởng tử Kỳ Trấn làm Hoàng thái tử.

Tháng 3, ngày mồng 8, chánh sứ nhà Minh là Lễ bộ tả thị lang Lý Kỳ và Công bộ hữu thị lang La Nhữ Kính, phó sứ là Thông chính sứ ty hữu thông chính Hoàng Kỳ và Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt đến kinh sư.

Trước đây, tháng 8, năm Đinh Mùi [1427], vua sai bọn Lê Thiếu Dĩnh sang nhà Minh dâng biểu cầu phong, xin lập con cháu nhà Trần. Tháng 11, nhà Minh sai bọn Lý Kỳ, Nhữ Kính mang chiếu dụ và lệnh ân xá sang, đến nay tới kinh sư.

Ngày 18, sai sứ sang nhà Minh.

1. *Hỏa thủ* : chỉ huy, đội trưởng.

2. *Lũng Nhai* : tức Lũng Mi, tên nôm là làng Mè, thuộc xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân. Tại đây, vào ngày đầu tháng 2 năm Bính Thân 1416 có một cuộc Hội thể lịch sử giữa Lê Lợi và 18 người đồng chí của ông. Những người có công lao khó nhọc ở Lũng Nhai chỉ những người tham gia khởi nghĩa ở buổi ban đầu.

3. Bản Chính Hòa có ghi tên một người, nhưng ở bản chụp mà chúng tôi dịch, chữ này bị mờ không đọc được. Các bản in khác chỉ có tên Lê Lễ mà không có tên này. Theo CMCB 15, 3a thì người đó là Lê Nghiễn.

Bấy giờ bọn Lý Kỳ, La Nhữ Kính về nước, vua sai bọn Hộ bộ lang trung Lê Quốc Khí (cháu ruột Thái Tổ), Phạm Thành sang tạ ơn, bọn Khu mật thiêm sự Hà Phủ, Hà Liễn sang báo tang của Trần Cảo, cùng đi với bọn Kỳ.

Phong con thứ là Nguyên Long làm Lương quận công.

[57b] Đại hội các tướng và các quan văn võ để định công, ban thưởng, xét công cao thấp mà định thứ bậc.

Lấy thừa chỉ Nguyễn Trãi làm Quan phục hầu ; tư đồ Trần Hãn làm Tả tướng quốc ; Khu mật đại sứ Phạm Văn Xảo làm Thái bảo ; đều được ban quốc tính.

Chia cả nước làm ba đạo. Đạo đặt vệ quân, vệ đặt Tổng quản, lớn nhỏ giữ gìn nhau, trên dưới ràng buộc nhau. Lại đặt chức Hành khiển các đạo để chia giữ sổ sách quân, dân.

Sai các quan chia nhau đi tế thần kỳ núi, sông, đền, miếu các xứ và lăng tẩm của triều trước.

Truy tôn thụy hiệu từ khảo tử¹ trở lên.

Tổ khảo Đinh làm Chiêu Đức Hoàng Đế, bà là Nguyễn Thị Quách làm Gia Thực hoàng hậu, cha là Khoáng làm Tuyên Tổ Hoàng Đế, mẹ là Trịnh Thị Thương làm Ý Văn hoàng hậu.

Mùa hạ, tháng 4, vua từ điện tranh ở Bồ Đề vào đóng ở thành Đông Kinh.

Ngày 15, vua lên ngôi ở Đông Kinh, đại xá, đổi niên hiệu là Thuận Thiên, dựng quốc hiệu là Đại Việt, [58a] đóng đô ở Đông Kinh (tức là thành Thăng Long. Vì Thanh Hóa có Tây Đô, cho nên gọi thành Thăng Long là Đông Kinh).

Xuống chiếu rằng, các thứ thuế như tô ruộng, vàng bạc, đầm phá, bãi dâu trong cả nước, đều tha cho 2 năm không thu, những người già ở các lộ từ 70 tuổi trở lên được miễn sai dịch, những người con hiếu thảo, đàn bà góa giữ tiết thì cho các quan ở lộ tâu lên để biểu dương khen thưởng. Các gia đình quân, dân, nếu trong 1 hộ có 3 người sung quân thì cho miễn 1 người. Những lăng miếu của đế vương và công thần các đời thì cho huyện sở tại làm bản tâu lên để xét cấp cho người quét dọn.

Ngày 17, ra lệnh chỉ rằng, từ sau ngày chiếu thư ban ra, nếu quân hay dân có dâng thư nói việc gì thì phải theo đúng niên hiệu, quốc hiệu, đô hiệu như trong chiếu thư, ai trái thế thì phải xử phạt trượng hay biếm chức ; những giấy tờ,

1. Cha đã chết gọi là "khảo", mẹ đã chết gọi là "tử".

văn khế, khoán ước về mua bán, đổi chác, vay mượn mà không theo đúng như trong chiếu thì sẽ không có giá trị.

Ngày 20, ban các chữ húy tông miếu và chữ húy tên vua. Tất cả các chữ húy chính khi viết đều không được [58b] dùng, nếu đồng âm mà khác chữ thì không phải húy.

Húy tông miếu có 5 chữ : Hiên Tổ Chiêu Đức Hoàng Đế húy là Đinh 訂, Hiên Tổ Tỳ Gia Thực Hoàng Thái Hậu húy là Quách 郭, Tuyên Tổ Hiên Văn Hoàng Đế húy là Khoáng 曠, Trinh Từ Ý Văn Hoàng Thái Hậu húy là Thương 蒼, húy của vua là Lợi 利, của hoàng hậu là Trần 陳, của anh vua là Học 學.

Khi có chiếu lệnh đại xá đều xưng là Thuần Thiên Thừa Vận Duệ Văn Anh Vũ Đại Vương, hiệu là Lam Sơn động chủ.

Sông Nhị nảy vàng rồng, các quan dâng biểu chúc mừng.

Truy tặng Lê Thạch làm Trung Vũ Đại Vương, đưa vào thờ ở tam miếu.

Lấy Lê Tri Vận làm tri Tả hữu ban, phong liệt hầu ; Nguyễn Lỗ làm Xa kỵ vệ tổng tri (Tả hữu ban nắm kho tàng của nhà nước, tổng tri thì coi quân). Hai người đều là họ ngoại. Tri Vận vì có công làm con tin trong thành, sau được tặng phong Nguyên cứu Quan nội hầu.

Ra lệnh chỉ cho các lộ là nơi nào bị quân giặc cướp phá [59a] thì được miễn giảm thuế.

Trị tội các ngục quan.

Bọn Lê Thiếu Dĩnh từ nước Minh trở về.

Trước đó, tháng 11 năm Đinh Mùi [1472], vua sai bọn Thiếu Dĩnh sang trần tình với nhà Minh.

Tháng 3 năm nay, Lê Thiếu Dĩnh đến Yên Kinh dâng biểu. Đến đây trở về, vua Minh ban cho Thiếu Dĩnh áo vóc hoa, tiền giấy và có sắc dụ cho nước ta, đại ý nói :

Lập con cháu nhà Trần là việc rất quan trọng, phải hợp với lòng người trong nước, không được tự tiện chuyên quyền, phải cùng với các bô lão, trình bày sự thực về người cháu đích tôn của họ Trần, tâu lên để làm bằng cứ mà ban chiếu sách phong. Số người và chiến khí còn bị giữ lại, cũng đưa trả về hết.

Tháng 4 nhuận, ra lệnh chỉ rằng :

Những quân dân bị bắt vào bốn thành Tây Đô, Đông Kinh, Cổ Lộng, Chí Linh

đã được bỏ vào các quân phụ vào quân Thiết đột mà có ruộng đất, nhà cửa bị tịch thu thì được trả lại.

Bọn Thành Sơn hầu Vương Thông nhà Minh [59b] về đến Yên Kinh, bị các quan hặc tội, đều phải giam vào ngục Cẩm y vệ, có chiếu tha tội chết, biếm quan tước.

Ra lệnh chỉ cho bọn đại thần định lại các quan lộ, huyện, quan trấn thủ, cùng các quan giữ đầu nguồn, cửa biển và những nơi xung yếu, đều phải dùng những người tài giỏi, liêm khiết, chính trực, cho các đại thần đều được tiến cử.

Đúc tiền Thuận Thiên.

Mây xanh xuất hiện, có cánh, có chân, bên dưới có mâm ngọc, hai bên tả hữu tựa như hình hai con cá chép vờn nhau.

Mùa hạ, tháng 5 ngày 12, vua và các đại thần cùng nghị bàn việc nước ; quyết định các quan viên, các quan trấn thủ tại các lộ, trấn và những nơi xung yếu, định luật lệnh kiện tụng, quy chế về chức tước.

Tháng 6, ra lệnh chỉ cho các đại thần khảo xét các quan trong ngoài : hạng nhất là những người có tài văn võ, tháo vát, tinh nhanh ; hạng nhì là những người biết chữ tháo vát, tinh nhanh ; hạng ba là những người viết tinh, viết thảo, làm tính ; ngoài ra [60a] những người không được xếp hạng nào thì kê riêng thành một hạng.

Ra lệnh chỉ cho các đại thần và các quan văn võ đều tiến cử người hiền lương phương chính, nếu tiến cử được người giỏi thì được thăng thưởng theo lệ tiến cử hiền thần, nếu vì tiền tài, vì thân quen, tiến cử người không tốt thì bị trị tội theo lệ tiến cử kẻ gian.

Ngày 26, ra lệnh chỉ cho các đại thần và các quan văn võ rằng :

"Trẫm là người thế nào mà được trao mệnh trời ? Nhờ đâu mà thành nghiệp lớn ? Hiện nay công việc của triều đình rất bề bộn, việc gì nên làm trước, việc gì nên làm sau ? Các tướng trong triều ai có thể gánh vác được việc lớn, có thể trao cho sứ mệnh ở ngoài ngàn dặm ? Ai là người có thể day dỗ thái tử?"

Mùa thu, tháng 8, lấy ngày sinh làm Vạn Thọ thánh tiết (tức ngày mồng 6).

Ngày mồng 10, quy định cờ xí, nghi trượng, chiến khí, thuyền bè của các quân : trung đội cờ vàng, thượng đội [60b] cờ đỏ, hạ đội cờ trắng.

Mỗi vệ có 1 lá cờ lớn của chủ tướng. Mỗi quân có 1 lá cờ hạng trung, 10 lá cờ đội, 40 lá cờ nhỏ, 10 chiếc thuyền hỏa chiến, 2 chiếc thuyền nhỏ trình sát, 1 chiếc ống phun lửa "Đại tướng quân", 10 ống phun lửa cỡ lớn, 10 chiếc cờ

trung, 80 chiếc cỡ nhỏ, nõ cứng 50 chiếc, câu liêm 50 cái, giáo dài 50 cái, phi liêm 40 cái, mộc mỗi người 1 chiếc, phiếu thì mỗi người dùng 4 thủ tiền¹ hạng nhất, hạng nhì thì mỗi người dùng 3 chiếc, đại đao thì mỗi người dùng 1 thanh. Mỗi quân dùng 1 người làm sao quân, mỗi đội dùng 1 người làm sao đội².

Ra lệnh chỉ kê khai đầy đủ, rõ ràng những sản vật do địa phương mình sản xuất, như đồng, sắt, dâu, gai, tơ, lụa, keo, sơn, nhựa trám, sáp ong, dầu, diêm tiêu, mây ; những ruộng đất của quan ty ngạch cũ, của các thế gia triều trước, [61a] của những người tuyết tự, cùng ruộng đất và sản vật từng mùa của các ngục quan, của lính trốn, hạn đến tháng 4 sang năm thì nộp lên. Nếu ai giấu giếm, hoặc chiếm của công lafm của tư, biến không thành có, thì xử tội đồ hoặc lưu, biếm chức hoặc bãi chức.

Ra lệnh chỉ đổi chức hòa đầu thành chánh phó ngũ trưởng.

Ngày 20, nhà Minh có sắc thư [yêu cầu] trả bọn lại nhân mà Giao Chỉ đã cấp ruộng đất cho ở để họ trở về nước.

Tháng 9, ngày 21, nhà Minh sai bọn La Nhữ Kính, Từ Vinh Đạt lại mang sắc thư sang dụ vua rằng họ Trần nhiều đời vẫn được lòng người, bảo vua phải dò tìm cho được con cháu họ Trần mà tâu lên để ban cho mệnh lệnh nối dòng đã tuyệt. Lại bảo rằng đó³ hẳn là do các đầu mục bộ lão chưa hỏi cho khắp, có thể vẫn còn người, nhưng họ chưa dám nói ra.

Lại dụ rằng [61b] những quan lại và quân nhân còn giữ lại hãy đưa trả cho hết, các đồ quân khí còn lưu lại cũng nộp trả cho hết.

Ban tiền giấy và chi phí dọc đường cho bọn Nhữ Kính, đồng thời ban tiền giấy và áo lót vóc hoa cho sứ nước ta là bọn Lê Quốc Khí, sai họ cùng đi với bọn Nhữ Kính.

Quy định phẩm tước của quan chức văn võ. Ban quốc tính cho các công thần. Thái quân già yếu, quy định biên chế quân ngũ⁴.

Mùa đông, tháng 10, ngày 11, có lệnh thôi kiêng húy chữ "Nguyễn".

Ngày 12, ra lệnh cho các vệ quân đều đặt hòa thủ làm chánh phó ngũ trưởng.

Ngày 19, sứ nhà Minh là bọn Nhữ Kính về nước. Vua sai bọn Hà Lật sang tạ ơn nhà Minh và nộp lễ cống, tượng người vàng thể thân, và tâu rằng đã tìm hỏi

1. Thủ tiền : tên ném bằng tay, cũng gọi là phiếu.

2. Sao quân, sao đội : là người giữ việc biên chép trong 1 quân, 1 đội.

3. Chỉ việc không tìm được người họ Trần. Trong biểu cầu phong, Lê Lợi nói là đã tìm khắp mọi nơi, nhưng không còn một người họ Trần nào để lập.

4. Nguyên văn là "định ngũ ngũ", hẳn là do khắc in sai.

con cháu họ Trần nhưng không còn người nào, các quan quân ra thú cũng đã lục tục đưa về rồi.

[62a] Tháng 11, ngày mùng 1, vua sai bọn Đỗ Như Hùng sang nhà Minh tâu bày rằng con cháu nhà Trần quả thực không còn ai, các quan lại, quân nhân cùng khí giới bắt được của nhà Minh đã đưa trả hết rồi, không còn giam giữ, chứa giấu gì cả. Lại xin trả lại người con gái của vua bị lạc.

Trước kia, trong buổi loạn ly, vua bị lạc mất người con gái nhỏ mới lên 9 tuổi. Viên nội quan nhà Minh là Mã Kỳ đem về nuôi, rồi đưa về Yên Kinh tiến làm cung tỳ¹. Đến đây, vua sai sứ sang xin về².

Ngày 24, giết bọn giặc phản nghịch là tên Phong, tên Nhữ Hốt, tên An Vinh, tên Trung, tên Tồn, tên Sĩ Văn, tên Sùng Lễ, tên Xác.

Trước kia, bọn Phong đón hàng giặc Minh, giúp giặc làm điều bạo ngược, chống lại quan quân. Đến khi giặc Minh bị dẹp mới ra đầu hàng, được vua tha tội cho. Nhưng bọn Phong vẫn gây nhiều tội ác không chịu chừa, lại âm mưu làm loạn, ngấm ngầm [62b] kết bè đảng, viết thư mật, ngấm sai người đi đường tắt tới xui quân Minh gây sự, bọn chúng sẽ làm nội ứng. Người mang thư bị Thượng tướng trấn Thái Nguyên là Hoàng Nguyên Ý bắt được. Vua giết tên đưa thư rồi giấu chuyện ấy đi. Tháng 8, lại có một tên trong bọn đến cáo giác, việc cũng giống thế. Đến đây, vua mới hạ chiếu giết cả bọn.

Ngày 25, làm sổ ruộng đất, sổ hộ tịch.

Ra chỉ thị cho các phủ, huyện trấn, lộ khám xét các chằm bãi, ruộng đất, mỏ vàng bạc, những sản vật núi rừng trong hạt, các loại thuế ngạch cũ, cùng ruộng đất đã sung công của các nhà thế gia và những người tuyệt tự, và ruộng đất của những bọn đào ngũ, hạn đến trung tuần tháng 2 năm Kỷ Dậu trình lên. Sổ hộ tịch năm Mậu Thân và sổ ruộng đất năm Kỷ Dậu thì đến tháng 4 năm Quý Sửu sẽ nộp. Khi làm sổ ruộng đất và hộ tịch thì khai cả từng hạng ngục quan.

[63a] Ngày 27, ra lệnh chỉ đặt xã quan. Xã lớn từ 100 người trở lên thì đặt 3 viên, xã vừa từ 50 người trở lên đặt 2 viên, xã nhỏ 10 người trở lên đặt 1 viên.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan viên và quân dân cả nước, hạn đến tháng 5 sang năm tới Đông Kinh để các quan văn hỏi thi kinh sử, ai tinh thông được bổ làm quan văn; các quan võ hỏi thi về võ kinh, pháp lệnh, kỳ thư...

Tháng 12, ngày mùng 7, ra lệnh chỉ cho các quan văn võ: Người nào đã đưa vợ con lên lẩn tránh ở núi rừng cùng trăm mưu lo việc nước, từ ở Mường Thôi đến

1. Nguyên văn là "quan tỳ", sửa lại theo *Minh sử*.

2. Vua Minh trả lời là người con gái đã bị chết vì bệnh đậu mùa.

ở Bồ Đằng, Chí Linh, Khả Lam thì cho con hoặc cháu được miễn các việc quân dịch và dân dịch. Nếu đã làm quan thì không thuộc lệ này. Con cháu, anh em của tên nào đã bỏ đạo nghĩa, cầu an hàng giặc thì không được nhận. [63b] Ai làm trái thì xử tội biếm hay bãi chức.

Ngày 22, ra lệnh chỉ cho các quan phủ, huyện, lộ, trấn, xã, sách đối chiếu, khám xét ruộng đất, đầm bãi công tư trong các huyện, xã của lộ mình, cùng cá mú, hoa quả, muối mắm và các rạch cá tư ngoài cửa biển, các loại vàng, bạc, chì thiếc, tiền.

Vua làm điện Vạn Thọ, lại làm Tả, Hữu điện, điện Kính Thiên, điện Cần Chính.

Chế tạo chiến khí, thuyền bè.

Đúc tiền Thuận Thiên thông bảo, cứ 50 đồng là 1 tiền.

Trước kia, thời Trần Thái Tông Kiến Trung năm thứ 2 [1226] có chiếu quy định trong dân gian tiêu tiền thì mỗi tiền là 69 đồng, dùng chính thức là 70 đồng.

Kỷ Dậu, *[Thuận Thiên] năm thứ 2 [1429]*, (Minh Tuyên Đức năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 4, ra lệnh chỉ cho các quan, cho kinh đô [64a] và các lộ, huyện, xã rằng :

Kẻ nào du thủ du thực, đánh cờ đánh bạc thì quan ty và quân dân bắt nộp để trị tội. Đánh bạc thì chặt 5 ngón tay, đánh cờ thì chặt 1 phân ngón tay, những kẻ không phải là việc quan mà vô cớ tụ họp uống rượu thì xử phạt 100 trượng, người chứa chấp bị tội kém một bậc.

Ra lệnh chỉ cho các quan lộ, huyện xã rằng :

Hễ là án công thì do viên chánh quan giữ. Ở các lộ thì Tri phủ giữ án, không có Tri phủ thì Trấn phủ giữ án. Ở các huyện thì Tuần sát giữ án. Nếu không có Trấn phủ, Tri phủ thì dùng Chiêu thảo hoặc Phòng ngự giữ án. Có việc thì cùng bàn với nhau đáng đóng dấu thì mới dùng.

Ngày mùng 7, sai Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự Lê Văn, Nhập nội đại tư mã Lê Ngân, Nhập nội thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập Hữu tướng quốc Khai quận công Tư Tề làm Quốc [64b] vương, giúp coi việc nước.

Sai Nhập nội tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân Chú, Nhập nội tư mã Lê Lý, Nhập nội thiếu úy Lê Quốc Hưng mang kim sách lập Lương quận công Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Ngày mồng 8, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan văn võ cùng các lộ, phủ, huyện, châu, trấn rằng :

Nếu ai có việc đến Quốc vương và Hoàng thái tử thì dùng chữ "khải", chứ không được dùng chữ "tấu" và xưng là "Quốc vương điện hạ", "Hoàng thái tử điện hạ". Nếu Quốc vương có tuyên cáo hiệu lệnh gì thì dùng chữ "Quốc vương chỉ huy", không được dùng chữ "sắc".

Ngày mồng 9, ra lệnh chỉ rằng :

Quan võ từ chức Quản lĩnh, quan văn từ chức Hành khiển trở lên, ai có con trai từ 15 tuổi trở xuống, 9 tuổi trở lên, cho được vào hầu Hoàng thái tử. Ngày 15 tháng này, tới học đường để điểm mục, quan Nội mật viện [65a] lấy danh sách. Quan võ từ Đồng tri trở xuống đến Đại đội trưởng, Đội trưởng trở lên, quan văn từ Thượng thư trở xuống đến thất phẩm, ai có con trai 17 tuổi trở xuống, 9 tuổi trở lên tới nhà Quốc học điểm mục để học quan lấy danh sách dạy học.

Ngày 22, ra lệnh chỉ cho văn võ đại thần nghị bàn việc lớn của nhà nước.

Như người đi đánh giặc thì nghèo, kẻ rong chơi thì giàu. Người đi chiến đấu thì không có một thước, một tấc đất mà ở còn những kẻ du thủ du thực, không có ích gì cho nước lại có quá thừa ruộng đất, hoặc đi làm nghề trộm cướp. Thành ra không có ai chịu hết lòng với nước, chỉ ham nghỉ phú quý mà thôi. Nay ra lệnh chỉ cho các đại thần bàn định số ruộng cấp cho quan lại, quân nhân và dân chúng, trong từ đại thần trở xuống, dưới đến người già yếu, mồ côi, góa chồng, đàn ông, đàn bà trở lên, loại nào được cấp bao nhiêu thì tấu lên, lại bàn cả số tiền lụa trình lên.

[65b] Tháng 2, ngày 21, ra lệnh chỉ cho tướng hiệu và quân nhân các vệ quân năm đạo rằng :

Đến ngày 27 sẽ diễn tập chiến trận thủy, bộ, ai vắng mặt sẽ bị trị tội. Diễn tập xong, sẽ chia mỗi vệ thành 5 phiên, 1 phiên ở lại, còn 4 phiên cho về làm ruộng.

Ngày 26, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan Hành khiển :

Nếu thấy các điều lệnh của trăm có điều gì bất tiện cho việc quân, việc nước, hoặc các việc sai dịch không hợp lý, hoặc thuế khóa nặng nề, hoặc có việc tà dâm bạo ngược, thì tâu xin sửa lại.

Lại ra lệnh chỉ cho các ngôn quan ¹ rằng :

Nếu thấy trăm có chính lệnh hà khắc, thuế má nặng nề, ngược hại lương dân, thường công phạt tội không đúng, không theo đúng phép xưa, hay các đại

1. *Ngôn quan* : chỉ các quan giữ trách nhiệm khuyên can vua và đàn hặc các quan.

thần, quan lại, tướng hiệu, quan chức trong ngoài không giữ phép, nhận hối lộ, nhiều hại lương dân, thiên tư phi pháp, thì phải lập tức dâng sớ đàn hặc ngay. Kẻ nào cứ ngồi nhìn mà dung túng, chỉ giỏi trò vật, cùng là nói hão không đâu, [66a] thì phải chiếu luật trị tội. Lại như các quan vào sân điện, nếu để áo, mũ, cân đai không đúng phép, đi lại ngang dọc không theo lễ phép, thì ngôn quan không được coi là phận sự của mình mà đàn hặc, vì việc ở điện đình đã có Tổng quản và Chỉ huy sứ nắm quân Thiết đột, Ngự tiền Thiết đột, Nội mật viện xét hặc¹.

Tháng 3, ngày 20, ra lệnh chỉ cho Đô tổng quản và Quản lĩnh các đạo cùng quan viên các phường trong kinh thành rằng : Hiện nay, phần đất của các quân và phủ đệ của công hầu trăm quan đều có phần nhất định, nên trồng cây trồng hoa và các loại rau đậu, không được để đất hoang, ai không theo thể thì mất phần đất của mình. Các công hầu đã được ban đất cho ở, nếu trong phần đất của quân Thiết đột thì không cho quá nhiều, chỉ từ 5 sào trở xuống ; nếu không phải trong phần đất của quân Thiết đột [66b] thì cho 2 mẫu trở xuống đến 1 mẫu. Nếu đã được chia ruộng đất vườn nhà nhất định rồi, lại còn chiếm đất trong thành Đại La làm nhà cửa khác nữa thì không được.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 17, ra lệnh chỉ cho đại thần và trăm quan phải nộp số vàng lấy được ở bên Đông² cho nhà nước tùy theo thứ bậc : chánh nhất phẩm nộp 2 lạng, tòng nhất phẩm 1 lạng rưỡi, chánh nhị phẩm 1 lạng, tòng nhị phẩm 5 đồng cân, chánh tam phẩm 3 đồng cân, tòng tam phẩm 2 đồng cân, chánh tứ phẩm đến chánh ngũ đều 1 đồng cân, còn từ tòng ngũ phẩm trở xuống không phải nộp.

Ngày 30, ra lệnh chỉ rằng những ngục quan trước đã có lệnh cho tha tội chuộc mệnh, thì cho miễn cả ruộng đất (không phải sung công).

Tháng 5, ngày mùng 3, ban biên ngạch công thần cho 93 viên : Huyện thượng hầu 3 người là Lê [67a] Ván, Lê Sát, Lê Văn Xảo. Á thượng hầu 1 người là Lê Ngán. Hương thượng hầu 3 người là Lê Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng. Đình thượng hầu 14 người là Lê Chích, Lê Văn An, Lê Liệt, Lê Thố, Lê Lễ, Lê Chiến, Lê Khôi, Lê Đình, Lê Chuyết, Lê Lôi, Lê Nhữ Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Lật. Huyện hầu 14 người là : Lê Bị, Lê Bi, Lê Bĩ, Lê Náo, Lê Thụ, Lê Lôi, Lê Khả, Lê Bôi, Lê Khả Lang, Lê Xí, Lê Khuyển, Lê Bí, Lê Quốc Trinh, Lê Bất. Á hầu 26 người là bọn Lê Lạn, Lê Trãi. Quan nội hầu 16 người là bọn Lê Thiệt, Lê Chương. Quan phục

1. Tháng 2 này còn có việc bắt giết Trần Nguyên Hân (xem CMCB 15, 20a).

2. Năm Thuận Thiên thứ 1, mùa hạ, tháng 4, có ghi sự kiện : "Sông Nhị này vàng ròng". Có lẽ ở đây nói tới số vàng đó.

hầu 12 người là bọn Lê Cuồng, Lê Dao. Thượng trí tự Trước phục hầu 4 người là bọn Lê Khắc Phục, Lê Hải.

Ra lệnh chỉ rằng những văn võ hào kiệt nào còn bị bỏ sót, hoặc bị chìm đắm chưa có chức tước gì, không được ai tiến cử, [67b] hoặc vì thù hằn mà bị dè nén, vùi dập, thì đến ngay chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh mà tự tiến, nếu xét thực có tài đức thì tâu trình để cất nhắc sử dụng, không cứ là ngụy quan hay sĩ thứ, cốt lấy tài đức là hơn.

Ra lệnh chỉ rằng : Các quan chức văn võ, quan võ từ Thượng tướng tước Trí tự Trước phục hầu trở lên đều cho mặc áo đỏ tía ; quan văn từ Nhập nội đại hành khiển Quan phục hầu trở lên cũng cho mặc áo đỏ tía.

Ngày 26, ra lệnh chỉ rằng : Quân nhân các phủ lộ và những người ẩn dật ở núi rừng, nếu ai quả thực thông kinh sử, giỏi văn nghệ thì đến ngày 28 tháng này tới sảnh đường trình diện, chờ đến ngày cho vào trường thi hội ¹, người nào đỗ sẽ được tuyển dùng.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài, người nào tinh thông kinh sử, từ tứ phẩm trở xuống, hạn đến ngày 20 tháng này đều tới sảnh đường [68a] để vào trường thi hội.

Ngày 30, định các hạng ruộng đất của ngụy quan.

Mùa hạ, tháng 6, ngày mùng 10, ra lệnh chỉ cho các tăng đạo, người nào thông kinh điển, trong sạch, giữ tiết hạnh, hẹn đến ngày 20 tháng này tới sảnh đường trình diện, để xét duyệt cho thi, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục.

Làm sổ đình.

Mùa thu, tháng 7, ngày mùng 5, ra lệnh cho các đại thần và các quan văn võ trong ngoài họp bàn về quy chế đồng tiền ². Tờ chiếu viết :

"Tiền là mạch máu của sinh dân, không thể không có. Nước ta vốn có mỏ đồng, nhưng tiền đồng cũ đã bị nhà Hồ hủy bỏ, trăm phần chỉ còn được một. Đến nay, việc quân, việc nước thường hay bị thiếu. Muốn cho tiền được lưu thông sử dụng, để thuận lòng dân, há chẳng khó sao ? Mới rồi có người dâng thư trình bày, xin lấy tiền giấy ³ [68b] thay cho tiền thực ⁴. Trẫm sớm khuya nghĩ ngợi, chưa nghĩ ra cách gì. Vì rằng tiền giấy là thứ vô dụng, lại được lưu hành như vật hữu dụng trong dân, thực không phải là ý nghĩa yên dân, dùng của.

1. CMCB 15, 23 ghi rõ là mở khoa Minh kinh.

2. Quy chế đồng tiền, nguyên văn là "tiền pháp".

3. Nguyên văn là "sao".

4. Nguyên văn là "tiền".

Nhưng đời xưa đã có người cho rằng vàng, bạc, da, lụa, tiền thực, tiền giấy đều không thể cân ngang nhau được, thế thì thứ gì là hơn ? Truyền cho các đại thần trăm quan và những người hiểu việc đời ở trong, ở ngoài, đều nghị bàn quy chế đồng tiền cho thuận lòng dân, để không vì ưa thích riêng của một người mà bắt ép muôn nghìn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời. Nên phải bàn định sớm rồi tâu lên, trăm sẽ tự chọn lấy mà cho thi hành".

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, ra lệnh chỉ cho quân dân cả nước rằng : Những ngục quan, văn từ Tri châu, võ từ Thiên hộ trở xuống, đã chết từ trước và thổ quân cùng dân thường vào [69a] thành giặc, khi thành bị hạ thì ra hàng, cho đến quan lại cũ nhà Hồ bị giặc bắt đưa về phương Bắc, nay có vợ con ở các xã, lộ, huyện, nếu họ chưa được vào sổ hộ tịch, thì có thể miễn tiền chuộc mệnh. Người nào đã sung làm nô tỳ công hoặc đã ban cho các quan rồi, cùng những kẻ có tiếng xấu thì không thuộc lệ này.

Tháng 9, ngày 16, ra lệnh chỉ cho các đại thần trăm quan rằng :

"Từ nay về sau, nếu viên quan nào bàn một việc gì, đều phải lấy việc quân, việc dân làm điều cần kíp, không được đem tình lý riêng tư làm đầu. Bởi vì, trăm từng nghiệm thấy, trong các việc tiến cử, hoặc xử án, hay như việc công tư khác, rất nhiều khi người ta dung túng, che chở cho nhau, để biến hóa đổi thay, qua đó biết được người làm quan trong sạch thì ít mà nhờn bẩn thì nhiều. Nay trăm xét ra việc của bọn phạm nhân Mộng Vân, Lương Châm, mới biết rõ tình trạng thực, giả của các quan, cho nên ra mệnh lệnh này. Những kẻ làm tôi con phải hết lòng [69b] thờ vua, không được lấy tư hại công, khi chuyện xảy ra, hỏi sao kịp nữa ? Nay ban chiếu cho mọi người đều biết".

Ngày 27, ra lệnh chỉ rằng :

"Đại thần văn võ trăm quan các người hãy chăm việc nông tang, chỉnh đốn quân ngũ, sửa sang chiến khí, thuyền bè".

Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 1, hạ lệnh cho các đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên phải tiến cử hiền tài. Tờ chiếu viết :

"Trăm nghĩ, muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài phải do tiến cử. Cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên.

Thời đại thịnh trị xưa kia, người hiền ở triều rất đông đúc, người nọ nhường người kia. Cho nên ở dưới không sót tài, ở trên không bỏ việc, làm nên thịnh trị yên vui. Đến như bè tôi đời Hán, Đường, không ai là không tiến người hiền, nhường người giỏi, lời kéo dẫn dắt lẫn nhau, như Tiêu Hà tiến cử Tào

Tham, Ngụy Vô Tri [70a] tiến cử Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến cử Trương Cửu Linh, Tiêu Tung tiến cử Hàn Hưu. Dẫu tài năng phẩm hạnh của họ có hơn kém khác nhau, nhưng không ai không cử được người giỏi, xứng đáng với chức trách được trao.

Nay trăm gánh vác trách nhiệm nặng nề, sớm khuya kính cẩn lo sợ, như đứng bờ vực thẳm, chỉ vì chưa tìm kiếm được người hiền tài giúp đỡ trị nước. Vậy ra lệnh cho đại thần văn võ, công hầu đại phu từ tam phẩm trở lên, mỗi viên tiến cử lấy một người, ở trong triều hay ngoài thôn dã, đã làm quan hoặc chưa làm quan. Nếu người nào có tài năng, tri thức văn võ, có thể cai trị dân chúng, thì trăm sẽ tùy tài bổ dụng. Và lại, tiến cử được người hiền sẽ được thưởng mức cao nhất, lễ xưa vẫn thế. Nếu tiến cử được người có tài bậc trung, thì được tăng tước hai bậc. Nếu tiến cử được người tài đức đều ưu tú, vượt hẳn mọi người, thì nhất định được trọng thưởng.

Tuy vậy, nhân tài ở đời có nhiều là không ít, nên [70b] đường lối tìm người cũng không phải chỉ có một phương. Nếu có ai ôm ấp tài lược kinh bang tế thế nhưng vẫn phải chịu khuất ở hàng quan thấp, không có người tiến cử cho, cùng là những hào kiệt còn bị vùi dập ở bụi bờ, hay lẫn lộn trong quân ngũ, nếu không tự đề đạt thì trăm làm sao biết được? Từ nay về sau, các bậc quân tử, có ai muốn theo ta, đều cho tự tiến cử. Ngày xưa, Mao Toại tự tỏ tài mà theo Bình Nguyên¹, Nịnh Thích gõ sừng trâu mà cảm ngộ Hoàn Công², có bao giờ câu nệ tiểu tiết đâu? Khi chiếu này ban ra, các quan hãy đem hết lòng thành, lo việc tiến cử. Còn như kẻ sĩ hàn vi ở chốn hương thôn, cũng chớ cho thế là phải đem ngọc bán rao mà hổ thẹn, để trăm phải thở than vì thiếu nhân tài".

Ngày 13, nhà Minh sai bọn Lễ bộ thị lang Lý Kỳ, Hồng lô tự khanh Từ Vĩnh Đạt, Hành nhân ty hành nhân Trương Thông sang dụ bảo tìm kiếm [71a] con cháu họ Trần và trả lại số người và chiến khí của nhà Minh còn bị giữ lại. Lại cho bọn Hà Lật y phục, tiền nong, cho cùng đi với bọn Kỳ.

Ngày 18, ra lệnh chỉ cho các đại thần, Tổng quản, Hành khiển trở xuống rằng :

"Người xưa có câu : Vua không chọn tướng thì khác gì dâng nước mình cho giặc. Trăm luôn suy nghĩ điều đó, ngày đêm không quên, nên đem việc quân, việc nước quan trọng trao cho các ông. Thế mà các ông cứ điềm nhiên ngồi nhìn,

1. *Mao Toại* : người đời Chiến Quốc, gia khách của Bình Nguyên Quân, ngày thường cũng như mọi người, không lộ chút tài năng gì. Khi nước Triệu bị nước Tần đánh, Mao Toại tự tiến cử mình, xin cùng đi với Bình Nguyên Quân sang cứu nước Sở. Kết quả là nhờ có Mao Toại thuyết phục được vua Sở, nên lời giao ước "hợp tung" để chống quân Tần, được thực hiện.
2. *Nịnh Thích* : người nước Vệ, nhà nghèo phải đi đẩy xe thuê. Một hôm, thấy Tề Hoàn Công đi qua, Nịnh Thích gõ vào sừng trâu mà hát. Hoàn Công cho là lạ, đưa về cho làm thượng khách, sau có nhiều công lao, được phong tới Tướng quốc.

không để ý tới, trên phụ lòng tin dùng của triều đình, dưới chẳng đoái thương tới quân dân, sao lại trể biếng chức sự quá thế ? Nay ra chiếu này để răn bảo, nếu không biết sửa lỗi đổi mới, vẫn lại như thế nữa, thì nhà nước còn luật pháp đó, chớ bảo là trăm phụ bề tôi cũ có công đấy !".

Ngày 29, sứ nhà Minh là bọn Lý Kỳ về nước. Vua sai bọn đầu mục là Đào Công Soạn, Lê Đức Huy, Phạm Khắc [71b] Phục mang vàng bạc và sản vật địa phương sang nhà Minh cầu phong, đồng thời giải đáp về việc đòi trả người và khí giới, cùng việc tìm con cháu họ Trần.

Lời cầu phong đại ý là : Người nước chúng tôi đã tìm khắp nơi, nhưng con cháu họ Trần đều không thấy còn ai. Bọn thần nghĩ rằng người đại đầu mục nước chúng tôi là Lê Lợi, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết cách trị dân, rất được lòng người, có thể trông coi được đất nước. Vua Minh xem xong, bảo các thị thần :

"Những lời này chưa thể vội tin được, phải cho đòi nữa đã".

Rồi xuống chiếu cho Lê bộ ban áo vóc hoa cho bọn Công Soạn, rồi sai họ mang sắc về dụ vua và các đầu mục, bỏ lâu tìm hỏi con cháu họ Trần lần nữa, nếu quả thực không còn ai thì làm biểu liên danh tâu sang để xử trí. Lại ban tiền giấy cho bọn Công Soạn theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 11, vua ngự về Tây Đô bãi yết sơn lăng, thưởng cho các tướng hiệu và quân nhân theo hầu, [72a] mỗi người được thăng tước 1 bậc. Nếu là Thượng trí tự và Đại trí tự thì được thăng tước 1 tư. Người nào có con cháu được phong hầu thay mình và những người không có công lao thì không thuộc lệ này.

Tháng 12, ngày 19, ra lệnh chỉ cho các quan phủ, lộ, châu, huyện, xã rằng :

Xã nào có nhiều ruộng đất nhưng ít người, để bỏ hoang thì cho phép các quan nơi đó cho những người không có ruộng ở các xã khác đến cày cấy, người chủ ruộng xã đó không được chiếm giữ rồi bỏ hoang. Ai vi phạm sẽ bị xử theo tội cưỡng bức chiếm đoạt.

Ngày 27, ra lệnh chỉ cho hình quan rằng :

Những người phạm tội phải xử tội đồ lưu, thì hạng phải thích từ 30 chữ đến 20 chữ đầy vào châu Bố Chính, hạng phải thích từ 10 đến 6 chữ phải đầy vào Diễn Châu, hạng phải thích 4 chữ đến đồ làm khao đinh phải vào phường voi, tất cả đều giải đến cho quan Hành khiển ở đạo đó nhận lấy để giao tới chỗ bị lưu hoặc đồ.

Mở khoa thi tăng đạo [72b] để cấp giấy ¹.

1. Nguyên văn là "thiếp" cũng như giấy chứng thực ngày nay.

Canh Tuất, /*Thuận Thiên*/ năm thứ 3 /1430/, (Minh Tuyên Đức năm thứ 5). Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, quy định các ngạch thuế.

Lại ban luật lệ. Đổi Đông Đô thành Đông Kinh, Tây Đô thành Tây Kinh.

Mùa đông, tháng 11, vua đi đánh bọn nghịch tặc ở châu Thạch Lâm, trấn Thái Nguyên là Bé Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái. Bấy giờ, Khắc Thiệu và Đắc Thái tranh nhau tự lập, nên phải đi đánh. Vua đến châu Thạch Lâm, có đề thơ trước cửa động rằng :

Bắt từ vạn lý chính sư đồ,

Duy dục biên manh xích tử tô.

Thiên địa bất dung gian đảng tại,

Cổ kim thù xả bạn thân chu.

(Chẳng từ muôn dặm cát quân đi,

Mong cứu dân đen cõi biên thù.

Trời đất không dung phường gian ác,

Xưa nay tội phản phải tru di).

Tuyển chọn quân bộ ở Bồ Đề. Người nào tình nguyện trước được thưởng 1 tư.

Làm sổ hộ tịch..

Tân Hợi, /*Thuận Thiên*/ năm thứ 4 /1431/, (Minh Tuyên Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua sai bọn chánh sứ Lê Nhữ [73a] Lãm, phó sứ Lại bộ thượng thư Hà Lật và Lê Bình sang nhà Minh cầu phong, đồng thời trần tình và giải đáp về việc có dụ đòi trả chiến khí và tìm con cháu họ Trần.

Lời biểu đại ý là : Đã huy động rất nhiều người trong nước, tìm kiếm con cháu họ Trần ở khắp nơi, đích thực không còn một ai. Trộm nghĩ đất nước chúng tôi không thể không có người trông coi, nhưng vẫn chưa được lệnh của triều đình, vì thế cứ phải tỏ bày mãi mãi".

Vua Minh bằng lòng.

Ngày mồng 5, sai bọn chánh sứ là Hữu thị lang Chương Xưởng và Thông chính ty hữu thông chính Từ Kỳ mang ấn sắc sang phong vua làm Quyền thụ An Nam Quốc Sứ¹. Ban tiền giấy cho bọn Hà Lật và cho đi theo bọn Xưởng về nước.

1. Nghĩa là tạm coi công việc của nước An Nam.

(Xét sách *Hoàng Minh thông kỷ*, chép rằng vua Minh sai sứ sang phong vua làm An Nam Quốc Vương, từ đây triều cống không dứt).

Tháng 2, vua bắt được Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái đem về ¹. Tháng 3 về đến Kinh sư.

Quy định [73b] việc đặt các giám và các ty xá nhân ở trong kinh ngoài trấn theo lời xin của Ngô Văn Thông.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 1, sứ Minh là Chương Xưởng và Từ Kỳ tới kinh, mang ấn phong vua làm Quyền thư An Nam Quốc Sứ.

Ngày 20, bọn Xưởng, Kỳ về nước. Vua sai Thẩm hình viện phó sứ Nguyễn Văn Huyền và Ngự sử trung thừa Nguyễn Tông Chí đi theo bọn Xưởng sang nhà Minh tạ ơn và nộp 5 vạn lạng vàng tuế cống, xin theo lệ cống 3 năm 1 lần đời Hồng Vũ ². Từ đó về sau tiến cống thường xuyên không dứt. Vua Minh ban tiền giấy cho bọn Văn Huyền và cho trở về.

Tháng 12, ngày mồng 6, vua sai làm sách *Lam Sơn thực lục*, vua tự làm bài tựa, ký là Lam Sơn động chủ ³.

Nhâm Tý, *[Thuận Thiên]* năm thứ 5 *[1432]*, (Minh Tuyên Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, sai thân vương Tư Tề đem quân đi đánh [74a] châu Mường Lẻ ⁴.

Tù trưởng châu là Đèo Cát Hân và con là Đèo Mạnh Vương ra hàng. Cho ở Đông Kinh, lập Hân làm Tư mã, rồi năm sau giết chết.

Mùa đông, tháng 11, vua thân đi đánh châu Phục Lễ ⁵.

Vua lại đi đánh Ai Lao.

Quý Sửu, *[Thuận Thiên]* năm thứ 6 *[1433]*, (Minh Tuyên Đức năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, tuyển chọn con trai các quan và (học trò) ba lộ Quốc Oai, hai lộ Bắc Giang sung vào Quốc tử giám.

Vua thân đi đánh châu Phục Lễ, đem quân về ⁶.

1. Theo CMCB15, 28a, thì chỉ bắt được Nông Đắc Thái, còn Bế Khắc Thiệu bỏ chạy rồi chết.
2. CMCB 15, 29a dẫn *Hội điển* của nhà Minh nói rằng : lệ cống gồm có các đồ dùng bằng vàng bạc, sừng tê, ngà voi, lục bạch, hương xông, giáng hương, trầm hương, tốc hương, mộc hương, hương vòng đen và quạt giấy.
3. Cuối năm này còn có việc giết Thái úy Phạm Văn Xảo, một khai quốc công thần rất có uy vọng.
4. *Châu Mường Lẻ* : trước là châu Ninh Viễn, sau đổi là châu Phục Lễ, là vùng đất tỉnh Lai Châu ngày nay.
5. *Châu Phục Lễ* : xem chú thích trên.
6. Về việc đánh châu Phục Lễ, *Cương mục* chép vào tháng 12 năm Tân Hợi (1431) và tháng giêng năm Nhâm Tý (1432), tháng 3 rút quân về, tháng 11, Đèo Cát Hân xin hàng (CBCM 15, 30). *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn cũng chép như vậy. Điều đó phù hợp với bài thơ của Lê Lợi khắc ở Pú Huội vào mùa đông năm Tân Hợi (1431) và bài thơ lúc trở về khắc ở Thác Bờ vào tháng 3 năm Nhâm Tý (1432).

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 8, sai bồi thần là Trần Thuần Du, Nguyễn Khả Chi, Bùi Cầm Hổ sang nhà Minh tiến cống : vua Minh 3 phần, hoàng thái hậu và hoàng thái tử đều 1 phần, đồng thời giải thích việc cống vàng hàng năm.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa thu, tháng 8, giáng con trưởng Tư Tề làm Quận vương, lấy con thứ Nguyên Long kế thừa [74b] tông thống.

Vua về Lam Kinh.

Tháng 8 nhuận, sao Chổi mọc ở phương tây.

Ngày 22, vua băng ở chính tẩm.

Buổi đầu, vua kinh dinh bốn phương, phía bắc đánh giặc Minh, phía tây đuổi Ai Lao, tránh chỗ thực, đánh chỗ hư, đến đâu được đấy, chỉ có võ thần là bọn Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Văn, Lê Ngân, Lê Lý 30 người, văn thần là bọn Lê Linh, Lê Quốc Hưng ; quân cha con thì có 200 quân Thiết đột, 200 nghĩa sĩ, 300 dũng sĩ, 4 thớt voi ; còn quân khinh dũng và quân già yếu hộ vệ chỉ có 1 nghìn người mà thôi¹.

Vua có lần sau muôn việc được thư thả, cùng bày tôi bàn về lễ còn mất, được thua xưa nay, nhân bàn đến việc giặc Minh sở dĩ thua, ta sở dĩ được, là vì sao, các bề tôi đều nói : "Vì giặc Minh hình phạt bừa bãi, chính lệnh bạo ngược, mất lòng dân đã lâu, còn vua thì trái lại, [75a] lấy nhân nghĩa thay bạo tàn, đổi họa loạn thành yên trị, nên mới thành công chóng thế". Vua nói :

"Lời các khanh nói cố nhiên là như vậy, nhưng cũng chưa hết. Trẫm xưa kia gặp buổi loạn lạc, nương mình ở Lam Sơn, vốn chỉ mong giữ được mạng mình thôi, chứ không có ý muốn lấy thiên hạ. Đến khi giặc tàn ngược quá quắt, dân không sống nổi, những ai có tri thức đều bị chúng giết hại, trẫm tuy đem hết của cải để thờ phụng chúng, mong khỏi tai họa, nhưng tìm đến chúng muốn hại trẫm vẫn không bớt chút nào. Việc dấy nghĩa binh thực là bất đắc dĩ thôi".

Lời bàn : Thái Tổ từ khi lên ngôi đến nay², thi hành chính sự, thực rất khả quan, như ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập [75b] phủ huyện, thu thập sách vở, mở mang trường học... cũng có thể gọi là có mưu kế xa rộng, mở mang cơ nghiệp. Song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

1. Theo *Lam Sơn thực lục*, lực lượng ban đầu có 35 quan võ, một số quan văn, 200 thiết kỵ, 200 nghĩa sĩ, 14 thớt voi và số người tham gia, tất cả độ 2.000 người.
2. Tức là đến khi Lê Lợi mất.

Lại bàn : Vua nối cơ nghiệp của ông cha, gặp buổi đại loạn mà chí càng bền, nấu mình chốn núi rừng, làm nghề cày cấy. Do lòng căm thù quân giặc bạo tàn, càng lưu tâm vào các sách thao lược, đem hết của nhà hậu đãi tân khách. Đến năm Mậu Tuất [1418], nhóm nổi nghĩa binh, kinh dinh thiên hạ, trước sau trải mấy chục trận, đều là đặt quân phục, dùng binh kỳ, tránh chỗ chắc, đánh chỗ mềm, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. Đến khi quân Minh đầu hàng thì răn cấm quân lính không được mảy may xâm phạm. Từ đấy, hai nước hòa hiếu, bắc nam vô sự. Muồng Lễ, Ai Lao đều sáp nhập bản đồ, Chiêm Thành, Chà Bàn vượt biển sửa lễ cống. Vua mặc áo sớ, ăn cơm trưa, [76a] trải 10 năm mà thiện hạ đại trị.

Sử thần bàn : Vua đầy nghĩa binh, chưa từng giết bừa một người nào. Chỉ biết lấy mềm chống cứng, lấy yếu địch mạnh, lấy ít thắng nhiều, không đánh mà khuất phục được người, cho nên có thể đổi vận bĩ sang vận thái, chuyển thế nguy thành thế yên, đổi cuộc loạn thành cuộc trị. Câu "Người có nhân, thiên hạ không ai địch nổi" chính hợp với vua. Cho nên, vua lấy được thiện hạ, truyền cơ nghiệp đến muôn đời là phải lắm.

Mùa thu, tháng 9, ngày mùng 8, thái tử Nguyên Long lên ngôi Hoàng đế. Đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm sau làm năm Thiệu Bình thứ 1. Bấy giờ vua mới 11 tuổi.

Mùa đông, tháng 11, Nguyễn Trãi vâng lệnh soạn văn bia ¹, Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phỉ vâng lệnh viết chữ.

[76b] Ngày 22, rước [vua] về táng ở Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ, dâng tôn hiệu là Thống Thiên Khải Vận Thánh Đức Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Khoan Minh Dũng Trí Hoàng Nghĩa Chí Minh Đại Hiếu Cao Hoàng Đế.

Tháng 12, ngày mùng 2, sai bọn bồi thần Lê Vỹ, Trình Chân sang nhà Minh báo tang.

Ngày 19, nhà Minh sai chánh sứ là Binh bộ thị lang Từ Kỳ, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Quách Tế sang đòi số vàng cống hằng năm.

Trước đó, nhà Minh mấy lần sai sứ sang đòi nhiều số vàng cống hằng năm. Cao Hoàng Đế xin theo như lệ cống ba năm một lần đòi Hồng Vũ. Vua Minh khẳng khẳng không chịu. Đến đây lại sai bọn Kỳ, Tế sang.

Các quan theo hầu về Tây Kinh, dựng điện Lam Sơn ².

1. Tức là bài *Văn bia Vĩnh Lăng*, nói về sự nghiệp khởi nghĩa đuổi giặc Minh, giành lại độc lập của Lê Lợi. Bài văn này, Nguyễn Trãi soạn vào tháng 10 năm Quý Sửu (1438), đặt ở Vĩnh Lăng, nơi chôn Lê Lợi.
2. *Cương mục*, dẫn *Hoàng Việt dư địa chí*, nói rằng điện này ở xã Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (CMCB 15, 33a).

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ THỰC LỤC

QUYỂN XI

[1a]

TRIỆU LIỆT ĐẠI PHU QUỐC TỬ GIÁM TỬ NGHIỆP KIÊM SỬ QUAN
TU SOẠN THẦN NGÔ SĨ LIÊN BIÊN SOẠN

KỶ NHÀ LÊ

THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Nguyên Long, con thứ của Thái Tổ, ở ngôi 9 năm, băng khi đi tuần về miền Đông, thọ 20 tuổi, táng ở Hựu Lăng. Vua thiên tư sáng suốt, nói vận thái bình; bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch. Trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn hiền sĩ; xử tù, xét án phần nhiều tha thứ khoan hồng. Cũng là bậc vua tài giỏi biết nói giữ cơ đồ. Song đam mê tửu sắc, đến nỗi tình linh băng ở bên ngoài cũng là tự mình chuốc lấy tai họa.

Mẹ vua là Cung Từ hoàng thái hậu Phạm thị, tên húy là Trần, người hương Quần Lai, huyện Lôi Dương, xứ Thanh Hóa. Vào năm Thái Tổ khởi nghĩa thứ 6, Quý Mão [1423], mùa đông, tháng 11, ngày 20, sinh ra vua. Năm Thuận Thiên thứ 1 [1423], tháng 3, phong làm Lương quận công. Năm [Thuận Thiên] thứ 2, [1b] tháng giêng, ngày mồng 6, được lập làm Hoàng thái tử. Năm thứ 6 [1433], tháng 9, ngày mồng 8, lên ngôi, lấy năm sau làm năm Thiệu Bình thứ 1. Đại xá thiên hạ, lấy ngày sinh làm Kế Thiên thánh tiết, sau đổi làm Vạn thọ Thánh tiết, lấy tên hiệu là Quế Lâm động chủ. Bấy giờ, vua mới 11 tuổi, nhưng không phải nhờ mẫu hậu buông rèm coi việc nước, mà mọi việc thiên hạ đều tự mình quyết định cả.

Giáp Dần, Thiệu Bình năm thứ 1 [1434], (Minh Tuyên Đức năm thứ 9), Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua dẫn các quan đến bái yết Thái miếu, lại dẫn các quan cùng với sứ thần phương Bắc tới khách quán bái vọng cửa khuyết.

Ngày mồng 4, sai Môn hạ ty hữu thị lang Nguyễn Phú (sau đổi là Nguyễn Truyền), Hữu hình viện lang trung Phạm Thị Trung cùng đi với sứ Bắc là bọn Từ Kỳ, Quách

Tế sang nhà Minh. Trước đó, nhà Minh sai bọn Từ Kỳ đem sắc thư sang hỏi về những người còn bị ta giam giữ và số vàng phải đem cống, cho nên vua sai bọn Phú sang để [2a] trả lời.

Ngày mồng 6, sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Tông Trụ, Trung thư hoàng môn thị lang Thái Quân Thực, kỳ lão Đái Lương Bật mang tờ biểu và lễ vật địa phương sang nhà Minh cầu phong.

Ra lệnh chỉ cho văn võ đại thần và các quan lớn nhỏ trong ngoài, đại ý là :

“Đạo làm tôi cốt yếu có hai điều. Trên thì yêu vua, dưới thì yêu dân. Yêu vua phải hết lòng trung, yêu dân phải hết lòng thành, thế thôi. Tất cả các quan được trăm tin dùng, nếu có ai không hết lòng trung thành, bỏ bê phận sự, thì nhà nước đã có luật pháp. Mới rồi, tìm người hiền để giúp việc trị nước, đã có lệnh cho mọi người tiến cử người mình biết. Nay đã lâu rồi mà chưa có ai theo lệnh tiến cử một người nào để đáp lại lòng trăm là cứ làm sao ?”

Ngày mồng 7, người Lão ở Bình Nguyên¹, trấn Tuyên Quang đến cống. Sai Đô đốc Lê Văn truyền lệnh dụ bảo, cho trở về [2b] nghiệp cũ.

Ngày mồng 9, ra lệnh chỉ cho các quân ngự tiền và các vệ quân năm đạo chuẩn bị lương ăn trong 2 tháng, hạn đến ngày 20 tháng này phải tới địa phận Đông Kinh để điểm danh và luyện tập võ nghệ. Còn quân trấn giữ ở các trấn Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa thì tới địa phận phủ, trấn mình để điểm duyệt. Ai vi phạm sẽ bị trị tội.

Ngày 12, ra lệnh chỉ cho các quan văn võ rằng : Các quan từ lục phẩm trở lên coi việc quân dân và các quan phụ đạo, thủ lĩnh ở các phiên trấn mà có con đích, cháu đích thuộc cùng một hộ tịch hay khác hộ tịch đều được miễn thuế và sai dịch. Nếu là đắp đê quai vạc, làm đường và các việc điều động khẩn cấp, thì không được miễn. Các con đích, cháu đích đều cho ghi tên vào học ở Quốc tử giám để đợi tuyển dụng.

Ra lệnh chỉ cho kinh thành và các phủ, lộ, huyện, châu, xã, sách, thôn, trang rằng : Từ nay về sau, tiền đồng sụt mẻ nhưng còn xâu dây được [3a] thì phải lưu thông tiêu dùng, không được chê bỏ, nếu đã mẻ gãy không xâu dây được nữa thì thôi không tiêu. Người nào trái lệnh, từ chối không nhận, hay kén chọn tiền lành, thì phải tội như nhau.

Từ buổi đầu dựng nước đến nay, đã nhiều lần ra chiếu chỉ cấm dân chê bỏ tiền, nhưng bọn coi kho khi nhận tiền lại hay kén chọn tiền tốt, ở trong dân cấm cũng không được, cho nên lại có lệnh này.

1. *Bình Nguyên* : tên châu đời Lý - Trần về sau, thời Lê, đổi thành châu Vị Xuyên, là đất các huyện Vị Xuyên, Hoàng Su Phì, Bắc Quang, tỉnh Hà Tuyên ngày nay.

Ngày 13, bỏ các quan viên lớn nhỏ trong ngoài là bọn Lê Trãi 156 người. Những người tội nhẹ xử đi đày nhưng được ân xá là bọn Phan Quý Khanh cũng được dự trong số đó.

Ngày 15, vua bái yết Thái miếu, sau đó sai quan văn làm lễ.

Vua ra trường đấu xem bọn đại thần Lê Sát và các quan văn võ trong ngoài tế cáo trời, đất, thần kỳ danh sơn¹, đại xuyên², giết ngựa trắng lấy máu cùng thề. Đồng thời sai các quan đi tế thần kỳ các xứ trong nước.

Ra lệnh chỉ cho các quan lộ, huyện trong nước [3b] phải lập ngay danh sách người dự thi của lộ mình, hẹn tới ngày 25 tháng này phải tới bản đạo tập hợp điểm danh, đến ngày mùng 1 tháng 2 thì thi. Người nào đỗ thì được miễn lao dịch, bỏ vào Quốc tử giám. Những học trò ở nhà học của các lộ, đến 25 tuổi trở lên mà thi không đỗ thì đuổi về làm dân.

Lấy bọn Thính hậu văn đội Đỗ Thuận 5 người làm Giáo thụ Quốc tử giám.

Ngày 28, ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan rằng :

Từ nay về sau không ai được lui tới chỗ ở của Quận Vương³. Quận vương nếu không có người đến gọi thì không được vào chầu. Kẻ nào lên lút dẫn vào, hoặc người coi cửa cho vào, cùng các quan nào lên lút đến nhà Quận Vương đều bị trị tội nặng. Bấy giờ có ba đứa hầu chạy tới tâu với Quận Vương, nói nhiều điều can bậy, sai trái, cho nên có lệnh này.

Lấy bọn Ngự tiền học sinh Trình Thanh và Nguyễn Thiên Tích [4a] làm Ngự tiền học sinh cục trưởng, Chu Tam Tỉnh và Trần Phong làm cục phó, Bùi Thị Hanh làm Thái sử thừa.

Tháng 2, ngày mùng 3, quản lĩnh trấn Lạng Sơn là Hoàng Nguyên Ý mưu phản. Sai Bắc đạo tư mã Lê Văn An đi đánh dẹp.

Ngày mùng 4, thi học sinh trong cả nước. Lấy đỗ hơn 1.000 người, chia làm ba bậc. Bậc nhất và bậc nhì thì đưa về Quốc tử giám, bậc ba thì cho về học tại nhà học các lộ, đều cho miễn lao dịch.

Ngày mùng 8, lấy Ngự tiền võ đội là bọn Mạc Thôn 47 người làm Trấn phủ các lộ. Thời Tiên đế⁴, tướng hiệu các đội phạm tội bị giáng làm võ đội, đến đây lại được bỏ dùng.

Lấy Lê Khuyển làm Nhập nội thiếu úy, Tham tri Hải tây đạo chư vệ quân sự thái giám như cũ ; Lê Khiêm làm đô [4b] áp nha tri tả ban sự.

Bãi chức Nam đạo Hành khiển của Lê Khắc Phục, cho làm Phán đại tông chính.

1. *Danh sơn* : núi non danh tiếng.

2. *Đại xuyên* : sông lớn.

3. *Tức Từ Tề*, con trưởng của Lê Lợi, đã bị truất làm Quận Vương.

4. *Tiên đế* : chỉ Lê Lợi.

Bấy giờ, Lê Sát đã giết Lê Nhân Chú, nhờ Khắc Phục oán mình, tâu xin đoạt lại quyền hành của Phục, cho coi việc hình ngục. Khắc Phục là em cùng mẹ với Nhân Chú.

Lấy Lê Quốc Trinh làm Nam đạo Hành khiển tri quân dân bạ tịch chính sự, từ tụng như cũ. Lấy Lê Thừa làm Thiết đột trung quân hành quân tổng lĩnh ; Lê Ê làm Điện tiền đô kiểm điểm đồng thái giám nội giám ngoại chư dịch ; Lê Thê làm Chỉ huy sứ.

Sai Đại tư đồ Lê Sát, Tư khấu Lê Ngân, Tư mã Lê Liệt, Lê Bôi tuyển dinh tráng các đạo làm lính. Ra lệnh rằng :

Những con trai của các hạng quân, dân đều chọn cả. Còn con trai của các quan văn võ từ lục phẩm trở lên có coi việc quân, dân và học trò Quốc tử giám, các sắc dịch, các hạng [5a] nô công và tư, do nhà nước cho phép, đã thích chữ đều được miễn. Nếu là quân ngũ tiền, võ đội, thiết đột mà có 1, 2, 3, con trai thì được miễn 1 người ; quân, dân có từ 3 con trai trở lên, cũng chỉ miễn 1 người, còn lại đều tuyển chọn cả. Đại tư đồ Lê Sát cho là Trình Hoành Bá trước đây bị tội, nhưng có tài đáng tiếc, sai Thiếu bảo Lê Quốc Hưng biên vào sổ các quan cũ được hưởng ân xá, khi có chiếu chỉ, sắc lệnh cho được chực hầu cùng với Hành khiển của bản đạo, có ý định dùng lại.

Ngôn quan¹ Nguyễn Thiên Tích và Bùi Cầm Hổ tâu rằng :

“Tiên đế đã có lệnh là bọn Lê Quốc Khí, Trình Hoành Bá, Lê Đức Dư tuy có tài, nhưng không được dùng lại nữa. Bề tôi có kẻ nào mưu việc phản nghịch cần phải tố cáo cũng không cho chúng được cáo giác. Nếu dùng lại thì trái với lệnh của Tiên đế. Vả lại, những kẻ như bọn Hoành Bá thì còn ai dùng nữa ?”

Rút cục, xóa bỏ tên hấn, sai bỏ vào quân ngũ. Sau lại sợ Hoành Bá ở [5b] trong quân, nhất định sẽ gây chuyện có hại, bấy giờ mới thích chữ vào trán đuổi về làm dân.

Trước kia, Thái Tổ khi về già có nhiều bệnh, lại thêm Quận Vương [Tur Tề] ngông cuồng, bậy bạ, vua thì còn trẻ thơ, mà Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo đều có công lao giúp nước, rất được người đương thời trọng vọng. Nguyên Hãn lại là con cháu nhà Trần và Văn Xảo cũng là người kinh lộ, lo rằng sau này họ có chí khác, nên bên ngoài thì đối xử theo lễ tiết hậu, nhưng trong lòng lại rất ngờ vực hai người.

Bọn Đinh Bạng Bản, Lê Quốc Khí, Trình Hoành Bá, Nguyễn Tông Chí, Lê Đức Dư đón biết ý vua, dâng sớ mật, khuyên Thái Tổ quyết ý giết đi. Nếu có ai không vui, bọn Quốc Khí liền chỉ vào họ mà bảo họ là bè đảng của hai nhà ấy, nên rất nhiều người bị xử tử và đi đày. Các quan đều sợ miệng bọn chúng không dám nói gì. Nhưng Thái Tổ biết rất rõ bọn Quốc Khí đều là loại tiểu nhân xảo quyết, trong

1. *Ngôn quan* : hay gián quan, là các quan giữ chức trách can gián khuyên ngăn vua.

bụng vẫn ghét chúng. Sau này bọn chúng đều có tội, lần lượt bị đuổi đi, song lại lo chúng [6a] được dùng lại cho nên nói thế để ngăn ngừa.

Cho viên phụ đạo đóng ở Mường Việt¹ là Cầm Công được đội mũ thất đai vào châu.

Ngày 14, người mẹ của Đèo Mạnh Vượng (là vợ của Đèo Cát Hãn) châu Mường Lễ về hàng.

Sau khi Đèo Cát Hãn chết, con là Mạnh Vượng đem mẹ về ở đất cũ. Người mẹ một mình về hàng trước. Vua hỏi Mạnh Vượng sao không tự đến. Trả lời : Vượng vì em là Đạo Thu dẫn bọn Mường Lự² đến đánh nên không thể bỏ đi xa, thiếp già nay xin về vâng mệnh triều đình trước. Vua sai người dụ bảo bà ta bảo cho Mạnh Vượng vào châu.

Ngày 15, ra lệnh chỉ cho các quan viên văn võ rằng :

“Những người mà các người tiến cử, những lời mà các người tâu lên, chẳng lẽ ta không biết hay sao ? Song những lời của các người chẳng có mưu hay kế lạ gì có thể dùng được, những kẻ được tiến cử đều là bọn tầm thường dung tục. Các người nếu có lòng vì nước, lại càng phải để ý xét hỏi rộng khắp, xem [6b] có ai còn ẩn dật chốn núi rừng, hay nương náu nơi thôn dã, chưa được triều đình xét dùng tới, hãy tiến cử lấy một vài người giúp trăm lo việc trị nước, như thế thì mới có thể là tận trung với nước, sẽ được thưởng vượt bậc”.

Ngày 22, Tư mã Lê Văn An đánh giặc trở về.

Trước kia, bọn Hoàng Nguyên Ý, Hoàng Văn Ngạc, Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Công Đình ở trấn Lạng Sơn đều là các phụ đạo của trấn đó, vì có công theo về triều đình, đều được làm quản lĩnh, vẫn được ở đất cũ của mình. Bọn Tuyên úy Lê Đồ, Lê Lộng không biết võ về, chế ngự nên bọn Nguyên Ý đều mang lòng oán hận. Quận vương có người vợ lẽ, vì có lỗi phải đuổi đi. Nguyên Ý về châu trông thấy rất thích, ngầm đem theo về, đến nổi lộ việc. Lại có tên gia nô của Ý là Phi Báo, vì bị Ý đánh, chạy đến chỗ bọn Đồ và Lộng, vu cáo là Nguyên Ý đã dấy binh. Vua liền sai Văn An đem quân Ngự tiền, Thiết đột và quân ở Bắc [7a] đạo đi đánh. Khi đến nơi thì Văn Ngạc đã bị trấn binh giết chết, bọn Ý đều bỏ cả vợ con chạy trốn sang đất Minh. Văn An liền chia quân lùng bắt thân thích, nô tì, tài sản, gia súc của bốn tên đó cùng vợ con của trấn quân được tới hơn nghìn người đem về dâng nộp. Vua thả hết dân thường, đem gia thuộc của bốn tên đó ban cấp cho các quan.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, vua sai các quan rước Phật chùa Pháp Vân³ ở Cát Châu về Đông Kinh để cầu mưa.

1. *Mường Việt* : tức là Việt Châu, nay là huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

2. *Mường Lự* : tức là động Bình Lự nay thuộc tỉnh Lào Cai.

3. *Chùa Pháp Vân* : theo CMCB3 chùa này ở thôn Văn Giáp, huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Bấy giờ, trời đã lâu không mưa, mà chỉ rước Phật đọc chú để cầu đảo. Nguyễn Thiên Hựu dâng sớ tâu rằng :

“Bệ hạ sửa đức, tha tù oan, thả bớt cung nữ mà trời không mưa thì xin chém đầu thần để tạ trời đất”.

Đại tư đồ Lê Sát ghét Hựu nói thẳng, sớ chưa được trả lời, thì gặp trận mưa nhỏ, bèn gọi Thiên Hựu mà hỏi rằng :

“Đêm hôm qua chẳng mưa nhỏ rồi là gì ?”

[7b] Lại đúng lúc có tờ tâu của các lộ Thanh Hóa, Tuyên Quang báo tin mưa gửi đến, Sát đem cả cho Thiên Hựu xem, Thiên Hựu không nói lại được câu nào.

Đầy giám sinh Nguyễn Đức Minh ra châu xa.

Đức Minh dời nhà đến ở Quốc tử giám, có thư nặc danh dán trên vách miếu thần bên cạnh đường, trong đó có câu : “Đại tư đồ Sát và Đô đốc Vần cùng mưu giết ông Sĩ (tức là Nhân Chú) phán đại lý”. Đức Minh gọi người đến xem, rồi bóc lấy xé nát ném xuống nước. Sát ngờ thư ấy do Đức Minh làm, sai bắt về tra khảo, nhưng Đức Minh không nhận, định đem chém, nhưng hình quan cho là tội còn ngờ, nên được giảm tội chết, bắt đi đầy và tịch thu gia tài.

Phủ Nghệ An dâng thuyền ngự, đến trường Đại Thông, đang đêm bị sét đánh cháy.

Lại lấy Lê Khả làm Vinh lộc đại phu Lạng Sơn trấn tuyên úy đại sứ tri quân dân sự ; lấy Lê Nhữ Tổ làm Chính sự viện đồng tham [8a] nghị tước Minh tự.

Thả vài chục tên tù tội nhẹ vì hạn hán đã lâu.

Ngày 19, dân Mường Ba Long, phủ Thanh Hóa làm phản theo về nước Ai Lao. Tuần sát Lê Thống đi đánh, chém giết bọn đình tráng, bắt sống hơn 30 người đàn ông, đàn bà.

Xử chém ngay tội tù.

Trước đây, người của quân Uy viễn là Nguyễn Bẩm và của trung quân Thiết đột là Trịnh Thọ Lộc chuyên nghề dụ trộm những nô tỳ nhà nước ban cho các quan. Từ mã Lê Liệt bắt được tâu lên. Vì bấy giờ các nô tỳ công và tư bỏ trốn nhiều, Đại tư đồ Lê Sát giận lắm, sai hình quan tra ngay ở sân điện, xét xong, lôi ra chém ngay.

Chiêm Thành cướp bắt người châu Hóa.

Chúa Chiêm Thành là Bồ Đề nghe tin Thái Tổ băng, thấy vua mới lên ngôi, ngờ là nước ta có biến loạn, bèn tự mình cầm quân ra đóng sát biên giới, chực mưu vào cướp. Nhưng vì chưa rõ thực hư, không dò hỏi vào đâu được, mới sai thuyền [8b] đi ngầm vào Cửa Việt¹ cướp bắt mấy người rồi đi. Dân địa phương đánh lại, bắt được 2 người đem nộp.

Ngày 22, đặt đàn chay ở điện Cần Chính, vì hạn hán hại lúa, sét đánh cháy thuyền.

1. *Cửa Việt* : nay là Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 25, thăng chức cho các tướng hiệu các vệ quân năm đạo, từ vệ đồng tri, quản lĩnh, dưới đến đội trưởng là 851 viên, những người ở trong được thăng và ở các quân ngũ tiền được chọn bổ là 596 viên ; 255 người có tội nhẹ được ân xá và sử dụng. Quan nội mật gọi tên cấp sắc suốt từ sáng đến trưa vẫn chưa hết. Những người ở trong mà chưa được thăng thì được thưởng mỗi người 1 tư.

Tháng 5, ngày Đinh Sửu, mồng 1, nghỉ châu.

Trước đó, Thái sử Bùi Thì Hanh bí mật tâu rằng, ngày mồng 1, tháng 5 [9a], có tinh vượn đen ăn mặt trời, hôm ấy sẽ có nhật thực. Có nhật thực thì trong nước có tai biến. Nếu bắt được vượn sống đem giết để trấn yểm thì có thể chấm dứt được tai biến. Đại tư đồ Lê Sát tin là thực, tâu xin ra lệnh cho quan lại các trấn Tuyên Quang, Thái Nguyên đốc thúc dân chúng bủa lưới săn lùng khắp rừng núi khe hang, bắt vượn khi đóng cũi gửi về nườm nượp không ngớt. Đến ngày ấy nghỉ châu, làm phép trấn yểm trong cung cấm, các quan không một ai được biết. Thì Hanh chỉ tâu cho Lễ bộ thị lang Trình Toàn Dương, trước là đạo sĩ, cùng làm phép với mình. Hai người đều được thưởng rất hậu.

Ngày mồng 5, ra lệnh chỉ cho các phủ, lộ, trấn, huyện, xã, sách, trang rằng : Các loại thuế dân đinh, đầm hồ năm nay thì theo lệ năm Quý Sửu [1433], còn thuế bãi dâu thì theo lệ mới quy định.

Ngày 11, kinh thành bị cháy, lửa lan ra thiêu mất hơn vài trăm nhà, nhiều người chết cháy.

Ngày 12, sai quân năm đạo diễn võ ở trường đấu, dẫn [9b] bọn tù Chiêm Thành tới xem rồi cho về.

Sai Nhập nội tư mã Lê Liệt, tổng đốc các quân Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa, đi tuần tra các nơi thuộc Tân Bình, Thuận Hóa, nếu gặp giặc cỏ Chiêm Thành vào cướp biên giới, mà có viên chỉ huy hay tên lính nào vi phạm quân lệnh hay sợ hãi rút lui thì cho phép chém trước tâu sau. Lại sai Nhập nội thiếu úy Lê Khôi và Hành khiển tổng quản Lê Truất cùng đốc suất các quân ở Tân Bình và Thuận Hóa đi theo.

Ngày 16, sai bọn Tuyên phủ sứ Nguyễn Tông Trụ ; Trung thư hoàng môn thị lang Thái Quân Thực ; kỳ lão Đái Lương Bật mang tờ biểu và phương vật sang cầu phong nhà Minh.

Hành khiển Nguyễn Trãi soạn xong tờ tâu, bọn Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và Học sĩ Lê Cảnh Xước muốn đổi lại mấy chữ. Nguyễn Trãi giận nói :

“Bọn các người là hạng bề tôi vợ vét, nạn hạn hán này [10a] là do các người gây nên cả”.

Thúc Huệ tố cáo với Đại tư đồ Sát và Đô đốc Ván. Sát và Ván tức lắm, trách Trãi rằng :

“Làm nên nổi có thiên tai không phải là do lỗi của bọn ấy, lỗi ở vua và tể tướng thôi, sao ông trách nhau quá như thế?”.

Trãi từ tạ nói :

“Thúc Huệ chỉ vì chút tài vét thuế mà chiếm chỗ then chốt của thiên hạ, mỗi khi có sổ sách tâu vào đều muốn vợ của dân về cho quan, để mong hợp ý vua, cho nên tôi nhân việc này mà nói ra thôi, không dám chê bàn gì đến vua và tể tướng cả”.

Sát vẫn chưa nguôi giận. Nhưng bản tâu vẫn theo như của Trãi, không thay đổi.

Ngày 18, ra lệnh chỉ cho các đội tuần kiểm coi giữ cửa ải ở các lộ, trấn, huyện phải tuần tra, canh giữ nghiêm ngặt lòng bắt trộm cướp.

Ngày 24, giờ Thìn, có khí xanh đỏ như hình cầu vòng nhưng ngắn hơn, xuất hiện ở phương đông bắc.

Trời có sương nhẹ.

Chém người thợ của cục Tả ban Tất tác [10b] là Cao Sư Đãng.

Bấy giờ, điều động thợ ở các cục tất tác làm chùa Báo Thiên. Công việc thỗ mộc rất nặng nề, Sư Đãng phải làm lưng vất vả, nói vụng rằng :

“Thiên tử không có đức, để đến nỗi hạn hán. Đại thần ăn của đút, cử dùng kẻ vô công, có gì là thiện đâu mà phải làm chùa to thế”. Bị người cáo giác.

Đại tư đồ Lê Sát giận lắm. Quan thẩm hình Nguyễn Đình Lịch nói :

“Nó dám nói càn đến việc nước, nên chém”.

Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ đều xin tha tội chết, vua sắp nghe theo, thì Sát nói :

“Trước đã nghe lời bọn Thiên Hựu không giết Nguyễn Đức Minh, để rồi nó bỏ thư nặc danh vu cho nhau, nay lại định tha thằng này thì làm thế nào cho dũa khác hẳn sợ?”.

Bọn Thiên Hựu không dám nói nữa. Bèn chém Sư Đãng. Ngay hôm ấy vừa gặp có mưa nhỏ. Hôm sau, Sát nói trong triều rằng :

“Nếu nghe lời ngôn quan, làm gì có trận mưa ấy?”.

Lê Ngân nói : “Giết nhiều kẻ ác thì được mưa nhiều, chỉ có điều [11a] xương người chất đầy đường khó đi thôi”.

Ngày 28, Nguyễn Khải ở châu Mông Ân, trấn Tuyên Quang sai con về hàng. Sai đại thần dụ bảo rồi cho về¹.

Tháng 6, hai người đầu mục quân tượng² của Chiêm Thành là Lâu và Cai đến hàng.

1. Nguyễn văn “khiển chi”, chúng tôi ngờ chữ “khiển” vốn là chữ “hoàn” khác lầm.

2. Tức là người đầu mục trông giữ voi.

Ngày mồng 8, Mừng Bồn¹ nước Ai Lao sai người sang cống lễ vật, ban cho hai chiếc áo dệt kim tuyến và năm tấm lụa.

Ngày mồng 10, có mù dày trời.

Ngày 12, Đào Lộc về hàng.

Lộc là con của Đào Quý Dung. Trước kia, khi Thái Tổ dẹp giặc Ngô, viên phụ đạo trấn Quy Hóa là Đồng tri phủ ngự Quý Dung không phục, đem gia thuộc trốn sang Vân Nam. Đến đây, Quý Dung chết, con hẩn về hàng.

Nước biển lên mạnh.

Ngày 14, mưa, các quan bái tạ.

Ngày 17, lấy Thảm hình Nguyễn Đình Lịch làm An phủ sứ hạ bạn Thái Nguyên, vẫn giữ chức Thảm hình phó sứ [11b] như cũ.

Ngày 20, Đồng tri bạ tịch Bắc đạo Bùi Ư Đài thấy trời sinh nhiều tai dị, dâng sớ nói 4 điều.

Điều thứ nhất đại ý nói : Xin bệ hạ bên trong thì kén chọn các bậc hoàng huynh, quốc cữu², các bậc bề lão am hiểu điển chế xưa, giữ làm nhập thị để khuyên răn nhắc bảo cho mình ; bên ngoài thì đặt chức sự phó để làm cột trụ, chỉ huy trăm quan.

Điều thứ hai đại ý nói : Những quan viên văn võ, quân lính và dân chúng trước kia bị tội đày đi các nơi, đó là cách trừng trị của Tiên đế đối với chúng. Nay lại thấy chúng trở về làm quan, nắm quyền coi quản trị dân, thế là trái với ý của Tiên đế, không hợp với đạo của trời đất.

Đại tư đồ Sát thấy sớ giận lắm, sai người chép hai điều đó tâu lên và nói :

“Tiên đế cho bọn thần là bề tôi cũ lâu đời, vả lại đã cùng với Tiên đế vất vả trong mười năm trời ra vào chốn muôn chết một sống, để lập nên triều đình này. Tiên đế vốn biết bọn thần là hạng chất phác, [12a] ngu độn, cho nên, lúc sắp mất, đem bệ hạ ký thác cho bọn thần. Nay Ư Đài nói thế, có ý ngờ bọn thần chuyên quyền làm bậy, mà xui bệ hạ lập người thân thích khác để phòng giữ, xin giao nó xuống cho ngục quan xét hỏi việc này hư thực thế nào. Nếu Ư Đài quả đúng là ly gián vua tôi thì phải trị hẩn theo phép nước không tha”.

Vua ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói :

“Những điều Ư Đài nói ra, tuy có trúng chỗ thiết yếu, nhưng đâu đến nỗi thế”.

Sát tâu đi tâu lại vài bốn lần, vua đều không nghe. Bọn Thiên Hựu, Cầm Hồ lại tâu rằng :

“Ư Đài khuyên bệ hạ không nên tin dùng đại thần, thế là trái lời di chiếu của Tiên đế, mà gây hiềm khích lung tung, không thể không xét tội”.

1. Tức là Bồn Man.

2. Hoàng huynh : anh vua. Quốc cữu : cậu vua.

Hữu bật Lê Văn Linh cảm tờ sớ đến tâu, vua mới cho xét. Kết quả dầy U' Đài đi châu xa.

Ngày 24, truy tôn mẹ đẻ là Cung Từ quốc thái mẫu.

Trước kia, Thái Tổ không lập chính [12b] thất, chỉ có vài người như Trịnh Thần phi là mẹ Quận vương và Phạm Huệ phi thôi. Quốc mẫu cũng là vợ lẽ của Tiên đế, đã mất ngay từ buổi đầu gian lao dựng nước.

Đến đây, vua tưởng nhớ, truy tôn là Quốc thái mẫu. Thần chủ cũ của Quốc thái mẫu ở Lam Kinh, vua sai cậu là Hữu ban Lê Liên và Trung thư thị lang Trần Thuần Du rước thần chủ mới và kim sách đến miếu làm lễ truy tôn.

Đại tư đồ Lê Sát dựng xong các chùa Thanh Đàm và Chiêu Độ, có đến hơn 90 gian.

Mùa thu, tháng 7, ngày 11, ra lệnh chỉ cho tướng hiệu vệ quân các đạo và các quan lộ, huyện, trấn, sách, xã rằng :

“Phép trị nước lấy hình pháp gọn nhẹ làm gốc. Trẫm thấy các quân nhân đều tâu báo vượt cấp, câu kết nhau để đi kiện người, bỏ phế mọi việc của dân, quấy rối triều đình, không gì [13a] tệ hơn. Từ nay, quân hay dân nếu có vụ kiện nhỏ thì tới chỗ xã quan của xã mình mà trình bày, xã quan không giải quyết được mới lên huyện, huyện không giải quyết được mới lần lượt lên lộ, lên phủ, phủ không giải quyết được thì bấy giờ mới được tâu lên. Các vụ kiện ruộng đất cũng thế. Các quan xét xử phải giữ phép công bằng, không được nhận dút lót mà làm sai, để có người bị oan uổng. Các vụ kiện lớn thì mới cho tâu thẳng lên”.

Ngày 15, mở hội Vu Lan¹, tha 50 tên tù tội nhẹ, ban cho các sư tụng kinh 220 quan tiền.

Tháng 8, cho các giám sinh Quốc tử giám và sinh đồ các lộ, huyện được mang mũ áo và cho Giáo thụ Quốc tử giám cùng giáo chức các lộ, huyện được đội mũ cao sơn.

Trước kia, Giáo thụ và Giám thư khó đầu đội mũ thái cổ, đến đây, cho đội mũ cao sơn.

Ngày mùng 8, sai Hữu bộc [13b] xạ Lê Nhữ Lãm đến Lam Kinh dựng miếu thờ thái mẫu.

Ngày mùng 9, chém tên ăn trộm Trình Đường. Bọn Chính sự viện đồng tham nghị Nguyễn Hân tâu rằng :

“Tên Đường trộm cắp giữa ban ngày, nhưng theo luật không đến xử tử, không nên giết hần”.

1. Tức hội Vu Lan Bồn của nhà Phật tổ chức vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hằng năm. Theo Phật thoại, mẹ của Mục Liên vào địa ngục, hề ăn gì đều hóa thành lửa. Phật liền dùng chiếc bôn lớn, đựng hàng trăm thứ thức ăn để cúng dường các Phật, giải thoát cho mẹ Mục Liên. Sau này, lễ Vu Lan Bồn là để cúng thí bọn quỷ đói, giải thoát mọi khổ ải cho chúng sinh.

Vua không nghe.

Tên đầu bếp ở thái miếu là Nguyễn Chú vì tội ức hiếp mua rẻ hàng hóa, bị đánh 80 trượng, thích chữ vào gáy, đồ làm lính nuôi voi.

Bấy giờ, người đầu bếp của các nhà quyền quý hay thác cớ là người trong cung, ức hiếp người bán, mua rẻ hàng hóa ở chợ, dân chúng rất sợ bọn đó. Nguyễn Thiên Hựu bắt được tâu lên, bèn trị tội tên Chú và rao 3 ngày cho mọi người biết.

Định khoa thi chọn học trò.

Xuống chiếu rằng : Muốn có được nhân tài, trước hết phải chọn lựa kẻ sĩ, mà phép chọn lựa kẻ sĩ phải lấy thi cử làm đầu. Nhà nước ta từ thuở xưa loạn lạc, người anh tài như lá mùa thu, bậc tuấn kiệt như sao buổi sớm. Thái Tổ ta buổi đầu dựng nước, mở mang nhà học, dùng cổ Thái lao¹ để tế Khổng Tử, rất mực sùng Nho, trọng đạo. Nhưng [14a] vì nước mới dựng nên chưa kịp đặt khoa thi. Trẫm nói theo chí hướng người xưa, lo được nhân tài để thỏa lòng mong đợi.

Nay định rõ thể lệ khoa thi, kỳ thi : Bắt đầu từ năm Thiệu Bình thứ 5 [1438], thi hương ở các đạo, năm thứ 6, thi hội ở sảnh đường tại kinh đô. Từ đây về sau, cứ 3 năm một lần thi lớn, coi đó làm quy định lâu dài, người nào thi đỗ, đều được ban danh hiệu tiến sĩ xuất thân.

Tất cả khoa mục của các kỳ thi quy định như sau : Kỳ thứ nhất : 1 bài kinh nghĩa, *Tứ thư* mỗi sách một bài, mỗi bài đều 300 chữ trở lên. Kỳ thứ hai : Chế, chiếu, biểu. Kỳ thứ ba : thi, phú. Kỳ thứ tư : 1 bài văn sách từ 1000 chữ trở lên.

Thi lại viên, hỏi về ám tả. Những người đỗ hạng nhất được bỏ vào Quốc tử giám, hạng nhì bỏ làm sinh đồ và thuộc lại bên văn.

Ngày 18, Tư mã Nam đạo Lê Liệt đem quân về.

Bồ Đề thấy nước ta không có sự biến gì [14b] đã rút quân từ trước. Liệt đến châu Hóa, định trở về, gặp lúc người Man ở châu Hóa là Đạo Thành bị Đạo Luận đánh, đến xin cứu viện. Liệt bèn đem quân đánh giúp, bắt được hơn nghìn người và vài chục con voi mang về.

Ngày 19, sai quân hạt Lê Bạng sang sứ nước Ai Lao.

Bản nhà² Côn Cô nước Ai Lao bị kẻ bề tôi phản nghịch là Nữ Tị tấn công, sức không chống nổi, sai sứ sang xin cứu viện. Vua sai Bạng sang trước dụ bảo, giải hòa.

Ra lệnh chỉ cho Hành khiển năm đạo và Tổng quản, Tuyên úy các trấn rằng :

Công trạng của các quan ở lộ, trấn, huyện thì giao cho hành khiển đạo đó xét duyệt ; của tướng hiệu các trấn thì giao cho Tổng quản và Tuyên úy đạo đó xét duyệt ;

1. *Cổ Thái lao* : lễ lớn, dùng đủ tam sinh (ba con vật tế) là : trâu, dê, lợn.

2. *Bản nhà* : tức là "vua", phiên âm tiếng Lào "pha nha".

của các quan ở sảnh, viện, cục thì thiếu bảo, Hữu bật xét duyệt ; của các quan ở tả hữu ban và ở nội điện thì Ấp nha¹ hữu ban, Nội mật viện xét duyệt. Mỗi loại đều chia làm 3 bậc, cần phải công bằng, thẳng thắn [15a] không được thiên tư đảo điên.

Ngày 28, lấy Hải Tây đạo Tham trí quân dân bạ tịch Nguyễn Nhữ Soạn làm Bắc đạo Đồng tri quân dân bạ tịch.

Ra lệnh chỉ cho các tướng hiệu, quân nhân, nữ nhân, nội nhân giữ các cửa hoàng thành và cung cấm rằng :

Từ nay về sau, nếu có cung nhân ở các điện và đại thần, tổng quản, hành khiển cùng bọn nữ quan vào chầu, khi đến cửa cấm thì người coi cửa phải chuyển tâu trước, đợi có sắc chỉ mới được vào. Đàn bà không có phẩm tước đều không được vào. Nội nhân, nữ quan, nô tỳ ở các điện nếu không có việc gì, không được lui tới điện khác. Nếu người canh cửa không cẩn thận, lấy tình riêng dung túng cho vào bậy, cùng là người nào mang các thứ đồ sắt từ một cái kim trở lên vào trong cung cấm mà không chuyển tâu trước thì phải chiếu luật trị tội.

[15b] Tháng 9, ngày mồng 4, ban hơn 600 quan tiền Thiệu Bình mới đúc cho các quan văn võ.

Lấy Ngự sử Bùi Cầm Hổ làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn, lấy Chuyển vận huyện Cổ Đằng² Phan Thiên Tước làm Thị ngự sử.

Ra lệnh chỉ cho các trấn, huyện xã, thôn, sách, trang rằng :

Khi có người tới kinh làm việc, nếu là quân thì phải có tướng hiệu, là dân thì phải có quan lộ, huyện chuyển đưa lên. Nếu là các quan đi việc công hay tư thì lấy giấy tờ ở huyện mình. Còn quân nhân ở kinh và người nhà của đại thần, thế gia nếu có lĩnh giấy sai đi làm việc gì thì Tổng quản, Tổng tri, nha ấy hay nhà ấy cấp giấy tờ. Quân hay dân đi buôn bán, cũng phải xin giấy thông hành của quan lộ, huyện. Tuần kiểm các trấn và người kiểm soát các nơi dọc đường thủy, đường bộ cần phải xét hỏi rõ ràng, người nào không có giấy thông hành thì phải ngăn lại không cho đi. Bấy giờ người các trấn hay giả đi việc quan để dụ dỗ nó [16a] tỳ của người ta, cho nên có lệnh này.

Phạm Mẫn là người cùng làng với Tư không Lê Ngán, nhân có việc tranh ruộng với gia nô của Ngán, nói vụng mấy câu bắt kính. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, Mẫn theo quan quân đánh úp giặc ở sách Cối. Quân đến dưới sách, Mẫn trốn vào trong sách dầu hàng giặc. Giặc biết được, phòng bị kỹ, quan quân không đánh được phải về. Đến đây, Ngán phát giác tội trước của Mẫn, sai hình quan truy xét lại việc đó, vua y lời tâu xử chém. Đại tư đồ Sát nói :

1. Ấp nha : người đứng đầu một nha.

2. Nguyễn văn là Hữu Đằng, nhầm chữ Cổ thành chữ Hữu. Cổ Đằng là tên huyện, sau đổi là Hoằng Hóa, nay là huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

“Nay bọn ta có quyền thế mà thù hằn người làng thì làm thế nào chẳng được ? Sau này lỡ ta hết quyền thế rồi chả lẽ để cho con cháu chúng ta gánh chịu tai họa thù oán hay sao ?”.

Ngân quát rằng : “Con cháu nó còn biết gây oán, con cháu ta lại không biết trả thù hay sao ?”.

Mãi lâu, Mấn mới được giảm tội chết, bị đày ra châu xa.

Lấy Chuyển vận sứ huyện Giáp Sơn là Lương Thiên Phúc làm Điện trung thị ngự sử, Giáo thụ Bắc Giang Hạ lộ là [16b] Nguyễn Chiêu Phủ làm Giám sát ngự sử, vì Chiêu Phủ dâng sớ có điều được chấp nhận.

Ngự sử phó trung thừa Nguyễn Thiên Hựu, vì nói trái ý vua, trút mũ râu xin từ chức mà về.

Ngày 16, tấu cáo trời đất và thái miếu về việc đúc sáu quả ấn : Thuận thiên thừa vận chi bảo, Đại thiên hành hóa chi bảo, Sắc mệnh chi bảo, Chế cáo chi bảo, Ngự triều chi bảo, Ngự triều tiểu bảo ¹

Thuyền buôn nước Trảo Oa vào cống lễ vật địa phương.

Côn Cô nước Ai Lao sai bề tôi là Quan Long dâng voi và vàng bạc xin viện binh.

Ra lệnh chỉ cho Thiệu úy Mùng Mộc ² là Xa Miên dẫn các man ở châu Nam Mã ³ đi cứu Côn Cô.

Sứ Chiêm Thành mang thư và lễ vật sang cống để cầu hòa thân.

Đại tư đồ Lê Sát hỏi : “Nước người vào trộm đất ta, bắt bớ dân chúng ở châu Hóa [17a] là có làm sao ?”.

Trả lời : “Vua nước tôi nghe tin Tiên đế băng hà, nay Hoàng đế lên ngôi, hai nước chưa trao đổi sứ thần, cũng chưa tin hẳn, nên sai tướng quân đến đầu địa giới hỏi thăm tin tức. Tướng quân tự tiện làm trái lời dạy bảo, bắt trộm 6 người của châu Hóa đem về. Vua nước tôi giận lắm, xử tội tất cả (những người vào cướp châu Hóa) từ đại tướng trở xuống đều bị chặt chân, rồi đưa người bị bắt giao trả cho Tổng quản Hóa Châu, không dám xâm phạm đến”.

Triều đình biết là dối trá, nhưng vì họ biết sai người sang, cho nên khoan dung không xét hỏi nữa.

Tổng quản lộ An Bang là Nguyễn Tông Từ và Đồng tổng quản Lê Dao bị biếm 3 tư, bãi chức.

Triều đình có lệnh cấm quan lại và dân chúng không được mua bán vụng trộm hàng hóa nước ngoài. Bấy giờ, có thuyền buôn Trảo Oa đến trấn Vân Đồn, bọn

1. Xem sự việc năm Thiệu Bình thứ 2, tháng 3, ngày mùng 6.

2. Mùng Mộc : nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Vùng đất thượng lưu sông Mã, giáp đất Ai Lao.

Tông Từ giữ việc xét ghi sổ hàng hóa trong thuyền, trước đã báo nguyên số rồi, sau lại gian lận đổi làm bản khác, mà bán trộm đi [17b] hơn 900 quan tiền, cùng với Lê Dao, mỗi người chiếm riêng 100 quan. Việc bị phát giác, nên cả hai đều bị tội.

Sai Chuyển vận Lê Thọ Lão, Khởi cư Thái Huệ Trù sang sứ Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, có sâu hại lúa. Sai quan chia nhau đi các nơi khám xét lúa đồng.

Lấy bọn Đồng tri Nam Sách hạ vệ Lê Thọ làm An Bang trấn vệ đồng tổng tri chư quân sự; Thẩm hình viện phó sứ Trình Tử Dục làm Tuyên phủ sứ thượng bạn trấn Thái Nguyên.

Ngày 12, Đạo Lại là con đưa phản nghịch Đinh Quế ở Mường Phù về thú tội, có chỉ tha tội cho về.

Lấy Thái tử thị giảng cũ là Nguyễn Tấn Tài làm Quốc tử giám bác sĩ.

Tháng 11, nhà Minh sai bọn hành nhân Quách Tế, Chu Bật đi theo sứ báo tin buồn¹ của ta là Lê Vi [18a] sang điều tế.

Đến kinh sư, ngày mùng 4 làm lễ tế, cỗ tế đều mang từ đất Bắc sang, rất là thịnh soạn. [Vua] ra đón ở cửa Thừa Thiên, đưa vào bày lễ tế ở điện Càn Đức.

Lễ vật có: 1 con lợn, 1 con dê, giấy tiền, cờ tiết, hương hoa cộng 80 bàn. Tế quan đứng bên tả, chủ tế đứng ở bên hữu, không dâng rượu, đàn bà đứng sau màn cất tiếng khóc.

Ngày mùng 5, thết yến bọn Tế ở Càn Chính đường.

Ngày mùng 7, bọn Đại tư đồ Sát lại thiết yến bọn Tế ở khách quán, bày các trò chơi để xem, theo lời yêu cầu của họ.

Bọn sứ Minh Từ Vinh Đạt, Chương Xương, Quách Tế, trước sau mấy toán, ngoài lễ vật cống tiến, triều đình còn có quà tặng riêng cho từng người, họ đều từ chối không nhận. Nhưng họ lại cho người đi theo mang nhiều hàng hóa phương Bắc, tính giá rất cao, bắt ức triều đình phải mua.

Tây đạo Hành khiển tả bộc xạ [18b] Lê Lỗi chết, được truy tặng Bảo chính công thần phụ quốc thượng tướng quân nhập nội trung thư lệnh hương hầu, tên thụy là Trung Giản.

Sai Quản lĩnh Lê Bính, Nội mật viện đồng tri Phan Ninh, Ngự tiền học sĩ cục Nguyễn Thiên Tích và Lê Cát Phủ theo Quách Tế sang nhà Minh tạ ơn việc sang điều tế.

Người khách Trào Oa là bọn Bát Đế (có sách chép là Tiên Tôn) sang dâng các thứ thổ sản, có mấy cây gỗ đàn hương có thể làm cột nhà được.

¹1. Sứ bộ của ta do Lê Vi dẫn đầu sang nhà Minh báo tin Lê Lợi mất.

Điện Lam Sơn bị cháy.

Nước đóng băng, cây cối núi rừng bị chết.

Ngày 22 là ngày sinh của vua, lấy làm Kế Thiên thánh thọ tiết sau đổi là Vạn Thọ thánh tiết.

Giảm tô ruộng và thuế nhân đinh.

Truy phong 2 đời cho Đại tư đồ Lê Sát.

Nội mật viện Hà Đức Chính bị đồ làm thuộc đinh ở bản đạo, Phạm Tư Minh bị biếm 1 tư. Đức Chính làm hành nhân sang nhà Minh báo tang, đánh cờ vây với người Minh [19a] và cãi nhau với chánh sứ.

Tư Minh bồi đại bán cho người phương Bắc, dùng làm phải giấy cũ ghi việc điểm binh, cho nên đều phải giăng, bãi.

Bảy giờ chánh sứ Lê Vi, Nguyễn Truyền, hai người mua rất nhiều hàng phương Bắc, đến 30 gánh. Triều đình ghét họ làm thói buôn bán, định làm cho họ phải hổ thẹn trong lòng ; mới sai người thu lấy hết đem bày phơi ở sân điện, rồi sau mới trả lại. Việc này rồi thành lệ thường.

Tháng 12, ngày mùng 8, người Ai Lao sang hàng, dâng 3 con voi.

Khi quân của bọn Xa Miên và Hà An Lược sang tới nơi thì bọn Nữ Sách, Nữ Tại nước Ai Lao đã giết chúa nó là Côn Cô mà lập người họ của Côn Cô là Dụ Quân làm Bàn nhà rồi sai sứ mang voi và vàng bạc sang tạ xin hàng. Thế là bọn An Lược cùng đi với bọn ấy trở về. Triều đình xá tội cho chúng.

Ngôn quan Phan Thiên Tước dâng sớ hặc tội Tiền quân tổng quản Lê Thụ về các việc : Đang có quốc tang mà lấy vợ, [19b] làm nhà cao cửa rộng, sai người nhà xuất cảnh mua bán vụng trộm với người nước ngoài.

Bảy giờ các đại thần đều sai riêng quân lính làm nhà cửa lớn cho mình. Vua thấy thế, sai Thiên Tước đi khắp các nhà đại thần xem xét cho rõ ràng. Vua hỏi :

“Các đại thần đều không có chuyện đó hay sao ? Sao khanh chỉ tâu có một mình Thụ ?”. Thiên Tước nói ;

“Đô đốc Tư khấu, Tư mã đều là bậc đại thần có mệnh cả, phải giữ mình ngay thẳng để còn dẫn dắt trăm quan, có làm việc gì phải theo lễ, phép, nếu không, thì phải tâu cáo trước rồi sau hãy làm, cho nên bọn thần không thể không nói được. Vả lại, thần thấy Thụ có mấy việc, nên nói gồm một thể. Nay vâng lệnh sai đi khám xét nhà cửa của các đại thần, dám đâu không làm hết chức phận”.

Thế rồi lại dâng sớ kể những người làm nhà mới, từ bọn Tham tri Đông đạo Lê Định trở xuống, đến Quân lĩnh gồm hơn 20 người tâu lên.

Vua không hỏi ai, chỉ sai khám xét một mình [20a] Thụ. Bọn Đô đốc Lê Ván, Tư mã Lê Ngân cho Thụ là bậc thân huân, có giải cứu hộ. Vua cũng tha các tội khác cho

Thụ, chỉ tịch thu số 15 lạng vàng, 100 lạng bạc mua bán vụng trộm thôi, lại lệnh cho người thiếp của Thụ là Trình thị phải rút khỏi hộ tịch của Thụ, cho chuộc lại làm người ngoài.

Con trai của Đèo Cát Hãn ở châu Phục Lễ là Mạnh Vương về hàng. Sắc cho làm Nhập nội tư mã tri bản châu quân dân sự, tước Quan phục hầu.

Sai bọn Nhập nội thiếu bảo Lê Quốc Hưng ; Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh làm lễ tấu cáo ở Thái miếu, rước thần chủ mới của Thái Tổ và Quốc thái mẫu vào thờ ở Thái miếu.

Sai các quan văn võ tới đô sảnh đài bàn việc bỏ áo tang. Bọn Hành khiển Nguyễn Trãi đều bàn nên mặc áo trắng 27 ngày nữa rồi sau hãy bỏ.

Ngày 26, vua thân ngồi ngai son.

Trước đó, sau khi thành phục, thần chủ mới của Thái Tổ để ở điện Càn Đức [20b] Mỗi khi ra coi châu, vua đứng tựa cột bên đông điện Hội An để nghe việc, đến đây mới ngồi ngai. Triều đình có bày đồ nhạc nhưng không tấu nhạc, các quan dâng biểu an ủi.

Cho Đạo Miện châu Nam Mã làm Đại tri châu tri quân dân sự bản châu, tước Minh tự.

Trước đây, châu Nam Mã thuộc nước Ai Lao, sau vì mộ đức nghĩa nhà vua mà quy thuận. Đến đây, sai con vào châu, xin nội phụ. Vua khen ngợi và trao cho chức đó, lại ban cho mũ, đai và một bộ thời phục.

Ất Mão, /Thiệu Bình/ năm thứ 2 /1435/ (Minh Tuyên Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua dẫn các quan tới bái yết Thái miếu. Khi về cung, mặc áo trắng coi châu, nhạc nổi lên, quân hầu thết cảnh giới, các quan đều mặc cát phục dâng biểu an ủi.

Ngày mồng 3, Tuyên Tông nhà Minh băng. Hoàng thái tử Kỳ Trấn lên ngôi, tức là Anh Tông, đổi niên hiệu là Chính Thống.

Ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan văn võ, đại ý là : Các người không [21a] chịu giữ phép nước như trước đây. Từ nay về sau, coi quân, trị dân, hay làm việc gì đều nên hết lòng công bằng, yêu thương quân dân, không được riêng tây, nếu không sửa đổi lỗi lầm nhất định bị trị tội nặng.

Ngày mồng 4, vua Ai Lao là Dụ Quân sai bề tôi là bọn San Mạc, Sát Mẫu đem đồ uống rượu bằng vàng bạc và hai con voi đi theo bọn Vĩ sang cống.

Vĩ tâu rõ tình trạng rối loạn, trên dưới chia lìa của nước Ai Lao.

Ban yến trong 5 ngày cho các quan văn võ trong ngoài, phát tiền cho các quan văn võ nhậm chức bên ngoài theo thứ bậc khác nhau.

Năm ngoài, sai Hành khiển các đạo xét duyệt công trạng các quan làm việc ở ngoài, chia thành 3 bậc, đến đây, theo thứ bậc mà ban thưởng. Người nào mới được bổ, chưa có công tội gì thì để làm hai bậc.

Lấy quân nhân Nguyễn Công Gia làm Chương lịch ; Hộ bộ chủ sự Dương Huyền Trung làm Linh đài lang.

Lấy Lang trung Phạm Thị Trung làm đồng tri [21b] Thẩm hình viện, phó trung thừa cũ là Nguyễn Thiên Hựu làm An phủ sứ lộ Thanh Hóa.

Ra lệnh cho quân các đạo đến những nơi gần gũi, thuận tiện trong đạo mình, chia quân tập trận ; các quân ngự tiền thì tập võ nghệ ở điện đình.

Ngày 21, Ngôn quan là bọn Phan Thiên Tước, Lương Thiên Phúc, Nguyễn Chiêu Phủ dâng sớ nói :

“Tiên đế dầm mưa dãi gió, mình mang giáp trụ, lao thân khổ trí, hơn mười năm trời mới dẹp yên thiên hạ. Bệ hạ kế thừa cơ nghiệp đã có sẵn rồi, nên lưu ý tới học thuật, năng tìm nhân tài để lo trị nước thành công.

Nay đại thần tiến cử Thiếu bảo hữu bật vào hầu giảng sách, bệ hạ đứng dậy bỏ đi không nghe, thế là một điều không nên. Tiên đế chọn người làm bảo mẫu, làm thầy để vâng mệnh dạy bảo trong cung, bệ hạ khinh rẻ, mắng chửi mà không nghe, thế là hai điều không nên. Đến như thần phi, huệ phi là bậc di, vào cung răn dạy, thì bệ hạ sai đóng [22a] cửa trước mà không cho vào, thế là ba điều không nên. Người quản lĩnh thị vệ thấy bệ hạ không đọc sách mà cầm cung bắn chim, có khi can ngăn, thì bệ hạ không nghe, lại lấy cung bắn người ấy, thế là bốn điều không nên. Tiên đế lựa chọn con em công thần sai vào hầu bệ hạ đọc sách thì bệ hạ đều xa lánh họ mà nô đùa với bọn hầu hạ gần gũi ở trong cung, thế là năm điều không nên. Người làm vua phải tìm người tài giỏi biết nói thẳng, hết lời can ngăn và những người có công lao mà thưởng họ, nay bệ hạ lại vui đùa với bọn hoạn quan rồi thưởng cho chúng, thế là sáu điều không nên.

Thần chờ tội ở chức trách ăn nói, dám dẫu không trình bày, xin bệ hạ trong khi coi châu, hoặc tiếp xúc với các vị đại thần, hoặc nghe các quan tâu việc, phải ngay ngắn, trang nghiêm, lấy dung nghi cung kính của Thiên tử mà kính trọng bậc đại thần, ủy lạo người có công, nghe lời nói thẳng, mở đường cho người nói thẳng để thấu hiểu [22b] tình hình bên dưới, thì lời khen “bậc đại hiếu biết nói chí kể nghiệp” không chỉ chuyên để khen Thành Vương, Thái Giáp² mà thôi.

Vua xem sớ giận lắm, vặn hỏi. Bọn tả hữu học Lê Cảnh Xước và hoạn quan Đinh Hối đi khắp nhà bọn Thiên Tước chất vấn, bắt nói tên người tổ ra các việc nói trong sớ và trách mắng bọn họ.

1. Nguyên văn là chữ “bệ”, “bệ vệ” thì không có nghĩa, chắc là bản khắc lầm.

2. *Thành Vương* : là vua nhà Chu, *Thái Giáp* : là vua nhà Thương, được coi là những vua giỏi thời cổ của Trung Quốc.

Thiên Tước trả lời : “Những điều đó do Đồng tổng quản Bắc Giang hạ vệ Lê Lân nói với thần đây. Bọn thần cốt sao yêu vua, làm hết chức trách mà thôi, dù chết cũng không sợ”. Bọn Cảnh Xước mới thôi.

Hôm sau, Thiên Tước vào chầu, tâu rằng :

“Ngu Thuấn là bậc thánh nhân mà Bá Ích còn lấy sự chơi bời lười biếng dễ khuyên răn, Đường Thái Tông là bậc vua hiền, mà Ngụy Trưng vẫn đem mười điều thâm dân¹ mà phòng giữ. Bọn thần tui nhục giữ chức ăn nói, chỉ sợ nhà vua có lỗi lầm, nên hết lòng ngu dại khuyên can. Bệ hạ nhận cho thì dẫu kẻ kiếm củi, làm nghề, cũng đều trở hết khả năng mà thánh đức của bệ hạ càng thêm ngời sáng vậy”. Vua nguôi giận bọn Thiên Tước lại giữ chức cũ.

[23a] Chém Quốc tử giám sinh Lê Tử Dục, vợ con, diền sản sung công. Tử Dục ở Giám không chịu học tập, chỉ chuyên nghề bói toán, bùa chú, dụ dỗ vụng trộm vợ cả vợ lẽ người khác, lại lấy trộm đồ đạc của cả mười tám phòng. Tể tửu Nguyễn Thành sắp tâu lên thì Tử Dục suốt đêm làm đơn vu cáo Thành và Vũ Ứng Tiên, từ tể tửu trở xuống đến các viên đường trường là cùng nhau ngầm mưu phản nghịch. Đại tư đồ Sát biết nó gian dối, sai bắt và cho ngục quan Nguyễn Doãn Cung tra hỏi. Tử Dục hết lẽ, phải thú tội. Đến khi sắp bị chém, Tử Dục luôn mồm tụng niệm Thiên Bồng, Thiên Du² và nói : “Kiếp này đã sai, kiếp sau không được thế nữa”.

Vua ngự đến Cảo Động xem các vệ quân năm đạo diễn tập đánh bộ, lại duyệt thủy chiến ở sông Nhị.

Lấy Chuyền vận Nguyễn Tất Kinh làm An phủ sứ lộ Tam Đái [23b], Chuyền vận sứ huyện Phù Lưu là Phan Nhân làm an phủ phó sứ lộ Thiên Trường.

Tháng 2, nhà Minh sai Lễ bộ hữu thị lang Chương Xưởng, Hành nhân ty hành nhân Hầu Tấn đi theo Nguyễn Tông Trự sang trao sắc mệnh cho vua quyền coi việc nước.

Ngày Đinh Mùi mùng 5, sai Thiệu bảo Lê Quốc Hưng làm lễ tế tiên sư Khổng Tử, từ đây về sau coi là thường lệ.

Ngày Mậu Thân, tế xã tắc.

Sai quân lĩnh Phan Tử Viêt và đại phu Trình Nguyên Hy mang tờ biểu và phương vật đi theo bọn Xưởng sang tạ ơn nhà Minh.

Ngày mùng 8, làm lễ cáo Thái miếu vì có lệnh đề vua quyền coi việc nước.

Sai các quan đi tế khắp các thần kỳ trong nước có ghi trong tự điển³.

Định các ngạch thuế ruộng đất, đầm ao, bãi dâu.

1. Nguyên văn “thập tiệm”. Ngụy Trưng là hiền thần của Đường Thái Tông, dâng sớ xin vua đề phòng 10 điều lầm lỗi có thể thâm dân mà mắc phải.
2. Tên hai vị thánh ma các phủ thủy hay niệm chú.
3. Tự điển : danh sách các vị thần được triều đình chính thức phong tặng, được hưởng cúng tế.

Ban tên húy của quốc triều. Khi gặp chữ chính về miếu húy, ngự danh thì không được viết. Ai có họ [24a] tên trùng với các chữ húy thì phải đổi, như tên húy của Cung Từ quốc thái mẫu là Trần, nên cho đổi [họ Trần] thành Trình.

Lấy Hữu bộc xạ Lê Nhữ Lãm kiêm chức Hành khiển Tây đạo.

Đầy Thái Quân Thực ra châu xa, Nguyễn Tông Trự ra châu gần.

Hai người này khi vâng lệnh sang sứ nhà Minh, hữu ty làm giấy tờ, theo thứ tự trước sau, ghi Tông Trự là bồi thần ¹, Quân Thực là kỳ lão. Quân Thực có ý bất bình.

Khi đến nước Minh, chiếu theo thứ bậc để ban áo, thì áo của Quân Thực không có hoa văn kim tuyến, trong lòng hậm hực bảo người phương Bắc rằng: “Ta là quan tứ phẩm lại ở dưới Tông Trự là làm sai”. Đến khi dự yến, Thực không mặc áo được ban, mà mặc áo dệt kim tuyến của mình vào dự. Thực còn đem bản tâu do thừa chỉ Nguyễn Trãi soạn ra mà chửi bới, lại chửi luôn cả Tham tri Đông đạo Đào Công Soạn, vì ông này đã cử Tông Trự cùng đi với mình. Tông Trự cũng giận dữ tranh cãi không ngớt, đến nỗi hai người đánh lộn lẫn nhau, Tông [24b] Trự bị vỡ mặt, người đi theo can ngăn cũng không được. Hai người lại kiện nhau ở Hồng lô tự ² nói xấu lẫn nhau. Tông Trự còn lên tới nhà viên nội quan của Bắc triều ở Long Châu ³ nhận lễ vật tặng, lại nói với viên quan đi tiễn của Long Châu là Lã Hồi về chuyện khi đi sứ Ai Lao nói vụng Tiên đế nghe gièm giết bậy.

Hai người này đều vì tội đi sứ mà giao thiệp với người nước ngoài, tức giận mà đánh lẫn nhau, làm nhục cả quốc thể, đáng phải xử tử. Nhưng vì đã từng có công, nên tùy theo tội nặng hay nhẹ, đều xử tội đi đầy. Tông Trự lại đem nhiều tiền lụa sang mua hàng phương Bắc, vua ghét Trự vì phạm lệnh cấm mà làm tiền, liền lấy hết hành trang chia cho các quan.

Tháng 3, ngày mồng 6, đúc xong ấn báu.

Sai bọn Hữu bật Lê Văn Linh đến Thái miếu làm lễ tế cáo. Cả 6 ấn đều đúc bằng vàng bạc. Ấn “Thuận thiên thừa vận chi bảo” thì cất đi không dùng, chờ khi nào truyền ngôi mới dùng. Ấn “Đại thiên hành hóa chi bảo” thì dùng trong khi đánh dẹp. Ấn “Chế [25a] cáo chi bảo” thì dùng khi ban chế chiếu. Ấn “Sắc mệnh chi bảo” thì dùng khi có sắc dụ và hiệu lệnh thưởng phạt cùng các việc lớn. Ấn “Ngự tiền chi bảo” thì dùng đóng vào giấy tờ, sổ sách. Ấn “Ngự tiền tiểu bảo” thì dùng khi có việc cơ mật ⁴. Nhưng chính sự thì vẫn dùng ấn bằng ngà, chưa dùng đến các ấn mới đúc.

1. *Bồi thần*: vốn là chức quan đại phụ của chư hầu xưng với thiên tử. Ở đây Tông Trự là quan đại phụ của triều Lê, đi cống nhà Minh, xưng với thiên tử nhà Minh.
2. Hồng lô tự của nhà Minh.
3. Long Châu là tên huyện thuộc phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
4. “Thuận thiên thừa vận” vận là “Theo trời nối vận”. “Đại thiên hành hóa” là “Thay trời tiến hành giáo hóa”.

Ra lệnh chỉ cho đại thần và các quan văn võ rằng : Từ nay về sau, các bậc công hầu và các quan văn võ khi vào chầu, mỗi người chỉ cho mang theo số người hầu nhất định : nhất phẩm thì 5 người, nhị phẩm 2 người, tam phẩm 1 người.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ và quân dân rằng : Từ nay về sau, quân hay dân đến các nhà đại gia hay quan nha, không được gọi tôn lên là “quân gia” hay “công nha”, và không được tự xưng là “thần”. Nếu trái lệnh, thì người xưng hô, người nhận xưng hô đều bị trị tội theo luật. Đối với các quan từ tham dự triều chính trở lên, khi quân hay dân có đơn kêu việc gì mới được xưng là “Bộc thân công nha”¹ không được tự xưng là “thần”.

[25b] Dân các lộ Lạng Sơn, Nam Sách bị bệnh dịch.

Lấy Ngự tiền trung quân thiết đột Lê Đăng làm Phòng ngự sứ coi việc quân dân các xứ Phộc La, Trinh Song, Mường Dương thượng và hạ của Ai Lao ; Lê Thiên làm phòng ngự sứ coi việc quân dân các châu Nam Mã, Tầm Thượng, Tầm Hạ² huyện Lan Hòa.

Bấy giờ các mừng của Ai Lao, tuy ngoài mặt nói là quy thuận nước ta, nhưng vẫn giáo giở bất thường, nên triều đình phải đặt quan ở những nơi đó để trông coi.

Có bảy tên ăn trộm can tội tái phạm, đều còn ít tuổi, hình quan chiếu luật đáng xử chém. Bọn đại tư đồ Lê Sát thấy giết người nhiều quá, trong lòng ngần ngại. Vua đem việc ấy hỏi Thừa chỉ Nguyễn Trãi. Trãi trả lời :

“Pháp lệnh không bằng nhân nghĩa cũng rõ lắm rồi. Nay một lúc giết bảy người, e không phải là hành vi của bậc đại đức. *Kinh Thư* có câu : “An như chi”^{3a} (hãy yên với chỗ đứng của mình), sách *Truyện* có câu “Tri chi nhi hậu hữu định” (biết dừng thì rồi mới vững). Thần xin thuật lại nghĩa của chữ “chi” [26a] để bệ hạ nghe :

“Chi” có nghĩa là yên với chỗ đứng của mình, như trong cung là chỗ đứng của bệ hạ, thỉnh thoảng bệ hạ có ngự ra nơi khác, cũng không thể ở đó mãi, phải trở về trong cung, thì mới yên chỗ đứng của mình được.

Người làm vua đối với nhân nghĩa cũng vậy, phải để lòng nơi nhân nghĩa, coi nhân nghĩa là chỗ đứng của mình. Tuy có lúc ra oai giận dữ, nhưng không thể như thế mãi được, xin bệ hạ lưu ý những lời của thần”.

Bấy giờ bọn Sát và Ngân nói :

“Ông có nhân nghĩa, có thể cảm hóa kẻ ác thành người thiện, xin giao chúng cho ông, phiền ông cảm hóa cho”.

Bèn bảo bọn Trãi và Thiên Tước nhận lấy những tên tù ấy. Trãi nói :

1. *Bộc thân công nha* : kẻ tội tày nay kính bẩm công nha.
2. Vùng đất thượng lưu sông Mã, thuộc tỉnh Thanh Hóa và huyện Lan Hòa.
3. *Thư Kinh* : thiên Ích Tắc.

“Chúng là hạng trẻ con ương ngạnh, ranh mãnh, pháp chế của triều đình còn không trừng trị được, huống hồ bọn chúng tôi đức mỏng, cảm hóa thể nào được”.

Rồi sau xử chém 2 tên, còn lại thì xử đi đày.

Người nước La La Tư Điện sang cống ¹.

Nước La La Tư ở phí bắc Ai Lẽ, giáp giới với Vân Nam, ăn mặc theo tục [26b] Vân Nam, khi lạy tạ, đều tự nói tiếng nước họ.

Người Quang Châu thuộc phủ Quảng Nam đến dâng ngựa.

Mùa hạ, tháng 4, bọn Mường Qua ² nước Ai Lao sang cống.

Mường Tầm ³ dâng 1 con voi.

Ra lệnh cho quan các lộ, huyện, xã rằng : Nếu thấy chỗ nào có sâu ăn hại mầm dâu thì phải cúng lễ để trừ hại cho dân.

Tháng 5, ra lệnh cho các đại thần, hành khiển và các quan tham tri bạ tịch, tham nghị, đài quan, quan hình ngục rằng :

Từ nay về sau, những ngày xử án và những ngày các đại thần chuẩn quyết ⁴ thì không được lơ là vắng mặt, nếu có ai vắng mặt thì phải trình báo với mọi người, không được thiếu sót.

Ra lệnh chỉ cho tướng hiệu các đạo và các lộ, huyện trấn rằng : Hiện đang mùa làm ruộng, các quan lộ, huyện, trấn không được khinh suất điều động sức dân.

[27a] Tháng 6, ngày mùng 4, ra lệnh cho bọn tướng hiệu các vệ quân năm đạo đều phải sai người sửa chữa những chiến khí bị mối mọt hỏng nát.

Vua hằng ngày vui đùa với bọn hầu cận ở trong cung, các đại thần muốn khuyên vua học, cùng nhau tâu lên xin cử sáu văn thần là bọn Hành khiển thừa chỉ Nguyễn Trãi, Trung thư thị lang Trình Thuấn Du... đi theo hai, ba đại thần chia phiên nhau vào hầu kinh diên. Vua sai Đinh Phúc trả lại tờ tâu không nhận.

Vua yêu dùng hoạn quan Nguyễn Cung. Bọn Lê Sát xin giết đi, vua không nghe. Thế là bọn Sát cáo ốm không vào chầu. Bọn Thiên Tước tâu rằng :

“Bậc sinh trị ⁵ không ai bằng Nghiêu Thuấn mà còn dùng Quân Trụ, Thành Chiêu làm thầy. Các đế vương đời xưa, sở dĩ thánh đức ngày một tăng lên, chưa có bậc nào là không do học vấn. Huông chi bệ hạ đương lúc tuổi còn trẻ, chưa biết được mọi đạo trị nước xưa nay. Đại tư đồ Lê Sát [27b] chọn dùng nho thần vào hầu ở bên, là có ý muốn bệ hạ được như vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi ; sao bệ hạ coi nhẹ tông

1. *La La Tư Điện* : là một vương quốc của người Lô Lô hồi đó. Địa bàn nước này là vùng đất tỉnh Quý Châu, Trung Quốc.
2. *Mường Qua* : theo lời chú Bản dịch cũ là nước Lão Qua.
3. *Mường Tầm* : tức Tầm Châu, vùng thượng lưu sông Mã nước Ai Lao.
4. Nghĩa như : “phê duyệt” ngày nay.
5. *Sinh trị* : nghĩa là sinh đã biết mọi việc, không cần phải dạy bảo, từ nay chỉ dùng cho các bậc thánh nhân.

miếu xã tắc, không thấy lòng trung thành của họ, để cho họ lo buồn mà không vào châu ? Xin bệ hạ nghĩ đến ý ký thác của Tiên đế, thì thiên hạ được đội phúc mà bệ hạ được hưởng lộc thọ của bậc đại hiếu”.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, nước Ai Lao lại làm phản, đánh vào Mường Viễn. Người Man họ Nữ nước ấy đánh bắt được 13 người, chém được 9 thủ cấp, cắt lấy tai đem dâng.

Phụ đạo trấn Thái Nguyên là Nông Văn Thông dâng chiếc cung Âm tuyền. Cung ấy rộng giữa, có thể đứng mà uống được nước suối.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài rằng :

“Nay các khanh không kính giữ phép công, người giữ tiền bạc sổ sách cả nước thì dễ chậm trễ hoặc gây khó dễ, thuế đáng thu hay đáng miễn thì không chịu phê tâu dứt khoát [28a] để làm khổ dân. Người coi quân thì không thương dân đau khổ, mượn đồ của dân, vút bỏ bữa bãi đến nỗi hỏng, mất, đến khi có việc lại đến hạch sách. Còn kẻ coi dân thì chỉ vụ lợi riêng, không lo nuôi dưỡng dân, hoặc tha cho người giàu, bắt tội người nghèo, mua gỗ làm nhà làm cửa, xử kiện không công bằng, chỉ gây bè phái, lo hối lộ, làm việc không siêng năng, chỉ thích ăn uống nhậu nhẹt. Lại như các quan nơi phiên trấn, quan ải, khi có người lạ qua lại, thì sơ hở để nó trốn thoát, không chịu chú ý xét bắt, chỉ lo buôn bán để kiếm chác cho mình. Các khanh cùng hưởng lộc trời, trị dân trời mà làm việc như thế, không trái với lòng trời ư ? Chớ coi lời trẫm là những lời nói suông. Nếu các khanh biết dốc hết tâm sức đổi lỗi xưa, theo con đường phải, hết lòng trung thành, yêu mến quân dân, hòa mục với đồng liêu, công bằng xử án, khuyến khích nông tang, dẹp yên trộm cướp, cố giữ liêm khiết thì thân mình vẻ vang, nhà mình vinh hiển, phúc đến con cháu sau này. Nếu ai không theo sẽ tự chuốc lấy trừng phạt”.

Ngày mồng 7, thưởng cho các quan làm việc lâu năm, siêng năng tài cán. Hạng nhất được thưởng tước 1 tư và 5 quan tiền, hạng nhì được thưởng 1 tư.

Trước đây, vua đã sai người đi hỏi ngầm khắp nước, đến đây căn cứ vào lời tâu, bắt và xét hỏi những viên tham quan ô lại không giữ phép nước, gồm Tuyên úy các phiên trấn, tướng hiệu năm đạo, các viên Tuyên phủ, Chuyển vận, Tuần sát các lộ, trấn, huyện, cộng là 53 người.

[28b] Cho sư trụ trì chùa Báo Thiên là Huệ Hồng làm sa môn, ban cho áo tía.

Người dân huyện Bô Lãng thuộc châu Hóa là Nguyễn Như Khuê bị vợ là Nguyễn Thị Đồn và con nuôi là Nguyễn Lang giết chết. Việc bị phát giác. Nguyễn Thị Đồn và Nguyễn Lang đều bị chém.

Mùa thu, tháng 8, ngày 11, sét đánh vào thuyền của quân Tây đạo.

Có sâu hại lúa.

Ngày 22, đúc xong tượng vàng của Thái Tổ và Quốc thái mẫu, [29a] sai nhà sư làm phép điểm nhơn¹ rồi rước vào Thái miếu để thờ.

Ngày 28, Lê Bính và Nguyễn Thiên Tích vâng mệnh đi sứ phương Bắc trở về, tâu là phó sứ Phan Ninh, hành nhân Nguyễn Cát Phú và người đi theo, gồm 7 người bị bệnh dịch chết, nước Minh có điều tể.

Tháng 9, thi giáo quan ở Quốc tử giám và các lộ, cùng quân dân có học vấn ở Văn Tập đường.

Bấy giờ, các giáo quan nhiều người không xứng chức hoặc nói xấu lẫn nhau, chuyện đến tai triều đình, cho nên cho thi để thải bỏ, mặt khác, cho thi để chọn lấy quân dân bổ sung chân khuyết.

Ngày 18, nghị bàn riêng về ngạch thuế.

Người ở đất bãi trồng dâu, có ruộng cấy lúa, quân thì cấp cho 5 sào đất trồng dâu, dân thì cấp cho 4 sào để làm sản nghiệp, miễn thuế, nhưng không miễn cho kẻ không vợ và góa chồng. Phan Thiên Tước nói :

“Người không vợ và góa chồng là hạng chính sách nhà vua thương đến. Nay ban ơn cho quân dân mà hạng đó không được dự, thế thì họ không phải là dân của [29b] vua ư?”

Bọn Đại tư đồ Lê Sát nói :

“Quân dân bỏ sức làm việc, đóng góp thuế khóa, còn hạng không vợ góa chồng kia cho nước được nhờ gì ? Vả lại, khi còn Tiên đế, chưa từng giảm nhẹ cho ai thì ông im lặng không nói gì, mà nay đã định thành lệ rồi lại cứ nói mãi không thôi là làm sao ?”.

Tước trả lời :

“Khi còn Tiên đế, Tước này chưa được giữ chức trách nói năng, nay chức trách phải nói, cũng muốn thành điều hay cho nhà nước thôi, có phải mưu lợi riêng cho mình đâu ?”

Bấy giờ mới cho những người không vợ, góa chồng được miễn thuế tô 3 sào.

Lấy Lê Khả Lập làm Môn hạ ty hữu thị lang tri Tây đạo quân dân bạ tịch.

Người đàn bà ở xã Thương Xá, lộ Quốc Oai là Nguyễn Thị Ngọc đã có 8 con với chồng. Chồng bị bệnh hủi, Nguyễn Thị Ngọc không cứu chữa nuôi nấng, lấy trộm tài sản của chồng, tư thông với khó giám là Nguyễn Chiếm để mưu lấy chồng khác, bị xử giáo².

Vua tập cưỡi voi ở hậu điện, cho voi chạy đuổi nhau. Gặp [30a] lúc có người dâng con sơn dương sống, vua cho voi đấu với sơn dương. Con sơn dương thế cùng, buộc

1. *Điểm nhơn* : vẽ mắt tượng.

2. *Xử giáo* : xử thắt cổ cho chết.

phải giương sừng ra húc. Voi sợ hãi lùi lại, bị rơi xuống giếng chết. Phan Thiên Tước cùng Lê Sát, Lê Ngân can ngăn. Vua im lặng.

Ngày 26, Thái sử thừa Bùi Thị Hanh mật tâu rằng, ngày 1 tháng 11 sẽ có nhật thực, xin dùng bí thuật như năm xưa, để trấn yểm giải trừ. Vua cho dùng thuật ấy, ban cho 50 quan tiền.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 6, lấy Lê Cảnh Xước làm Nội mật viện sứ, vẫn hầu Kinh diên ; Đào Công Soạn làm tri Thẩm hình viện sự ; Nguyễn Văn Huyền làm tri Nội vật viện sự ; Nguyễn Thúc Huệ làm Nội mật viện phó sứ ; Hà Lật làm Hữu hình viện đại phu.

Ra lệnh chỉ cho các quan ở hai bên tả hữu kinh thành và vệ quân các đạo rằng : Ở địa phận của phường mình, quân mình, [30b] chỗ nào trước có tuân cảnh thì phải làm lại, cắt người luân lưu nhau canh phòng theo như quân pháp. Lại như người của phường nào, quân nào, thì phải làm nhà tại phường ấy, quân ấy, không được ở lẫn chỗ khác.

Ngày mồng 10, ra lệnh chỉ cho đại thần, các quan văn võ, dân ông, dân bà rằng : Từ nay về sau, không được may mặc hai màu đen, vàng, còn màu vàng xanh thì không cấm.

Ra lệnh chỉ cho đại thần, các quan văn võ cùng quân dân rằng : Phần đất ở kinh thành thì cấm chỉ không được trồng dâu, nếu là ruộng đất nhà nước ban cho thì được trồng các thứ hoa quả. Bấy giờ Thái sử thừa Bùi Thị Hanh nói rằng trong cấm thành kiêng trồng dâu, cho nên có lệnh này.

Vua thấy quan tam phẩm mặc áo màu hồng không hợp quy chế cũ, muốn sai đổi áo màu xanh. Đại tư đồ Lê Sát nói :

“Tiên đế khai sáng cơ nghiệp, có ý định phân biệt [31a] kẻ hơn người kém để biểu dương các bậc công thần. Quy chế đã định rồi, không nên thay đổi nữa”. Vua nghe theo.

Ngày 18, vua ngự ra bến Đông¹ xem năm quân thi vượt sông.

Có cây cau mới mọc vài đốt đã có quả. An phủ sứ lộ Lý Nhân là Bạch Khuê cho là điềm lành dâng lên. Vua không nhận.

Bãi các chức tước của Chính sự viện tham nghị Nguyễn Nhữ Lễ.

Bấy giờ giáng bỏ Nhữ Lễ vào ngự tiền vũ đội, Nhữ Lễ cho là bị giáng, không nhận chức. Các đại thần cho là Lễ không thi hành mệnh lệnh của vua, tâu xin bãi truất Lễ.

Ngày 29, ra lệnh chỉ cho các quan ngự tiền, các vệ quân và trấn quân năm đạo, cùng những người trong các sảnh, viện, cục, mỗi người đều phải mang lương ăn

1. Bến sông Hồng, ở phía đông thành Thăng Long.

trong 1 tháng và các thứ chiến bào, đồ dùng, hạn đến ngày 15 tháng 11, phải tập hợp đầy đủ tại địa phận của mình để điểm danh và tập luyện võ nghệ.

[31b] Tháng 11, ngày Mậu Thìn, mồng 1, có nhật thực, vì Bùi Thị Hanh đã mất tàu từ trước, nên không hộ cứu mặt trời.

Ngày Quý Dậu, mồng 6, có sấm và cầu vòng.

Ngày Đinh Sửu, mồng 9, trời có tiếng như tiếng sấm. Kinh sư và các huyện bên cạnh động đất.

Chém Chuyền vận sứ huyện Thủy Đường là Nguyễn Liêm.

Liêm nhận của người 2 tấm lụa. Lê Sát căn cứ vào lệnh chỉ thời Thái Tổ ghi là nhận một quan tiền hồi lộ thì tâu lên xử trảm, [nên chém Liêm]. Con Liêm xin chịu chết thay cho cha, cũng không được.

Chiêm Thành sai sứ sang.

Phát hơn 5.000 quan tiền cấp cho tướng hiệu và quân nhân đi đánh dẹp theo thứ bậc khác nhau.

Mường Bồn¹ sang cống các thứ ngà voi, sừng tê, bạc, vải.

Mường Bồn giáp giới với đất của Chăm Quý, thấy Quý vô lễ, sợ và lấy đến mình, cho nên quy thuận trước. Vua khen ngợi, sai đem áo kim tuyến về thưởng cho phụ đạo xứ ấy và ban lụa cho người đi sứ theo thứ bậc khác nhau.

Ngày 21, lấy [32a] Tư mã Tây đạo Lê Bôi làm Tổng quản ; hữu bật Lê Văn Linh làm Tham đốc, đốc suất các vệ quân năm đạo và hai vạn trấn quân Nghệ an đi đánh tên phản nghịch Chăm Quý ở châu Ngọc Ma. Vua răn bảo phải nghiêm cấm tướng sĩ, võ yên nhân dân, tổng quản, đồng tổng quản, tổng tri nào trái lệnh thì bắt giam mà tâu xin xử tội. Từ vệ đồng tri trở xuống, người nào ra trận mà trái lệnh hoặc lùi lại thì cho chém trước tâu sau.

Châu Ngọc Ma ở phía tây Nghệ An, phía đông Ai Lao. Chăm Quý chỉ có 1 vạn quân. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, Quý đã từng đem quân sang giúp, được trao chức Thái úy. Ít lâu sau lại ngờ vực, hồi hận tự đem quân về. Đến khi dẹp xong giặc Ngô, Quý rất hổ thẹn và lo sợ, nhưng lại cậy đất hiểm, đường xa, không chịu thần phục. Quý là người tham lam, tàn bạo, cấm dân không được trồng trọt tranh với mình, xây dựng cung thất lớn, lấy đồng làm cột, vợ cả vợ lẽ phải kẻ hàng trăm, [32b] bắt dân đóng góp nặng, nói láo là để nộp cống, nhưng thực ra là vơ vét về mình. Thái Tổ định giết hẳn, nhưng vì bấy giờ còn đương có việc, nên chưa rảnh tính đến. Tới đây, vua sai đi đánh, bắt Chăm Quý đóng cũi đưa về kinh sư.

Ngày 22, là ngày Kế Thiên thánh tiết. Ban yến cho các quan. Cho trình diễn các trò vui và múa gươm ở thềm điện. Ban cấp tiền mới đúc theo thứ bậc khác nhau.

1. Mường Bồn : tức là Bồn Man.

Ngày 24, sứ Chiêm từ biệt về nước. Ban cho vài lụa. Sai Lê Nhữ Lãm hỏi bọn họ rằng :

“Đồng ruộng các xứ Thổ Lũy¹ của nước Chiêm vốn là đất của ta, các người nhân lúc nước ta nhiều biến cố, cướp lấy để tự vỗ béo mình, tới nay vẫn không nói đến trả lại. Lễ cống hằng năm lại không nộp là tại làm sao ?”.

Sứ Chiêm trả lời :

“Bọn thần muốn cho hai nước thân yêu nhau, còn để gõ cửa mà xin lửa. Song chúa nước thần già lẫn, không chịu tin ai. Thần xin triều đình cử sứ thần sang báo cho chúa nước tôi, nếu không thì dù bọn thần có nói cũng không có bằng chứng gì để làm tin cả”. [33a]

Nhữ Lãm nói :

“Triều đình há lại không có lấy một sứ thần hay sao ? Nhưng nước người không giữ lễ nước nhỏ thờ nước lớn, thì sứ thần đâu có thể khinh xuất mà đi được ?”.

Bèn làm công văn đóng dấu của Thượng thư trao cho sứ Chiêm mang về.

Lấy tri Thảm hình viện sự Đào Công Soạn làm Thảm hình viện sự kiêm Lễ bộ thượng thư. Công Soạn rất am hiểu điển cũ và phong tục người Ngô. Bấy giờ sứ nhà Minh sắp sang, vua muốn Công Soạn giữ việc ứng tiếp, cho nên có lệnh này.

Đặt chức Trấn quan tri quân dân sự.

Tuyển tráng đinh sung quân.

Tháng 12, sứ Minh là Chu Bật, Tạ Kinh sang báo việc vua Minh lên ngôi² và việc gia tôn thái hoàng thái hậu.

Bật vào đến địa giới, trước hết sai người tàu với vua mặc đồ cát phục³ đón tiếp. Đến khi mở đọc chiếu thư, cũng không làm lễ cứ ai, yến tiệc vui chơi như thường.

Bọn Bật tham lam thô bỉ, trong bụng rất hám tiền của nhưng ngoài [33b] mặt làm ra vẻ liêm khiết, mỗi khi có tặng lễ vật vàng bạc, đều từ chối không nhận, nhưng lại nhìn những người đi theo nét mặt ngần ngại. Triều đình biết ý, mới đưa những người đi theo sang dự yến ở phòng khác, rồi nhân lúc rót rượu, ngầm lấy mấy nén vàng ấn vào lòng bọn Bật. Bọn Bật mừng rỡ khôn xiết. Bọn Bật lại mang nhiều hàng phương Bắc sang, đặt giá cao, ép triều đình phải mua. Đến khi về nước, phải bắt đến gần một nghìn dân phu khiêng gánh đồ cống vật và hành lý của bọn Bật.

Hạ lệnh cho vệ quân các đạo và năm quân Thiết đột vét sông Đông Ngàn⁴.

Ngày 11, lấy Tri nội mật viện là Nguyễn Văn Huyền, Điện trung thị ngự sử Lương Thiên Phúc, Quản lĩnh Lê Lung, Tả hình viện đại phu Đinh Lan, cùng đi với

1. Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ chép là “Ruộng các xứ Chiêm Động và Cổ Lũy”.

2. Tức là Minh Anh Tông.

3. Cát phục : áo mặc lúc có việc vui, trái với tang phục.

4. Sông Đông Ngàn : khúc sông Đuống chảy qua huyện Từ Sơn cũ nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

sứ phương Bắc là Chu Bật, đem biểu mừng vua Minh lên ngôi và hoàng thái hậu được gia tôn.

Ván khắc mới sách *Tứ thư đại [34a]* toàn hoàn thành.

Lấy Đỗ Văn Lộng làm Tri phủ lộ Quốc Oai Thượng ; Hà Đa Mãn làm Đồng tri phủ lộ Thiên Trường ; Phạm Thị Trung làm Tham tri bạ tịch Đông đạo ; Hà Phủ và Bùi Nhữ Lĩnh đều làm Đồng tri Thảm hình viện ; Nguyễn Tông Nhân làm Thiêm tri Thảm hình viện sự ; Phan Công Ích làm Hữu hình viện lang trung.

Sai bọn Tư không Mường Mộc và Lê Khả Tham, Thiếu úy Lê Xa Miên cùng đem quân Mường của trấn ấy đi đánh bọn Đạo Quỳnh ở Ai Lao.

Ngày 27, ban tiền tết cho các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau.

Bính Thìn, [*Thiệu Bình*] năm thứ 3 /1436/, (Minh Anh Tông Chính Thống năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ban sai Thảm hình viện sứ kiêm Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ sang nhà Minh cầu phong.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng một, đại xá.

[34b] Tháng 6, ngày mồng 6, sai bọn Thảm hình viện sứ kiêm Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn và Nội mật viện phó sứ Nguyễn Công Cừ sang nhà Minh nộp cống hàng năm.

Mùa thu, tháng 7, bỏ sinh đồ các lộ.

Lấy Lê thúc Hiến làm An phủ sứ lộ Trường yên. Hiến người thôn Hồn, thuộc Hồng Châu, có tài về chính sự, được mọi người khâm phục.

Đinh Tỵ, [*Thiệu Bình*] năm thứ 4 /1437/, (Minh Chính Thống năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, thổ tù châu Mỗ¹, trấn Gia Hưng là bọn Đạo Quý, Đạo Thang dẫn người châu đó đến bắt viên thổ quan là Đại tri châu Đạo Lễ đem thắt cổ chết, rồi giữ trại sách làm phản. Chiêu thảo sứ Hà An Lược đánh dẹp được, bắt sống bọn Quý và bè đảng hơn trăm tên giải về kinh giết đi. Lại lấy An Lược làm Chiêu thảo đại sứ ; Đạo Xa, con Đạo Quý làm Hoài viễn tướng quân, kiêm Đồng tri châu bản châu, ban cho mũ, đai, **[35a]** y phục.

Sai Hành khiển Nguyễn Trãi và Lỗ bộ ty giám Lương Đăng đốc suất làm loan giá, nhạc khí, dạy tập nhạc múa.

Ngày 13, nhà Minh sai chánh sứ là Binh bộ thượng thư Lý Úc, phó sứ là Thông chính ty hữu thông chính Lý Hanh mang chiếu sắc và ấn vàng sang phong vua làm An Nam Quốc Vương (ấn nặng 100 lạng, núm hình con lạc đà, làm bằng vàng). Khi bọn Úc về nước, vua ban cho lễ vật rất hậu, nhưng bọn Úc từ chối không nhận.

1. *Mỗ Châu* : tức Mường Muối, sau đổi là Thuận Châu. Thuận Châu đời Lê gồm các huyện Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn tỉnh Sơn La và huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu ngày nay.

Ngày 17, lấy Quản lĩnh quân Hùng tiếp là Thái Sĩ Minh làm chánh sứ ; đồng tri Thẩm hình viện sự Hà Phủ và Hữu hình viện đại phu Nguyễn Nhật Thăng làm phó sứ sang tạ ơn nhà Minh.

Làm lễ tấu cáo Thái miếu, vì nhà Minh sang phong.

Ban cho quan võ đội mũ cao sơn. Trước đây, quan võ đội mũ chiết xung, đến nay cho đội mũ cao sơn cũng như quan văn.

[35b] Hạ lệnh cho các Hành khiển năm đạo làm sổ hộ tịch.

Thi viết chữ làm tính, lấy đỗ 690 người, bỏ làm thuộc lại các pha môn trong ngoài.

Phép thi : Kỳ thứ nhất, thi viết ám tả cổ văn. Kỳ thứ hai, thi viết chữ chân, chữ thảo. Kỳ thứ ba, thi phép làm tính. Người dân và sinh đồ đều được vào thi, giám sinh và những người đã ở sổ quân thì không được thi.

Bấy giờ quan tể tướng đều là đại thần khai quốc, không thích Nho thuật, chuyên lấy việc sổ sách, giấy tờ và kiện tụng để xét thành tích của các quan, bọn lại thuộc phần nhiều chiều hót quan trên, cho nên quan trong ngoài có chức nào khuyết thì tiến cử để bổ dùng. Bọn hãnh tiến chán ghét học thuật, theo nghề đao bút¹. Giám sinh cũng muốn bỏ việc học hành mà xin vào làm lại, cho nên cấm không cho thi. Lần thi này, những kẻ luồn lọt, thỉnh thác có tới một nửa.

Hành khiển Nguyễn Trãi dâng bản vẽ khánh đá và tâu rằng :

“Kể ra, đời loạn dùng [36a] võ, thời bình chuộng văn. Nay đúng là lúc nên làm lễ nhạc. Song không có gốc thì không thể đứng vững, không có văn thì không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Thần vâng chiếu soạn nhạc, không dám không dốc hết tâm sức. Nhưng vì học thuật nông cạn, sợ rằng trong khoảng thanh luật, khó được hài hòa. Xin bệ hạ yêu nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than, như thế mới không mất cái gốc của nhạc”.

Vua khen ngợi và tiếp nhận. Sai thợ đá huyện Giáp Sơn lấy đá ở núi Kinh Chủ để làm.

Tháng 2, vua tới trường đua xem tập võ nghệ.

Lấy Tả hình viện đại phu Đinh Lan làm An phủ phó sứ lộ Bắc Giang thượng. Đồi Đoàn Quốc Sĩ làm An phủ phó sứ lộ An Bang, lấy bọn nội thị Nguyễn Đình Trạc ba người làm Chuyển vận phó sứ, Vũ đội [36b] khách đội trưởng Lưu Bá Cung làm Tứ sương chỉ huy sứ.

Trước kia, Bá Cung làm thông sự cho Thành Sơn hầu Vương Thông. Năm Đinh Mùi (1427), Thái Tổ đóng bản doanh ở Bồ Đề, Vương Thông thường sai Bá Cung đi lại thông tin tức. Thái Tổ bảo Bá Cung rằng :

1. *Đao bút* : chỉ bọn thư lại chuyên nắm giấy tờ sổ sách.

"Nếu Vương Thông quả rút quân về nước, ta sẽ phong người tước hầu".

Khi đất nước bình yên, được cất nhắc làm đội trưởng. Đến đây, các đại thần đều nhắc tới việc đó, cho nên có lệnh này.

Ngày Ất Hợi, làm lễ tấu cáo Thái miếu. Truy dâng tôn hiệu cho các Tiên đế, Tiên hậu :

Hiển Tổ Chiêu Đức Hoàng Đế là Hiển Tổ Chiêu Đức Chí Nhân Hoàng Đế¹ Hiển Từ Gia Thực Hoàng Thái Hậu là Hiển Từ Gia Thực Khâm Thuận Hoàng Thái Hậu², Tuyên Tổ Hiến Văn Hoàng Đế là Tuyên Tổ Hiến Văn Duệ Triết Hoàng Đế³, Trinh Từ Ý Văn Trang Du Hoàng Thái Hậu⁴, Thái Tổ Thông [37a] Thiên Khải Vận Thánh Đức Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Hoàng Đế là Thái Tổ Thông Thiên Khai Vận Thánh Đức Thần Công Duệ Văn Anh Vũ Đại Hiếu Hoàng Đế⁵, Cung Từ Quốc Thái Mẫu là Cung Từ Quang Mục Hoàng Thái Hậu⁶, vì nhà Minh sai sứ sang phong.

Gia phong thần từ các xứ trong nước, sai quan đến tế.

Bọn Đinh Cảnh An cho là triều nghi không nghiêm, hặc tội bọn Điện tiền đô chỉ huy sứ Hà Thê, Phạm Nội, Lê Lung, đều phạt từ 80 trượng trở xuống. Từ đây, triều nghi mới hơi nghiêm.

Khảo xét võ nghệ của các tướng hiệu. Phép khảo xét : bắn cung là một môn, ném tên là một môn, đánh mộc là một môn. Cả ba môn đều được thì cấp lương toàn phần, ai không được môn nào thì bị giảm lương, sau coi đó làm lệ thường.

[37b] Tháng 3, nêu biển biêu dương liệt nữ Lê thị.

Lê thị tên là Liễn, người làng Phúc Lâm, lộ Quốc Oai trung, là vợ của Túc vệ Lương Thiên Tích đời Hồ, có nhan sắc, góa chồng sớm, không có con, thờ phụng nhà chồng, cúng lễ chồng đến khi chết. Thiếu bảo Lê Quốc Hưng đem việc ấy tâu lên, nên được biêu dương.

Hạn hán, hạ lệnh cho các lộ, huyện trong nước làm lễ cầu mưa.

Ngày Ất Ty, có nguyệt thực. Thái sử Bùi Thị Hanh mặt tâu nên ăn đi, không hộ cứu.

Đô tri tả hữu ban á hầu Lê Vận chết. Truy tặng Trung thư lệnh Tự hiệu hầu, tên thụy là Huệ Tri. Vận là anh của Cung Từ Hoàng Thái Hậu⁷ (trước họ Phạm, được ban quốc tính là họ Lê).

Vua ngự ra hồ Tây xem cá.

Lấy Tuyên úy sứ Lạng Sơn là Lê Lộng làm Tuyên úy đại sứ, Tả hình viện đại phu Đào Mạnh Cung làm Lang trung viện ấy ; Nguyễn Doãn Cung [38a] làm Hữu hình viện lang trung ; Tường hình viện đại phu Nguyễn Trường làm Hữu hình viện

1. Tức Lê Đình, ông tổ bốn đời của Thái Tông.

2. Tức bà Nguyễn Thị Quách, vợ của Lê Đình.

3. Tức Lê Khoáng, cha Lê Lợi, ông nội của Thái Tông.

4. Tức bà Trịnh Thị Thương, vợ của Lê Khoáng.

5. Tức Lê Lợi.

6. Tức bà Phạm Thị Trần, mẹ Thái Tông.

7. Cung Từ Hoàng Thái Hậu là bà Phạm Thị Trần, sinh ra Lê Thái Tông.

dại phu ; chuyển vận huyện Thủy Đường¹ là Vũ Đình Ngạn làm Ty hình viện đại phu ; Chuyển vận huyện Đề Giang² là Nguyễn Nhật Tn làm Trường hình viện đại phu.

Mùa hạ, tháng 4, làm lễ cầu mưa ở cung Cảnh Linh.

Vua muốn xem thủ chiếu và thơ văn của họ Hồ³, Nguyễn Trãi sưu tập được vài chục bài thơ, văn bằng quốc ngữ dâng lên.

Ban tiền sắm triều phục, mũ, đai cho các quan văn võ trong ngoài theo thứ bậc khác nhau.

Tháng 5, Hành khiển Nguyễn Trãi tâu rằng :

“Mới rồi, bọn thần cùng với Lương Đăng hiệu định nhã nhạc, nhưng kiến giải của thần không giống với Lương Đăng, thần xin trả lại công việc được sai”.

Trước kia Thái Tổ sai Nguyễn Trãi định ra quy chế mũ áo, chưa kịp thi hành. Đến đây, Lương Đăng dâng thư [38b] đại ý nói :

“Về lễ thì có lễ đại triều và lễ thường triều. Tế trời, cáo miếu, ngày thánh tiết⁴, ngày chính đám⁵, thì làm lễ đại triều, hoàng đế mặc áo cổn, đội mũ miện, lên ngai ngai báu, trăm quan đều mặc triều phục đội mũ châu. Còn những ngày mồng một, ngày rằm hằng tháng thì Hoàng đế mặc áo bào vàng, đội mũ xung thiên, ngai ngai báu, trăm quan đều mặc công phục, đội mũ phác đầu. Lễ thường triều thì hoàng đế mặc áo bào vàng, đội mũ xung thiên, ngai sập vàng, trăm quan mặc thường phục cổ tròn, đội mũ sa đen. Về nhạc thì có nhạc tế Giao, nhạc tế Miếu, nhạc tế Ngũ tự⁶, nhạc cửu khi có nhật thực, nguyệt thực, nhạc đại triều, nhạc thường triều, nhạc cửu tấu khi đại yến, nhạc dùng trong cung, không thể dùng nhất loạt được. Về cỗ bộ đại giá, như xe kiệu thì có đại lộ, tượng lộ, mã lộ⁷, có cửu long dư, thất long dư⁸, có bộ liễn, có phi liễn⁹; về nghi trượng thì có kim qua, phủ, việt, chàng, phướn, [39a] tinh kỳ, mao tiết, chương phiên¹⁰, long ngũ phượng. Số ngựa đóng vào xe và số đội ngũ theo hầu cũng đều có quy định cả, thần không thể chép hết được”.

Thư ấy dâng lên, vua lại sai Lương Đăng định ra các quy chế. Đăng nhân đó dâng lên quy chế về mũ áo và nhạc khí. Đại để, quy chế do Đăng và Trãi định ra phần nhiều không hợp nhau, những chỗ bàn về số lượng, trọng lượng các nhạc khí có nhiều điều trái nhau, mà trình bày cũng khác nhau, cho nên Trãi xin thôi việc đó.

1. *Huyện Thủy Đường* : nay là huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

2. *Huyện Đề Giang* : nay là huyện Sơn Dương, tỉnh Hà Tuyên.

3. Tức Hồ Quý Ly, Hồ Quý Ly có nhiều thơ văn bằng chữ Nôm, nhưng hiện nay chưa tìm lại được..

4. *Thánh tiết* : ngày sinh của vua.

5. *Chính đán* : ngày mồng một tết Âm lịch.

6. *Ngũ tự* : theo *Lễ kinh*, thiên *Nguyệt lệnh*. thì Ngũ tự là năm lễ tế các thần Hộ (cửa), Táo (bếp) Trung lự (giữa nhà), Môn (cửa lớn), Hành (đường đi).

7. *Đại lộ* : xe lớn ; *tượng lộ* : xe trang sức bằng ngà voi ; *mã lộ* : xe ngựa.

8. *Cửu long dư* : kiệu chín rồng ; *thất long dư* : kiệu bảy rồng.

9. *Bộ liễn* : xe đi thông thả, *phi liễn* : xe đi nhanh.

10. *Tinh kỳ*, *mao tiết* : là các loại cờ. *Chương phiên* : loại quạt lớn làm bằng lông chim.

Vua theo lời bàn của Đấng, rồi làm theo. Vua yết Thái miếu bãi trò hát chèo, không tấu nhạc dân nữa ¹.

Cho Thị ngự sử Nguyễn Vĩnh Tích được phục chức.

Bấy giờ có viên Đồng quản lĩnh ² Lê Trung Xích sai lính làm việc riêng và làm nhiều điều sai trái. Nguyễn Vĩnh Tích hặc tội, cho là đáng phải biếm chức. Tri từ tụng Trịnh Khắc Phục cứu gỡ cho Trung Xích. Vĩnh Tích xin xét tội luôn cả Khắc Phục. Vua không nghe. Ngày hôm sau, Vĩnh Tích dâng sớ xin từ chức. Chưa được lệnh, Vĩnh Tích không chịu đến ban nữa. Đình Cảnh [39b] An và Phùng Vinh tâu vua : “Vĩnh Tích làm gì mà không cho phục chức?”. Vua bèn cho phục chức.

Thượng thư lệnh tham tri chính sự, tri Bắc đạo quân dân bạ tịch sự Đình hầu Nguyễn Lâm ³ chết, được truy tặng nhập nội thái bảo, tên thụy là Trung Tĩnh. Lâm người đen mà cao, có tài biện bác.

Tháng 6, hạn hán, có sâu hại lúa. Hạ lệnh cho các lộ, trấn làm lễ cầu mưa.

Lấy Nhập nội thiếu úy Tam tri Tây đạo chư vệ quân sự là Lê Thận làm Tham tri Bắc đạo chư vệ quân sự ; Nhập nội thiếu úy thượng Nam Sách vệ ⁴ tổng quản là Lê Lăng làm Tham tri Tây đạo chư vệ quân sự ; Thiên Quan vệ đồng tổng quản là Lê Luận làm Nam Sách Thượng vệ đồng tổng quản ; Phán đại tông chính tự là Trịnh Khắc Phục làm tri Bắc đạo quân dân bạ tịch ; Thanh Hóa lộ đô tổng quản là Lê Lý làm Bắc Giang Hạ lộ đồng tổng quản ; [40a] tri Nội mật viện sự là Nguyễn Văn Huyền làm Thuận Hóa lộ tri phủ ; Chính sự viện tham nghị là Nguyễn Tông Trừ làm Thanh Hóa phủ đồng tri phủ ; Nguyễn Nhữ Soạn làm Chính sự viện tham nghị.

Thị ngự sử Đình Cảnh An tâu vua : “Nhữ Soạn là người tham ô, đã ba lần phạm pháp, nay lại được làm quan tứ phẩm thì lấy gì để khuyển răn kẻ khác”.

Vua không nghe.

Ngày Canh Ngọ, kinh sư có mưa, các quan đều chúc mừng, vua sai người đi các lộ xem có mưa không.

Ngày Tân Mùi, xuống chiếu rằng : Mấy năm nay hạn hán sâu bọ xảy ra liên tiếp, tai dịch có luôn, phải bớt hình phạt, giảm thuế khóa, để yên lòng dân.

Lấy Nam Sách Hạ vệ đồng tổng quản Trịnh Khả làm Hành quân tổng quản tri xa kỵ vệ chư quân sự quản lĩnh Thiết đột hậu dực thánh quân thái giám ngự tiền lục quân tri ngự tiền võ sĩ ngự tiền trung quân chư đội ; Điện tiền [40b] đô hiệu điểm Lê Ê làm Thiết đột hữu quân đồng tổng quản, Hữu quân đồng tổng quản Lê Hiệu làm Khoái lộ tổng quản ; Khoái lộ tổng tri Lê Hồ làm Nam Sách Hạ vệ tổng tri ; Đô chỉ huy sứ Hà Thê làm Điện tiền đô kiểm điểm ; Chỉ huy sứ Phạm Nội làm Đô chỉ huy ; Chỉ huy phó sứ Lê Lung làm Chỉ huy sứ.

1. Nguyên văn là dân nhạc, đối lập với nhà nhạc, ở đây chỉ các làn điệu dân gian.

2. Nguyên văn : “Quan đồng quân quan lĩnh...” hẳn là in lầm, ở đây chúng tôi dựa vào bản dịch cũ.

3. Sửa lại theo bản dịch cũ.

4. Nên sửa lại là Nam Sách thượng vệ như ở dưới.

Bấy giờ, vua đã lớn tuổi, xét đoán mọi việc đã sáng suốt, mà Lê Sát vẫn tham quyền cố vị nên vua càng ghét Sát, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bao dung. Sát không nhận ra điều đó.

Đến đây, vua cùng những người hầu cận bàn mưu cho rằng Lê Ê, Lê Hiệu là người thân thích của Sát, mà Trịnh Khả thì trước có hiềm khích với Sát, bèn cho bọn Ê ra ngoài rồi trao cầm binh cho Khả nắm giữ. Sát xin giữ Hiệu lại và nói rằng :

“Nếu Khả được hầu trong cung thì sợ thân nguy mất”.

Vua trở vào cung.

Ngày hôm sau, vua sai người báo cho Đinh Cảnh [41a] An :

“Đại tư đồ Sát cho thăng chức mà không nhận, ta muốn lấy Lê Văn An làm Hải Tây đạo đồng đô đốc tổng quản, mà Lê Sát ngăn trở”.

Đinh Cảnh An, Nguyễn Vĩnh Tích liền hặc tội rằng :

“Lê Sát quen thói chuyên quyền, tội ấy khó lòng dung thứ”.

Tờ tâu dâng lên, vua trao cho Hình quan xét hỏi. Sát bỏ mũ ra tâu rằng ;

“Nay khép cho thần tội chuyên quyền, thế là tội của thần do Tiên đế mà có cả”.

Bấy giờ bọn Lê Văn Linh, Lê Ngân đều cứu gỡ cho Sát, nhưng vua không nghe.

Nhập nội tư mã tham dự triều chính Bắc đạo đồng đô đốc tổng quản Đinh hầu Lê Văn An chết, được truy tặng Tư không, tên thụy Trung Hiến. Trong đám quan võ, Văn An là người hòa nhã hơn một chút, mỗi khi tiếp các sĩ đại phu đều giữ lễ.

Lấy Hàn lâm viện hiệu khám Nguyễn Khắc Trung làm Tây đạo đại tư mã nha chủ bạ ; [41b] Trung thư trước tác Hồ Đức Phùng làm Nội điện biểu tập cục phó chương. Triều trước, chức phó chương các cục chỉ đến bát phẩm thôi, nay thăng lên lục phẩm. Người nào đến tước này thì mặc áo lục.

Ngày Bính Tuất, sét đánh lâu cửa Đông kinh thành, có người chết.

Bãi chức tước của Đại tư đồ Lê Sát. Xuống chiếu rằng :

“Lê Sát chuyên quyền nắm giữ việc nước, ghen ghét bậc hiền tài, giết Nhân Chú để hồng ra oai, truất Trịnh Khả bắt người ta phục, bãi chức tước của U' Đài khiến đình thần không còn ai dám nói, đuổi Cầm Hổ ra biên giới cho gián quan đều bịt miệng im hơi. Xét mọi việc làm của hắn đều không phải là phép tắc của kẻ làm tôi. Nay muốn khép nó vào hình luật để tỏ rõ phép nước, nhưng vì là viên cố mệnh đại thần, có công với xã tắc, nên đặc cách khoan tha, nhưng phải bãi chức tước”.

Cho Bùi U' Đài được phục chức Đồng tri môn hạ tả ty sự, tước Trí tự, tham tri Tây [42a] đạo quân dân bạ tịch như cũ. Đưa Tây đạo tham tri quân dân bạ tịch Đặng Đắc ra làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn, ít lâu sau bắt hạ ngục.

Lấy Phạm Bôi làm Đông đạo hành quân tổng quản ; Lê Lý làm Nhập nội thiếu úy tham tri Tây đạo chư vệ quân sự. Tước bỏ chữ “Công thần” và chức tước của bọn Lê Văn Linh, giáng xuống làm Bộc xạ. Lấy Lê Thận làm Tư mã tri Bắc đạo chư

vệ quân sự ; Tham tri chính sự Lê Định làm Tư mã ; Tham tri Nam đạo chư vệ quân sự Lê Lăng làm Tham tri Bắc đạo chư vệ quân sự ; Lê Lan làm Bắc Giang Hạ vệ đồng tổng quản. Lấy Thiên ngu vệ hành quân tổng quản quân lĩnh tả dực thánh quân kiêm Nghệ An lộ đại tổng quản Lê Chuyết làm Bảo chính công thần hành quân tổng quản tri Kim ngô vệ chư quân sự quân lĩnh [42b] hữu dực thánh quân. Đưa Lê Ê ra làm Đồng tổng quản lộ Quy Hóa. Lấy Nhập nội tư khấu Bắc đạo hành quân đô tổng quản Lê Ngân làm Nhập nội đại đô đốc Quy Hóa trấn phiên kỵ thượng tướng quân đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ty thượng trụ quốc, Quốc huyện thượng hầu.

Mùa thu, tháng 7, thăng thiếu úy tham tri Hải Tây đạo chư vệ quân sự Lê Khuyển làm Tham tri chính sự, gia bổng thánh tráng sĩ vệ tổng quản thiếu úy tham tri chính sự.

Lấy Chiêu nghi Lê Nhật Lệ, con gái Đại đô đốc Lê Ngân, làm Huệ phi, phế Nguyên phi Ngọc Dao, con gái Lê Sát, làm thứ nhân. Xuống chiếu rằng :

“Lê Sát tội không thể dung thứ, đáng phải chém để ráo, nhưng trăm tha cho không giết. Duy Đặng Đắc là kẻ bày mưu cho Sát, định hại xã tắc thì phải chém bêu đầu. Nguyễn Gia Mô vì biết chuyện lại không tố cáo thì phải dày ra châu xa. Còn [43a] bọn Lê Văn Linh, Lê Linh, Lê Thụ, Lê Ê, Lê Hiệu, đều phải xử theo pháp luật, có ân xá cũng không được hưởng. Lê Bang vì là con rể của Sát, tự tiện ra vào nhà Sát, cho dày ra châu xa”.

Lấy An phủ sứ lộ Lạng sơn là Bùi Cầm Hổ làm Ngự sử trung thừa, vì Hổ trước đã hặc tội Lê Sát¹

Cho Lê Sát được tự tử ở nhà.

Tờ chiếu viết : “Lê Sát nay lại ngầm nuôi bọn võ sĩ, liệu chết, mưu hại bậc trung thần lương tướng, mưu kế giảo quyệt, dấu tích gian phi mỗi ngày một lộ rõ, đáng phải chém đem ráo”.

Lê Ngân và Bùi Cầm Hổ cùng tâu rằng :

“Tội Sát đáng chết, nhưng Sát từng là đại thần, nếu đem xác đi ráo để làm nhục thì sợ rằng dễ tiếng chê cười cho đời sau”.

Bèn cho được chết ở nhà. Vợ con và điền sản nhà Sát đều bị tịch thu. Đem đồ đạc của các nhà Sát ban cho các quan.

Lấy Tuyên phủ đại sứ Thái Nguyên hạ bạn là Lê Lôi làm Xa kỵ đồng tổng quản kiêm đô tổng quản phủ lộ [43b] Thanh Hóa (Lôi người làng Cổ Ninh, huyện Nông Cống) ; Tuyên úy đại sứ trấn Tuyên Quang là Trần Lựu làm Kim ngô vệ đồng tổng quản kiêm đô tổng quản lộ Thuận Hóa ; Nguyễn Cảnh Thọ làm Môn hạ hữu ty thị lang tham tri Hải Tây đạo bạ tịch như cũ ; Nội mật viện phó sứ Nguyễn Thúc Huệ

1. Bùi Cầm Hổ trước làm quan ngự sử, mâu thuẫn với Lê Sát, bị đổi ra làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn. Xem sự việc năm Thiệu Bình thứ 1 (1434), tháng 9.

làm Đồng tri thượng thư tả ty sự tham tri Hải Tây đạo bạ tịch. Lấy Nhập nội thị sảnh đô áp nha tham dự triều chính Lê Khiêm làm Thượng thư lệnh tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch ; Tổng tri Bắc Giang trung lộ Lê Chính làm Tuyên úy đại sứ Thái Nguyên hạ bạ.

Bãi chức Chuyển vận phó sứ huyện Đa Cẩm của Phan Thiên Tước, bắt sung quân của bản lộ, vì Tước là bè đảng của Sát.

Lấy Đồng tri Thảm hình viện sự Bùi Nhữ Lĩnh làm An phủ sứ lộ Quốc Oai Hạ ; Chuyển vận sứ lộ Bắc Giang Hạ [44a] Nguyễn Tông Kiêm làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn. Lấy Phụng tuyên sứ Phạm Sát làm nhập nội thị sảnh đô tri ; Tri tả hữu ban sự Đào Công Soạn làm Môn hạ tả ty thị lang tham tri Bắc đạo bạ tịch.

Bấy giờ phương tây nam có tiếng kêu như sét đánh, mưa to gió lớn ập tới.

Tháng 8, lấy Thái giám tham tri chính sự Trịnh Khả làm Thiếu úy. Lấy nhập nội thiếu úy tổng quản tiền dực thánh quân Lê Thụ làm Tham tri chính sự.

Thuyền buôn nước Xiêm La sang cống.

Bấy giờ, Ai Lao đem quân sang tranh châu Mã Giang¹ và châu Mộc, Xa Tham đánh lại, chém được tù trưởng của chúng là bọn Man Nữ hơn 20 thủ cấp, bắt sống hơn 20 người giải về kinh sư. Ai Lao sai sứ sang xin lại. Vua tha cho về.

Chung đội Nguyễn Văn [44b] Lôi tâu xin cho đi lấy ngọc trai ở Đông Hải để dùng vào các việc của nhà nước, nhưng vua không nghe.

Lấy các Tham tri chính sự Lê Thận, Đỗ Đại, Nguyễn Xí, Lê Thụ làm tri từ tụng sự.

Thiếu bảo tri từ tụng Bùi Quốc Hưng và Phán đại tông chính tự tri từ tụng Trịnh Khắc Phục đều bị biếm 1 tư. Lang trung Phan Công Ích và Đại phu Nguyễn Trường đều bị bãi chức, đuổi về làm dân.

Bấy giờ, vua sai các đại thần duyệt xét các quan xử kiện xem ai làm tròn chức trách. Nguyễn Tường vì tuổi già lại rất nhiều tật bệnh. Đào Mạnh Cung, Nguyễn Doãn Cung vì đã nhận quan tước của người Minh, thời Thái Tổ lại làm quan xử kiện thời gian dài, nay bọn Khắc Phục, Quốc Hưng xin cho họ đổi sang chức khác. Vua giận vì bọn Quốc Hưng, Khắc Phục tiến cử người không đúng, lại che giấu tội tham ô cho chúng, xin cho chúng đổi sang chức khác, nên cho biếm chức bọn Khắc Phục và bãi chức của Công Ích và Nguyễn Trường.

Sai các quan ngự tiền theo mẫu sẵn mà vẽ mặt thuần [45a] và nón da.

Hàn lâm viện đãi chế Vũ Văn Phỉ thông dâm với mẹ vợ là Nguyễn thị, chuyện bị phát giác, phải tội xử chém, Phỉ xin được chuộc tội, cuối cùng bị đày ra châu xa.

Ra chỉ dụ cho các đại thần, thái giám và hình quan rằng :

"Những người xử án, phải căn cứ vào các điều chính trong luật mà xét xử, còn căn cứ vào điều nào để xử một tội nào thì phải tham khảo luật hình rồi trình cho

1. Vùng huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La ngày nay.

dại thần thái giám, đài quan và năm đạo cùng nhau xem xét, nếu các quan ấy đều cho là phải thì sau mới quyết định. Đó là vì việc kiện tụng có thể có oan khuất, cho nên phải xét lại cho rõ ràng, không được như bọn Lê Sát trước đây, chỉ xét xử theo lối thiên vị hay hối lộ.

Cho Tả bộc xạ Lê Văn Linh làm Tri từ tụng sự.

Lấy Ngự tiền cường nô hỏa đồng quân tri Lê Đồ làm Chính sự viện đồng tham nghị. Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu rằng :

“Chức Tham nghị quan hệ đến việc phụ chính, không phải là bậc [45b] lão thành thì không được. Nay Lê Đồ là người nhiều lầm lỗi mà thăng lên chức ấy thì làm sao cho được ?”.

Vua không nghe.

Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu rằng :

“Bệ hạ lên ngôi tới nay, hay thay đổi phép cũ của Thái Tổ, như Lỗ bộ ty đồng giám Lương Đăng, Tiên đế cho là người hơi hiểu biết, dùng làm Nội nhân phó chương, sau thấy hắn khúm núm, không thể gần gũi được, cho ra làm văn đội. Nay lại cho hắn làm quan ¹ xin bệ hạ nghĩ lại”.

Tháng 9, người thợ Cao Liệt dâng hai chiếc mũ cỏ và lấy dân xin vào làm ở cục đó. Thị ngự sử Nguyễn Vĩnh Tích can rằng :

“Thời xưa, người làm vua không quý nghề đua lả khoe khéo. Cho nên vua Thuấn đóng đồ sơn mà có đến 17 người can ngăn. Nay có người dâng mũ thì xin bệ hạ hãy nghĩ tới thời Tiên đế phải dãi gió dầm mưa, chưa bao giờ có thứ đó ?”.

Khi bãi châu [46a] vua đưa mũ cho đại thần và đài quan xem và hỏi họ :

“Cái mũ này có gì là lạ mà đài quan phải can ?”.

Vĩnh Tích trả lời :

“Thần muốn vua hơn cả Nghiêu Thuấn, cho nên can trước cái điều chưa mạnh nhà đó thôi !”.

Vua lại muốn lấy 12 người vào cục quan tác ². Bùi Cầm Hổ dâng sớ can ngăn. Vua giận, cho là Cầm Hổ trước đã hặc tội bọn Quốc Hưng, nay lại giúp cho bọn ấy, trước sau nói không thống nhất, nên biếm 2 tư.

Giáng chức bọn Quản lĩnh Lê Bồ, Lê Lao, Lê Lỗi, cho trở về các chức Trấn phủ, Tuần sát như trước, vì họ là những người được Lê Sát tiến cử.

Lỗ bộ ty đồng giám kiêm tri diễn nhạc sự Lương Đăng dâng nhạc mới phỏng theo quy chế của nhà Minh mà làm.

1. CMCB17, 11a ghi Lương Đăng được thăng Đồ giám trung thừa.

2. *Quan tác* : có nghĩa là “làm mũ”, cục quan tác có lẽ là cục thợ thủ công chuyên làm các loại mũ dùng cho các quan thời đó.

Trước Đăng và Nguyễn Trãi đã vâng mệnh soạn định nhã nhạc. Trong đó, nhạc ở trên ¹ có 8 loại thanh âm như : trống treo lớn, khánh chùm, chuông chùm ², đặt các loại đàn cầm, đàn sắt, sênh, quản, thược, chúc ngữ, huân tri ³. Nhạc ở dưới điện [46b] thì có phương hưởng treo, không hầu ⁴

Mùa đông, tháng 10, đầy bọn Lê Thảo ra châu xa.

Bấy giờ bọn Lê Thảo, Lê Khản, Lê Khắc Hải đều là võ sĩ, là bọn thân tín của Lê Sát. Đến khi Sát bị tội, có người nói bọn chúng là thích khách của Sát, tra khảo thế nào chúng cũng không nhận. Hình quan cho là bọn Thảo nghe Lê Sát định giết Đại đô đốc Lê Ngân, tội đáng chém. Có chỉ đặc ân tha cho tội chết, bắt đầy ra châu xa, tịch thu vợ con, điền sản.

Đạo Mộ ở châu Ngọc Ma bắt em hần là bọn Đạo Muộn và hơn 50 thủ hạ giải về kinh sư.

Muộn là em khác mẹ của Mộ, đều là con của Cầm Quý. Khi quan quân đánh Ngọc Ma, thì Mộ quy thuận triều đình, còn Muộn thì theo cha sang Ai Lao. Sau khi Quý bị giết, Mộ gọi Muộn về. Đến khi về, lại âm mưu giết Mộ, cho nên Mộ bắt đem nộp.

[47a] Ngày canh ngọ, năm kiêu xe lộ⁵ làm xong. Cho Lỗ bộ ty đồng giám Lương Đăng làm đô giám.

Nội mật viện sứ Lê Cảnh Xước nhận 20 lạng bạc hối lộ, chuyện bị phát giác, theo luật thì đáng tội chết. Vua thấy Cảnh Xước hầu kinh diên lâu ngày, xuống lệnh riêng cho bãi chức về làm dân.

Tháng 11, cho Lê Cảnh Xước làm Hàn lâm viện thị giảng ngữ tiền học sinh cục phó ; Chu Tam Tỉnh làm Tả hình viện đại phu ; Trần Phong làm Hữu hình viện đại phu ; Nguyễn Nhật Thăng làm An phủ sứ lộ An Bang.

Lấy Chuyển vận huyện Thạch Thất là Trần Hiến làm Thị ngự sử.

Bấy giờ, Hiến tâu là huyện ấy có một nhánh sông cũ, thuyền bè có thể qua lại được mà Tổng quản Lê Hiệu tâu xin lấp đi làm đất của mình, do đầy thuyền

1. Nguyên văn : “Đường thượng”. Bản dịch cũ dịch là “trên đường” ; ở đây là “triều đường”, là điện của nhà vua khi ra coi châu, đối lập với “đường thượng” là “đường hạ” tức là dưới điện, ngoài điện.
2. Nguyên văn : “biên khánh, biên chung”, tức là bộ khánh, bộ chuông gồm 16 chiếc khánh từ nhỏ đến lớn và 16 chiếc chuông từ nhỏ đến lớn cùng treo một giá ở bên.
3. Sênh, quản thược : đều là các loại sáo. Chúc : làm bằng gỗ, hình vuông, cao 1 thước 3 tấc, giữa lồi lên như cái trống đánh. Ngữ : làm bằng gỗ hình con hổ nằm lưng có 27 răng cưa bằng đồng, lấy gỗ cọ vào thành tiếng. Huân : làm bằng đất nung hình như quả trứng, có lỗ để thổi. Tri : làm bằng trúc, có lỗ để thổi.
4. Phương hưởng : gồm 16 thoi gang dài, từ nhỏ đến lớn cùng mắc nghiêng vào một giá, có hai tầng, lấy dùi nhỏ bằng đồng để đánh. Không hầu : là thứ nhạc khí như các đàn sắt nhưng nhỏ hơn. Quản dịch : là các loại sáo.
5. Nguyên văn : “Ngũ lộ”, là 5 loại xe lớn là : Ngọc lộ (xe nam ngọc), Kim lộ (xe trang sức bằng vàng), Tượng lộ (xe trang sức bằng ngà voi), Cách lộ (xe bọc da), Mộc lộ (xe đóng gỗ). Số lượng xe và quy cách xe của vua và hoàng hậu, cung phi đều có quy chế sẵn. Các xe ấy đều gọi chung là “lộ”.

bè qua lại bị cản trở nhiều. Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu rằng Hiến không né sợ quyền thế, có thể làm chức phong hiến, [47b] cho nên Hiến được phong chức đó.

Ban bỏ các nghi thức mới định lại trong các dịp lễ thánh tiết, chính đán, sóc vọng, thường triều, đại yến.

Trước kia, vua sai Lương Đăng định các nghi thức đại triều, đến đây hoàn thành dâng lên. Vua sai chép các nghi thức ấy treo ra ngoài cửa Thừa Thiên. Vua bái yết Thái miếu, các quan mặc triều phục làm lễ theo nghi thức mới bắt đầu từ đây.

Bọn Hành khiển Nguyễn Trãi, Tham tri bạ tịch Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền, Tham nghị Nguyễn Liễu dâng sớ tâu rằng :

"Muốn chế tác lễ nhạc, phải đợi có người rồi sau hãy làm, được như Chu Công thì sau mới không có lời chê trách. Nay sai kẻ hoạn quan Lương Đăng chuyên định ra lễ nhạc, chẳng nhọc cho nước lắm sao ! Vả lại, quy chế lễ nhạc của y là đối vua lừa dối, không dựa vào đâu cả, như đánh trống là bao giờ ra châu triều sớm, nay vua ra châu rồi mới đánh. Theo quy chế xưa, khi vua ra, thì bên tả đánh chuông hoàng chung, rồi [48a] năm chuông bên hữu ứng theo, lúc vua vào thì đánh chuông chung tán rồi năm chuông cũng ứng theo. Nay vua ra châu, đánh 108 tiếng chuông, đó là số lần đếm tràng hạt của nhà sư. Nếu theo quy chế của nhà Minh, thì khi vua ngồi ở cửa Phụng Thiên phải có sập vàng, ở điện Phụng Thiên phải có ngai báu, nay chỉ có một điện Hội An, lại chỉ có sập vàng, nếu di chuyển thì sợ không yên, đặt cả hai thứ cũng không được, thế là lễ nghi gì ? Làm xe thì đằng trước có diềm, đằng sau mở cửa. Nay lại mở cửa đằng trước, quy chế xưa làm như thế hay sao ? Khi vua ra thì có hô thét, khi vào thì có thu dẹp, đó là quy định của nghi lễ. Nay quan coi cửa xướng tâu mọi việc xong, các quan lui ra, vua còn ngồi mà người thu dẹp đã la thét dọn dẹp là làm sao ? Vả lại, Đăng là đứa hoạn quan, quanh quẩn châu hầu bên cạnh vua, thần trộm lấy làm ngờ lắm".

Đăng tâu : "Thần không có học thức, không biết quy chế cổ, các nghi thức nay đã làm, [48b] chỉ trông cả vào hiểu biết của thần mà thôi, còn ban hành hay không là quyền ở bộ hạ, thần đâu dám chuyên quyền".

Nguyễn Liễu tâu rằng : "Từ xưa đến nay chưa bao giờ có cảnh hoạn quan chuyên phá hoại thiên hạ như thế này".

Đinh Thắng từ trong bước ra, mắng rằng :

"Hoạn quan làm gì mà phá hoại thiên hạ ? Nếu phá hoại thiên hạ thì chém đầu người trước".

Cuối cùng phải giao Liễu cho hình quan xét hỏi. Án xử xong, tội đáng chém, nhưng được lệnh riêng cho thích chữ vào mặt, dày ra châu xa.

Ngày Bính Ngọ, vua ra coi châu. Khi ra khi vào có vút roi đẹp đường. Vút roi đẹp đường bắt đầu từ đó.

Ngày Mậu Thân là lễ Kê Thiên thánh tiết.

Hôm ấy, buổi sáng vua bái yết Thái miếu, làm lễ 4 lạy. Khi về cung, Lỗ bộ ty¹ bày nghi trượng ở Đan Trì. Vua mang triều phục, áo cón, mũ miện, ngự ở điện Hội Anh. Đại đô đốc Lê Ngân dẫn các quan mặc triều phục, làm lễ dâng biểu chúc mừng. Vua mặc áo cón, mũ miện, các quan mặc triều phục [49a] bắt đầu từ đây.

Ban đại yến cho các quan, việc treo hoa dâng cỗ đều theo nghi lễ mới.

Nước Xiêm La sai sứ là bọn Trai Cương Lật sang cống. Vua đưa cho sắc thư bảo mang về và trừ cho phần thuế buôn giảm xuống bằng nửa phần năm trước, cứ 20 phần thu 1 phần, rồi thưởng cho rất hậu. Ngoài ra, về phần chúa nước ấy, cho 20 tấm lụa màu, 30 bộ bát sứ, phần của bà phi nước ấy là 5 tấm lụa màu, 3 bộ bát sứ, mỗi bộ 35 chiếc.

Có người cáo giác Đại đô đốc Lê Ngân thờ Phật Quan Âm trong nhà để cầu mong cho con gái mình là Huệ phi được vua yêu. Vua ngự ra cửa Đông thành, sai Thái giám Đỗ Khuyển dẫn 50 võ sĩ lục soát nhà Ngân, bắt được tượng Phật và các thứ vàng bạc, tơ lụa. Ngày hôm sau, Ngân vào chầu, bỏ mũ ra để tạ tội. Vua sai bắt nô tì nhà Ngân để tra hỏi.

[49b] Tháng 12, ngày mùng 1, lấy Nhập nội tư mã hành quân tổng quản Lê Khôi làm Nhập nội tư mã tham tri chính sự tri Tây đạo chư vệ quân sự.

Lê Ngân trút mũ tâu rằng :

"Trước kia thần theo khởi nghĩa ở Lam Kinh, nay thần cũng nhiều bệnh, thầy bói bảo là trong chỗ nhà thần ở, trước đây có miếu thờ Phật, vì dễ ô uế, nên xảy ra tai họa. Cho nên thần làm lại để thờ cúng. Nhưng vì người vợ lẽ đã bị bỏ của thần là Nguyễn thị và người vợ lẽ của Lê Sát là Trần thị đã ban cho thần, cả hai đứa đều thù oán thần, cùng với đứa gia nô điều ngoa của thần theo dệt bày đặt cho ra chuyện đó. Tiên đế biết rõ lòng thần, thường vẫn ưu ái bao dung. Nay gân sức của thần đã mỏi mệt lắm rồi, xin cho được về quê để sống hết tuổi tàn còn lại. Nếu nghe những người xung quanh mà tra tấn người nhà của thần, khi bị đánh đau quá, nhất định chúng sẽ khai khác đi, thì thần thần sợ không giữ được, xin bệ hạ nghĩ lại cho".

1. *Lỗ bộ* : nghĩa là các nghi trượng của thiên tử. *Lỗ bộ ty* là cơ quan của triều đình chuyên trông coi các nghi trượng của nhà vua.

Phát [50a] lương ở quân doanh Gia Hưng để trấn quan Gia Hưng cho dân vay ăn.

Trước kia, khi Thái Tổ đi đánh châu Phục Lễ, sai vận chuyển lương thực đến cất giữ ở quân doanh Gia Hưng. Đến đây, Tuyên úy đại sứ trấn Gia Hưng Lê Dao tâu là cả kho chứa và lương thực đều bị mục hỏng, xin đưa chuyển về Đông Kinh. Trung thừa Bùi Cầm Hổ tâu :

"Chứa lương ở nơi biên giới thực là phép hay, chuyển về Đông Kinh sợ cũng không tiện".

Vua nghe theo, cho nên có lệnh này.

Ra lệnh cho người Minh phải mặc quần áo người Kinh ¹ và cắt tóc ngắn.

Đốc suất dân chúng năm đạo đào các kênh.

Giáng Huệ phi Nhật Lệ, con gái Lê Ngân làm Tư dung. Mụ đồng Nguyễn thị bị đẩy ra châu xa. Thầy phù thủy Trần Văn Phương bị đồ làm lính ở phường nuôi voi.

Lấy Chính sự viện đồng tham nghị Nguyễn Khâm làm An phủ sứ Diễn Châu, Trấn phủ sứ châu Phục Lễ là Lê Ngạn làm Tri châu Quỳnh Châu, [50b] Lê Khôi làm Trấn phủ sứ lộ Nghệ An.

Truy tôn Cung Từ Quang Mục hoàng hậu là Hoàng thái hậu ².

Ra lệnh cho các quan Đô tổng quản năm đạo sửa sang thuyền chiến, thuyền tuần tiễu và cờ xí cho nghiêm chỉnh, đầy đủ để tháng giêng năm sau diễn tập thủy trận.

Mậu Ngọ, [Thiệu Bình] năm thứ 5 [1438], (Minh Chính Thống năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, sai dân chúng 4 đạo đào các kênh ở Trường Yên, Thanh Hóa, Nghệ An.

Mùa hạ, tháng 5, sai văn thần đốc thúc quân dân đào các kênh ở lộ Thanh Hóa.

Giáng quận vương Tư Tề xuống làm thứ nhân.

Ngày 27, vì có nhiều tai dị, xuống chiếu rằng :

"Mấy năm nay, hạn hán, sâu bệnh liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện. Khoảng tháng 4, tháng 5 năm nay, nhiều lần sét đánh vào vườn cây trước cửa Thái miếu ở Lam Kinh. Cứ nghiệm xét việc xảy ra tai họa, nhất định là có duyên do trong đó. [51a] Có phải do trăm không lo sửa đức để mọi việc bê

1. *Người Kinh* : ở đây chỉ người Việt, tức là bắt người Minh phải theo phong tục nước Đại Việt.

2. Tức là bà Phạm Thị Trân, mẹ sinh ra vua Thái Tông.

trẻ hay là do quan tể phụ bất tài xếp đặt không điều hòa ? Hay là dùng người không đúng, để người tốt kẻ xấu lẫn lộn ? Hay là hối lộ công khai mà việc hình ngục có nhiều oan trái ? Hay là làm nhiều công trình thổ mộc để sức dân mỗi mệt ? Hay là thuế khóa nặng nề mà dân túng thiếu ? Trẫm tự trách tội mình, đại xá cho thiên hạ. Tất cả các đại thần, các quan văn võ các người nên chỉ ra những lầm lỗi kẻ trên, cứ thẳng thắn nói hết, đừng kiêng nể gì. Nếu có điều gì tiếp thu được, nhất định sẽ khen thưởng cất nhắc, dẫu có ngu dốt vu khoát, cũng không bắt tội. Ngõ hầu có thể lay chuyển lòng trời, chấm dứt được tai biến, để nước nhà mãi mãi hưởng phúc lớn vô cùng vậy".

Tháng 6, bỏ con trai các quan từ lục phẩm đến tam phẩm làm các cục thân tùy, từ nhị [51b] phẩm đến nhất phẩm làm chánh giám, phó giám.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13, sai Thảm hình viện phó sứ Nguyễn Đình Lịch, Thiêm tri Nội mật viện sự Trình Hiến, Thị ngự sử Nguyễn Thiên Tích sang nhà Minh nộp cống hàng năm.

Tháng 12, nhà Minh sai Cấp Sự trung Thang Đình ¹, hành nhân Cao Dân sang nói về việc địa phương.

Ngày 20, sai Trung quân đồng tri Lê Bá Kỳ và Trung thừa Bùi Cảm Hồ sang Minh tâu việc địa phương Thái Bình ².

Kỷ Mùi, [Thiệu Bình] năm thứ 6 [1439], (Minh Chính Thống năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân đi đánh các châu Phục Lễ.

Bọn man họ Cầm nhiều hại dân biên giới. vua sai tướng đi hỏi tội chúng. Ai Lao tin nghe bọn man họ Cầm là Cương Nương, sai tên Nữ Hoa của chúng dẫn hơn 3 vạn binh tượng sang giúp, lấn cướp các châu Phục Lễ. [52a] Vua thân hành dẫn sáu quân đi đánh.

Tháng 3, ra lệnh chỉ quy định số đồng của một tiền, kích thước dài ngắn của vải lụa và quy cách tờ giấy viết.

Hễ tiền đồng thì 60 đồng là 1 tiền, lụa lĩnh thì mỗi tấm dài 30 thước, rộng 1 thước 5 tấc trở lên, vải gai nhỏ mỗi tấm dài 24 thước, rộng 1 thước 3 tấc trở lên, vải tơ chuối thì mỗi tấm dài 24 thước, vải bông thô mỗi tấm dài 22 thước, giấy thì tính 100 tờ.

Mùa hạ, tháng 4, có sao Chổi hiện ở phương tây.

Mùa thu, tháng 7, ngày rằm có nguyệt thực.

1. *Minh sử* q.321, CMCB17 ghi là Thang Nại.

2. Đoàn sứ bộ Đại Việt tố cáo thổ quan châu Tư Lang, phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây lấn cướp đất biên giới của ta.

Tháng 8, tuyển người bổ sung quân ngũ. Duyệt quân lớn.

[52b] Mùa đông, tháng 10, hoàng tử Nghi Dân sinh.

Tháng 11, đại xá, đổi niên hiệu. Lấy tháng giêng năm sau làm Đại Bảo năm thứ 1. Đại xá thiên hạ. Những người từ 70 tuổi trở lên được thưởng tước 1 tư và cho ăn tiệc.

Canh Thân, [Đại Bảo] năm thứ 1 [1440], (Minh Chính Thống năm thứ 5).
Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, đổi niên hiệu.

Ngày mồng 3, xuống chiếu rằng :

"Trẫm nghĩ : Bậc tôi trung tướng giỏi ngày xưa, thờ vua trọn tiết, vì nước quên nhà. Nay đại thần trăm quan văn võ trong ngoài các người, ăn lộc của vua, phải lo cái lo của vua. Hễ trong quân dân có những điều tệ hại và hành vi của trẫm có những gì sai lầm, các người đều nên can gián cho rõ ràng, giúp ta sửa chữa thiếu sót, lo làm tròn mọi việc đáng làm trong chức phận của người bề tôi để sánh ngang hàng với họ Y, họ Lã, ông Chu, ông Thiệu¹, chẳng lẽ lại chịu ở dưới bọn [Trần] Bình, [Chu] Bột, Vương Lăng, Hoắc Quang, Gia Cát, Kính [53a] Đức, Từ Nghi, Lý Thạnh² hay sao ? Nếu được như vậy thì vua tôi sẽ giữ được trọn vẹn công lao sự nghiệp từ đầu tới cuối, cùng hưởng phúc lộc dài lâu mãi mãi, để khỏi phụ lời thề "Hoàng Hà như dải, Thái Sơn như lệt"³, như thế há chẳng tốt đẹp hay sao ? Tất cả quan lại các người, hãy kính theo mệnh lệnh này của ta".

Vua đích thân đi đánh tên phản nghịch Hà Tông Lai ở huyện Thu Vật, thuộc Tuyên Quang.

Ngày 19, bắt được Tông Mậu, con Tông Lai.

Ngày 20 chém được Hà Tông Lai rồi đem quân về. Dâng tù cáo thắng lợi ở Thái miếu.

Ngày 21, lập con trưởng là Nghi Dân làm Hoàng thái tử.

1. Y : tức là Y Doãn, hiền tướng của Thành Thang nhà Thương, có công giúp Thành Thang đánh bại Hạ Kiệt, làm vua thiên hạ. Lã : tức là Lã Vọng, công thần nhà Chu, giúp Văn Vương, Vũ Vương bình định thiên hạ, còn gọi là Lã Thương, Thái Công Vọng... Chu : tức Chu Công hay Chu Công Đán, con Chu Văn Vương, làm tướng giúp Vũ Vương đánh bại Trụ, Vũ Vương chết, phò tá vua nhỏ là Thành Vương. Thiệu : tức Thiệu Công Thích, con thứ của Văn Vương, con cháu đời đời đều là đại thần phụ chính.
2. Trần Bình, Chu Bột, Vương Lăng : là công thần của Hán Cao Tổ Lưu Bang. Hoắc Quang : tên tự là Từ Mạnh, nhận di chiếu lập Hán Chiêu Đế mới có 8 tuổi lên ngôi, Chiêu Đế chết, lại lập Tuyên Đế... Gia Cát : chỉ Gia Cát Lượng, tướng giỏi của Lưu Bị, lập nên nhà Thục. Kính Đức : tức Uất Trì Kính Đức, Từ Nghi : tức Quách Từ Nghi. Kính Đức, Từ Nghi và Lý Thạnh đều là công thần đời Đường.
3. Lời thề của Hán Cao Tổ khi phong công thần. Đại ý nói : Ta cùng các người mãi mãi cùng hưởng phúc lộc dài lâu truyền nối đến muôn đời con cháu, cho tới khi sông Hoàng Hà chỉ còn như cái dải, núi Thái Sơn chỉ còn như hòn đá mài.

Tháng 3, vua thân đi đánh viên thổ quan phản nghịch tên là Nghiễm ở châu Thuận Mỗi, trấn Gia Hưng.

Tuyển tráng đinh bổ sung quân ngũ.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 15, vua đem quân từ châu Thuận Mỗi trở về, vì tên Nghiễm dâng trâu và voi [53b] xin hàng, và vì đương mưa nắng dữ.

Tháng 6, sách phong Ngô thị ¹ làm Tiệp dư, được ở cung Khánh Phương, tức là Quang Thực Hoàng thái hậu sau này.

Lộ Thanh Hóa lụt to.

Tân Dậu, [Đại Bảo] năm thứ 2 [1441], (Minh Chính Thống năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, vận chuyển quân lương.

Tháng 3, vua lại đi đánh tên phản nghịch Nghiễm ở châu Thuận Mỗi, bắt sống viên tướng Ai Lao là Đạo Mông cùng vợ con nó ở động La ², lại bắt được con của tên Nghiễm là Sinh Tượng và Chàng Đồng. Nghiễm kể cùng ra hàng. Vua bèn đem quân về, dâng tù báo thắng trận ở Thái miếu.

Giáng Dương Thị Bí xuống làm thứ nhân.

Trước đây, Dương Thị Bí sinh con là Nghi Dân. Vua lập làm Thái tử. Dương Thị Bí cậy thế, càng lộng loãn kiêu căng. Vua vẫn nín nhịn bao dung, đáng xuống làm Chiêu nghi, muốn cho thị sửa bỏ lỗi lầm. Nhưng Dương Thị Bí lại càng hằn học trong lòng, không [54a] kiêng nể gì nữa. Vua cho là Dương Thị Bí đã cố tình như vậy, thì con thị dễ ra chưa chắc đã là người khá, mới giáng xuống làm người đàn bà thường, rồi xuống chiếu nói cho thiên hạ biết là ngôi Thái tử chưa định.

Mùa hạ, tháng 5, ngày Giáp Tuất mùng 9, hoàng tử Bang Cơ sinh.

Ra lệnh chỉ tuyển con gái đẹp ở các huyện.

Đặt ngự tiền thị vệ, theo thứ bậc mà cho làm quan.

Mùa thu, tháng 8, tuyển chọn con gái đẹp ở sân điện.

Bắt giam hạng đàn bà ngỗ nghịch, đó là làm theo kế của Nguyễn Thị Lộ (Thị Lộ là vợ của Nguyễn Trãi).

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh : Nội mật viện phó sứ Nguyễn Nhật Thiêm, Tri nội mật viện phó sứ Nguyễn Hữu Quang, Thiêm tri Thẩm hình viện Đào Mạnh Cung sang nộp cống hằng năm. Lê Thận sang xin mũ áo.

[54b] Tháng 11, 16, lập Hoàng tử Bang Cơ làm Hoàng thái tử.

1. Ngô thị : tức bà Ngô Thị Ngọc Dao, sinh ra hoàng tử Tư Thành, sau là vua Lê Thánh Tông.

2. Tức Mường La, ở Sơn La.

Xuống chiếu rằng : "Đặt Thái tử để vững gốc rễ, lập con đích để chính danh phận. Đó là mưu xa của xã tắc, kế lớn của quốc gia. Hoàng tử Bang Cơ thể chất vàng ngọc, tư thái tinh anh, vừa có uy vọng của một bậc quân vương, lại đúng danh phận là con đích tôn quý. Vậy sai Nhập nội đại đô đốc Lê Liệt mang sắc mệnh lập làm Hoàng thái tử".

Hoàng thái tử Nghi Dân phong làm Lạng Sơn Vương, hoàng tử Khắc Xương phong làm Tân Bình Vương.

Cho Thái phi Phạm Thị Nghiêu tự tử.

Phạm Thị Nghiêu trước kia bị viên nội quan nhà Minh là Mã Kỳ bắt đi. Đến khi trở về, không chịu giữ tiết, lập mưu dụ dỗ bọn gian ác, định mưu phế lập. Vua thấy Thị Nghiêu tuổi đã già, cho vào Lam Kinh hầu Vĩnh Lăng. Phạm Thị Nghiêu vì vậy lại càng oán hận, tội ác đã rõ rệt, theo [55a] lời bàn của mọi người, bắt phải tự tử.

Nhâm Tuất, /Đại Bảo/ năm thứ 3 /1442/ (Minh Chính Thống năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, làm cung điện mới.

Tháng 3, tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Trữ, Nguyễn Như Đồ, Lương Như Hộc 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Trần Văn Huy 7 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Ngô Sĩ Liên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Lại sai soạn văn bia, dựng bia ghi tên các tiến sĩ. Bia tiến sĩ bắt đầu có từ đây.

Mùa thu, tháng 7, ngày 20, Hoàng tử Tư Thành sinh.

Ngày 27, vua đi tuần về miền đông, duyệt quân ở thành Chí Linh. Nguyễn Trãi mời vua ngự chùa Côn Sơn¹ ở hương của Trãi. Vua đi thuyền từ bến Đông, vào sông Thiên Đức, qua mộ Bạch Sư ở cầu Bông, xã Đại Toán, huyện Quế Dương, thì thuyền ngự không đi lên được. Các quân hết sức kéo dây cũng không nhúc nhích, [55b] hình như có người giữ lại. Vua bèn sai trung sứ² đi hỏi khắp những người già cả xứ ấy xem chỗ này có vị thần nào. Các cụ già bảo :

"Ngày xưa, có người tên là Bạch Sư, khi còn sống rất tinh thông pháp thuật. Sau khi mất, chôn ở ven sông, thường có hiển linh, người xứ này vẫn tế thần long trọng lắm".

Trung sứ hỏi : "Tế bằng thứ gì ?".

Người già nói : "Tế bằng nghé".

1. Chùa này có tên là Tư Quốc, tương truyền do nhà sư Pháp Loa đời Trần xây dựng. Chùa làm ở núi Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

2. Trung sứ : người được vua sai đi ra ngoài dân thăm hỏi tình hình.

Trung sứ đem việc ấy về tâu. Vua sai đem ghé non đến tế thần. Bấy giờ thuyền ngự mới đi được.

Tháng 8, ngày mùng 4, vua về đến vườn Vải huyện Gia Định¹, bỗng bị bạo bệnh rồi băng.

Trước đây, vua thích vợ của Thừa chỉ Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ, người rất đẹp, văn chương rất hay, gọi vào cung phong làm Lễ nghi học sĩ, ngày đêm hầu bên cạnh. Đến khi đi tuần miền đông, xa giá về tới vườn Vải, xã Đại Lại, ven sông Thiên Đức, vua thức suốt đêm với Nguyễn Thị Lộ rồi băng, các quan bí mật đưa về.

Ngày mùng 6 về tới kinh, nửa đêm đem vào cung [56a] rồi mới phát tang. Mọi người đều nói là Nguyễn Thị Lộ giết vua.

Ngày 12, đại thần là bọn Trịnh Khả, Nguyễn Xí, Lê Thụ nhận di mệnh cùng với bọn Lê Liệt, Lê Bôi tôn Hoàng thái tử Bang Cơ lên ngôi. Lúc ấy, vua mới 2 tuổi. Lấy năm sau làm Thái Hòa năm thứ 1.

Ngày 16, giết Hành khiển Nguyễn Trãi và vợ là Nguyễn Thị Lộ, bắt tội đến ba họ.

Trước đây, Nguyễn Thị Lộ ra vào cung cấm, Thái Tông trông thấy rất ưa, liền cột nhà với thị. Đến đây, vua đi tuần về miền đông, đến chơi nhà Trãi rồi bị bạo bệnh mà mất, cho nên Trãi bị tội ấy..

Lời bàn : Nữ sắc làm hại người ta quá lắm. Thị Lộ chỉ là một người đàn bà thôi, Thái Tông yêu nó mà thân phải chết, Nguyễn Trãi lấy nó mà cả họ bị diệt, không đề phòng mà được ư ?

Tháng 9, ngày 9, giết bọn hoạn quan Đinh Phúc, Đinh Thắng, vì khi Nguyễn Trãi sắp bị hành hình [56b] có nói là hối không nghe lời của Thắng và Phúc.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh : Hải Tây đạo đồng tri Nguyễn Thúc Huệ và Thẩm hình viện thiêm tri Đỗ Thì Việp sang tạ ơn cho áo mũ. Thị ngự sử Triệu Thái tâu việc địa phương Khâm Châu. Bọn Tham tri Nguyễn Đình Lịch, Phạm Du sang báo tang. Tham tri Lê Truyền, Đô sử Nguyễn Văn Kiệt, Ngự tiền học sinh cục trưởng Nguyễn Hữu Phu sang cầu phong.

Sai Hàn lâm viện thị độc học sĩ kiêm tri ngự tiền học sinh cục cận thị chỉ hụ Nguyễn Thiên Tích soạn bài văn bia Hựu Lăng².

Ngày 16, táng Đại Hành Hoàng Đế phía bên tả Vĩnh Lăng ở Lam Sơn gọi là Hựu Lăng. Dâng tôn hiệu là Kế Thiên Thế Đạo Hiến Đức Thánh Công Khâm

1. Nguyễn văn là Lê Chi viên.

Huyện Gia Định : sau là huyện Gia Bình, nay là một phần của huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc.

2. Bài văn khắc trên bia đá đặt ở Hựu Lăng, nơi an táng Lê Thái Tông.

Minh Văn Tư Anh Duệ Nhân Triết Chiêu Hiến Kiến Trung Văn Hoàng Đế, miếu hiệu [57a] là Thái Tông.

Lời bàn : Vua là bậc hùng tài đại lược, quyết đoán chủ động. Khi mới lên ngôi, nghiền ngẫm tìm phương trị nước, đặt chế độ, ban sách vở, chế tác lễ nhạc, sáng suốt trong chính sự, thận trọng việc hình ngục, mới có mấy năm mà điển chương văn vật rực rỡ đầy đủ, đất nước đã đổi thay tốt đẹp. Các nước Trảo Oa, Xiêm La, Tam Phật Tề¹, Chiêm Thành, Mãn Lạt Gia² vượt biển sang cống. Sau có tên bề tôi trốn tránh là Tông Lai chiêu tập bọn đi trốn làm phản, đặt niên hiệu nguy và đưa thổ tù Nghiễm ở châu Thuận Mỗi dựa vào Ai Lao dám gây biến loạn. Vua thân chỉ huy sáu quân đi giáng đòn trời phạt. Chỉ một tuần mà Tông Lai nộp đầu, hai lần mà tên Nghiễm bị bắt. thực xứng đáng là bậc vua anh hùng.

[57b] *Vũ Quỳnh khen* : Khi vua lên ngôi mới có 11 tuổi, không phải nhờ buông rèm coi chính sự mà mọi việc trong nước đều tự mình quyết định, bên trong chế ngự quyền thần, bên ngoài đánh dẹp di địch. Ngài thông minh trí dũng, còn vượt lên trên cả những vua anh minh đời xưa. Huống chi, ngài lại thể theo lòng trời đất nuôi sống muôn loài, ban hành chính sách xót thương bất nhẫn của bậc đế vương, xử kiện xét tù phần nhiều khoan thứ. Đức hiếu sinh của ngài là cái đức của vua Thuấn xưa. Ôi ! những người như vua có thể gọi là hết lòng với việc trị nước vậy.

[58a] NHÂN TÔNG TUYÊN HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Bang Cơ, con thứ ba của Thái Tông, mẹ là Tuyên Từ hoàng thái hậu Nguyễn thị, tên húy là Anh, người làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Vua sinh năm Tân Dậu, Đại Bảo năm thứ 2 [1441], tháng 6, ngày Giáp Tuất mùng 9. Năm thứ 3 [1442], tháng 6, ngày 6 được lập làm hoàng thái tử ; đến tháng 8, ngày 12 thì lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Hòa, lấy ngày sinh làm Hiến Thiên thánh tiết. Ở ngôi 17 năm, thọ 19 tuổi, táng ở Mục Lăng. Vua tuổi còn thơ ấu đã có thiên tư sáng suốt, vẻ người tuấn tú đường hoàng, dáng điệu nghiêm trang, sùng đạo

1. *Tam Phật Tề* : tên Trung Quốc chỉ một vương quốc trung đại Palembang ở Sumatra. người ta cũng thường đồng nhất Tam Phật Tề với vương quốc Srivijaya (Thất Lợi Phật Thệ) được biết đến từ cuối thế kỷ VII ở vùng này.
2. *Mãn Lạt Gia* : tên phiên âm của Malacca, một tiểu quốc Hồi giáo (Sultanat) do Paramesvara lập nên vào đầu thế kỷ XV ở vùng cửa sông Malacca, bán đảo Mã Lai. Nước này phát triển thịnh vượng trong thế kỷ XV, nhưng đến năm 1526 thì bị người Bồ Đào Nha diệt.

Nho, nghe can gián, thương người làm ruộng, yêu nuôi muôn dân, thực là bậc vua giỏi, biết giữ cơ đồ. không may bị cướp ngôi giết hại. Thương thay !

Quý Hợi Thái Hòa, năm thứ 1 [1443] (Minh Chính Thống năm thứ 8) Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 8, giờ Dậu, có sao sa ở phương nam. Bấy giờ vua mới ba tuổi, nên Thái hậu buông rèm coi chính sự nắm quyền quyết đoán việc nước.

Tháng 2, ngày mùng 2, xuống chiếu rằng :

"Mới rồi trời hiện điềm tai biến như sao sa, động đất. Trẫm rất lo sợ, suy nghĩ nguyên nhân tai biến, không biết bởi đâu. Có phải vì trẫm mới cầm quyền, [58b] chưa biết giảm nhẹ lao dịch thuế khóa, có điều không lợi cho dân không ? Hay là phụ quốc đại thần điều hòa trái lẽ nên khi âm dương không hòa mà đến thế chẳng ? Hay là việc ngục tụng không công bằng, hối lộ công khai, xử án còn nhiều oan uổng mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là chức thú lệnh chưa được người giỏi, làm bừa trái phép, nhiều hại dân chúng mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là bọn cung nữ oán hờn chưa thả chúng ra nên hại tới hòa khí mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải là bọn gièm pha âm mưu xảo quyệt, để công thần chịu oan khuất chưa được rửa oan mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là vì bày việc thổ mộc, xây dựng cung điện chẳng ? Kẻ tiểu nhân được tiến dùng, còn người quân tử phải lui ẩn chẳng ? Đường nói năng bịt kín mà ơn trên bị che lấp chẳng. Bọn phi tần lộng hành mà cửa sau bỏ ngõ chẳng ? Lệnh cho khắp quan lại, quân dân, đều phải hết lòng bày tỏ những điều có thể xoay được lòng trời, dập hết tai biến, hãy thẳng thắn nói ra, chớ nên ẩn giấu, để giúp trẫm sửa những điều thiếu sót".

[59a] Có rồng đỏ vào cửa biển Đại Toàn¹

Tháng 3, ngày 16, ban bố hai chữ huy. Tên vua là Cơ **基**, tên húy của Hoàng thái hậu là Anh **英**, cùng miếu húy gồm 7 chữ.

Mùa hạ, tháng 4, rồng hiện ở bến Hóa, huyện Đồng Lại².

Tháng 5, động đất.

Ngày rằm, có nguyệt thực.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm Hiến Thiên thánh tiết.

Mùa đông tháng 10, vua bỏ áo tang, mặc hoàng bào, ngự chính điện để coi châu. Các quan mặc thường phục theo thứ bậc của mình, vì các quan tâu xin

1. *Cửa biển Đại Toàn* : ở vào đất Thái Bình ngày nay, có lẽ là cửa Diêm Hộ bây giờ.

2. *Huyện Đồng Lại* : sau đổi là huyện Vĩnh Lại, là vùng đất gồm huyện Ninh Giang cũ, nay thuộc huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng và huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng.

bỏ tang phục, mặc cát phục, căn cứ theo lời chiêm đoán các việc âm dương tai dị của Thái sử viện.

[59b] Tháng 11, nhà Minh sai chánh sứ là Hành nhân ty hành nhân Trình Cảnh sang tế [Thái Tông].

Ngày 16, sai bọn Ngự sử trung thừa Hà Phủ, Hàn lâm viện tri chế cáo Nguyễn Như Đồ, Ngự tiền học sinh cục trưởng Lương Như Hộc sang tạ ơn nhà Minh sang tế.

Ngày 25, nhà Minh sai chánh sứ là Quang lộc tự thiếu khanh Tống Kiệt, phó sứ là Binh khoa đô cấp sự trung Tiết Khiêm sang phong vua làm An Nam Quốc Vương.

Ngày 26, sai Tham tri bạ tịch Trình Dục, Nội mật viện chánh chương Trình Thanh, Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Khắc Hiếu sang nhà Minh tạ ơn việc sách phong.

Giáp Tý [*Thái Hòa*] năm thứ 2 [1444], (Minh Chính Thống năm thứ 9).
Mùa xuân, tháng giêng, tuyển tráng đinh bỏ vào quân ngũ.

Thi chọn sĩ nhân bỏ làm thuộc lại các ty.

Làm sổ hộ tịch.

[60a] Mùa hạ, tháng 5, chúa Chiêm Thành là Bí Cai vào cướp thành châu Hóa, cướp bắt nhân dân. Sai Nhập nội kiểm hiệu thái bảo Lê Bôi và Tổng quản Lê Khả đem 10 vạn quân đi đánh.

Mùa thu, tháng 7, bắt giam Thái phó Lê Liệt.

Mùa đông, tháng 10, động đất, nhật thực.

Có nguyệt thực.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Tả thị lang Đào Công Soạn, Ngự tiền chán lời quân chỉ huy Lê Tào nộp cống hằng năm. Đông đạo tham tri Nguyễn Lan tâu việc địa phương Khâm Châu.

Ất Sửu, [*Thái Hòa*] năm thứ 3 [1445], (Minh Chính Thống năm thứ 10).
Mùa xuân, tháng giêng, sai văn thần đốc suất quân lính các xứ trong nước đào các kênh ở lộ Thanh Hóa.

Mùa hạ, tháng 4, Chiêm Thành vào cướp thành An Dung của châu Hóa. Tháng 5, gặp nước lũ nên thua to.

[60b] Tháng 6, phong hoàng đệ Tư Thành làm Bình Nguyên Vương.

Ngày 25, sai bọn Nhập nội kiểm hiệu tư đồ binh chương sự Lê Thận, Nhập nội đô đốc Lê Xí đi đánh Chiêm Thành.

Mùa đông, tháng 10, vì có tai dị, xuống chiếu rằng :

"Trăm ở ngôi cao mà chưa biết việc đời, cho nên liền mấy năm nay, tai di liên tiếp, sấm sét luôn luôn, mưa dầm quá độ, nước lớn ngập tràn, dê điều bị vỡ, làm hỏng nhà cửa muôn dân, sâu bọ sinh nhiều, cắn hại lúa má nơi đồng ruộng, dầm hồ sụt lún, dâu rau ngập úa. Có phải vì chính sự có thiếu sót mà hại đến hòa khí của đất trời hay là xử hình ngục không đúng mà khí vận âm dương biến đổi ? Muốn chấm dứt sự trừng phạt của trời cao, phải rộng ban điều ân huệ cho kẻ dưới. Nay ban các điều về tha thuế, [61a] giảm tội rộng rãi theo thứ bậc khác nhau".

Tháng này, lấy Lê Bá Nhai, con trai của Nhập nội thiếu phó tham dự triều chính Lê Khắc Phục làm Phò mã đô úy, gả cho hoàng nữ thứ hai là An Nam chúa.

Nhập nội đô đốc Lê Xí có tội, vua định công khai xử theo luật pháp, nhưng vì Xí là bề tôi cũ có công lao, đáng được hưởng luật bất nghị, nên chỉ bãi chức.

Ngày mùng 7, nước lũ tràn ngập vào trong thành, sâu đến 3 thước. Lúa má bị ngập, mất tới một phần ba.

Tháng 12, sai Bình chương sự Lê Khả đem quân đi đánh Chiêm Thành.

Bính Dần, [Thái Hòa] năm thứ 4 [1446], (Minh Chính Thống năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, đúng kỳ hội quân lớn, chọn người khỏe mạnh đi đánh Chiêm Thành. Sai dân phu vận chuyển lương thực tới chứa ở huyện Hà Hoa¹.

Ngày 22, sai bọn nhập [61b] nội đô đốc bình chương Lê Thụ, Lê Khả, Nhập nội thiếu phó tham dự triều chính Lê Khắc Phục đem hơn 60 vạn quân đi đánh Chiêm Thành. Vua thấy chúa Chiêm Thành là Bí Cai nhiều lần đốc quân cả nước vào cướp, cho nên sai đi đánh.

Tháng 2, ngày mùng 8, sai sứ sang nhà Minh : Hải Tây đạo tham tri bạ tịch Nguyễn Thúc Huệ sang tâu việc địa phương Long Châu. Đồng tri Thẩm hình viện sự Trình Chân và Chuyển vận sứ huyện Thanh Oai Nguyễn Đình Mỹ sang tâu việc Chiêm Thành.

Ngày 23, các quân của bọn Lê Thụ đến các xứ Ly Giang², Đa Lang³, Cổ Lũy⁴ mở thông đường thủy, dựng đắp thành lũy để đánh nhau với giặc, phá tan giặc, thừa thắng đánh thẳng đến cửa biển Thi Nại⁵.

1. Huyện Hà Hoa : "sau đổi ra huyện Kỳ Hoa, gồm đất hai huyện Kỳ Anh và Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh hiện nay.
2. Ly Giang : cũng gọi là Lê Giang, tên huyện thời thuộc Minh và đời Lê, đến đầu đời Nguyễn đổi thành Lê Dương, nay là đất huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
3. Đa Lang : chưa rõ ở đâu.
4. Cổ Lũy : vùng đất tỉnh Quảng Nghĩa cũ, nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi.
5. Thi Nại : tức cửa biển Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 25, các quân của bọn Lê Thụ tiến công thành Chà Bàn¹ phá tan quân giặc, [62a] bắt được chúa nó là Bí Cai và các phi tần, bộ thuộc, ngựa voi vũ khí, cùng các hàng tướng rồi đem quân về.

Cháu thúc bá của vua Chiêm cũ Bồ Đề là Ma Ha Quý Lai đã đầu hàng từ trước, nay sai bề tôi là bọn Chế Cữu, Ma Thúc, Bà Bị sang châu, dâng biểu xưng thần, xin cho lập làm vua.

Tháng 6, đem chúa Chiêm Thành Bí Cai làm lễ dâng tù cáo thắng trận ở Thái miếu. Đại xá thiên hạ. Giữ chúa Chiêm Thành Bí Cai và ba người phi tần ở kinh sư. Sai sứ đi tìm những người Chiêm ở kinh thành từ trước trao cho tả hữu của vua Chiêm và các hàng tướng nước Chiêm cho về nước.

Mùa thu, tháng 9, ngày 19, sai Hải Tây tham tri bạ tịch Nguyễn Tông Nhân và Chính sự viện đồng tham nghị Trịnh Hoằng Nghị sang nhà Minh báo tin Chiêm Thành vào cướp năm trước.

Đinh Mão [Thái Hòa] năm thứ 5 [1447], (Minh Chính Thống năm thứ 12). Mùa thu, tháng 7, xuống chiếu rằng :

"Nhận lỗi trách mình, duy bậc chí thành [62b] mới có thể làm được ; trừ tai cứu nạn, thực điều nhân chính phải đặt lên hàng đầu. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, thiên tai xảy ra luôn, dân chúng rất đói kém. Mới rồi, đã hạ lệnh cho các nha môn trình bày những điều có thể làm lợi cho quân dân để chọn lựa thi hành, nay lại hạ lệnh cho thái bót các cung nữ bị giam cầm. Các đạo làm bản tâu trình bày những việc đau khổ của dân trong hạt."

Tháng 9, ngày 29, sai sứ sang nhà Minh : Ngự sử trung thừa Hà Phủ làm chánh sứ, Thẩm hình viện đồng tri Đinh Lan làm phó sứ sang nộp cống hằng năm và tâu việc địa phương Khâm Châu. Điện trung thị ngự sử Trình Ngự làm phó sứ sang tâu việc địa phương Long Châu.

Mậu Thìn [Thái Hòa] năm thứ 6 [1448], (Minh chính Thống năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, lấy Đồng tri Đông đạo bạ tịch Lê Hy Cát làm Thượng thư hữu ty lang trung ; Tham tri Nam đạo bạ tịch Nội mật viện phó [63a] sứ Hoàng Thanh làm Hàn lâm viện thị độc tri ngự tiền học sinh cục ; Hàn lâm viện thị giảng Trần Phong làm Thị kinh diên.

Quản lĩnh Nguyễn Tông Lỗi làm Trung Bắc Giang vệ đồng tri ; Tam Đới lộ trấn phủ sứ Lê A Hành làm Thái Nguyên thượng bạn kinh lược sứ.

1. *Chà Bàn* : tức thành Vijaya, kinh đô nước Chiêm Thành thời ấy, nay còn dấu vết ở tỉnh Bình Định.

Tháng 2, lấy Lê Thọ Vực là con Thiếu bảo Lê Sao làm Cận thị tam cục chánh chương.

Tư không châu Phục Lễ Đèo Mạnh Vượng có tội, cho tự tử.

Sai nhập nội tư mã Lê Ê đem 5.000 quân hộ tống người em thứ hai của Mạnh Vượng, cho làm chiêu thảo sứ, tri châu Phục Lễ thay trông coi dân chúng của Mạnh Vượng và tịch thu gia sản của Mạnh Vượng.

Mạnh Vượng vốn tính hung bạo, lòng người không theo, lại ngầm sai người đánh thuốc độc giết hại bộ đảng của mình, bộ đảng [63b] ai cũng thù oán. Đến đây, nghe quan quân đến, họ tranh nhau giết hai đứa con của hắn, bắt giam cả vợ cả, vợ lẽ, nô tì, lấy hết vàng bạc của cải của hắn đem nộp tại cửa quân. Nhưng Lê Ê khéo biết an ủi vỗ về, không mấy may chạm đến, tình hình lại yên ổn như cũ, người trong châu rất vui lòng.

Biên giới miền đông ngoa truyền rằng nhà Minh sai sứ sang hội khám biên giới. Vua sai Đông đạo tham tri Trình Dục đi dò xét hư thực trở về tâu báo.

Dục đến biên giới không hề điều tra, chỉ tin nghe lời người đi đường đã về tâu ngay là có quan hai ty khâm sai của phương Bắc và quan Tổng binh trấn thủ Quảng Đông đem binh mã tới rất đông.

Vua sai Tư khâu Lê Khắc Phục, Tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Văn Phú, hữu ty thị lang Đào Công Soạn, Trung thừa Hà Lật cùng bọn Tây đạo tham tri, Đồng tri Nguyễn Thúc Huệ, Nguyễn Lan, Bùi Cẩm Hồ, Trình Dục [64a], Thảm hình viện phó sứ Trịnh Mân, Nội mật viện tham tri Lê Văn đi hội khám. Lại sai hạ Nam Sách phủ đồng tri Lê Thiết đem hơn 1 vạn 2 nghìn quân hợp đồng với các quan của trấn An Bang đề phòng biên giới. Ban tiền cho từng người theo thứ bậc khác nhau. Lại bắt các quan lộ, trấn, huyện và dân phu thuộc Đông đạo phải đóng góp đầy đủ tiền gạo, trâu dê, gà vịt ngan ngỗng, rượu thịt các thứ để đãi khao quân phương Bắc. Cả miền đông do vậy đều xao động. Đến lúc tới biên giới, ở lại cả tuần, cả tháng, dò xét tin tức thì im ắng như tờ. Bọn họ liền đem tiền của mua hàng phương Bắc chở nặng mang về, nói thác là quan khâm sai nhà Minh lại có việc khác không đến. Đài quan¹ là bọn Hà Lật thì vào cánh với nhau không nói một câu. Triều đình cũng không có ai hỏi đến tội đó.

Mưa đá.

Ngày Giáp Tuất, vua ngự về Lam Kinh. Thái hậu và các vương đều đi theo. Sai Đại tư đồ Lê Thận và Đô áp nha [64b] Lê Bí ở lại giữ Kinh sư.

1. Đài quan : các quan ở ngự sử đài chuyên việc xét hoặc lời lầm của các quan lại.

Dân Thanh Hóa thấy xa giá đến, trai gái đem nhau tới hát rí ren¹ ở hành tại. Tục hát rí ren này, một bên con trai, một bên con gái dắt tay nhau ca hát, có lúc tréo chân tréo cổ nhau gọi là cầm hoa, kết hoa, trông rất là xấu. Đài quan Đồng Hành Phát bầm với Thái úy Khả rằng :

"Đây là thói dâm tục xấu, không thể để nhảm nhí trước xa giá".

Khả lập tức sai cấm hẳn.

Ngày Nhâm Ngọ, vua tới Lam Kinh, bái yết lăng miếu.

Tháng 3, ngày mùng 1 ban yến cho các quan ở hành tại bên sông. Ban bạc cho các quan theo hầu từ nhị phẩm trở lên theo thứ bậc khác nhau. Còn các quan từ tam phẩm trở xuống và các quan ở Lam Kinh cùng các loại quân sĩ đi hộ giá thì ban tiền theo thứ bậc khác nhau. Bấy giờ, vua mới ngự đi lần đầu cho nên có việc ban tiền bạc đó.

Bồn Man sai người sang cống sừng tê, vàng bạc và một con voi ba ngà [65a]. Khi đi qua Nghệ An, được lệnh để con voi ấy ở lại quân phủ.² Ban cho sứ thần Bồn Man một bộ áo dài bằng đoạn màu hồng, 10 tấm lụa, 5 sọt đồ sứ rồi cho về.

Các Thừa Thiên làm xong, lộng lẫy hơn trước.

Đài quan là bọn Hà Lật, Đồng Hành Phát hặc tâu rằng :

"Án kiện ứ đọng nhiều, việc này ở các quan có trách nhiệm, bọn thần không biết được". Bọn Thẩm hình lang trung đại phu Trình Mân, Nguyễn Văn Kiệt, Lê Bá Viễn đều cúi đầu tạ tội. Riêng Giám sát ngũ hình Trình Duy Nhất kiểm lời bào chữa mãi không thôi. Vua không trả lời. Sai bọn Hà Lật đến Ngũ hình viện điều tra, thì từ năm Nhâm Tý³ đến năm Đinh Mão (1449 - 1441) còn đọng tới 125 án. Các đại thần bàn nhau đem chia những án kiện đọng lại ấy cho quan năm đạo, đài quan và ngũ hình cấp tốc xét xử, không được để ứ đọng lâu ngày có hại cho dân. Hơn nữa, việc hình ngục quá nhiều, hình quan sức [65b] không làm xuê, xin xét giảm tội cho họ.

Biếm Lang trung Nguyễn Văn Kiệt, Đại phu Lê Bá Viễn mỗi người đều 1 tư, mỗi người phải phạt 50 roi. Lang trung Trình Công Đức, Đại phu Phạm Phúc bổ động không nhiều lắm, mỗi người chỉ phải phạt 50 roi.

Mùa hạ, tháng 4, cấm quan viên và quân dân không được chiếm ruộng công để đào ao, làm vườn tược, nhà cửa.

1. *Rí ren* : nguyên văn là chữ Nôm 哩連 cũng có thể đọc là "lí len" là một hình thức múa hát dân gian ở vùng Thanh Hóa thời đó.
2. *Quân phủ* : trị sở của quân đội một phủ. Phủ ở đây có nghĩa như "doanh".
3. Nên sửa lại là Giáp Tý.

Lấy cựu Đô đốc Lê Xí làm Thiếu bảo tri quân dân sự, Đồng tri Lê Lư làm Tuyên úy đại sứ châu Phục Lễ.

Thái phó Lê Văn Linh chết, thọ 72 tuổi, được truy tặng Khai phủ, tên thụy là Trung Hiến.

Văn Linh là công thần khai quốc, là vị nguyên lão của ba triều ¹ tính thâm trầm, có trí lược, rất am hiểu các mặt chính sự, lúc bàn bạc ở triều đình, có nhiều điều rất sáng suốt. Khi Lê Sát bị giết, ông nói thẳng không a dua, đành chịu khiển trách, được công [66a] luận cho là phải. Song ham mê tiền của, cho người làm quan để nhận hối lộ riêng. Rốt cục, không một lời nào bàn tới chính sự của đất nước. Ông ta chỉ tin thờ đạo Phật, đình ninh dặn lại con mình kính mời các bậc cao tăng tụng kinh ba tuần chay, bảy tuần giới, đừng làm đám linh đình mà thôi.

Nam đạo Hành khiển quan nội hầu tri sĩ Lê Soạn chết. Soạn tuy là bậc huân cựu lão thần, nhưng bỉ ổi, tham lam, không có tài cán gì, người bấy giờ đều khinh bỉ ông ta.

Bọn Nguyễn Hữu Quang từ Chiêm Thành trở về. Sứ thần Chiêm Thành là bọn Bản Đối Thiêm, Chiêm Tháp mang quốc thư và lễ vật cống cùng đi theo bọn Hữu Quang sang ta.

Ban yến ở Sứ quán, sai Tư khấu Lê Khắc Phục chủ trì. Ban mũ đai, y phục cho chúa cũ của Chiêm Thành là Bí Cai và cho y dự yến. Đến khi sứ Chiêm về, ban cho chánh sứ, phó sứ mỗi người một chiếc áo, 3 tấm lụa, thông sự và hành nhân mỗi người 2 tấm lụa ; 19 người đi theo cho chung 19 tấm lụa, nhân tiện sai mang luôn thư vua ban [66b] về nước.

Lấy Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Khắc Hiếu làm Thị giảng phụng thị kinh diên ; Thâm hình viện phó sứ Đào Mạnh Cung làm Tam Đới lộ tuyên phủ sứ hành Tam Đới lộ sự ; Nguyễn Tử Yên làm Hữu hình viện lang trung ; Giao Thủy Chuyển vận phó sứ Trương Thừa Hy làm Trung Đô phủ Chiêu đoãn ; cựu Thị độc Nguyễn Thiên Tích làm Hàn lâm tri chế cáo.

Ra lệnh chỉ cho Quân lĩnh ngự tiền vũ đội rằng :

"Bọn các người từ thời Thái Tổ đến nay giữ phận túc trực đã lâu, không được ngó tới cửa nhà. Nay thiên hạ vô sự, nên chia thành ba phiên thay nhau túc trực để được về viếng thăm cha mẹ".

Vì các đại thần xét thấy liên mấy năm hạn hán, sâu lúa, quan thì túng, dân thì nghèo, mà số vệ sĩ tăng nhiều, lương cấp không đủ, nên có lệnh này.

1. Ba triều : chỉ các triều Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông và Lê Nhân Tông.

Lấy Tư khấu Lê Khắc Phục làm Đề điệu Quốc tử giám ; Tri phủ Nghệ An là Nguyễn Hồi làm Hữu [67a] nạp ngôn, tri Nam đạo tham tri từ tụng sự ; Trung thư sảnh thuộc là Cao Mô làm Giám sát ngự sử.

Tháng ấy, giảm bớt số tướng hiệu ở các vệ quân.

Các quân ngự tiền mỗi quân nguyên trước có 8 viên, nay chỉ giữ lại 2 viên. Năm quân Thiết đột, mỗi quân nguyên trước có 4 viên, nay chỉ giữ lại 2 viên. Trước đây, cấp lương hằng năm bằng tiền, sau bắt quân lính phải nộp để thế tiền lương năm trước. Các đại thần bàn là quan nhiều thì hại dân, cho nên có lệnh này.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ trong ngoài rằng :

"Nhà nước đã có quy định lương bổng để giữ liêm khiết, lại có ban bố phép tắc để theo đó mà làm. Nay bọn các người không chịu giữ phép, khi làm việc công thì mượn tiếng việc công để lo chạy việc tư, khi xét kiện tụng thì lo nhận hối lộ mà bề cong phép nước, khiến những người đi đường ai cũng than oán. Xét mỗi tệ hại này hẳn [67b] không phải là việc nhỏ. Nay các người phải gột rửa lòng mình, giữ thân liêm khiết, gắng gỏi việc công, yêu thương quân dân, khiến chúng dần dần được yên nghiệp, thì các người cũng được yên nghiệp. Nếu vẫn mê muội không chữa, bị người cáo giác, hoặc dò xét được thực trạng sẽ bị trị nặng hơn luật thường 2 bậc. Quan trên và đồng僚 không biết khuyên răn, thì khi việc bị phát giác, cũng bị trị tội theo luật và cắt phần lương bổng".

Thi vào Cộn thị chi hậu cục. Kỳ thứ nhất thi ám tả cổ văn. Kỳ thứ hai thi chế, cáo, biểu. Kỳ thứ ba thi thơ, phú. Cho đỗ bọn Nguyễn Chương 23 người, bổ làm Nhập thị cục học sinh.

Giết Nam đạo chủ bạ Đàm Thảo Lư. Thảo Lư ẩn lậu 4 quan 9 tiền thuế, xét tội không đến nổi chết. Nhưng bọn Thái úy Khả cho là Thảo Lư đã từng vu hãm Nguyễn Thiên Tích, rất ghét Lư. Vì thế Lư bị giết.

Bọn Hà Lạt hặc tội Giám sát ngũ hình Trình Duy Nhất không soát xét [68a] án kiện, để đọng lại nhiều. Duy Nhất tuy có tạ tội nhưng trong lòng không phục, bèn tâu rằng :

"Nếu thần được trao giữ chức đàn hặc thì nhất định có thể chấn chỉnh kỷ cương của triều đình mà gạn đục khơi trong được. Nhưng bọn thần lại phải giữ chức pháp quan, sợ rằng việc hình án xét nhanh thì khinh xuất, có thể dẫn tới oan uổng. Vì thế, thường phải để chậm mà suy nghĩ cho chín, thăm xét cho tường chứ không dám cố ý để đọng lại".

Rồi kể hết các lầm lỗi của đại quan, cho là họ chỉ biết bới móc vết xấu của người mà không biết sửa đổi lỗi lầm của mình. Chồng chế biện bác đến

7 lần. Vua cho là Duy Nhất chỉ trích ngôn quan giữa triều đình, hạ lệnh đánh 80 trượng, biếm chức 2 tư.

Mùa hạ, tháng 6, thăng Phụng tuyên sứ Nguyễn Xa Lỗ, Nguyễn Xương làm Tham tri từ tụng sự.

Tha cho Lê Liệt khỏi lao hầm. Vì tám người cùng họ như Lê Khắc Phục và công chúa Ngọc Lan [68b] làm đơn khấn thiết van xin vua nói phép ban ơn, nên có lệnh này.

Xuống chiếu cho các quan văn võ phải trai giới đến chùa Báo Ân ở cung Cảnh Linh làm lễ Cầu mưa. Vua đích thân tới vái xin.

Sai Thái úy Lê Khả đến xã Cổ Châu rước tượng Phật Pháp Vân¹ về chùa Báo Thiên ở kinh thành. Xuống chiếu cho các nhà sư tụng kinh cầu đảo. Vua và hoàng thái hậu cùng đến làm lễ. Ban cho các nhà sư 10 tấm lĩnh và vóc, 20 quan tiền mới.

Ngày hôm ấy, tha 24 tù nhân tội còn ngờ.

Xuống chiếu cho các quan kinh diên, tham nghị, đài quan, hàn lâm, trung thư tâu bày về duyên do dẫn tới hạn hán.

Đại thần là bọn Lê Thụ cùng dâng sớ hặc tội mình, xin vua miễn chức. Ra sắc dụ không cho và xuống chiếu rằng :

"Vài năm nay, tai dị liên tiếp xảy ra ; lụt lội, hạn hán, sâu bệnh không năm nào không có. Có phải vì đạo giữ nước trị dân của trẫm trên không thuận lòng trời dưới chưa thỏa [69a] chí dân mà đến nỗi thế không ? Hay là các đại thần phò tá không được người xứng đáng, điều hòa trái phép, xếp đặt sai lẽ mà đến nỗi thế chẳng ? Hỡi các quan trong ngoài cho tới các sĩ dân, các người hãy vì trẫm mạnh dạn nói ra, hãy chỉ rõ những việc làm phương hại tới nhân dân và chính sự của trẫm và các tể thần. Nếu có người hiền lương phương chính, cũng cho được tự tiến cử. Khi trình bày sự việc, cần phải đúng sự thực, không nên viện dẫn suông lời văn cổ xưa để trả lời trẫm".

Mùa thu, tháng 7, ba trấn Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng, các lộ Đà Giang đói to. Tri Tây đạo Nguyễn Phú tâu rằng :

"Các trấn lộ Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng ở miền núi rừng hẻo lánh, ruộng đất sỏi đá xơ xác, lại thêm liên năm bị hạn hán, sâu bọ, dân chúng rất đói. Xin lấy thóc kho công cho dân vay, may ra dân được hồi sinh".

Bèn xuống chiếu phát thóc các kho trong xứ cho dân vay, [69b] đợi khi được mùa thì trả lại cho nhà nước.

1. *Pháp Vân* : tên chùa, tức chùa Dâu, ở huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Sao Huỳnh hoặc ¹ xuất hiện vào khoảng sao Tâm, đến hơn một tuần².

Châu Quỳnh Hợp dâng 2 con voi. Ban cho y phục, lụa tấm, đồ sứ... Trước kia, Quỳnh Hợp vốn gọi là Tồn Bồn Man, phụ thuộc Ai Lao. Từ khi Thái Tổ dựng nước mới sang tiến cống. Đến đây, lại dâng voi, xuống chiếu đổi thành châu Quỳnh Hợp.

Bãi chức bọn đại phu của hai viện thuộc ty Tường hình³ là Lê Bá Viễn, Phạm Phúc.

Trước kia, Bá Viễn xét kiện, có hỏi tới Ngự sử trung thừa Hà Lật. Bá Viễn vặn hỏi nhiều lần, do vậy, Lật dễ lòng căm giận. Đến đây, Lật góp nhặt những lời bịa đặt của kẻ bị kiện, dâng sớ hặc tội bọn Bá Viễn, Phạm Phúc, Nguyễn Doãn Trung xét ngục tụng nhiều lần buộc tội cho người quá ư thảm khốc, xin thả ra nhận thức bên ngoài, không nên để ở pháp ty nữa. Vua sai quan năm đạo xét hỏi việc ấy. Bọn Bá Viễn, Phạm Phúc không giữ được bình tĩnh, [70a] dâng sớ kể tội của Lật, nói là Lật đã từng là tội phạm, làm nhơ nơi phong hiến, lòng người không phục, xin được đối lý với Lật. Vua giữ sớ lại không giao xuống. Bọn Lật nghe thấy thế rất căm giận, tâu vua :

"Thần thấy từ Tam Đại đến nay, chưa bao giờ có chuyện kẻ bị ngôn quan đàn hặc lại đi kiện lại ngôn quan. Nay bọn Bá Viễn kiện thần, thế là miệt thị tai mắt của bệ hạ. Bọn thần vì thế mà bị bãi miễn, cố nhiên là không đáng tiếc, chỉ sợ rằng những người giữ chức này về sau sẽ phải im miệng không dám nói nữa thôi".

Bọn Thái úy Khả và Tư khấu Khắc Phục nhân tâu là bọn Bá Viễn dám kiện lại đại quan, nên bãi chức. Vua nghe theo.

Xuống chiếu cho Lễ bộ treo bảng cấm dân chúng mặc màu vàng, đi giày và dùng đồ chạm vẽ hình lân phượng.

Lấy Tham tri Bắc đạo là Nguyễn Tông Nhân làm tri Thảm hình viện sự ; Giáo thụ Nguyễn Quốc [70b] Kiệt và Phù Thế Hào làm Ty hình đại phu ; Ngự tiền học sinh Lê Lâm làm Ngự sử đài chủ bạ.

Ra lệnh chỉ cấm con em nhà thế gia và dân chúng không được nuôi những vật làm trò như gà chọi, khỉ làm trò, bò câu thả, chim sơn hô ⁴ cá vàng⁵ mà bỏ cả nghề nghiệp.

1. Sao Tâm : chòm sao trong 28 sao (Nhị thập bát tú) của thiên văn Trung Quốc tức 3 ngôi S, α, T của chòm Scorpion.

2. Tuần : 10 ngày.

3. Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ ghi là : Bãi chức hai viện đại phu của ty Tường hình

4. Sơn hô có lẽ là chim sơn ca.

5. Cá vàng : dịch ý, nguyên văn là "vân ban ngư".

Ra lệnh chỉ cấm quan lại ở nội mật, tướng hiệu, quân nhân, sắc dịch ở quân ngũ tiền không được chơi bời đi lại với các quan văn võ bên ngoài tiết lộ các việc trong cung.

Tháng 8, cấm các đại thần, các quan văn võ, các mệnh phụ, nữ quan vợ cả vợ lẽ các sắc dịch cùng đàn bà con gái trong nội điện không được ra vào các nhà quyền thế, biếu xén nhờ vả lẫn nhau, dẫn đến làm hại cho chính sự. Nếu họ hàng quen biết thăm viếng lẫn nhau, không có chuyện gì, thì không phải theo luật này.

Giám sát ngự sử Cao Mô bị miễn chức cho trở lại làm thuộc viên ở trung thư như cũ.

Mô giữ chức được vài [71a] tháng, dâng sớ nói là bọn Quốc cứu Nguyễn Phụ Lỗ không thể để làm Tham tri từ tưng, trái ý chỉ của Thái hậu rồi thác có bệnh, xin được thôi chức, cho nên bị miễn.

Bãi chức Bùi Thì Hanh, cho làm thái sử lệnh như cũ.

Thì Hanh tâu bày là đến giờ Mão ngày 16 tháng ấy sẽ có nguyệt thực. Vua ra lệnh cho các quan đến cả cửa Thừa Thiên để cứu trăng, nhưng không thấy nguyệt thực. Giám sát ngự sử Đồng Hanh Phát hặc tội ấy. Thì Hanh không tỏ vẻ lo sợ, nói riêng với người nhà rằng :

"Chỉ đến phạt tiền là cùng. Ngày xưa Mai trung thừa là tay già đời còn chẳng lay chuyển nổi ta, bọn nhóc Hanh Phát thì làm được gì ?".

Hôm sau, Thì Hanh thản nhiên lên điện coi sổ sách như thường. Hanh Phát tâu vua :

"Thần làm chức ngôn quan, điều hay dở của chính sự, việc dùng người đúng sai, đều phải nói cho rõ xem có được hay không. Vì thế người xưa có câu : "Nói tới xe ngựa thì Thiên tử phải đổi sắc mặt, nói tới miếu đường thì Tể tướng phải [71b] chờ xét tội". Nay Thì Hanh không chịu tạ tội, cứ diềm nhiên như không. Như vậy đâu chỉ là khinh thần, mà hẳn còn coi thường phép nước. Ngày xưa Phó Dịch và Lý Thuần Phong¹ nhà Đường, tinh thông lịch số, rất giỏi thiên văn, người bấy giờ đều cho là không ai sánh kịp, nhưng họ cũng chỉ làm đến Thái sử lệnh mà thôi. Nay Thì Hanh tài nghệ còn thua kém bọn Thuần Phong tới trăm ngàn lần, mà được lạm dự Môn hạ sảnh kiêm tri Tây đạo là tại làm sao ? Huống chi, Thì Hanh là đứa tiểu nhân gian tà về đời Thái Tổ, dám nói càn chiết tự hai chữ "Thuận Thiên"² đã bị bãi truất. Đến triều Thái Tông lại cạy tà thuật, ngầm sai giết vượn lấy máu, để trấn

1. *Lý Thuần Phong* : Thái sử lệnh đời Đường Cao Tông, giỏi thiên văn lịch số là một nhà toán học xuất sắc đã làm chủ thích *Thập bộ toán kinh*. *Phó Dịch* : cũng là Thái sử lệnh đời Đường.
2. *Thuận Thiên* : là niên hiệu của Lê Thái Tổ. Nghĩa chữ "thuận thiên" là thuận theo lòng trời.

yểm tai biến của trời. Đến khi bệ hạ đang lúc có tang, bỗng gặp thiên tai, Thì Hanh bịa cơ âm dương xung khắc, nói láo là do có quốc tang nên mới sinh ra, tâu xin rút ngắn ngày để tang để trừ bỏ tai biến của trời. Xét các việc làm của hắn, thực là [72a] lừa dối cả. Thần sợ thiên hạ đời sau đều bảo là dùng bọn âm dương¹ làm Tham tri, bọn bói toán làm An phủ, bắt đầu từ bệ hạ, chứ từ xưa chưa từng có bao giờ".

Vua lập tức ra lệnh bãi chức Môn hạ hữu ty lang trung thiêm tri Tây đạo của Thì Hanh. Quốc Oai trung lộ An phủ sứ ty Bạch Khuê nghe thấy thế, cũng lo sợ, xin từ chức.

Trước kia, Thái sử Thì Hanh, Thái chức Bạch Khuê đều cậy có pháp thuật, ra vào các nhà đại thần ; khéo dở trò ton hót bợ đỡ. Các đại thần đều gán gủi, cho là bọn họ có tài. Vì thế, Thì Hanh xin làm Môn hạ hữu ty lang trung thiêm tri Tây đạo, Bạch Khuê xin làm Quốc Oai Trung lộ An Phủ sứ. Các đại thần ai cũng bảo đảm xin cho. Nhưng những người hiền tài thì đều cảm thấy xấu hổ đứng ngang hàng với bọn họ. Có người đề chữ ở Cầu Kênh ngoài cửa Đông rằng :

"Trời đất tới vận bĩ, nầy nòi lộ an phủ². Mặt trời mặt trăng [72b] khuyết, có dựa đạo tham tri³", châm biếm chế giễu chúng đến như vậy. Tới đây, Thì Hanh, Bạch Khuê phải giáng truất một lúc, mọi người đều rất khoái chí.

Quốc sử đồng tu Nguyễn Văn Tộ từ chức.

Có sáu căn lúa.

Tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước, lấy đỗ 8 người.

Đến khi thi đình, vua thân ra đề văn sách, hỏi về lễ, nhạc, hình, chính. Cho Nguyễn Nghiêu Tư đỗ trạng nguyên, Trịnh Thiết Trường đỗ bảng nhãn, Chu Thiêm Uy đỗ thám hoa lang, bọn Nguyễn Mậu 12 người đỗ tiến sĩ, bọn Đoàn Nhân Công 13 người đỗ phụ bảng.

(Nghiêu Tư người huyện Vũ Ninh ; Thiết Trường người huyện Yên Định ; Thiêm Uy người huyện Tứ Kỳ. Nghiêu Tư từng thông dâm với mẹ vợ, bấy giờ, có người ghi vào chuông lợn là : "Phường trạng nguyên", có người hát ở đường cái rằng : "Trạng nguyên trư⁴ Nguyễn Nghiêu Tư" là chế giễu hành vi xấu xa đó).

1. Nguyên văn "âm dương nhân" chỉ những người theo thuyết âm dương dò đoán mọi việc.

2. Chỉ Bạch Khuê, được làm An phủ sứ lộ Quốc Oai trung.

3. Chỉ Bùi Thì Hanh được làm Thiêm tri Tây đạo.

4. Trạng nguyên trư là "trạng nguyên lợn".

Bấy giờ, Tư khấu Lê Khắc Phục muốn cấm các khảo quan tư túi, tâu xin bắt họ phải uống máu ăn thề. Các khảo quan phải thề bắt đầu từ đó. Nhưng thói tư túi vẫn không thể nào hết được.

Có thí sinh làm bài chế [73a] văn, đến hai câu đối nhau, đáng lẽ phải dùng chữ có vần trắc, lại dùng ngay chữ "hoành" là thanh bằng. Quan sơ khảo phê là thất luật không lấy. Quan phúc khảo lại chọn lấy, bảo là học trò hay chữ, phê cho đứng đầu cả trường thi, nói bậy là chữ "hoành" người xưa đọc theo thanh trắc, bị người đương thời hiểu là "khảo quan ngu" ¹. Bấy giờ khảo quan chỉ nghe lời Tả nập ngôn Nguyễn Mộng Tuân, im chuyện ấy đi không nói ra. Giám khảo Đồng Hanh Phát vì là học trò Nguyễn Mộng Tuân nên biết mà không nói. Đồng khảo Nguyễn Thiên Tích rêu rao là Nạp ngôn thiên vị, bị Mộng Tuân nổi giận sỉ nhục giữa điện đình. Thiên Tích cãi lại không chịu, rồi tắm tiếng thiên vị lại càng sôi động.

Sao Thổ phạm vào Thái âm.

Tháng 9, xuống chiếu sai Thái úy Lê Khả đốc suất các cục Bách tác xây dựng miếu điện ở Lam Kinh.

[73b] Lấy An phủ sứ Thượng Hồng là Phan Nhân làm Đồng tri Thảm hình viện sự ; Trung thư xá nhân Nguyễn Lâm làm Hoàng môn thị lang, Hàn lâm viện đãi chế Hoàng Sần Phu làm Tri chế cáo ; Thính bát quan Nguyễn Văn Diên và Vũ Kỳ làm Tả hữu hình viện đại phu ; Thân tùy xá nhân Nguyễn Sĩ Hưng làm Trúc mộc ty đô giám ; Bắc đạo thuộc Trình Đức Lương làm Thái Nguyên trung bạn giáo thụ.

Lấy Lê Nho Tông, con Lê Ngân, làm Đại đội trưởng Bảo ứng quân. Ngân vì có công to khai quốc, chết không đáng tội, con là Lê Tông Nho bị vùi dập trong quân ngũ đã lâu, các đại thần thương xót, cho nên có lệnh này.

Lấy Tri chế cáo Đào Thiên Phúc làm An phủ phó sứ lộ Kiến Hưng.

Mùa đông, tháng 10, lấy Chuyển vận phó sứ huyện Cổ Hềng Trình Cảnh và lộ giáo thụ Trình Bàn cùng [74a] làm Chính hình viện đại phu.

Người Chiêm Thành là Phan Mỗ dẫn hơn 340 đàn ông đàn bà sang hàng, xuống chiếu chia cho ở các đạo.

Tháng 11, đem chị cả của vua là Vệ Quốc trưởng công chúa gả xuống cho Lê Quát, con trai Thái úy Lê Thụ. Lúc ấy công chúa mới có 10 tuổi, cảm không nói được. Xuống chiếu cho Tư khấu Trịnh Khắc Phục làm chủ việc hôn lễ.

Bấy giờ Lê Thụ sắp lễ cưới, những kẻ cầu cạnh ngôi lên, tranh nhau cúng của cải để mưu phú quý, đến nỗi gấm thêu, linh là, vóc lụa bán ở ngoài

1. Nguyên văn "lỗ khảo quan" tức khảo quan thô lỗ, ngu dốt.

phổ đều vì vậy mà hết nhẵn cả. Lê Thụ lại bắt quan lại các trấn, lộ, huyện phải sắm đủ trâu, dê các thứ. Nhưng họ đều bắt quân lính và dân chúng đóng góp để mong lấy lòng Lê Thụ. Đài quan Hanh Phát tâu hặc. Lê Thụ trút mũ tạ tội. Nhưng lệnh đã gửi đi khắp nơi, các quan vẫn cứ đưa lễ vật tới mà Lê Thụ cũng không từ chối, Hanh [74b] Phát cũng không nói đến nữa. Sau Hanh Phát lại mang lễ vật đến nhà Thụ lạy tạ. Người thức giả đều bàn chê.

Bọn Nông Thế Ôn ở châu Bảo Lạc ¹, Dương Thắng Kim ở sách Thám Già, Nguyễn Châu Quốc ở mừng An Phú thuộc trấn Tuyên Quang có tội bị giết.

Trước đó, bọn Ôn, Kim cậy đất hiểm, không chịu nộp phú dịch. Đến đây lại ngầm cùng với bọn Châu Quốc đem quân chống mệnh. Phụ đạo mừng An Phú là Nguyễn Doãn Tô cáo giác chuyện đó. Sai Tổng quản Lê Luân đem quân bản trấn đánh bắt bọn chúng, bắt được bọn Ôn, Kim giải về chém bêu đầu ngoài chợ kinh đô.

Tháng 12, lấy Ngự sử trung thừa Hà Phủ làm Bắc đạo đồng tri phủ ², Lê Bình làm Nghệ An đồng tri phủ.

Nhập nội đô đốc tham dự triều chính Đình hầu Lê Chích chết.

Chích là công thần khai quốc cũ, thời Thái Tổ đã được tham dự triều chính, vì có lỗi mất [75a] chức. Đến triều Thái Tông, được khôi phục làm Đồng tổng quản châu Hóa, trấn giữ Thất Ai. Người Chiêm hai lần vây đánh thành, Chích lấy ít đánh nhiều, nhiều lần đánh tan bọn chúng. Sau lại đi đánh Chiêm Thành có công được thăng dần đến chức này. Đến đây chết, được truy tặng Nhập nội tư không bình chương sự, tên thụy là Trinh Vũ.

Lấy trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư và tiến sĩ Trịnh Kiên làm Hàn lâm trực học sĩ (vì Kiên nguyên là đô quan lục phẩm) ; bång nhĩn Trịnh Thiết Trường và thám hoa lang Chu Thiêm Uy làm Trung thư xá nhĩn ; tiến sĩ Nguyễn Bá Ký làm Hàn lâm tri chế cáo ; Nguyễn Mậu và Dương Chấp Trung làm Khởi cư xá nhĩn ; Phạm Đức Khản, Nguyễn Đình Tích, Nguyễn Di Quyết và Đặng Tuyên làm Hàn lâm đĩi chế ; Bùi Phúc, Nguyễn Văn Chấp, Phan Hoan, Nguyễn Thúc Thông làm Quốc sử viện đồng tu sử ; phụ bång là bọn Đoàn Nhân Công 13 người được sung làm ngự [75b] tiền học sinh.

Lấy An phủ phó sứ Thiên Trường là Phan Phu Tiên làm Quốc tử giám bác sĩ ; Chuyển vận phó sứ huyện Phú Lương là Phạm Năng làm Trợ giáo, lộ giáo thụ Vũ Vĩnh Trinh làm Quốc tử giám giáo thụ ; Thính hậu quan Phan Tử Viếp làm Quan sát sứ.

1. *Bảo Lạc* : tên châu đời Lê, nay là đất huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

2. Dịch theo nguyên văn. Bản dịch cũ sửa là "Bắc đạo đồng tri".

Lấy những người ngư thí hợp cách là bọn Đặng Duy Khiêm 33 người sung làm giám sinh Quốc tử giám. Theo lệ thi hằng năm thì học trò các lộ đến thi ở bản đạo, chỉ những sinh đồ hợp cách đỗ hương cống mới được sung làm giám sinh, còn quân dân đỗ hương cống thì không được sung làm giám sinh, vẫn chỉ là hương cống. Đến đây, Tư khấu Trịnh Khắc Phục mới xin lấy quân dân đỗ hương cống là bọn Duy Khiêm sung làm giám sinh, mà những sinh đồ đỗ hương cống lại không được vào Quốc tử giám. Dư luận bấy giờ rất ngờ có ẩn hối lộ trong chuyện đó.

Năm ấy, xử án bắt tử hình 42 [76a] người.

Kỷ Ty, [Thái Hòa] năm thứ 7 [1449], (Minh Chính Thống năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, ban yến cho các quan. Múa nhạc "Bình Ngô phá trận".

Trước kia, Thái Tổ dùng võ công bình định thiên hạ. Thái Tông tưởng nhớ công lao tiền bối, sáng tác điệu vũ "Bình Ngô". Đến đây, vua nghĩ tới công sáng nghiệp gian lao, không quên công đức tổ tiên, cho nên lại cho múa điệu ấy, công hầu có người xúc động phát khóc.

Điện trung thị ngư sử hặc tội Tham dự triều chính Lê Bí nghi thức trái lễ, Thiếu bảo Lê Sao lấn vượt sai thứ bậc, Lễ bộ thượng thư Đào Công Soạn không chịu nêu ra, mỗi người đều phải nộp tiền theo thứ bậc khác nhau.

Ra lệnh chỉ cho những người dân biết chữ đến ngày 20 tháng này phải tới bản đạo để dự thi. Người nào hợp cách thì đưa đến Lễ bộ tập trung cho thi. Ai đỗ được miễn tuyển bổ kỳ này.

Lệ cũ : Thi dân bằng ám tả, viết chữ và làm toán để lấy người vào các [76b] cục. Đến đây, các đại thần bàn cho thi ám tả và nghĩa của bản kinh¹ và *Tứ thư* mỗi thứ một bài, cho đề thi trái với những điều đã học, để người được miễn tuyển bổ ít đi. Vì thế, chỉ có 85 người được hợp cách, vẫn cho về làm dân và được miễn tuyển bổ kỳ này. Thi miễn tuyển bằng ám tả và kinh nghĩa bắt đầu từ đây. "Sau đó, coi là lệ thường.

Tuyển tráng đinh bổ sung quân ngũ, thải những người già.

Làm sổ hộ tịch.

Tháng 2, miếu điện ở Lam Kinh làm xong. Sai Hàn lâm thị độc Hoàng Thanh thay Nguyễn Lãm làm lễ tấu cáo. Vì Lãm trước đã có tội với Thái Tổ.

Tuyển tráng đinh. Cháu nội của các quan từ lục phẩm trở lên, con trai các quan thất, bát phẩm đều được miễn.

1. *Bản kinh* : nguyên văn là "bản kinh", có thể là lầm từ "ngũ kinh".

Lê cũ : Quan lục phẩm chỉ con được miễn tuyền, đến đây miễn cả cháu nội, còn quan thất bát phẩm chỉ được miễn cho con, hoạn quan cũng được miễn một người thân thích. [77a] Ban rộng ẩm trạch bắt đầu từ đây.

Lấy Chuyển vận phó sứ huyện Tế Giang ¹ là Lưu Thúc Khiêm làm Thị ngự sử, Ngự tiền học sinh Nguyễn Cư Đạo làm Giám sát ngự sử.

Ban cho Tổng quản cũ Lê Bôi 20 quan tiền. Bôi là công thần khai quốc cũ, bị chứng trúng phong đã lâu, ở rồi đã 17 năm. Đến đây, bệnh hơi bớt vào châu, cho nên được ban ơn riêng.

Sai Tư khấu Lê Khắc Phục đem người các cục Bách tác, quân vệ Thiên Quan, Tứ sương và quân dân trấn Thái Nguyên đào lại sông Bình Lỗ ² từ Lãnh Canh (tên châu) ³, đến cầu Phù Lỗ ³ dài 2.500 trượng thông với Bình Than để tiện việc đi lại trong trấn Thái Nguyên.

Tháng 3, người Chiêm Thành sang cống sản vật địa phương, xuống chiếu không nhận.

Bấy giờ em vua Chiêm Thành là Quý Do bỏ tù chúa nó là Quý Lai, tự lập làm vua, sai bề tôi là bọn Giáo Nhĩ Mỗ, Bàn Thoa [77b] sang dâng cống vật. Vua xem tờ biểu, khước từ nói :

"Tôi giết vua, em giết anh là tội đại ác xưa nay, trẫm không nhận đồ dâng".

Sai trả hết cả. Rồi sai Đồng tri hữu tri sự Nguyễn Hữu Quang, Điện trung thị ngự sử Trình Ngự mang thư sang dụ rằng :

"Sự thực của các người như thế nào thì phải sang trình bày cho rõ".

Mùa hạ, tháng 4, khôi phục tước Tự Hiệu hầu và chức. Nhập nội thị trung cho Thái tử thiếu bảo Lê Lễ. Hôm ấy, Lễ chết.

Lễ suốt đời làm gia thần cho Thái Tổ, rất được tin dùng, sớm tối châu hầu, không lúc nào rời bên cạnh, dốc lòng trung trinh, có sức hơn người. Khi Thái Tổ khởi nghĩa, vợ cả vợ lẽ bị hoạn nạn mà vua phá vòng vây, thoát khỏi nguy hiểm, phần nhiều là công của Lễ. Thái Tổ thường khen ông và từng nói :

"Nếu dồn mọi công lao lại thì ngôi tể tướng chẳng người còn ai ? Trẫm có tiếc gì với [78a] người, chỉ vì tài của người không xứng mà thôi".

Đến khi sắp băng, khóc bảo Lễ rằng :

1. Tế Giang : sau đổi là huyện Văn Giang, nay là một phần đất huyện Châu Phong, tỉnh Hải Hưng.
 2. Sông Bình Lỗ : tức sông Cà Lỗ, trong huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
 3. Lãnh Canh : hay Lãnh Kinh, ở khoảng gần Đáp Cầu, tỉnh Hà Bắc.
3. Cầu Phù Lỗ : tức cầu qua sông Cà Lỗ ở xã Phù Lỗ, huyện Kim Anh cũ, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

"Nếu trăm không còn thì còn ai biết khanh nữa, sợ từ đây về sau bị giáng truất mất thôi !" :

Sau bị Nguyễn Thị Lộ gièm, phải giáng làm Thái tử thiếu bảo, đúng như Thái Tổ đã nói.

Đến đây, ốm nặng, được khôi phục chức cũ. Ngày mồng 4 thì chết, thọ 82 tuổi. Được truy tặng Hương hầu, tên thụy là Trung Tiết.

Đồng tham nghị Chính sự viện Cao Doãn Cung, Trình Hoảng Nghi, Nguyễn Bá Thanh, Mai Tử Kiệt cùng từ chức.

Đài quan Lưu Thúc Khiêm và Nguyễn Cư Đạo hặc tội bọn Doãn Cung, Hoảng Nghi ở chức chính viện đại thần mà chỉ ngồi làm vùi, ăn hại, không giúp ích được gì, tuổi đã quá 70, mắt lòa, tai điếc vẫn còn tham lộc vị, không còn biết liêm sỉ, làm hại phong hóa, đáng phải bắt về cả. Thế là bọn Doãn Cung đều xin từ chức. Vua y cho.

Bọn Tả hữu nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Truyền, Nguyễn Viêt, [78b] và bọn Nhập thị kinh diên Đào Công Soạn, Nguyễn Tử Tấn đều cùng xin trí sĩ, nhưng còn tiếc lộc vị, chưa muốn về, thấy vua một lần không cho, chỉ lạy tạ mà thôi. Sau lại rủ nhau làm lễ tạ ơn thì chân tướng lộ rõ, bị người đương thời cười chê.

Tháng ấy bị hạn. Vua thân đến cung Cảnh Linh làm lễ cầu mưa.

Sai Tham tri Bùi Cầm Hổ, Lễ bộ lang trung Nguyễn Cảnh đi cầu đảo ở núi Tản Viên và Tam Đảo đều không ứng nghiệm.

Ngày Quý Mùi, vua xuống chiếu tự trách mình. Tờ chiếu viết :

"Trẫm gặp phải gia biến, bên trong thì mẫu hậu coi châu, bên ngoài thì đại thần giúp việc, mà liền năm đại hạn, lúa má mất mùa, dân chúng buồn than. Nghĩ kỹ tội ấy, hẳn có duyên do. Có phải do trẫm không biết đốc niệm thành kính để được hưởng lòng trời, không biết lo tròn đạo hiếu để thờ phụng tông miếu, không ban ân huệ cho khắp muôn dân nên đến nỗi thế [79a] chẳng ? Có phải trẫm không biết sử dụng nhân tài, những kẻ được dùng đều là loại hèn kém mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải do nạn hối lộ công khai, tệ phi tàm lộng hành mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là do trẫm không đề đặt tiêu dùng, thưởng phạt tiêu bừa, dễ hại của dân mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là các đại thần giúp việc chưa tròn đạo điều hòa âm dương mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là các tướng soái phiên thần không biết yêu thương quân dân, quen thói đục khoét mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải vì các thú lệnh không biết vỗ nuôi nhân dân, chỉ lo bòn vét mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là quan coi hình ngục không giữ công bằng, chỉ lo xử nặng, kẻ nào đứt lốt thì tha, để oán khí bốc lên mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải các quan thừa hành chỉ chuộng hư văn, để ân

trạch của vua bị tắc lại ở trên, tình của kẻ dưới không thấu lên trên được mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là các nhà quyền quý cậy thế ra oai để dân mọn [79b] bị hại mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải vì chọn lựa người hiền, cất nhắc người sót chưa được thi hành, để thói cầu cạnh chạy chọt ngày một tệ hại mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là do chủ tướng đảo lộn quân công, lấy không làm có, làm hại đạo công mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải vì chưa thi hành đầy đủ nhân chính, để dân chúng vẫn còn nhiều người thất nghiệp mà đến nỗi thế chẳng ? Hay là do dầm cá hoang khô, ngạch thuế chưa giảm, dân phải nộp nhiều mà đến nỗi thế chẳng ? Có phải vì con cháu các bậc công thần cố cựu chưa được bỏ dùng hết để đền đáp công lao họ mà đến nỗi thế chẳng ? Tất cả tội lỗi trên chồng chất lại, đã làm tổn thương hòa khí, nếu không xét lời dạy sửa lỗi lầm, làm trọn đạo tu dưỡng mình thì làm sao trên có thể lay chuyển được lòng trời, dưới có thể cứu vớt được nạn dân ?"

Tờ chiếu ban xuống, đêm hôm ấy có mưa.

Bắt đầu lập đàn thờ thần Đô đại thành hoàng, đàn thờ thần Gió, Mây, Sấm, Mưa và đàn thờ ma quỷ không ai tế tự để tứ thời cúng lễ.

Sai bọn Đồng tri Bắc đạo Hà Phủ đưa người Minh [80a] là Lý Văn Xương về Quảng Tây.

Trước kia, thời Thái Tổ, người Quảng Tây là Văn Xương đem gia thuộc và bộ đảng hơn trăm người trốn sang quy phục nước ta, cho ở huyện Phục Hòa, trấn Thái Nguyên, đến đây đưa trả về nước.

Bọn Hà Phủ dẫu sợ nói :

"Thần nghe : biết lỗi không khó, sửa lỗi mới là khó, nói điều thiện không khó, làm điều thiện mới là khó. Nay trời giáng tai họa hạn hán, trong tờ chiếu của bệ hạ có điều nói là chăm cặn không có cá, dân phải nộp thuế nhiều, thần xin giảm ngạch thuế đó để ban ân huệ thực". Vua nghe theo.

Tháng 5, cấp phu quét dọn cho Văn miếu và nhà học của các lộ, trấn, mỗi nơi 20 người, mỗi Giáo thụ được 2 người phu để làm thường bổng. Đó là theo lời của Khoái lộ An phủ sứ Nguyễn Hữu Phu.

Giáng Tường hình viên đại phu Trình Cảnh làm Chuyên vận phó sứ huyện Thiên Thi [80b]. Lấy viên Chuyên vận phó sứ cũ của huyện Thiên Thi là Nguyễn Hiền làm Tường hình viên đại phu.

Sao Kim đi qua mặt trăng.

Lê Thụ và Lê Khả dẫu sợ nói :

"Ngày xưa, vào đời thịnh trị, nếu gặp tai biến của trời thì vua tự xét mình, đại thần nhận tội cùng lòng kinh sợ để mong dẹp yên tai biến của trời. Kính nghĩ khoảng năm Thuận Thiên thường được mùa luôn, cho đến các năm Thiệu

Bình, Đại Bảo, điềm tốt có nhiều. Bệ hạ chưa tự mình trông coi chính sự, cũng không có làm lỗi gì, thế mà lụt lội, hạn hán liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện. Hẳn là do bọn thần không biết thể lòng thương yêu muôn dân, chăm sóc vạn vật của bệ hạ, điều hòa trái lẽ như lời chiếu đã nói. Cúi xin Thánh Từ ¹ đòi bọn thần tới Chính sự đường hỏi bọn thần về việc quân, việc nước, việc gì nên làm, việc gì nên bỏ, cốt ở thực hành, không nên chỉ chuộng hư văn". Hoàng thái hậu có ý chỉ trả lời rằng :

" Sách xưa có [81a] câu: " Việc người tốt thì thiên thời hòa ". Nay Quan gia ² còn trẻ thơ mà thiên tai xảy ra luôn, trăm rất lo sợ. Mối hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiến cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm đề ³ cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khỏi tội. Làm thế nào để trừ bỏ mối tệ hại đó cho vua tôi ta một lòng một dạ để trừ tai biến của trời, trên thì có thể phù trì Quan gia giữ vững cơ nghiệp của tông miếu, dưới thì có thể giữ yên thiên hạ, thỏa lòng mong đợi của quân dân".

Mưa to.

Chém bọn thân tùy chánh giám Lê Nhân Lập ở chợ Tây.

Nhân Lập là con của Thiếu úy Lê Lan, cùng với người trong kinh là bọn Nguyễn Thọ Vực họp nhau đánh bạc, trộm cướp, sợ bọn ấy tiết lộ ra, sai người đến tận nhà dụ đến mà giết. Việc phát giác, bắt giam ngục rồi đều chém cả. Biếm Lan [81b] 2 tư vì không biết dạy con.

Đại xá. Trong lệnh ân xá có điều khoản giảm tội cho tù nhân, tha thuế đầm hồ.

Thuyên chuyển các quan văn võ trong ngoài.

Lấy Thảm hình viện phó sứ Trình Chân làm Bắc Giang thượng lộ An phủ sứ ; Trình Dục làm Lễ bộ thượng thư ; Bắc đạo đồng tri bạ tịch Hà Phủ làm Đồng tri phủ phủ Thanh Hóa; bọn Quản lĩnh Lê Kỳ làm Đồng tri của các vệ ; tuyên phủ sứ Nguyễn Liêu làm Gia Hưng quan sát sứ tri quân dân sự ; An Phủ sứ lộ Lý Nhân là Đỗ Thì Việp làm Thảm hình viện phó sứ; Lễ bộ lang trung Nguyễn Cảnh làm Chính sự viện đồng tri tham nghị chính sự ; tiền hành khiển Lê Thái làm Tả ty thị lang đồng tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch, ban tước Đại liêu

1. *Thánh Từ* : tức Thánh Từ hoàng thái hậu. Vua còn nhỏ, thái hậu phải buông rèm coi chính sự.
2. *Quan gia*: chỉ Lê Nhân Tông. Đời Trần có quy định gọi vua là quan gia. Đây cũng theo lệ ấy.
3. *Công thần nơi tiềm đề* : Công thần giúp vua từ khi chưa lên ngôi.

ban. Thái là cháu gọi Thái phó Lê Liệt bằng cậu. Liệt bị tù, bãi chức của Thái [82a] đến khi Liệt được tha, lại bổ dùng Thái.

Giáng Thẩm hình viên đồng tri Phan Nhân làm An phủ phó sứ lộ Lý Nhân.

Đưa Ngự sử Lưu Thúc Khiêm ra làm Chuyển vận phó sứ huyện Yên Lãng ¹ ; Nguyễn Cư Đạo làm Quốc tử giám trực giảng, vì hai ông này hặc tội Doãn Cung và Hoàng Nghị.

Lấy Đông đạo đồng tri bạ tịch Nguyễn Thúc Huệ làm Môn hạ hữu nạp ngôn, Thái sử lệnh Bùi Thì Hanh làm Tham nghị chính sự.

Gián quan Đồng Hanh Phát hặc Thúc Huệ rằng :

"Chức vụ quan trọng nhất của triều đình chỉ có Tể tướng và Hành khiển thôi. Nay Thúc Huệ xuất thân là tiểu lại, chuyên dùng chính lệnh hà khắc. Trước đã làm Tham tri Bắc đạo thì dân Bắc đạo 2 người chung nhau một chiếc quần. Đến khi vâng mệnh đi sứ nước ngoài thì dùng mưu kế xảo quyệt để hồng thoát tội. Người nước ngoài gọi là đồ quý, làm nhục cho nước đến thế, còn dùng làm gì ?"

[82b] Lại hặc Thì Hanh rằng :

"Thì Hanh dùng tà thuật lừa dối vua, xui vua để tang ngắn ngày để bề hạ thất hiếu với Tiên đế. Vả lại, việc để tang ba năm, thì Tiên đế cũng đã thực hiện rồi. Thần trước đã hặc Thì Hanh phải bãi chức Tham tri Tây đạo, thế mà nay lại thăng tới chức Chính sự tham nghị ! Vả "chính" có nghĩa là chính đáng, nếu bản thân mình không chính đáng thì làm việc sao cho chính đáng được ? Thần nghe hào Lục tam trong quẻ Giải nói : "Kẻ mang tội mà ngồi xe, ắt sẽ dắt giặc tới" ² là chỉ bọn Thúc Huệ, Thì Hanh đó chẳng ?"

Thái hậu hỏi Tể tướng :

"Gián quan hặc như thế, nên làm thế nào ?".

Bọn Lê Khả tâu : "Dùng người không nhất thiết phải cầu toàn. Bọn thần đã tìm hết những người tại chức và thân thích cố cựu nhưng không được một ai. Bọn thần thấy Thúc Huệ làm việc đều được cả. Còn bọn mới lên thì thần chưa biết được ai hay ai dở, không dựa vào đâu mà cất nhắc được".

Thái hậu bèn nghe theo.

[83a] Mùa thu, tháng 7, đổi hai quân Hỏa đồng thành quân Thần lôi, Thần điện ; các quân Thiện trạo thành quân Hải hồng, Hải mã, Hải kinh, Hải thu, quân Bát náo thành quân Hải cốt.

1. Yên Lãng : nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

2. Hào Lục tam, quẻ Giải của Kinh Dịch. Nguyên văn : "Phụ thả thừa, trí khấu chí".

Đặt phối sở của các châu xa ở hai trấn Tuyên Quang và Quy Hóa¹, của ngoại châu ở huyện Thái Đường, trấn An Bang² để dời những người phạm tội của hai phủ thuộc đạo Hải Tây ra đó. Còn tội nhân của các lộ thì vẫn để ở nơi cũ.

Sứ thần Chiêm Thành là bọn Bô Sa Phá Tham Tốt cùng đi với Nguyễn Hữu Quang sang tạ.

Vua sai Tư khấu Lê Khắc Phục, Nạp ngôn Nguyễn Mộng Tuân vận hỏi sứ Chiêm Thành về tội giết vua. Sứ Chiêm Thành không trả lời được, chỉ lạy tạ mà thôi.

Sai Thượng thư Trình Dục, Hàn lâm trực học sĩ Trịnh Kiên đi sứ Chiêm Thành, mang thư sang dụ và đòi lại người nước ta trước ở Chiêm Thành.

Bức thư đại ý là : "Đã có nước là có vua [83b] tôi. Đó là đạo cương thường. Người Chiêm Thành các ngươi cứ sao lại vi phạm luân thường đến như thế ? Trước kia, Vương Đề chết, các ngươi đã không chịu lập con của Đề mà lập Bí Cai làm vua, rồi bọn ngươi lại không biết dẫn dắt vua mình đi theo chính đạo, kính thờ nước lớn, để đến nỗi phải bại vong. Các ngươi đã xin lập Quý Lai làm vua, chưa quay xong gót đã lại phế đi và lập Quý Do. Các ngươi là bọn phản phúc bất trung, xem vua như con cờ, thế là đạo gì vậy ?".

Tháng 8, Hoàng thái hậu viết chỉ dụ bọn đại thần rằng :

"Từ khi quả nhân coi chính sự đến nay, thấy rõ lòng trung quân ái quốc của các đại thần đã hết sức phò tá giúp rập. Bên trong sửa sang trị nước, bên ngoài đánh dẹp di địch, để giữ yên thiên hạ. Quả nhân sớm khuya suy nghĩ có cách nào bảo đền công lao ấy. Nhưng vì tài hèn đức bạc, thẹn mình không được giỏi bằng các Thái hậu họ Mã, họ Đặng và bà Tuyên Nhân³ ngày xưa, để làm trọn đạo ưu đãi đại thần. Nay sẽ [84a] sai triều sĩ họp bàn những việc nên làm hiện nay, để thành khuôn phép hay của một đời, cho không còn những tệ xấu nữa.

Các khanh hãy cùng nhau thể theo ý ấy để trọn đạo làm tôi, bảo toàn tiết tháo sau trước, đừng để chỉ riêng các ông Cao, Quý, Tắc, Tiết, Y, Phó, Chu, Thiệu⁴ đòi xưa được ca ngợi mà thôi. Như thế, chẳng tốt đẹp biết bao !".

1. *Phối sở* : nơi đây các tội nhân, tùy mức độ phạm tội, có thể dày ra châu xa hoặc châu gần. Hồi ấy trấn Tuyên Quang bao gồm cả phần đất tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang ngày nay ; Quy Hóa bao gồm cả phần đất của tỉnh Yên Bái, Lào Cai ngày nay.
2. *An Bang* : đất tỉnh Quảng Ninh hiện nay. An Bang không có huyện Thái Đường. Có lẽ nhầm từ huyện Thủy Đường, tức huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng hiện nay.
3. *Thái hậu họ Mã* : là hoàng hậu của Hán Minh Đế, tính cần kiệm, hay đọc sách, bàn luận chính sự rất sáng suốt, Thương Đế lên ngôi phong làm Hoàng thái hậu. *Thái hậu họ Đặng* là hoàng hậu của Hán Hòa Đế, Thương Đế còn bé lên ngôi, buông rèm coi chính sự. Thương Đế chết, lập An Đế, vẫn trông coi chính sự, chọn dùng người giỏi.
Bà Tuyên Nhân : bà hoàng hậu của Tống Anh Tông. Triết Tông còn bé lên ngôi, bà buông rèm coi chính sự 9 năm, được coi là Nghiêu Thuần trong giới phụ nữ.
4. *Cao* : là Cao Dao, danh thần của Ngụ Thuần. *Quý* : là quan coi nhạc của Ngụ Thuần. *Tắc* : quan coi việc làm ruộng của Thuần. *Tiết* : hiền thần của vua Thuần, thủy tổ nhà Thương. *Y* : tức Y Doãn. *Phó* : tức Phó Duyệt. *Chu* : tức Chu Công Đán. *Thiệu* : tức Thiệu Công Thích.

Biếm Tư mã Hóa Châu là Lê Định hai tư.

Bấy giờ Hà Lạt hặc tội Lê Định thả người Chiêm Thành đầu hàng và cưỡng bức con gái nhà người ta làm vợ lẽ mình, cho nên bị biếm.

Một hôm, tan châu, Thái úy Lê Khả thấy có cái lưới săn ở trước Vân Tập đường, bèn gỡ đi và nói :

"Chớ để vua trông thấy lưới này, sẽ gori thói ham săn bắn sau này".

Lấy Trung thừa Hà Lạt làm Tây đạo Tham tri bạ tịch ; Đài quan [chủ] bạ Lê Lâm và Quốc tử giáo thụ Phạm Duy Ninh đều làm Giám sát ngự sử. Lấy Quốc tử giám trực giảng Doãn Tử Bình làm An phủ phó [84b] sứ ; Nội mật viện đồng tri Lê Niệm làm phó sứ ; Điện trung thị ngự sử Trình Ngự làm An phủ phó sứ ; Ngự tiền học sinh Đặng Doãn Mỹ và các giám sinh Nguyễn Cương Trung, Nguyễn Tự Đắc, Cao Văn Xi làm Chuyển vận phó sứ các lộ. Giám sinh được bổ làm huyện quan bắt đầu từ Cương Trung.

Lấy Trung Bắc vệ đồng tri Lê Trạo làm Quỳnh Châu kinh lược đại sứ, Lê Kỳ làm Bắc Giang vệ đồng tri.

Lấy Quốc Oai làm Trung lộ an phủ sứ ¹.

Vua Anh Tông nhà Minh căm giận giặc phương Bắc là Dã Tiên (Dã Tiên là tên hiệu của giặc) ² vào cướp, theo lời bàn của Vương Chấn, một bề tôi của vua, thân hành đi đánh. Ngày 17 tháng 7, ngự giá đi đến Đại Đồng ³ rồi đem quân về. Ngày 16 tháng 8, ngự giá đi đến Thổ Mộc ⁴ (tên đất) bị giặc phương Bắc bắt được. Ngày 17, tin Anh Tông đi tuần phương Bắc (bị giặc bắt được) báo về, kinh sư rất kinh hãi. Ngày 18, Hoàng thái hậu sai em Anh Tông là [85a] Thành Vương Kỳ Ngục quyền nắm việc nước. Ngày 20, Hoàng thái hậu ban lập Hoàng trưởng tử Kiến Nhu làm hoàng thái tử, bấy giờ mới 2 tuổi, vẫn sai Thành Vương phụ chính.

Tháng 9, ngày mùng 6, Thành Vương nhà Minh lên ngôi, tôn Anh Tông làm Thái thượng hoàng ở xa, đổi niên hiệu năm sau thành Cảnh Thái năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 10, hạ lệnh các sắc dịch của các lộ đem nộp gạo chín cấp cho quân dụng, sau lại bãi bỏ lệnh này, vì đã bàn định đánh Chiêm Thành nhưng rồi lại thôi.

Lấy Quốc Oai Hạ vệ thiếu úy Lê Lan làm Thiếu úy phủ Tân Bình, Thuận Hóa, được hơn 1 năm thì chết.

Người kinh thành đẻ con có hai đầu, cho là quái gỡ, bỏ cho chết.

1. Dịch theo nguyên văn. Chỗ này ngờ có sai sót. Bản dịch cũ chép : "cho Quốc Oai làm Trung lộ an phủ sứ" và ngờ in thiếu tên người nào đó.

2. *Dã Tiên* : quan Thái sư của bộ tộc Ngõa Lạt nước Mông Cổ.

3. *Đại Đồng* : là trị sở của phủ Đại Đồng, nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.

4. *Thổ Mộc* : tên đất, ở phía tây huyện Hoài Lai của Trung Quốc.

[85b] Tháng 11, sai các lộ, huyện làm sổ sách.

Bỏ bọn giám sinh Lô Thuần, Phạm Công Niêm 30 người làm thuộc lại ở các đạo. Giám sinh được bỏ làm thuộc lại bắt đầu từ đó.

Lê Quán Chi, con trai Đại đô đốc Lê Khuyển đang đem tụ tập đánh giết người ở giữa chợ. Việc bị phát giác, Quán Chi phải hạ ngục, cung xưng dây dưa tới hơn 10 người là con cái nội quan và các quan chức khác.

Ấn sắp xong, Thái hậu thấy Khuyển là bậc đại thần, chỉ huy cấm binh, là chỗ dựa của vua. Nếu giết con Khuyển, sợ Khuyển đau lòng, liền làm trái luật pháp, tha cho hắn, chỉ lấy tiền bồi thường trả cho người chết thôi. Giám quan Lê Lâm ngậm miệng không dám nói, để đến nỗi trẻ con ở chợ nắm tay mà nói : "Tiếc ta không được làm dài quan thôi !".

Người Chiêm Thành trả lại 70 người của ta là bọn Trình Nguyên Đĩnh. Lấy Nguyên Đĩnh làm Chính sự viện đồng tham nghị.

[86a] Bổ sung chương điền sản gồm 14 điều vào bộ hình luật. Trước kia, Thái Tổ định thực hiện phép quân điền, cho nên lược bỏ chương điền sản. Đến đây lại bổ sung vào.

Lấy An phủ phó sứ lộ Nam Sách Thượng là Nguyễn Trục làm Hàn lâm viện thị giảng ; An phủ sứ lộ Quy Hóa là Nguyễn Như Đồ và An phủ phó sứ lộ Quốc Oai Hạ là Lương Như Hộc cùng làm Hàn lâm trực học sĩ ; lộ giáo thụ Trình Bá Cung, Đào Phục Lễ cùng làm Giám sát ngự sử ; Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Nghiêu Tư làm An phủ sứ lộ Tân Hưng ; Thượng trung thư xá nhân Trịnh Thiết Trường làm An phủ sứ lộ Thanh Hóa Nam ; Chu Thiêm Uy làm An phủ sứ lộ Tân Hưng Hạ ; Quốc tử giám giáo thụ Nguyễn Như Bật làm An phủ phó sứ lộ Kiến Xương. Giáo thụ được bổ chức An phủ bắt đầu từ Nhữ Bật.

Lấy Khởi cư xá nhân Nguyễn Mậu làm [86b] Chuyển vận sứ huyện Lập Thạch ; Dương Cháp Trung làm Chuyển vận sứ huyện Thủy Đường ; Ngự tiền học sinh Nguyễn Đạt làm Chuyển vận sứ huyện Đại Man.

Lấy Lê Thiếu Dĩnh làm Giáo thụ lộ Tam Đới. Trước đây, Thiếu Dĩnh làm thiêm tri Thảm hình viện, vì can tội tham tang, bị bãi chức về làm dân, suốt đời không được bổ dụng. Đến đây lại được làm Giáo thụ.

Lấy Giáo thụ Quốc tử giám Nguyễn Thiên Túng làm Tư nghiệp ; Giáo thụ Nguyễn Siêu là Trợ giáo ; Lương Mộng Tinh và Vũ Vĩnh Trinh làm Trục giảng ; Tư hình viện đại phu Phù Thế Hào làm Chuyển vận phó sứ huyện Cô Phí.

Chuyển vận phó sứ huyện Văn Bàn là Lương Tông Ký ăn hối lộ, việc bị phát giác. Ấn xử xong sắp đem chém, thì Ký nhờ người xung quanh xin tha chết. Thái úy Lê Khả nói :

"Phép nước không thể tha được", lại nói : "Ăn trộm của một nhà còn không thể tha thứ, huống hồ Ký lại ăn trộm [87a] cả một huyện !".

Lại giao xuống cho xét, vẫn xử tội chết.

Canh Ngọ, [Thái Hòa] năm thứ 8 [1450], (Minh Cung Tông, Cảnh Thái năm thứ 1). Mùa xuân, tháng 3, thả vợ con Lê Liệt ra khỏi ngục Thiên Lao.

Mùa thu, tháng 7, nhà Minh sai Lý Thực làm chánh sứ đi cùng sứ giả của giặc Bắc lên phụng Bắc. Ngày 15, bọn Thực ra mắt Anh Tông, rỏ nước mắt khóc, làm lễ lạy xong, thấy chỗ ở của Anh Tông lều bằng da, màn bằng vải, trải chiếu xuống đất mà ngủ, bèn tâu rằng : "Nay bệ hạ ăn mặc kham khổ quá". Rồi hết lời kể tội Vương Chấn, nói là vì bệ hạ tin yêu hần quá, đến nỗi phải chịu tai họa khi tuần thú ra ngoài. Anh Tông nói : "Trẫm nay có hối cũng không kịp nữa". Thực làm một bài thơ tức sự rằng :

*Trùng chinh y quan bái thượng hoàng,
Ngẫu văn thiên ngữ trọng thê lương.
Tinh chiêm sung phúc phi thiên lộc,
Thảo dã vị quân dị đế hương.
Thủy tín gian thần di quốc bính,
Chung giao Hồ lỗ [87b] bạn thiên thường.
Chỉ kim thiên sứ thông hòa hiếu,
Thủy liễu nam tuyên tỉnh Kiến Chương.
(Lại sửa cân đai lạy thượng hoàng,
Chợt nghe lời dạy nặng đau thương.
Tanh hôi đầy bụng đâu thiên lộc¹,
Thảo dã làm vua khác đế hương².
Mới biết gian thần xoay thế nước,
Cho loài Hồ lỗ chống cương thường.
Sứ trời nay tới thông hòa hảo,
Xe thủy về nam viếng Kiến Chương)³.*

Bấy giờ tù trưởng giặc Bắc là Dã Tiên sai đầu mục dẫn 500 quân ky đưa Anh

1. *Thiên lộc* : lộc trời, thiên tử hưởng lộc trời. Câu này ý nói Anh Tông phải ăn thứ tanh hôi không phải là lộc trời.
2. *Đế hương* : quê hương vua. Câu này ý nói Anh Tông bị giam ở miền thảo dã, không phải đất nước mình.
3. *Kiến Chương* : vốn là tên cung điện của Hán Vũ Đế. Ở đây chỉ cung điện của vua Minh.

Tông về Yên Kinh. Các quan đón ở cửa An Định. Anh Tông từ cửa Đông An đi vào. Vua Cảnh Thái ra lạy đón, nhún nhường một hồi lâu, rồi đưa Anh Tông đến Nam Cung. Các quan vào yết kiến rồi lui ra.

Mùa đông, tháng 10, sai Tây đạo tham tri Hà Lật làm chánh sứ ; Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Như Đồ và Quốc tử giám trợ giáo Đồng Hành Phát làm phó sứ, sang nhà Minh nộp cống hằng năm.

Tân Mùi, [Thái Hòa] năm thứ 9 [1451], (Minh Cảnh Thái năm thứ 2). Mùa hạ, tháng 4, vì có tai dị, xuống chiếu rằng :

"Mấy năm nay, hạn hán, sâu trùng liên tiếp xảy ra ; tai dị luôn luôn xuất hiện. Năm nay đương mùa xuân, lại có mưa đá. Có phải chính vì sự thiếu sót lầm lỗi chưa sửa được đến nỗi thế chẳng ? Hay là điều hòa trái lẽ, làm hại tới [88a] hòa khí chẳng ? Có thể vì hình ngục oan khuất mà chưa được rửa oan chẳng ? Hay là thuế dịch vụ nặng nề, dễ dân chúng ta oán chẳng ? Nghĩ rằng tai họa này, hẳn có nguyên do. Nếu không ban ân huệ thực để an ủi lòng người, thì lấy gì để báo đáp trời cao và chấm dứt tai biến ? Trong những điều khoan tha có tha các loại thuế, những kẻ trốn đi lính, quân lính và dân chúng trốn tránh thì cho ra đầu thú, những án kiện bỏ đọng thì cho tái trình đầy đủ duyên do".

Mùa thu, tháng 7, ngày 26, giết Thái úy Lê Khả và con là Lê Quát, Tư khấu Trịnh Khắc Phục và con là Phò mã đô úy Trịnh Bá Nhai.

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai chánh sứ là Hành nhân ty hành nhân Biên Vĩnh, phó sứ là tiến sĩ Trịnh Huệ sang báo tin [Cảnh Thái] lên ngôi.

Trước đây, Minh Anh Tông đi đánh phương Bắc đã bị Dã Tiên bắt được, [88b] em là Thành Vương Kỳ Ngục coi việc nước rồi tự lập làm vua, đổi niên hiệu là Cảnh Thái, cho nên sai bọn Biên Vĩnh sang báo.

Ngày 18, sai Đồng tri Đông đạo Trình Chân, Trung thư hoàng môn thị lang Nguyễn Đình Mỹ, Thảm hình viện đồng tri Phùng Văn Đạt sang nhà Minh mừng vua Minh lên ngôi.

Nhâm Thân, [Thái Hòa] năm thứ 10 [1452], (Minh Cảnh Thái năm thứ 3). Mùa hạ, tháng 4, bắt giam con trai Thái úy Lê Thụ là Lê Thị, vì Thị làm bùa chú yểm đất cát.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, vì có tai dị, xuống chiếu rằng :

"Mấy năm nay tai dị liên tiếp xảy ra, mùa màng liền năm mất mát. Muôn dân vạn vật, không sao sống nổi. Trẫm rất lo sợ điều đó. Thực là tự trẫm trên không biết thuận lòng trời, dưới không biết kính giữ phép cũ của tổ tông. Dùng quan không

được người hiền, cai trị có nhiều thiếu sót nên mới đến nỗi thế. Nay nghĩ cách chấm dứt tai biến, [89a] đem lại thuận hòa, không tuân theo phép cũ để bỏ hết tệ xấu có được không? Những việc nay đáng phải làm là dùng người tài giỏi liêm khiết, thải bỏ bọn tham nhũng, tiến hành thưởng phạt, miễn các loại thuế, xét việc oan uổng, chiếu cố những người không vợ, góa chồng, cô độc một mình".

Mùa đông, tháng 10 ngày 15, nhà Minh sai chánh sứ là Hình bộ lang trung Trần Kim, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Quách Trọng Nam sang báo tin lập Hoàng thái tử và ban vóc lụa.

Ngày 23, sai sứ sang nhà Minh. Chánh sứ Thảm hình viện Phạm Du, phó sứ Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Bá Kỳ và Lễ bộ viên ngoại lang Chu Xa sang mừng việc lập Hoàng thái tử. Chánh sứ Chấn lôi quân chỉ huy Lê Thương, phó sứ thị ngự sử Lê Chuyên sang tạ ơn ban vóc lụa.

[89b] **Quý Dậu**, [*Thái Hòa*] năm thứ 11 [1453], (Minh Cảnh Thái năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, ngày 21, đại xá.

Tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước. Cho bọn Vũ Bá Triệt đỗ tiến sĩ cấp đệ.

Mùa đông, tháng 11, vua sai bọn bồi thần Nguyễn Nguyên Kiều, Nguyễn Đán, Trần Hoãn Huy sang nhà Minh nộp cống hằng năm.

Ngày 21, vua bắt đầu đích thân coi chính sự, đổi miếu hiệu, đại xá. Từ tháng giêng năm sau đổi là Diên Ninh năm thứ 1.

Các điều lệnh ân xá có: tăng chức 1 bậc cho các công thần Lê Lễ, Lê Bị, Lê Triện. Cấp một trăm mẫu quan điền cho bọn Lê Sát, Lê Ngân, Lê Khả, Lê Khiêm, Trịnh Khắc Phục, đồng thời cứu giúp những kẻ không vợ, góa chồng, mồ côi, cô đơn và biểu dương những người chồng nghĩa khí, người vợ trinh tiết.

Giáp Tuất, [*Diên Ninh*] năm thứ 1 [1454], (Minh Cảnh Thái năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, đúc tiền Diên Ninh.

Tuyển tráng đinh bổ sung quân [90a] ngũ và thải người già.

Làm sổ hộ tịch.

Mùa hạ, tháng 5, rồng vàng hiện dưới máng nước của một gia đình ở cửa Tây. Ở Nghệ An lá tre úa vàng.

Ất Hợi, [*Diên Ninh*] năm thứ 2 [1455], (Minh Cảnh Thái năm thứ 6). Sai Phan Phu Tiễn soạn bộ *Đại Việt sử ký*, từ thời Trần Thái Tông đến khi người Minh về nước.

Mùa đông, tháng 10, châu Ngọc Ma có con chuột to bằng con lợn.

Bính Tý, [*Diên Ninh*] năm thứ 3 [1456], (Minh Cảnh Thái năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 3, ban đại yến cho các quan, Lạng Sơn Vương Nghi Dân dự yến.

Tháng 2, ngày mồng 4, Ngự sử trung thừa Phạm Du hặc tội Kim ngô vệ đồng tổng tri Lê Quát không chịu giữ phép nước, vào kỳ hội quân năm nay đã sai 70 người lính [90b] làm thuyền riêng cho mình, phí tổn 18 quan tiền của quân đội, xin hình quan xét hỏi trị tội để răn đe kẻ khác.

Lê Quát tâu rằng : "Thần vốn người Lam Ấp. Trước đây, từ Lam Kinh trở về, thần có dùng chiếc thuyền riêng hiện đã mục nát. Năm nay, thần sắp có việc đi hộ giá, nên có sai quân lính sửa chữa lại chiếc thuyền ấy, còn việc phí tổn tiền nong trong quân thì thần không biết".

Du lại tâu rằng : "Bọn thần lạm dự chức ngôn quan, không thể né sợ người quyền thế, cũng không thể im lặng không nói, làm đúng như lời dụ của bề hạ. Nay thần hặc tội Lê Quát sai quân làm thuyền riêng cho mình, thì bọn thần đã sai người trong dài đi dò xét thực sự, lại bắt tên hỏa đầu ở quân ấy đến lấy cung, chúng đều nói là đúng có chuyện ấy. Nay Lê Quát lại bảo là bọn thần đem việc tư ra đàn hặc, có phải bọn thần vì chuyện ân oán mà nói đâu ?".

Ngày mồng 5, ban cho bọn đầu mục Mường Bồn áo và lụa theo thứ bậc khác nhau. Vì đầu mục Mường Bồn [91a] là Lang Tra hồi tháng giêng đem cống lễ vật.

Ra lệnh chỉ cho phụ đạo Lệnh Châu¹ Cầm Công làm Trấn viễn thượng tướng quân. Sai Viên ngoại lang Trình Dao đem chiếu chỉ đến dụ và ban thưởng cho chiếc áo đoạn màu hồng dệt hoa kim tuyến, mũ cao sơn, đai thép bạc, yên ngựa, ghế dựa, ấn thư.

Ra lệnh chỉ cho bọn Nhập nội tư đồ bình chương sự Lê Hiêu, Nhập nội đô đốc bình chương sự Lê Lựu trông coi các việc giữ vững thành trì, ngày đêm nghiêm ngặt tuần phòng trong ngoài theo đúng phép.

Ngày Đinh Mùi mồng 8, vua ngự về Lam Kinh, ngày Quý Sửu tới Lam Kinh. Đêm ấy mưa đá.

Ngày 15, vua đích thân dẫn trăm quan bái yết Sơn lăng và ra lệnh chỉ cho quan coi lăng ở Lam Sơn rằng :

"Mọi việc ở đền thờ cần phải thành kính, tinh khiết như ngả cây, chặt tre, kiểm củi..."

1. Dịch theo nguyên văn. *Cương mục* sửa là châu Quy Hợp.

Mùa đông, tháng 10, châu Ngọc Ma có con chuột to bằng con lợn.

Bính Tý, [*Diên Ninh*] năm thứ 3 [1456], (Minh Cảnh Thái năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 3, ban đại yến cho các quan, Lạng Sơn Vương Nghi Dân dự yến.

Tháng 2, ngày mồng 4, Ngự sử trung thừa Phạm Du hặc tội Kim ngô vệ đồng tổng tri Lê Quát không chịu giữ phép nước, vào kỳ hội quân năm nay đã sai 70 người lính [90b] làm thuyền riêng cho mình, phí tổn 18 quan tiền của quân đội, xin hình quan xét hỏi trị tội để răn đe kẻ khác.

Lê Quát tâu rằng : "Thần vốn người Lam Ấp. Trước đây, từ Lam Kinh trở về, thần có dùng chiếc thuyền riêng hiện đã mục nát. Năm nay, thần sắp có việc đi hộ giá, nên có sai quân lính sửa chữa lại chiếc thuyền ấy, còn việc phí tổn tiền nong trong quân thì thần không biết".

Du lại tâu rằng : "Bọn thần lạm dự chức ngôn quan, không thể né sợ người quyền thế, cũng không thể im lặng không nói, làm đúng như lời dụ của bề hạ. Nay thần hặc tội Lê Quát sai quân làm thuyền riêng cho mình, thì bọn thần đã sai người trong dải đi dò xét thực sự, lại bắt tên hỏa đầu ở quân ấy đến lấy cung, chúng đều nói là đúng có chuyện ấy. Nay Lê Quát lại bảo là bọn thần đem việc tư ra đàn hặc, có phải bọn thần vì chuyện ân oán mà nói dẫu ?".

Ngày mồng 5, ban cho bọn đầu mục Mường Bồn áo và lụa theo thứ bậc khác nhau. Vì đầu mục Mường Bồn [91a] là Lang Tra hồi tháng giêng đem cống lễ vật.

Ra lệnh chỉ cho phụ đạo Lệnh Châu ¹ Cầm Công làm Trấn viễn thượng tướng quân. Sai Viên ngoại lang Trình Dao đem chiếu chỉ đến dụ và ban thưởng cho chiếc áo đoạn màu hồng dệt hoa kim tuyến, mũ cao sơn, đai thép bạc, yên ngựa, ghế dựa, ấn thư.

Ra lệnh chỉ cho bọn Nhập nội tư đồ bình chương sự Lê Hiêu, Nhập nội đô đốc bình chương sự Lê Lựu trông coi các việc giữ vững thành trì, ngày đêm nghiêm ngặt tuần phòng trong ngoài theo đúng phép.

Ngày Đinh Mùi mồng 8, vua ngự về Lam Kinh, ngày Quý Sửu tới Lam Kinh. Đêm ấy mưa đá.

Ngày 15, vua đích thân dẫn trăm quan báii yết Sơn lăng và ra lệnh chỉ cho quan coi lăng ở Lam Sơn rằng :

"Mọi việc ở đền thờ cần phải thành kính, tinh khiết như ngà cây, chặt tre, kiểm củi...

1. Dịch theo nguyên văn. *Cương mục* sửa là châu Quy Hợp.

Tế tằm miếu dùng 4 trâu, đánh trống đồng, [91b] quân lính reo hò hưởng ứng. Về nhạc, võ thì múa điệu "Bình Ngô phá trận", văn thì múa điệu "Chư hầu lai triều"¹.

Đại tư đồ Lê Bí đến tế miếu Chiêu Hiếu Vương và Trung Dũng Vương², dùng 3 trâu.

Thượng thư lệnh Lê Khang đến tế miếu Hoàng Hựu Đại Vương³, dùng 1 trâu.

Nội mật viện phó sứ Đỗ Thì Việp chết.

Ngày 21, ban yến cho các quan hộ giá, các quan nhận chức ở ngoài và các quan trí sĩ ở hành điện Lam Kinh, thưởng tiền theo thứ bậc khác nhau.

Ngày hôm sau, ra lệnh chỉ cho các đại thần bàn định đặt tên hiệu cho các miếu điện ở sơn lăng Lam Sơn. Chánh điện gọi là điện Quang Đức, điện Sùng Hiếu, hậu điện gọi là điện Diển Khánh. Lại sai quân phủ Thanh Hóa làm tằm cung thờ Thái hoàng thái phi ở phía tây điện lăng Lam Sơn.

Ngày 30, vua từ Tây Kinh⁴ về đến kinh sư. Ngày hôm ấy, có khí xanh, vàng, đỏ, trắng như là cầu vòng ôm lấy mặt trời.

[92a] Tháng 3, ngày mùng 2, sai bọn Nhập nội đô đốc bình chương sự Lê Ê đi công cán lên địa giới trấn Thái Nguyên. Cùng đi có Nhập nội đại hành khiển tri tam quán sự nhập thị kinh diên Đào Công Soạn, Tây đạo hành khiển Nguyễn Hữu Quang, Bắc đạo hành khiển Lê Cảnh Huy, Thảm hình viện sứ Trình Chân, Nội mật viện đồng tri Lê Hoài Chi. Khi lên đến địa giới Thái Nguyên, quan tam ty [nhà Minh] không tới, lại trở về.

Bấy giờ, Thái Nguyên giáp giới với châu⁵ phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây. Đầu mục châu trấn đó là Nông Kính và Đàm Khoan bắt giết người, cướp trâu bò, gia súc lẫn của nhau rồi vượt sang chiếm đất ta, cho nên có lệnh này.

Mùa hạ, tháng 5, các quan trấn, lộ, phủ, huyện châu mừng xong từ biệt trở về, vua cho gọi vào bảo họ :

"Các người là quan tại nhiệm, khi trở về, phải bảo dân gắng sức làm ruộng, xử án phải [92b] cho công bằng, nếu có trộm cướp, phải hết lòng lùng bắt, không được thờ ơ lười biếng".

Ngày mùng 8, bọn Tuyên úy Mùng Mộc là Xa La, Kinh lược sứ châu Thuận Mỗi là Đạo Xa, Tri châu Việt Châu là Đạo La, Quan sát sứ châu Ngọc Ma là Cầm Kha sang dâng sản vật địa phương, đều được ban tiền theo thứ bậc khác nhau.

1. "Chư hầu lai triều" nghĩa là "Chư hầu đến châu"

2. Chiêu Hiếu Vương là tước hiệu truy phong cho Lê Học, anh ruột Lê Lợi. Trung Dũng Vương là tước hiệu truy phong cho Lê Thạch, con Lê Học.

3. Hoàng Hựu Đại Vương : tức Lê Trừ, anh thứ hai của Lê Lợi.

4. Tây Kinh : tức Lam Kinh hay Lam Sơn.

5. CMCB 18 chú là châu An Bình giáp giới với châu Hạ Tư Lang, trấn Thái Nguyên.

Ngày 15, ra lệnh chỉ cho các đại thần và các quan văn võ trong ngoài :

" Là người bề tôi, phải làm hết chức trách của mình : Đại thần thì giúp đỡ vua điều hòa âm dương, tiến cử hiền tài, gạt bỏ kẻ xấu, để lo trị nước cho yên. Quan coi quân các vệ thì phải yêu thương quân lính, luyện tập võ nghệ, không được sai lính làm việc riêng cho mình, không được bòn vét nhiều hại, bớt xén quân nhu để làm ơn riêng. Các quan hành khiển năm đạo thì phải hiểu rõ việc lợi việc hại, phân biệt kẻ dở người hay. Những việc trị dân, hành chính, sổ sách, kiện tụng phải xử trí cho thích đáng, không được theo [93a] ý riêng, bỏ lẽ công mà hại tới đạo trị nước. Quan phong hiến thì phải uốn nắn lỗi lầm, gạn đục khơi trong, không được lấy lòng riêng mà bàn việc, hay nhút nhát lạng lạng. Nội mật viện thì phải tuân theo điển chương pháp chế, tâu bày tường tận rõ ràng, không được ý phép làm bày, đòi hỏi nợ kia. Quan xử án thì phải điều tra minh bạch, xét rõ oan khiên cần được thấu tình, không được nhận bày lời gửi gắm và của hối lộ, để việc trầm trệ, oạn lạn. Các quan phủ, lộ, châu, huyện phải tuyên bố đức ý của triều đình, chăm sóc dân chúng trong hạt, xét kiện tụng, thu thuế khóa, sai dịch vụ phải giữ liêm khiết, công bằng, không được đem tiền của biếu xén, nịnh hót quan trên để hồng được thăng quan tiến chức. Quan của các cục, các kho điện tiền, điện hậu thì phải kiểm tra nghiêm ngặt rồi thu nhận, không được bỏ việc công lo chạy riêng, bớt xén đục khoét. Học quan thì phải kính giữ học quy, dạy dỗ học trò cho được thành tài, không được nhờn nhợt năm này tháng khác [93b] bỏ bê học hành, còn các quan ở các ty, cục, thự, cũng phải siêng năng với công việc của mình, không được lười biếng cầu may. Tất cả trăm quan các người, đều phải tuân thủ và thi hành theo lệnh chỉ này".

Ngày 21, ra lệnh chỉ cho các quân điện tiền và tổng tri các phủ trấn nam đạo rằng :

Kỳ hội quân lần này, các tướng cất cử quân lính vào sơn tràng dẫn gỗ, phải chú ý đốc thúc chúng dẫn lấy gỗ theo đúng quy cách. Còn thì ở lại địa phận của mình để điểm danh, chỉnh đốn vũ khí, luyện tập võ nghệ, không được để quân lính rong chơi ngoài đường, không được bắt chúng đóng góp, hay sai chúng làm việc riêng.

Ngày 22, Nhập nội thiếu úy tham tri chính sử Lê Lăng dâng lễ vật xin cưới Đà Quốc công chúa. Cho con trai của Lăng là Lê Bộc làm Phò mã đô úy, lại ban cho y phục tước hầu và ngựa trong tàu nhà vua.

Nước đầm ở Lam Kinh sắc đỏ.

Ngày 23, cấp [94a] tiền lương bổng hằng năm cho các thân vương, công chúa, đại thần và các quan văn võ theo thứ bậc khác nhau. Tây đạo đô đốc Lê Lựu tâu rằng :

"Thần đã thấy dân chúng khôn khổ quần bách, dầu một đồng nhỏ nhoi cũng coi bằng 10 đồng. Do vậy, thần xin không nhận tiền lương hằng năm. Bệ hạ không coi thần là có tội, ban riêng cho thần 50 hộ, lại thêm tiền lương bổng 1 năm, thì thu nhập

tất lại tăng rất nhiều. Nay đương lúc cấp tiền lương hằng năm cho các quan, thần xin được từ chối không nhận".

Ngày 28, có thánh chỉ cho xã chính xã Đào Xác, huyện Chí Linh, thuộc lộ Nam Sách Thượng rằng :

"Vợ góa của Nguyễn Văn Điều là tiết phụ, cho cấp bằng vàng treo ở cổng làng để biểu dương và miễn phu dịch cho 11 người con và cháu để phụng dưỡng".

Ngự sử trung thừa Phạm Du, Phó trung thừa Trình Văn Huy, Giám sát Trình Trạc, Bùi Hựu hặc tội viên quản lĩnh vệ Xa kỵ quân Nghĩa Vũ là Nguyễn Nguyên Thông [94b] trong kỳ hội quân năm nay đã sai lính làm việc riêng cho mình, còn thì cho về nhà rồi đòi tiền bỏ túi mình, xin trị tội theo pháp luật để răn đe kẻ khác.

Tháng 6, tha Lê Thụ ra khỏi ngục.

Mùa đông, tháng 10, ngày 25 sai các bồi thần Lê Văn Lão, Nguyễn Đình Mỹ, Nguyễn Cư Đạo, Đặng Huệ Đạt (có sách chép là Liên), sang nhà Minh nộp cống hằng năm và tạ ơn ban áo mũ.

Tháng 11, có con hổ vào chùa Diên Hựu trong thành, sai quân ngự tiền cầm dao bắt giết đi.

Đinh Sửu, [Diên Ninh] năm thứ 4 [1457] , (Minh Thiên Thuận năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, vua Cảnh Thái nhà Minh bị ốm, bọn bảy tôi Vũ Thanh hầu Thạch Hanh, cùng với Chương bình đô đốc Trương Nghê (Nghê là con Trương Phụ), Tả đô ngự sử Dương [95a] Thiên, Phó đô ngự sử Từ Hữu Trinh đón Thượng hoàng (tức là Anh Tông) trở lại lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thuận.

Tháng 2, ngày mùng 1, nhà Minh phế vua Cảnh Thái là Thành Vương như cũ, cho về ở Tây cung. Tháng ấy, ngày 19, Thành Vương mất. Ban lụa hồng cho các phi tần như Đường Thị, bắt phải tự tử để chôn theo Thành Vương.

Mùa thu, từ tháng 8 đến tháng 9, gió to.

Tháng 9, ngày 26, nhà Minh sai chánh sứ là Thượng bảo tự khanh kiêm Hàm lâm viện thị độc Hoàng Gián, phó sứ là Thái bộc tự thừa Trâu Doãn Long sang báo tin Anh Tông trở lại ngôi, tin lập Hoàng thái tử và ban cho vóc lụa.

Mùa đông, tháng 10, ngày 14, vua sai chánh sứ là Nam đạo hành khiển tả nạp ngôn tri [95b] quân dân bạ tịch Lê Hy Cát, các phó sứ là bọn Hàn lâm viện thị giảng Trịnh Thiết Trường, Trung thư khôi cử xá nhân Nguyễn Thiên Tích, Giám sát ngự sử Trần Xác sang nhà Minh mừng việc lên ngôi và lập Hoàng thái tử, cùng tạ ơn ban vóc lụa.

(Lê Hy Cát người Lam Sơn, huyện Lương Giang).

Mậu Dần, [Diên Ninh] năm thứ 5 [1458], (Minh Thiên Thuận năm thứ 2). Thi

hội cho các sĩ nhân trong nước. Cho bọn Nguyễn Văn Nễ đồ tiến sĩ xuất thân.

Kỷ Mão, [Diên Ninh] năm thứ 6 [1459], (Minh Thiên Thuận năm thứ 3). Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 3, Lạng Sơn Vương Nghi Dân đang đêm bắc thang, chia làm ba đường, trèo thành cửa Đông, lên vào cung cấm. Vua và Tuyên Từ hoàng thái hậu đều bị hại.

Trước kia, Dương Thị Bí là mẹ Nghi Dân có tội với Thái Tông, nên Nghi Dân không được lập, mới ngầm chứa mưu gian, nhòm ngó ngôi báu, cùng bọn đồ đảng Phạm Đôn, [96a] Phan Ban, Trần Lăng xướng xuất bọn vô lại gồm hơn trăm đứa, lợi dụng đêm tối, bắc thang trèo thành, lên vào cung cấm. Thế là vua bị hại. Hôm sau, Hoàng thái hậu cũng bị hại. Nội nhân thị hậu phó chương Đào Biểu chết.

Bấy giờ, Lê Đắc Ninh là Đô chỉ huy giữ cấm binh đương phiên trực, đã không chịu dẫn quân ra trước ngăn giữ, lại đem quân giúp kẻ phản nghịch. Cho nên Nghi Dân mới tiếm đoạt được ngôi báu, mà các quan văn võ phải nuốt hận ngậm đau, trăm họ bốn phương như mất cha mất mẹ.

Đến năm Quang Thuận thứ 1, mùa đông, tháng 10, ngày 21, làm lễ chiêu hồn và táng vua vào Mực Lãng ở Lam Sơn, miếu hiệu là Nhân Tông, dâng tôn hiệu là Khâm Văn Nhân Hiếu Tuyên Minh Thông Duệ Tuyên Hoàng Đế.

Phan Phu Tiên bàn : Nhân Tông lên nối ngôi vào tuổi ấu thơ, bên trong có mẫu hậu buông rèm [96b] trông coi chính sự, bên ngoài các đại thần đồng lòng phò tá trị nước, cho nên trong khoảng 17 năm, thiên hạ thái bình, an cư lạc nghiệp, xứng đáng là vị vua nhân từ. Đến lúc cuối đời bị lũ vô lại Đôn, Ban xướng xuất, khiến Lê Đức hầu Nghi Dân đang đêm bắc thang trèo thành, lên vào cung cấm, vua và Tuyên Từ hoàng thái hậu đều bị hại. Thương thay !

Lại xét bài *Trung hưng ký* năm Quang Thuận viết : Nhân Tông mới lên hai tuổi đã sớm nối ngôi vua, Thái hậu Nguyễn Thị là gà mái gáy sớm, Đô đốc Lê Khuyển như thỏ khôn giữ mệnh. Vua đàn bà mắt quáng buông rèm ngồi chôn thâm khuê, bọn họ ngoại lòng tham, khoác lác hoành hành khắp cõi, kẻ thân yêu nắm quyền vị, nạn hối lộ được công khai. Việc văn giáo lạng lẽ như băng hàn, người hiền từ phải bó cánh. Bạc túc nhỏ như Lý Tử Tấn, Trình Thuần Du thì đẩy vào chỗ nhàn, phường dốt đặc ồn [97a] ào như ong đàn nổi dậy, như chó chuột nhe răng. Tể thần như Lê Sung, Lê Sát thì ngu si không phân biệt sáu loại súc vật, Chương bình Lê Diên, Lê Luyện, thì mù tịt, chẳng sao hiểu được bốn mùa một năm. Bạc lương thần như Trịnh Khả, Khắc Phục thì kèn cựa mà giết đi, người tài sĩ như Nguyễn Mộng Tuân thì đẩy vào vòng tai họa.

Oan uổng không chỉ kêu xin, mọi việc thấy đều dở nát. Văn giai như Công Soạn tuổi gần tám mươi, tẻ thần như Lê Ê không biết một chữ. Bọn trẻ không biết nghĩ, làm bậy ngông cuồng, người già chẳng chết đi, trở thành mối họa. Bán quan mua kiện, ưa giàu ghét nghèo. Hiền tài là rường cột của triều đình mà sạch không như quét đất. Văn chương là khí vận của nhà nước mà im ắng tựa cỏ khô. Bọn xiêm ninh được tin dâng, kẻ dao bút được tiến cử. Hành khiển Nguyễn Hữu Quang, Nội mật Lê Hoàn Chi, hoạn quan chừng năm sáu bọn mà không một người đóng cửa cho nghiêm ; cấm vệ Lê Đắc Ninh, chỉ huy Lê Hoảng [97b] Dục, vệ sĩ đến tám chín lữ mà không một ai mang mộc che dờ. Lòng người soi động, đường sá xôn xao. Họ ngoại như Văn Lão, Xương Lê, lòng như quỷ quái, vị không như Trần Lưu, Đỗ Tư ai chẳng cười chê ? Cửa ngõ thì sơ sài, tay không cũng phá nổi. Thế là nó dẫn quân cú vọ cáo cày, ngầm nuôi mưu kế cướp ngôi phản nghịch. Bọn tặc thần Phạm Đôn, Phan Ban, Trần Lăng, Ngô Trang và phường chó lợn hơn 300 đứa, nửa đêm dấm cả gan bắc thang trèo tường lên vào như là vào chỗ không người. Vua và Hoàng thái hậu đều bị hại, thương thay !

Ngày mồng 7, Lạng Sơn Vương Nghi Dân tự lập, lên ngôi Hoàng đế, đại xá, đổi niên hiệu là Thiên Hưng. (Từ mồng 3 [tháng 10] trở về trước là Diên Ninh năm thứ 6, từ mồng 7 trở về sau là Thiên Hưng năm thứ 1 của Nghi Dân). Ban ân rộng rãi cho các quan văn võ trong ngoài mỗi người 1 tư.

Bài văn đại xá nguy viết rằng : "Trẫm là con trưởng của Thái Tông Văn Hoàng Đế, [98a] trước đây đã được giữ ngôi chính ở Đông cung¹. Chẳng may Tiên đế đi tuần về miền đông, bỗng băng ở bên ngoài. Nguyễn Thái hậu muốn giữ vững quyền vị, ngầm sai nội quan Tạ Thanh dựng Bang Cơ làm vua, bắt trẫm làm phiên vương. Sau Tạ Thanh tiết lộ việc ấy, lây đến cả Thái úy Trịnh Khả và Tư không Trịnh Khắc Phục, Thái hậu bắt giết cả đi để diệt hết người nói ra. Cho nên từ đó đến giờ, hạn hán sâu bệnh liên tiếp xảy ra, tai dị luôn luôn xuất hiện, đói kém tràn lan, trăm họ cùng khổ. Diên Ninh² tự biết mình không phải là con của tiên đế, hơn nữa lòng người ly tán, nên ngày mồng 3, tháng 10 năm nay, đã ra lệnh cho trẫm lên thay ngôi vua. Trẫm nhờ trời trông xuống, tổ tông phù hộ, cùng các vương, đại thần, các quan văn võ trong ngoài đồng lòng suy tôn, xin trẫm nên nối đại thống, hai ba lần khuyên mời, trẫm bắt đầu đã lên ngôi vào ngày mồng 7, tháng 10 năm nay, [98b] đổi niên hiệu là Thiên Hưng".

1. Tức là ngôi thái tử.

2. Tức Lê Nhân Tông Bang Cơ.

Tháng ấy, Nghi Dân sai bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ, Hoàng Thanh, Nguyễn Nghiêu Tư sang nhà Minh nộp cống hằng năm và xin bỏ việc mở ngọc trai.

Ngày 20, lại sai bọn Trần Phong, Lương Như Hộc, Trần Bá Linh sang nhà Minh cầu phong.

Xét bài văn bia Mục lăng của Nguyễn Bá Kỳ viết:

"Vua¹ thần sắc anh tuấn, dáng điệu đường hoàng. Mỗi khi tan châu, tự đến Kinh diên nghe giảng, mặt trời lặn mới thôi.

Khí đã tự mình trông coi chính sự thì tế lễ thần linh, truy thờ tông miếu. Đối với Thái hậu dốc lòng hiếu thảo, đối với anh em trọn nghĩa yêu thương. Hòa thuận với họ hàng, kính lễ với đại thần, tôn sùng đạo Nho, xét những lời thiển cận, nhận những lời can trung, chăm nom chính sự, thận trọng thưởng phạt, coi trọng nghề nông, chú ý nền gốc, [99a] hết lòng thương dân, không thích xây dựng, không mê săn bắn, không gần thanh sắc, không ham tiền của, hậu với người bạc với mình, trong ấm ngoài êm.

Vua răn cấm tướng ngoài biên không được gây hấn khích. Đến khi Chiêm Thành hai lần vào cướp châu Hóa thì sai tướng đem quân đi đánh, bắt được chúa nó là Bí Cai. Nước lớn sợ uy, nước nhỏ mến đức. Mọi điều chính sự đều theo điển chương phép tắc cũ đã có sẵn, sai đình thần nghị bàn cho thích đáng rồi sau mới thi hành. Cho nên chính trị hay, giáo hóa tốt ban khắp ra bốn biển, sinh linh mến đức, đời được thái bình. Ngày băng thình lình, trăm họ như mất cha mất mẹ.

Ôi, tư chất của vua như vậy mà gặp phải tai biến như vậy, thì chẳng phải là trời đất rộng lớn dường ấy mà loài người vẫn còn có chỗ đáng tiếc đó sao?"

1. Tức Lê Nhân Tông.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ THỰC LỤC

QUYỂN XII

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

THÁNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Tư Thành, lại húy là Hạo, là con thứ tư của Thái Tông. Ở ngôi 38 năm, thọ 56 tuổi, băng táng ở Chiêu Lăng.

Vua sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được. Nhưng công trình thổ mộc vượt quá quy mô xưa, tình nghĩa anh em thiếu hẳn lòng nhân ái. Đó là chỗ kém vậy.

Mẹ vua là Quang Thực Hoàng thái hậu Ngô thị, người làng Động Bàng, huyện Yên Định, phủ Thanh Hóa. Trước kia, khi còn là Tiệp dư, Thái hậu đi cầu tự, mơ thấy thượng đế ban cho một tiên đồng, thế rồi có thai. (Tục truyền rằng Thái hậu khi sắp ở cữ, nhân thử thả chộp mất, mơ thấy mình đến chỗ Thượng đế, Thượng đế sai một tiên đồng xuống làm con Thái hậu, tiên đồng chần chừ mãi không chịu đi, thượng đế giận, lấy cái hốt ngọc đánh vào trán chảy máu ra, sau tỉnh dậy, rồi sinh ra vua, trên trán vẫn còn dấu vết lõm mờ [1b] như thấy trong giấc mơ, mãi đến khi chết, vết ấy vẫn không mất)

Năm Nhâm Tuất, Đại Bảo thứ 3 (1442), tháng 7, ngày 20, sinh ra vua.

Vua sinh ra thiên tư tuyệt đẹp, thần sắc khác thường, vẻ người tuần tú, nhân hậu, rạng rỡ, nghiêm trang, thực là bậc thông minh xứng đáng làm vua, bậc trí dũng đủ để giữ nước. Năm Thái Hòa thứ 3, được phong làm Bình Nguyên Vương, vẫn mệnh làm phiên vương vào ở kinh sư, hằng ngày cùng học ở Kinh diên với các vương khác. Bấy giờ, quan ở Kinh diên là bọn Trần Phong thấy vua dáng điệu đường hoàng, thông minh hơn hẳn người khác, trong bụng cho là bậc khác thường. Vua lại

càng sống kín đáo, không lộ vẻ anh minh ra ngoài, chỉ tìm lời sách vở cổ kim, nghĩa lý thanh hiền. Bẩm sinh ra đã biết, mà sớm khuya không lúc nào rời sách vở, tài năng lỗi lạc trời cho, mà chế tác lại càng đặc biệt như tam, [2a] ưa điều thiện, thích người hiền, chăm chăm không hề biết mỏi, Tuyên Tư thái hậu yêu vua như con mình đẻ ra, Nhân Tông coi vua là người em hiếm có. Đến khoảng năm Diên Ninh, Nghi Dân tiếm ngôi, dời phong vua là Gia Vương và xây phủ đệ ở bên bắc nội thành cho vua ở. Không bao lâu, các đại thần là bọn Nguyễn Xi, Đinh Liệt cùng nhau đem cấm binh đánh bọn Đồn, Ban, rồi phế Nghi Dân, đón vua lên ngôi. Bấy giờ vua 18 tuổi, vào nối đại thống, tự xưng là Thien Nam động chủ, miếu hiệu là Thánh Tông.

Cánh Thìn, [Quang Thuận] năm thứ 1 [1460], (tháng 6 trở về trước, Nghi Dân tiếm xưng là Thiên Hưng năm thứ 2, Minh Thiên Thuận năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, Nghi Dân bàn đặt phủ huyện.

Có sao Chổi hiện ra ở vùng sao Dực.

Nghi Dân chia đặt các quan ở lục bộ, lục khoa và phủ, huyện, châu.

Mùa hạ, tháng năm, sao Xuy Vưu¹ như lá cờ trắng tỏa sáng ngang trời, từ đông sang tây.

[2b] Tháng 6, ngày mùng 6, các đại thần là bọn Nguyễn Xi, Đinh Liệt xướng nghĩa diệt bọn phản nghịch Đồn, Ban. Giáng Nghi Dân xuống tước hầu. Đón Gia vương lên ngôi Hoàng đế.

Khi ấy, Nghi Dân cướp ngôi mới được 8 tháng, tin dùng bọn gian nịnh, giết hại bề tôi cũ, pháp chế của tổ tông đổi thay hết cả, người oán trời giận.

Bấy giờ các huân cựu đại thần là Khai phủ nghi đồng tam ty nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự Á quân hầu Nguyễn Xi, Đinh Liệt, Nhập nội kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự Á thượng hầu Lê Lăng, Tư mã tham dự triều chính Đình thượng hầu Lê Niệm, Tổng tri ngự tiền hậu quân Á hầu Lê Nhân Thuận, Tổng tri ngự tiền trung quân Quan nội hầu Lê Nhân Khoái, Tổng tri ngự tiền thiện trạo doanh quân Quan phục hầu Trịnh Văn Sái, Thiêm tri Bắc đạo quân dân bạ tịch Trích Đặc, Điện tiền ty đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung, Thiệt đột tả quân đại đội trưởng Nguyễn Yên, Nhập nội đại hành khiển Lê Vĩnh Trường, Điện tiền [3a] ty chỉ huy Lê Yên, Lê Giải, cùng bàn với nhau :

1. Sao Xuy Vưu : tục gọi là sao Cờ, giống như Sao Chổi, có đuôi cong như lá cờ (chú của CMCB 19, 2a).

"Nay Lang Sơn Vương Nghi Dân rất là vô đạo, đem bọn vô lại Phạm Đôn, Phan Ban, lợi dụng ban đêm, bắc thang treo thành vào trong cung cấm giết vua và Quốc mẫu hoàng thái hậu, tội ác không gì lớn bằng. Bọn chúng ta là bề tôi huân cựu, mắt thấy việc đó, đáng lẽ phải chết cho xã tắc, mà lại ở dưới kẻ bội nghịch, đứng trong triều của kẻ cướp ngôi giết vua, là tội nhân của muôn đời, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới suối vàng nữa ?".

Sau buổi chiều, mọi người đều vào ngồi ở Nghi sự đường ngoài cửa Sùng Vũ. Bọn Nguyễn Xí xướng nghĩa giết chết hai tên phản nghịch đầu sỏ là Đôn, Ban trước Nghi sự đường, rồi sai đóng các cửa thành, mỗi người đem cấm binh đi dẹp nội loạn, giết hết bề đảng phản nghịch là bọn Trần Lăng hơn trăm tên. Giết xong bọn phản nghịch, các đại thần cùng bàn với nhau rằng :

"Ngôi trời khó khăn, thần khí rất trọng, nếu không phải [3b] là bậc đại đức, thì sao có thể kham nổi. Nay Gia Vương thiên tư sáng suốt, hùng tài đại lược, hơn hẳn mọi người, các vương không ai so được, lòng người đều theo, dù biết ý trời đã quyết".

Ngày ngày hôm ấy đem xe kiệu đến đón vua ở Gia Đê¹ (có sách chép là Tây Đê). Quyết định giáng Nghi Dân làm Lê Đức hầu.

(Xét : Có sách nói là sau khi giết bọn phản nghịch Trần Lăng, Lê Lăng lấy lư, đưa cho Nghi Dân, bắt phải tự tử. Giết Nghi Dân xong, liền đi đón Cung Vương Thấu Xương. Cung Vương cố tình từ chối, mới đón vua ở Tây Đê lên ngôi. Sau vua nghe lời giết, Cung Vương phải chết).

Ngày mùng 8, vua lên ngôi ở điện Tường Quang, đổi niên hiệu là Quang Thuận năm thứ 1, đại xá thiên hạ.

Truy tặng Nội quan Đào Biểu tước 1 tư và ban cho 5 mẫu ruộng công để thờ cúng. Trả lại vợ con, di sản để nêu gương tử tiết.

Định tội của Lê Đắc Ninh, vì Đắc Ninh giữ cấm binh không biết bảo vệ xã tắc, lại đem binh giúp kẻ phản nghịch, làm vậy là dễ răn đe kẻ bất trung.

Vua lên ngôi xong, liền làm lễ phát tang cho Nhân Tông và Thái hậu.

Ngày Tân Mùi, làm lễ cáo miếu trước bài vị Nhân Tông và Thái miếu.

1. Tức phủ đệ của Gia vương, tước hiệu của Thánh Tông lúc ấy.

Ngày Quý Dậu [4a] rước kim sách dâng tôn hiệu cho Nhân Tông là Khâm Văn Nhân Hiếu Tuyên Minh Hoàng Đế, miếu hiệu là Nhân Tông, dâng tên thụy cho Nguyễn thái hậu là Tuyên Từ Nhân Ý Chiêu Túc Hoàng thái hậu.

Đêm hôm ấy, trời mưa to. Từ mùa xuân đến đây không mưa. Sau khi rước bài vị Nhân Tông lên thờ ở Thái miếu, trời mới mưa.

Mùa thu, tháng 7, lấy ngày sinh làm Sùng Thiên thánh tiết.

Ra sắc chỉ cho các quan ở nội mật, dân bà ở nội mật và các cung tỳ, nội nhân rằng : Từ nay về sau, nếu thấy chiếu chỉ và các việc cung thì không được lên lút tiết lộ ra trước cho người ngoài và vợ con thân thích.

Ra sắc chỉ cho các vệ quân năm đạo, các phủ trấn, các tổng quản và tổng tri rằng :

Có quốc gia là phải có võ bị. Nay phải theo trận đồ nhà nước đã ban, trong địa phận của vệ mình, phải chỉnh đốn đội ngũ, dạy cho quân lính phép đi, đứng, đâm, đánh, hiểu được hiệu lệnh, tiếng chuông, tiếng trống khiến cho binh lính tập quen cung tên, [4b] không quên võ bị.

Tháng 8, ra lệnh yết bảng cho những người nguyên là họ Trần phải kiêng húy đổi thành họ Trình.

Ra lệnh cho các sắc quân, dân ở các phủ, lộ, trấn, châu, huyện, động, sách, trang rằng :

"Người nào có nhiều thóc tình nguyện dâng lên, thì tới trình báo với các quan sở tại làm danh sách tâu trình lên, tùy theo số thóc dâng nhiều hay ít mà trao cho quan tước : từ 200 hộc thì cho chức quan nhân tán chánh thất phẩm, 150 hộc thì cho chức quan nhân tán tòng thất phẩm, 100 hộc thì cho chức quan nhân tán tòng bát phẩm, con cái họ đều được miễn tuyển, nếu là 70 hộc thì thưởng 1 tư, chỉ được miễn bản thân thôi.

Tháng 9, ngày 21, sai bồi thần là bọn Đinh Lan, Nguyễn Phục, Nguyễn Đức Du sang nhà Minh tâu việc.

Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 1, sai bồi thần là bọn Nguyễn Nhật Thăng, Phan Duy Trình, Nguyễn Tự sang nhà Minh cầu phong.

Tâu trình những người có công hồi tháng 6 ¹.

1. Chỉ việc phế Nghi Dân, rước Thánh Tông lên ngôi.

Tổng đốc Nguyễn Xí, Đồng đốc [5a] Đinh Liệt tâu trình tên họ các quan trong các phiên, các quân ngũ doanh và những người trước sau xướng nghĩa chém bọn nghịch thần Đồn, Ban :

- Xướng nghĩa trước và hạ thủ đầu tiên là Lê Nhân Thuận, đã chém giặc Lãng.
- Xướng nghĩa là bọn Trịnh Đạc, Nguyễn Đức Trung, Lê Nhân Quý đến Lê Lật gồm 49 người.
- Lại tâu trình thêm bọn Nguyễn Trợ, Nguyễn Ngô, Lê Sư Lộ... gồm 6 người.

Phong công thần Nguyễn Xí làm Quý quận công, Đinh Liệt làm Lâm quận công ; Thái bảo Lỗ Sơn hầu Lê Niệm làm Thái phó ; Kỳ quận công Lê Thọ Vực làm Tả đô đốc tham nghị triều chính chương Điện tiền ty ; Nguyễn Lỗi làm Đại đô đốc chương hình bộ (Lỗi là con của Nhữ Lãm) ; Lê Khang làm Văn Chấn hầu.

Ra sắc chỉ cho các quan trong ngoài rằng : Viên nào con đáng được tập ấm mà không có con trai [5b] thì cho nuôi con người thân thích cùng họ, chỉ được 1 người tập ấm.

Ngày 11, ban biển ngạch cho người hiếu để là Nguyễn Liêm ở xã Mộ Xá, huyện Ứng Thiên, tha phú dịch cho bản thân. Sai quan huyện sở tại làm cổng lầu để treo bằng vàng.

Ra sắc chỉ cho quan các phủ, lộ, trấn, châu, huyện rằng : Ai ở cõi biên giới thì phải giữ quan ải cẩn thận, không được thông đồng với người nước ngoài.

Cấp ruộng thế nghiệp cho 30 viên công thần, số mẫu có thứ bậc khác nhau : Lê Lãng 300 mẫu, Lê Niệm 200 mẫu, Lê Nhân Thuận 130 mẫu, Lê Thọ Vực, Lê Sư Hồi, Lê Nhân Khoái 150 mẫu, từ Trịnh Văn Sái trở xuống, đều được cấp ruộng theo thứ bậc khác nhau.

Sắc cho bọn tể thần Lê Xí tâu thăng các quan công thần tại chức hay đã chết, được ban quốc tính hay không được ban, cùng số con trai của họ chưa được thăng bổ. Loại được ban quốc tính thì từ bọn Lê Quán Chi con trai của Thái phó [6a] Lê Liệt, Lê Văn Lão con trai của Lê Bí trở xuống đến Lê Ký con trai của Lê Luyện. Loại chưa được ban quốc tính thì từ Nguyễn Sư Hồi con trai của Nguyễn Xí, đến Lê Lộng con trai của Lê Đa Mỹ. Loại đã chết, được ban quốc tính thì từ Lê Muộn con trai Lê Ván, Lê Dư con trai Lê Bôi, cho đến Lê Văn Lương con trai Lê Nhữ Soạn, chưa được ban quốc tính thì từ Lê Văn Thiết con trai Lê Chuẩn, đến Lê Văn Lân con trai Lê Thiết.

Đến khi bọn Xí dâng tờ tâu lên, vua dụ rằng :

"Đã xem hết tờ tâu, trong ấy có xin cho bọn Lê Ê, Lê Thụ, Đỗ Bí, Lê Ngang theo như lệ công thần đã mất, nhưng câu ấy còn có thể bỏ lại được, là vì khoảng năm Diên Ninh, Đỗ Bí, Lê Ê ở chức cao nhất vào hàng tể thần; Lê Ngang, Lê Thụ tay cầm cầm quân, giữ việc an nguy, đáng lẽ phải dẹp yên giặc loạn, chuyển nguy thành an mới phải, thế mà chỉ biết sắp gà vào trong nồi mà để [6b] cá kình lọt ra ngoài lưới. Đến sau mưu việc không kín, đến nỗi phải phơi thây ở bên đường¹. Để lại thêm một tội khác trong các tội của bọn Bí, Ngang, có khác gì tội giết vua của Triệu Thuần ngày xưa², sao được đề cùng với những công thần đã mất?"

Ngày 24, làm lễ chiêu hồn, chôn Nhân Tông ở bên hữu Vĩnh Lăng gọi là Mục Lăng³.

Lại sai Trung thư sảnh thủ Trung thư lệnh tri tam quán sự nhưng tri học sinh ngự tiền nhị cục khinh xa úy Nguyễn Trữ và Trung thư sảnh Trung thư lệnh thị lang nhập thị kinh diên kiêm quản cận thị chi hậu các cục thượng ky đô úy Nguyễn Bá Kỳ cùng soạn bài văn bia Mục Lăng⁴.

Ngày 27, ra sắc chỉ cho hình quan rằng: Từ nay về sau, xét việc kiện tụng, phải mỗi tháng ba lần trình lên để quyết định, coi đó là định chế lâu dài.

Tháng 12, sai Thái phó Lê Liệt, Thái phó Lê Lữ, thái bảo Lê Lăng dẫn các quân chia đường đi đánh họ Chăm⁵.

Tuyển định tráng có tên trong sổ bỏ vào [7a] quân ngũ.

Làm sổ hộ tịch.

Lấy Nguyễn Như Đỗ làm Lại bộ thượng thư.

Sắc cho Trung thư sảnh Trung thư lệnh thị lang nhập thị kinh diên kiêm quản cận thị chi hậu các cục thượng ky đô úy Nguyễn Bá Kỳ, Hoàng môn thị lang kiêm Quốc sử viện đồng tu quốc sử Hoàng Săn Phu hiệu định miếu húy và ngự danh.

Tân Ty, [Quang Thuận] năm thứ 2 [1461], (Minh Thiên Thuận năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, ban miếu húy và ngự danh. Miếu có 9 chữ: **Hiển Tổ** là Đình (汀),

1. Bọn Lê Bí, Lê Ê, Lê Thụ bàn mưu giết hại Nghi Dân bị bại lộ, tất cả đều bị chém.
2. Triệu Thuần là khách khanh nước Tân đời Xuân Thu ở Trung Quốc. Vua nước Tân là Linh Công định hại Thuần, Thuần bỏ trốn. Sau Triệu Xuyên giết Linh Công, đón Thuần về phục chức. Tuy Thuần không giết vua, nhưng sự quan nước Tân vẫn chép là Thuần giết vua, vì cho Thuần cùng một chí với Xuyên.
3. Nguyên bản in là Dương nhưng hẳn là lầm từ chữ Mục. Toàn thư BK 12, 59a và 98b đều chép là Mục Lăng.
4. Nguyên văn là Dương Lăng, sửa là Mục Lăng. Toàn thư BK12, 98b cũng chép là Nguyễn Bá Kỳ soạn bài văn bia Mục Lăng.
5. Tức họ Lư Chăm, từ trưởng Bồn Man.

Hiền Từ là Quách (郭), Tuyên Tổ là Khoáng (曠), Trinh Từ là Thương (蒼), Thái Tổ là Lợi (利), Cung Từ là Trần (陳), Nhân Tông là Long (龍), Tuyên Từ là Anh (英), Nhân Tông là Cơ (基), ngự danh của kim thượng hủ là Thành (誠), Quang Thục hoàng thái hậu, húy là Giao (瑤).

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh bái yết sơn lăng.

Tháng 3, ngày 11, ban đêm, sét đánh ở cửa điện Thừa Thiên.

Ngày 19, vua [7b] và các quan bỏ áo triều làm lễ tạ ở điện Thừa Thiên.

Ra sắc chỉ cho các quan phủ, huyện, lộ, trấn, xã rằng :

Từ nay về sau, trong việc làm ruộng, phải khuyến khích quân dân đều chăm nghề nghiệp sinh nhai, đủ ăn mặc, không được bỏ gốc theo ngọn, hoặc kiếm chuyện buôn bán, làm trò du thủ du thực. Người nào có ruộng đất mà không chăm cây cấy, thì quan cai trị bắt trình trị tội.

Mùa thu, tháng 7, ngày 11, động đất.

Ra sắc chỉ cho các xứ, phủ, lộ rằng : Chùa quán nào không có ngạch cũ thì không được tự tiện làm mới.

Cấm không được xưng hô lộn bậy trên dưới.

Sắc dụ quan Lại bộ là bọn Nguyễn Như Đổ và Nguyễn Thiện rằng :

"Năm ngoái các người nhận lời thỉnh thác của Đỗ Bát Một, tâu xin cho hắn làm Tổng tri vệ Bắc Bình, rồi lời bàn tán trong triều âm ý, các người lại tâu xin cho Bát Một lấy hàm Tổng binh vệ về nghỉ, như vậy thực là gian ngoan quá lắm".

Tháng 8, ngày mùng 1, Hoàng trưởng tử Trang sinh (sau này là [8a] Hiến Tông). Bà mẹ là con gái thứ hai của Nguyễn Đức Trung, năm trước tuyển vào làm Sung nghi ở cung Vĩnh Ninh, sau này được tôn làm Trường Lạc hoàng thái hậu.

Mùa đông, tháng 10, ngày 21, có sắc dụ Thái bảo Lê Lăng.

Trước đó, vua đã sai Chánh chương Nguyễn Lỗi đem bạc lạng đến thưởng cho Lê Lăng và dụ rằng : "Người nên thận trọng từ đầu đến cuối, phải thanh liêm công bằng".

Đến đây lại dụ rằng :

"Tìh khí của người cứng rắn quá, ngoài mặt thì nghiêm khắc mà trong lòng thì yếu mềm. Vì thế, người nào mình không bằng lòng thì đẩy xuống đất đen, người nào chiều ý mình thì nâng niu trên gối, mọi người không ưa chẳng vì thế ư?".

Vua dụ bảo Đô ngự sử dãi là bọn Ngô Sĩ Liên và Nghiên Nhân Thọ rằng :

"Ta mới coi chính sự, sửa mới đức độ, tuân theo điển cũ của thánh tổ thần tông, nên mới tế giao vào đầu mùa xuân. Các người lại bảo tổ tông tế giao cũng không đáng theo ! [8b] Các người bảo nước ta đời xưa là hàng phiên bang, thế là các người theo đạo chết, mang lòng không vua. Và lại, khi Lê Đức hầu cướp ngôi, Ngô Sĩ Liên chẳng vì hấn trở tài phong hiến ¹ đó sao ? Ưu đãi trọng lắm ! Nhân Thọ không vì hấn trừ hoạch nơi màn trướng đó ư ? Ngồi chức cao lắm ! Nay Lê Đức hầu mất nước về tay ta, các người không biết vì ăn lộc mà chết theo hấn lại đi thờ ta. Nếu không nói ra, trong lòng các người không tự hổ thẹn mà chết ư ? Thực là bọn gian thần bán nước !".

Tháng 11, đại xá thiên hạ, vì tháng 8 mới rời sinh Thái tử.

Mùa đông, tháng 12, ban các điều đại cáo, từ phủ đến các châu, huyện, trang, mỗi nơi 1 bản. Cấm các thuộc lại không được bóc lột những diệp sở dân kín, không được chia nhau cầm giữ mang về nhà, hoặc cho người ngoài truyền nhau sao chép.

Lấy Lê Lộng làm Đô đốc bình chương sự ; Lê Cháp Trung làm Đô đốc, Trịnh Văn Sái làm Đô đốc tham dự triều chính chương [9a] điện tiền ty ; Vũ Lãm làm Hàn lâm viện trực họa sĩ ; Hàn lâm viện học sĩ Nguyễn Đình Mỹ làm quyền Lễ nghi viện thượng thư.

Nhâm Ngọ, [Quang Thuận] năm thứ 3 [1462], (Minh Thiên Thuận năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, hiệu định nghi chú lễ dâng biểu và lễ bái bài ², theo lời tâu của quyền Lễ nghi viện thượng thư Nguyễn Đình Mỹ.

Đôi viện nhi ³ thành ứng sai.

Tháng 2, tặng 2 lần số tiền đại bộ ⁴

Ngày 11, nhà Minh sai chánh sứ là Hành nhân ty hành nhân Lưu Trật sang tế Nhân Tông.

Ra lệnh chỉ cho các quan văn võ biết : Các nhà quân, dân ở các lộ, huyện, phủ Trung Đô, nhà nào có nô tỳ là người Ngô ⁵, không được cho ra ngoài thông đồng với sứ nhà Minh.

1. *Phong hiến* : là chức ngự sử giữ việc đàn hặc.

2. *Lễ bái bài* : tức là lễ bái vọng vào các dịp sinh nhật vua hoặc ngày chính đán. Các nha môn trong ngày đó tộ chức hướng về chỗ vua ở mà lạy.

3. *Viện nhi* : người hầu hạ và sai phái trong các viện.

4. *Đại bộ* : tiệc cho thần dân vào các dịp lễ lớn.

5. *Ngô* : danh từ để chỉ người Trung Quốc hồi ấy.

Nghiêm cấm việc loại bỏ tiền đồng.

Tháng 3, tha tội chết cho Nguyễn Sư Hồi.

Vua dụ các quan trọng triều rằng :

"Sư Hồi vì có công trung hưng cùng với cha là Xí có [9b] công lao lớn trong buổi khai quốc ¹, nên tha tội chết. Còn bọn Trịnh Lý thì triều thần các người cùng bàn xử".

Sắc dụ Tả đô đốc Lê Thọ Vực rằng :

"Bài thơ yêu ma đó chưa chắc là do Sư Hồi làm, trong chỗ còn ngờ cũng có thể vu oan được. Những câu về Lê Niệm, Nguyễn Lỗi, Trịnh Văn Sái thì ngờ cho nó còn được, chứ Thọ Vực thì chỉ nói là hung bạo, thực ra chưa đến mức phản nghịch thì sao lại đổ cho Sư Hồi làm ? Nếu nó đáng chết nữa, thì cũng là trời hại nó, sao nhà người lại manh tâm báo thù nó ?"

Bấy giờ Sư Hồi muốn hại bọn Lê Niệm, làm một bài thơ vút ra đường, khiến người lưu truyền đến tai vua. Bài thơ viết :

*Nhân hữu nhị tâm vu khả nghi,
Tự lai chung cánh hiếu vi phi.
Thổ biên hữu hoặc chân hung bạo,
Thủy tại tây bàng xã tắc nguy.*
(Người có hai lòng rất đáng nghi,
Giống chữ "lai" đó thích vi phi ².
Bên "thổ" có "hoặc" thực hung bạo,
"Thủy" sát bên "tây" xã tắc nguy).

(Người (人) có hai (二) lòng (心) là chữ Niệm (念) tức là Lê Niệm. Giống chữ lai (來) là chữ lỗi (来), tức Nguyễn Lỗi. Bên chữ Thổ (土) có chữ hoặc (或) là chữ Vực (域) tức Lê Thọ Vực. Bộ Thủy (氵) ở cạnh chữ tây (酉) [10a] là chữ Sái (洒) tức Trịnh Văn Sái).

Sư Hồi làm bài thơ này chưa kịp lưu truyền thì tình gian bị bại lộ. Cả bọn đều xin trị tội Sư Hồi, nên vua có dụ này để răn bọn Thọ Vực.

Mùa hạ, tháng 4, định lệ bảo kết ³ trong thi hương.

1. Chỉ cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi lập ra nhà Lê.

2. Vi phi : làm những điều phi pháp.

3. Nguyên văn là "bảo kết", nghĩa là bảo đảm, cam kết.

Ra lệnh chỉ cho các thí sinh trong nước, không cứ là dân hay lính, hạn tới thượng tuần năm nay đến nhà giám hay đạo sở tại khai tên và căn cước dơi thi hương. Ai đỗ thì gửi danh sách lên Lễ nghi viện để đến trung tuần tháng giêng năm sau thi hội. Cho quan sở tại và xã trưởng xã mình làm giấy bảo đảm rằng người ấy thực là có đức hạnh thì mới được vào danh sách dự thi. Kẻ nào vào loại bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, loạn luân, điêu toa... thì dầu học giỏi, văn thơ hay, cũng không cho vào thi. Phép thi như sau :

- Thí sinh phải nộp căn cước, khai rõ phủ, huyện, xã, tuổi tác cùng là chuyên học kinh nào, lý lịch ông cha ra sao, không được gian dối, giả mạo.

- [10b] Nhà phường chèo, con hát và những kẻ phản nghịch, nguy quan có tiếng xấu, thì bản thân và con cháu đều không được dự thi. Nếu mang sách hay mượn người làm hộ bài thì bị trị tội theo luật.

- Phép thi hương trước hết thi ám tả để loại bớt.

- Đề mục thi : Kỳ thứ nhất thi *Tứ thư*, kinh nghĩa gồm 5 bài. Kỳ thứ hai thi chiếu, chế, biểu dùng cổ thể hay tứ lục. Kỳ thứ ba thi thơ, dùng Đường luật, phú dùng cổ thể hay Ly Tao, văn tuyển, từ 300 chữ trở lên. Kỳ thứ tư thi một bài văn sách, dầu đề hỏi về kinh, sử hay việc đương thời, hạn 1.000 chữ.

- Chữ huy của quốc triều, nếu hai chữ liền nhau thì đều không được dùng, nếu rời ra chữ một thì cũng cho dùng thay chữ khác, khuyên ở bên ngoài...

Lấy Hoàng Thanh làm Môn hạ sảnh hữu ty lang trung tham tri Hải Tây đạo quân dân bạ tịch ky đô úy.

Bấy giờ nhân có tai biến về mưa đá và sấm gió, xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Thanh bèn dâng sớ [11a] trình bày 7 việc :

- 1 - Thuận âm dương để đón khí hòa.
- 2 - Gần Kinh diên để tôn chánh học.
- 3 - Chọn con nôi để vững gốc nước.
- 4 - Tiết kiệm của dùng để chi cho kinh phí.
- 5 - Thận trọng chức thú lệnh để chặn dân.
- 6 - Thường xuyên huấn luyện để nghiêm võ bị.
- 7 - Đặt đồn điền để chứa lương cho biên giới.

Vua tiếp nhận cả.

Tháng 5, ra sắc chỉ cho các quan ở 5 đạo : Tan buổi châu, đến giờ Mùi phải ở đạo của mình để coi việc, nếu thiếu vắng ở nhà môn thì xử giáng hoặc bãi chức.

Tháng 6, sắc dụ bọn Thái bảo Nguyễn Xi rằng :

"Các người vốn là quan võ làm trấn phủ. Nghĩa chữ "trấn phủ", bọn vũ phu các người có biết được không ? Đến như Tăng Văn Trọng còn bị Không Tử chê là "trộm cắp ngôi vị"¹, huống chi các người là bọn bịt đường của bậc hiền tài, khơi nguồn cho kẻ cầu may !".

Mùa thu, tháng 8, gọi Thái úy Lê Lăng vì Lăng ngầm mưu làm phản.

Thang 9, nhà Minh sai chánh [11b] sứ là Hàn lâm viện thị độc học sĩ Tiền Phổ, phó sứ là Lễ khoa cấp sự trung Vương Dự mang sắc sang phong vua làm An Nam Quốc Vương. Sai Tư lễ giám thái giám Sài Thắng, Chỉ huy thiêm sự Trương Tuấn, Phụng ngự Trương Vinh sang thu mua hương liệu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 6, sứ thần nhà Minh là bọn Tiền Phổ trú ở sứ quán. Khi về, vua sai đem lễ vật đến tiễn, bọn Phổ cố từ chối không nhận.

Ra sắc chỉ cho cả nước rằng :

Kể từ nay, các quan viên văn võ làm việc đến 65 tuổi muốn nghỉ việc, các lại điển, giám sinh, nho sinh, sinh đồ tuổi từ 60 trở lên muốn về làm dân, thì đều cho người đó nộp đơn ở Lại bộ rồi xếp loại tâu lên để thi hành.

Ra lệnh cho các nha môn trong ngoài cả nước rằng : Ở các bản tâu đề thì chính viên quan nha môn đó phải ký tên, không được nhờ lại dịch ký tên hộ.

Tháng 12², sai sứ sang nhà Minh : Lê Công Lộ [12a] tạ ơn việc phúng tế, Trần Bàn sang tâu việc Bùi Hựu tạ ơn sách phong.

Tháng 12, sai bồi thần là bọn Lê Văn Hiến, Hoàng Văn Ngộ, Tạ Tử Điền sang tâu cống nhà Minh và xin ban mũ áo.

Ngày mồng 4, lập Hoàng trưởng tử Tranh làm Hoàng thái tử. Đại xá thiên hạ.

Năm ấy tháng Thái phó Nguyễn Xi làm Nhập nội hữu tướng quốc.

Quý Mùi, [Quang Thuận] năm thứ 4 [1463], (Minh Thiên Thuận năm thứ 7).
Mùa xuân, tháng giêng, miễn kỳ hội duyệt các quan vì năm trước có đại xá.

Bắt đầu định lệ ba năm một lần thi hội.

1. Không Tử nói : "Tăng Văn Trọng chẳng phải là kẻ trộm cướp ngôi vị đó ư ? Biết Liễu Hạ Huệ là người hiền mà không cho cùng làm quan với mình" (Xem *Luận ngữ*, thiên *Vệ Linh công*).
2. Nên sửa lại là tháng 11 như bản dịch cũ có lẽ đúng hơn.

Tháng 2, tổ chức thi hội cho các sĩ nhân trong nước. Bảy giờ người dự thi có tới 4.400 người, lấy đỗ 44 người.

Ngày 16, thi diện cho các tiến sĩ.

Sai Nhập nội kiểm hiệu tư đồ bình chương sự Nguyễn Lỗi và Nhập nội đô đốc đồng bình chương sự tri Đông đạo chư vệ quân dân Quốc tử giám tế tửu Lê Niệm làm đề điệu. Chính sự viện [12b] tham nghị chính sự Nguyễn Phục làm giám thí, Môn hạ sảnh ty tả gián nghị đại phu tri Bắc đạo quân dân bạ tịch kiêm Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ Nguyễn Như Đồ ; Hàn lâm viện thừa chỉ học sĩ tri Đông đạo quân dân Nguyễn Vĩnh Tích ; Quốc tử giám tế tửu Nguyễn Bá Kỳ làm độc quyền.

Vua ra hiên, thân hành ra đề văn sách hỏi về đạo trị nước của các đế vương.

Cho bọn Lương Thế Vinh trở xuống đỗ cấp đệ hoặc xuất thân theo thứ bậc khác nhau.

Xuống chỉ rằng làm lễ cầu mưa thì dùng tiền thuế.

Ban biên ngạch cho người phụ nữ trình tiết là Nguyễn Thị Bò ở xã Đại Hữu Lệ, huyện Thanh Trì để nêu khen với xóm làng, cho một người con hay cháu được miễn phu dịch để nuôi nấng.

Ngày 22, truyền loa xướng danh các tiến sĩ là bọn Lương Thế Vinh và ban ân mệnh cho từng người. Sai các quan Lễ bộ đem bảng vàng treo ngoài cửa Đông Hoa cho các sĩ nhân biết.

Tháng 3, ngày mồng 3, Hoàng Thanh chết, thọ 53 tuổi.

[13a] Thanh tên tự là Trục Khanh. Bảy giờ Lương Như Hộc người Hồng Châu có bài tán đề vào bức chân dung của Thanh rằng :

Thiếu kết tri ư Thái Tổ,

Trưởng tín nhiệm ư Thánh Tông.

Thể cụ nhi dụng chu,

Tư hiếu nhi trần trung,

Tư triều lịch sự,

Nhất tiết thủy chung.

(Hồi trẻ được Thái Tổ biết,

Trưởng thành được Thánh Tông tin.

Thể toàn mà dụng đủ,

Con hiếu lại tôi trung.

Trải thờ bốn đời,
Trước sau một tiết.)

Ra lệnh chỉ rằng : các việc kiện tụng tranh nhau đã xét xử đúng lẽ rồi thì không được cưỡng tranh nữa.

Mùa hạ, tháng 4, cấm nội quan và con gái trong cung không được kết bạn với người ngoài, không được trao đổi trò chuyện và đùa bỡn với nhau.

Tháng 5, cấm cưỡng tranh ruộng đất khi đuổi lý đem bán cho nhà thế gia.

Ra sắc chỉ rằng : Kẻ nào dùng gương, nón trái quy định để vào trong Hoàng thành đều bị xử tử.

Mùa thu, tháng 7, hạn. Vua lánh chính điện, giảm món ăn, triệt bỏ đồ nhạc.

Động đất.

Mùa đông, tháng 10, sắc dụ các quan trong triều rằng :

"Mới rồi Nguyễn Phục thấy mùa xuân đại hạn 3 tháng, cho là nhất định sẽ có chuyện gì, khuyên trăm bính tĩnh để chờ xem biến cố, sẵn sàng vũ khí để phòng thân. Trăm không nghe [13b] quả nhiên vô sự. Thánh nhân xưa quan sát thiên văn để xét sự đổi thay của thời tiết, xem xét nhân văn để giáo hóa cho thiên hạ, không thể không cảnh giác đề phòng, nhưng sao lại nên chứa chất ngờ vực để cho hỏng việc ?".

Tháng 12, dụ bọn Thái phó Nguyễn Xí rằng :

"Tông miếu xã tắc an hay nguy là ở mấy người các khanh thôi. Các khanh nên nghĩ cho kỹ, tính cho chín, tâu việc trị nước cho trăm biết. Trăm sẽ cố gắng quyết đoán ở bên trong, các khanh sẽ thừa hành ở bên ngoài".

Ra sắc chỉ rằng :

"Những người bói toán, đạo thích ở trong nước từ nay về sau không được trò chuyện trao đổi với người trong cung và hậu đình".

Sắc dụ cho bọn Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ, Hình bộ thượng thư Trần Phong, Binh bộ thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích, Hộ bộ thượng thư Nguyễn Cư Pháp, Binh bộ thượng thư Nguyễn Đình Mỹ rằng :

"Ta nghe Tư Mã Quang có nói : "Người quân tử là cội gốc để tiến lên trị bình, kẻ tiểu nhân là thêm bậc để đi đến họa loạn". Ta và các người đã thề với trời đất dùng người quân tử, bỏ kẻ tiểu [14a] nhân, ngày đêm chăm chăm không lơ, các người chớ có quên đấy !".

Lại dụ các quan tể thần và kinh diên rằng :

"Nay bọn Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ, Phạm Du, khi bàn luận ở triều đình, hay lúc quyết định việc chính trị đều chỉ a dua lấy lòng hoặc ngậm miệng không nói thì dù có lỗi nhỏ mà khấp vào pháp luật cũng đáng ; còn như bọn Nguyễn Mậu, Nguyễn Vĩnh Tích, Nguyễn Trạc, Nguyễn Thiện biết lo vua yêu nước, gặp việc nói hết, thì dù có lầm lỗi mà được khoan thứ cũng là phải. Mới rồi, Nguyễn Mậu nói việc không đúng mà không bị buộc tội, đó là trăm báo đền cái đức hay nói của Nguyễn Mậu".

Sắc dụ Lê bộ tả thị lang Lương Như Hộc rằng :

"Mới rồi, Nguyễn Vĩnh Trinh không học thể thơ quốc ngữ, làm thơ không đúng phép. Ta tưởng là người biết, nên mới hỏi thử người, nhưng người cũng không biết nốt. Và ta xem *Hồng Châu quốc ngữ thi tập* của người còn nhiều chỗ thất luật, ta chắc là người chưa biết nên mới nói ra. Vũ Lãm thường [14b] không muốn ta nói cho người biết đâu".

Sắc dụ Đô đốc Nguyễn Sư Hồi rằng :

"Dương Quốc Minh bảo là Ngô Tây lấy 30 lạng bạc trao cho Nguyễn Hồ đến dứt lót bọn người. Người sai vợ lẽ người nhận lấy. Và khi trước nó dứt lót cho cha người là Xí 50 lạng, nay chuyển sang dứt lót cho người, tất cả là 80 lạng, hiện còn ở nhà người, người lại không biết hay sao ? Nay đặc sai Tư lễ giám Nguyễn Áng đem sắc chỉ tới bảo người và đòi lấy số 80 lạng dứt lót ấy mang về. Người có tội mà không ngại sửa bỏ tội lỗi thì sau này chắc chắn không bị tai họa".

Lại dụ Nguyễn Sư Hồi rằng :

"Ta thể theo lòng người lên nhận ngôi báu, vẫn nhờ các bậc huân hiền đồng lòng giúp đỡ, đến nay đã 4 năm rồi. Cha con người, đầy nhà lớp lớp ngọc khuê giải ấn có thể gọi là thịnh lắm rồi. Ta vẫn tin người. Dầu có thư đó, cũng không hề suy giảm. Sau khi được thư ấy, hẳn người có chỗ không yên lòng. Người há không nên nghĩ cho kỹ để làm kẻ giữ mình ư ?".

Bấy giờ [15a] bắt được trên nóc nhà có thư nặc danh, nói Sư Hồi sắp làm phản, cho nên vua dụ Hồi.

Dụ Thái bảo Lê Niệm rằng :

"Ngày xưa, Thái Tổ ta khai sáng cơ nghiệp lớn, cha người rong ruổi từ đông sang tây, nhiều lần vì nước quên mình¹. Đến khi Thái Tông nói chí kẻ nghiệp, nhớ tới công của cha người, nhưng người đang còn nhỏ, chưa làm quan được. Nhân Tông trao

1. Lê Niệm là con Lê Lâm, cháu Lê Lai. Lê Lâm đi đánh Ai Lao, bị chống sắt mà chết.

cho người nơi Hựu phủ¹, ra coi giữ phiên trấn lớn. Đến khi tai biến xảy ra sát nách, người hết lòng mưu việc khôi phục, gươm sắc vung lên là kẻ gian tà phải nộp đầu, ngôi tôn về chính vị mà tông miếu xã tắc vững yên. Tuy nhiên, khanh đã lập nên công lao không gì lớn hơn, cũng nên giữ mãi sự nghiệp không ai sánh kịp. Trên thì cơ đồ của tổ tông ta càng thêm huy hoàng, dưới thì công đức của cha con người ngày một rạng rỡ, há chẳng vui sao !".

Giáp Thân, [Quang Thuận] năm thứ 5 [1464], (Minh Thiên Thuận năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 17, vua Anh Tông nhà Minh băng. Ngày 22, [15b] Thái tử Kiến Nhu lên ngôi, đổi niên hiệu là Thành Hóa. Đó là Hiến Tông.

Định lễ tế âm hồn, gồm con vật cúng và rượu.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh bãi yết sơn lăng.

Sắc dụ chương Hình bộ Lê Cảnh Huy rằng :

"Người nhiều lần giữ chức then máy của triều đình, công tích đáng ghi, đã hết lòng can ngăn nói thẳng, chỉ ra lỗi lầm của trăm, dầu nửa được nửa hỏng, nhưng phương cứu tệ, giúp đời xuất phát từ lòng trung quân ái quốc, đã liên dòng liên trang rồi. Từ nay về sau, người hãy xét kỹ những việc oan uổng, dẹp bớt những kẻ gian ngoan, bàn luận ở triều đình cho trắng đen sáng tỏ, phải đối chiếu với nghĩa lý, chớ có làm điều khôi hài. Trao cho chức lớn, ký thác việc nặng, trăm chỉ còn trông đợi ở một khanh thôi".

Mùa hạ, tháng 6, ban cho các quan văn võ trong ngoài mỗi nha môn một quả ấn.

Ra lệnh chỉ cho các phủ, lộ, trấn, châu, huyện, xã : Từ nay về sau, không được tự tiện can bậy.

Mùa thu, tháng 7, ban cho Anh Vũ, con Nguyễn Trãi, chức quan huyện.

Biêm chức Binh [16a] bộ tả thị lang Nguyễn Đình Mỹ. Vua dụ rằng :

"Đồ dùng thì chuộng thứ mới, dùng người thì nên dùng người cũ. Nho thân tuổi già như bọn các người còn mấy người đâu, mà người phạm tội cũng là sau vụ phạm tội của Ngô Sĩ Liên và Nguyễn Thiện thôi. Pháp ty giữ công bằng, theo luật phải giáng bãi, nhưng ta thì tiếc tài người, sai đổi thành lệnh biêm chức. Pháp luật là phép công của nhà nước, ta cùng các người đều phải theo, người nên nhớ lấy".

Tháng 8, có thánh chỉ rằng : Kẻ nào phạm tội mò trộm ngọc trai và đục trộm tiền đồng, thì chia ra loại thủ phạm và tòng phạm mà xử tội khác nhau.

1. Tức là vào hàng tế thần tham dự triều chính.

Sắc dụ Hình bộ tả thị lang Nguyễn Mậu rằng :

"Người chăm lo việc nước, điều gì hay thì quy về cho vua, không kém gì Như Hối, Huyền Linh ¹. Đến như Đái Trụ xử việc phức tạp khó khăn ², Ngạn Bác tâu bày rõ ràng, tường tận ³, so với hai người đó cũng có khá hơn một chút. Làm bấy tôi như vậy thực đáng khen ngợi lắm, nên ban cho bạc lạng. Khi nào bạc ban đến nơi, người càng nên mãi giữa thêm lòng son vốn có mong cho ta [16b] tới cõi trị bình. Ta có lỗi làm gì hãy thẳng thắn chỉ ra, hãy cứng cỏi như Đồng Tuyên ⁴, chớ như Tô Uy ⁵ quen thói giấu giếm".

Mùa đông, tháng 10, nhà Minh sai chánh sứ là Thượng bảo tự khanh Tô Lăng Tín, phó sứ là bọn Hành nhân ty hành nhân Thiệu Chấn sang báo việc Hiến Tông lên ngôi và ban cho mũ áo, vóc lụa cùng sắc dụ.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh : Phạm Bá khuê dâng hương ; Lê Hữu Trục, Dương Tông Hải, Phạm Khánh Dung mừng lên ngôi ; Lê Tông Vinh, Phạm Cừ, Trần Văn Chân tạ ơn ban vóc lụa.

Tháng 12, cấm các quan nhậm chức bên ngoài vô cớ về kinh đệ trình bản tâu.

Có thánh chỉ rằng những tội nào còn ngờ thì xử giảm mức.

Sắc dụ đại thần và các quan rằng :

"Xưa Thái Tổ ta dải gió dầm mưa để bình định thiên hạ, bấy giờ các bề tôi có công ra sức giúp dân, cùng chịu gian lao khổ ải, tình nghĩa đều vẹn toàn. Vì thế, đặc ân ban quốc tính để tỏ lòng yêu quý khác thường. Nhưng con cháu các người truyền nói lâu dài [17a] e rằng quên mất họ cũ của tổ tiên, trái với đạo dạy người ta hiếu thảo. Từ nay về sau, công thần được đặc ân ban quốc tính thì chỉ một đời người ấy thôi, còn con cháu thì đều theo họ cũ".

Thái úy Nguyễn Xí ốm. Vua dụ rằng :

"Ngày xưa trẫm làm phiên vương, nhớn như chón cửa son, không có ý lên ngôi báu. Vì bọn khanh đồng lòng suy tôn, diệt bọn phản nghịch, đưa trẫm lên ngôi báu,

1. *Như Hối* : tức Đỗ Như Hối, *Huyền Linh* : là Phòng Huyền Linh, đều là bề tôi giỏi của Đường Thái Tông.
2. *Đái Trụ* : là người minh mẫn, cương trực, rất giỏi xử việc rối rắm phức tạp, làm đến Kiểm hiệu Lại bộ thượng thư cho Đường Thái Tông.
3. *Ngạn Bác* : tức là Ôn Ngạn Bác, giỏi việc tâu bày, làm Thượng thư hữu bộc xạ đời Đường Thái Tông.
4. *Đồng Tuyên* : là quan lệnh ở Lạc Dương, tính cứng cỏi, thẳng thắn, khi xử vụ án giết người đầu bếp của Hồ Dương công chúa, Hán Vũ Đế bắt Tuyên phải lay tạ công chúa. Tuyên chống hai tay xuống đất, nhất định không chịu lay.
5. *Tô Uy* : là trọng thần của nhà Tùy, nhà Tùy mất, Uy sống tùy thời, triều nào lên cũng xin thờ phụng và đều được trọng dụng. Đến khi Đường Thái Tông được nước, Uy xin yết kiến, không được Thái Tông chấp nhận.

đến nay đã 5 năm. Thú vui con hát, vũ nữ thì khanh không bằng họ Thạch họ Cao nhà Tống ¹, mà lo lắng đến héo ruột khô tim thì khanh hơn hẳn họ Phòng, họ Đỗ đời Đường ². Công lao đó trăm chưa báo đền, bệnh khanh sao đã trăm trọng thể ? Nếu khanh nghĩ đến nước, thì cơm cháo phải có mà ăn, nếu khanh lo cho trăm thì thuốc thang phải có mà uống. Đối với Sư Hối, khanh chẳng phải là thân phụ đó sao ? Hãy nên dốc hết lòng thành kính của mình. Người xưa cúng trời tế quý để trừ tai ách, khanh thử nghĩ xem !"

Dụ Thiêm [17b] đô ngự sử Nguyễn Thiện rằng :

"Khoảng năm Thái Hòa, Diên Ninh, trên thì Tể tướng, dưới đến trăm quan, tranh nhau bòn lợi, hối lộ bừa bãi. Người bảo Nguyễn Đình Mỹ là kẻ tiểu nhân, không thể tin dùng. Ta lên ngôi báu đến nay đã năm năm, Đình Mỹ bôn tẩu phục vụ rất chăm, dốc lòng hết sức, trước thì xiêm nịnh là thế, sau lại lương thiện là thế, thực có gì là hại đâu ? Hối Lệ Đức hầu ưa thích của quý vật lạ, Nguyễn Như Đồ và Trần Phong đi sứ sang Bắc mua sắm kể hàng ngàn, xoay xở đủ trăm cách. Còn như lòng trung của hai người đó thì ai biết ? Người hãy nghĩ cách học tập họ".

Lại dụ Nguyễn Thiện rằng :

"Người làm bề tôi của ta, hết lòng thành lo việc nước, kính cẩn chăm nom chức nhiệm, nhiều lần dâng lời hay. Trăm có lúc dùng quyền ra oai, người chưa thấy bao giờ chịu nhụt bớt. Tuy công việc chưa có gì nổi bật, kẻ xấu chưa đàn hặc hết được, nhưng đại khái cũng đáng khen thưởng. Đặc sai tư lễ giám đem sắc [18a] đến dụ ban thưởng cho bạc lạng. Người hãy cố gắng hơn nữa".

Sắc dụ Binh bộ thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích rằng :

"Nay Dương Quốc Minh nói năm xưa có đem 34 lạng bạc đến dứt lột cho mẹ người, dấu không chứng cứ, nhưng chả lẽ nó lại nói vu ? Tuy có dụ này, nhưng ta cũng che giấu cho để người tự sửa lỗi".

Lại dụ rằng : "Xem số của người tâu bày, rất là thiết thực, xác đáng, dù họ Vương, họ Ngụy đời Đường ³ cũng không hơn được. Đáng ban cho 10 lạng bạc để đáp lại lòng trung thành của người. Vả lại, lời bàn của người rất hợp với ý của tiên nho, trăm đã khen ngợi và tiếp thu cả".

1. Họ Thạch : là Thạch Thủ Tín, họ Cao : là Cao Hoài Đức, hai công thần nhà Tống đều có nắm binh quyền không chịu bỏ. Trong một bữa tiệc, Tống Thái Tổ bảo hai người nên bỏ binh quyền mà vui thú với con hát, gái múa cho thỏa thích.
2. Họ Phòng, họ Đỗ : tức Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối đời Đường Thái Tông.
3. Họ Vương họ Ngụy : tức Vương Khuê và Ngụy Trưng đời Đường Thái tông, đều nổi tiếng về thẳng thắn can ngăn vua.

Át Dậu /*Quang Thuận*/ năm thứ 6 [1465], (Minh Hiến Tông Kiến Nhu Thành Hóa năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, sắc dụ Đô đốc Nguyễn Sư Hồi rằng :

"Án lớn xảy ra luôn, bắt nhiều con em nhà quyền quý, sao người không nghĩ kỹ điều đó ? Chúng nó nói đến cả Cung Vương và Lê Niệm, nhưng cẩn thận, chớ nói cho họ biết".

Ra lệnh chỉ cho các quan nắm việc kiện tụng rằng :

[18b] "Nên xét định ngay các đại phu ở Ngũ hình viện, người nào xử kiện không có oan uổng thì ghi thành một hạng, người nào bình thường ghi thành một hạng, người hèn kém thì ghi thành một hạng tâu trình lên. Hạng không có oan uổng thì khen thưởng, hạng bình thường thì giữ lại làm việc, hạng hèn kém thì bỏ chức Chuyển vận ¹".

Định lệ tế Văn miếu ở các trấn, lộ vào hai ngày đình của mùa xuân và mùa thu. Chỉ tế mười vị hiền triết thôi ² đó là theo lời tâu của Nguyễn Đình Mỹ.

Tháng 2, sắc cho Tả đô đốc Lê Thọ Vực tuyển chọn đình tráng. Vua dụ rằng :

"Người là bề tôi giỏi việc dẹp loạn nên mới đặc biệt sai người làm việc tuyển đình tráng, chớ lẽ người không hết lòng thành, bỏ tình riêng để không phụ ủy thác của ta hay sao ?".

Tháng 3, ngày 16, có nguyệt thực toàn phần.

Đặt sáu viện ³, lấy quân lính thân tín đưa vào làm quân tả hữu Vũ lâm.

Xây điện Kính Thiên.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự ra Xương Giang, thưởng cho các quan theo hầu mỗi người 1 tư.

Định lệnh đòi các quan nhậm chức bên ngoài bị kiện.

Nhập nội đại hành khiển bá bộc xạ tham tri chính sự chương Nội mật viện sự [19a] Lê Cảnh Huy tâu rằng :

1. Chức này sau đổi thành tri huyện.
2. Chỉ 10 vị học trò nổi tiếng của Khổng Tử được thờ ở Văn miếu. Đầu tiên thì có : Nhan Uyên, Mãn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tề Ngã, Tử Công, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ. Sau Nhan Uyên được thăng phối, lấy Tăng Tử thêm vào. Khi Tăng Tử được thăng phối, lại lấy Tử Trương thêm vào.
3. Sáu viện là Nghi lễ viện, Tư hình viện, Khâm hình viện, còn 3 viện nữa chưa rõ (chú của CMCB 19, 31B).

"Khi xét những việc kiện tụng liên can đến quan nhậm chức ở bên ngoài, nếu nhẹ thì cứ cho nha môn đó lấy cung rõ ràng gửi về nộp. Nếu can việc nặng thì tàu lên rồi mới cho đòi tới đối chất".

Định lệnh các quan được sai đi làm việc khi về phục mệnh : Kể từ nay, quan các nha môn được sai đi làm việc gì, làm xong, về kinh phải đệ trình ngay bản tàu đến Thông chính sứ ty rồi đến chức ở ngoài cửa Đông Hoa để đợi gọi vào hỏi, khi nhận được chỉ mới được về nhà.

Tháng 5, ra lệnh cho Lễ bộ yết bảng khuyến giữ phong hóa.

Mùa thu, tháng 7, làm sổ hộ tịch. Phép làm : Đều lấy 6 năm làm mức. Đến kỳ, quan các phủ, huyện, châu, gọi các xã quan lên, mỗi người đem sổ hộ khẩu của xã mình đến kinh đối chiếu mà viết.

Bắt đầu đặt ngạch nữ dinh khiêng kiệu.

Tháng 8, sai Hoàng thái tử vào học. Vua làm thơ đưa cho như sau :

*Chí thân hạp bất tận thành ai,
Tiện bề cương trường nhiều chỉ nhu.
Sở quốc Phàn Cơ quang [19b] phụ đức,
Trường tôn hoàng hậu hữu gia mưu.
Đầu sàng trùng sử Tần vương hận,
Dương tụy thời tri Vệ Quán ưu.
Chúng khẩu hưu hưu thông nhĩ quát,
Hà tằng nhất kiến Tiết Cư Châu.
(Thân yêu há chẳng hết lòng này,
Xiêm nịnh làm cho dạ đổi thay ¹.
Nước Sở Phàn Cơ nêu đức tốt ²,
Trường Tôn hoàng hậu có mưu hay ³.
Tần Vương hận chuyện lẫn ra sập ⁴,*

1. Nguyên văn "Cương trường nhiều chỉ nhu" lấy ý từ hai câu thơ : "Hà ý bách luyện kim, hóa tác nhiều chỉ nhu" (ngờ đâu loại kim cứng trăm lần tôi lại hóa thành chất mềm vòng vào ngón tay được) của Lưu Công. Câu này dịch ý.
2. *Phàn Cơ* : là bà phi của Sở Trang Vương. Trang Vương hay đi săn, Phàn Cơ can không được, bèn nhất định không ăn thịt những con vật Trang Vương săn được.
3. *Trường tôn hoàng hậu* : là bà hậu của Đường Thái Tông, tính khiêm nhường kiệm ước, làm gương cho phi tần trong cung, có tài văn học, thường bàn việc với Thái Tông.
4. Đường Thái Tông muốn lập Tần Vương Trị làm thái tử. Một hôm, sau khi tan châu, chỉ còn Trưởng Tôn Vô Kỵ và Phòng Huyền Linh ngồi lại. Thái Tông nói với hai người : "Ta có hai con và một em, không biết lập ai, lòng ta buồn lắm", rồi nằm lăn ra sập, lấy con dao tự giết vào cổ. Bọn Vô Kỵ sợ hãi chạy tới ôm lấy Thái Tông, giằng lấy con dao đưa cho Tần Vương và hỏi Thái Tông muốn lập ai. Thái Tông nói : Muốn lập Tần Vương. Bọn Vô Kỵ nói : "Chúng tôi xin vâng mệnh, ai bàn cách khác thì chém". Thái Tông quay sang bảo Tần Vương : "Cậu đã bằng lòng lập con rồi đấy, phải tạ cậu đi".

Vệ Quán lo âu khéo giả say ¹,
 Trăm miệng ồn ào tai phải điếc,
 Cư Châu ² đâu thấy được người ngay³).

Bây giờ Hoàng thái hậu là người nhân huệ có thừa mà không đủ quả quyết, rắn dạy con cháu chưa bao giờ dối sắc mặt, có khi đánh bằng roi vọt, nhưng chỉ một lát lại thương xót. Vua sợ Tranh dần dà trở nên phóng túng kiêu ngạo, nên làm bài thơ này đưa cho.

Đổi Đô sảnh đường thành Khâm hình thượng thư, Tri từ tụng sự thành Tà hữu thị lang. Trung thư khoa đổi thành Lại khoa, Hải khoa đổi thành Hộ khoa, Đông khoa đổi thành Lễ khoa, Nam khoa đổi thành Binh khoa, Tây khoa đổi thành Hình khoa, Bắc khoa đổi thành Công khoa, Biên khoa đổi thành Thượng bảo tự, Hành khiển các đạo đổi thành Tuyên chính sứ ty.

Dựng điện Cẩn Đức.

Tháng 9, ra sắc chỉ rằng : người nào cố ý giết voi nhà nước [20a] thì xử tội có mức độ khác nhau.

Đổi Trần Phong ra làm Tuyên chính sứ Tây đạo.

Vua dụ các quan trong triều rằng :

"Trần Cẩn là em Trần Phong. Cẩn có tội. Trẫm hỏi Phong về hành vi ngày thường của Cẩn thì Phong nhân thế bới móc hết cái xấu của Cẩn ra, định làm hại Cẩn. Cái tình anh em cơ hồ sụp đổ rồi ; nhân luân bại hoại không gì tệ bằng thế. Nếu Phong biết sửa chữa lỗi lầm một lòng trung hiếu, thì ta cũng kiêng chân mà chờ đợi kết quả sửa đổi sau này của hắn".

Có thánh chỉ dụ các quan trấn, huyện lựa chọn duyên lại trong nha môn của mình xem người nào tài giỏi, liêm khiết, quen thạo công việc cho tâu lên đặt mỗi nha một người thường xuyên đề tiện làm việc.

Bấy giờ, Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Ngự sử đại phu Trần Bàn tâu rằng :

"Triều đình đặt quan, phân chức cốt là vì dân, dân chúng thưa kiện phiền toái, sổ sách giấy tờ gấp vội, quan không thể soi xét xử lý hết được, lại giao cho lại kiểm xét giấy tờ. [20b] Cho nên có câu rằng : "Quan không có lại thì không đi được, lại

1. *Vệ Quán* : là bề tôi của Tần Vũ Đế, biết Huệ Đế tư chất kém không làm vua được, nhưng chưa dám nói với Vũ Đế. Sau nhân khi dự yến, giả say, vỗ vào sập của Vũ Đế ngồi mà nói : "Chỗ ngồi này thực đáng tiếc".
2. *Tiết Cư Châu* : là thiện sĩ người nước Tống thời Chiến Quốc.
3. Thơ dịch của bản cũ, có sửa một đôi chữ.

không có quan thì không đứng được" là bởi để cùng nhau làm việc vậy. Nay thần trộm lo rằng, các nha môn sổ sách giấy tờ gấp vội, khó lòng tránh khỏi tội lỗi. Cúi xin định lệ ban xuống cho các huyện, lộ, mỗi nơi đặt một người duyệt lại thường xuyên, am hiểu sổ sách giấy tờ, giỏi viết chữ, làm tính để giữ công văn giấy tờ. Như thế, thì sổ sách giấy tờ không còn lo chậm động nữa, mà dân cũng khổ vì nạn ở lại hầu kiện lâu ngày".

Vua y cho, nên định lệ này.

Mùa đông, tháng 10, cấm bọn con hát không được giễu cợt cha mẹ và quan trường.

Vua sai sứ sang nhà Minh : Đào Tuấn, Đào Chính Kỷ, Lê Đích nộp cống hằng năm ; Nguyễn Sĩ Hưng tâu việc châu Bảo Lạc bị bắt người cướp của.

Tháng 11, đại xá, vì hai điện Kính Thiên và Cẩn Đức mới làm xong.

Quốc tử giám tế tửu kiêm Văn minh điện đại học sĩ Nguyễn Bá Kỳ chết.

Trước đó, Bá Kỳ cho rằng vua làm [21a] vẫn không chú ý tới kinh, sử, dâng sớ khuyên can. Vua dụ rằng :

"Trẫm vừa xem hết tờ sớ, người bảo là trẫm không chú ý kinh, sử, lại chuông lối học phù hoa, vô dụng, chỉ ngụ ý ở ngoài mây khói. Nếu ta ưa chuộng văn hoa, không lấy gốc kinh, sử, thì còn sách nào nữa ? Ta tự xét mình, xét lời người nói, thì trong bốn chữ "phù hoa vô dụng" kia, thực đã gồm cả lòng trung rồi, thế mà ta lại làm văn mà biện lại, thì ta thực có lỗi. Lúc ấy, người đã kịp thời can ngăn, chẳng vì thế mà giữ ý".

Đến đây chết, vua sai Tư lễ giám quan Phạm Hồ đem sắc đến dụ rằng :

"Người thờ vua trung thành, giữ mình chính trực, sớm tối ở bên ta, nay được 6 năm, lúc thôi thóp rồi mà lòng trung vẫn mãi chưa thôi !".

Ban hành phép duyệt tập trận đồ thủy bộ.

Về thủy trận thì có những đồ pháp như : Trung hư¹, Thường sơn xà², Mãn thiên tinh³, Nhạn hàng⁴, Liên châu⁵, Ngư đội⁶, Tam tài hành⁷, Thất môn⁸, Yển [21b] nguyệt⁹.

1. "Trung hư" : có nghĩ là trống giữa.

2. Thường sơn xà : rắn Thường sơn.

3. Mãn thiên tinh : sao đầy trời.

4. Nhạn hàng : chim nhạn bay sóng hàng.

5. Liên châu : chuỗi hạt châu.

6. Ngư đội : đàn cá.

7. Tam tài hành : trời, đất, người là tam tài.

8. Thất môn : bảy cửa.

9. Yển nguyệt : trăng khuyết.

Về bộ trận thì có những đồ pháp như : Trương cơ, Trương kích, Kỳ binh. Lại ban 31 điều quân lệnh về thủy trận, 22 điều về tượng trận, 27 điều về mã trận, 42 điều về kinh vệ bộ trận.

Vua lại dụ các Tổng quản, Tổng tri các vệ quân năm đạo và quân các phủ trấn rằng :

"Hễ có quốc gia là phải có võ bị. Những lúc rồi việc làm ruộng, phải ngừng những việc không cần kíp, cứ ngày rằm hàng tháng, thì vào phiên để điểm mục, liệu cắt quân nhân vào những việc như giữ cửa nhà, điểm canh, kiểm cò lợn nhà, nuôi voi... Còn thì trước đó một, hai ngày, phải theo các trận đồ nhà nước ban xuống, ở ngay địa phận của vệ mình đóng, tiến hành chỉnh đốn đội ngũ, dạy quân lính những phép ngồi, đứng, tiến, lui, tập nghe những tiếng hiệu lệnh chiêng trống, cho quân lính quen với cung tên, không quên việc võ bị. Đến ngày thứ tư trở đi, mới sai làm [2a] tập dịch. Nếu quan nào không biết để tâm rèn dạy, rèn tập quân lính, dám sai chúng làm các việc tạp nhiễu thì xử biếm chức hoặc bãi chức".

Bính Tuất, [Quang Thuận] năm thứ 7 [1466], (Minh Thành Hóa năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, truy đòi tiền thuế ¹.

Tháng 2, ngày mùng 8, ra sắc chỉ đạo cho các nha môn rằng :

Quan viên nào có tội, thì cho quan quân quản lĩnh viên đó truy đòi sắc mệnh cấp cho khi trước, thu về bản khoa để lưu giữ.

Lê Nhân Khoái tâu rằng : "Tất cả các trường hợp bị giáng chức, nếu từ bãi chức đến các tội đi đày, tử hình thì phải thu lại hết sắc mệnh đã cấp từ trước". Vua y theo.

Đặt các chức Tham chính, Tham nghị, Chủ sự, Thôi quan ở Tuyên chính sứ ty.

Lấy Phạm Văn Hiền làm Khâm hình viện thượng thư ; Nguyễn Thì Đật làm Tuyên chính sứ của Tuyên chính sứ ty Thuận Hóa ; Nguyễn Văn Chất là Tham chính của Tuyên chính sứ ty Nghệ An ; Lê Nhân Khoái là Tư bình viện nhập nội thiếu bảo [22b] thượng thư.

Tuyên chính sứ Tây đạo Trần Phong tâu rằng :

"Những văn tự cầm bán ruộng đất từ đời Trần, Hồ đến đời Ngô ² thì đều không được chuộc lại. Nếu từ năm Thuận Thiên thứ 1 đến nay thì cho chuộc".

1. Trước đã ân xá các thuế đinh, điền. Nay cần chi tiêu lại bắt dân phải nộp trả lại.

2. Chỉ thời kỳ thuộc Minh.

Vua y theo.

Tổ chức thi hội cho các thí sinh trong cả nước. Lấy đỗ 27 người.

Tháng 3, ngày 12, vua ngự ra điện Kính Thiên, thân hành ra đề bài văn sách hỏi các đế vương trị thiên hạ.

Sai Sùng tiến nhập nội tả đô đốc kiêm thái tử thiếu bảo Lê Cảnh Huy và quyền Chính sự viện thượng thư kiêm Cẩn Đức điện đại học sĩ thái tử tân khách Nguyễn Như Đồ làm đề điệu, Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Ngự sử đài đô ngự sử đại phu Trần Bàn làm giám thí, Hàn lâm viện thừa chỉ Nguyễn Trực, Hàn lâm viện thừa chỉ quyền Hộ bộ hữu thị lang kiêm Cẩn Đức điện đại học sĩ nhập thị kinh diên tả xuân phường thái tử tả dụ đức Nguyễn Cư [23a] Đạo, Hàn lâm viện học sĩ hành Hải Tây đạo Tuyên chính sứ ty tham tri kiêm bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh làm độc quyền.

Lấy bọn Dương Như Châu 8 người đỗ tiến sĩ ; bọn Nguyễn Nhân Thiếp 19 người đỗ đồng tiến sĩ. Quy chế 3 năm một lần thi hội là bắt đầu từ khoa này.

Ngày 26, xướng danh bọn tiến sĩ Dương Như Châu. Vua ban ân mệnh. Lễ bộ đem bảng vàng yết ở ngoài cửa Đông Hoa.

Tập thủy trận ở Giao Thủy.

Tháng 3 nhuận, ngày mừng 3, ban cho bọn tiến sĩ Dương Như Châu vinh quy.

Xét : Bài *Tiến sĩ đề danh bi ký* của Đàm Văn Lễ ghi :

"Nhân tài có quan hệ rất lớn đối với nước nhà. Từ đời Đường Ngu, Tam đại đến Hán, Đường, Tống, lập ra trường tự, học hiệu¹ mà nhân tài được đào tạo, ban hành phép thi cử mà nhân tài được sử dụng. Tuy hiệu quả trị nước có thuần, có tạp [23b] nhưng chưa bao giờ không coi việc chọn người tài giỏi làm đầu.

Lê Thái Tổ bình định thiên hạ nuôi dạy anh tài, hỏi tìm rộng rãi thì cầu người ẩn dật, thu chọn quy mô thì thi khảo học trò, tuy chưa đặt khoa thi tiến sĩ mà khí mạch văn học đã đủ. Thái Tông dựng nền móng, từ năm Nhâm Tuất mở khoa thi mà nhân tài quần tụ. Nhân Tông kế tiếp mở ba khoa thi mà nhân văn càng thêm rực rỡ. Đến Thánh Tông trung hưng năm Quý Mùi thì số người lấy đỗ nhiều hơn cả so với trước.

Song từ khoa Nhâm Tuất đến khoa Quý Mùi, khi thi 6 năm một khoa, lúc lại 5 năm một khoa, còn 3 năm một khoa thì năm Bính Tuất này mới

1. *Tường, tự* : đều là nhà hương học đời xưa của Trung Quốc. Nhà Thương gọi là tự, nhà Chu gọi là tường.

bắt đầu. Những người thi đỗ, đều xứng đáng là nhân tài cả. Sau này, chế độ ngày càng tường tận, văn học ngày càng đầy đủ hơn. Thi hội có đăng khoa lục¹ đã đủ nêu sự thịnh trị của đời nay, có đề danh bị² lại đủ làm gương khuyến khích cho hậu thế".

[24a] Mùa hạ, tháng 4, cấm các quan chuyển đổi đi nơi khác không được dỡ lấy các thứ đồ dùng ở công sở.

Bắt đầu đặt năm phủ³, sáu bộ⁴. Đổi đặt sáu viện thành sáu tự⁵, đổi Khâm hình viện thành Hình bộ, đều đặt chức Thượng thư ở các bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công.

Tháng 5, Thái bộc tự thiếu khanh hành Thượng bảo tự thiếu khanh Lê Đình Tuấn tâu rằng :

"Vào tháng 5, tháng 6, đương mùa làm ruộng, những quân nhân ứng dịch ở thường ban thì cho ở lại túc trực và làm các việc giữ cửa, coi nhà, canh điểm, lợp nhà, cất cỏ, nuôi voi, còn các sắc quân ở các sảnh, viện và những thợ ở cục Bách tác thì giữ lại một nửa làm việc, còn thì cho về làm ruộng".

Vua y theo.

Ban cho Tả đô đốc Lê Thọ Vực 20 lạng bạc.

Vua dụ rằng :

"Người làm bề tôi cho ta đã 7 năm rồi, chỉ biết nêu rõ những việc làm trong chức trách của mình mà chưa bao giờ nói đến những điều không đúng trong các việc của ta. Nhân nhận được tờ tâu này của người, ta rất khen ngợi, đặc cách ban cho người [24b] 20 lạng bạc để còn mong đợi về sau nữa, chứ có phải vì việc nhỏ này mà thưởng đâu".

Bấy giờ, Thọ Vực tâu :

1. Các quan viên văn võ nếu bất thần cho triệu vào thì đều truyền cho trung quan dẫn vào. Nếu bình thường ra vào cửa cấm, như các chức học sĩ của sáu khoa thì cứ cho vào.

2. Các nơi có dâng voi, ngựa hoặc những thứ khác thì đều dẫn vào ngoài cửa Đoan Minh để vua xem bản tâu rồi đợi xin lệnh chỉ.

1. *Dăng khoa lục* : sách ghi chép tên những người thi đỗ, cùng quê quán và thứ bậc của họ.

2. *Đề danh bị* : bia đá khắc tên tuổi, quê quán các vị tiền sĩ.

3. *Năm phủ (Ngũ phủ)* : gồm Trung quân phủ, Đông quân phủ, Tây quân phủ, Nam quân phủ, Bắc quân phủ.

4. *Sáu bộ (Lục bộ)* : gồm Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Hình bộ, Binh bộ, Công bộ.

5. *Sáu tự (Lục tự)* : gồm Đại lý, Thái thường, Quang lộc, Thái bộc, Hồng lô, Thượng bảo.

Vua hạ lệnh ban bố ngay hai điều đó và đặc cách ban thưởng cho.

Khảo thi chức huân đạo ở các phủ.

Ra sắc chỉ rằng : Nếu khuyết viên huân đạo nào thì sai quan sở tại chọn giám sinh các đường và lại viên các nha môn, người nào thi hội trúng các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, lại có hạnh kiểm, học vấn, từ 35 tuổi trở lên, theo như lệ năm trước, khảo thi 4 kỳ đều đỗ thì mới cho làm.

Tháng 6, quy định màu sắc y phục của các quan văn võ : Từ nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu hồng ; tứ, ngũ phẩm mặc áo màu lục, còn thì đều mặc áo màu xanh.

[25a] Đặt 13 đạo thừa tuyên : Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn và phủ Trung Đô.

Đổi lộ thành phủ, đổi trấn thành châu, đổi an phủ sứ các lộ thành Tri phủ, Trấn phủ thành Đồng tri phủ, Chuyển vận thành Tri huyện, Tuần sát thành Huyện thừa, Xã quan thành Xã trưởng.

Ban cấp ấn Tri phủ, thôi cấp ấn An phủ cho các lộ.

Định lại rõ lệnh kiêng chữ húy.

Mùa thu, tháng 7, đổi chức Ngũ chánh, Ngũ trưởng thành Tổng kỳ, Phó ngũ trưởng thành Tiểu tổng kỳ. Đổi đội sử thành quân lại. Đổi các tượng nhân ở Công bộ thành phó ngũ trưởng.

Định thể thức các bản tâu, bản đề : Các bản trình bày về phụng mệnh thánh chỉ, hoặc tình hình thi hành của các nha môn thì gọi là bản đề ; còn tất cả những bản tâu bày các việc công tư nào đáng phải tâu bày của quan lại các nha môn và dân chúng thì gọi là bản tâu.

[25b] Lấy Thiêm đô ngự sử Nguyễn Thiện làm Thanh Hoa tuyên phủ phó sứ. Bài dụ viết :

"Ngươi trước làm gián quan bàn luận thẳng thắn, thiết thực. Nay võ yên trăm họ, ngăn giữ một phương, phải làm theo phép nước, lo cho dân, bớt nóng nảy, nén dục vọng. Ngươi hãy kiên trì gắng gỏi, đừng dễ thẹn với chức trách của mình".

Bọn Trung thư lệnh bí thư giám học sinh Lương Như Hộc vâng mệnh nghị thảo rằng : Những bản viết của các nha môn, nếu gặp khi chánh quan khuyết hoặc đi

việc quan vắng, thì quan tá nhị thay giữ ấn tín của nha môn ấy ký tên ở dưới chỗ đề năm, tháng".

Tháng 8, Bùi Lưu tâu rằng :

"Quan các nha môn đổi đi nhậm chức nơi khác, các việc kiện tụng và giấy tờ đương xét chưa kịp bàn giao, đợi đến hôm khác lại trở về bàn giao, vừa phiên người đón tiếp, vừa chậm việc xét kiện. Cúi xin hễ khi quan viên đổi đi nơi khác, cho họ khai những giấy tờ và các việc kiện tụng cùng các loại công việc khác trong chức trách của mình ; trao cho viên duyên giữ việc này nhận [26a] giữ, đợi thấy quan mới đến sẽ giao lại để thi hành". Vua y theo.

Tháng 9, ra sắc chỉ rằng : Quân Vũ lâm phạm tội phải về làm dân, không được trở về hạng con quan.

Mùa đông, tháng 10, ban ấn cho các bộ.

Đổi Tả hình thành Thanh hình ty lang trung đại phu, Hữu hình thành Thận hình ty lang trung đại phu, Tư hình thành Minh tường hình. Thôi không đặt chức quan Thảm hình, đều đặt chức Lang trung. Đặt các thuộc viên ở Y ty và Huấn khoa.

Dụ Thiêm đô ngự Đào Tuấn rằng :

"Khoảng Thái Hòa, Diên Ninh, chức Ngự sử không ở ngoại thích thì ở quyền thần, vì thế công luận lộn bậy, không phân biệt đâu là ngựa đâu là hươu, tệ hại cho việc không lúc nào trầm trọng hơn thế".

Lại dụ rằng : "Đào Tuấn trái bỏ phép nước, tự ý làm càn, nay giữ chức Ngự sử lại nói năng khinh xuất, rõ là loài hoạt lại".

Đinh Hợi, [*Quang Thuận*] năm thứ 8 [1467], (Minh Thành Hóa năm thứ 3). Mùa xuân tháng giêng, vua ngự về Tây Kinh, khi trở về, tập trận ở sông Thiên Phái ¹.

[26b] Đại xá. Từ mùa thu đến mùa đông, trời đã lâu không mưa.

Xét bài văn đại xá nói : Vua dụ cho các công hầu, quan viên văn võ và trăm họ rằng :

"Trẫm là kẻ không có đức, làm chủ muôn dân. Muốn cho mọi người đều giàu đủ, yên vui để tiến tới thịnh trị. Năm ngoái, từ mùa thu đến mùa đông, trời mãi không mưa, người mất hy vọng được mùa, dân lo khó khăn đói kém. Trẫm là cha mẹ dân,

1. Khúc sông Đáy chảy qua huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà ngày nay.

chỉ biết đau xót trong lòng. Nếu không ban ơn rộng khoan tha thì sao thấy huệ thực tới dân được ?”.

Cấm dệt mũ mát ¹ vì người ta hay cắt trộm lông đuôi ngựa công, tư để làm.

Ra sắc chỉ rằng : Quan triều tham đeo thẻ bài đi theo hầu thì nên ghi chữ “hồ tông” vào thẻ bài.

Cấm dùng diêm tiêu làm trò chơi đốt pháo bông, đó là theo lời tâu của Hộ bộ thượng thư Trần Phong.

Xuống sắc chỉ cho vệ Trấn sóc ² rằng : Kể từ nay, kỳ đại duyệt binh sắp xong, thì ba ty Đô, Thừa, Hiến sở tại, mỗi ty cử hai người lên bản vệ giữ lệnh, báo cáo và các tướng hiệu, kỳ quân ở các sở kinh lược sứ Bắc Năm, Vĩnh Bồng ³ cũng đều đến cả bản vệ để tập trận.

Ngày mùng 10, sai Đô đốc 5 phủ là bọn Trịnh Văn Sá, Lê Hy Cát cùng Binh bộ [27a] thượng thư Nguyễn Văn Tích duyệt tuyển các Đại, Tiểu tổng kỳ của các vệ trong 5 phủ để sung làm quan của 5 vệ Điện tiền.

Lễ khoa cấp sự trung Nhữ Văn Lan tâu rằng : Tiểu tổng kỳ thì phải 9 năm trở lên mới được thực thụ. Vua y theo.

Ngày 12, bắt đầu định lễ bao phong các thần vào dịp tế xuân ; không dùng cỗ chay, dùng lụa để tế, theo phong tục nước mình thôi.

Ngày 16, làm lễ Khánh thọ ở điện Cần Chính.

Trước đây, cứ đến đầu mùa xuân thì làm lễ bao phong các thần ở Thái miếu, xong rồi thì làm lễ Khánh thọ. Đến đây, mới làm lễ Khánh thọ ở điện Cần Chính ⁴. Sau đó lấy làm lệ thường.

Ngày 18, lấy con cháu các quan viên trước đã sung làm quân ở vệ Kim ngô, người nào thi đỗ thì sung làm giám sinh Quốc tử giám, nếu thi hội trúng trường ⁵ thì sung làm tam xá sinh ⁶. Người nào đỗ thi hương và có tư chất tốt thì cho giám quan kẻ ra, tâu xin cho ở lại học tập. Bắt Giám sát ngự sử Quản Công Thiêm vì Lương Thế [27b] Vinh hặc tội ông này dung túng kẻ đưa hối lộ là Hán Tông Nghiệp.

Ngày 27, vua bắt đầu đến Lam Kinh bái yết lăng Lam Kinh.

1. Nguyên văn là “lương cân”, một loại mũ tết bằng lông đuôi ngựa.

2. Trấn sóc : có nghĩa là trấn giữ phương Bắc. Đây là vệ quân đóng giữ ở biên giới phía bắc.

3. Bắc Năm, Vĩnh Bồng : đều nằm trên biên giới phía bắc.

4. Nguyên văn là “Cần Chính đường”, sửa lại cho phù hợp với đoạn trên.

5. Trúng trường : là những người đỗ từ 1 đến 3 kỳ trong kỳ thi hội (nếu đủ 4 kỳ thì mới được đình).

6. Tam xá sinh là sinh viên ba xá : thượng xá, trung xá, hạ xá.

Ngày 29, ngự giá đóng tại hành điện An Bạc. Ban phép tập trận đồ.

Tháng 2, này Đinh Dậu mồng 1, có nhật thực.

Làm lễ tế Văn miếu.

Ngày giáp thìn mồng 8, vua thấy trời đã lâu không mưa, tâu cáo để cầu. Lại sai bọn Thái bảo Nguyễn Lôi làm lễ cầu đảo ở các đền Chí Linh, Hoàng Hựu.

Sai Hộ bộ thượng thư Trần Phong cùng bọn quan Tuyên chính Phan Sư Tông đi khám đất công ở hương Lam Sơn và thôn Dâm để cấp cho các công thần từ nhất phẩm đến lục, thất phẩm theo thứ bậc khác nhau. Lại dụ các quan và bô lão rằng :

Lam Kinh là đất căn bản nơi quê vua, không ví như các nơi kinh sư khác được. Mới rồi bọn thế gia hay làm trái phép, coi thường pháp luật, chiếm đoạt đất đai làm của riêng, công chúa không có lấy [28a] tác đất cấm dùi. Muốn dùng pháp luật mà buộc tội, sao bằng lấy lễ nghĩa báo trước, sao cho họ vua ngày một đông đúc cũng có chỗ mà nương thân. Nay định rõ giới hạn, kẻ nào còn dám vi phạm, thì phải trị tội theo pháp luật.

Ngày Ất Ty mồng 9, sai Hành tổng binh Khuất Đả đem quân đi đánh Ai Lao.

Trước đây Ai Lao chiếm động Cư Lộng, lấn cướp ngoài biên. Tới đây, quan giữ biên giới đem việc ấy tâu lên. Vua sai Khuất Đả đem hơn 1.000 quân đi đánh. Lấy Đồng tổng binh vệ Định huân là Nguyễn Động làm phó và Nghiễn Nhân Thọ làm Tán lý quân vụ, hợp với quân đồn trú trấn Gia Hưng mà đánh. Vua bảo Nhân Thọ rằng : "Người và Khuất Đả được phép tự tiện làm việc". Nhân Thọ tới chỗ lưu thủ Đông Kinh là Thái bảo Lê Niệm xin viện binh ở Vũ khố mà đi.

Dụ cho quan lưu thủ là Lê Niệm phát 50 quan tiền kho nhà nước, sai Tế sinh đường mua thuốc, sai người chữa chạy [28b] cho những người mắc bệnh dịch ở các phủ Quốc Oai, Tam Đới và dụ rằng :

"Từ nay về sau, phủ nào có bệnh dịch thì cho phép các quan địa phương đó dùng tiền thuế mua thuốc chữa cho dân".

Ngày 15, xa giá đến hành điện Phi Lai. Bấy giờ sứ thần nước Chiêm là Thảm Phác Lặc Sa sang tiến cống, vừa đến nơi, nên cho triều kiến tại hành điện.

Ngày 16, quan trấn thủ An Bang tâu việc thuyền chở lương của người Minh bị giạt đến xứ ấy. Vua bảo Thái sư Đinh Liệt và Thái bảo Nguyễn Lôi rằng :

"Mới rồi, trăm bảo bắt giữ người chở lương của nước Minh là vì có thể họ bày ra kế đó để lừa ta. Ta muốn ngăn ngừa mưu kế của họ. Đó là việc quyền nghi nhất thời, chứ không phải là đạo thường làm đâu".

Bọn Lỗi tâu :

"Nếu họ liêu lĩnh gây chuyện bất ngờ khác mà đặt ra kế ấy, ta bắt họ thì họ sẽ có cớ để nói được, chi bằng thả cho về. Nếu không thế, e rằng sẽ xảy ra hấn khích nơi biên giới".

Vua nói :

"Các khanh nói tuy phải, [29a] nhưng lỡ kẻ giặc phản phúc thì sao ?".

Đô ngự sử Nguyễn Cư Đạo nói :

"Lời bàn của các quan tuy có dị đồng mà quyết định như thế nào là ở nhà vua thôi".

Rốt cuộc giữ người Minh không cho về.

Ngày 20, diễn tập trận đồ trung hư ở Lỗ Giang ¹.

Vua ngự đến trị sở của thừa tuyên Thiên Trường, hỏi quan Thừa tuyên là bọn Phạm Du về những khó khăn của dân và ban tiền cho bọn Du và Tri phủ Nguyễn Tự theo thứ bậc khác nhau.

Sai Quyền tổng tri vệ Ninh Sóc ² là Đào Viện làm Đốc tướng thay Khuất Đả đi đánh Ai Lao. Bọn Đả đến thì Ai Lao đã chạy trốn trước rồi. Bọn Đả phi báo rằng Ai Lao xin trả lại đất chiếm, vậy xin đem quân về. Vua bảo Khuất Đả để Đào Viện thay coi quân và ban cho 10 quan tiền.

Tháng ấy, ngày 23, tập đồ trận tam tài và thất môn ở sông Vi ³. Bọn Tây quân Đô đốc Lê Thiệt trái lệnh, bị trời đưa đến cửa doanh, rồi sau lại được tha.

[29b] Bãi quan chức của bọn Trần diện phó tướng quân Lê Hán Đình.

Trước kia, Hán Đình làm Chuyển vận, khi tại chức tham ô, sợ dân kiện, tâu xin nghỉ dưỡng bệnh. Chỉ huy sứ Đào Bảo tiến cử Hán Đình lên triều đình, nói Chuyển vận Hán Đình và Thái chúc thừa Nguyễn Đức vốn giỏi binh pháp. Bọn Hán Đình dâng các trận đồ : 1) Trung hư, 2) Mãn thiên tinh, 3) Thường sơn xà... Vua khen ngợi, phong hai người làm Trần diện phó tướng quân, sai quân 5 phủ tập theo trận đồ,

1. *Lỗ Giang* : khúc sông Hồng chảy qua huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà.

2. *Ninh Sóc* : tên một thừa tuyên thời Lê trong khoảng 1469 - 1490 sau đổi lại là Thái Nguyên.

3. *Sông Vi* : tức sông Ông Vi, tại huyện Vũ Tiên, nay là huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

hai ba lần đều không được. Vua sai hai người ra dạy cũng không được. Vua nổi giận sai bắt đánh trượng rồi bãi chức đuổi về bản quán.

Ngày 26, tập trận đồ ngư đội, nhận hàng ở sông An Cha, tập trận đồ Thường sơn¹ ở ngã ba sông Bạch Hạc.

Ngày 29, đại giá về kinh sư.

Tháng 3, Lại bộ tâu về việc khảo thi các cận thị học sinh để bổ làm giám sinh các huyện, khảo thi Quốc tử giám [30a] giám sinh và lại viên các nha môn bổ làm giáo chức các phủ. Vua y theo.

Dinh thiện viên ngoại lang Hoàng Văn Biền bị bỏ ngục và phạt 50 quan tiền. Công bộ hữu thị lang Trịnh Công Đán bị phạt 30 quan tiền vì bỏ phơi mưa nắng những gỗ, lạt của công.

Sai các ty tàm tang đào hồ ở đình Giảng Võ.

Ra lệnh tìm kiếm những bài cáo thơ văn của cô Hàn lâm thừa chỉ học sĩ Nguyễn Trãi.

Sai Lễ bộ thượng thư Lê Hoảng Dục đãi yến sứ thần Chiêm Thành ở quán Bắc Sứ. Sai nội quan hỏi sứ thần nước Chiêm về lễ thờ nước lớn. Sứ Chiêm trả lời :

"Nước Chiêm tôi đối với thánh triều như là con cái cây nhờ bố mẹ, dạy bảo thế nào thì xin theo thế. Nhưng thiên tử có lệnh truyền ngoài vật tiến cống theo lệ đã định, lại phải cống thiếc nữa. Đó là lệ mới, không dám tự tiện trả lời. Cúi xin sai sứ sang hỏi chúa nước tôi để về vang cho nước dưới". Vua không nghe.

Thu lại quân quyền của Tây quân đô đốc Lê [30b] Thiệt, vì con Thiệt là Bá Đạt đang giữa ban ngày phóng ngựa ra phố, dung túng gia nô đánh người.

Lấy Hộ bộ thượng thư kiêm cung sư phủ thái tử tân khách Trần Phong làm Hình bộ thượng thư kiêm thái tử tân khách ; Lại bộ thượng thư Phạm Văn Hiến làm Trung quân phủ đô đốc đồng tri ; Lễ bộ thượng thư kiêm thái thường tự khanh Lê Hoảng Dục làm tây quân phủ đô đốc đồng tri ; Công bộ thượng thư Bùi Quát làm Đông quan phủ Đô đốc thiêm sự ; Hình bộ thượng thư Phạm Công Nghị làm Lễ bộ thượng thư ; Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm Cần Chính điện phụng thị kinh diên Nguyễn Cư Đạo làm Ngự sử đài đô ngự sử quyền Hộ bộ thượng thư tri kinh diên sự ; Thiên Trường thừa tuyên sứ Phạm Du làm Tuyên úy đại sứ quyền Công bộ thượng thư ; Ngự sử đài phó đô ngự sử Trần Xác làm cung sư phủ [31a] thái tử tân khách kiêm ngự sử đài đô ngự sử ; Hàn lâm viện đại học

1. *Thường Sơn* : tức là trận đồ Thường Sơn và (rắn núi Thường Sơn).

sĩ quyền Lại bộ tả thị lang kiêm Bí thư giám học sĩ Nguyễn Đình Mỹ làm Cung sư phủ đại học sĩ quyền Hộ bộ tả thị lang Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Binh bộ tả thị lang kiêm bí thư giám học sĩ Trần Bàn làm Cung sư phủ tân khách quyền Lại bộ tả thị lang ; Thái bộc tự khanh hành Thông chính ty thông chính sứ Lê Trung làm Thừa đức ty thừa đức đại sứ quyền Hộ bộ hữu thị lang ; Quang lộc tự khanh kiêm bí thư giám học sĩ Vũ Vinh Trinh làm Hàn lâm viện đại học sĩ quyền Lễ bộ hữu thị lang kiêm Quang lộc tự khanh bí thư giám học sĩ tri kinh diên sự ; đại lý tự khanh Nguyễn Ninh làm Thiêm sự hành Đại lý tự khanh ; Hữu dụ đức quyền Lại bộ hữu thị lang Phan Duy Trinh làm [31b] Tuyên úy sứ quyền Thiên Trường xứ thừa tuyên sứ ; Hưng Hóa thừa tuyên sứ tham nghị Nguyễn Đức Du làm Ngự sử đài thiêm đô ngự sử ; Tri phủ Quy Hóa Nguyễn Thúc Thông làm Hưng Hóa thừa tuyên sứ tham nghị.

Tổng quản Khuất Đà cùng Thông chính ty tả thừa Nghiên Nhân Thọ chiêu dụ được bọn giặc Ai Lao là Đạo Đồng ¹ ra hàng rồi đem quân về.

Trước đó, quan quân đến Mộc Châu phụ Gia Hưng, lấy 300 thổ binh đến thắng sách Câu Lộng ở Mã Giang đóng quân nửa tháng. Khuất Đà chia sai Tổng tri vệ Gia Hưng Lê Miễn đem quân vệ mình đến Khâu Chúc, hợp với thổ quân của hai châu Việt và Mỗi ², nói phao lên là đánh quân giặc quấy nhiễu, nhưng thực ra là ngăn chặn đường hiểm yếu. Bọn giặc nghe tin vỡ chạy. Khuất Đà sai người lấy lễ hạ phúc lợi hại dụ bảo. Bọn Đạo Đồng đến cửa doanh đầu hàng. Khuất Đà bèn sai kinh lược Mộc Châu là người Man họ Xa sửa lại cửa ải cũ, [32a] cùng với thổ quan là phụ đạo Cầm La đốc suất thổ binh canh giữ. Bọn Đà đem quân trở về.

Trong chiến dịch này, cả đi lẫn về chỉ có 18 ngày, hành quân tới đâu, hàng ngũ nghiêm chỉnh, đến gà chó cũng không bị kinh động. Ngày dâng tâu, vua muốn đưa bọn giặc trở về xứ sở của chúng giết đi để răn đe kẻ khác. Bọn Thái bảo Đinh Liệt thưa rằng :

"Đạo Đồng nếu quả thực lòng hàng phục thì tha tội chết cho hẳn để khuyên dụ kẻ sau. Nếu do bị săn đuổi bức bách quá mà ra hàng để mong khỏi chết thì giết đi là phải".

1. Đạo Đồng : tức là phụ đạo Cầm Đồng ở Thuận Châu.

2. Việt : tức là Mường Việt, sau đổi thành Yên Châu. Mỗi : tức Mường Muối, còn gọi là Thuận Châu.

Vua không nghe. Đến đây, sai lấy gạo ấy cấp cho số người trong thuyền đó, mỗi người một hộc, bắt sung vào ty Đồn điền. [32b] Số gạo còn lại, sai Tư thành binh mã chở lên các xứ Tuyên Quang, Quy Hóa, Đà Giang, cấp cho những quân nhân về hội quân mà túng đói.

Lấy Ngự sử đài thêm đô ngự sử Dương Tông Hải làm Đô cấp sự trung quyền Thượng bảo tự khanh.

Hàn lâm viện trực học sĩ quyền Công khoa cấp sự trung Lương Thế Vinh hặc tội Trần diện tướng quân Bùi Huấn. Tờ tâu đại khái nói :

Luân thường lớn của con người có 5 điều thì đạo bè bạn, vợ chồng đều chiếm một điều trong đó. Nay Huấn đương lúc còn tang vợ mà đi lấy con gái của người về hàng bạn hữu, hơn nữa trước đã lấy con gái của người ấy làm vợ cả rồi. Tệ bạc trong ân ái vợ chồng, khinh miệt đạo cương thường đến thế. Việc này quan hệ tới phong hóa, làm rối loạn nhân luân, xin giao cho pháp ty trị tội. Vua y theo.

Bắt đầu đặt Ngũ kinh bác sĩ¹. Bấy giờ các giám sinh học *Kinh Thi*, *Kinh Thư* thì nhiều, học *Lễ Ký*, *Chu Dịch*, *Xuân Thu* thì ít, cho nên đặt chức Ngũ kinh bác sĩ, mỗi người chuyên nghiên cứu một kinh để dạy học trò.

[33a] Vũ lâm vệ chỉ huy sứ Lê Tông Vinh khai man tập ám để được bỏ làm quan. Tông Vinh vốn người Gia Viễn, con trai Nguyễn Cố, được Tổng quản Lê Nguyên nuôi làm con mình, nhờ tập ám được bỏ làm Quyền cấp sự trung, bị Lương Thế Vinh hặc tội, vua cất chức.

Thuyền buôn nước Tô Ván Đáp Lạt² dâng phẩm vật.

Xuống chiếu giam Đạo Đồng ở ngục ngự tiền.

Trước đây, người nước Minh là bọn Lý Mậu Thực 29 tên có hai chiếc thuyền chở 205 hộc gạo đưa đến Bồ chính ty Quảng Đông bị trôi giạt tới An Bang. Tuần ty bắt được giải tới hành tại. Đô ngự sử Nguyễn Cư Đạo tâu nên thả chúng về nước.

1. *Ngũ kinh bác sĩ* : chức học quan, chuyên nghiên cứu về năm bộ sách kinh điển của nho gia (*Kinh Thi*, *Kinh Thư*, *Kinh Dịch*, *Kinh Lễ*, *Kinh Xuân Thu*), để dạy học trò ở Quốc tử giám.
2. *Tô Ván Đáp Lạt* : hay Tô Môn Đáp Lạt, tức Sumatra, nay thuộc nước In-đô-nê-xi-a.

Giảm bớt số quan châu, huyện thuộc hai phủ Bắc Bình, Thông Hóa¹ mỗi phủ, châu, huyện một viên.

Sai Bắc đạo Giám sát ngự sử Phan Tông Tiến đến phủ Bắc Bình xét hỏi bọn quan trấn thủ Lê Lục, Nguyễn Lượng và bắt giải về kinh.

Bấy giờ người Thổ phủ Trấn An nước Minh là Sầm Tổ Đức đem hơn 1.000 tên quân đến đóng ở Âm Động² nói phao là đi bắt tên giặc Sầm Vọng đương chạy trốn, rồi đến cướp bắt người và trâu bò, gia súc ở vùng biên giới Nà Man, châu Thông Nông, trấn Bắc Bình đem đi, sau lại chiếm giữ người lái thổ châu Bảo Lạc.

Tổ Đức có tờ tâu nói rằng, các thôn Man Ly, Man Nhung vốn trước [33b] giả dối quy phụ phủ Trấn An, rồi cướp bắt người và súc vật, cúi xin thánh thượng gia ơn sai phái đại quân đi đánh các thôn Man Nhung và Man Ly, và xin trừng trị hai châu Thông Nông, Bảo Lạc, đuổi bọn phạm nhân Sầm Vọng về yên nghiệp. Triều đình cho rằng những lời của Tổ Đức đều là gian trá. Vua đặc sai trung thư làm tờ tư thẳng cho Bố chính ty³ đòi trả lại người và súc vật bị cướp và sai Tông Tiến đi khám xét, bắt bọn Nguyễn Lượng đem về kinh vì tội coi giữ không nghiêm cẩn, để cho người ngoài đến cướp biên giới.

Hiệu úy Hoàng Liễn đem thổ binh phủ An Tây⁴ đánh nhau với người Ai Lao ở Khâu Lao, làm tử thương đến hơn 3.000 người, thu được nhiều tai giặc.

Đòi lại những người Minh trên thuyền buôn của nước Tô Văn Đáp Lạt đưa trả về bản quốc.

Mùa hạ, đầu tháng 4, hạ lệnh cho quan Lại bộ rằng : Các chức quan văn võ, người nào chân trắng mới bỏ và những người bị giáng chức hay đã nghỉ việc, đều cho [34a] làm bằng ban cấp cho.

Châu Thuận Mỗi, phủ Gia Hưng đem nộp vợ con gia thuộc của Cầm Đồng và tai của bọn Ai Lao bắt được đưa về kinh sư.

Ban cấp bản in sách *Ngũ kinh* của nhà nước cho Quốc tử giám, theo lời tâu của Bí thư giám học sĩ Vũ Vĩnh Trinh.

1. *Phủ Bắc Bình* : sau đổi là phủ Cao Bình, là đất tỉnh Cao Bằng ngày nay (trừ huyện Bảo Lạc). *Phủ Thông Hóa* : phần đất tỉnh Bắc Cạn cũ.
2. *Âm Động* : thuộc phủ Trấn An, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
3. Tức bố chính ty Quảng Tây thời Minh.
4. *Phủ An Tây* : thời Lê gồm đất tỉnh Lai Châu ngày nay và một số đất đã mất vào Trung Quốc.

Sai quyền Thượng bảo tự khanh Dương Tông Hải và Thông chính ty tả thừa Nghiên Nhân Thọ dạy các quân Kiêu dũng, Binh mã đọc sách.

Bọn Đô cấp sự trung Trịnh Thiết Trường hặc tội bọn Hình bộ Đỗ Tông Nam làm quan ăn hối lộ, Lại bộ Nguyễn Như Đồ tiến cử người xấu, cả hai đều xin giao cho pháp ty theo luật trị tội. Vua y theo.

Lấy Nguyễn Phục làm Tham nghị thừa tuyên Thanh Hóa. Vua dụ Phục rằng :

"Năm trước sai người đi sứ phương Bắc, được khỏe mạnh mà về ; năm nay cho gọi, người lại dâng lời hay thực rất đáng khen. Nay sai Giám thừa Nguyễn Lỗi đem bạc lạng ban thưởng để biểu dương lòng trung thành của người [34b] và tỏ hết sự chí tình của ta, hãy nhận lấy".

Tháng 5, ngày mùng 1, Tri châu Đào Phục Lễ ở phủ Bắc Bình tâu rằng :

Thỏ quan phủ Trấn An nhà Minh sai Tông Thiệu xâm lấn ải Tỏa Thoát ¹, cướp lấy ruộng của xứ ấy và cướp đoạt trâu bò súc vật. Vua giao xuống cho triều thần bàn kế phòng giữ. Bọn Thái sư Đinh Liệt đều cho là nên giữ kỹ bờ cõi, không nên gây hấn khích nơi biên giới, nếu thấy nó đến, chỉ chống giữ thôi.

Lễ bộ thượng thư Phạm Công Nghị tâu rằng :

"Đời xưa khi dựng nước, nhân tên nước mà đặt tên họ (tính). Nhân chia đất mà ban tên họ (thị). Như ông Tiết khi được phong ở đất Thương, được ban họ Từ (Từ thị), ông Tắc khi được phong ở đất Thai, được ban họ Cơ (Cơ thị), đều là phong tặng đất đai để ban tên họ, để lập tông phái. Từ đó về sau, các đời đều có tên họ, như Ngụ Thuần là họ Diêu (Diêu tính), Hạ Vũ họ Tự (Tự tính), Chu Văn họ Cơ (Cơ tính) ; mà Cửu khanh, Tam công, Ngũ thần, Thập loạn ² đều có công lao với nước, nhưng chưa từng [35a] thấy ai được ban họ (nhà vua) cả. Đến Hán Cao Tổ cho là Lâu Kính có công dâng kế sách dựng đô thành bên ban cho họ Lưu ³, Đường Cao Tổ khen Thế Tích có khí tiết bề tôi trong sạch nên ban cho họ Lý ⁴. Đó đều là phương sách chế

1. *Tỏa Thoát* : Theo CMCB 20, 24a, sau là ải Quả Khoát, ở huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng. Huyện Quảng Uyên nay là huyện Quang Hòa.

2. *Cửu khanh* : chín chức quan của nhà Chu : Chung tể, Tư đồ, Tông bá, Tư mã, Tư khấu, Tư không, Thiếu tư, Thiếu phó, Thiếu bảo.
Tam công : Thái sư, Thái phó, Thái bảo.
Ngũ thần : năm người bề tôi của vua Thuần xưa : Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Bá Ích.
Thập loạn : mười bề tôi dẹp loạn trị nước của Chu Vũ Vương là Chu Công Đán, Thiệu Công Thích, Thái Công Vọng, Tắt Công, Ninh Công, Thái Diên, Hoàng Yên, Tản Nghi Sinh, Nam Cung Quát và Ấp Khương.

3. Hán Cao Tổ họ Lưu (Lưu Bang).

4. Đường Cao Tổ họ Lý (Lý Uyên).

ngự hào kiệt mà thôi. Nhưng nguồn vừa khơi ra mà dòng đã thành vắn đục. Người làm tôi thì cũng cho thế là vinh hạnh, mà không hiểu rằng họ hàng phải có phả hệ, tuyệt đối không thể lẫn lộn được. Cái sai của việc ban tên họ có quan hệ rất lớn. Vì người làm tôi mà cùng họ với vua thì bất kính, người làm con mà quên mất họ gốc thì bất hiếu. Làm sao có kẻ bất kính bất hiếu mà làm nên việc được ? Nên sửa bỏ lệ ấy đi. Tất cả bề tôi đã được ban cho họ nhà vua đều cho đổi lại theo họ cũ của ông cha để cho tông phái nhà vua được phân minh, cội gốc các họ được rõ ràng".

Vua y theo.

Phó tổng binh trấn thủ Tuyên Quang Lê Quý tâu rằng :

"Xã Mông Đương trong trấn bị người Xá đến đốt phá nhà cửa, giết và bắt người".

[35b] Xuống chiếu cho triều thần bàn. Tể thần là bọn Đinh Liệt nói :

"Bọn man di cõi biên cương xa xăm đánh lộn lẫn nhau, đó là tục của chúng thôi, chỉ việc giữ kỹ bờ cõi của ta, không để xảy ra hấn khích ở biên giới là được".

Ngày 19, sét đánh vào điểm canh trên thành của vệ Giám môn.

Ngày Giáp Tuất mùng 10, sai quân ngũ phủ làm kiểu mẫu đồ chiến khí, rồi lại đổi làm kiểu khác, quân nhân có người than oán. Quân nhân vệ Uy lời là Văn Lư dâng sớ đại ý nói :

"Thần trộm thấy hồi tháng giêng năm nay bệ hạ đã ban ra kiểu mới, sai các quân chế tạo chiến khí, nay lại đổi làm kiểu khác, như thế là chính lệnh bất thường".

Vua sai Lại bộ dụ Lư rằng :

"Chiến khí vẫn cùng một kiểu, người nói thế là nói càn".

Thị lang Lương Như Hộc nói riêng với Lư rằng :

"Người không phải là chức phận được nói, sao dám bàn bày việc nước " ?

Lư trả lời :

"Nước lấy dân làm gốc, mà binh là để bảo vệ dân. Nay hiệu[36a] lệnh bất tín, quân dân buồn rầu than oán, ông là cận thần lại im lặng không nói, tôi thấy mà nói thì cũng là yêu vua thôi".

Bọn Như Hộc nín lặng.

Ngày Đinh Sửu 13, Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ tâu rằng :

Những người thi hội đỗ kỳ thi thứ hai và kỳ thứ ba, sung bổ lại viên các nha môn, nay thi đỗ giáo chức, nên bổ các chức kinh lịch.

Vua y tờ tâu.

Ngày Mậu Dần 14, lấy Hàn lâm viện thị độc học sĩ hành Lại khoa đô cấp sự trung Trịnh Thiết Trường làm Hàn lâm thị giảng học sĩ quyền Công bộ hữu thị lang, quyền Quốc Oai đẳng xứ tán trị thừa tuyên sứ ty tham chính Dương Cháp Trung làm Đại lý tự khanh quyền Hình bộ tả thị lang, Hàn lâm thị độc học sĩ thự viện sự kiêm Binh khoa đô cấp sự trung Phạm Cư làm Thái bộc tự khanh quyền Lạng Sơn đẳng xứ tán trị thừa tuyên tham chính.

[36b] Ngày 20, ban nội yển cho các đại thần và quan có chức sự ở điện Cần Chính.

Sắc dụ các quan trấn thủ, phó tổng binh và thổ quan các xứ Lạng Sơn, An Giang, Bắc Bình rằng :

"Quan coi giữ bờ cõi của triều đình, cố nhiên phải giữ đất yên dân, đánh ngăn giặc ngoài là chức phận của mình. Mới rồi, người ngoài xâm nhập bờ cõi, bắt người cướp của, nhiều lần thấy chạy tâu, mà kết quả đánh giữ ra sao thì im lìm không thấy báo gì. Nay nếu cứ khệp vào luật pháp mà trị tội tất cả thì e rằng sẽ không hết được. Bọn các người phải dốc lòng hết sức, lo chuộc lại lỗi trước".

Lại ban khoa lệnh¹ 11 điều.

Lấy Nghiên Nhân Thọ làm Thượng bảo tự khanh quyền lại khoa đô cấp sự trung.

Cho Quyền tham chính xứ Lạng Sơn là Nguyễn Kha nghỉ việc.

Ra sắc chỉ rằng : Từ nay về sau, người nhận chức ở tại nơi biên giới xa phải đủ 9 năm mới được đổi về các huyện dưới kinh.

Tháng 6, ngày mồng 1, lấy Đại lý tự khanh Lê Bá Đạt [37a] làm Chiêu thảo đại sứ hành Bắc Bình phủ tri phủ thêm tri Bắc Bình vệ.

Ra lệnh cho 12 thừa tuyên điều tra hình thế sông, núi, sự tích xưa nay của các nơi trong hạt mình, vẽ thành bản đồ ghi chú rõ ràng rồi gửi về Hộ bộ để làm bản đồ địa lý.

1. Khoa lệnh : điều luật về hình pháp.

Khảo thi và sa thải bọn Đông cung thị giảng là Vũ Nguyên Tiềm và Tạ Bưu ở Phụng Nghi đường.

Bấy giờ Nguyên Tiềm cùng Bưu hầu Đông cung học. Vua ngự đến Đông cung, hỏi chữ nghĩa hôm trước thế nào, Thái tử đem những lời Nguyên Tiềm đã dạy để trả lời. Vua bèn sai ra ba đề chế, chiếu, biểu bắt bọn Tiềm và Bưu thi ở Phụng Nghi đường. Bọn Tiềm đều quên lối làm, cả ba bài đều không thành văn lý. Vua xem xong, phê rằng : "Đáng tởm" và quở trách Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ, Đông cung quan Trần Phong và Đô ngự sử đài Trần Xác về tội bảo cử bậy.

Sai Đô đốc thêm sự Khuất Đả đem 500 quân ngũ phủ đến [37b] bảo Khả Lặc trấn An Bang đuổi đánh giặc cỏ nhưng không kịp lại trở về.

Sai Quyền lại khoa đô cấp sự trung Nghiên Nhân Thọ và Đông đạo giám sát Thiệu Duy Tinh đến bảo Khả Lặc, trấn An Bang, xét hỏi việc tương súy chần chừ và bị thua như thế nào.

Bãi quan chức của Tây quân đô đốc Lê Thiệt vì quân lính và chỉ huy của Thiệt sai đi tuần tiểu biên giới đã dọa nạt lấy bạc của người châu Thoát, việc bị phát giác, nên Thiệt phải bãi chức.

Cho Binh bộ thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích chơi không vì Vĩnh Tích năm trước đã nhận bạc đút lót của người, nay ủy cho trọng trách Binh tào, lại xin bầy bổng lộc cho một viên Tổng tri, cho nên thu lại thẻ bài văn đeo và cho ở không.

Sai lục bộ, lục tự, lục khoa lựa chọn lại viên của mình, người nào biết chữ, có hạnh kiểm, mỗi bộ, tự, khoa lấy 2 người để sung việc đi thăm hỏi, điều tra nỗi đau khổ của dân và điều hay dở của chính sự.

Lấy Lê Bá Trù làm Binh bộ thượng thư.

Đầy Phó tổng binh trấn [38a] thủ Bắc Bình là Lê Lục và Đồng tổng tri Nguyễn Lượng ra châu xa, vì tội giữ trấn mình mà để cho giặc cướp đốt quan ải. Việc bị phát giác, bị đầy, nhưng được miễn làm khổ sai.

Hạ lệnh rằng thóc chứa ở các kho trong kinh ngoài trấn, quan địa phương phải bắt người coi kho thường xuyên xem xét, không được để nước mưa thấm ướt, hao tổn lương thực.

Hạ lệnh rằng các quan chức tá nhị ở châu, phủ, huyện khi coi việc ở công đường không được cùng ngồi ở chiếu chính với chánh quan.

Tháng 12, vua đưa ấn "Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo" ¹ cho các tể thần xem để cùng bàn.

Quyền Hộ bộ thượng thư Nguyễn Cư Đạo nói : Ấn của Hoàng Đế là ấn truyền quốc, nhưng hai chữ "Thiên Nam" hình như hơi mới lạ, không bằng dùng các chữ "Thuận thiên thừa vận chi bảo" rất hàm súc, rất có ý nghĩa.

Vua lại dụ các quan rằng :

"Mới rồi, ấn truyền quốc đã sai quan bí thư là bọn Lương Như Hộc xét trong sách *Văn hiến thông khảo* ² để đúc, gọi [38b] là "Hoàng Đế thụ mệnh chi bảo", các quan tể thần bàn thế nào, hãy làm bản tâu lên".

Vua muốn xem quốc sử, sai nội quan tới Hàn lâm viện dụ riêng sử quan Lê Nghĩa rằng :

"Trước kia, Phòng Huyền Linh làm sử quan, Đường Thái Tông muốn xem *Thực lục* ³, Huyền Linh không cho xem. Nay người với Huyền Linh thì ai hơn ?".

Nghĩa trả lời : "Sự kiện ở cửa Huyền Vũ ⁴, Huyền Linh lại không thẳng thắn ghi lại, Đường Thái Tông phải bảo ghi rồi sau mới ghi, như thế e rằng cũng chưa phải là hiền thần".

Nội quan nói : "Vua muốn xem ghi chép hằng ngày từ năm Quang Thuận thứ 1 đến năm thứ 8".

Nghĩa trả lời : "Vua mà xem quốc sử, hẳn không phải là việc hay. Những việc làm của Đường Thái Tông và Phòng Huyền Linh đã bị đời sau chê bai đấy !".

Nội quan nói : "Vua bảo là xem những ghi chép hằng ngày để biết trước đây có lỗi gì còn có thể sửa được".

Nghĩa nói : "Chỉ cần bề hạ gắng làm điều hay thôi, việc gì phải xem quốc sử".

Nội quan dụ bảo nhiều lần, Nghĩa nói :

"Thánh chúa nếu biết sửa bỏ lỗi lầm thì đó là phúc lớn vô hạn của xã tắc, [39a] thế dẫu không khuyên can mà cũng là khuyên can".

1. *Cương mục* chép là "... Đế dĩ Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo *Dã tự, thị tể thần*" : nghĩa là vua đưa các chữ "Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo" để tể thần bàn bạc (CMCB 21, 9b)..

2. *Văn hiến thông khảo*, 348 quyển, Mã Đoan Lâm đời Nguyên soạn là bộ sách chép điển chương, chế độ của nhiều triều đại ở Trung Quốc.

3. *Thực lục* : một thể loại chép sử thời trước, chuyên ghi chép công việc của vua.

4. Đường Thái Tông giết Kiến Thành và Nguyên Cát ở cửa Huyền Vũ, Phòng Huyền Linh chỉ chép mập mờ là sự kiện ngày mồng 4 tháng 6 thôi, Thái Tông xem thực lục, bắt phải chép lại cho rõ ràng.

Rồi dâng những ghi chép hằng ngày lên. Vua xem xong trả lại cho Sử viện.

Bàn [dặt] vệ quân ở trấn An Bang, vì đất ấy rất độc lại là cõi biên giới xa xôi, đường sá nhiều trở ngại, ứng viện không kịp.

Giặc cỏ đánh bảo Khả Lặc, trấn An Bang.

Sai Tây quân đô đốc phả thiêm sự Khuất Đà đem 1.000 quân Ngũ phủ, và sai quân nhân hai ty Thân quân, Điện tiền và hai ty Hiệu úy đi đánh.

Triệu Thái sư Đình Liệt, Thái bảo Nguyễn Lỗi, Lê Niệm và Ngũ phủ Trịnh Văn Sái vào cửa Gia Hựu họp bàn phương sách đánh bọn giặc cỏ.

Lại sai Kiêu vệ điệp tổng tri Lê Công Nghị dẫn quân Ngũ phủ đi ứng cứu. Sai bọn Nam quân phủ đô đốc đồng tri Nguyễn Đức Trung đi An Bang đốc thúc đánh bọn giặc cỏ, cho phép chém trước tâu sau. Phát 3 vạn thăng gạo kho sai người phủ Trung Đô làm lương chở tới trấn An Bang để [39b] cung cấp cho quân lính.

Tham nghị thừa tuyên sứ ty châu Hóa là Đặng Thiếp dâng sớ trình bày 5 điều gây lợi :

- 1 - Dựng đồn lũy ở cửa biển Tư Dung ¹.
- 2 - Lấp cửa Eo ²
- 3 - Đào kênh Sen ³.
- 4 - Bãi bỏ chức thuế sứ ở đầu nguồn
- 5 - Chiêu mộ những kẻ lưu vong đến khai khẩn ruộng hoang ở châu Bố Chính.

Tháng 8, Khâm sai quyền Lại khoa cấp sự trung Nghiên Nhân Thọ hặc tội tổng binh trấn An Bang Lê Hối không biết trù liệu đánh giặc, Đốc tướng Khuất Đà đuổi đánh giặc thất lợi đến nỗi bị thua. Lệnh cho Nhân Thọ tiến hành điều tra và bắt hai người về kinh.

Xuống chiếu giảm tô ruộng và thuế nhân đinh có mức độ khác nhau, vì Hộ bộ tâu là lúa má sút kém và mất mùa.

Hạ lệnh cho quan thừa tuyên Nghệ An lấy tiền công dong thóc chở về kinh. Bấy giờ giá gạo ở kinh đô rất đắt, ở Nghệ An có rẻ hơn, nên sai mua vào.

1. *Cửa Tư Dung* : sau là cửa Tư Hiền ở huyện Phú Lộc, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.
 2. *Cửa Eo* : sau là cửa Thuận An, huyện Phú Vang, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế.
 3. *Kênh Sen* : tức là Liên Cừ hay Liên Cảng, ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Lấy Thân vệ tổng tri Nguyễn Động làm An Bang trấn thủ [40a] phó tổng binh kiêm thừa tuyên sứ ty thừa tuyên sứ. Lấy Hàn lâm viện thị độc học sĩ quyền Ngự sử đài phó đô ngự sử Đào Tuấn làm Thái bộc tự khanh quyền An Bang đẳng xứ tán trị thừa tuyên sứ ty tham chính trị bản vệ quân sự.

Đông quân phủ quyền đô đốc Trịnh Công Lộ từ trấn An Bang trở về, dâng sớ trình bày 4 điều nên làm :

- 1 - Lập đồn lũy Vạn Ninh ¹, Tân Yên ² để chống giặc ngoài.
- 2 - Chọn đặt hương trưởng làm giáp thủ để trông coi lẫn nhau.
- 3 - Chọn người có tài năng văn, võ làm quan trấn thủ.
- 4 - Lắp các đường quan ải, không cho đến chặt cây cối hay mở đường đi lại làm mất thế hiểm trở.

Sắc cho Hộ bộ khai mương, đắp đập, không được để đồng ruộng úng ngập hay khô cạn.

Sai Hộ bộ gửi công văn cho thừa tuyên các xứ xét xem có ty Khuyến nông và Hà đê xứ nào để lúa ma úng ngập và còn ruộng [40b] bỏ hoang thì tâu lên.

Ngày 15, dựng lan can bằng đá ở điện Kính Thiên và xây điện nhỏ ở sân Giảng Võ.

Ngày 16, đem việc khắc ấn "Hoàng Đế thụ mệnh chi bảo" ³ tâu cáo ở Thái miếu. Ngày hôm ấy mưa gió to.

Dụ cho Đô đốc đồng tri Nguyễn Đức Trung tạm làm Trấn thủ An Bang. Sai bọn Tổng binh Nguyễn Văn Đàm đi An Bang đánh giặc, dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Đức Trung.

Định biên chế quân ngũ ⁴. Mỗi vệ 5 sớ, 20 đội ; mỗi đội 20 người theo lệ mới.

Ra sắc chỉ rằng : Khi có lệnh ban ơn thì : Quan [văn] ⁵ nhất phẩm được dùng chế ; quan võ nhất phẩm, quan văn tam phẩm được dùng cáo ; quan võ tam, tứ phẩm, quan văn tứ, ngũ phẩm dùng sắc, còn thì đều cấp giấy khám hợp cả.

1. *Vạn Ninh* : tên châu thời Lê, nay là đất huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.
 2. *Tân Yên* : tên châu thời Lê, nay là đất huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.
 3. Nghĩa là "ấn hoàng đế nhận mệnh"
 4. Nguyên văn : "Tạo quân quán".
 5. Nguyên văn thiếu chữ "văn" (quan văn), chúng tôi theo mạch văn thêm vào.

Lễ bộ thị lang Lương Như Hộc và Nguyễn Đình Mỹ cho là thời tiết thuận hòa, mùa màng bội thu, dân chúng yên vui, muôn vật dồi dào, dâng biểu xin vua tiến tôn phong hiệu.

Tháng 9, lúa sớm chín.

Có sâu cắn lúa.

Khâm sai quyền Lại khoa đô cấp [41a] sự trung Nghiên Nhân Thọ bắt giải bọn Khuất Đả, Nguyễn Báo, Lê Hối về kinh sư vì đánh giặc bị thua.

Thuyền đi biển của nước Xiêm La đến trang Vân Đồn dâng biểu văn khắc trên lá vàng và dâng sản vật địa phương, vua khước từ không nhận.

Sắc dụ quan trấn thủ và phó tổng binh các vệ ở các xứ An Bang, Lạng Sơn, Tuyên Quang rằng :

"Các người chức vụ đứng đầu một phương¹ không chế cả cõi biên thù, phải phòng bị điều bất trắc, để ngăn ngừa giặc ngoại xâm. Cần phải khuyên bảo các tướng hiệu răn đe quân lính, không được quen thói cũ, bỏ trốn về nhà, để trống vị trí phòng thủ, kẻ nào trái lệnh thì trị tội nặng hơn luật thường".

Phạt đánh trượng Điện tiền kinh lịch Cao Bá Tường và đẩy ra châu ngoài, vì bọn quan kiểm điểm Lê Thọ Vực, Lê Bô, Phạm Văn Hiến coi giữ quân lính, bắt làm việc riêng và thả về để lấy tiền mà Bá Tường không biết nêu ra để hặc tội.

Sai đạo sĩ cúng trừ sâu lúa.

Sai các Thượng thư Lại bộ và Lễ Bộ [41b] là bọn Nguyễn Như Đổ đi tế các thần để trừ sâu lúa.

Ngày 20, bão. Các phủ ven biển là Nam Sách, Giáp Sơn, Thái Bình, Kiến Xương² nước biển lên to, dề ngăn bị vỡ, lúa má bị ngập, dân ven biển chết đói nhiều. Các huyện ở đầu nguồn và ven biển, thuộc Nghệ An cũng bị thủy tai.

Có sắc rằng : "Các Trấn thủ, Phó tổng binh kiêm Thừa tuyên sứ chỉ xuất thân từ con đường võ nghệ, không hiểu văn học mà kiêm giữ hai chức, sợ ảnh hưởng

1. Nguyên văn là "chức vị tây phương", chưa rõ nghĩa, tạm dịch như trên.

2. *Nam Sách* : tên phủ, thuộc trấn Hải Dương, nay là vùng đất gồm các huyện Nam Thanh, Chí Linh thuộc Hải Hưng và Tiên Lãng thuộc Hải Phòng.
Giáp Sơn : tên huyện, sau đổi tên là huyện Kinh Môn, nay thuộc huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng.
Thái Bình : tên phủ thuộc trấn Sơn Nam, gồm các huyện Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.
Kiến Xương : tên phủ thuộc trấn Sơn Nam, gồm các huyện Vũ Thư, Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày nay.

tới việc quân. Nay Phó tổng binh nên thôi kiêm chức Thừa tuyên sứ. Còn chức Thừa tuyên thì chọn quan văn học. Các chức Tham chính, Tham nghị nên bớt đi một viên. Khi biên cương có việc thì Tổng binh và Thừa tuyên đều được tham gia bàn bạc".

Đó là theo lời tâu của Trấn diện tướng quân Lê Văn.

Mùa đông, tháng 10, Hồ Lung nước Ai Lao xin quy phụ nước ta, vua khước từ.

Diễn tập võ nghệ, định lệ thưởng phạt theo thứ bậc khác nhau

Dời quân doanh của trấn thủ An Bang [42a] đến Bài Lãm.

Thừa tuyên sứ Thanh Hóa dâng một giỏ kén đại đã thành tơ. Vua khước từ.

Ra sắc chỉ cho các nha môn chọn các lại viên xuất thân nho học để bổ các chức, đều cho quan phụ trách công bằng xem xét mà tiến cử. Các huyện có khuyết chức chính quan nếu không có người khoa mục thì cho lấy người thi đỗ tam trường mà thuyên bổ.

Thổ quan châu An Bình nhà Minh là Lý Lân đem 8.000 quân và 300 con ngựa xâm lấn châu Hạ Lang¹. Lân đánh thua rút về bản châu, chia quân giữ địa giới. Quan trấn thủ² là bọn Đào Viện, Lê Bá Đạt xin gửi thư cho Lân hỏi lý do gây việc binh đao. Vua y cho.

Ngày 16, đại thần và các quan dâng biểu xin vua thêm tôn hiệu. Vua phê rằng :

"Trẫm chưa dám nói đến danh hiệu Hoàng đế. Đối với các khanh, trẫm xưng là Hoàng thượng, đối với Thái miếu, trẫm xưng là Tự hoàng, như thế cũng đủ khác với danh hiệu của các thân vương rồi. Những lời ấy, các khanh nên nghĩ lại. Sau này vài năm nữa, [42b] nếu thấy trên thì trời thuận, dưới thì dân yên, mưa gió điều hòa, nước lớn thân thiện, nước nhỏ sợ uy, mới có thể bàn đến tôn hiệu. Các khanh nghĩ kỹ xem".

Ngày 19, đại thần và các quan văn võ lại dâng, biểu xin thêm tôn hiệu. Tờ biểu viết : Bệ hạ đã lên ngôi chí tôn, nên xưng là Hoàng đế. Vua không nghe.

Sứ thần nước Trảo Oa là bọn Na Bôi sang ra mắt.

Mùa đông, tháng 11, ngày mồng 5, lúc tan châu, vua hỏi đại thần và trăm quan rằng :

1. *Hạ Lang* : sau là huyện Hạ Lang, thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay.

2. Nguyên văn là "Thổ thủ trấn thủ". Bản dịch cũ theo CMCB 21, 3a sửa là "Thái Nguyên trấn thủ".

"Đô đốc Khuất Đà trước đây tuy trái quân luật, Hình bộ đương xét hỏi, trăm muốn gọi cho làm Tổng binh để trấn thủ Bắc Bình có được không?".

Thái bảo Nguyễn Lỗi nói :

"Cho sống hay bắt chết, ban chức hay bãi miễn là quyền của đức vua, bọn bề tôi không dám bàn đến. Song Khuất Đà phụng mệnh đánh giặc không nên công, Lục khoa hặc tâu lên, Hình bộ đương xét hỏi. Hãy đợi xong án, nếu ông ta không có tội thì dùng được".

Chỉ riêng Hình bộ thượng thư Lê Bá Trù [43a] tâu rằng :

"Khuất Đà tuy có tội, nhưng nay quyền nghi mà dùng thì có hại gì ?".

Vua theo lời của Lỗi, lệnh áy bèn thôi.

Ra sắc chỉ rằng : Ngày tế thần xử án, phải có quan Đại lý tự cho người tù kêu oan để tiện việc bề bác.

Lấy Lại khoa cấp sự trung Ninh Thao kiêm chức rèn dạy con em công thần và cận thị học sĩ.

Sai bọn gián quan Trần Xác xét hỏi Chương chiếu ngục đô chỉ huy sứ Nguyễn Phục về tội không xét xử nhanh chóng để án bị ứ đọng nhiều. Phục dâng lời trình bày rằng :

"Nếu có ứ đọng thì chỉ có hai án kiện của Lê Văn Thao và Văn Phong mà thôi, còn đều thì mới đưa tới, chưa quá hạn xét xử". Vua bỏ không hỏi.

Ngày 13, triệu quan các nha môn đã đỗ tiến sĩ là bọn Lê Bình Tuấn và đồng bí thư giám Lương Thế Vinh 30 người vào Phụng Nghi đường, vua ra đầu bài cho thi.

Triệu Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ cho phục chức.

Trước đó, [43b] Như Đổ vì việc biên chép người được thuyên bổ không rõ ràng, vệ Cẩm Y bắt hỏi, bị mất chức, đến đây lại cho phục chức.

Hình bộ thượng thư Trần Phong xét hỏi việc của Tổng binh Bắc Bình Lê Hối. Án xong, định xử theo quân lệnh, vì thấy Hối có công, xin cho theo luật bất nghị¹.

Đô ngự sử Trần Xác nói :

1. *Bất nghị* : nghị xét tội trạng của 8 loại người đáng được miễn giảm, gồm : thân thích, cố cựu, hiền thân, người tài cán, công thần, bậc sang trọng, kẻ siêng năng, tấn khách. Xét theo luật bất nghị tức là đưa vào diện "chiếu cố" mà xét.

"Hồi đã giao cho pháp ty xét hỏi, nên theo luật bat nghị. Chỉ có tội đại ác, phản nghịch mới không được nghị xét thôi, chưa bao giờ thấy phạm pháp mà không nghị xét cả".

Vua dụ Xác rằng : "Quân pháp chỉ có một chứ không có hai, lời Xác nói thế là đã tách làm hai đấy, hoàn toàn không phải là bàn về quân pháp, chỉ là lời du thuyết¹ mà thôi, nên trị hấn về tội du thuyết".

Không bao lâu, vua lại dụ Xác rằng :

"Ta vu oan nhà người là kẻ du thuyết, đó là ta lỡ lời. Người có mưu kế gì hay, cứ vào nói với ta, để như cơn mưa ngọt khi đại hạn, như con thuyền lúc cần qua sông². Hãy kính nhớ lấy".

Dụ Trần Phong rằng :

"Trẫm nghe, nước mà không có thưởng [44a] phạt thì dẫu Đường Ngu³ cũng không thể trị được thiên hạ. Nay ta ký thác trách nhiệm nặng nề cho nhà người, người cốt giữ lấy 4 chữ "cần, thành, đôn, ý"⁴ mà thôi, chả lẽ người lại không gắng gỏi đọc sách để sáng tỏ đạo giữ mình hay sao?".

Sai kiểm xét hộ khẩu của người Chiêm đã quy thuận và ước thúc ngăn cấm các hạng nô tỳ công và tư.

Sai bọn Đông quân quyền hữu đô đốc Trịnh Công Lộ đốc thúc quân Ngũ phủ xây Hoàng thành, vì Hoàng thành thấp hẹp.

Giáng chức bọn Thừa tuyên sứ các xứ Bắc đạo Lê Công Khác, mỗi người một bậc vì trong xứ có nhiều sâu cấy lúa mà không biết tâu lên trước, chỉ ngồi nhìn tai họa của dân.

Nhắc lại lệnh cho con cháu các công thần trở lại họ của ông cha.

Đãi chế Dương Như Châu vì học nghiệp không tiến bộ phải ra làm Hồng lô tự thừa.

Tháng 12 ngày Giáp Ngọ, làm lễ tế mùa đông, vua xưng là "Hiếu tôn quốc hoàng". Danh hiệu "Quốc hoàng" bắt đầu có từ đây.

1. *Du thuyết* : dùng tài ăn nói để biện bác, mê hoặc người nghe.

2. Nguyên văn : "Cam lâm tuế hạn, chu tiếp, tế xuyên", lấy điển trong *Kinh Thư*, vua Thương bảo Phò Duyệt : "Ta sai người làm mưa ngọt khi nắng hạn, làm mái chèo lúc qua sông".

3. Tức là vua Nghiêu, nhân ban đầu được phong ở đất Đường nên gọi là *Đường Ngu*.

4. "Cần" : là siêng năng, "thành" là chắc chắn, "đôn" là thành thực, "ý" là tốt đẹp.

[44b] Lấy hành Bắc quân đô đốc thêm sự Lê Giải làm Điện tiền ty đô kiểm điểm ; Binh bộ thượng thư Lê Bá Trù làm Tả kiểm điểm.

Trả lại chức cho Tây quan tả đô đốc Lê Thiệt.

Trước đây, Thiệt phạm tang trái luật phải bãi chức. Đến đây, vua cho là Thiệt có tài, có thể dùng được, sai trả lại chế mệnh đã bị tịch thu khi trước. Ban lại chiếu thư chế sắc bắt đầu từ Thiệt.

Lệnh cho Bí thư sảnh làm ngọc tịch ¹.

Ban lệnh cấp chế cáo cho bọn Đô kiểm điểm Lê Giải, trong lệnh đều ghi là "Hoàng thượng chế cáo chi mệnh". Vua xưng là "Hoàng thượng" bắt đầu từ đây.

Sai triều thần tiến cử chức quan huyện cương trực biết trị kẻ gian tà, mỗi người cử một viên.

Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ đưa 8 người thế gia thân quen là bọn Nguyễn Thế Mỹ ra để vua chọn. Vua cho rằng họ là bọn mới lên, tài năng bình thường. Hôm sau lại sai cử 10 người đang giữ các chức trong kinh. Thái bảo Lê Niệm cử [45a] Lương Thế Vinh, Đô đốc Trịnh Văn Sái cử Hộ khoa cấp sự trung Đặng Thục Giáo, thượng thư Trần Phong cử Thượng bảo tự khanh Dương Tông Hải, đều là những người mình biết. Vua xem tờ tâu, phần nhiều là những người có chức mà không xứng chức, bèn loại bỏ họ tên của bọn Lương Thế Vinh, chỉ để lại Giáo thụ Nguyễn Nhân Tuy, Huyện quan Đình Bô Cương trong diện xét chọn và phê rằng :

"Lục bộ, Lục khoa và Ngự sử đài mà tiến cử bậy thì chịu tội giáng hay bãi chức. Nếu tiến cử được người giỏi thì nhất định sẽ được trọng thưởng".

Sai nội quan đưa cho đình thần xem, không ai không kinh hãi vì vua xét người rất sáng suốt.

Dời Hình bộ và Đại Lý tự ra ngoài thành.

Tổng binh Lạng Sơn là Lê Luyện tâu rằng : Được tin Tổng binh Quảng Tây nhà Minh điều động 13 vạn binh mã, đóng tại châu Ngô, châu Tâm, nói phao là sửa sang cầu đường bắc qua khe suối dọc ven biển để tiến đánh giặc Man ở Liêm Châu và Tri huyện Bằng Tường tỉnh Quảng Tây [45b] Lý Quảng Ninh nói dối là còn bận phòng bị ở cửa Nam Giao, chưa rồi để điều binh đi đánh giặc Man.

Vua sai triều thần họp bàn. Bọn Thái bảo Nguyễn Lỗi đều nói :

1. Ngọc tịch : là sổ hộ khẩu của họ nhà vua.

"Nên giữ kỹ của cải, mặc họ muốn làm gì thì làm, có sao đâu !".

Thi khoa Hoành từ. Điểm gọi các quan vào thi, tất cả là 30 người.

Bấy giờ, Khâm hình viện lang trung Vũ Hữu, Viên ngoại lang Nguyễn Đình Khoa 5 người đều cáo ốm không vào thi. Vua lấy làm lạ, hỏi ra mới biết họ chỉ thích hời lợt. Nhân thế, vua dụ các quan trong triều rằng :

"Việc hình án phức tạp khó khăn, có ba điều vất vả : Một là suốt ngày cặm cụi vất vả, khổ sở. Hai là xử án không đúng, chịu tội làm sai. Ba là án tụng chất đống, khó lòng xét xử tường tận. Có ba điều vất vả ấy dẫu người không bệnh cũng đến phát ốm, huống chi là có bệnh".

Đó là nói giễu Vũ Hữu.

Cho Lang trung Nguyễn Tường, Lê Đình Tuấn, Tri [46a] huyện Nguyễn Nhân Thiếp, Đào Thuấn Cử, Viên ngoại lang Phạm Như Lam, Tấu sứ Trần Quý Huyền đều được vào đọc sách tại Bí thư giám, vì thi đỗ khoa Hoành từ.

Triệu các quan dự thi là bọn Phạm Nại 20 người vào Phụng Nghi đường. Vua tự ra đầu bài cho họ thi.

Ngày mồng 9, vua sai Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đồ chọn lấy những người nhân hậu, khoan thứ, sáng suốt, công bằng ở các nha môn trong ngoài, để thay bọn Hình bộ lang trung, Viên ngoại Phạm Nại, Đàm Văn Thông. Bấy giờ, hình án có nhiều vụ xử oan, thường có đơn kêu lên triều đình. Vua chán ghét bọn đó, cho nên có lệnh này.

Ra lệnh ngừng việc xây cung thành, vì có nhiều tờ tâu gửi lên, nói là mất mùa, giá gạo cao vọt, cho nên hoãn lại.

Miễn cho quân lính vùng ven biển không phải dự kỳ tập duyệt lớn sang năm, vì hồi tháng 8, tháng 9 có bão lớn, nước dâng cao, nhà cửa của dân chúng ven biển bị nước cuốn đi nhiều.

Thưởng 10 quan tiền cho quan Bí thư giám [46b] và quở trách bọn Lương Thế Vinh, Đỗ Hán học hành không tiến bộ.

Lấy bọn Quốc tử giám giáo thụ Nguyễn Nhân Tuy, Huyện thừa Đinh Bô Cương, Giám bạ Đào Nhân Tuy, Tri huyện Lê Bá Tu, Minh hình ty viên ngoại lang Đào Lang Chủng làm Giám sát ngự sử các xứ Hải Tây, Hải Đông, Hải Bắc, Hải Nam.

Sai Giám sát Đinh Nhân Phủ và Thiệu Duy Tinh chia nhau đi ba đạo Hải Đông, Hải Tây, Hải Nam khám xét bờ đê ven biển, bắt thừa ty các xứ ấy phải bồi đắp lại.

Ngày 20, lấy Đào Thuấn Cử làm Hàn lâm viện đãi chế cho vào đọc sách tại Bí thư giám.

Ấn báu đúc xong, sai Thái sư Đinh Liệt tấu cáo Thái miếu.

Nam đạo giám sát ngự sử Trình Bá Tu dâng sớ nói rất kỹ về sai lầm thiếu sót của chính sự đương thời, trái với ý vua, phải ra làm Tri châu châu Lạng Nguyên, phủ Bắc Bình.

Vua cho là Lương Như Hộc tiến cử Trần Quý Huyền không phải là người giỏi, [47a] xuống chiếu giam Như Hộc vào ngục và thu lại văn bằng của Quý Huyền.

Mở rộng kênh Sen ở Thuận Hóa và các kênh ở Thanh Hóa, Nghệ An.

Năm này xử tù tử tội trong nước gồm 323 người.

Mậu Tý, [*Quang Thuận*/ năm thứ 9 /1468/], (Minh Thành Hóa năm thứ 4). Mùa xuân, tháng giêng, ra sắc chỉ rằng :

Những quan viên nhậm chức nơi nước độc chốn biên cương xa xôi, người nào biết cách nuôi vỗ dân, đốc thúc không phiền nhiễu dân mà vẫn thu đủ thuế, đủ hạn 6 năm thì cho chuyển về nơi đất lành. Nếu ai kiếm cơ đau ốm để né tránh, nộp thuế thiếu nhiều thì lại phải bỏ đi miền biên cương xa, đủ 6 năm nữa mới được quyết định lại.

Tháng 3, ra sắc chỉ cho các nha môn rằng : Nếu là bản tâu về việc công thì được dùng con dấu của nha môn mình, nếu là bản tâu của những quan viên quân sắc nào không có con dấu thì đều cho Thông chính sứ ty xét đóng dấu kiểm vào chỗ hai tờ giấy đóng liền nhau.

Dụ Đô chỉ huy Nguyễn Phục rằng :

"Người khi trước còn làm gia thần, dám nói phao là ta đáng làm Thiên tử. Người là Thiên đế hay sao ? Là quỷ thần hay sao ? [47b] Sao người biết trước được việc đó ? Hơn nữa, người làm quan phụ đạo, lại toàn làm những việc mạo hiểm cầu may. Thế là người không giết ta mà ta cũng chẳng việc gì phải báo đáp người. Nhưng ta có 6 điều không phụ người, mà người phụ ta có đến 11 điều. Người là gian thần, là loạn thần, là tặc thần đó !".

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán.

Có sắc dụ các công, hầu, bá, quan viên và trăm họ gồm 9 điều.

Lấy Bùi Bạch Lương và Phạm Phổ làm Hoàng thái tử thị giảng.

Tháng 6, ra sắc chỉ cho Lễ bộ bàn định quy cách giấy tờ trong dân gian để ban hành trong cả nước.

Định nghị chú lễ cầu mưa, cầu nắng.

Mùa thu, tháng 7, dụ Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ rằng :

Khoảng năm Thái Hòa, cả một Hình bộ chỉ có hai viên đại phu, xét án kiện trong nước, nhiều vụ đề ứ đọng. Năm trước, ta đặt mỗi hình [ty]¹ 3 hoặc 4 viên, tại sao nay lại chỉ đặt mỗi hình [ty] 2 viên thôi ? Lại bộ các người phải chọn ngay lấy [48a] các quan viên nhân rồi trong hay ngoài triều, ai là người vừa cứng cỏi, vừa mềm dẻo, có tài xử án xét kiện thì đặt mỗi hình ty lấy 3 viên ngoại.

Tháng 3, các quan theo hầu vua về Lam Kinh.

Vua cùng Hoàng thái tử và Kỳ quận công Lê Niệm, cùng các quan theo hầu là bọn Lê Hoảng Dục, Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, vua tôi cùng nhau xướng họa, sáng tác *Anh hoa hiếu trị thi tập*, có nhiều câu sang sảng như vàng gieo.

Ngày 13, dụ bọn Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ rằng :

"Bọn người có xin lấy giáo thụ làm quan huyện, thế là kẻ gian đã nảy sinh đó. Giáo thụ phải giữ chức lâu năm để đào tạo nhân tài cho có hiệu quả, thế mà dám xin đổi làm chức khác, tội ấy không nhỏ".

Tháng 9, ra sắc chỉ rằng : Từ nay về sau, kẻ nào có đơn kêu ca oan uổng mà nha môn ấy xét ra không có oan uổng gì thì phải đánh 80 trượng, phạt 5 quan tiền.

Dụ bọn Nguyễn Như Đổ rằng :

"Ta xem Trần Phong ngoài mặt thì kiêu căng, trong bụng thì xu nịnh, nói năng rất khinh xuất. Đến như xiêm nịnh [48b] kẻ quyền quý thì lật đặt như con lang già giẫm yếm xéo đuôi ; kiếm trôn trĩ của Đức Trung, hút mủ nhọt cho Nguyễn Yên, đó là những mưu kế sở trường để nên quan to của Phong đấy".

Trước đó, Trần Phong ban sớm thì theo đuôi mọi người hặc tội Nguyễn Đức Trung, đến đêm lại tới nhà Đức Trung để tạ lỗi của mình. Đức Trung là cha của

1. Nguyên văn không có chữ "ty", căn cứ vào mạch văn và tham khảo *Cương mục* thêm vào.

Trường Lạc hoàng hậu, còn Yên là cậu của hoàng hậu. Phong xin làm thông gia với Yên, lạy ở ngoài sân suốt ngày, Yên mới gả cho.

Dụ Hộ bộ thượng thư Nguyễn Cư Đạo rằng :

"Ta khi còn ít tuổi làm bạn với người, khi lên ngôi báu thì người làm quan Kinh diên. Về mặt thần hạ, người với ta là người tri kỷ, là bạn học thức. Về mặt vua tôi, người với ta là duyên cá nước, là hội gió mây. Người hãy hết lòng hợp sức, gắng gỏi lo báo đền ơn nước, chí công [49a] vô tư, để cho dứt hẳn tệ hối lộ. Được như thế, thì ta được tiếng là bậc vua hiểu người, người được tiếng là bề tôi tận trung, cha mẹ vinh hiển, danh tiếng vẻ vang, sáng ngời trong sử sách, như thế chẳng đáng vui sao ? Nếu không được như vậy, thì ta là ông vua không biết người, mà người là bề tôi để làm vùi, trong hai điều ấy, người chọn đường nào thì chọn".

Mùa đông, tháng 10, ngày 28, vua dụ các quan trong triều rằng :

"Ta xem Trần Phong xin cho Lê Bô phạm pháp bị tội kinh¹ được chuộc tội, như thế là người giàu có nhiều của hối lộ thì được miễn tội, còn người nghèo thì vô cớ mà bị trị tội, là cả gan vi phạm phép tắc của tổ tông lập ra để trừng trị kẻ ngoan cố không biết răn chừa. Vả lại, cho chuộc tội kinh là ơn riêng của triều đình thương người có tài, thế mà [Phong] dám làm uy làm phúc để hại nước. Đại lý tự phải chiếu luật để trị tội".

Lấy Phạm Phổ làm Chỉ huy. Phổ đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi, ba lần dâng sớ nguyện sung làm chức quan võ. Vua khen là Phổ có chí, có thể làm nên việc, cho nên bỏ ngay không phải qua chức phó.

[49b] Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Dương Văn Đán, Phạm Giám, Hoàng Nhân đi nộp cống hàng năm.

Tạ Chung tâu việc các châu Vĩnh An² Vạn Ninh bị cướp bóc.

Sắc dụ bọn Ngự sử Trần Xác, Nguyễn Văn Chát rằng :

"Tờ tâu của các người nói rằng bọn nội thần Nguyễn Thư, Chu Đức Đại, Dương Minh Phong, Ngô Át, Phan Tông Trinh đều là kẻ hầu cận, quen thói ăn hối lộ, pháp ty giữ công bằng, tội đáng phải xử tử. Sao lại tha tội cho Nguyễn Thư mà không tha cho Phan Tông Trinh ? Như vậy là công bằng hay là riêng tư ? Làm thế là bất tín với

1. *Kinh* : là tội phải thích chữ vào trán.

2. *Vĩnh An* : tên châu, là vùng đất sát biên giới của tỉnh Quảng Ninh.

thiên hạ. Ta biết Nguyễn Thụ¹ ăn hối lộ, chết là đáng rồi, nhưng nay ta không giết là có ý còn chờ hấn ngày sau sửa lỗi để còn sai khiến thôi. Còn như Phan Tông Trình làm con nuôi của viên nội quan Hiền. Hiền chết, xác còn hôi hối đã thông dâm với vợ Hiền, cướp lấy làm vợ lẽ của mình ; năm trước nó lại thông dâm với cung nữ là Nguyễn Mai, cả hai tội đều nặng, giết là đáng rồi".

[50a] **Kỷ Sử**, [*Quang Thuận*] năm thứ 10 [1469], (Minh Thành Hóa năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2 nhuận, cấm thiên hạ chứa đồ binh khí trong nhà. Vua dụ các quan văn võ rằng :

"Trẫm nối giữ cơ nghiệp lớn tới nay đã được nhiều năm, trong nước yên lặng, binh khí không phải dùng đến, nên xuống chiếu cho trong nước không được chứa đồ binh khí trong nhà, dụ rõ để cấm".

Ra sắc chỉ rằng ai bắt được giặc biển thì được thăng thưởng.

Ra sắc chỉ rằng quan viên có tội, nếu đã già thì bắt về làm dân, theo lời tâu của Hình bộ thượng thư Trần Phong.

Tổ chức thi hội cho sĩ nhân trong nước, lấy đỗ 20 người.

Ngày 26, vua ngự cửa Kính Thiên, thân hành ra đề văn sách, hỏi về đạo trị nước để lấy hiền sĩ.

Sai Thái bảo bình chương quân quốc trọng sự kiêm Đề điệu Quốc tử giám Lê Niệm và nguyên Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đồ làm đề điệu ; Đại lý tự khanh quyền Hình bộ hữu thị lang Dương Chấp Trung làm giám thí ; Hàn lâm viện thừa chỉ Nguyễn Trục, Hàn lâm viện đại học sĩ thự viện sự kiêm Quang [50b] lộc tự khanh đồng tri kinh diên sự Vũ Vĩnh Ninh ; Hàn lâm viện trực học sĩ Nguyễn Đức Trinh, Quách Đình Bảo làm độc quyền.

Cho bọn Phạm Bá đồ tiến sĩ xuất thân theo thức bậc khác nhau.

Ra sắc chỉ rằng các tước công, hầu, bá thì cấp chế mệnh ; các quan văn, võ nhị phẩm cấp cáo mệnh ; tam phẩm đến ngũ phẩm cấp sắc mệnh bằng giấy long tiên ; lục, thất phẩm cấp sắc mệnh bằng giấy hắc lạn ; bát, cửu phẩm cấp khám hợp².

Tháng 3, vua ngự ra Bình Than, rồi đi đánh Bồn Man.

1. Nguyên văn là "Nguyễn Vũ", nhưng căn cứ vào đoạn trên thì phải là Nguyễn Thụ. CMCB 21, 14a cũng chữa là Nguyễn Thụ.
2. *Long tiên* : giấy vàng vẩy ngân nhũ và vẽ rồng. *Hắc lạn* : giấy vàng quanh rìa vẽ mực đen. *Khám hợp* : giấy trắng viết chữ mực (chú của CMCB 21, 15b).

Người Chiêm Thành đi thuyền vượt biển tới cướp phá, quấy nhiễu châu Hóa.

Cấm ngục quan không được bắt quân lính góp tiền. Trước đó ngục quan thường bắt quân lính góp tiền mua thịt rượu, mượn cớ là để tế ngục chủ, nhân thế mà chèn chén làm hao tổn tiền của quân lính. Đến đây ra lệnh cấm.

Mùa hạ, tháng 4, ra sắc chỉ rằng các vệ, ty Thần vũ, Du nỗ, Thần tỳ, Vũ lâm, Thiên uy mỗi khi đến phiên túc trực thì thay ban nhau mà chuyên tập võ nghệ, [51a] còn như các vệ Ngũ uy¹ và các sở súng nổ ở vệ ngoài thì đều phải ngừng các việc tập sai, dành ra số người canh giữ các nơi, còn thì đều chuyên tập luyện võ nghệ. Đến khi hết ban thì tiến hành khảo duyệt, theo lệ mà thưởng phạt.

Quy định bản đồ của phủ, châu, huyện, xã, trang, sách thuộc 12 thừa tuyên :

Thanh Hóa 4 phủ, 16 huyện, 4 châu. Nghệ An 9 phủ, 27 huyện, 2 châu. Thuận Hóa 2 phủ, 7 huyện, 4 châu. Hải Dương² 4 phủ, 18 huyện. Sơn Nam³ 11 phủ, 42 huyện. Sơn Tây⁴ 6 phủ, 24 huyện. Kinh Bắc⁵ 4 phủ, 16 huyện. An Bang 1 phủ, 3 huyện, 3 châu. Tuyên Quang 1 phủ, 2 huyện, 5 châu. Hưng Hóa 3 phủ, 4 huyện, 17 châu. Lạng Sơn 1 huyện, 7 châu. Ninh Sóc⁶ 1 phủ, 7 huyện. Phủ Phụng Thiên⁷ 2 huyện.

Ngày mồng 9, trị tội viên Chỉ huy sứ Phan Sư Kinh, vì tờ tâu của Sư Kinh rối rắm, lằng nhằng, [51b] có ý ngạo mạn, lừa dối.

Cấm làm bán thứ nón sắc trắng như phấn.

Tháng 5, bãi chức Chỉ huy Phạm Phổ.

Bấy giờ, Phổ cùng vợ đến nhà Huy nhân⁸ là Đồng Đào, vừa lúc Đồng Đào đã vào cung rồi. Phổ cùng vợ cúi rạp xuống đất lạy người chồng của Đồng Đào là Vũ Lân, nhờ Đồng Đào đưa con gái mình vào trong cung để lo củng cố quyền vị. Vua dụ các quan trong triều rằng :

"Phạm Phổ là đứa tặc thân của nhà nước thôi".

Vì thế Phổ bị bãi chức.

1. Các vệ Ngũ uy là 5 vệ : Phấn uy, Chấn uy, Hùng uy, Lôi uy, Tuyền uy

2. Trước là Nam Sách.

3. Trước là Thiên Trường.

4. Trước là Quốc Oai.

5. Trước là Bắc Giang.

6. Trước là Thái Nguyên.

7. Trước là phủ Trung Đô.

8. Huy nhân : là tên quan hàm của mệnh phụ trong cung, trật tòng tam phẩm.

Ngày 12, xướng danh các tiến sĩ là bọn Phạm Bá. Vua ban ân mệnh, cho mũ, đai, y phục và ban yến ở Lễ bộ.

Mùa thu tháng 7, ngày 14, vua dụ Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đổ rằng :

"Người nhiều lần xin bảo lĩnh cho Lê Bốc làm Tổng tri, nhưng Bốc lại có bệnh trúng phong, chậm chạp, yếu đuối, không kham nổi việc, người thực là tên gian lại".

Tháng 9, cấm dùng tiền giả để đổi làm tiền thuê.

Mùa đông, tháng 11, ngày 16, đại xá. Đồi [52a] niên hiệu, lấy năm sau làm Hồng Đức năm thứ 1.

Ngày 18 sắc dụ quan viên văn võ và dân chúng cả nước rằng :

"Trẫm nghĩ, người ta sờ dĩ khác giống cầm thú là vì có lễ làm khuôn phép giữ gìn. Nếu không có lễ thì tình dục bừa bãi, phóng đảng xằng bậy, không gì không làm. Từ nay về sau, các sắc quan lại, ai được thăng chức hay bổ dụng, thì Lại bộ phải sức giấy chò phủ, huyện, xã, bắt Xã trưởng phải làm tờ doan khai là tên ấy đã đủ tuổi quy định, giá thú làm theo hôn lễ thì mới cho tâu lên để thăng bổ như lệ. Nếu để cho kẻ xấu lạm dự vào hàng quan chức, thì viên đó bị thích chữ đi đây".

Tháng 12, ra sắc chỉ cho quan phủ huyện phải thân hành xem xét ruộng nương trong hạt mình.

Cấm chợ búa trong dân gian bán nón thủy ma và nón sơn đỏ. Vua dụ quan viên và trăm họ cả nước rằng :

"Những thứ áo giáp, mũ trụ là để cho khí thế quân đội trang nghiêm, như [52b] thứ nón thủy ma và nón sơn đỏ là của thân quân vẫn đội để túc vệ. Nay chợ búa dân gian có nhiều người bán, nên cấm hẳn đi".

Lấy Lê Cảnh Diệu làm Hộ bộ thượng thư ; Lê Quốc Trinh làm Phó tổng binh trấn thủ Nghệ An ; Thân Nhân Trung làm Hàn lâm viện thị độc ; Đàm Tông Lễ làm Hàn lâm viện hiệu lý ; Đinh Thức Thông làm Hàn lâm viện trực học sĩ.

Canh Dần, Hồng Đức năm thứ 1 [1470], (Minh Thành Hóa năm thứ 6), Mùa xuân, tháng giêng, cấm làm giả nón da.

Chọn các vũ sĩ vệ Kim ngô đi bắt giặc biển.

Ra sắc chỉ rằng : Con đẻ tang cha mẹ, vợ đẻ tang chồng phải theo quy chế chung là 3 năm, không được theo ý riêng tự tiện làm trái lễ, phạm pháp. Con đẻ tang cha

mẹ mà vợ cả, vợ lẽ có chữa thì bắt tội đi đầy. Vợ đẻ tang chồng mà dâm loạn bữa bái, hoặc chưa hết tang đã bỏ áo trờ, mặc áo thường, hoặc nhận lễ hỏi của người khác, hay đi lấy chồng khác [53a] đều phải tội chết cả. Nếu đương có tang, ra ngoài thấy đám trò vui mà cứ mê mãi xem không tránh, thì xử tội đi đầy. Nếu kẻ nào tham của, hiếu sắc mà lấy vợ cả vợ lẽ của kẻ đại ác phản nghịch, cùng là người Man thông dâm với vợ cả vợ lẽ của anh em đã chết rồi, cùng những kẻ làm quan lại mà nhận hối lộ thì tùy tội nặng nhẹ mà xử tội.

Tháng 2, tuyển dinh tráng bổ sung quân ngũ.

Ra sắc chỉ rằng : Người lậu sổ hộ tịch 10 tuổi trở lên mà khỏe mạnh thì bắt sung quân. Trong một hộ có 3 đình là cha con anh em với nhau thì không ở trong sổ sung quân.

Định lệnh tuyển chọn người khỏe mạnh bổ sung thay thế (quân lính già yếu) đó là theo lời tâu của Phó tổng binh trấn thủ Thanh Hóa kiêm Thừa tuyên sứ ty các xứ Thanh Hoa Nguyễn Đức Trung.

Có sắc dụ kẻ tội gian thần Nguyễn Phục gồm 12 điều. Lúc ấy Nguyễn Phục là Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ.

Vua ngự về Tây Kinh. Vua nói :

"Năm trước ta đến Phúc Quang đường¹ thì ruộng nương Động Bàng ít nước không thể cấy lúa được. Năm nay nước nhiều, lúa chiêm [53b] mênh mông bát ngát".

Rồi vịnh luôn bài thơ tứ tuyệt rằng :

Vạn khoảnh thanh thanh thị hạ điền,

Tề dân đương dĩ thực vi thiên.

Thôn đầu tam lưỡng nông phu đảo,

Giai vị kim niên thắng tích niên.

(Đồng chiêm muôn khoảnh lúa xanh tươi,

Dân chúng coi ăn chính ấy trời.

Đầu xóm nông phu dặm kẻ đến,

1. *Phúc Quang đường* : Tại xã Động Bàng, huyện Yên Định, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa, do lễ Thánh Tông dựng vào năm Quang Thuận, tức là diện đề Hoàng thái hậu thay áo. (CMCB 21, 27b).

Nói năm nay vượt mọi năm rồi).

Bấy giờ là lúc vua đến bái yết Phúc Quang đường ở xã Động Bàng.

Tháng 3, định lệnh về việc cấp thiếp cho người nhà bếp [trong cung] và các nhà thế gia cùng lệnh về việc công đồng mua vật phẩm, đó là theo lời tâu của quyền Tri phủ Phụng Thiên Nguyễn Tông Tây.

Cấm người không phải là sư sãi không được cạo đầu.

Mùa hạ, tháng 4, vua thân hành soạn bài *Đạo Am thiên tự*, đại ý là :

Đạo trời mạnh chí cương, đạo đất thuận vô lường, làm vua đủ trí dũng, cho nước được phồn xương ; chọn lấy người đôi lứa, tốt ngang họ Nhâm Khương ¹.

Tha tội cho Thủy quân vệ chỉ huy sứ Đào Bảo. Vua bảo triều thần rằng : Đào Bảo nguyên trước là người Ngô, sau khi thành bị hạ, làm gia nô cho Lê Sát, đến khi nhà Lê Sát bị tịch thu, cho làm nô ở phủ Bình Nguyên ². Nay hấn làm trái sắc chỉ, cố ý vi phạm quân [54a] lệnh, tội đáng phải chết. Song Đào Bảo đã từng làm tội tở cho ta ở phiên để, nên đặc cách tha cho tội chết, đồ làm binh cày ruộng.

Tháng 5, vua dụ các quan trong triều rằng :

"Có hai việc của kẻ tiểu nhân thì Nguyễn Đình Mỹ đã làm cả rồi. Để củng cố quyền vị thì hấn tâu rằng các tướng sĩ thích làm việc thổ mộc. Để bán chác lời nói thẳng thì hấn tâu rằng đình thần mang lòng đố kỵ, và xin mỗi tháng ba lần tâu việc. Trước kia Đình Mỹ đã từng bị trảm tử, thế mà nay vẫn làm quan to đến tam phẩm và triều đình vẫn còn sùng tín hấn. Nên để cho kẻ tiểu nhân Đình Mỹ xuống chức tòng tứ phẩm, để tỏ ý của triều đình ngăn chặn lời nói gièm, ghét bỏ kẻ gian nịnh, ngõ hầu ngày sau có kẻ nào như Đình Mỹ còn nghĩ đến việc sửa lòng thay dạ mà tiến tới chỗ không còn lỗi lầm nữa chăng ?".

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 3, hoàng tử nước Minh là Hựu Đường sinh (tức là vua Hiếu Tông nhà Minh).

Tháng 8, quốc vương Chiêm Thành Bàn [54b] La Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hóa. Tướng trấn giữ biên thủy ở châu

1. *Nhâm* : tức là Thái Nhâm là mẹ của Chu Văn Vương, *Khương* : tức Khương hậu là vợ của Chu Tuyên Vương, được các nhà nho coi là phụ nữ mẫu mực, hiền và có đức. Ở đây theo bản dịch cũ.
2. *Phủ Bình Nguyên* : là phủ đệ của Bình Nguyên Vương. Bình Nguyên Vương tức là Lê Thánh Tông khi còn làm phiên vương.

Hóa là bọn Phạm Văn Hiến đánh không nổi, phải dồn cả dân vào thành, rồi cho chạy thur cáo cấp.

Tháng 9, ra lệnh rằng : Hạng hoàng đình 12 tuổi đã phải chọn sung xuân, đổi thành 15 tuổi trở lên, khai là con trai hạng lớn, đó là theo lời tâu của Nguyễn Nhật Thăng.

Có sắc chỉ rằng : Con cháu các viên quan tuổi còn ít nhưng vóc người to lớn mà còn lẩn tránh không chịu ra trình thì bản thân phải sung quân ở bản phủ, người cha thì phải bãi chức.

Sắc dụ Thừa tuyên sứ phủ Thiên Trường tâng :

Đẹp loạn thì trước hết phải dùng võ, quân mạnh vốn là ở đủ lương ăn. Lệnh tới nơi, bọn người phải trưng thu ở các hạng quân sắc, lại viên, sinh đồ mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đình và người già mỗi người 12 ống, bắt người bị trưng thu lại phải đồ lên thành gạo chín, không được để chậm ngày giờ, đem nộp lên sứ ty. Quan hạt đó dựng làm nhà kho, kiểm nghiệm thu [55a] vào rồi làm bản tâu lên. Kẻ nào trốn chạy thì xử tội chém đầu.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh : Nguyễn Đình Mỹ tâu việc Chiêm Thành quấy nhiễu biên giới, Quách Đình Bảo tâu việc bị mò trộm trên châu và việc địa phương bị lẩn cướp.

Tháng 11, hiệu định 52 điều lệnh về việc hành binh.

Định lệnh xa giá đi đâu, cấm nói phao giả trá.

Ngày mùng 6, vua xuống chiếu thân hành đi đánh Chiêm Thành.

Trước đó, người Chiêm Thành ở Thi Nại¹ Bàn La Trà Duyệt là con người vú nuôi, giết chúa hần là Bí Điền mà cướp lấy nước, rồi truyền cho người em là Trà Toàn. Trà Toàn là đứa hung bạo làm càn, dối thần ngược dân, người Chiêm mưu phản, Toàn cũng không nghĩ chi đến, lại còn ngạo mạn kiêu căng, không sửa lễ tiến cống, lăng nhục sứ thần của triều đình, quấy nhiễu dân biên giới, lừa gạt người Minh để xin viện trợ mà sang ăn cướp.

Vua bèn gọi 26 vạn tinh binh, xuống chiếu thân chinh. Tờ chiếu viết :

"Xưa đức Thái [55b] Tổ Cao Hoàng Đế ta dẹp yên loạn lạc gây dựng nước nhà. Thái Tông Văn Hoàng Đế kính trời chăm dân kế chí nối nghiệp, kính nước lớn,

1. Thi Nại : ở Quy Nhơn, thuộc Bình Định ngày nay.

thương nước nhỏ. Bên trong thì sửa sang, bên ngoài thì đánh dẹp. Cho nên, đến những kẻ mặc xiêm cỏ, búi tóc dài cũng trèo núi vượt biển mà sang châu, muôn nơi đều mến đức, tám cõi cũng phục uy.

Bọn Chiêm Thành ngu xuẩn kia, thập thò trong hang thỏ, như loài ong độc, được nuôi rồi đốt lại, như giồng cầm thú, ăn no lại quên ơn ; là kẻ vô đạo lòng khùng, là hạng tiểu trí luẩn quẩn. Thối như nhuốc sờ sờ, quên thân mình không dất ở, lòng gian ác chất chứa, vạch liễu kẻ bắn trời cao. Đứng Tiên hoàng ta liền nổi cơn thịnh nộ, tính đến mưu xa, nhưng vì ba năm lặng tiếng bát âm¹ mà công lớn chưa hoàn thành được.

Khi Nhân Miếu² lên ngôi cả, thì giống nòi chúng đã rất đông. Nương chôn Cổ Lũy như hang cây, cây thành Chà Bàn như tổ kiến. Điền cuồng mất trí, nó xưng bừa là cha chú, gọi đức vua ta là cháu con ; mất đức ra oai, lại nhận liễu là trời phật, coi nước Việt ta là tôi tớ. Tội ác chất chồng, giấu sao cho nổi ? Những lời lăng nhục không thể nêu tường.

Chúng tụ tập bày đoàn, [56a] dám giờ thối như chó kia cắn trộm ; chúng lừa khi sơ hở, ngầm xua quân như lũ quạ tùm bầy. Đánh cướp Hóa Châu, giết quân đồn thú. Kẻ tày trời tội ác, chỉ hơn tháng sẽ dẹp yên. Kẻ đã chẳng thành, mưu kia càng vụng. Chết đã sắp tới, toi mạng hẳn rồi. Đã mù chẳng thấy gì, còn mở mồm nói láo. Kẻ đã cùng nên lời quẩn, sắp làm phản phải thẹn thùng.

Rồi như loài cáo xiêm nịnh với Yên Kinh³ ton hót để gièm pha người khác, định như giồng tằm ăn lán ra Tượng quận⁴, tính toan đâm trước mặt sau lưng. Mong cột đồng dựng ở Hoàng Sơn⁵, để quân Hán xuống đến Bạc Đạo⁶. Rêu rao tố bậy, gièm nhảm chẳng chừa. Lại vu cáo ta điều động binh sĩ muôn người, sắp thôn tính cõi bờ triều Bắc⁷ lại bảo ta như hai mặt trời cùng mọc, tự tôn là Hoàng đế nước Nam, bảo là ta cướp mất lễ cống ngọc vàng, bảo là ta tranh mất giống voi cái trắng⁸.

1. Tức là thời gian 3 năm để tang Lê Thái Tông, bỏ hẳn mọi trò vui, âm nhạc, múa hát.

2. Tức Lê Nhân Tông, nối ngôi Lê Thái Tông, sau bị Nghi Dân giết.

3. Yên Kinh : chỉ kinh đô nhà Minh thời đó. Trà Toàn sai sứ sang Yên Kinh, xiêm nịnh vua Minh, gièm pha Đại Việt.

4. Ở đây nói Chiêm Thành định lấn ra vùng đất Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế ngày nay.

5. Ý nói Chiêm Thành muốn dựng mốc biên giới ở Hoàng Sơn, tức phía bắc tỉnh Quảng Bình ngày nay.

6. Bạc Đạo : là tên huyện, ở phía tây nam Trung Quốc. Hán Vũ Đế sai Đường Mông đào núi, đến Nam Trung đặt huyện Bạc Đạo. Câu này ý nói Trà Toàn lấn chiếm, buộc quân ta phải đánh lại.

7. Sứ Chiêm Thành tâu với vua Minh là vua Lê tự xưng là Hoàng đế, ngang với Thiên tử nhà Minh, chuẩn bị binh mã để tiến công nhà Minh.

8. Nhà Minh đòi Chiêm Thành cống voi cái trắng, Chiêm Thành bảo là ta tranh mất.

Coi khinh dân ta hơn là cỏ rác, nấy đã tâm sâu độc hại người ; tướng chiếm nước ta [56b] dễ tự chơi cờ, xương Bồng Nga còn hồng đến nhất ¹. Cứ coi mọi hành vi, lời lẽ của nó, đều là muốn đập đổ tông miếu dòng giống nhà ta. Mưu kế sâu như vậy, tội ác nào không làm. Khiến nhà Minh ngờ vực, gửi sắc thư hỏi mấy năm liền, vì lũ giặc hung hăng, xe đồ cứ lần theo vết cũ. Gông đóng ngáp tai cũng đáng, lo đến cháy dạ chẳng sai. Thế nguy như quạ đậu tổ cao, lại dám khinh thường triều sứ, nhìn hẹp tựa éch ngồi đáy giếng, cả gan chế nhạo sắc thư

Ngày một quá, tháng một hơn, kẻ họ xương lũ kia hoa. Cùng một duộc gây họa loạn, coi bạo ngược chẳng hề gì. Ngáp ngựa hôi tanh loại chó lợn, cướp ngôi giết vua, đuổi con cháu Bò Đề² ra ngoài cõi. Nhảm tin phật quý dựng tháp chùa, bịa điều họa phúc, cho dòng giống Trà Toàn được sinh sôi. Cấm mổ thịt làm khốn khó dân trời, cấm nấu rượu, việc tế thần phải bỏ. Con trai, con gái thấy đều lo vất vả châu hầu, kẻ góa, con côi, chịu mãi cảnh thiếu người, cắt mũi.

Dân Chiêm Thành thì nặng thuế thảm hình, người Thi Nại thì quan cao tước trọng. [57a] Đàn ông, đàn bà của ta nó bắt làm nô lệ, tù tội trốn tránh của ta nó hết thấy bao dung. Dân lưu vong³ phải chum chân mà chịu oan, suốt cả nước muốn kêu trời nhưng không lời. Đứa ngủ trọ, nhà sắp bị đốt⁴, càng giờ trò gian, mạo xưng phong hóa ; kẻ làm ác, trời không cho yên, vẫn thói hung tàn mà làm chính sự.

Tiểu nhân lên ngôi báu, nước lớn thành kẻ thù. Trong lòng vẫn dòm ngó thăm, ngoài mặt cống hiền giả vờ. Ví phỏng cáo kêu nơi đế lý⁵ thì mới cam lòng, nào ngờ kiến hợp đất Thần Châu⁶ để hồng thỏa chí. Ta buông lỏng, nó kéo đàn đến cướp, ta giương cung, lại đuôi vẫy xin tha. Thực là kẻ thù của tông miếu xã tắc, là tai họa của sinh dân muôn đời. Nó nghĩ là roi dẫu dài không quét đến bụng ngựa ⁷, gió cuối cơn không cuốn nổi lông hồng. Mang đã tâm gây loạn làm càn, thực phải tội đáng phải giết, đáng phải trị.

1. Chế Bồng Nga : là vua Chiêm, xâm lược Đại Việt, bị chết tại trận, không mang được xác về.

2. Vua cũ Chiêm Thành cho là ta ở xa, ta đã yếu, không đánh tới được.

3. Nguyên văn "lưu dân", ở đây chỉ người Việt ở vùng đất mới là châu Thuận, châu Hóa để khai phá, sinh sống.

4. Câu này lấy điển ở hào Cửu tam, quẻ Lữ trong Kinh Dịch. Ý nói kẻ trứ ngụ mà lần quyền tất bị đốt nhà mà bản thân bị hại. Vì Trà Duyệt là người ở Thi Nại nên nói là "đứa ngủ trọ".

5. Cáo kêu nơi đế lý : nghĩa là để đồ thành nơi hoang tàn. Câu này ý nói phải đánh tan kinh đô nước Chiêm thì mới cam lòng.

6. Thần châu : chỉ đất nước nói chung. Câu này ý nói : Giặc hợp quân vào cướp nước ta.

7. Ý hai câu là : Chiêm Thành cho là ta ở xa, ta đã yếu, không đánh tới được.

Bạc hào kiệt nghe tin mà nghiến răng tức giận, người trung nghĩa thấy thế mà trong dạ đau thương. Nó đảo lộn hết lẽ thủy chung, trí còn con mà đòi mưu lớn. Ta diễn chương phép tắc còn đó, gây phản nghịch luật pháp không tha. Không ra oai thì nó không chừa, trừ tàn bạo man di cũng trị.

[57b] Trẫm thể lòng thương đế, nối chí vua cha. Giết kẻ thù chín đời theo nghĩa *Xuân Thu*¹, định mưu kế vạn toàn cho yên đất nước. Cứu muôn dân thoát khỏi vòng điều đúng, dẹp nước loạn đã trái đạo lâu năm. Đánh phản nghịch, cứu sinh dân, thánh triết phải tỏ bày uy vũ; trồng mầm nhân, nhổ cội ác, đất trời cũng lấy đó làm lòng.

Bởi vì Di, Địch từ xưa là mối lo cho nước, cho nên thánh vương khi trước, cung nỏ phải ra oai. Cửu Lê loạn đức, hoàng đế phải dùng binh², Tam Miêu bắt kính, Đại Vũ gọi quân sĩ³. Tuy dụng binh là điều thánh nhân cực chẳng đã, nhưng lập pháp cốt để bọn ngoan ngu phải hay. Sương mù sao che nổi ánh mặt trời, giường mình há để kẻ ngoài nằm gậy?

Ta đã chọn hàng loạt tướng tài, đã mộ vô vàn quân giỏi. Tỳ hổ vạn người, thuyền ghe ngàn dặm. Binh sĩ trăm lần dũa cảm, người người chỉ một quyết tâm. Ai cũng nắm tay đua nhau lên trước, tuân lệnh đợi lúc ra tay. [58a] Nguyên xin đắp cùn chôn xác giặc, mong cho sử sách mãi ghi công. Ra quân có danh nghĩa, phạm tội quyết không tha.

Trẫm chỉ huy cờ võ, hiệu lệnh binh thần. Kính đem mệnh lệnh của trời, làm việc đánh giết kẻ ác. Bóng cờ rợp đồng nội, như mây cuốn như gió bay; lưới búa loáng trên không, tựa nắng chang, tựa sao chói. Dễ dàng như bóc mo nang, thuận lợi như bẻ cành mục. Giặc tận mắt nhìn, sấm sét gấp bụng tai nào kịp, quân đi trên chiếu⁴, lửa bùng bùng vèo cháy mây lông. Công một buổi sẽ hoàn thành, hận trăm đời sẽ rửa sạch. Lại vì dân trừ loài sâu độc, chẳng để giặc cho con cháu đời sau. Khinh Vũ Đế⁵ nhảm vô không thôi, khen Văn Vương mở mang bờ cõi⁶.

1. Tề Tương công diệt nước Kỳ, trả thù cho ông tổ 9 đời của mình là Tề Ai công, được sách *Xuân Thu* khen ngợi.
2. *Cửu Lê*: tên tộc người cổ ở phía đông Trung Quốc, có tù trưởng là Xuy Vu.
3. *Tam Miêu*: tên tộc người cổ ở phía nam Trung Quốc. *Đại Vũ*: là ông vua đầu tiên của nhà Hạ. Nguyên văn: "Đại Vũ thệ chúng", tức là làm lễ tuyên thệ khi bắt đầu ra quân.
4. Ý nói thuận lợi, không gặp trở ngại gì.
5. *Hán Vũ Đế* nổi tiếng "cùng binh độc vũ", hiếu chiến tham công.
6. *Chu Văn Vương*: ông vua khai sáng nhà Chu ở Trung Quốc, có nhiều vũ công.

Ồi ! giặc cùng mỗ dê không máu¹ ; nên học xưa thang 6 ra quân². Cúi Nam thấy lợn lấm bùn³ chẳng đợi 7 tuần quy phục⁴. Bá cáo trong nước, cho mọi người nghe".

Hôm ấy, sai Thái sư Lân quận công Chinh lỗ tướng [58b] quân Đinh Liệt, Thái bảo Kỳ quận công Chinh lỗ tướng quân Lê Niệm đem thủy quân 3 phủ vệ Đông, Nam, Bắc đi trước. Ban hành 24 điều lệnh đánh Chiêm Thành trao cho các quân doanh và các vệ ty Cẩm y, Kim ngô, Thần vũ, Điện tiền.

Ngày Tân Ty, mồng 7, vua tấu cáo ở Thái miếu rằng : "Thần là kẻ ít tuổi bất tài, vào nối nghiệp lớn, chỉ mong yên dân giữ nước đâu dám dùng nhảm việc binh. Chỉ vì giặc Chiêm Thành ngu xuẩn, nó điên cuồng nhòm ngó nước ta. Không sợ trời tam bợ cho qua ; với nước ta, nó gây thù địch. Trước thì danh cướp châu Hóa dể hồng chiếm đoạt đất đai, sau lại sang báo nhà Minh, âm mưu diệt hết tông miếu. Là phường cha chó, mẹ lợn nhuốc nhơ ; làm việc cướp nước, giết vua bạo nghịch. Để vớ cho Thi Nại béo no ; nó dao thọt cắt xẻo Tượng Quận. Chứa ác ngấp trời, làm hại khắp cõi.

Thần đã bàn bạc nơi miếu đường, lại lắng hỏi ở lòng dân. Mọi người đều cho rằng nó là loài rắn độc hung tàn, là mối lo cho sinh linh trong cõi. [59a] Phải kíp đem quân hỏi tội, treo thủ cấp nó bên đường. Thần rất đặc dĩ, theo nguyện vọng của mọi người, đem đại quân đi hỏi tội. Giáp binh nam rạp kéo ra ngoài cõi, uy quyền mây may không mượn tay ai.

Ngày Canh Thìn mồng 6 tháng này, lệnh sai Chinh lỗ tướng quân Lân quận công Đinh Liệt, Phó tướng Kỳ quận công Lê Niệm đem 10 vạn thủy quân đi trước.

Ngày 16 Canh Dần, thần đốc xuất 15 vạn thủy quân tiếp sau. Tiến sâu vào đất giặc, không bờ lở thời cơ. Trên là nỗi chí căm thù của tổ tông ông cha, dưới lo cứu nguy cho muôn vạn lưu dân điều đứng, tính mưu kế cho con cháu, diệt kẻ thù của tổ tông.

Cúi mong anh linh của các thánh ở trên trời phù hộ cho, để trong khi dàn quân bày trận được biển lặng gió im. Quân ta trở oai phong hùng gấu, xác giặc chất thành

1. Lấy ý của hào Thượng lục, quẻ Quy muội *Kinh Dịch*, những kẻ cớ độc không ai theo, như người mỗ thật dê không có máu.
2. Rợ Hiêm Doãn xâm lược, Chu Tuyên vương phải đem quân đi đánh vào lúc tháng 6, trời đang nắng gắt. Ý nói phải mau chóng kịp thời hành quân.
3. Lấy ý của hào Thượng cửu, quẻ Khuê trong *Kinh Dịch*. Nguyên văn : "Kiến thi phụ đồ" (thấy lợn dẫm bùn) chỉ bọn giặc Chiêm Thành hôi tanh, bẩn thỉu.
4. Vua Thuần chính phục nước Tam Miêu, chưa tới 7 tuần, nước này tới quy phục.

đồng kinh nghệ¹. Khí yêu ma quét sạch, chốn thanh miếu² cáo thành. Thu công bình định được mau ; nhờ [[59b] ở thánh thần giúp đỡ. Thần kính dâng bản tâu lên".

Ngày 16, vua thân hành dẫn đại quân tiến tiếp sau. Sai bọn Tả đô đốc Lê Huy Cát, Hữu đô đốc Lê Cảnh Huy ở lại kinh giữ nước.

Ngày hôm ấy, ngự giá khởi hành, trời mưa nhỏ, gió bắc. Tư thiên giám Tạ Khắc Hải tâu rằng :

"Mưa là mưa nhuần quân, gió từ phương bắc là gió hòa". Cho nên khi thuyền vua đi, có câu thơ rằng :

*Bách vạn sự đồ viễn khai hành,
Xao bồng vũ tác nhuận quân thanh.
(Trăm vạn quân đi đánh cõi xa,
Mũi thuyền mưa dội thấm quân ta)³.*

Đó là ghi sự thực.

Sai Lại bộ thượng thư Nguyễn Như Đồ tế đền Đình Tiên Hoàng. Dọc đường, hễ qua đền thờ thần nào đều sai quan tới dâng lễ tế, để cầu cho quân đi thắng trận.

Ngày 25 đêm ấy, Đỗ Nhuận hầu trước mặt vua. Nhân nói đến hai chữ "đạo lý", vua bảo rằng :

"Đạo là việc đương nhiên, rõ ràng dễ hiểu, lý là cứ dĩ nhiên, mầu nhiệm khó thấy. Ta từng làm bài thơ về hai chữ ấy, lâu ngày mới xong".

Nhuận thưa [60a]rằng :

"Lý học của đức vua rất sáng tỏ uyên bác ; trong chỗ hỗn nhiên mà phân biệt rất rõ ràng, rất tinh vi hàm súc, thể hiện ra ở lời thơ, không phải người học vấn tầm thường có thể mong mà theo kịp được".

Vua lại nói về thiên văn học, chỉ ra rằng sự vận hành của Nhị thập bát tú⁴ và Ngũ tinh⁵ đều có xâm phạm tới nhau. Nếu sao nọ phạm vào sao nào đó thì ứng vào một việc nào đó".

1. Ngày xưa, sau trận đánh, người ta thu xác chết của quân thù thành từng đồng lớn, lấp đất lên, gọi là "Kinh nghệ quán" hay "Kinh nghệ kinh quán".
2. Tức là Thái miếu. "Thanh" có nghĩa là trong sạch, tôn nghiêm.
3. Theo bản dịch cũ.
4. Nhị thập bát tú : 28 chòm sao. Thiên văn học cổ Trung Quốc chia sao trên trời thành 28 chòm gọi là "tú" ; 4 phương, mỗi phương có 7 chòm : Phương Đông có các chòm : Đốc, Cương, Chi, Phòng, Tâm, Vị, Cơ ; Phương Bắc : Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngưu, Thất, Bích ; Phương Tây : Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tát, Chủy, Sâm ; Phương Nam : Tinh, Quý, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn.
5. Ngũ tinh : là năm hành tinh : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Xem thế, có thể thấy được đôi nét về tầm học rộng hiểu sâu của vua.

Vua xem địa đồ nước Chiêm, đổi lại tên sông tên núi.

Tháng 12, ngày mồng 3, đại giá xuất phát từ Thiết Sơn ¹, thưởng tiền cho bọn Án sát sứ Đinh Thúc Thông, Nguyễn Tài theo thứ bậc khác nhau. Vua ban sắc dụ khen rằng :

"Việc được thua của sáu quân là trách nhiệm của tướng quân, mà cơ lợi hại trong một dinh trách nhiệm thuộc về án sát. Bọn Thái sư Đinh Liệt nắm quân không có kỷ luật, nhu nhơ như trò trẻ con, các người biết làm sợ ngổ tâu lên, ta khen bọn các người, thưởng cho tiền công, hãy đến mà nhận [60b] lấy".

Ngày mồng 7, thổ quan phủ Ngọc Ma là Cầm Lệ đến châu, tiến cống sản vật, đó là bất chước lễ ngày xưa, vua đi tuần đến núi lớn ở địa phương thì chừ hầu đến châu.

Bọn Án sát sứ Đinh Thúc Thông, Phạm Vĩnh Dụ, Bùi Thúc Sử, Nguyễn Tài tâu bàn cần bậy. Vua cho gọi đến hành tại hỏi về tội hủ nho làm hỏng việc, bắt bỏ mũ xuống đất vào mũ để làm nhục.

Vua dụ bọn Chinh lỗ tướng quân Đinh Liệt và Lê Niệm rằng :

"Vừa mới ra quân mà lảm chuyện như trò trẻ con, có một vụ cháy mà bị chết, bị thương tới gần 30 người. Cứ ý ta xét thì thực là kém quá. Cho đem sắc đến cáo dụ, người hãy nghĩ xem".

Ngày 18, thủy quân vào đến đất Chiêm Thành.

Định lệ khảo khóa quan lại nơi cai quản.

Trường quan các nha môn trong ngoài khi khảo khóa các quan viên trong phạm vi cai quản thì phải xét kỹ thành tích trong công việc mà viên đó đã làm. Nếu quả là có lòng chăm nom yêu thương, được nhân dân yêu mến, và trong nơi cai quản ít kẻ trốn tránh, thì mới là xứng chức. Nếu vợ vét, quấy nhiễu, gây tệ riêng tư [61a] và trong nơi cai quản có nhiều người trốn tránh thì là không xứng chức.

Tân Mão, [Hồng Đức] năm thứ 2 [1471], (Minh Thành Hóa năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 2, vua cho là khi đại quân sắp vào đất giặc, quân lính càng cần phải luyện tập. Do đó, xuống chiếu cho quân Thuận Hóa ra biển tập thủy chiến.

1. *Thiết Sơn* : theo *Cương mục*, núi này ở huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (CMCB 21, 40).

Vua nghĩ núi sông nước Chiêm có chỗ chưa biết rõ ràng, liền sai thỏ tù ở Thuận Hóa là Nguyễn Vũ vẽ hình thế hiểm địa của nước Chiêm để dâng lên.

Ngày mùng 6, viên Chỉ huy Cang Viễn bắt sống Bồng Nga Sa là viên lại giữ cửa quan Cụ Đê nước Chiêm đem nộp.

Phiên tù ở Sa Bôi là Cầm Tích, phiên tù ở Thuận Bình ¹ là Đạo Nhị, đến châu và dâng sản vật địa phương. Sứ thần nước Ai Lao, trấn thủ Quan Bình là bọn đầu mục Lang Lệ đều đem sản vật địa phương đến hiến.

Vua thân hành soạn ra *Bình Chiêm sách*, ban cho các doanh. Trong *Bình Chiêm sách*, nói có 10 lẽ tất thắng, có 3 việc đáng lo. Vua sợ rằng tướng sĩ chưa [61b] hiểu, sai Chỉ huy Nguyễn Thế Mỹ dịch ra quốc ngữ để nhắc lại.

Sai Giám sát ngự sử Lê Bá Di phát thóc kho Thuận Hóa làm gạo cả vỏ ² chuyên chở tới hành tại.

Tháng 2, ngày mùng 5, Trà Toàn sai em là Thi Nại ³ và 6 viên đại thần đem 5.000 quân và voi, ngầm đến sát dinh vua.

Ngày mùng 6, vua bí mật sai bọn Tả du kích tướng quân Lê Hy Cát, Hoàng Nhân Thiêm và bọn Tiền phong tướng quân Lê Thế, Trịnh Văn Sái đem hơn 500 chiếc thuyền, 3 vạn tinh binh, ban đêm ra cửa Áp ⁴ và cửa Tọa ⁵ vượt biển gấp, bí mật tiến vào cửa biển Sa Kỳ ⁶ dựng lũy đắp thành để chặn lối về của giặc. Người Chiêm Thành không biết gì về việc này.

Ngày mùng 7, vua tự mình dẫn hơn 1.000 chiếc thuyền, hơn 70 vạn ⁷ tinh binh ra hai cửa biển Tân Áp và Cựu Tọa dựng cờ thiên tử, đánh trống hò reo mà tiến.

Trước đó, vua đã bí mật sai bộ binh tướng quân Nguyễn [62a] Đức Trung dẫn bộ binh ngầm đi đường chân núi. Tướng giặc trông thấy ngự doanh thì tan vỡ, giày xéo lẫn nhau chạy về Chà Bàn. Chạy đến núi Mộ Nô⁸, bỗng thấy quân của bọn Hy Cát đã chặn đường về, giặc cuống cuống sợ hãi, chạy rẽ ngang trôi qua chân núi

1. *Sa Bôi và Thuận Bình* là hai châu thuộc nguồn Cam Lộ, nay là tỉnh Quảng Trị.

2. *Gạo cả vỏ* : tức là thóc đem luộc chín, làm lương ăn cho quân.

3. *Thi Nại* : vốn là tên đất. Có thể tên em Trà Toàn cũng trùng với tên này, hoặc được phong ở đó.

4. *Cửa Áp* : tức là cửa Tân Áp, sau là cửa Đại Áp ở huyện Tam Kỳ, nay thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

5. *Cửa Tọa* : tức là cửa Cựu Tọa, sau là cửa Tiểu Áp, cách cửa Tân Áp (tức Đại Áp) hơn 7 dặm (Chú của CMCB 22, 3).

6. *Sa Kỳ* : là một cửa biển ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Dịch theo nguyên văn, con số này có lẽ chưa chính xác.

8. *Núi Mộ Nô* : ở phía tây cửa biển Sa Kỳ (Chú của CMCB22, 3).

cao, xác người, ngựa và đồ quân tư đầy núi đầy đường. Bọn Lê Niệm, Ngô Hồng tung quân ra đánh, chém được 1 viên đại tướng giặc, còn thì đều sợ hãi tan chạy cả.

Bấy giờ, vua đến Mễ Càn¹, tung binh tiến đánh, chém được hơn 300 thủ cấp, bắt sống hơn 60 tên. Trà Toàn nghe tin em mình thua chạy, rất sợ hãi, sai người thân tín mang biểu tới xin hàng. Vua cũng sai sứ đi lại không ngớt.

Ngày 27, vua tự mình đem đại quân đánh phá thành Thi Nại, chém được hơn 100 thủ cấp.

Ngày 28, vua tiến vây thành Chà Bàn.

Ngày 29, đến sát chân thành vây thành mấy vòng.

Ngày mùng 1 tháng 3 hạ được [62b] thành Chà Bàn, bắt sống hơn 3 vạn người, chém hơn 4 vạn thủ cấp, bắt sống Trà Toàn rồi đem quân về.

Trước đó, các doanh đã làm xong phi kiêu², Trà Toàn hằng ngày đem lễ vật đến xin hàng. Vua cho gọi bọn Lê Quyết Trung đến bảo rằng :

Giặc đã tan rã chỉ chiến đấu ; kỳ hạn đánh thành đã tới. Trà Toàn nay ở trong thành này, chỉ một trận là ta có thể nhổ được. Ta định phát pháo hiệu, nhưng sợ chúng biết, chỉ bằng mật ước các doanh cùng một lúc tiến đánh.

Lại dụ khắp các tướng sĩ phải gấp rút bắc thang lên thành. Được một lát, vua trông thấy ở đằng xa, quân lính doanh Tiền khu đã trèo lên tường con trên thành liền bắn ba phát súng để hưởng ứng, lại sai nội thần đem quân Thần vũ phá cửa đông mà vào.

Sai đồng thái giám Nguyễn Đảm dụ các tướng sĩ ở các doanh rằng :

Tất cả kho tàng, của cải trong thành đều phải niêm phong giữ gìn, không được đốt cháy, Trà Toàn nước Chiêm phải bắt sống đưa về viên môn, không được giết chết.

Vua sai chỉ huy Ngô [63a] Nhận dẫn tên giặc đầu hàng là Bô Săn Ha Ma đến. Lại sai trưng bày những thứ giặc dùng làm lễ vật đem đến xin hàng mà ở nước ta không có, sai viên quan úy Đỗ Hoàn chỉ tên từng thứ một. Có cái hộp bạc, hình như thanh kiếm, vua hỏi vật gì. Hoàn trả lời rằng đó là đồ của nước Chiêm từ xưa,

1. Mễ Càn : chưa rõ ở đâu, bản dịch cũ ghi là Thái Càn và chú là huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi.

2. Phi kiêu : một loại chiến cụ đánh thành ngày xưa, làm bằng gỗ hoặc tre, dùng để bắc lên thành cho quân sĩ trèo vào.

người làm quốc vương phải có vật đó để truyền cho con cháu. Ha Ma là bác ruột Trà Toàn.

Quân Thuận Hóa bắt sống được Trà Toàn dẫn đến trước mặt vua. Trà Toàn cúi đầu quỳ xuống. Vua hỏi qua người phiên dịch rằng :

"Người là chúa nước Chiêm phải không ?"

Toàn trả lời : "Vâng".

Vua hỏi : "Có biết ta là vua không ?"

Toàn trả lời : "Tôi nhìn thấy phong thái, đã biết là thánh thượng rồi".

Vua hỏi : "Người có mấy con rồi".

Trả lời : "Tôi có hơn 10 đứa con".

Đỗ Hoàn nói : "Hắn đã kêu van xin làm thần tử, xin bệ hạ tha cho khỏi chết".

Vua nói với Toàn :

"Trong đám gươm giáo, ta sợ người bị hại, nay may mà còn sống đến đây, ta thực yên lòng".

Bèn sai đưa Trà Toàn ra ngoài ty Trấn điện [63b] làm nhà nhỏ cho ở đấy. Các quan dẫn Toàn ra hơi gấp. Vua bảo :

"Đưa đi thông thả thôi, người ta là vua của một nước, sao lại bức nhau đến như vậy ?"

Ngày mùng 2, vua thấy đã phá được thành Chà Bàn, liền xuống chiếu đem quân về.

Vua thấy thuyền Trà Toàn đi chật hẹp, không chứa được hết vợ cả, vợ lẽ hẳn, sai cho chọn hai người cùng đi. Còn những người khác, khi về đến kinh sư, sẽ trả lại cả. Vợ của Trà Toàn là con gái Bí Cai, cùng với cháu gái đều là vợ của Bàn La Trà Duyệt là anh Toàn. Thế mà Trà Toàn thông dâm cả.

Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bô Trì Trì chạy đến Phiên Lung ¹, chiếm cứ đất ấy, xưng là chúa Chiêm Thành, Trì Trì lấy được 1 phần 5 đất của nước Chiêm, sai sứ sang xưng thần, nộp cống, được phong làm vương. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn ² gồm 3 nước để dễ ràng buộc.

1. *Phiên Lung* : là Phan Rang, nay thuộc tỉnh Thuận Hải.

2. *Nam Bàn* : theo *Cương mục* sau là đất của Thủy Xá, Hòa Xá, nay là vùng đất thuộc tỉnh Gia Lai - Công Tum và Đắc Lắc. Còn Hoa Anh có lẽ là vùng đất thuộc tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa ngày nay.

Ngày mồng 7, lấy người Chiêm đầu hàng là Ba Thái làm Đồng tri châu Thái Chiêm, Đa Thủy làm Thiêm tri châu. Vua dụ [64a] họ rằng :

"Hai châu Thái Chiêm và Cổ Lũy trước là đất của ta, đời gần đây bị mất về nước Chiêm, nay lấy lại được hết, đặc cách sai bọn các người trấn giữ. Có kẻ nào không chịu theo, cho giết trước rồi tâu sau".

Ngày 11, lấy Đỗ Tử Quy làm Đồng tri châu tri Thái Chiêm quân dân sự, Lê Ý Đà làm Cổ Lũy châu tri châu tri quân dân. Người Chiêm nào dám chống lại hay làm loạn thì cho giết rồi tâu sau.

Ai Lao sai sứ sang châu. Trước đó, Ai Lao đã sai sứ sang châu ở kinh sư, gặp khi đại giá khởi hành, bèn từ kinh sư đi tới hành điện ở cửa Tư Dung. Đến khi đại giá khai hoàn mới được vào châu.

Thỏ quan phủ Trấn Ninh là Cầm Công sai đầu mục sang triều cống.

Thỏ quan châu Thuận Bình là bọn Đạo Nhị tới châu.

Bấy giờ đại giá về tới Thuận Hóa, tri châu là Đạo Nhị và em là Đạo Đồng cùng hơn 100 bộ đảng đem 5 con voi đến cống.

Tri châu động Du Phác là Đạo Lự [64b] cũng đem ngà voi và thỏ sản đến cống.

Vì vua đã dẹp được Chiêm Thành, uy thanh chấn động khắp chốn, cho nên các nước phiên thuộc ở phía tây đều lật đật kẻ trước người sau tranh nhau đến cống.

Vua sai Đỗ Hoàn, chỉ vào Lê Thọ Vực mà bảo Trà Toàn rằng :

"Đây là Điện tiền đô đốc ; khi phá thành Chà Bàn, trèo lên đánh thành trước tiên là người này đây !" Trà Toàn nhìn Thọ Vực một hồi lâu.

Trả lại lương kho cho quân doanh Thuận Hóa.

Bấy giờ số lương của Nguyễn Văn Chất chở đến đều là gạo đun chín. Vua hỏi Chất :

"Gạo nấu chín có thể để được 10 năm không ?"

Văn Chất trả lời : "Khoảng năm Thái Hòa, số gạo nấu chín khi đi đánh Chiêm Thành mãi đến khi đi đánh Bồn Man, trải qua 26 năm vẫn còn ăn được".

Vua nói : "Hạng tốt thì mới được thế, chả lẽ lại không có mốc, mục hay sao ? Đại khái để lâu vừa thì 10 năm vẫn tốt nguyên".

Ngày 15, vua đã dẹp được Chiêm Thành, bắt sống Trà Toàn, bèn tự mình viết bài chiếu báo tin thắng trận, sai quan mang về kinh sư bố cáo thiên hạ biết.

[65a] Mùa hạ, tháng 4, vua dừng lại ở Nghệ An.

Ngày mồng 8, vua đến sông Phi Lai ¹. Vua thấy Hoàng thái hậu ngồi thuyền, có thái tử theo hầu, vội đi thuyền nhẹ đến, thay áo, lên thuyền rồi về hành điện ở Thiên Phái. Chúa Chiêm Trà Toàn vì lo lắng thành bệnh, đến đây thì chết. Sai chém lấy đầu Toàn, đốt xác ném xuống sông, chõ đầu hắc mang đi, lại cắm lá cờ trắng ở đầu thuyền, đề mấy chữ rằng : "Đầu của tên đầu sỏ tội ác Trà Toàn nước Chiêm Thành" để cho thiên hạ đều biết.

Ngày 11, đại giá về hành điện ở Thổ Ngõa, vua ngự trên thuyền Thiên thu ², sau đó vua đi trước về bến Nhị Hà, Hoàng thái tử theo hầu, các thuyền hộ tống chỉ có mấy chiếc. Vua dừng thuyền lại hồi lâu, bắn 6 phát súng, đợi thuyền Thiên thu tới, vua mới về cung.

Ngày 22, dâng tù ở Thái miếu. Đem thủ cấp của chúa Chiêm Thành là Trà Toàn và tai giặc bắt được tấu cáo ở Lam Kinh.

[65b] Tháng 5, ngày mồng 1, làm lễ mừng thắng trận. Các quan là bọn Lê Niệm dâng biểu mừng thắng trận.

Tháng 6, lấy đất Chiêm Thành đặt làm thừa tuyên Quảng Nam và vệ Thăng Hoa.

Đặt chức Án sát sứ ở 12 thừa tuyên và đặt 3 ty ở Quảng Nam.

Mùa thu tháng 7, định lệ ban xuống thẻ thức bản đồ, văn khế. Ngày thi hành bắt đầu từ mồng 10 tháng giêng năm nay. Sau ngày ấy mà ai chưa tuân theo thì cho là không hợp lệ, đó là theo lời tâu của Hộ bộ thượng thư kiêm thái tử thái bảo Lê Cảnh Huy.

Ban bố thẻ thức văn khế đã được chuẩn y.

Ngày mồng 10, sai Thái bảo Hộ bộ thượng thư kiêm thái tử thái bảo Lê Cảnh Huy mang kim sách lập hoàng tử thứ 5 là Tân làm Kiến Vương.

Tháng 8, định chức trách của quan Đề hình ³.

Các Đề hình ngự sử khi đứng trong ban triều tham phải như Ngự sử của các đạo. Còn việc soát xét Hình bộ và Đại lý tự, việc kiểm tra hình án của Ngũ hình [66a] là theo quy định của các năm Thuận Thiên và Đại Bảo, không phải là mới đặt. Từ

1. Sông Phi Lai : sông ở xã Phi Lai, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Thuyền Thiên thu : là thuyền của Hoàng thái hậu.

3. Đề hình : là chức quan soát xét việc xử án có đúng hay sai.

Hình bộ thượng thư trở xuống, tới Đại lý tự và các ngục quan, người nào tha tội hay buộc tội cho người không đúng luật pháp thì phải tâu hặc. Người có tội bị oan uổng cũng phải xét lại và minh oan cho họ. Vệ Cẩm y xét kiện và ty Điện tiền xét án, nếu có trường hợp nào oan khuất, thể thảm thì phải tâu lên, hằng ngày phải thân hành tới xét hỏi.

Tháng 9, ra sắc chỉ rằng :

Những người nguyên là nô tỳ của nhà nước, những quan lại nguy, thổ quan chống đối mà ra thành đầu hàng, những kẻ cha là người Ngô mẹ là người Việt, bọn gian ác phản nghịch, và người Ai Lao, Cầu Hiểm, Chiêm Thành hết thấy là nô tỳ của nhà nước, đã bỏ đi làm các loại công việc mà phải tội, con cái còn bé thay đổi họ tên làm dân thường và lấy vợ lấy chồng ở huyện xã khác, thì con trai, con gái, cháu ruột, cháu gọi bằng chú bác của bọn ấy, họ tên là gì, chính bản thân phải tới Châu Lâm viện để duyệt tuyển.

Ngày 26, hiệu định *Hoàng triều quan chế*¹. Vua dụ các quan viên văn võ và [66b] trăm họ rằng :

"Đất đai bờ cõi ngày nay so với trước kia khác nhau nhiều lắm, không thể không thân hành nắm quyền chế tác, làm trọn đạo biến thông.

Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cẩm binh coi giữ ba ty² để làm vượt nanh, tìm óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc. Thông chính sứ ty để tuyên đức hóa của vua và đề đạt nguyện vọng của dân. Ngự sử án sát để hặc tâu các quan làm bậy, soi xét ẩn khuất cho dân.

Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương, đô ty thủ ngự thì chống giữ các nơi xung yếu, phủ, châu, huyện là để gần dân ; bảo, sở, quan là để chống giặc ; tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau.

Do đó, gọi lính, lấy quân, là việc của đốc phủ mà Binh bộ phải nắm chung ; chi ra, thu vào là chức của Hộ bộ mà Hộ khoa phải giúp đỡ. Lại bộ thăng bổ làm người thì Lại khoa được phép [67a] bác bỏ. Lễ bộ nghi chế không hợp lệ thì Lễ khoa có quyền hặc tâu. Hình khoa xem xét công việc xử án của Hình bộ phải trái như thế nào ; Công khoa kiểm điểm quá trình làm việc của Công bộ siêng năng hay lười biếng.

1. *Hoàng triều quan chế* : nghĩa là quan chế của triều vua đang trị vì (đây là triều Lê).

2. *Ba ty* : tức là Điện tiền, Hiệu lực, Thân võ, là tổ chức quân sự.

Đến như việc xét duyệt sổ sách quân nhu hàng đồng, hay phân biệt chọn lựa tướng sủng, thiên tử, trong các quân của thủ phủ thì các quan kinh lịch, thủ lĩnh đều được phép tra xét, đàn hạch cả. Quy chế trước kia, đặt quan phần nhiều lấy quan to, tước cao. Chế độ ngày nay, đặt quan đều là lương ít trật thấp. Số quan đặt ra so với trước tăng rất nhiều, nhưng tiền lương chi tiêu so với xưa cũng vẫn thế. Đã không có người nào ăn hại, mà trách nhiệm lại có nơi quy kết, khiến cho quan to, quan nhỏ đều ràng buộc với nhau ; chức trọng chức khinh cùng kiểm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụng, thế nước vậy là khó lay. Hình thành thói quen giữ đạo lý, theo pháp luật mà dứt bỏ tội lỗi khinh nhân nghĩa, phạm ngục hình. Để hoàn thành chí hướng của đức thánh tổ thần tông ta, và giữ mãi bình yên thịnh trị tới vô cùng, chứ không phải là ta cố ra vẻ thông minh biến đổi phép cũ mà buộc miệng thiên hạ [67b] đâu ! Kể từ nay, kẻ nào là con cháu ta, phải biết rằng ban hành quy chế này là điều bất đắc dĩ, một khi phép tắc đã định ra, phải kính cẩn duy trì và thực hiện, không được cậy mình là thông minh, rồi đem so với triều trước mà sửa đổi lại, làm đảo lộn mọi điển chương chế độ, để mắc tội bất hiếu. Kẻ nào là bề tôi cũng kính giữ phép thường, mãi mãi giúp đỡ vua các người, để kế tục công liệt của người xưa, để vĩnh viễn không còn lầm lỗi. Kẻ nào dám dẫn bừa quy chế cũ mà bàn cần một quan nào, thay đổi một chức nào, chính là kẻ bề tôi gian nghịch, làm loạn phép nước, phải xử tử vứt xác ra chợ không thương xót ; còn gia thuộc nó phải đày đi nơi xa để tỏ rõ tội kẻ làm tôi bất trung ; ngõ hầu muôn đời sau này hiểu được ý nghĩa sâu xa của việc sáng lập điển chương chế độ".

Quan chế này bắt đầu bằng các tước của tông phái nhà vua. Thân vương thì hoàng tử được phong, lấy tên phủ làm hiệu (như phủ Kiến Hưng gọi là Kiến Hưng Vương). Tự thân vương¹ thì con cả của thân vương được phong, lấy tên huyện làm hiệu [68a] (như huyện Hải Lăng thì gọi là Hải Lăng Vương...). Tước công thì các con của hoàng thái tử và thân vương được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu như Triệu Khang công...). Tước hầu thì con trưởng của tự thân vương hay thân công được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Vĩnh Kiến hầu...). Tước bá thì hoàng thái tử, các con của tự thân vương, tự thân công, con trưởng của thân công chúa, được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Tĩnh Cung bá...). Tước tử thì xem như chánh nhất phẩm, các con thứ của thân công chúa, con trưởng của tước hầu, tước bá được

1. *Tự thân vương* : con cả của thân vương được tập ấm tước của người cha.

phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Kiến Xương tử...). Tước nam thì xem như tông nhất phẩm, con trưởng của thân công chúa được truy tặng, các con thứ của tước hầu, tước bá được phong, lấy mỹ tự làm tên hiệu (như Quảng Trạch nam...). Song lệ của tông phái nhà vua có 8 bậc¹ từ Tá quốc sứ đến Tự ân sứ. Thứ đến các tước của công thần. Nếu không phải là người có uy đức lớn, công lao to với nước từ trước, thì không được làm phong. Như quốc công, quận công thì lấy phủ, huyện làm tên hiệu, [68b] chỉ dùng một chữ, tước hầu, bá, thì lấy xã làm tên hiệu, dùng cả hai chữ.

Về cấp bậc của người có công lao thì bên văn từ Thượng trụ quốc đến Tu thận thiếu doãn gồm 5 phẩm, đều có chánh, tòng. Bên võ từ Thượng trụ quốc đến Thiết kỵ úy gồm 5 phẩm cũng có chánh, tòng. Tán quan bên văn, từ chánh nhất phẩm, sơ thụ Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, cho đến chánh cửu phẩm sơ thụ Tướng sĩ thứ lang, gồm 9 phẩm, đều có chánh, tòng. Tán quan bên võ từ chánh nhất phẩm sơ thụ Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân đến tòng lục phẩm, sơ thụ Quả cảm tướng quân gồm 6 phẩm, đều có chánh, tòng. Nội quan tán quan từ Thị trung lệnh chánh tam phẩm đến Phó lịch sứ tòng cửu phẩm gồm 7 bậc, cũng có chánh, phó. Về thông tư² thì thượng trật 24 tư đến hạ liệt 1 tư gồm 19 bậc. Về công thần được vinh phong [69a] thì từ chữ "suy trung" đến chữ "tuyên lực", gồm 24 chữ. Đại để các quan văn võ có công thì ban đầu được phong từ 2 chữ đến 8 chữ. Người nào đáng được phong chữ nào thì tới lúc đó sẽ đặc xét gia phong.

Lại lấy các chức Thái sư, Thái úy, Thái phó, Thái bảo, Thiếu sư, Thiếu úy, Thiếu phó, Thiếu bảo làm hạng đại thần trọng chức. Lấy Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công làm sáu bộ. Ngoài sáu bộ lại có 6 khoa. Đại lý, Thái thường, Quang lộc, Thái bộc, Hồng lô, Thượng bảo là 6 tự. Lại đặt Giám sát ngự sử 13 đạo, Đô đốc phủ năm phủ quân. Kim ngô, Cẩm y, gọi là hai vệ; tiền, hậu, tả, hữu vệ gọi là bốn vệ Hiệu lực; tiền, hậu, tả, hữu vệ gọi là bốn vệ Thần vũ. Vũ lâm, Tuyên trung, Thiên uy, Thủy quân, Thần sách, Ứng thiên gọi là 6 vệ Điện tiền. Các trấn bên ngoài cũng đặt phủ vệ, đô ty. Các xứ sông, biển cũng đặt [69b] tuần kiểm, giang quan. Các nha môn coi việc ở các thừa, ty, phủ, huyện, châu bên ngoài không chỗ nào không đặt quan để cai trị.

1. Theo *Cương mục*, thì 8 bậc đó là: Tá quốc sứ, Phụng quốc sứ, Dự quốc sứ, Lương quốc sứ, Sùng ân sứ, Dụ ân sứ, Mậu ân sứ, Tự ân sứ (CMCB 22, 14a).

2. Tư: cũng là đơn vị phẩm trật, mỗi phẩm thường gồm nhiều tư.

Ngày 21, sai sứ sang nhà Minh : Bọn Bùi Viết Lương, Nguyễn Lãm, Lê Nhân đi tuế cống. Bọn Nguyễn Đức Trinh, Phạm Mục tâu việc Chiêm Thành quấy biên giới.

Định lệ thuế bãi dâu, tính theo mẫu thuộc các hạng nhất nhì ba mà nộp tiền.

Định lệ thuế nhân đinh, mỗi người nộp tám tiền.

Ra sắc chỉ rằng :

"Các chức quan văn, võ trong kinh (trung quan cũng thế), người nào mới được bổ thí chức ¹ thì Lại bộ tâu lên để ban cấp cho giấy khám hợp, cho mũ, đai và cấp cho một phần ba tiền lương, con cháu vẫn như dân thường. Sau ba năm mà xứng chức và không phạm lỗi gì thì được thăng cấp cho thực thụ ². Người nào không xứng chức thì đuổi về làm các hạng quân sắc cũ. Nếu là người có tài năng lỗi lạc được bổ dụng theo đặc ân, thì không phải theo lệ này. Người vị nhập lưu ³ đều được thực thụ cũng chỉ cấp giấy khám hợp, [70a] không có cấp sắc mệnh. Từ nay về sau, khi có sắc chỉ hay các thể lệ lớn nhỏ, thì bộ, sứ ty và các nha môn phủ, huyện, châu đều phải viết ra bảng treo dán lên để dân chúng theo đó mà thi hành.

Tháng 9 nhuận, định chế độ y phục và bổ tử ⁴ của các vua quan. Vua dụ rằng :

"Triều đình là nơi lễ nhạc, y phục là vẻ điểm tô, danh phận đã rạch ròi, không nên lẫn vượt. Cho nên vua Thuấn xem người xưa mà dùng năm sắc vào triều phục, vua Vũ hay dùng y phục xấu nhưng triều phục lại rất hay. Vua Thuấn vua Vũ đều là thánh nhân, còn không coi y phục là tiểu tiết mà phải để tâm tới. Những người làm vua làm tôi đời sau lại không kính cẩn lo việc ấy hay sao ?

Nhà nước ta võ yên khắp cõi, theo lễ văn xưa. Triều phục người trên kẻ dưới, quan văn theo chim, quan võ vẽ thú, từ xưa có chế độ rồi. Nghi thức kẻ quý người hèn, không được tiếm vượt, trước đây cũng đã ngăn cấm, cơ sao các quan không chịu phân biệt, coi [70b] chế độ của nhà nước là mớ hư văn ? Dân chúng thì phạm pháp, đem tơ gai dệt kim tuyến may áo thường. Quan viên và dân chúng các người phải nghe lời trẫm, triều phục các quan văn võ thể nào, trước ngực sau lưng

1. *Thí chức* : là chức vụ không chính thức. Đối lập với "*thực chức*" là chức vụ chính thức.

2. *Thực thụ* : là được nhận chức chính thức.

3. Nguyễn văn "vị nhập lưu" là những người chưa được liệt vào bậc nào trong chín bậc quan tước (cửu phẩm) của nhà nước.

4. *Bổ tử* : những hình cầm thú thêu vẽ trên triều phục của các quan phía trước ngực và sau lưng theo phẩm cấp của từng người.

thêu gì, phải theo đúng quy chế đã ban hành. Trong hạn trăm ngày, người nào không theo đúng quy chế sẽ phải giáng cấp, trị tội.

Đặt nữ đình khiêng kiệu.

Mùa đông, tháng 10, ban ra bản vẽ các kiểu bỏ tử, đều là các loài cầm thú. Công, hầu, bá và phò mã đều vẽ một loại con ; các quan văn võ : phẩm chánh vẽ 1 loại con, phẩm tòng vẽ 2 loại con, ngự sử¹ và đường thượng quan² vẽ 1 loại con, phân ty vẽ 2 con. Còn như các hình mây, nước, sông, núi, cây, hoa thì nhiều hay ít, phức tạp hay đơn giản đều cho theo vẽ tùy ý, không phải câu nệ ; các kiểu màu xanh, vàng, đỏ, trắng, biếc, lục, cho được tự chọn mà theo, cũng không cần phải cứ là kim tuyến, còn như theo hình mây, núi, sông, nước cầm thú mà dùng kim tuyến cũng cho.

Đổi lại phủ, huyện, châu.

Cấm bản tàu không được nói mập mờ.

[71a] Tháng 11, sắc dụ các quan thừa tuyên, phủ, huyện ở Sơn Nam rằng :

"Bọn các người giữ trọng trách ở một phương, thân yêu dân là trách nhiệm. [Thế mà] không biết thể theo lòng nhân của triều đình yêu nuôi dân chúng, chỉ chăm làm những việc nhỏ mọn như roi vọt, sổ sách. Nay sứ ty và phủ huyện các người phải mau mau đi xem xét những nơi núi chằm bờ biển trong hạt, chỗ nào hình thế có thể khơi đắp ngòi cù dề đập để làm ruộng, chỗ nào có hùm sói làm hại, cường hào thao túng, phong tục kiêu bạc, sinh dân đau khổ..., tóm lại, mọi việc lợi nên làm, mọi mối hại nên bỏ, trong hạn trăm ngày, phải lần lượt trình tâu cẩn thận. Nếu chây lười trễ quá hạn, ta sẽ sai vệ sĩ vệ Cẩm y đi điều tra, nếu thấy vẫn còn việc lợi nên làm, mối hại nên bỏ mà các người chưa nói tới thì quan phủ, huyện phải bãi chức, sung quân ở Quảng Nam, quan thừa ty bị giáng chức".

Ra sắc chỉ rằng : Nếu ông cha phải tội mất chức, thì con cháu phải sung làm lính ở phủ đó.

Ra sắc chỉ rằng : Những ngày sóc, vọng³ và đại lễ mà các quan văn võ không mặc triều phục [71b] chỉ mặc áo thường trốn tránh ngoài cửa, khi điểm danh không có, thì phải sung quân.

Cấm trễ chậm kỳ khảo khóa. Vua dụ rằng :

1. Nguyên văn là "phong hiến", chỉ những quan ở Ngự sử đài.
2. Đường thượng quan : hay đường quan là quan chức cao cấp của triều đình.
3. Sóc : là ngày mồng 1, vọng : là ngày 15 hằng tháng (Âm lịch).

"Phép khảo khóa cốt để phân biệt người hay kẻ dở, nâng cao hiệu quả trị nước. Đời Đường Ngu, ba năm một kỳ xét công để thăng giáng. Nhà Thành Chu ba năm một lần xét việc để định thưởng phạt. Nay nha môn trong ngoài các người, người nào nhậm chức đã đủ 3 năm, phải báo ngay lên quan trên không được để chậm. Nếu quá một trăm ngày mà không kê danh sách gửi đi, thì tính số người chậm mỗi người phải phạt 1 quan tiền, kẻ nào theo tình riêng mà dung túng đều phải trị tội cả".

Tháng ấy, vua ra sắc lệnh về việc khớp lại binh phù¹ khi tuyên gọi Tổng binh và dụ các quan Tổng binh các vệ rằng :

"Bọn các người theo quy chế vào giữ trọng trách cầm quân, được ký thác phen giậu biên thù, nếu triều đình có những việc quan trọng như tuyên triệu, bắt hỏi ra quân, ắt phải ban cho sắc thư và nội phù. [Khi ấy các người] phải cẩn thận khớp phù, nếu quả không sai mới được theo mệnh lệnh. Nếu chỉ có sắc thư mà không có nội phù, hoặc chỉ có nội phù mà không có sắc thư, [72a] cả đến những văn thư đòi gửi, điều động của các nha môn từ công hầu trở xuống đều là gian trá cả, các người phải giữ ngay lại, làm bản tâu cho chạy trạm trình lên. Người nào tự tiện rời bỏ nhiệm sở, tội nặng thì xử tử, tội nhẹ thì xử đi đày".

Ngày mùng 8, lại đi đánh Chiêm Thành. Bắt được chúa nó là Trà Toại và bè lũ đem về kinh.

Năm ấy, lấy Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo làm Đông các hiệu thư, Ngô Sĩ Liên làm Sử quan tu soạn.

Lấy Thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy trông coi sáu khoa.

Nhâm Thìn, [Hồng Đức] năm thứ 3 (1472), (Minh Thành Hóa năm thứ 8). Mùa xuân, tháng giêng, ra sắc chỉ rằng : Nếu có bản tâu dán kín thì cho người tâu ký rõ tên vào bản tâu.

Tháng 3, hạ lệnh rằng, lại viên các nha môn nếu thi đỗ khoa thi hương thì được bỏ lên chính quan.

Gác cửa Tây bị cháy.

Thi hội chọn sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Tuấn Ngạn 26 người.

1. *Binh phù* : hay nội phù là vật làm tin, có hai phần rời có thể khớp với nhau. Khi vua trao lệnh cho tướng soái, ngoài sắc lệnh, còn có binh phù. Vua giữ một nửa phù để trong cung, viên quan sai đi giữ một nửa. Mỗi khi sai gọi, hay làm việc gì đều phải khớp lại làm tin.

Phép thi : Kỳ thứ nhất ra 8 đề về *Tứ thư*, người thi tự [72b] chọn lấy 4 đề, làm 4 bài văn, *Luận ngữ* 4 đề, *Mạnh Tử* 4 đề ¹. *Ngũ kinh* : mỗi kinh 3 đề, người thi tự chọn 1 đề mà làm. Duy kinh *Xuân thu* thì 2 đề gộp làm 1 mà làm. Kỳ thứ hai thi chế, chiếu, biểu ; mỗi loại 3 đề. Kỳ thứ ba, thơ, phú, mỗi loại 2 đề ; phú dùng thể Lý Bạch. Kỳ thứ tư, 1 bài văn sách, hỏi về chỗ dị đồng trong nghĩa lý của kinh truyện, điều hay dở trong chính sự của các đời.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 7, vua ngự ra hiên, tự mình ra đề văn sách hỏi về đức vương trị thiên hạ.

Vua sai Thái bảo Bình bộ thượng thư kiêm thái tử thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy và Thông chương đại phu tả xuân phường tả thứ tử kiêm Lại bộ thượng thư Trần Xác làm hai viên đề điệu ; 2 viên (không chép tên) làm giám thí ; bọn Đinh Thúc Thông, Quách Đình Bảo 5 viên làm độc quyền.

Cho bọn Vũ Kiệt, Nguyễn Toàn [73a] An, Vương Khắc Thuật đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ ; bọn Vũ Đức Khang 7 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân ; bọn Chử Phong 16 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Định lệ tư cách của tiến sĩ : Đệ nhất giáp, người đỗ thứ nhất cho chánh lục phẩm, 8 tư ; người đỗ thứ nhì cho tòng lục phẩm, 7 tư ; người đỗ thứ ba cho chánh thất phẩm, 6 tư, đều được ban chữ "Tiến sĩ cập đệ". Đệ nhị giáp, cho tòng thất phẩm 5 tư ; được ban chữ "Tiến sĩ xuất thân". Đệ tam giáp cho chánh bát phẩm, 4 tư ; được ban chữ "Đồng tiến sĩ xuất thân". Nếu vào Hàn lâm viện thì được gia 1 cấp ; nếu bỏ làm Giám sát ngự sử hay Tri huyện thì giữ nguyên phẩm cũ mà bỏ.

Tháng 5, ra sắc chỉ rằng những điển lại nào thanh liêm, cần mẫn thì được thăng bổ chức phó nhĩ.

Tháng 6, lấy Nguyễn Mậu làm Ngự sử đài đô ngự sử tri từ tụng.

Mùa thu, tháng 8, định lệ tế Đình ². Hằng năm các phủ làm lễ tế vào ngày đình thượng tuần của hai tháng trọng ³ mùa xuân và mùa thu.

[73b] Ra sắc chỉ cho các quan thừa ty sứ ty và các quan phủ, huyện các xứ thừa tuyên đắp đê, làm đường.

1. Dịch theo nguyên văn. Đoạn này nên sắp xếp như sau : Kỳ thứ nhất ra 8 đề về *Tứ thư* : *Luận Ngữ* 4 đề, *Mạnh Tử* 4 đề ; người thi tự chọn lấy 4 đề, làm 4 bài văn.
2. *Tế Đình* : tức là lễ tế Văn miếu. Vì quy định tế Văn miếu vào các ngày đình, nên gọi là tế Đình.
3. *Tháng trọng* : là tháng thứ hai của mỗi mùa, hai tháng trọng của mùa xuân và mùa thu là tháng 2 và tháng 8.

Tháng 9, ra sắc chỉ răn bảo các quan Đô đốc năm phủ và Thượng thư sáu bộ rằng : Sau buổi châu, đều phải đến nha môn của mình, coi xét hết thấy việc công ; các liêu thuộc dưới quyền phải đến đủ để hầu bẩm trưởng quan, không được tự tiện bỏ về. Nếu cấp dưới đến chậm hay vắng thiếu thì trưởng quan phải nêu tên tâu lên.

Ra sắc chỉ cho Thái bộc tự khanh xét họ tên của bọn người Chiêm, người Man. Họ của người Chiêm thì mới cũ theo đúng quy chế, họ của người Man thì dồn lại làm một ; nếu tên trùng lặp thì chỉ để ba chữ thôi như là Tô Môn - Tô Sa Môn, Sa Qua - Sa Oa Qua...

Mùa đông, tháng 10, định triều nghi hộ vệ. Các tướng sĩ hằng ngày vào châu, phải đứng sắp hàng trước ở hai bên đông tây ngoài cửa Đoan Môn ; những ngày sóc, vọng phải đến đợi ở ngoài cửa Văn Minh Sùng Vũ, sau ba hồi trống thì tiến vào Đan Trì dàn bày nghi trượng, [74a] ban thứ chỉnh tề. Người nào dám cố ý vi phạm, làm mất hàng ngũ, sau ba hồi trống vẫn chưa chỉnh tề thì các vệ Cẩm y và Kim ngô bắt giữ xin trị tội.

Đặt mức sào, thước. Hạ lệnh rằng ruộng đất mỗi mẫu 10 sào, mỗi sào 16 thước 5 tấc.

Cấm quan viên và dân chúng không được lên lút chứa giấu người Chiêm Thành.

Tháng 11, ban hành 19 điều lệnh đi đánh người Man.

Lấy Đào Cử làm Hàn lâm tri chế cáo.

Tháng 12, sắc dụ bọn Thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy rằng :

"Nhận được tờ tâu của trấn An Bang nói là người Minh sai quân lính đi theo quan hội khám của Quảng Tây sao đông thế. Người phải hỏa tốc sai người đi thăm dò tình hình. Nếu thấy sự thế khác nhiều thì phải lập tức gửi công văn cho các xứ tập hợp binh mã phòng giữ".

Ra sắc chỉ cho các quan văn võ rằng : Kể từ nay, khi vào châu nếu gặp ngày mưa thì mang bỏ tử, đi hia giày, mặc áo vải, áo gai cũng cho tùy [74b] nghi. Còn khi trời tạnh nắng, đường khô ráo thì phục sức phải theo lệ cũ.

Lấy Đào Tuấn làm Binh bộ thượng thư, Phạm Nhân Khiêm làm Công khoa cấp sự trung, Vương Sư Bá làm Quốc tử giám giáo thụ.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KÝ THỰC LỤC

QUYỂN XIII

[1a]

KỶ NHÀ LÊ

THÁNH TÔNG THUẦN HOÀNG ĐẾ (hạ)

Quý Ty, *Hồng Đức năm thứ 4* [1473], (Minh Thành Hóa năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, vua thân hành cây tịch điền và đốc suất các quan cây.

Cử hành lễ Giao.

Cấm tửu sắc. Ra sắc chỉ cho quan viên và trăm họ rằng :

“Kể từ nay, trong nhà không làm cỗ thết khách thì không được chè chén, người vợ không phạm tội thì không được ruồng bỏ. Kẻ nào dám rượu chè bữa bãi, gia đạo không nghiêm, kẻ nào không có mối lái mà dám vụng trộm tư thông thì phải trị tội”.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh bãi yết lăng miếu.

Vua đi thuyền nhẹ, ngược dòng sông Lỗi¹ bãi yết Nguyên miếu ở thành Tây Đô. Sau đó, đến từ đường Thuận Mậu ở bên bờ sông. (Từ đường này [1b] ở hương ấp của cha sinh ra thánh mẫu hoàng thái hậu Ngô thị và mẹ là Đinh thị)².

Ngày 20, có việc ở tam lăng, sai Công bộ thượng thư Phạm Du đến tế ở miếu Hoảng Hựu. Đến tối, trời mưa gió to.

Tháng 3, hạn hán, cầu đảo ở Thái miếu và sai quan đi cầu đảo khắp các thần, hai ngày thì mưa.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 3, mưa to.

Ra sắc chỉ cho các nha môn : Các bản tâu thì dùng giấy trúc.

Định chế độ lương bổng cho các quan trị nhậm trong ngoài. Định lệ tiền lương cho các quan giản nhậm, thái giản³, các chức nhân tản, thái nhân tản⁴ có

1. Đoạn sông Mã chảy qua hai huyện Vĩnh Lộc và Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tức cha mẹ bà Ngô Thị Ngọc Dao, mẹ Lê Thánh Tông.

3. *Quan giản nhậm* : quan trị nhậm ở nơi ít việc, *quan thái giản* : quan trị nhậm những nơi rất ít việc.

4. *Chức nhân tản* : chức quan coi việc nhẹ, *chức thái nhân tản* : chức quan coi việc rất nhẹ.

thứ bậc khác nhau. Định lệ cấp lương bổng riêng cho hai vệ Cẩm y và Kim ngô.

Vua dụ bọn thái bảo Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy rằng :

“Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ ? Người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di”.

[2a] Tháng 5, cấm tự tiện sai phái vệ binh, bỏ việc canh phòng túc trực.

Sắc cho Lễ bộ yết bảng cho trăm quan và các quân nhân rằng : Kể từ nay, nếu không phải là bậc túc nho danh vọng, tuổi cao đức lớn thì không được gọi bừa là “tiên sinh”.

Tháng 6, thần tỳ¹ làm xong, xuống chiếu ban ơn cho các quan và trăm họ, mỗi người một tư.

Thi giáo chức. Phép thi : Kỳ thứ nhất, *Tứ thư* mỗi sách một đề : *Ngũ kinh* mỗi kinh một đề. Kỳ thứ hai, một đề phú, thẻ Lý Bạch. Kỳ thứ ba, chế, chiếu, biểu, mỗi thẻ loại một đề.

Định phạm vi cai quản của cai đạo giám sát ngự sử thuộc ngự sử đài : Như Thanh Hóa, Nghệ An đạo giám sát ngự sử thì kiêm coi các ty của vệ Cẩm y : Lục Sĩ, Canh Ban, Xá Nhân ; ty Ngũ thành binh mã, ty Nghi vệ, Cẩm y vệ phó trung quân phủ, và quân dân ba ty các xứ [2b] Thanh Hóa, Nghệ An. Hải Dương, Yên Bang đạo giám sát ngự sử kiêm coi ty Thần tỳ, vệ Tráng sĩ, vệ Kim ngô, phó quân Thần Sách tứ vệ, Đông quân phủ, quân dân ba ty các xứ Hải Dương, Yên Bang. Sơn Nam, Thuận Hóa. Quảng Nam đạo giám ngự sử kiêm coi sáu vệ ty Điện triều, Nam quân phủ, quân dân ba ty các xứ Sơn Nam, Thuận Hóa, Quảng Nam . Tam Giang, Hưng Hóa đạo giám sát ngự sử kiêm coi bốn vệ Hiệu lực, bốn vệ Thuần tượng, bốn vệ Mã nhân, Tây quân phủ, quân dân ba ty các xứ Tam Giang, Hưng Hóa. Kinh Bắc, Lạng Sơn đạo giám sát ngự sử kiêm coi giám Thương Y và Ngự Dụng, các thợ của Công bộ, cục Tuyền đạt, cục Ứng sự ; các sở, ty Đồn điền, Tầm tang, Tinh mẽ, Chủng thái², Điền mục, Bắc quân phủ, quân dân ba ty các xứ Kinh Bắc, Lạng Sơn,

[3a] Thái Nguyên, Tuyên Quang đạo Giám sát ngự sử kiêm coi Tuyên đạt trừ, cục Thị vệ, quân Phụng trực, quân dân ba ty các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang.

1. *Thần tỳ* : một loại con dấu của nhà vua.

2. *Sở Đồn điền* : trông coi việc mở đồn điền, ty *Tầm tang* trông coi việc dấu tằm, ty *Tinh mẽ* trông coi việc trồng lúa, ty *Chủng thái* trông nom việc trồng rau.

Hiệu định chức trách của Hiến ty. Hiến sát sứ và Hiến sát phó chuyên giữ các chức vụ tâu bày, xét hỏi, tâu hặc khám xét, xét kiện, hội đồng, đối chiếu, soát lại, xét công tội, di tuần hành... cả thảy là 32 điều.

Mùa thu, tháng 7, thi y, đề gồm 4 môn.

Tháng 9, mưa to. Trước đó, cuối mùa xuân suốt ba tuần không có mưa, mùa hạ ít mưa. Đến đây mưa như trút, suốt đêm đến sáng chưa tạnh.

Ra sắc chỉ cho các nha môn trong ngoài rằng : Mọi bản tâu về việc công, quan phụ trách phải xét kỹ sự việc nguyên do, tự mình khởi thảo, rồi giao cho viên lại giữ việc đó chép lại, xong rồi kiểm soát lại để thi hành.

[3b] Ra sắc chỉ rằng, những sách trong sổ của Hình bộ thì màu vàng, độ dài y theo sổ.

Định những điều không hợp cách của bản tâu, như : dòng chữ lên xuống, có vết bẩn... Đó là theo lời tâu của Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung.

Mùa đông, tháng 11, hiệu định lệnh riêng về việc đánh Sơn Man¹ gồm 10 điều.

Ra sắc chỉ rằng, kể từ nay, các quan vào châu không được nhỏ cốt trầu, ném bã trầu ở cửa và sân Đan Trì.

Tháng 12, đi đánh Sơn Man.

Giáp Ngọ, [Hồng Đức] năm thứ 5 [1474], (Minh Thành Hóa năm thứ 10). Sắc dụ quan lại phủ, châu, huyện, các xứ thừa tuyên trong cả nước rằng :

“Đặt luật để trừ kẻ gian, sao dung được bọn coi thường pháp luật ; đặt quan để dẹp mối kiện, lại gây ra cái tệ bán quan mua tước. Nếu không cấm triệt cho nghiêm thì sao chấm dứt được nạn tranh đoạt rắc rối. [4a] Từ nay về sau, việc thừa nhận ruộng đất nếu đã quá hạn rồi mà làm đơn gian trá, ghi năm tháng còn trong hạn và chưa được hầu xét vào đơn, cùng là trước đã xét ra là gian trá, thì tuy có lời cung, cũng đều cho phế bỏ cả, không được xét hỏi nữa. Quan phụ trách dám nhận đơn và xét hỏi, Hiến ty hặc tâu, thì xử tội lưu”.

Gia phong Trần Phong làm Thiếu bảo ngự sử dài dơ ngự sử. Vua dụ rằng :

“Người trước kia làm Kinh diên, quen thói mưu ngầm với Nguyễn Khốn, thực là điều hổ thẹn. Nay người làm Ngự sử, gây lưng chụm cẳng với Nhân Chính, cũng đáng là sỉ nhục. Người sao không gột rửa cái thói xấu đi, để nhận lấy công lao khi về già ?”.

1. CMCB22, 35 chép là ở Sơn Man ở châu Bằng Tường của nhà Minh.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 22, ra sắc chỉ rằng :

Tù nhân bị tội lưu, ở châu gần thì sung làm quân vệ Thăng Hoa, ở châu ngoài thì sung làm quân vệ Tư Nghĩa, ở châu xa thì sung làm quân vệ Hoài Nhân, những kẻ được tha tội chết cũng sung [4b] làm quân vệ Hoài Nhân.

Tháng 5, ngày 15, định lệnh mua giấy làm sổ. Ra sắc chỉ rằng :

Về việc làm sổ hộ tịch và ruộng đất, quan làm sổ có thể chia xã lớn, xã nhỏ, cho nhân phu chịu sai dịch, mỗi người đóng 3 tiền mua giấy bút, trình quan thừa ty đối chiếu soát lại.

Tháng 6, ngày 16, ra sắc chỉ rằng : Học sinh ba xá ¹ ở tản mát, thì quan phụ trách trưng trị kẻ phạm lỗi, kẻ nào phạm nhiều lần thì tâu lên để bắt sung quân.

Định lệnh khuyến khích trung nghĩa :

Trung thần nghĩa sĩ như Lê Phụ Trần, [Trần] Khát Chân triều trước, Đào Biểu ² triều này, quan phụ trách và quan phủ huyện tìm lấy một người cháu nội, hay cháu gọi bằng chú bác của các vị đó, xét thực tâu lên sẽ trao cho một chức nhân tản. Nếu không có cháu thì mới cho một người thân thuộc [5a] được miễn quân dịch và thuế khóa để coi việc thờ cúng. Còn như Phó đô ngự sử Nguyễn Duy Trinh thì theo như lệ chết trận để tỏ khuyến khích.

Tháng 6 nhuận, ngày 16, giết Hà Nghiễm. Vua dụ bọn Thái bảo Kỳ quận công Lê Niệm rằng :

“Hà Nghiễm chết, có ba điều bất hạnh : Phép chưa đáng giết đã bị chết oan, đó là nỗi bất hạnh của Hà Nghiễm. Vô tâm giết bừa, tự mang tiếng xấu, đó là điều bất hạnh của trẫm. Bấy giờ Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm, Thị lang Hà Nghiễm, Trần Tuấn hay lấy người làm quan nơi xa chuyển bỏ về chỗ gần gũi, thuận tiện, lấy người ở nơi nước độc chuyển bỏ về nơi đất tốt, nên mới sai Vũ Nhân Hòa đem bọn Hoàng Nhân Thiêm, Hà Nghiễm, Trần Tuấn đến hỏi. Trẫm bị bệnh cảm rồi quên mất, bọn Nhân Thiêm chưa được hỏi đến mà Hà Nghiễm đã chết, thế là điều bất hạnh”.

[5b] Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu rằng : Ai tình nguyện đi đánh Sơn Man thì tháng 10 tiến phát.

Tháng 9, ngày 11, ra sắc chỉ rằng : Lại viên các nha môn tự tiện bỏ về nhà thì đồ làm khao dinh sung quân. Quan bản nha tự tiện cho về thì phạt 10 quan tiền.

Lại đi đánh Sơn man.

1. Học sinh ba xá. (Tam xá sinh) : học sinh của ba xá gồm Thượng xá, Trung xá và Hạ xá.

2. Đào Biểu : làm chức Nội nhân thị hậu phó chương, chết theo Nhân Tông trong loạn Nghi Dân.

Mùa đông, tháng 10, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Lê Hoàng Dục, Nguyễn Đôn Phục, Ngô Lôi nộp cống hằng năm ; bọn Nghiên Nhân Thọ, Nguyễn Đình Mỹ tâu việc Chiêm Thành tan vỡ quá nhiều biên giới.

Sửa đắp bức tường phía tây kinh thành.

Ai Lao tiến cống phương vật.

Năm này lấy Trịnh Công Đán làm Binh bộ thượng thư, Vương Khắc Thuật làm Lại khoa cấp sự trung, Vũ Đức Khang làm Hộ khoa cấp sự trung, Trần Khải làm Hình khoa cấp sự trung.

Ất Mùi, [Hồng Đức] năm thứ 6 [1475], (Minh Thành Hóa năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh sai Kim ngô vệ chỉ huy sứ Quách [6a] Cảnh sang đuổi bắt những kẻ chạy trốn. Cảnh đi đường sông Thao đến.

Khi Cảnh về, vua sai Thái phó Kỳ quận công Lê Niêm, Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm, Binh bộ thượng thư Đào Tuấn, Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo, Hàn lâm viện thị thư Vũ Kiệt và Sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên làm thơ. Vua viết bài tự đề tiền Cảnh. Bài tự đề là *Thiên Nam động chủ Đạo Am tự*¹.

Tháng 3, tổ chức thi hội cho các cử nhân trong nước. Bấy giờ, có 3200 người dự thi. Lấy đỗ bọn Cao Quýnh 43 người.

Phép thi khoa ấy : Kỳ thứ nhất, về *Tứ thư* : *Luận Ngữ* 3 đề, *Mạnh Tử* 4 đề, *Trung Dung* 1 đề, cộng là 8 đề. Người thi tự chọn 4 đề mà làm, [6b] không được thiếu. Về *Ngũ kinh*, mỗi kinh 3 đề, riêng *Xuân Thu* 2 đề. Kỳ thứ hai, thơ và phú mỗi loại một bài. Thơ dùng thể Đường luật, phú dùng thể Lý Bạch. Kỳ thứ ba, chiếu, chế, biểu mỗi thể loại một bài. Kỳ thứ tư, sách vấn, đầu đề văn sách hỏi về ý nghĩa dĩ đồng của kinh, sử và nội dung về thao lược của tướng soái.

Mùa hạ, tháng 5, ngày 11, vua ngự điện Kính Thiên, thân ra đề văn sách, hỏi về đạo vua tôi ngày xưa.

Sai Quang tiến trấn quốc thượng tướng quân phò mã đô úy Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc Đuan Vũ bá Trịnh Công Lộ và Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm làm đề điệu ; Thái tử thiếu bảo Ngự sử đài đô ngự sử Trần Phong và Binh khoa đô cấp sự trung Phí Bá Khang làm giám thí ; Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân [7a] Trung, Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận, Quách Đình Bảo làm độc quyền. Ban cho ba người : Vũ Tuấn Chiêu, Ông Nghĩa

1. Thiên Nam động chủ và Đạo Am đều là tên hiệu của Lê Thánh Tông.

Đạt, Cao Quỳnh đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Xán 13 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Đỗ Vinh 27 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày 28, ra sắc chỉ rằng : Nếu các xứ có trộm cướp nhóm họp thì các quan phủ, châu, huyện, các xã trưởng, thôn trưởng của nơi đó đều phải trị tội theo như pháp luật.

Mùa thu, tháng 7, nước lũ, vỡ đê sông Tô Lịch ở phường Kim Cổ.

Tháng 8, ngày 28, tổ chức thi cho con cháu các quan viên. Phép thi : 1 bài biểu, 1 đề toán.

Mùa đông, tháng 10, ra sắc chỉ cho các xã làm sổ hộ tịch. Trong một xã, đàn ông, đàn bà cùng họ không được cùng [7b] tên. Nếu trước đã ghi cùng tên thì phải đổi ngay tên khác. Người mới khai và người cũ không được trùng tên nhau.

Tháng 11, tuyển bổ quân ngũ.

Định lệnh cấm vợ vét xoay tiền. Trong các việc xây dựng sửa chữa, kẻ nào mượn cơ mà vợ vét xoay tiền thì trị tội theo luật xoay tiền.

Định tội các thí quan ¹ : Nếu can việc công thì xử theo luật người có quan chức, nếu can việc tư thì xử theo luật người không có quan chức.

Ra sắc chỉ cho cả nước sửa đắp những chỗ dẽ dập và đường sá. Đặt các chức quan Khuyến nông và Hà đê.

Nhà Minh lập hoàng tử Hựu Đường làm Hoàng thái tử.

Ra sắc chỉ rằng : Quan Tổng bình về kinh phải có sắc thư và nội phù, khi xét quả thực không có sai sót gì, mới được theo lệnh. Nếu chỉ có phù không có sắc, hoặc chỉ có sắc không có phù mà dám tự tiện rời bỏ nhiệm sở, [8a] tội nặng thì phải xử tử, tội nhẹ thì phải đi đày.

Lấy Lê Cảnh Huy làm Thái bảo Kiến Dương hầu, Lê Hy Cát làm Diên Hà bá, Chử Phong làm Đề hình giám sát ngự sử.

Bính Thân, [Hồng Đức] năm thứ 7 [1476], (Minh Thành Hóa năm thứ 12). Mùa xuân, tháng 2, vua thân hành ngự đến nhà Thái học, sai các văn thần chia nhau tế ở đông vu và tây vu.

Ngày 16, nguyệt thực toàn phần.

Vua ngự về Lam Kinh.

Ngày 22, vua xuất phát từ Tây Kinh, đi thuyền nhẹ ra cửa Linh Trường², làm thơ *Linh Trường hải khẩu* và bài tự.

1. *Thí quan* : những viên quan chưa được tuyển bổ chính thức.

2. *Cửa Linh Trường* : nay là cửa Lạch Trường, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bài tự viết : “Nhìn non ngấm nước là để ngụ cái thú của người nhân, bậc trí ¹. Bên bờ biển, toàn là dãy núi xanh cao vút, những ngọn núi dựng đứng ở cửa biển, hình dáng lại càng lạ hơn. Cái hang dưới chân núi, ăn sâu mãi vào trong, thăm thẳm [8b] khôn lường, tương truyền đó là miệng một con rồng. Bên ngoài miệng rồng lại có tảng đá, có hình thể rất lạ, tương truyền đó là mũi rồng. Ở dưới mũi rồng, lại có một tảng đá rất tròn, rất đẹp, tương truyền đó là hạt châu dưới hàm con rồng. Đá lớn nhô ra lồm vào nhiều vế, chỗ dày chỗ thưa, nhiều không kể xiết, tương truyền đó là bộ râu rồng”.

Vua bỏ thuyền lên bờ, đi bộ đến đầu núi, bỗng nảy hứng thơ bèn viết 56 chữ ² để ghi lại.

Ngày 29, sắc dụ các quan lưu thủ Đông Kinh là bọn Thái bảo Kiến Dương hầu Lê Cảnh Huy, Diên Hà bá Lê Hy Cát và Lại bộ thượng thư Hoàng Nhân Thiêm rằng :

“Ngày mùng 3, tháng 3, đại giá sẽ từ Lam Kinh về. Ngày hôm đó, phải chia quân ngăn cấm người đi lại. Ở kinh [9a] thì các tráng sĩ hộ vệ phải giữ đồn điểm cho nghiêm ngặt. Thượng Kinh ³ là đất căn bản, nên đặc biệt dụ cho bọn khanh được biết”.

Tháng 3, ngày 16, ra lệnh đại xá gồm 49 điều.

Mùa hạ, tháng 4, hạn hán. Ngày 23, vua cầu đảo Hạo Thiên Thượng Đế là vì từ mùa đông tới mùa hạ ít mưa. Xét bài biểu cầu mưa đại lược viết :

Kẻ không có đức, thần Lê mỗ xin dốc hết lòng chí thành, dâng lời kêu vớt đức Thái thượng khai thiên chấp phù ngự lịch hàm chân thể đạo hạo thiên chí tôn ngọc hoàng thượng đế bệ hạ : Nay từ mùa đông đến mùa hạ ít mưa, nắng suốt, việc dân vất vả. Người làm thợ, đi buôn không chỗ nương nhờ, kẻ cày ruộng chần tằm hết bề trông ngóng. Chỉ vì thần không có đức, để đến nỗi trăm họ chịu tai ương. Bọn dân ngu nhơn nhác kêu thương, cơ hồ đến hết phương sinh sống. Vì thế, thần dám dẫu không gõ cửa Đế đình để giải tỏ lòng xót thương, để tâu bày niềm kính sợ. Cúi xin ngài tha thứ cho tội lỗi, [9b] đổi tai họa thành điềm lành, ban cho mưa móc lớn, thấu khắp đến mọi nơi. Thần kính cẩn xin tâu lời cầu khẩn.

Tháng 6, ngày mùng 7, ban sắc dụ 20 điều.

Ngày mùng 10, ra sắc chỉ rằng : Con trai, con gái của các nữ đình khiêng kiệu sinh ra, cứ 6 năm một lần duyệt tuyển sung vào, coi đó làm lệ thường.

-
1. Trích từ câu “Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy” (người nhân thì ưa núi, người trí thì ưa nước) của sách *Luận ngữ*.
 2. Tức là bài thơ Đường luật 8 câu 7 chữ.
 3. *Thượng Kinh* : chỉ kinh đô Thăng Long.

Lấy Hàn lâm viện thị thư Đào Cử làm Đông các hiệu thư.

Ngày 16, xuống chiếu bắt Cung Vương Khắc Xương, vì Khắc Xương ngầm mưu việc đại nghịch.

(Đến ngày mùng 6, tháng 8, Khắc Xương ốm chết).

Mùa thu, tháng 7, ngày 27, nhà Minh sai chánh sứ Lễ bộ lang trung Nhạc Chương, phó [10a] sứ Hành nhân Trương Đình Cương mang sắc thư sang báo việc lập Hoàng thái tử và ban vóc lụa.

Nghiên Nhân Thọ chết.

Tháng 8, ngày 16, khắc đầu canh năm có nguyệt thực toàn phần.

Mùa đông, tháng 10, ngày 15, sai sứ sang nhà Minh : Bùi Sơn, Vương Khắc Thuật, Chử Phong mừng lập Hoàng thái tử Lê Tiến, Ông Nghĩa Đạt tạ ơn ban vóc lụa. Nguyễn Tế tâu việc địa phương Chiêm Thành.

Đinh Dậu, [Hồng Đức] năm thứ 8 [1477], (Minh Thành Hóa năm thứ 13). Mùa xuân, tháng 2, ngày mùng 3, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng rằng :

“Kể từ nay, các quan hộ vệ, trừ những ngày hộ vệ túc trực theo thường lệ ra, còn những ngày chịu ân mệnh hay sắc chỉ sai phái và những ngày ra mắt, từ biệt, lạy tạ, đều mặc thường triều phục và [10b] công phục như lệ các quan viên triều tham, không được đội mũ sơn đen và mặc áo thường như trước. Các quan văn võ vào lạy tạ đều dùng công phục, không được dùng thường triều phục như trước”.

Tháng nhuận, ra sắc chỉ cho các quan nha môn các vệ phải ký tên vào giấy tờ rồi theo đó mà thi hành.

Xây thành Đại La.

Định thường triều phục.

Ra sắc chỉ cho các quan văn võ trong ngoài cả nước : Kể từ nay, những ngày yết triều, từ biệt hay ra mắt thì mặc áo cổ tròn đúng như kiểu áo của các quan đã ban xuống.

Tháng 3, ngày 16, bọn Hàn lâm viện thừa chỉ kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung tâu rằng :

Phụng xét quan chế của Hoàng triều, Sùng Văn quán có chức Tư huấn và Điển nghĩa để dạy nhò sinh. Cháu trưởng của các bậc công, hầu, bá, tử, nam ; con trưởng của các quan văn võ nhị, tam phẩm ; [11a] con trưởng của các tãn quan tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát phẩm, nếu ai tuổi trẻ và thông minh ham học thì cho vào Sùng Văn quán¹ làm học sinh đọc sách. Lại bộ chọn bổ chức Tư huấn

1. CMCB23, 5b chép là Chiêu Văn quán.

và Điền nghĩa cùng các văn thần tuổi cao, có học vấn kiêm việc dạy học. Cứ 3 năm, quan dạy học làm danh sách tâu lên, đưa sang Lễ bộ để tổ chức thi. Đề thi là một kỳ ám tả, một bài kinh nghĩa, hai bài về *Tứ thư*. Ai đỗ thì bỏ các chức quan văn. Nếu tuổi đã lớn mà dần dộn, muốn học võ nghệ, thì cho vào học tập ở vệ Cẩm y, mỗi ngày tới trường đấu võ ở phía tây kinh thành tập luyện các nghề cung tên, thủ tiễn, đánh mộc... Đến cuối mùa đông, vệ ấy sai quan khảo xét, cứ ba năm một lần, quan phụ trách làm danh sách tâu lên, đưa sang Binh bộ, tổ chức thi theo lệ đã định. Người nào đỗ thì bỏ các chức quan võ. Người nào đau yếu không chịu nổi muốn xin về quê quán, thì làm giấy trình lên các quan Lại bộ và Lại khoa [11b] xét duyệt, làm bản tâu lên, cho được mang chức cũ về nghỉ ở quê hương.

Ra sắc chỉ rằng : Con cháu các tưng quan ¹, nếu thi đỗ các môn thơ, biểu và viết chữ, làm tính thì cho làm nho sinh ở Tú lâm cục và làm thuộc lại các nha môn như lệ con cháu văn võ quan thi đỗ.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 18, sắc dụ các quan thừa ty, hiến ty các xứ, và các quan phủ, huyện rằng :

Các việc dân sự thường ngày như hạn hán mà không cầu mưa, lụt lội mà không tháo nước, việc lợi mà không làm ngay, việc hại mà không trừ ngay, tai dị mà không cầu đảo thì phải xử tội đi đầy.

Mùa đông, tháng 10, ngày mùng 6, quy định điều lệ thi các đội trưởng. Tất cả các cục, ty, sở Ứng sự, Tinh mễ, Điền mục, Chung thái, Đồn điền, Tàm tang, bị thiếu các chức đội lại, thì Hộ bộ khảo thi những người am hiểu về viết chữ và tính toán trong các cục, ty, sở, ai đỗ thì bỏ vào.

Định ngạch thuế bãi dầu ven sông nhỏ.

Định lệ chia mở chợ mới. Ra sắc chỉ rằng : Sinh dân các huyện, châu, xã ở các xứ trong nước mỗi ngày một đông, nếu muốn mở thêm chợ mới để tiện mua bán thì quan phủ, huyện, châu phải khám xét thực tế, nếu quả là tiện cho dân thì làm bản tâu lên, cho theo tiện lợi mà họp chợ, không cứ là có ngạch cũ hay không.

Tháng 11, ngày 20, vua sai Binh bộ tả thị lang Trần Trung Lập, Hàn lâm [12b] viện hiệu thảo Lê Ngạn Tuấn và Phan Quý sang nhà Minh tiến cống và phi báo cho bọn huyện quan Bằng Tường là Lý Quảng Ninh, tri châu Long Châu là Triệu Nguyên kíp thời đón tiếp lễ cống và sứ thần để tránh làm lỡ việc tiến cống.

Định chế độ bổng lộc của các quan cai trị trong ngoài. Xét đại diện có ghi :

1. *Tưng quan* : quan văn theo hầu vua.

Cấp bổng lộc để khuyến khích lập công, tùy theo trách nhiệm là nặng hay nhẹ. Các bậc hoàng tôn, công thần, tuy không hạn chế về phẩm trật, nhưng cũng có thứ bậc khác nhau ; các chức quan văn võ trị nhậm trong ngoài, công việc, trách nhiệm khác nhau, cũng nên xét rõ khó nhọc hay nhàn rỗi. Người nào phẩm trật ngang nhau nhưng kiêm nhiệm quan chức thì cấp bổng lộc theo chức nhiều việc. Người chức thấp mà kiêm chức, thì cấp theo chức kiêm nhiệm, mức tối thiểu là theo phẩm trật vốn có, tùy công việc nhiều hay ít mà xét cấp. Người chức cao mà làm việc chức thấp thì cấp theo chức vụ đảm nhiệm, mức tối thiểu là theo phẩm trật vốn có, tùy công việc nhiều hay ít mà xét cấp. Đại để quan trong kinh kiêm nhiệm nhiều việc thì **tăng** 1 bậc, nhiều nữa thì **tăng** 2 bậc, ít việc thì **giảm** 1 bậc, ít nữa thì **giảm** [13a] từ 2 đến 5 bậc. Các quan ngoài kinh kiêm nhiệm nhiều việc thì **giảm** 1 bậc, chỗ nhiều việc vừa thì **giảm** 2 bậc ; chỗ ít việc thì **giảm** 2 bậc chỗ ít việc nữa thì **giảm** từ 3 đến 5 bậc. Các thí quan tùy theo chỗ nhiều việc hay ít việc, sau khi đã **tăng** hoặc **giảm** rồi, lại **giảm** xuống 3 bậc nữa mà cấp.

Tháng 12, ngày 15, nguyệt thực toàn phần.

Ngày 21, sắc dụ các quan văn võ :

Người nào không phải là thân thuộc của hai vệ Cẩm y, Kim ngô và các vệ, ty Thần vũ, Điện tiền, Hiệu lực, Tráng sĩ mà mượn cơ để tặng biếu, đi lại, chèn chén, cầu kết bạn, cùng là người trong các vệ, ty mà kết bạn với họ, đều phải bắt giao cho đình úy xét tội. Quan ngoài mà kết giao với quan trong thì xử tội chém. Quan cai quản không biết xét tâu lên thì xử tội đi đày.

Ra sắc chỉ rằng : Kỳ quân của các ty Hộ vệ, người nào chưa đeo thẻ bài thì quan cai quản ấy cho đeo thẻ bài bằng gỗ theo như [13b] quân Hộ vệ.

Định lệ tư cách và xuất thân ¹ của lại viên các nha môn.

Những lại viên các nha môn ở trong [kinh], người nào có chân xuất thân thì khi mới tuyển bổ được làm thư lại, làm việc 3 năm được bổ làm đạt lại ; làm việc 3 năm nữa được thăng làm điển lại ; lại làm việc 3 năm nữa mà không phạm lỗi gì thì được thăng làm đồ lại. Nếu lại viên các nha môn ở trong kinh mà không có chân xuất thân thì khi mới tuyển bổ, cho làm thông lại, làm việc 6 năm, thăng làm đề lại. Nếu ở ngoài thì cũng như lại viên các nha môn ở trong mà không có chân xuất thân.

Định lệ tư cách cho lệnh sử các phủ nha ². Mới tuyển bổ thì sung làm á lệnh sử, làm việc 3 năm thì thăng bổ thừa lệnh sử ở nha môn phủ đó, lại làm việc 3 năm nữa thì thăng bổ đồ lại ở nha môn vào hạng có chân xuất thân.

1. *Xuất thân* : như giám sinh, sinh đồ và người thi đồ thư, toán (CMCB 23, 10a).

2. *Phủ* : là phủ của thân vương, công chúa. *Nha* : là nha môn của hoàng tử, quốc công, quận công, hầu, bá, tử, nam (CMCB 23, 11a).

[14a] Định lệ phong tặng.

Hoàng thái hậu phong 3 đời ; Hoàng hậu, Tam phi¹ phong 2 đời ; Cửu tần², Lục chức³ Nữ quan⁴ nhất phẩm chỉ được phong 1 đời. Người được truy phong thì chỉ được gia phong danh hiệu quan tước, chỉ được một mình thôi, không có lương chức vụ và lệ tập ấm. Quan viên ngày thường làm việc mà bị tai nạn cũng được phong tặng. Các quan văn võ được sắc chỉ ban phong cho mệnh phụ, Lại bộ làm bản tâu lên, khi được sắc chỉ thì kê rõ tước hiệu, chức phẩm tâu lên, giao cho Tư lễ giám chiếu lệ thi hành.

Định lệ cấp ruộng cho các quan viên.

Mậu Tuất, [Hồng Đức] năm thứ 9 [1478], (Minh Thành Hóa năm thứ 14). Mùa xuân, tháng 2, ngày 23, ra sắc chỉ cho ba ty Đô, Thừa, Hiến các xứ được xét các quan lại trông bộ thuộc của mình, người nào liêm khiết hay tham ô, chuyên cần hay lười biếng, cùng các quan nho học dạy dỗ nhân tài, hằng năm có người được sung công sĩ hay không, nhiều hay ít, đều ghi tên tâu lên **[14b]** để định việc thăng hay giáng.

Ra sắc chỉ cho các quan thừa tuyên, phủ huyện các xứ trông nom việc đồng ruộng, khuyên dân lấy nước vào ruộng để kịp thời gieo cấy.

Tháng 3, tổ chức thi hội cho các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Lê Ninh gồm 62 người

(Lê Ninh người Thụ Ích, Yên Lạc⁵, là ông nội của Hiến).

Mùa hạ, tháng 5, ngày 14, vua ra hiên, ra đề văn sách, hỏi về đế vương trị thiên hạ, duyệt các bài trả lời. Cho Lê Quảng Chí đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh⁶. Trần Bích Hoàn, Lê Ninh đều đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh⁷ (Quảng Chí người [xã] Thần Đầu, [huyện] Kỳ Hoa⁸, làm đến chức Đông Các, được tặng Thượng thư, hiệu là Hoàn Sơn tiên sinh, được phong Thượng đẳng thần, là anh của [Lê Quảng] Ý ; Bích Hoàn người [làng] Văn Cát, [huyện] Thiên

1. Tam phi : tức Quý phi, Minh phi, Kính phi.
2. Cửu tần : tức Chiêu nghi, Chiêu duy, Chiêu viên (tam chiếu) ; Tu nghi, Tu duy, Tu viên (tam tu) và Sung nghi, Sung duy, Sung viên (tam sung).
3. Lục chức : tức tiếp dư, dung hoa, tuyên vinh, tài nhân, lương nhân, nữ nhân.
4. Nữ quan : có 6 bậc từ nhất phẩm đến lục phẩm.
5. Yên Lạc : tên huyện, nay thuộc một phần đất huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú.
6. Tức là bảng nhãn.
7. Tức là thám hoa.
8. Nay là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản¹). Bọn Nguyễn [15a] Địch Tâm 9 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân². Bọn Nguyễn Nghiễm 50 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa thu, tháng 8, nước to.

Định lệ vào châu mừng cho các tù trưởng ở phiên trấn. Mỗi năm hai lần vào châu ở kinh. (Mỗi năm về châu một lần vào tháng giêng, một lần vào tháng 7). Nếu tự ý bỏ thiếu lễ châu, một lần thì phải bãi chức, mất quan, hai lần thì bắt về trị tội.

Tháng 9, ngày mồng 5, định lệ ký tên cho các quan thủ lĩnh. Kể từ nay, các bản tâu và mọi giấy tờ việc quan, quan thủ lĩnh các nha môn đều phải ký tên ở cuối tờ giấy, không được đứng tên ngang hàng với các đường quan.

Ngày 22, vua hạ chiếu đi đánh nước Lão Qua.

Mùa đông, tháng 11, ngày 20, định lệnh tuyển bổ quan viên các ty ở Hình bộ.

[15b] Ra sắc chỉ cho đường quan Hình bộ công bằng xét kỹ quan các ty, có người nào do chân lại viên xuất thân, học thức nông cạn, tài năng thấp kém thì tâu lên rõ ràng, đưa sang Lại bộ xét thực, đổi bổ làm việc khác. Lại chọn lấy các tiến sĩ và các sĩ nhân đã thi đỗ, đã từng làm qua các chức ở phủ, huyện, châu và chức thủ lĩnh, mà có tài năng, kiến thức bổ thay vào.

Định lệnh lựa thải quan viên 3 điều :

1 - Bậc trưởng quan các nha môn văn chức trong ngoài, đều phải công bằng xét kỹ các quan viên dưới quyền mình, nếu có kẻ hèn kém, như Tham nghị Lạng Sơn Trần Duy Hình, Tri phủ Trường Khánh Ninh Tháp Nhung, Tri phủ Phú Bình Phạm Tháo... và những tên dằn dộng bỉ ổi, không làm nổi việc, đáng phải cho nghỉ, thì làm bản tâu lên, giao cho Lại bộ xét thực, đều bắt phải nghỉ việc ; lại chọn người đã từng làm việc có tài năng, kiến thức, quen thạo [16a] việc mà bổ vào thay.

2 - Bậc trưởng quan các nha môn quân quân trong ngoài, phải công bằng xét kỹ các quan vệ sở dưới quyền mình, nếu có kẻ nào mỗi một hèn kém như bọn Nguyễn Trí Nghiêu, Đỗ Hữu Trục, Đỗ Công Thích... cùng những tên dề tiện bỉ ổi, không có tài cán, không làm nổi việc, đáng cho về nghỉ, thì làm bản tâu lên, giao cho Lại bộ xét thực, hoặc đổi đi chỗ ít việc, hoặc bắt nghỉ việc ; lại chọn những người đã từng qua chinh chiến, có tài năng, kiến thức làm được việc mà bổ vào thay.

1. Nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Hà.

2. Tức là hoàng giáp.

3 - Trưởng quan các nha môn cần lựa thải thì phải công bằng sáng suốt, không được theo sự ưa ghét riêng của mình để khi làm công việc ấy được mọi người thành tâm tin phục. Nếu xét người hay dở mà sai sự thực thì Lục khoa, Ngự sử đài, Hiến ty kiểm xét hoặc tâu để trị tội.

Tháng 12, ngày 16, ban đêm có nguyệt thực.

Hạ lệnh cho các quân tập tượng trận [16b] ở sân điện Giảng Võ.

Ngày 23, bắt đầu quy định nghi lễ hôn nhân giá thú. Các nghi lễ đó là :

Khi lấy vợ, trước hết phải nhờ mối lái đi lại bàn định, rồi sau mới định lễ cầu thân ; lễ cầu thân xong, rồi mới bàn việc dẫn cưới ; dẫn cưới xong, rồi mới chọn ngày làm lễ đón dâu. Ngày hôm sau, [con dâu] chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến lễ ở nhà thờ, phải theo đúng trình tự các nghi thức tiết văn đã ban xuống mà thi hành, không được như trước, nhà trai đã dẫn lễ cưới rồi còn để qua 3,4 năm sau mới cho đón dâu.

Định lệ thưởng phạt trong kỳ đô thí ¹. Các bậc công, hầu, bá và các võ quan trong ngoài, người nào có chức quân quân đều phải dự đô thí.

Phép thi như sau : Mỗi người thi bắn cung tên 5 phát, ném thủ tiễn [17a] 4 chiếc, dẫu mộc 1 tao. Trúng được từ 8 đến 10 là thượng cấp ; từ 6 đến 7 là trung cấp ; từ 4 đến 5 là hạ cấp, đều được thưởng theo thứ bậc khác nhau. Nếu trúng từ 2 đến 3 thì không được thưởng cũng không bị phạt ; trúng từ 1 đến không trúng thì phải phạt tiền cũng theo thứ bậc khác nhau.

Lấy Trịnh Công Ngô làm Hộ bộ thượng thư.

Kỷ Hội, [Hồng Đức] năm thứ 10 [1479], (Minh Thành Hóa năm thứ 15). Tháng giêng, ngày mùng 9, dời các tướng Chân Vũ ra ngoài.

Ngày 26, vua ngự giá duyệt võ bị 16 ngày.

Sai Sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* 15 quyển.

Tháng 2, ngày 20, vua ngự giá xem bắt cá ở Tây Hồ.

Tháng 3, ngày mùng 10, ra sắc chỉ rằng : Các quan viên lười biếng, bỏ ổi, dè tiện, yếu hèn, nếu là con cháu công thần [17b] thì bãi chức bắt về làm dân ; nếu là con cháu thường dân thì bãi chức sung quân.

Mùa hạ, tháng 5, hạ lệnh thu lương khô ² chứa vào kho của thừa ty các xứ. Lại viên các nha môn trong ngoài, mỗi người nộp 20 thăng lương.

Tháng 6, ngày mùng 7, vua xuống chiếu đi đánh Bồn Man.

1. *Kỷ đô thí* : kỳ thi lớn về võ nghệ.

2. *Lương khô* : nguyên văn là "thực lương" chỉ thóc gạo đã đồ chín.

Tờ chiếu viết :

“Trời đất khoan thứ như dương sinh, thăm khắc tựa âm tàn, nguyên khí bao la mọi chốn. Đế vương nuôi dưỡng bằng lòng nhân, đánh dẹp dùng điều nghĩa, đức uy trùm khắp tám phương. *Kinh Dịch* nói : “Cung tên đề ra uy trong thiên hạ”. *Kinh Thư* ghi : “Kẻ vô đạo thì thúc đẩy cho diệt vong, người có đạo thì giữ gìn cho còn mãi, như thế thì nước mới phồn vinh”. *Kinh Thi* viết : “Chăm việc võ bị, để yên nước vua”. *Chu Lễ* nói : “Kẻ nào giết người hiền, hại sinh dân thì phải đánh, kẻ nào cậy hiểm trở, không phục tùng thì phải chiếm”. Câu nói trị đời của thánh hiền xưa nay vẫn là một.

Nước nhà ta tóm thâu bờ cõi, thống trị muôn dân ; dù chốn hang hùm ổ rắn [18a] cũng được nắng soi, rượu hưởng, đến kẻ mình vẽ tai xâu, đều phải dâng lễ, nộp châu.

Giặc Bồn Man Cầm Công ở lẫn ngoài cõi xa xăm. Thanh tử ta lượng như biển cả bao dung, như mùa xuân nuôi dưỡng, cho Tư Ngao ¹ sống sót trong cỏ tranh ; Văn Hoàng ta lòng như núi lớn chứa đầy, như sông sâu chờ nặng, mặc Quý Mạnh ² nghênh ngang ngoài gò đồng.

Thế mà nó dạ muông thú không chịu đổi thay, tính dã man khó bề thuần hóa. Lừng khừng như loài lợn ốm gầy, diên đảo tựa một phượng đối tráo. Bỏ chức phiên thần mà lười dâng lễ cống ; mang lòng lừa trời mà làm nhục sứ thần. Mưu việc chẳng lành, làm sao nên được ! Tinh ma nhiều cách, dám dựa kẻ trái mệnh để làm càn ; sấm sét ra oai, phải đem quân chinh nghĩa mà hỏi tội. Trước còn ôm đầu chạy trốn, nín thở nấu mình ; sau lại vẫy đuôi kêu thương vội vàng nộp đất. Trăm thương lương dân sống một phương, tha cho tội ác đáng muôn chết. Đặt quận huyện để trị biên cương ; đổi áo xiêm mà trao quan tước.

Nhưng nó vẫn ngoan ngu như gỗ đá, [18b] uống phụ lòng tốt của đất trời ; buông lòng tham sâu như khe hang ; đảo danh phận lộn ngược giày mũ. Lộng hành quyền binh, chém giết tứ tung ; bán cả ruộng dân, vợ vét tiền của. Hủy hoại tóc da chỉ vì dăm mè của Phật ³, theo thói cầm thú đến nỗi dâm hiếp con dân. Liều thuốc ra đón sắc mệnh ở ngoài thành thì gói cao nằm khênh ; quan ải phi báo công văn thắng trận ⁴ thì đóng cửa ngăn đường. Thậm chí nuôi phượng thích khách vô loài, chưa chấp mưu gian càn rỡ. Bầy kẻ gian điệp hồng nhòm ngó nước ta, đặt lời điều toa để mê hoặc ngoài cõi. Bầy gian ác Lệ Khai thì dung

1. *Tư Ngao* : từ trường một bộ lạc thời vua Nghiêu trong truyền thuyết Trung Quốc.

2. *Quý Mạnh* : là Quý Tôn thị và Mạnh Tôn thị, đại phu nắm giữ quyền binh ở nước Lão thời Xuân Thu.

3. Nho giáo quan niệm cơ thể con người là do cha mẹ sinh ra, phải giữ gìn từng sợi tóc, làn da, như vậy mới là có hiếu. Trong khi đó những người đi tu lại gọt đầu cắt tóc, như vậy là “bất hiếu”.

4. Ngăn chặn người phi báo tin đánh thắng nước Lão Qua.

túng chớ che, người thổ tù Hàn Triệu lại giam giữ không thả. Thích tên bán nước Đức Lân mà kết làm phụ tử, ghét người tích trữ Lang Tung thì giết cả vợ con. Nhóm hợp lũ bè, thường chống lại quan triều cai trị ; giả kính trái mệnh, dám dể chậm con tin vào châu. Trong [19a] tin lời yêu tăng gian tà, ngoài dựa tiếng Lão Qua tiếp viện. Chế sứ Nguyễn Tử Nghi hơn vài mươi bọn, trăm cách chống lại mà không nghe ; đại thần Vương Văn Đán hơn hai chục người, bỗng chốc đánh giết mà chẳng nề.

Lại còn đào hào, sửa giáp, phục kích, đóng đồn. Tự cho là bụi tre rậm có thể nấu mình, quen làm kế qua ngày sống tạm, tự nghĩ là loài chó dại có thể gây độc, dám lập mưu quay lại cắn càn.

Kìa như : Cát Bá giết một đứa mang cơm mà Thương Thang dấy binh đánh trước ¹. Lâu Lan cướp một người đi sứ mà Han Đế ra quân không tha ². Huống chi tên đầu sỏ Cầm Công, thói đồ kỵ ngày càng quá quắt. Nó xé xác quan ấp tể của ta, nó bằm vằm quân đồn thú của ta. Nổi căm giận đâu chỉ chứa đầy lòng ngực, tội ác kia còn nhiều hơn tóc trên đầu. Tử Dương chống Hán, éch ngồi đáy giếng tự tôn ³ ; Nguyên Tế phản Đường, ngồng kêu trong ao khó thoát ⁴. [19b] Rành rành dấu xe trước ; lộ lộ lưới pháp xưa.

Đặc sai Thái úy Sùng quận công Lê Thọ Vực, Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ, Diên Hà bá Lê Hy Cát đeo ấn tướng quân, trao cho 20 vạn quân tinh nhuệ, hẹn đến tháng 8 năm nay, chia đường tiến quân, kẻ tội đến đánh. Tập hợp binh sĩ như hổ như beo ; giống trống hành quân thẳng sào huyết giặc. Để dân cõi xa được chần chiếu ấm êm, khiến đảng hung ác phải kinh nghệ phan xác. Lừng lẫy danh thiêng chói lợi, theo trời nêu uy thế chẻ tre, liên tiếp tin vui rạng rỡ, hẹn ngày tau thẳng trận trở về. Báo cáo trong ngoài thầy đều được biết".

Định lệnh về nha lại sao chép sắc chỉ. Kể từ nay, lại viên các nha môn được sai sao chép sắc chỉ, việc lớn thì dùng giấy khổ to, việc nhỏ thì dùng giấy khổ nhỏ, đều viết vào một tờ, không được đóng gộp nhiều tờ.

[20a] Mùa thu, tháng 7, ngày 22, vua xuống chiếu thân hành đi đánh nước Ai Lao. Tờ chiếu viết :

1. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Cát Bá là vua nước chư hầu thời Hạ, tàn ác vô đạo, giết cả đứa trẻ mang cơm ra ruộng rồi cướp lấy cơm. Thành Thang dấy binh, lấy nước đó làm mục tiêu đánh đầu tiên.
2. *Nước Lâu Lan* : ở vùng Tây Vực, đón đường giết sứ giả của Hán Vũ Đế đi sứ nước Đại Uyển. Hán Chiêu Đế sai Phó Tử sang đánh và tiêu diệt nước đó.
3. *Tử Dương* : tức Công Tôn Thuật, chiếm cứ đất Thục, xưng đế, chống lại nhà Hán. Mã Viện từng nói với Ngỗi Ngao : "Tử Dương như con ech ngồi dưới đáy giếng". Ý nói kiên thủ cố chấp.
4. Ngô Nguyên Tế phản nhà Đường, Lý Tổ lợi dụng đêm co tuyết, ngồng vịt âm ý, đem quân đánh, bắt được Nguyên Tế.

“Bạc đế vương đời xưa chế ngự di địch, phục tùng thì curu mang bằng đức, phản lại thì sấm sét ra oai. Cốt để diệt bạo trừ hung, cho dứt mối lo cõi bờ bị xâm lấn ; đổi lòng theo hóa, cho trọn lòng nhân của trời đất chở che.

Cho nên : Hiền Hoàng ra quân núi Trác Lộc ¹, Chu Tuyên đi đánh rợ Hoài Di ². Đó đều là thể theo lẽ đóng mở của trời đất, bắt chước cơ khoan nhặt của âm dương. Đâu phải là thích lớn ham công, nhằm binh đánh bậy ?

Tổ tông ta theo trời chịu mệnh, giữ cõi an dân, chăn nuôi bằng nhân, đánh dẹp bằng nghĩa, rạng rỡ đời trước, để phép đời sau.

Trẫm nay nối công tổ tông, giữ cơ nghiệp lớn. Vỗ yên trung châu cùng man mọi, văn trị Đại Thuấn khắp ban ; phát huy mưu trí của đế vương, quy mô Chu Văn rộng mở.

Duy nước Lão [20b] Qua kia, giáp giới cõi tây. Đương khi Thánh Tổ dẹp giặc Ngô cuồng bạo, đã nhòem sơ hở đánh úp quân ta, đến lúc Thần Vũ giết tên Nghiễm hung tàn, lại giúp kẻ gian dấy binh đánh chiếm ³. Chỉ vì kẻ thù của vua cha chưa diệt, mà di địch kia bạo ngược càng già. Kiêu ngạo muôn bề, lằng loàn trăm phách. Gọi Cao Hoàng là em ⁴, coi Dụ miếu là cháu ⁵ lên mặt như ếch đáy giếng khác gì ; sang cướp châu Lang Chánh, sang quấy phủ An Tây, nhả nọc còn độc hơn loài ong họ. Vườn tược Sầm Thượng, Sầm Hạ, nó ăn lấn như tầm ; nhân dân biên giới của ta, nó lăm lét cắn trộm. Thuận Bình, Sa Bôi do vậy rối ren ; Lâm An, Quy Hợp bị chúng giày xéo. Thang Thượng, Thang Hạ là biên ấp của ta, nó cướp đoạt hoành hành ; Đạo Luận, Đạo Xa, tên thổ tù phản ta, nó kêu gọi, chứa chấp. Sứ của nó sang thông, thì ta hậu đãi cho về, quan của ta giao thiệp, nó lại [21a] bắt giữ bỏ ngục.

Đến nước tên Cầm Công trong khi ỉn nấu, nó đã giúp đỡ bao che và lúc tên Cầm Công trở mặt cắn càn, nó lại cho quân tiếp sức. Xâu xé bờ cõi ta, chiếm lấn đất đai ta. Khinh nhờn tự phụ, lừa dối làm càn. Đây đâu chỉ là mối lo một thời nơi cương giới, mà thực là mối thù muôn kiếp của nước nhà.

Trẫm nối phúc cả của tiên tổ, rộng mưu xa của Hoàng vương. Rửa sỉ nhục cho Triệu Tống phải cầu hòa rợ Nhung ⁶, mở lòng hiếu sinh như trời đất ; phục

1. *Hiền Hoàng* : tức Hoàng đế, tên một ông vua trong truyền thuyết Trung Quốc, còn gọi là Hiền Viên thị hay Hữu Hùng thị, đánh giết Xuy Vưu ở núi Trác Lộc.

2. *Chu Tuyên* : tức là Chu Tuyên Vương, *Hoài Di* : là rợ Di ở miền sông Hoài thời đó.

3. Xem BK 10 việc năm Tân Sửu (1421) và BK 11 việc năm Đại Bảo thứ 2 (1441) và Đại Bảo thứ 3 (1442).

4. Chỉ Lê Lợi.

5. Từ Lê Thái Tổ đến Lê Nhân Tông, không có vị vua nào miếu hiệu là Dụ Tông. Có lẽ chữ *Dụ* 裕 do chữ *Hữu* 祐 chép lầm. Thái Tông chôn ở Hữu Lăng, nên Hữu miếu dùng chữ *chỉ* Thái Tông.

6. Nhà Tống đến đời Cao Tông phải xưng thần, nộp cống cho nước Kim. Các vua Tống họ Triệu nên gọi là Triệu Tống.

mối thù cho Tề Tương đã chết vì nạn nước, đánh dẹp theo nghĩa sách *Xuân Thu* ¹.

Huống chi dám dân chốn man rợ này, từ lâu nhiễm hôi tanh của loài chó Lã Qua ; muốn khôi phục cương thường cho tục mọi, ắt phải vung cung kiếm, dậy oai thanh lừng lẫy.

[21b] Người có sức vác đỉnh, dựng cờ đều tập hợp trong quân ngũ ; kẻ có tài nhảy xa, vượt ải, đều xô đến dưới bóng cờ. Người bàn luận quân cơ, giúp thêm mưu kế ; kẻ núi rừng ắt dật đóng góp tài năng. Người người đều hăm hở vung gươm, ai ai cũng múa tay nhảy nhót. Hãy xem ý chí của ba quân, đủ biết lòng người đều muốn đánh.

Đã định ngày 28 tháng 7 này, đặc mệnh tướng thần, chia đường tiến đánh. Chinh Tây tướng quân ² Lê Thọ Vực là tiền phong, đi đường chính chỉ huy các doanh du kích, trước hãy giết tên cháu hiệu của giặc Bồn Man để chặt vây cánh nó, rồi chiếm ngay đất hiểm yếu là xứ Trấn Ninh mà đánh vào lòng giặc. Chinh Di tướng quân Trịnh Công Lộ chỉ huy các doanh quân thổ binh từ đường An Tây tiến vào để chiếm giữ mạn thượng lưu. Trấn Lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn chỉ huy các doanh quân hoành dã từ đường Ngọc Ma đánh tới để cắt ngăn đường giặc chạy. Du kỵ phó tướng quân là bọn Lê Lộng đi đường châu Thuận Mỗi để bóp cổ chẹn lưng. Thảo tặc phó tướng quân là bọn [22a] Lê Nhân Hiếu theo lối phủ Thanh Đô để đánh chỗ sơ hở. Muốn một trận đập tan nước Tề, phải nhiều mưu mà lừa nước Sở. Nó như ong đàn kiến lũ, cố giữ thì được bên nọ, núng dằng kia ; nó tựa hươu chạy, qua kinh, đánh lại thì thế đã chia, lực lại yếu. Liệu mưu lược ta đã bày trước, biết quân giặc tất phải cầm tù.

Nay trăm tự cầm cờ mao trắng điều khiển, tự cầm lưỡi búa vàng chỉ huy. Đánh dẹp đất man, trời bắt bọn giặc mà đời trước không trời bắt được ; kẻ tục ông cha, làm xong công việc mà người xưa chưa thể làm xong. Để cơ đồ lâu dài đến muôn đời được mở mang ; để sĩ nhục to lớn của trăm vua được rửa sạch. Trên trời cao, dưới đất rộng, sáng soi công liệt huy hoàng, tây giáp biển, nam gặp sông, rộng mở cơ đồ sáng lạn. Bá cáo trong nước, để mọi người hay".

Tháng 8, ngày 23, sai tướng thần đem 18 vạn quân, chia làm 5 đường [22b] đi đánh Ai Lao, Bồn Man và Lã Qua, đều phá tan cả.

Phò mã đô úy Đông quân đô đốc phủ chương phủ sự Đoan Vũ hầu Trịnh Công Lộ làm Chinh Di tướng quân, đeo ấn tướng quân. Đô đốc đồng tri Lê Vĩnh làm Chinh Di phó tướng quân và Tổng binh đồng tri là bọn Nguyễn Lộng dẫn quân kiên dũng các vệ Minh Nghị, Quảng Vũ, Ngọc Kiềm, Anh Đức, Phấn Uy

1. Chỉ việc Tề Tương công diệt nước Kỳ để báo mối thù của tổ 9 đời là Tề Ai công, được sách *Xuân Thu* khen.

2. Nguyên văn là "Chinh tây tướng sĩ, chữ "sĩ" in lầm, các bản in sau chữa là "quân".

thuộc Đông quân, gồm 2.000 người, theo đường An Tây tiến đánh Ai Lao. Du ky phó tướng quân Lê Lộng và Thổ binh tham tướng Đinh Thế Nghiêu đều dưới quyền chỉ huy.

Lại lệnh cho bọn Công Lộ rằng :

Nay sai bọn các người đem quân hùm gấu, quét bọn chó dê ; phải dùng quyền uy sai khiến các tướng. Người mang ấn tướng quân nếu như để lỡ cơ hội, thì cho chạy trạm tâu báo ở hành tại ; hàng tham tướng, phó tướng mà trái lệnh thì đóng cũi giải về ngục doanh ; từ hàng vệ, tổng trở xuống thì cứ chém đầu, không phải [23a] ngần ngại.

Lại lệnh cho quan ký lục là bọn Nguyễn Như Uyên, Nguyễn Cẩng : trên từ tướng súy, dưới đến binh lính, người nào chăm chỉ được việc, người nào lười biếng ngu dần, kẻ nào dám hèn nhát khiếp nhược... tất cả đều phải ghi chép cho rõ để tâu lên.

Lại ban cho Chinh Di tướng quân doanh ngân bài nhỏ thưởng công để sau ban thưởng tùy theo mức độ.

Sai Chinh Tây tướng quân Sùng quận công Lê Thọ Vực đem quân đi theo đường chính Trà Lân, chỉ huy các doanh du kích, đánh Ai Lao và Bồn Man. Sai Trấn Lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn chỉ huy các doanh hoành dã từ đường Ngọc Ma tiến sang để đón chặn đường giặc chạy. Du ky phó tướng quân là bọn Lê Lộng tiến theo đường châu Thuận Mỗi để chặn yết hầu giặc. Thảo tặc phó tướng quân là bọn Lê Nhân Hiếu thì theo đường phủ Thanh Đô mà đánh vào chỗ sơ hở của giặc. Năm đạo quân cùng hợp đồng đánh Ai Lao, phá tan bọn chúng, vào thành Lão Qua ¹, tịch thu của cải châu báu. [23b] Quốc vương nước ấy chạy trốn. Ta bắt sống dân chúng, chiếm lấy đất đai, đến tận sông Trường Sa ², giáp biên giới phía nam nước Miến Điện, nhận được thư của nước Miến Điện, thắng trận trở về.

Tháng 9, ngày mùng một, ra sắc chỉ cho các đô đốc của năm phủ và thượng thư của sáu bộ rằng : Khi tan châu lui ra, trưởng quan và liêu thuộc bên dưới nếu tự tiện về nhà thì xử tội giáng chức.

Ngày 13, ra sắc chỉ rằng : Khi làm chúc thư và văn khế, phải tìm người cùng thôn ấp, tuổi từ 30 trở lên, lập văn tự làm chứng, thì mới cho phép thi hành. Kẻ nào dám cố tình trái lệnh này, đồ bảo người ít tuổi làm chứng, hòng cho trôi kẻ gian của mình, thì xử chúc thư, văn khế đó không hợp pháp.

Mùa đông, tháng 10, ngày 18, đại giá khởi hành đi đánh Ai Lao.

1. Tức là thành Luông Pha Bang, tục gọi là Mường Luông.

2. CMCB23 chép là sông Kim Sa, sông Kim Sa tức là sông Irawadi ở Miến Điện.

Ngày hôm ấy đóng dinh ở Phù Liệt. Giờ dậu có hỏa tai, lửa cháy lan đến kho thuốc súng của vệ Thiên Uy ở cửa Đoan Môn. Cháy [24a] sạch cả khu nhà túc trực của các vệ Thần tỳ, Tráng sĩ, Điện tiền ở phía tây.

Tháng 11, ngày mồng sáu, ra sắc chỉ sai Phó đoán sự vệ Cẩm y Trần Bảo và Đô chỉ huy thiêm sự Phạm Nhân Kính đến phủ Trấn Ninh để trừ tính tại chỗ, lo liệu chứa lương.

Trần Bảo cùng Hữu tuần tiểu ¹ phó tướng quân Nguyễn Cảnh Thanh lựa chọn những người khỏe mạnh, tự nguyện trong kỳ quân và người làm thợ ở hai doanh tả hữu, mỗi doanh lấy 600 người cộng là 1.200 người, lấy khí giới, lương thực của các doanh để đi đến quân doanh của Chinh tây tướng quân Lê Thọ Vực.

Xuống chiếu hỏi tin tức đánh nước Lão Qua và hỏi tin về các doanh của Chinh di tướng quân Trịnh Công Lộ miền thượng lưu, của Trấn lỗ tướng quân Lê Đình Ngạn miền hạ lưu xem đã tiến được gần hay xa, còn hành quân hay đã ngừng lại... phải tâu lên cho tường tận, hẹn [24b] ngày 21 tháng này, đến hành điện Chiềng Vang báo cáo. Lại dụ rằng :

Thư báo thắng trận của Chinh Tây quân doanh đánh phá nước Lão Qua bị giặc Bồn đón chặn mà mất thì bọn tướng quân Lê Thọ Vực làm bản tâu theo sự thực và kê khai họ tên những người cắt được tai giặc tại trận giao cho Trần Bảo mang theo về hành tại.

Ngày mồng 8, xa giá đi tới Châu Bô, đóng doanh ở đây 4 ngày. Đến ngày 22² đại giá trở về.

Ngày 29, quan Khâm sai phó đoán sự vệ Cẩm y Trần Bảo và Hữu tuần tiểu phó tướng quân Nguyễn Cảnh Thanh mang sắc chỉ tới Sa Quan, châu Niệm Tống Trung ở ngã ba sông miền thượng lưu thuộc đất Lão Qua.

Tháng 12, ngày 28, vua về tới kinh sư.

Lại đánh Bồn Man. Sai tướng quân Kỳ quận công Lê Niệm đeo ấn tướng quân, mang [25a] 30 vạn quân đánh Bồn Man, vì có thư báo thắng trận của Chinh Tây quân doanh đánh nước Lão Qua bị giặc Bồn đón chặn làm mất.

Quân vào cửa ải, Cẩm Công bỏ chạy rồi chết. Quân ta đốt thành, đánh phá các thành khác, đốt các kho tàng.

Trước đây dân chúng Bồn Man có đến 9 vạn hộ nhưng bị chết đói gần hết, chỉ còn hơn 2.000 người, mới sai người tới xưng

-
1. Nguyên văn là "Tả hữu tuần tiểu phó tướng quân...", sửa theo từ 24b : "Hữu tuần tiểu phó tướng quân Nguyễn Cảnh Thanh..."
 2. Ngày mồng 8, xa giá tới Châu Bô, đóng doanh 4 ngày, thì ngày trở về phải là ngày 12 chứ không phải là ngày 22.

thần xin hàng. Bèn phong cho người giống nòi đó là Cầm Đông làm Tuyên úy đại sứ, lại đặt quan lại trấn giữ các huyện để cai trị. Sau Cầm Đông lại làm phản.

Sửa định lại biệt lệnh 25 điều về việc đánh Chiêm Thành và quy định chính lệnh hành quân cùng các lệ thưởng công.

Canh Tý, [Hồng Đức] năm thứ 11 [1480] (Minh Thành Hóa năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, xa giá từ Bồn Man về đến [kinh sư].

Ngày mùng 10, Tri huyện Bằng Tường nhà Minh là Lý Quảng Ninh bắt giam người của ta sai đi là Hoàng Thế Cung.

[25b] Thái bốt người già yếu trong quân ngũ và miễn duyệt tuyển.

Tháng 3, ngày 15, ra lệnh rằng :

Các quan viên nhận chức ở vùng đất độc hại đã đủ hai lần khảo khóa trở lên mà xứng đáng với chức vụ, không có tội lỗi, thì Lại bộ xét thực, rồi điều về chỗ đất lành.

Ra sắc chỉ rằng :

Phép khảo khóa đã có lệ sẵn, cốt để phân biệt người hay dở, tỏ rõ việc khuyến răn. Nay Lại bộ và quan các nha môn trong ngoài, nên theo đúng lệ mà làm để khuyến khích mọi người. Nếu dám nhu nhược bỏ phép như trước kia, thì khoa phụ trách kiểm xét nêu lên, theo luật mà trị tội.

Ngày 22, giờ dậu, mưa đá trong 2 khắc.

Thải bốt quân sắc.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mùng 6, giờ dậu, có sao sa từ giữa trời rơi về phương đông.

Hộ bộ thượng thư Lê Đuan Chi dâng lời bàn :

Các quan phủ huyện tuy làm xong việc thuế khóa, nhưng nếu trông nom việc đắp đê làm đường không chăm, những lúc rồi việc nông mà chưa hoàn thành, để trở ngại tới thu hoạch, thì đến [26a] kỳ khảo khóa, sẽ không được thực chức và thăng cấp, để răn những kẻ coi thường việc dân.

Tháng 6, hạn.

Ngày 20, ra sắc chỉ rằng :

Hình quan và các quan thừa hiến phủ, huyện các xứ xét xử án kiện, lấy của đút thì nhiều, giữ lễ công thì ít, có trường hợp để ử động văn án đến 3, 4 năm ; có trường hợp nhạ môn trên dưới dùn đẩy lẫn nhau, đổi trắng thay đen, cho trái làm phải, gian trá trăm cách, lý ngay không được tỏ bày, oan trái nhiều, sầu than lắm, đến nỗi hạn hán xảy ra luôn. Triều thần phải công bằng mà lựa chọn hoặc sa thải hình quan

và quan thừa hiến phủ huyện các xứ để đều được người giỏi, xét xử đúng lẽ, phải tâu lên để thi hành.

Ngày 25, Tổng binh đồng tri Bắc Bình Trần Ao sai liệt hiệu Đào Phu Hoán đem 600 tên quân cờ đến địa phương Cẩm Quả mở cửa ải Thông Quang¹ đến tận ruộng xứ Ban [26b] Động dựng đóng rào chắn ngang. Đầu mục người nước ngoài² là bọn La Truyền đem thổ binh tới đánh bắt. Phu Hoán lui quân về cửa ải. La Truyền lại đem quân nhỏ rờ đóng rào đem đốt đi. Trần Ao đem việc ấy tâu lên. Vua sai quan Tư lễ đưa tờ tâu cho triều thần xem. Lê Niệm tâu rằng :

Nay nếu dựng lại đóng rào, tất họ lại phá đi, không có ích gì. Nên sai quan đến khám, nếu quả là đất của ta xen vào trong đất của họ và bị họ xâm chiếm thì vẽ địa đồ cho rõ ràng, về tâu đúng sự thực, rồi làm tờ tư sẵn đợi lệnh. Năm này sai sứ sẽ giao cho bồi thần mang đi trình với đô ty tỉnh Quảng Tây, biện bạch phải trái, rồi sau hãy dựng rào. Vua y theo.

Ra sắc chỉ rằng : Các quan vào châu, khi đến ngoài cửa Đoan Môn, nếu gặp ngày mưa thì tạm tránh mưa ở hai bên hành lang phía đông và phía tây.

[27a] Ra sắc chỉ rằng : Các lại viên thi đỗ thì được bổ làm chánh quan các châu, huyện và các chức kinh lịch, thủ lĩnh, phó sứ. Còn các lại viên không thi đỗ thì chỉ bổ làm quan thủ lĩnh hoặc các quan ở châu, huyện.

Mùa thu, tháng 8, có sắc dụ rằng : Hình quan là chức quan trọng, phải chọn người có sở trường. Quan các ty ở Hình bộ, không kể là nho hay là lại, nếu tài năng kiến thức nông cạn, không am hiểu về hình danh, thì đường quan bộ ấy lựa thải ra, làm bản tâu lên, giao cho Lại bộ đổi bổ chức khác, rồi chọn các quan trong kinh ngoài trấn, người nào đã nhận chức đủ hai kỳ khảo khóa trở lên, đã thi đỗ và có tài năng, kiến thức, cùng những người do lại viên xuất thân mà đã từng trải việc hình danh để bổ vào thay.

Ngày 27, nhà Minh có sắc văn đưa sang nói rằng :

"Gần đây, được các quan trấn thủ và tổng binh Vân Nam, tâu rằng Quốc Vương An Nam vô cớ điều động binh mã đánh giết ở đất Lão Qua [27b] đến nay vẫn chưa lui quân, lại định đánh nước Bát Bách Tức Phụ³. Vậy tư cho Vương biết, nếu có phạm lỗi nói trên, nên gấp lui quân ; nếu không, Vương phải sang báo ngay để triều đình truy xét kẻ báo cáo bậy trị tội theo pháp luật".

1. Cửa ải Thông Quang ở xã Quang Lang, châu Ôn, sau đổi là đồn Quang Lang (CMCB13).

2. La Truyền là một viên thổ tù tỉnh Quảng Tây. Nguyên văn là "hóa ngoại đầu mục", nghĩa là viên đầu mục ở ngoài vòng giáo hóa của triều đình (Đại Việt).

3. Bát Bách Tức Phụ : có nghĩa là "Tám trăm vợ". Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* thì đó là tên một bộ lạc người Man vùng biên giới Vân Nam - Miến Điện. Tương truyền tù trưởng bộ lạc này có 800 vợ, mỗi vợ quản lý một trại, vì thế mới gọi là nước Bát Bách Tức Phụ.

Ngày hôm ấy, vua sau Tư lễ giám đưa tờ sắc ấy cho triều thần xem. Bọn Lê Thọ Vực bàn nên trả lời là :

Vì hiện nay có 13 người ở thành Đông Quan chạy trốn sang biên giới nước Lão Qua, nên sai bọn đầu mục Nguyễn Báo đến địa giới để đòi lại, chỉ bắt được xe buôn bán chở về, không liên quan gì đến việc đánh Lão Qua và việc muốn đánh Bát Bách Tức Phụ cả. Điều ấy là nói bịa. Bèn giao cho Nguyễn Văn Chất mang tờ tâu đi.

Bọn Binh bộ tả thị lang Trần Trung Lập, Hàn lâm kiểm thảo Lê Tuấn Ngạn, Phan Quý vâng mệnh đi sứ nhà Minh trở về, nhân tiện mang theo sắc văn của vua Minh về. Vua sai [28a] Ngô Văn Thông đưa sắc ấy cho triều thần xem. Tờ sắc nói :

"Mới rồi bọn bồi thần Trần Trung Lập tâu rằng lễ tiến cống tới Long Châu, huyện Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, thì Tri huyện Lý Quảng Ninh, Tri châu Thiệu Nguyên không ứng phó nghênh tiếp ngay và chia cho hai châu Thượng Thạch, Hạ Thạch chở đi, đến nổi bị ngăn trở lâu hàng tháng, nên từ nay, hễ có sứ thần sang kinh đô, thì gửi tờ tư trước cho các quan Tổng trấn, hẹn ngày tới Bằng Tường đón chuyển tới Long Châu, Tuyên phủ Quảng Tây theo lệ cất người đưa đi, khi sứ thần về thì giao cho quan lại có trách nhiệm đưa ra ngoài cửa ải Huống Thôn để cho khỏi bị chậm trễ".

Ba ty Đô, Thừa, Hiến Lạng Sơn là bọn Lưu Doãn Trực, Nguyễn Đễ (có sách chép là Lưu Doãn Thông và Nguyễn Hữu Đễ) tâu rằng :

Người châu Tư Lãng nước ngoài tràn vào châu Lộc Bình, cướp lấy của cải và trâu bò súc vật của bọn Hoàng Lô, Mã Bát ở Lộc Bình mang đi. [28b] Quan thủ bị Lê Đình Hoán không biết ngăn giữ : xin giao cho vệ Cẩm y bắt hỏi tội.

Bọn triều thần Lê Thọ Vực nói : Nó quen thói trước, hay tràn vào cướp bóc dân ta. Nay nên sai Đông các soạn tờ điệp văn cho vệ Lạng Sơn gửi sang châu Tư Lãng trách họ về việc không biết cấm đoán nhân dân trong hạt, để chúng liều lĩnh gây hấn ở biên giới, vượt cõi cướp bóc trâu bò của cải, yêu cầu bắt phải trả lại.

Lại soạn thảo sắc chỉ, sai một viên giám sát và một viên quan nhân rồi cùng với ba ty xứ đó điều tra xem bọn Hoàng Lô với bọn kia trước đây có chuyện gì với nhau không, duyên do phải trái thế nào, xét cho rõ ràng tâu lên. Năm nay sai sứ, Đông các lại đem đầu đuôi việc cướp bóc trước sau, soạn tờ tư của triều đình, giao cho sứ thần nhân tiện mang sang cho các quan Tổng trấn và Tổng đốc Lưỡng Quảng yêu cầu điều tra xem châu Tư Lãng trong hạt vì cớ gì đem dân chúng vượt qua biên giới sang cướp bóc, gây hấn sinh sự [29a]. Bọn Lê Đình Hoán không biết ngăn giữ để người nước ngoài vào cướp bóc, nếu đúng như lời tâu của bọn Lưu Doãn Trực thì cho bắt hỏi. Lại bộ kíp chọn quan khác đến thay.

Mùa đông, tháng 11, ngày 18, sai bọn bồi thần Nguyễn Văn Chất, Doãn Hoàn Tuấn, Vũ Duy Giáo sang tuế cống nhà Minh và tâu việc Chiêm Thành.

Tháng 12, ngày dinh dậu, vua đưa tờ biểu về việc tiến cống hằng năm do Hàn lâm viện thị thư Lương Thế Vinh soạn thảo để triều thần bàn.

Bọn Lê Thọ Vực nói :

"Ba bài biểu, văn đều thuận lẽ cả, như bọn Thân Nhân Trung đã cùng tâu lên".

Về giấy tờ bang giao, vua trước hết sai quan Hàn lâm viện soạn thảo, rồi trao xuống cho Đông các xem, sau lại đưa cho triều thần xem. Nếu có ý gì khác, thì cho sửa lại. Vì thế, người Minh thường khen rằng nước ta có nhiều người giỏi.

Ba tờ biểu văn thì một tờ [29b] trình việc dầu mục nước ngoài là La Truyền¹ phá đóng rào ở cửa ải Thông Quang, một tờ trình về việc Tri huyện Bằng Tường Lý Quảng Ninh bắt giữ người của ta sai đi là Hoàng Thế Cung.

Phát tiền nội phủ ban cho đại thần và các quan mua tơ lụa dâng nộp, vì mùa đông năm ấy là kỳ sai sứ cống phương Bắc.

Tân Sửu, [Hồng Đức] năm thứ 12 [1481], (Minh Thành Hóa năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 19, Đô cấp sự trung Vũ Mộng Khang dâng thư nói các việc, đại khái có 4 điều :

1- Kẻ nào xâm chiếm ruộng đất của người khác và chặt nêu, nhổ móc, tự tiện lập giới hạn thì phải phạt trưng và biếm truất ; nếu phá bỏ bờ ruộng thì chỉ phạt tiền thôi.

2- Kẻ nào chặt phá cây cối, tre ptheo ở vườn mộ người khác thì phải phạt trưng và biếm truất, nếu cày phá mộ của người xưa thì đều xử tội lưu.

3- Lấy vợ phải lấy người ngoài, không được lấy [30a] kẻ giàu sang, thân thích phi loại, kẻ nào vi phạm, thì xử tội đồ.

4- Các quan ty sở tại khi khám xét án kiện trong ngoài và loại tạp phạm, phải theo đúng hạn định trong luật mà xử đoán phải trái, không được đùn đẩy cho nhau để kéo dài ; kẻ nào làm trái thì phải phạt tiền như lệnh.

Mùa hạ, tháng 4, thi hội cho các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Phạm Đôn Lễ 40 người.

Ngày 27, vua ngự điện Kính Thiên, thân hành ra đầu bài văn sách hỏi về lý số.

1. Nguyễn văn là "Hóa Châu dầu mục La Truyền..." chữ "Hóa Châu" là do chữ "hóa ngoại" khác lầm, BK 13, 26b đã chép rõ La Truyền là "hóa ngoại dầu mục".

Cho bọn Phạm Đôn Lễ, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Doãn Định ba người đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Ngô Văn Cảnh 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Minh Đạo 29 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

(Phạm Đôn Lễ, tên tự là Lư Khanh, người huyện Ngự Thiên, phủ Tân Hưng, ngụ ở làng Thanh Nhân, huyện Kim Hoa ¹, khi đỗ 27 tuổi, thi hương, hội, đình đều đỗ đầu, người đời gọi là Tam nguyên Đôn Lễ).

Tháng 5, ngày 21, triệu bọn tiến sĩ Phạm Đôn Lễ vào trong Đan Trì. Vua [30b] ngự điện Kính Thiên. Các quan Hồng lô truyền lệnh gọi tên. Lại bộ ban ấn mệnh. Lễ bộ bưng bằng vàng, nổi trống nhạc, rước ra ngoài cửa Đông Hoa treo lên. Xong rồi ty Mã cứu đem ngựa tốt đưa trạng nguyên về nhà.

Xuống lệnh rằng :

Quan các vệ, ty, sở Tráng sĩ, Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền, Ngũ phủ, Mã nhân, Thuần tượng trong kinh, các quan vệ, sở, phủ, châu, huyện bên ngoài, nếu có người dẽo khoét quân lính, một hại nhân dân, chỉ chăm làm lợi cho nhà mình, không nghĩ đến phép nước, ở trong thì đường quan là các Chỉ huy, Đề đốc, Kiểm điểm, Đô đốc và các quan Đoán sự, Kinh lịch ; bên ngoài thì hai ty Thừa, Hiến, đều phải công bằng xét xử, tham khảo dư luận của mọi người, người nào trước kia có những lạm, tuy không có chứng cứ thực, nhưng mọi người đều biết ; cùng là người nào liêm khiết, không mắc [31a] thói tham ô, kê ra từng loại tâu lên cả, trao cho Giám sát ngự sử ở đạo đó thẩm tra lại, làm bản tâu lên, sẽ khu xử để tỏ rõ khuyến khích và trừng phạt.

Lập sở Đền điền. Xuống chiếu rằng :

Mở đồn điền là để dùng hết tiềm lực của nghề nông, mở rộng nguồn tích trữ cho nhà nước. Nay lệnh cho các xứ định đồn điền thành ba bậc thượng, trung, hạ.

Tháng 6, ngày 20, chọn thái bót quan viên và bổng lộc.

Quan viên quá nhiều, tiêu phí lộc kho, lục khoa phải tra xét xem từ năm Quang Thuận thứ 2 đến nay, quan viên nào đã từng phạm các tội hối lộ, đã bị xử các tội biếm, giáng, cùng các tướng hiệu, quân áp, để thiếu ván thuyền, gỗ lát, củi, gạch... vùng trộm bắt quân nộp tiền, đến nỗi thiếu nhiều thứ phải nộp, trị giá từ 10 quan trở lên mà người ấy hãy còn tại chức thì bắt phải thôi việc, để triệt những quan tham những [31b] cho bớt lộc.

Ngày 21, xuống chiếu rằng :

Các quan trong ngoài đua nhau kiếm lợi là bởi quan có trách nhiệm ăn nói chưa được người giỏi. Kẻ thì nhu nhược không tài cán gì, người thì dả kích quá dễ rước gièm pha. Quan lại tham những, dân chúng oán thán, đem khí dữ làm trái khí hòa,

1. Sau là huyện Kim Anh, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

mối tệ này phải nên trừ bỏ. Từ nay trở đi, các chức khoa đài, hiến sát, triều thần phải công bằng mà bàn chọn, ai nên thải ra, ai nên bổ thay, làm bản tâu lên thi hành, để trừ bỏ tệ cũ.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 4, Phó đô ngự sử kiêm Tả xuân phường tá trung đoãn Quách Đình Bảo tâu về việc tự tiện đuổi dân trú ngụ như sau :

"Thần trộm nghĩ rằng : Kinh sư là gốc của bốn phương ; tiền của trao đổi mua bán tất phải cho lưu thông đủ dùng, không nên để thiếu thốn. Trước đây, dân cư phủ Phụng Thiên, trừ những người quê quán ở phủ đó, gián hoặc có người tuy không phải quê ở đó, nhưng có [32a] cửa hiệu, thuê gạch và nộp thuế, chịu sai dịch với bản phường. Nay quan phủ Phụng Thiên lại không hỏi xem dân tạp cư ở đó có cửa hiệu, thuê gạch hay không, đuổi hết cả về nguyên quán, e rằng như thế thì nơi kinh sư sẽ buôn bán thưa thớt, không còn sầm uất phồn thịnh nữa, không những người làm nghề buôn bán sẽ thất nghiệp nhiều, mà chợ búa e sẽ trống rỗng, gạch thuê sẽ có thể thiếu hụt, có phần không tiện. Vì thế tâu xin : Ngoài những kẻ vô loài tạp cư thì nên đuổi đi, còn những người nguyên có hàng chợ, cửa hiệu, trước đây đã biên vào thuế gạch thì hãy cho được cư trú để buôn bán sinh nhai, cho vào bản phường nộp thuế theo lệ cũ".

Tháng 9, ngày 27, ra sắc chỉ rằng : Từ nay, các phi tần và quan viên thì làm sổ riêng.

Mùa đông, tháng 10, ra sắc chỉ rằng : Quan các vệ, sở, người nào dám hạch [32b] sách tiền của như trước, tính từ 5 tiền trở lên thì pháp ty sẽ trị tội theo luật pháp, ngoài ra, từ 4 tiền trở xuống thì nhất luật bãi chức sung quân, như lệ quan viên tham nhũng.

Xuống chỉ dụ gồm 65 điều.

Tuyển người bổ sung quân ngũ.

Khảo thi con cháu các quan viên, hỏi về làm văn, viết chữ, làm toán.

Đào hồ Hải Trì. Hồ này quanh co đến 100 dặm. Giữa hồ có điện Thúy Ngọc, bên hồ xây điện Giảng Võ để tập luyện binh tượng.

Lấy Nguyễn Bá Kỳ làm Lại bộ thượng thư. (Nguyễn Bá Kỳ người Chí Linh).

Nhâm Dần, [Hồng Đức] năm thứ 13 [1482], (Minh Thành Hóa năm thứ 18).
Mùa xuân, tháng giêng, vua ngự về Tây Kinh.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 6, ra sắc chỉ rằng : Nho sinh Tú lâm cục, số người thêm nhiều mà người giảng tập thì ít. Quan Lại bộ chọn lấy 3 viên quan Hàn lâm viện có thể kiêm chức Tư huấn Tú lâm cục [33a] rồi làm bản tâu lên, thuyền bỏ để tiện giảng tập.

Định lệnh bảo cử quan Thừa ty. Ra sắc chỉ rằng : Quan Thừa ty các xứ, chức nhiệm rất nặng nề, trong khi chọn bổ, phải được mọi người đều bằng lòng. Kể từ nay, quan Thừa ty các xứ có khuyết thì Lại bộ tâu lên, đưa xuống cho triều thần theo như lệ của hai ty Đô, Hiến mà bảo cử quan viên trong ngoài, người nào làm nổi chức ấy, đưa cho Lại bộ thi hành.

Ngày 16, lấy Đào Cử làm Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư. Vì Cử hầu vua đi đánh miền tây, chăm chỉ được việc, không hề phạm lệnh cho nên được thăng chức.

Tháng 8, đại xá thiên hạ, có 63 điều.

Làm sổ hộ tịch. Nghiêm Lâm tâu rằng :

Khi làm sổ hộ tịch, Xã trưởng phải chú rõ các quan viên [33b] chức phẩm cao hay thấp, tư tước nhiều hay ít. Nếu không chú rõ ràng, Hộ khoa kiểm soát tâu lên, quan phủ huyện và Xã trưởng đều bị trị tội.

Tháng 9, ngày 15, giờ Tuất, nguyệt thực.

Mùa đông, tháng 10, khảo hạch quân và dân, hỏi về viết chữ, làm toán.

Ra sắc chỉ kiểm xét sổ hộ tịch và sổ ruộng đất. Từ Lục¹ khoa đến Lại bộ, nho sinh Tú lâm cục, cùng với lại viện Hộ bộ và lại viên Thừa ty đều tới chùa Báo Thiên, quán Hội đồng để cùng khảo xét với phủ, huyện.

Lấy Lê Ninh làm Hộ bộ tả thị lang ; Phạm Hưng Hiếu làm Hộ khoa cấp sự trung.

Quý Mão, [Hồng Đức] năm thứ 14 [1483], (Minh Thành Hóa năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 13, cấm yến tiệc công làm cỗ bàn tiếm lễ.

Ngày 15, cấm thả kỳ quân để thu tiền và thông đồng với con buôn.

[34a] Làm điện Đại Thành, đông vu, tây vu ở Văn miếu cùng điện Canh Phúc, kho chứa ván in, kho chứa đồ tế lễ, đông tây đường nhà Minh Luân.

Tháng 2, ngày 15, ra sắc chỉ rằng : Nhân dân và quân sắc, ai thi hương đỗ tam trường, thì sung sinh đồ, đỗ tứ trường thì sung sinh viên ở Tăng Quảng đường như lệ cũ. Nếu sinh đồ từng thi hương mà không trúng kỳ nào thì phải sung quân, trúng một kỳ thì về làm dân chịu phú dịch như lệ. Sinh viên Tăng Quảng đường mà thi hội không đỗ thì sung quân. Quan Thừa, Hiến và quan Quốc tử giám phân loại tâu lên để thi hành theo lệ đã định.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 14, ra sắc chỉ rằng : Các tư nhân tranh chấp đánh nhau thì pháp ty chia ra thủ phạm và tòng phạm mà trị tội.

1. Nguyên văn là "từ Lục khoa". Bản dịch cũ, theo *Lịch triều hiến chương loại chí* chưa là "mệnh Lục khoa", nghĩa là "sai Lục khoa".

Ngày 22, ra sắc chỉ rằng : Kể từ nay, sáu bộ có các bản tâu [34b] và hết thấy công văn các việc, đều phải ký tên ở cuối tờ giấy như các quan Kinh lịch năm phủ và thủ lĩnh Thừa ty các xứ.

Tháng 5, ngày 18, ra sắc chỉ cho chánh quan các sở Tuần tượng, Mã nhân được đeo thẻ bài vào các buổi triều tham thường lệ, như quy định cho các chánh quan ở năm phủ.

Quy định thời hạn vào trường thi hương và lệ tiến cống sĩ nhân. Bọn Lễ bộ thượng thư Lâm Giang bá Lê Hoảng Dục tâu rằng :

Có sắc chỉ sai chiếu số học trò của Thừa tuyên sứ ty các xứ nhiều hay ít mà liệu định ngày vào thi. Vâng tra năm Hồng Đức thứ 5, tháng 8, ngày mùng 5, Hàn lâm thị độc kiêm Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung bàn tâu về lệ cống sĩ của Thừa ty các xứ. Các xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc mỗi xứ 130 người. [35a] Các xứ Thanh Hoa, Nghệ An mỗi xứ 60 người ; các xứ Thuận Hóa, Yên Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, mỗi xứ 30 người.

Còn như nhật kỳ vào trường thi hương, chưa biết định vào ngày nào cho phải, bọn thần xin dõ lời Thánh thượng dạy cho : Thi hương thì Thừa ty các xứ trong nước và phủ Phụng Thiên lấy ngày mùng 8 tháng 8 năm nay đều vào kỳ đệ nhất. Thừa ty các xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc lấy ngày 18 tháng ấy vào kỳ đệ nhị, ngày 25 vào kỳ đệ tam, ngày mùng 1 tháng 9 vào kỳ đệ tứ, ngày mùng 7 treo bảng sĩ nhân đỗ. Các xứ Thanh Hoa, Nghệ An ngày 15 tháng 8 vào kỳ đệ nhị, ngày 22 vào kỳ đệ tam, ngày 26 vào kỳ đệ tứ, ngày mùng 1 tháng 9 treo bảng sĩ nhân thi đỗ. Các xứ Thuận Hóa, An [35b] Bang¹, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên và phủ Phụng Thiên đều lấy ngày 13 tháng 8 vào kỳ đệ nhị, ngày 18 vào kỳ đệ tam, ngày 26 vào kỳ đệ tứ, ngày mùng 1 tháng 9 treo bảng các sĩ nhân thi đỗ.

Tháng 6, ngày mùng 9, mưa gió to, nước lụt.

Ngày 24, định lệ giảm bớt Xã trưởng.

Mùa thu, tháng 9, ngày mùng 2, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo tâu rằng :

Những kẻ phạm các tội như đại ác, đại nghịch, phản bội, trộm cướp, hối lộ, xui kiện, hống hách, gian dâm, tham ô, bày mưu hãm hại người, cố ý giết người là những tội gặp kỳ ân xá thường lệ không được dự vào. Còn những tạp phạm khác,

1. Nguyên văn là "An Quảng". Nhưng trước đó (từ 35a) đã ghi là An Bang. An Bang đổi thành An Quảng là việc về sau, vào đời Lê Anh Tông (hủy là Bang) (1556 - 1573).

tuy phát hiện ra sau khi có lệnh ân xá, nhưng đã phạm từ trước khi có lệnh ân xá, thì đều cho được hưởng lệnh ân xá để rộng ơn thánh. Vua nghe theo.

[36a] Mùa đông, tháng 11, ngày 11, sai Lê Đức Khánh, Nguyễn Trung, Đỗ Cận sang cống nhà Minh.

Ngày 12, ra sắc chỉ cho các vệ, ty, sở làm đồ khí giới thì phải tới Vũ khố của vệ, ty, sở mình mà làm, không được tự tiện làm ở nhà giải vũ và điểm quân ở ngoài thành, ai vi phạm bị xử tội lưu.

Sắc dụ cho Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Ngự sử đài phó đô ngự sử kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo, Đông các hiệu thư Đỗ Nhuận, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cừ, Hàn lâm thị thư Đàm Văn Lễ, biên soạn các sách *Thiên Nam dư hạ tập*¹ và *Thân chinh ký sự*².

Vua đề vào bản thảo bài tựa *Thiên Nam dư hạ tập* của Đại học sĩ Thân Nhân Trung rằng :

*Hỏa thử thiên doan bố,
Băng [36b] tâm ngũ sắc ty,
Cánh cầu vô địch thủ,
Tài tác cốn long y.
(Vải dệt lông chuột lửa,
Lụa năm sắc tằm băng.
Lại tìm tay vô địch,
Cắt may áo cốn rồng).*

(Xét sách *Thần dị kỳ kinh* của Đông Phương Sóc có nói rằng : Ở ngoài cõi Nam hoang có lửa, trong lửa mọc loài cây không bao giờ chết. Lửa cháy đêm ngày dù mưa to gió lớn cũng không tắt. Trong lửa có con chuột nặng trăm cân, lông dài hơn 3 tấc, nhỏ như sợi tơ có thể dệt thành vải. Sách *Thập dị ký* của Vương Tử Niên có nói rằng : Núi Viên Kiêu ở biển Đông có giống tằm băng dài 7 tấc, có vẩy, có sừng, lấy sương tuyết phủ lên, có kén tơ năm sắc, dệt làm áo mặc lợi nước không thấm ướt).

Lấy Nguyễn Xung Xác làm Hàn lâm thị độc chương viện sự.

Giáp Thìn, [Hồng Đức] năm thứ 15 [1484], (Minh Thành Hóa năm thứ 20). Mùa xuân, tháng giêng ngày 16, Thái úy Phú Quốc công Lê Thọ Vực chết.

Tháng 2, có dụ ân xá.

Thi hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Phạm Trí Khiêm 44 người.

1. *Thiên Nam dư hạ tập* : gồm 100 quyển, ghi chép đủ các chế độ, luật lệ, điều lệ, cáo sắc của cả một thời. Sau đời Lê trung hưng, các bộ này bị tan tác, mười phần chỉ còn được một.
2. *Thân chinh ký sự* : nghĩa là ghi chép về việc thân chinh của nhà vua.

Tháng 3, ngày mồng 1, ra sắc chỉ rằng : Kể từ nay, ai khai đào mỏ bạc thì phải nộp thuế theo quy định.

Thi đình, đề văn sách hỏi về nhà Triệu Tống dùng nho sĩ. Cho bọn Nguyễn Quang Bát, Nguyễn Giác, Mai Duy Tinh [37a] ba người đỗ tiến sĩ cấp đệ ; bọn Ngô Văn Phòng 16 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Chu Đình Bảo 25 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày mồng 10, nhắc rõ lệnh cấm mua bán ức hiếp. Sắc chỉ nêu rõ :

"Việc cấm mua bán ức hiếp đã có lệnh rất nghiêm mà các nhà quyền hào vẫn chưa đổi thói cũ, hại dân chúng, hỏng chính sự không gì tệ bằng. Kể từ nay, phủ Phụng Thiên và hai ty Thừa, Hiến các xứ phải nhắc lại lệnh cũ, cấm đoán, răn bảo. Các nhà sắm sửa lễ vật cưới xin, nếu mua bán ở hàng chợ dân gian, hàng hóa lớn nhỏ đều phải theo thời giá, không được quen thói gian ngoan như trước, ý thế cậy oai, mua hiếp, cướp đoạt, kẻ nào vi phạm thì trị tội theo như lệnh trước".

Ngày 12, nhắc lại việc đàn bà phá thai và phá thai cho người khác.

Trước đây có lệnh cấm rằng : [37b] Loại đàn bà tàn nhẫn, vì muốn ít con cái để giữ lấy nhiều của, hoặc ngại việc sinh đẻ, muốn tránh khó nhọc, thấy mình có thai, dùng kế cho sẩy thai, thương tổn tính mệnh, làm hại luân thường, cùng là những kẻ phá thai cho người khác, đều phải tra xét, trị tội theo luật pháp. Thế mà chúng vẫn coi là tờ giấy lộn, không đổi lỗi trước, vẫn theo thói cũ, tệ trước càng tăng, coi thường pháp luật, làm hư phong tục không gì hơn thế. Nay hãy nhắc rõ lệnh trước, răn cấm nghiêm hơn, nếu có người đàn bà nào như hạng nói trên, mà mọi người đều biết, cùng là người chồng không biết răn cấm, đều trị tội theo luật pháp.

Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu cấm kẻ giàu ý phép quấy nhiễu xưởng khai mỏ vàng bạc.

Cấm trong nước ; Nếu không phải là các dịp tế lễ, giỗ chạp, cưới xin, ân mệnh, ăn mừng, đám ma mà vô cớ họp nhau ăn uống [38a] thì trị tội theo luật pháp.

Ngày mồng 9, cấm người giữ cửa nhận tiền đút lót.

Ngày 21, định lệnh rằng khi nộp các ngạch thuế vào kho thì quan đặc chi của các Thừa ty không được gây khó dễ.

Ngày 29, định lệnh cấm mả chôn sau không được che lấp hướng mả chôn trước.

Trước đó, phó sứ Thanh hình hiến sát sứ ty xứ Yên Bang là Nghiêm Quang tâu rằng :

"Mộ của quan viên và dân chúng chưa có phân biệt, cho nên kẻ dân mọn ngu tối thấy người có quan tước thì cho là do mạch đất mà được thế, khi có người nhà chết thì đua nhau chôn ở đằng trước, đằng sau, bên tả, bên hữu mộ chôn trước,

sát phạm đến năm mồ. Con cháu nhà có mồ bị vi phạm, thường đem việc đó kiện tại cửa quan thì lại chưa có quy định riêng, nên cũng khó lòng xét rõ phải trái. Vậy có nên chiếu theo chức phẩm cao thấp mà quy định đất để mồ mà rộng hẹp hay không ?

Đến đây Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo bàn rằng :

"Đất để mồ mà của quan viên và dân [38b] chúng trong nước, có khi là ruộng đất công, có khi là ruộng đất tư. Nếu kẻ nào lấy ruộng tư làm đất để mồ mà thì kích thước rộng hẹp cũng phải theo hướng đất trước sau cho phải. Người để mồ sau không được cày là ruộng đất tư của mình mà chôn sát, che lấp mồ chôn trước. Kẻ nào cố ý vi phạm thì con cháu họ hàng nhà chôn trước kiện tại quan tư sở tại, bắt mồ chôn sau phải dời đi chỗ khác và bắt phải nộp tiền tạ lễ theo như luật pháp". Vua y theo.

Ban xuống lệnh thưởng công.

Cấm nha môn các phủ, vệ, ty cày quyền ý thế mà chửi mắng viên thủ lĩnh và ban ơn trả oán mà tiến cử hay sa thải người cần bầy.

Tháng ấy, định lệ lấy người các xã phục dịch lễ đảo vũ.

Các quan vâng mệnh đi đảo vũ ở đền chùa nơi nào, cho lấy người xã gần đó và người xã bản xứ để đốt hương, đóng oản, [39a] phục dịch các quan và nuôi dưỡng tăng sĩ, mỗi ngày 10 người, luân phiên thay đổi để tiện việc cày cấy.

Ngày 13, định lệnh sách công ban xuống, Hiến ty phải kiểm soát.

Bấy giờ Lễ bộ thượng thư kiêm tả xuân phường tả trung doãn Quách Đình Bảo tâu rằng :

Trước đây, hằng năm sách công ban xuống cho các phủ ở ngoài như *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Đặng khoa lục*, *Hội thí lục*, *Ngọc đường văn phạm*, *Văn hiến thông khảo*, *Văn tuyển*, *Cương mục*, cùng các loại sách thuốc. Nhưng có khi phủ quan tham ô, tự tiện giữ riệt lấy làm sách tư của mình, không hề giao cho học quan và y quan, rất là trái lẽ. Vì thế xin tâu bầy : Hiến ty các xứ hãy kiểm soát các phủ trong hạt mình, nếu thấy những sách nói trên mà quan bản phủ cố tình giữ riệt, sách học không giao cho học quan, sách thuốc không giao cho y quan, thì cứ thực tình tâu hặc lên, giao cho [39b] Hình bộ trị tội. Vua y theo, cho nên có lệnh này.

Tháng 5, ngày 26, ra sắc chỉ rằng : Các quan cai quản quân dân trong kinh ngoài trấn, trong đó có người liêm khiết, cũng có kẻ tham nhũng, nếu không phân biệt nêu lên thì khuyên răn thế nào được ? Trong thì Đô đốc năm phủ, ngoài thì đường quan bạ ty Đô, Thừa, Hiến, các quan hãy công bằng mà bảo cử các quan vệ, phủ, huyện, châu trong ngoài, người nào liêm khiết, người nào tham nhũng đều phải khai rõ sự thực, hẹn trong 3 tháng kể từ ngày sắc chỉ đưa tới, làm bản tâu lên, giao

cho Ngự sử đài xét lại mà thi hành khu xử để tỏ rõ cách khuyên răn và để nói sức cho quân dân.

Ngày 27, Lại bộ thượng thư Nguyễn Bá Kỳ tâu rằng : Các quan viên có việc mà Hình bộ xét hỏi, có viên nào can phạm phải trị tội, thì lập tức phải vâng lệnh đòi lại sắc [40a] mệnh cũ và khám hợp rồi trao về Lại bộ tâu nộp.

Tháng 6, ngày 16, định lệnh bổ dụng sinh viên ba xá. Bọn Phó đô ngự sử Ngự sử đài Quách Hữu Nghiêm tâu rằng : Bọn thần trộm thấy quy định về sinh viên ba xá của Quốc tử giám, cho phép người nào mỗi năm thi hội mà trúng được các kỳ : hễ trúng được ba kỳ thì sung làm thượng xá sinh, trúng được hai kỳ thì làm trung xá sinh, trúng một kỳ thì sung làm hạ xá sinh, mỗi xá là 100 người đều được cấp tiền kho. Sinh viên ba xá mỗi người đều được 9 tiền. Đến khi bỏ dùng, thì Lại bộ và quan Quốc tử giám bảo lĩnh tiền cử để chọn bỏ, còn như số lượng chọn bỏ thì ba xá đều nhất loạt giống nhau không có phân biệt. Nay về tiền lương của sinh viên ba xá thì hạ xá sinh nên giảm, thượng xá sinh nên tăng 1 tiền cho đủ 1 quan, trung xá sinh để nguyên 9 tiền như trước, hạ xá sinh giảm 1 tiền còn [40b] 8 tiền. Đến khi bỏ dụng thì Lại bộ và quan Quốc tử giám chiếu chỗ khuyết mà bảo cử : thượng xá sinh 3 phần, trung xá sinh 2 phần, hạ xá sinh 1 phần. Như thế thì sinh viên ba xá thi trúng được mấy kỳ, học giỏi hay kém, thứ bậc trước sau được thích hợp mà nhân tài trong nước đều được khuyến khích. Vua y theo.

Mùa thu, tháng 8, ngày mùng 4, định lệnh đắp bờ ruộng để giữ nước. Ra sắc chỉ cho hai ty Thừa, Hiến các xứ và các quan phủ, huyện, châu rằng : Kể từ nay, xứ nào trong hạt có đề điều bị vỡ, ngập mất lúa mùa mà thế có thể giữ nước để làm vụ chiêm thì hai ty Thừa, Hiến ra lệnh cho các quan Hà đê, Khuyến nông các phủ, huyện, châu phải nhân dịp nước rút dần, nghĩ trước kẻ chống đói cho dân, xem xét địa thế, tùy theo tiện nghi, đốc thúc [41a] dân làng coi đắp bờ ruộng, cần giữ lấy nước để làm vụ chiêm, không được vứt bỏ chức trách của mình, coi thường đau khổ của dân, ngồi nhìn mà không có kế sách gì, để dân phải đói khát.

Ngày 15, dựng bia có bài ký ghi tên các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 vua Thái Tông triều ta đến nay.

Vua cho là từ năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông đến giờ ¹, việc dựng bia, đề tên tiến sĩ các khoa vẫn chưa làm được, sai Lễ bộ thượng thư Quách Đình Bảo biên rõ họ tên, thứ bậc các tiến sĩ từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 triều Thái Tông, khoa Mậu Thìn năm Thái Hòa thứ 6 triều Nhân Tông, khoa Quý Mùi năm Quang Thuận thứ 4, khoa Bính Tuất năm thứ 7, khoa Kỷ Sửu năm thứ 10, khoa

1. Từ khoa Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 (1442) đến khoa Giáp Thìn năm Hồng Đức thứ 15 (1484) gồm 10 khoa.

Nhâm Thìn năm Hồng Đức thứ 3, khoa Ất Mùi năm thứ 6, khoa Mậu Tuất năm thứ 9, khoa Tân Sửu năm thứ 12 đến khoa Giáp Thìn năm nay, [41b] khắc vào bia đá.

Quách Đình Bảo nhân xin đổi trạng nguyên, bảng nhơn, thám hoa thành tiến sĩ cập đệ, chánh bảng thành tiến sĩ xuất thân, phụ bảng thành đồng tiến sĩ xuất thân để hợp với quy chế ngày nay. Vua y tờ tâu, sai Công bộ khởi công dựng tạc bia.

Bọn từ thần là Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Hàn lâm viện thị độc kiêm Đông các học sĩ Đỗ Nhuận, Hàn lâm viện thị độc Đông các hiệu thư Đào Cữ, Đàm Văn Lễ, Ngô Luân, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Nguyễn Đôn Hậu, Hàn lâm viện thị thư kiêm Sùng văn quán Tú lâm cục tư huấn Lương Thế Vinh, Đông các hiệu thư Lê Tuấn Ngạn, Hàn lâm viện thị độc kiêm Tú lâm cục tư huấn Nguyễn Xung Xác chia nhau soạn văn bia. Bọn Trung thư giám chính tự Nguyễn Tung và Thái Thúc Liêm [42a] cùng điển thư Phan Lý vâng sắc chỉ viết chữ. Kim quang môn đãi chiếu Tô Ngai vâng sắc chỉ viết chữ triện.

Xét bài văn bia của Đỗ Nhuận :

"Sự nghiệp trị nước lớn lao của Đế vương, không gì cần kíp hơn nhân tài, điển chương chế độ đầy đủ của nhà nước, tất phải chờ ở bậc hậu thánh. Là bởi trị nước mà không lấy nhân tài làm gốc, chế tác mà không dựa vào thánh nhân đời sau thì đều chỉ là cầu thả tạm bợ mà thôi, sao có thể đạt tới chính trị phong hóa phồn vinh, văn vật điển chương đầy đủ ?

Kể từ Thái Tổ bắt đầu sửa sang việc học vào kỷ nguyên Thuận Thiên, Thái Tông mở khoa thi đầu vào năm Đại Bảo thứ 3, Nhân Tông chọn người hiền, dùng bậc giỏi, kính cẩn tôn theo phép cũ. Đến như việc dựng (có sách chép là "phụ") bia ở nhà Thái học thì vẫn để đó chưa làm ; văn vật đủ đầy, như còn chờ bậc hậu thánh.

Nay Thánh thượng như trời mở vận trung hưng, tự mình gánh vác đạo lớn, việc tôn sùng Nho giáo càng thành khẩn chăm lo. Huống chi nhân tài đã được các tiên thánh nuôi dạy từ lâu, hơn nữa lại nhờ công sức mười [42b] năm nâng vược. Trước đây 6 năm một lần thi lớn, nay thì châm chước theo chế độ nhà Chu đã định là 3 năm. Trước kia lấy đỗ đều không quá hai ba chục người, nay thi rộng xét thực tài, không lo nhiều quá.

Cho nên tôn trọng biểu dương, đức ý rất hậu, ân vinh thứ bậc, tiết mục tận tường, vẹn toàn, rực rỡ, vượt cả xưa nay. Cho nên bia đá khắc tên, văn ghi việc thực, đặt ở cửa hiền, tường lệ kẻ sĩ, công việc làm của nhà vua tốt đẹp nhường nào.

Thế thì triều Lê ta văn minh đầy đủ, khoa mục mở mang, mở nguồn từ thời Thuận Thiên, bắt đầu từ năm Đại Bảo, thịnh hành từ đời Thái Hòa, mà thịnh nhất vào đời Hồng Đức vậy. Nếu như không phải do Thánh thượng làm tròn trách nhiệm

bậc thầy, thân hành nắm giữ quyền hành chế tác, thì sao có thể thực hiện cái chí của người trước chưa thực hiện được, hoàn thành sự nghiệp mà người trước chưa hoàn thành".

[43a] Tháng 9 ngày mồng 5, ra sắc chỉ rằng : Các viên Huấn đạo, có khi nhiều người cùng khảo cứu một kinh mà học trò lại học kinh khác, không tiện việc truyền dạy. Sắc cho Lại bộ điều tra sự thực, tiến hành ngay việc điều động thay đổi, chọn người nghiên cứu kinh khác đổi bổ thay cho nhau.

Ra sắc chỉ, định lệnh các sắc quân, người nào cùng vô sở xuất thì sai làm việc nhẹ.

Ngày 29, ra sắc chỉ rằng : Khi làm chúc thư, văn khế, thì nhất loạt dùng thứ giấy lục lô hạng trung, còn hết thảy giấy tờ khác phải dùng giấy quan hạng trung. Đó là lời tâu của Tri huyện Tế Giang¹ Đặng Kiến Tố.

Mùa đông, tháng 10, ngày 11, ra sắc chỉ rằng : Con cháu các vị công thần khai quốc hễ là các công thần khoảng năm Thuận Thiên đã nhận quan chức, hoặc [các công thần] tuy không được ban tên tự (có sách ghi là tên họ) nhưng đã được dự vào hàng công thần khai sáng, khoảng năm Thuận Thiên, cũng dự có công đã được quan chức đến nhất, nhị phẩm, nếu con cháu của họ [43b] còn ở trong quân ngũ thì cho chính người ấy đưa đơn kêu ở hai ty Thừa Hiên bản xứ, làm bản tâu lên, giao cho Binh bộ xét thực, nếu sức vóc có thể dùng được thì sung làm tuần sĩ vệ Cẩm y, nếu sức yếu không làm nổi thì cho được miễn phú dịch. Đó là lời xin của Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm.

Quy định việc xây dựng hành điện :

Hành điện gồm 5 gian, 2 chái, nhà bếp mỗi dãy 3 gian, một đài Quan canh² ở giữa, cao 5 thước, rộng 40 thước ; làm một khu đàn Tiên nông cao 7 thước, rộng 36 thước, 4 mặt đắp tường đất, cùng là cửa di ngựa vào. Đều ở xã Hồng Mai, huyện Thanh Đàm³.

Làm điện Đại Thành ở Văn miếu cùng nhà đông vu, tây vu, điện Canh phục, kho chứa ván in và đồ tế lễ, [44a] nhà Minh luân, giảng đường đông tây, nhà bia đông tây, phòng học của sinh viên ba xá, và các cửa, xung quanh xây tường bao.

Tháng 12, ra sắc chỉ rằng :

Kể từ nay, quan các nha môn trong ngoài có bị khuyết, khi vắng mệnh bảo cử, người nào từng biết rõ người nào đó quả có tài năng, kiến thức, thanh liêm, có thể bổ làm chức gì, thì các quan khoa, đài, phải cùng biên chép, chưa sổ rõ ràng. Sau này

1. *Tế Giang* : sau là huyện Văn Giang, nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

2. *Đài Quan canh* : đài cao để vua xem cây cối.

3. Nay là xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

người được bảo cử, nếu có kẻ bi ối, tham nhũng không làm việc, làm quan không công trạng gì, thì phải tra xét xem viên quan nào đã bảo cử bấy người ấy, tâu hặc lên để tra xét.

Lấy Lê Đình Ngạn làm Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Thanh Tương bá kiêm Tông nhân phủ tả tông nhân chính.

Lấy Lê Tạc làm Phò mã đô úy Vân Dương bá ; Lê Quyền làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Kinh Dương bá.

[44b] Ất Ty, [Hong Đức] năm thứ 16 [1485], (Minh Thành Hóa năm thứ 21). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 11, định lệnh :

Các quan phủ, huyện, châu trong nước nộp thuế nhân đinh điền tô, dầu nguồn, nếu dám lười biếng không chăm thu nộp, đến nỗi dây dưa để thiếu thì đòi tiền bồi thường theo như lệnh đã định (lệnh là chia làm 10 phần, đòi ở người thiếu thuế 7 phần, đòi ở quan trưởng phụ trách 3 phần). Nếu người nào dối rét khôn khéo thì thôn trưởng phải làm tờ cam đoan và cùng nhau bảo đảm, theo như lệnh trước mà thi hành.

Tháng 2, ngày 12, ra sắc chỉ rằng : Các bản tâu và đề của nha môn trong ngoài thì chính viên quan phụ trách phải ký tên, không được sai lại viên viết chữ ký thay.

Tháng 3, Thái phó Tĩnh quốc công Lê Niệm chết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 10, định lệnh nộp thuế của xứ Quảng Nam.

Trước đó, xứ Quảng Nam không có thuyền, [45a] hằng năm quân dân khiêng gánh thường bị mất mát. Kể từ nay, mỗi khi đến kỳ nộp thuế, cho Thừa ty Quảng Nam chuyển giao thuế hiện vật cho ba ty Đô, Thừa, Hiến Thuận Hóa để sai người chuyển đệ nộp lên.

Tháng 4 nhuận, ngày 24, định lệnh về số tiểu đồng đi theo hầu trong khi tiến triều. Lệnh quy định : Đại thần và các quan văn võ từ nay khi vào chầu, đến ngoài cửa Đại Hưng phải xuống kiệu hoặc ngựa. Nếu là công, hầu, bá, phò mã thì được 2 tiểu đồng theo hầu, quan nhất phẩm được 1 người. Khi vào đến ngoài cầu Ngoạm Thiềm thì dừng lại. Ai vi phạm thì quan giữ cửa ngăn lại, tâu hặc lên để giao xét hỏi.

Mùa thu, tháng 7, ngày 13, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng như sau :

1- Quan các vệ, sở năm phủ sau khi tan chầu đều phải về nha môn của mình để bàn bạc việc quan, không được như trước đây [45b] tụ họp bàn luận ở ngoài rèm trong kho Loan Giá.

2- Khi các quan vào chầu và khi còn ở triều đường, lại viên các nha môn đi theo bản quan đến bên ngoài các cửa Đông Trường An và Nam Huân thôi, không được

như trước đây, vào bữa cả cửa Chu Tước. Nếu là lại viên các nha môn Lại bộ, Lục khoa, Thượng bảo tự, Đặc chỉ thông chính sứ đi và hộ vệ thì đều không ngăn cấm.

3- Khi tan châu, lại viên các nha môn năm phủ, sáu bộ, Đông các, Ngự sử đài, sáu tự, sử quan đem sổ vào để kiểm xét, hay vào sáu khoa để tra xét sổ sách thì đều không cấm.

Ngày 26, định lệnh rằng : Kẻ nào đem việc can phạm đáng được ân xá và đã xảy ra trước khi có ân xá mà cáo giác ra nữa thì phải tội. Đó là theo lời tâu của Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Tư Phụ.

Ngày 27, định lệnh khảo thí cho nghiêm ngặt để miễn tuyển. Ra sắc chỉ cho quan hai ty Thừa, Hiến các xứ rằng :

[46a] Trước đây, khảo thí để miễn tuyển, có nhiều kẻ mang sách, thi hộ, số đồ đến hơn vạn người, rất là nhũng lạm. Kể từ nay, các xứ khảo thí hạng nói trên, phải lấy người biết chữ, hay văn. Đến khi thi phúc hạch mà còn có kẻ bỏ quyển trắng hay bắt thành văn lý, thì cho các quan đề điệu, giám thí, tuần xức niêm phong quyển thi ấy lại tâu lên. Nếu từ 1 người đến 4,5 người như vậy thì quan Thừa, Hiến phải xử biếm chức hoặc bãi chức, còn bản thân người đó thì xử tội đồ làm lính.

Tháng 8, ngày mùng 3, định nghi thức vào châu cho các quan. Nghi thức như sau :

Kể từ nay, vào ngày phiên châu, hồi trống thứ nhất, quan hộ vệ theo thứ tự tiến vào Đan Trì, hồi trống thứ hai, các quan theo thứ tự tiến vào Đan Trì, không được đường đột tranh đi trước, chen lấn lộn xộn. Sau khi trống đã đánh hồi thứ ba mà các quan còn ở ngoài cửa Chu Tước và sau khi chuông đã đánh quá 50 tiếng rồi [46b] mà còn ở bên tả, bên hữu cửa Đoan Môn, thì quan coi cửa ngăn lại hết, ty Xá nhân vệ Cẩm y hặc tâu lên để trừng trị.

Tháng 4, định lệnh về việc biết chữ viết hộ đơn kiện và xúi giục người kiện.

Mùa đông, tháng 10, ngày 14, sửa lại lệnh về con đích, con thứ.

Vua dụ các quan viên lớn nhỏ và dân chúng rằng :

Những con cháu được dự vào việc thừa tự tổ tiên, không kể tuổi tác lớn hay nhỏ, không cứ là trật quan cao hay thấp, phải theo đạo luân thường, giao cho con đích. Nếu con đích chết trước thì giao cho cháu trưởng, nếu không có cháu trưởng thì mới dùng đến con thứ. Người vợ đích lại không có con cái, thì mới chọn người tốt trong số các con người vợ thứ. Nếu con trưởng, cháu trưởng bị bệnh tật, hoặc là hạnh kiểm không tốt, không đáng được thừa tự thì nên cáo ngay cho quan có trách nhiệm chọn người con hoặc cháu khác làm thừa tự [47a]. Như vậy là để tỏ rằng :

Người làm cha không được quá yêu dấu thiên lệch để xảy ra tan cửa nát nhà, kẻ làm con không được bất nghĩa mà gây thói xấu tổn thương phong hóa.

Tháng 11, có lệnh bổ các chức thuế sứ, phó chính. Ra sắc chỉ rằng :

Kể từ nay, chức thuế vụ sứ bị khuyết thì Lại bộ lấy viên lại nào có chân xuất thân ở các nha môn đã được tuyển chọn nhưng chưa được lấy dùng mà thuyên bổ, để tiện việc ghi chép và tra cứu các sổ thuế. Còn các thuế sứ như dịch thừa, phó chính thì lấy các quân cơ có công chém giặc, đã được tuyển chọn nhưng chưa được lấy dùng mà thuyên bổ, theo như lệ trước. Đó là theo lời tâu của Lại khoa cấp sự trung Hoàng Thiệu.

Ngày 14, nhắc lại lệnh về hào cường hoành hành. Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Kinh Dương bá Lê Quyền tâu rằng :

Hễ là hạng hào cường cậy thế mà phạm các tội đánh người bị thương, cướp đoạt [47b] ruộng đất, tài vật của người khác, cày phá mồ mả, xâm phạm làm tổn hại đến người khác, từ 3 lần trở lên, rõ là hành vi ngang ngược của bọn cường hào mà dẫu có ân xá cũng không được hưởng, thì bị trừng trị theo tội hào cường hoành hành. Nếu những việc can phạm nói trên chỉ có một hai lần, cùng là các tội tranh kiện nhau về ruộng đất, hay đánh nhau... thì theo luật mà trị tội.

Ngày 21, chọn bổ các phương diện quan ¹ và giám thủ khách sứ ².

Ra sắc chỉ rằng : Thừa ty, Hiến sát là những phương diện quan, trách nhiệm đã tôn, quyền uy cũng trọng, trong khi tuyển bổ phải dùng người tốt. Nếu bị khuyết : Tham nghị thì dùng quan từ lục phẩm trở lên : có tài năng kiến thức và uy tín, nhậm chức đủ 4 lần khảo khóa trở lên ; Hiến sát thì dùng quan các nha môn, khoa đài, Quốc tử giám, Lục tự mà thanh liêm, sáng suốt, từng trải đủ 4 lần khảo khóa trở lên được mọi người suy tôn ca ngợi, theo lệ mà tuyển bổ. Nếu dám lấy tình riêng, tuyển bổ bậy những kẻ phẩm trật thấp, tại chức ít ngày, [48a] để đến nỗi dư luận không hay, việc dân sinh tệ thì Lại khoa xét hỏi trị tội.

Định lệnh cho sứ thần các phiên bang vào triều cống kinh quốc ³.

Nếu sứ thần các nước Chiêm Thành, Lão Qua, Xiêm La, Trảo Oa, Lạt Gia ⁴ và đầu mục phụ trách các trấn biên giới đến quán Hội Đồng thì vệ Cẩm y sai kỳ quân các ty Tráng sĩ, ngũ thành binh mã và lang tướng đều phải theo đúng phép mà trông giữ, nghiêm ngặt canh phòng, cho đến những khi đi lại trên đường, vào châu ra mắt cũng phải dẫn đưa sau trước, xua đuổi bọn tiểu nội ⁵, bọn nô tỳ công tư, không cho

1. *Phương diện quan* : chỉ những đại thần nắm quyền cai trị ở một vùng lớn.

2. *Khách sứ* : sứ thần các nước phiên thuộc.

3. Tức kinh đô.

4. *Lạt Gia* : tức Mã Lạt Gia (Malacca).

5. *Tiểu nội* : chỉ chung những đầy tớ hầu hạ trong cung.

chúng được đến gần hỏi han, trao đổi trò chuyện, để xảy ra tiết lộ sự tình, dẫu dễ gây tệ hại. Nếu giám quan phụ trách không biết phòng ngừa nghiêm ngặt, lấy tình riêng mà dung túng, thì các kỳ bài tráng sĩ ty Xá nhân vệ Cẩm y cứ thực tâu lên để bắt về trị tội.

[48b] Ngày 26, định lệnh tôn trọng lễ nghĩa, khuyến khích nông tang. Vua dụ các quan Thừa, Hiến, các quan phủ, huyện, châu các xứ trong nước rằng :

"Lễ nghĩa để sửa tốt lòng dân, nông tang để có đủ cơm áo. Hai điều đó là việc cần kíp của chính sự, là chức trách của các quan nuôi giữ dân. Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ tất cả những phép dạy dân nên phong tục tốt, những việc dấy lợi trừ hại cho dân, không điều gì không nói rõ trong các huấn dụ để các người theo thế mà làm. Thế mà của cải của dân vẫn chưa được dồi dào, phong tục dân vẫn chưa được sửa tốt, há chẳng phải do bọn các người chỉ lấy sổ sách làm việc gấp mà coi giáo lệnh chỉ là mớ hư văn, xem ước hẹn hội họp là cần trước tiên mà để phong tục của nhân dân ra ngoài suy nghĩ, cho nên đến nỗi như thế ? Kể từ nay, bọn các người hãy bỏ hết tệ trước, tất cả sắc lệnh của triều đình, phải một lòng một dạ thi hành. Dân chúng bị đói rét thì phải trăm phương nghĩ cách xoay xở. Quan phủ, huyện, châu hằng năm phải định kỳ [49a] xem xét chỗ ruộng cao, ruộng thấp, khuyên dạy việc nông tang. Đất nào còn bỏ không thì tìm cách mà khai khẩn, người nào còn sức lực thì tùy việc cho trông nom, để cho dân có của thừa và không còn nạn đói rét lưu vong nữa. Hoặc là trong dịp tuần hành hằng năm, đến chỗ dân cư thôn xóm nào, đều phải lần lượt nêu rõ nội dung của các sắc dụ đời trước, lời dạy về lễ nhạc xưa nay, ân cần bảo ban, để dân theo điều lành, sửa tội lỗi. Nếu có việc gì hại giáo hóa, xấu phong tục phải để ý răn trị. Người nào trung tín, hiếu, dễ, phải chú ý khen thưởng. Như vậy thì dân đều trở nên trung hậu mà thói điều bạc gian dối đều được trừ bỏ. Người nào biết tuân theo và thi hành có hiệu quả thì hai ty khai tâu lên để khen thưởng. Nếu viên nào coi thường chức sự thì bãi chức sung quân".

Tháng 12, ra lệnh rằng : Quan coi sông ở các xứ, nếu gặp ngày dâng biểu, cho phép làm [49b] lễ ở nhà môn mình, không phải tới Đô ty.

Lấy Lê Đoan Chi làm Binh bộ thượng thư ; Lê Công Nhượng làm Lễ bộ thượng thư ; Quách Đình Bảo làm Hình bộ thượng thư ; Đặng Kiến Tổ làm Giám sát ngự sử ; Lê Chi làm Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc Bình Thuần bá ; Lê Quảng Chí làm Lễ bộ tả thị lang kiêm Hàn lâm viện chương viện sự.

Năm đó giết Trần Phong.

Vua dụ bọn Thượng thư Nguyễn Như Đồ rằng :

Trần Phong hồi trẻ là cựu thần của Lê Đức hầu¹. Đến khi hấn làm kinh diên cho Nhân-Tông thì yêu quý Lê Đức, rất khinh miệt ta. Nay Phong làm bầy tôi của

1. Tức là Lê Nghi Dân.

ta lại thường mang lòng bất trung, bảo rằng ta đặt quan hiệu của nhà Minh mà làm trái thông chế của quốc triều, cái bụng trái đạo làm tôi của hần đã rõ lắm rồi. Phong đã bội phản, ai buộc được tay ta mà không thể giết nó ? Phong là tên phản quốc, ai là kẻ [50a] giờ càng bỏ ngựa bênh nó hãy tự ra thú để ta được biết.

Lại dụ bọn Như Đồ rằng :

Ta thấy Trần Phong là người ngoan ngoan kiêu bạc, trước sau dụ bảo hần là phải. Còn như hai lần ban thơ tặng hần, thì lỗi ấy của ta to lắm, cần rón hỏi lại sao kịp ? Ta xem vua Hiếu Cảnh nhà Hán, vua Thái Tông nhà Đường, sử khen vào hàng Thất chế, Tam tông¹, cũng còn hối hận về Triều Thác, Tổ Thương. Ta không anh minh bằng hai vua ấy, làm sao tránh được nhiều điều lầm lỗi đáng tiếc !.

Bính Ngọ, [Hong Đức] năm thứ 17 [1486] (Minh Thành Hóa năm thứ 22). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 12, ra sắc chỉ rằng :

Kể từ nay, Giám sát ngự sử có sai đi công cán ở nơi khí độc như các xứ Yên Bang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Nam thì sai Giám sát ngự sử cai đạo. Nếu Giám sát ngự sử cai đạo sai đi đã hết rồi thì cho sai Ngự sử thông cai. Nếu ngự sử cai đạo và Ngự sử thông cai sai đi đã [50b] hết, mới lần lượt sai Ngự sử đạo khác.

Ngày 15, ra sắc chỉ rằng : Các viên nho chỉ huy ở các vệ, ty thì Lại bộ cùng quan vệ đó cộng đồng duyệt chọn những người được nhận văn chức ở các nha môn trong ngoài, người nào có chân thi hội trúng trường và sức vóc khỏe mạnh thì bỏ vào các ty ở nha môn để tức trực phục vụ.

Ngày 16, sai quan kiểm nghiệm các vật liệu quân nhu.

Ngày 25, định lệnh đắp dựng mốc giới ruộng đất công tư. Phép làm như sau : Khi rảnh việc làm ruộng, quan phủ huyện chiếu theo bốn mặt giới hạn của ruộng đất trong sở và ruộng đất được ban cấp, tập hợp những người già cả và xã thôn trưởng cùng nhau chỉ dẫn ruộng công và ruộng đất thế nghiệp là những chỗ nào, dựng mốc giới để làm phép vững chắc lâu dài.

[51a] Tháng 2, ngày mùng 3, định lệ bản đề, bản tâu và thẻ thức ký tên.

Ngày 29, ra sắc chỉ rằng : Kể từ nay, Thông chính sử ty nhận được bản tâu của quan viên các nha môn trong ngoài, nếu bản nào có chữ viết thiếu sót sai lầm phải lập tức kiểm soát tâu lên, giao cho Hình bộ phạt tiền như lệnh. Nếu là lính và dân thường thì miễn tiền phạt.

Tháng 3, tuyển người mạnh khỏe sung quân.

Ngày 14, ban hành điều lệnh Hồng Đức quân vụ gồm 27 điều.

¹ Thất chế : chỉ 7 vua nhà Hán giỏi làm pháp chế là Cao Tổ, Văn Đế, Vũ Đế, Quang Vũ, Minh Đế, Thương Đế. Tam Tông : chỉ 3 vua nổi tiếng của nhà Đường là Thái Tông, Huyền Tông và Hiến Tông

Xét năm Hồng Đức thứ 6, ngày tháng 3, đã ban xuống lệnh sau :

1 - Các con của quan văn võ nhất phẩm, nhị phẩm và con trưởng của quan tam phẩm, các cháu của công, hầu, bá không biết chữ thì sung làm tuần sĩ vệ Cẩm y, nếu biết đọc sách và thi đỗ thì sung làm nho sinh ở Sùng Văn quán. Các con của quan tam phẩm và con của tưng quan văn võ tứ, lục, thất, bát phẩm không biết [51b] đọc sách thì sung làm quân ở vệ Vũ lâm, nếu biết đọc sách và thi đỗ thì sung làm nho sinh ở Túc lâm cục, nếu có tài làm lại và thi đỗ thì sung làm lại ở các nha môn trong ngoài. Quan cữu phẩm thì được 2 con như con của quan bát phẩm, còn các con khác thì như con dân chúng thôi. Cháu của quan thất phẩm trở xuống thì tuyển sung quân như lệ của dân chúng.

2 - Cha con, anh em ruột từ 3 đình trở lên cùng ở trong sổ hộ tịch của xã thì miễn cho 1 đình không phải tuyển duyệt sung quân ; nếu ở xã, huyện khác thì không được miễn.

3 - Những người làm thuê, làm mướn có biết chữ và đã có ty Thừa tuyên bản xứ chuẩn cho thì được miễn không phải sung quân.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 6, Hiến sát sứ của Hiến sát sứ ty các xứ Thanh Hoa là Nguyễn Tô tâu rằng : Nếu là các quan phủ, huyện mà không chăm đôn đốc làm đê đường cừ đập thì không được thăng cấp.

Ngày 13, ra sắc chỉ cho các vệ rằng : Nô tỳ của các thế gia phải khai họ tên gửi [52a] đến phủ Phụng Thiên để kiểm soát. Đó là theo lời tâu của Thiếu doãn phủ Phụng Thiên Nguyễn Tất Bột.

Ngày 21, định các việc xây đắp vào lúc rỗi việc nông.

Tri huyện Thu Trì¹, phủ Kiến Xương là Trần Nhữ Vi tâu rằng :

Đồng ruộng các xứ trong nước cao thấp khác nhau, ruộng mùa, ruộng chiêm lúc bận, lúc rỗi khác nhau. Ruộng mùa thì tháng 2 tháng 3 gieo mạ, ruộng chiêm thì cày cấy vào tháng 11, tháng 12. Thế là ruộng chiêm thì cần kíp về cuối mùa đông. Nay hữu ty gặp có công việc gì, không xét tới thuận lợi cho việc làm ruộng, cứ nhất luật cho cuối mùa đông là lúc rỗi việc đồng áng, thế là chỉ tiện riêng cho dân làm mùa mà dân đồng chiêm thì có trở ngại. Cúi xin từ nay trở đi, nếu có các việc đào đắp thì hai ty phải điều tra xem xứ nào làm ruộng mùa thì khởi công vào cuối mùa đông, xứ nào làm ruộng chiêm thì làm vào những tháng xuân để tiện lợi cho việc của dân. Vua nghe theo.

[52b] Ngày 24, ra sắc chỉ rằng : Ruộng công cứ 6 năm lại kiểm tra đo đạc lại để quân cấp như trước.

1. Nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Nhắc lại lệnh kiểm soát kẻ trốn đi.

Tháng 5, ngày mùng 1, cấm kén tiền. Sắc chỉ ghi rằng : Việc dùng tiền, quý ở chỗ trên dưới lưu thông, chứa ở kho tàng thì quý ở chỗ để lâu không hỏng. Kể từ nay các nha môn trong ngoài có truy đòi các khoản tiền phạt công hoặc tư, cùng là chi phát, kiểm tra các hạng tiền, cần đem vào kho công chứa lại, thì đều phải chọn lấy tiền đồng thực, tuy vành đồng có sứt mẻ một chút nhưng là đồng thực, để lâu không hỏng, cũng nên nhận lấy. Còn về tiền thay lương cho quan lại và tiền dân chúng sử dụng trong mua bán, hễ là đồng thực còn xâu dây được thì đều phải nhận tiêu, không được loại bỏ hay kén chọn kỹ quá.

[53a] Ngày 22, cấm quan lại nhận chức ở ngoài lấy đàn bà con gái trong bộ hạt của mình.

Ngày 26, mở rộng nhà ngục, bổ thêm người giữ ngục để sai phái.

Định kiêu mữ vào châu : Kể từ nay, các quan văn võ vào châu thì đội mũ sa đen, hai cánh đều nhất luật hơi ngả về phía trước, không được tự ý hoặc làm ngang, hoặc làm chéch.

Tháng 6, ngày 11, nhắc rõ lệnh về việc tâu báo việc cấp :

Kể từ nay, các việc công, tư chưa kinh qua các nha môn châu, huyện, phủ, thừa hiến, dài cùng các viện tuy đã báo rồi nhưng chưa điều tra xong thì đều không được tâu báo vượt lên.

Ngày 12, có lệnh cấm không được ở phiên trấn này đi vào sổ ở phiên trấn khác, như các xứ thừa tuyên Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hóa, An Bang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, thì Thanh Hoa không được đổi vào Nghệ An, Lạng Sơn không được ghi [53b] vào Thái Nguyên...

Ngày 18, ra lệnh cho các phủ, huyện, xã rằng : Nơi nào có ruộng bỏ hoang ở bờ biển mà người ít ruộng tình nguyện bồi đắp để khai khẩn nộp thuế thì phủ huyện xét thực cấp cho làm.

Mùa thu, tháng 7, ngày mùng 1, Giám sát ngự sử đạo Hải Dương Đào Như Lý tâu rằng :

Các sĩ nhân đương đi thi mà gặp phải kỳ lên phiên thì phải nộp tiền. Vua y theo.

Trước đây, từ mùa thu năm Hồng Đức thứ 12 trở về trước, các quan viên tuy chưa đỗ thi hương cũng cho vào thi hội, đến đây có sắc chỉ rằng : Các quan viên, ai có thể theo nghề khoa cử tình nguyện vào thi, nếu ở kinh thì tới phủ Phụng Thiên, ở ngoài thì tới ty Thừa tuyên sở tại mà thi. Trước hết phải qua sát hạch ở phủ huyện như lệ thi hương của dân thường, sau đó, cho vào trường thi hội. Đó là theo

lời tâu của Hàn lâm viện thị thư kiêm Sùng Văn quán Tú lâm cục tư huấn Lương [54a] Thế Vinh.

Tháng 9, ngày mồng 4, đặt chức Tuần kiểm sứ ở Viêm Sơn, Dịch Sơn, Phong Sơn, Lộng Sơn thuộc thừa tuyên Lạng Sơn.

Ngày mồng 6, ra sắc chỉ rằng :

Người nào dự khảo thi để miễn duyệt tuyển và các hạng con cháu quan viên, quân sắc, thư toán do Xã trưởng bản xã đến Lễ bộ làm giấy cam đoan nhận mặt, đến ngày thi, sáng sớm đưa đơn vào cửa Bảo Khánh để chỉ dẫn rồi mới cho vào trường thi. Đó là theo lời tâu của Lễ bộ tả thị lang kiêm Kim quan môn đãi chiếu Vũ Hữu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, nhắc lại thể thức tời tâu.

Ngày mồng 5, có lệnh cấm con cháu và nô bộc các nhà thế gia vô cơ phóng ngựa trên đường phố.

Ngày 26, sai bọn Lễ bộ thượng thư Lê Năng Nhượng, Phạm Phúc Chiêu, Quách Liễn [54b] sang tiến cống nhà Minh.

Ngày 29, cấm mò trộm ngọc châu.

Thi con cháu các quan viên, hỏi về văn, viết chữ, làm tính.

Mùa đông, tháng 11, định cách ra vào trong hàng ban châu. Các quan văn võ, sau khi ban châu đã bày, hoặc tâu việc gì, tâu xong lui ra, hoặc có công việc, việc xong đi ra, đều phải đi vòng theo ban mà cúi rạp xuống, không được đi ngang đi tắt.

Năm ấy, lấy Lê Đuan Chi làm Hộ bộ thượng thư Tá Quốc hầu, Nguyễn Như Đò làm Lại bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tế tửu, Lê Vinh làm Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc Đường Khê hầu ; Nguyễn Quán làm Trung quân đô đốc phủ hữu đô đốc Mậu Kính tử ; Lê Tuyền làm Phò mã đô úy Tử Nghiêm bá, Nguyễn Tử Chí làm Thanh hình [55a] hiến sát sứ ty hiến sát xứ các xứ Hải Dương.

Đinh Mùi, [Hong Đức] năm thứ 18 [1487], (Minh Thành Hóa năm thứ 23). Mùa xuân, tháng 2, cấm xung hô tiếm vượt.

Tháng 3, thi hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Trân 60 người.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 7, vua thân hành ra đề văn sách hỏi về đạo trị nước. Xem quyển xong lại cho gọi các tiến sĩ hạng ưu vào cửa Nhật Quang, thân hành giám định. Lấy Trần Sùng Dĩnh đỗ thứ nhất, rồi đến Nguyễn Đức Huấn, Thân Cảnh Vân, đều ban tiến sĩ cập đệ ; bọn Vũ Cảnh 30 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Phạm Trân 27 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ngày 28, nhắc lại lệnh xưng hô danh hiệu : Như thân vương thì người dưới xưng là "diện hạ", tự thân vương là "phủ hạ" ; công, hầu, bá, phò mã và nhất phẩm thì [55b] xưng là "các hạ" ; nhị phẩm, tam phẩm là "môn hạ" ; tứ, ngũ, lục phẩm là "đại

nhân" ; thất, bát, cửu phẩm là "quan trường"... Kẻ nào còn dám xưng hô tiếm vượt như trước thì người gọi và người nhận đều phải đánh 5 roi, phạt 10 quan tiền.

Định cách bảo tuyền quan Tổng binh. Vua nói : Chức quan Tổng binh nhận ký thác quan trọng ở một phương, không thể trao cho kẻ xấu. Các quan khoa, đài phải bảo đảm lựa chọn vệ quan các nha môn, người nào có đảm lược, có học thức, có uy tín, tài cán, liêm khiết, siêng năng để thuyên bổ chức đó. Ai dám riêng tư mà bảo cử bậy kẻ bỉ ổi, hèn kém, tham ô, lười nhác thì bị trị tội.

Tháng 5, ngày mùng 4, vua ngự điện Kính Thiên, truyền loa xướng danh các tiến sĩ là bọn Trần Sùng Dĩnh. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Lễ bộ bưng bâng vàng ra treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

[56a] Tháng 6, ngày 26, sắc cho Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc Kinh Dương hầu Lê Quyền, cùng với nha môn Ngũ phủ, Lục bộ, Ngự sử đài, Lục tự và Nam quân đô đốc phủ Bình Thuần bá Lê Chí soạn dùng Minh lệnh gồm 145 điều.

[Lệnh cho] Các viên ở nha môn trong ngoài từ nay trở đi, nếu có mừng nhau, tặng nhau thì phong bì nên dùng loại giấy trung chỉ, không được trang hoàng.

Mùa thu, tháng 7, ngày mùng 9, ra sắc chỉ rằng : Quan viên nào không phải là kẻ phạm tội bị giáng chức nếu đã đủ lệ khảo khóa thì cho được thăng chức như lệ quan viên các xứ. Nếu khảo khóa là xứng chức thì chỉ được thăng lên Thừa ty bản xứ, không được chuyển đổi về chỗ gần. Nếu có kẻ tham nhũng thì theo lệnh trước mà bãi chức sung quân Quảng Nam.

[56b] Tháng 9, ngày 15, dựng bia ghi tên các tiến sĩ đỗ khoa Đinh Mùi năm Hồng Đức thứ 18.

Ngày 18, cấm các quan trong ngoài không có việc gì không được đến nhà túc trực của các vệ Cẩm y, Hiệu lực, Thần vũ, Điện tiền.

Ngày 22, Minh Hiến Tông băng.

Tháng 9, ngày mùng 6, Hoàng thái tử nhà Minh là Hựu Sanh lên ngôi, đổi niên hiệu năm sau là Hoằng Trị năm thứ 1, đó là niên hiệu của Hiếu Tông.

Mùa đông, tháng 11, ra lệnh đại xá gồm 54 điều.

Định thứ tự cho triều thần nghị sự. Xuống chiếu rằng :

Khi nghị sự ở triều đường, nếu có trung quan vâng thánh chỉ truyền hỏi thì trước hết Lục khoa và Ngự sử đài là một thứ ; Lục bộ, Lục tự, là một [57a] thứ ; công, hầu, bá và Ngũ phủ đô đốc là một thứ, tùy từng hạng mà bàn luận, cốt phải tường tận, rõ ràng, không được mập mờ, hùa theo hay im lặng, lẩn tránh. Ai vi phạm thì Cử nghi giám sát ngự sử¹ hặc tội tâu lên để đưa xét hỏi. Nếu là Cử nghi hòm đó thì không dự bàn luận.

Mậu Thân, [Hồng Đức] năm thứ 19 [1488], (Minh Hiếu Tông Hoàng Trị năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, ai theo hầu về Lam Kinh được thưởng 1 tư.

Tháng giêng nhuận, ngày mùng 3, Đào Cử được thăng Hàn lâm viện thị độc Đông các học sĩ Tu Thận thiếu doãn. Vì Đào Cử giữ chức ở nha môn có nhiều việc, đủ 3 kỳ khảo khóa đều xứng chức, không phạm lỗi, cho nên được thăng.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mùng 9, xuống chiếu rằng :

Từ nay, quan viên các nha môn nếu bị ốm đau đau xin điều trị thì ghi là "trị bệnh" hay "điều trị", không được dùng tạm chữ "dưỡng" như trước, [57b] Đó là theo lời tâu của Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung.

Ngày Mậu Dần 15, giờ Nhâm Tý, hoàng tôn thứ hai là Tuấn sinh (sau là Uy Mục Đế).

Ngày 19, định lễ tiết bồi bái. Xuống chiếu cho các quan văn võ rằng : Nếu có việc làm lễ bồi bái, thì khi làm lễ xong, lại đứng hầu ban theo đúng nghi thức, được lệnh thì rào bước ra, không được chậm chạp, nhớn nhợ, cũng không được chạy vội, đi tràn.

Đại hạn.

Mùa thu, tháng 7, ngày 25, xuống chiếu cho các quan nha môn trong ngoài khám xét kiện tụng, hễ gọi người làm chứng đến xét hỏi, thì quan xét phải hỏi cho rõ ràng, tường tận. Vụ kiện nhỏ hạn trong 5 ngày, vụ lớn hạn trong 10 ngày, lấy giấy ghi lại lời cung khai cho xong hết, không được bỏ trễ quá thời hạn.

[58a] Tháng 8, ngày Nhâm Thìn mùng 1, hoàng tôn thứ ba là Thuần sinh (sau là Túc Tông).

Ngày 16, định kiểu y phục để tiếp sứ nhà Minh.

Các công, hầu, bá, phò mã và các quan văn võ phải may sẵn áo tơ sa Trữ La màu xanh, có cổ áo bằng lụa, dài cách đất 1 tấc, ống tay áo rộng 1 thước 2 tấc, còn quan hộ vệ thì dùng chế y, dài cách đất 9 tấc, tay hẹp như kiểu cũ. Tất cả đều phải dùng bỏ tử đi hia, màu sắc phải tươi sáng, không được dùng thứ cũ, xấu để đợi tiếp sứ nhà Minh.

Sa thải lại viên các nha môn, người nào già kém không siêng năng thì cho nghỉ việc về làm dân, chịu sai dịch, thuế má.

Tháng 9, xuống chiếu rằng : Từ nay, các quan phủ, huyện, châu xét đặt Xã trưởng, hễ là anh em ruột, anh em con chú con bác và bác cháu, cậu cháu với nhau thì cho 1 người làm Xã trưởng, không được cho cả hai cùng làm [58b] để trừ mối tệ bè phái hòa nhau.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, sai Lễ bộ dụ cho Tham chính Quảng Nam Phạm Bá Tông rằng :

Quân dân thuộc Thừa chính ty Quảng Nam sinh con trai từ 15 tuổi trở lên mà tuần tú, ham học thì đến ngày thi hương, hai ty Thừa, Hiến bản xứ cùng nhau lựa chọn, làm danh sách, cho sung làm sinh đồ của bản phủ, để được dạy bảo cho biết lễ nghĩa.

Ngày mồng 9, định kiểu y phục mới dùng trong nghi lễ tiến triều. Kiểu áo may dài cách đất 2 tấc, tay rộng 1 thước 3 tấc.

Ngày 20, xuống chiếu rằng : Từ nay, các sĩ nhân đã từng đi học, biết làm văn, có hạnh kiểm, đã thi đỗ và được miễn tuyển thì miễn cho nửa phần thuế và sai dịch để mở rộng ý nghĩa nuôi dưỡng nhân tài của triều đình.

[59a] Tháng 11, ngày 20, nhà Minh sai chánh sứ là Hàn lâm viện thị giảng Lưu Tiễn, phó sứ là Hình khoa cấp sự trung Lã Hiến sang báo việc lên ngôi và ban cho vóc lụa.

Ngày 23, làm lễ mở đọc chiếu thư của nhà Minh ở điện Kính Thiên.

Đặt chức Tuần kiểm sứ ở các ải Lôi Quan, Loa Quan, Lãng Quan.

Tháng 12, ngày 11, sai sứ sang nhà Minh : Đàm Văn Lễ, Vương Khắc Thuật, Phạm Miễn Lân mừng lên ngôi. Hoàng Bá Dương tâu việc địa phương Chiêm Thành và địa phương Tuy Phụ. Tổng Phúc Lâm tiến hương liệu. Hoàng Đức Lương tâu ơn ban cho vóc lụa.

Ngày 13, sai Lễ bộ yết bảng về nghi thức tôn kính vua : Các bậc công, hầu, bá, phò mã và các quan văn võ, từ nay trở đi, khi bưng chén cáo, sắc mệnh cùng ngự bảo và sắc chỉ vốn là những trọng [59b] khí, đều phải dùng hai tay bưng ngang, đưa lên cao bằng đầu, khi bưng bản tâu, thiếp tâu thì đều bưng cao ngang mắt.

Ban xuống lệ khảo khóa :

1 - Phép khảo khóa : 3 năm sơ khảo, 6 năm tái khảo, 9 năm thông khảo rồi mới tiến hành thăng giáng.

2 - Hoàng thân nội, ngoại và con cháu các khai quốc công thần cùng là những võ quan trước đã bỏ quan, sau có quân công, nhậm chức đủ hạn khảo

khóa, xứng chức, theo lệ được thăng lên nhất, nhị phẩm thì Lại bộ làm danh sách, xin lệnh chỉ, nếu được lệnh thì cho thăng như lệ. Nếu là con nhà dân, từ chân trắng được bổ nhiệm quan chức, hoặc từ chân trắng do có chiến công được làm quan, nhậm chức đủ hạn, khảo khóa xứng chức đáng được thăng cấp thì chỉ cho thăng đến tam phẩm, không được nhất, nhị phẩm.

3 - Trong 9 năm, nếu đã được thăng cấp do lập công khác, tới kỳ thông khảo, lại xứng chức, đáng [60a] được thăng đến nhị phẩm trở lên thì Lại bộ làm bản tâu lên để nhận lệnh, còn từ tam phẩm trở xuống thì cứ theo lệ mà thi hành.

4 - Quan các nha môn tại chức đủ ba kỳ khảo khóa phải khai trình đầy đủ những việc đã làm trong nhiệm kỳ, có phạm lỗi gì hay không. Trưởng quan phụ trách phải công bằng mà xét duyệt, tính bắt đầu từ ngày được bổ nhiệm. Thí quan đủ 3 năm được thực thụ thì được coi là qua kỳ sơ khảo. Trong khi tại chức mà có phạm lỗi thì không được khảo khóa, cùng là người không phải do quân công mà được thăng đặc cách, thì từ khi phạm lỗi và đặc cách thăng cấp đó, lại tính là kỳ sơ khảo. Kê rõ từng hạng xứng chức, bình thường, không xứng chức để định việc khảo khóa.

Lại khai rõ công việc đã làm, có phạm lỗi gì không, để trình lên quan phụ trách nha môn xét duyệt, rồi gửi cho Lại bộ giữ để xét. Đợi đủ 9 năm qua kỳ thông khảo, quan phụ trách trình lên tất cả những công việc trước sau mà viên ấy đã làm qua mỗi kỳ khảo khóa trong thời gian nhậm chức và những lời nhận xét khi khảo khóa [60b], tùy theo quan chức lớn hay nhỏ, có thể gửi để tâu lên, hoặc gửi để giữ lại. Lại bộ tham chiếu các lần khảo trước sau, tại nơi phức tạp hay đơn giản, theo đúng lệ, làm bản tâu lên để thi hành. Nha môn nào có kẻ gian trá, bịa khai công lao, tài cán, giấu giếm tội lỗi, mà quan phụ trách không biết tra xét, dối trá bao che, dung túng cho nhau, thì Lại bộ phải điều tra tường tận để gửi lên xét hỏi. Nếu có người tài năng kỳ lạ, được lệnh đặc cách thăng bổ thì không câu nệ vào lệ này.

Định lệnh về bản giao khi quan lại được thăng hay đổi di nơi khác.

Kỷ Dậu, [Hồng Đức] năm thứ 20 [1489], (Minh Hoảng Trị năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, định lệ bảo cử ty quan của Hình bộ. Ra sắc chỉ rằng :

Việc hình ngục quan hệ không nhỏ, quan xét xử phải chọn cẩn thận. Từ nay, chức Lang trung, Viên ngoại ở Hình bộ có khuyết viên nào, thì Lại bộ làm bản tâu lên, trong kinh thì đường quan Lục bộ, Ngự sử đài và Lục tự khanh ; bên ngoài thì các quan hai ty Thừa, Hiến [61a] cùng nhau bảo cử người mình quen biết và các quan phụ trách các nha môn đã trải qua hai lần khảo khóa trở lên, là người liêm khiết, từng trải, am hiểu hình danh thì Lục bộ làm 1 bản, hai ty Thừa, Hiến bản xứ, mỗi ty làm 1 bản, khai ghi họ tên của người được bảo cử cho rõ ràng, làm bản tâu lên, nếu được chỉ chuẩn y thì giao cho Lại bộ tuyên bố. Người nào dám vì tình

riêng hay tiền bạc mà bảo cử không đúng, thì Lục khoa và Giám sát ngự sử điều tra sự thực, tâu hặc lên sẽ theo đúng luật trị tội.

Định lệnh Giám sát ngự sử 13 đạo chia ty coi việc phụ trách các nha môn. Vua dụ Ngự sử đài và Giám sát ngự sử 13 đạo rằng :

"Các người hãy cung kính trong công việc của mình" là lời Bàn Canh dạy bảo những người giữ chức vị. "Hãy thận trọng với chức vụ của mình" là câu Thành Vương dùng để hướng dẫn quan lại của ngài. Vì rằng người bầy tôi thờ vua, mỗi người đều có chức trách của mình. Xử án thì hỏi Đình úy, tiền thóc thì hỏi Nội sử, ai có trách nhiệm của [61b] người đó. Huống chi chức trách của ty Phong hiến là xét hặc, trước nay đã quy định là phải chia tách để trông coi thì giường mới mới hoàn chỉnh và thành nền nếp. Kể từ nay, các người : những nha môn trong kinh mà cáo giác nhân viên nào tham tang, phạm pháp và hết thảy việc công lợi hại thì do phần ty đó xét hỏi thì hành ; nếu là ba ty bên ngoài trị lý dân chúng, khi phát hiện quan lại tham ô, hoặc có đơn không tố về kiện tụng oan ức, cùng tất cả việc riêng tư xảy ra trong phủ, huyện, châu thì do phân ty các đạo xét xử thì hành.

Ngày 13, đổi lại kỳ hội quân thượng ban, hạ ban và thứ tự của kỳ ban thành đại tập kỳ, thượng phiên, hạ phiên.

Mùa hạ, tháng 5, đại hạn.

Xuống chiếu đại xá, gồm 49 điều.

[62a] Cấm quan viên họp bọn say đắm tửu sắc.

Tháng 6, ngày 25, định cách thức chấp tay khi vào chầu. Xuống chiếu rằng :

Công, hầu, bá, phò mã cùng các quan văn võ, kể từ nay, mỗi khi vào chầu, mặc áo, đội mũ thì chấp tay đặt dưới cổ áo tròn, nếu đứng hộ vệ mặc áo thì chấp tay đặt dưới ức.

Mùa thu, tháng 7, sai Chỉ huy hiệu úy hội đồng với ty Thừa tuyên khơi thông nước lụt.

Định lệnh phát quân nhu, 92 điều.

Tháng 9, ngày mùng 9, ngăn cấm bọn dân ngoan ngạnh thù oán cáo giác lẫn nhau, gây việc kiện tụng.

Mùa đông, tháng 10, ngày 19, sai bọn bồi thân Nguyễn Khắc Cung, Bùi Xương Trạch, Nguyễn Hán Đình sang tuế cống nhà Minh.

[62b] Lấy Lưu Hưng Hiếu làm Hàn lâm viện thị giảng tham chương Hàn lâm viện sự.

Canh Tuất, [Hồng Đức] năm thứ 21 [1490], (Minh Hoàng Trị năm thứ 3). Mùa xuân, tháng giêng, hội quân lớn, điểm mục xong cho về, thay phiên nhau ở lại canh giữ.

Định lệ thổ quan thiếu lễ triều hạ : Viên nào ở gần thì một năm 2 lần về triều hạ, ở xa thì một năm 1 lần về triều hạ. Nếu không kịp dịp Chính đán¹ thì cho đến ngày Thánh tiết². Ai thiếu một lần thì bãi chức, hai lần thì bắt về trị tội.

Tháng 2, sai Hàn lâm viện, Khoa, Đài, Cẩm y vệ hiệu úy đi các phủ, huyện, phát thóc công cho dân nghèo vay ăn, vì các phủ huyện Kinh Môn cây cấy không được, dân nhiều người chết đói.

Định lệnh quan đòi đi giao lại nhà công. Từ nay, quan các nha [63a] môn nào đòi thăng di, về chịu tang, hay ốm chết... thì nhà cửa, đồ đạc giao cho quan lại sai người coi giữ, đợi khi quan mới đến dùng.

Định lệnh mặc y phục giảm bậc. Xuống chiếu rằng :

Công, hầu, bá, phò mã cùng các quan văn võ, từ nay trở đi, nếu triều đình có tế cầu đảo, lễ quốc kỵ³, phải mặc y phục giảm bậc, không được tự tiện bỏ kiểu quy định, nếu có người nào nài xin hay từ chối thì sẽ bị xét hỏi.

Ra sắc chỉ rằng :

Các văn nho chỉ huy ở các vệ, ty, người nào túc trực phục vụ đủ hạn khảo khóa trở lên mà quả giữ phép công làm được việc, không phạm lỗi thì trưởng quan vệ đó xét thực làm bản trình lên, Lại bộ chiếu chỗ khuyết mà đổi bổ văn chức. Người nào chưa đủ hạn khảo khóa lại già kém, không làm nổi việc hộ vệ, thì lựa thải về. Người nào còn có thể dùng được thì đổi bổ. Kẻ nào dám chạy vạy cầu cạnh thì trị tội theo luật để ngăn chặn thói cầu may của kẻ sĩ.

[63b] Tháng 3, thi hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Xao 54 người (Xao người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, thi đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân).

Mùa hạ, tháng 4, ngày mùng 4, xác định bản đồ toàn quốc : 13 xứ thừa tuyên⁴, 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6.851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 30 nguồn, 30 trường. Ở Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Yên Bang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, đều đặt Đô ty và Thủ ngự.

Ngày 19, ban lệnh đại xá 45 điều, vì năm này gạo kém, 1 tiền chỉ đong được [64a] 2 thưng gạo.

1. Ngày mùng 1 tháng giêng Âm lịch, tức ngày mùng 1 tết Nguyên Đán.

2. Ngày sinh của vua.

3. Quốc kỵ : là ngày giỗ của vua.

4. 13 xứ thừa tuyên : Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Bang, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Quảng Nam và phủ Trung Đổ.

Thi diện, Vua thân hành ra đề văn sách.

Sai Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán và Hình bộ thượng thư Lê Năng Nhượng làm đề điều ; Ngự sử đài phó đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm làm giám thí ; Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Lại bộ thượng thư Nguyễn Bá Kỳ làm độc quyền.

Vua xem bài thi, xếp thứ bậc cao thấp. Cho bọn Vũ Duệ, Ngô Hoán, Lưu Thư Ngạn 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Lê Tuấn Mậu 19 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Lê Đình Quát 32 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, ngày 14, Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán bàn rằng : Ty thị vệ của vệ Cẩm y khi vào sổ thì ở dưới các ty Tráng sĩ, Canh phiên và Xá nhân.

[64b] Ngày 18, vua ngự điện Kính Thiên, truyền loa xướng danh các tiến sĩ là bọn Vũ Duệ. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 19, ban mũ đai y phục.

Ngày 20, ban yến.

Định lệnh tách xã : xã nào đủ 500 hộ rồi mà số hộ dư ra lại được 100 hộ trở lên có thể thành một xã nhỏ nữa thì phải báo, rồi xếp loại tâu lên, để tách ra thành xã khác, cho thêm rộng bản đồ.

Mùa thu, tháng 7, định lệ các quan vào chầu.

Tháng 8, ngày 15, dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Canh Tuất năm Hồng Đức thứ 21.

Ngày 26, định lệ các quan đi đứng khi vào chầu.

[65a] Tháng 9, đặt thêm 13 cửa ải thuộc thừa tuyên Lạng Sơn, như các cửa Viêm Sơn, Phong Sơn, Lâu Sơn, Tam Sơn...

Mùa đông, tháng 10, đặt Thần vũ hữu vệ.

Khảo thí các quân sắc và nhân dân, hỏi về viết chữ và làm tính để bổ làm lại viên các nha môn. Phép thi : một kỳ ám tả, một kỳ thi toán.

Tháng 11, đắp rộng thêm Phụng thành, dựa theo quy mô thời Lý, Trần.

Vua cảnh giác về việc Nhân Tông bị hại, nên lấy lính đắp thành đó. Đồng thời phía ngoài trường đấu võ, mở rộng đến 8 dặm, sau 8 tháng thì đắp xong. Bèn dựng điện Danh Bảo ¹, lại lập vườn Thượng Lâm, trong vườn có hươu và các thú khác.

Đặt hai vệ Cẩm y và Kim ngô.

1. CMCB '23 chép là "dựng điện Thạch Thất".

Dũng sĩ vệ Cẩm y từ ty Lực sĩ đến ty Kỳ bài gồm 20 ty, có chức phó quân. Các ty đều không thành lập đội, ngũ chỉ có từ ban một đến [65b] ban tám.

Võ sĩ vệ Kim ngô từ ty Lực sĩ đến ty Thần tí cùng trung, tiền, tả, hữu, hậu ty cộng là 100 ty. Lại đặt các ty Thần vũ, Điện tiền ; đặt 5 phủ quân Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc. Lại soạn quân chính¹ và quân giới².

Tân Hợi, [Hồng Đức] năm thứ 22 [1491], (Minh Hoàng Trị năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, các quan theo hầu vua ngự về Tây Kinh được thưởng 1 tư.

Tuyển người khỏe mạnh sung quân ngũ, thải người già.

Mùa hạ, tháng 5, định lệnh làm sổ hộ tịch khác cho những người trở về làng quá hạn. Những người đáng được làm sổ khác mà quán tịch vẫn còn ở xã cũ thì tới khi viết sổ, quan phủ huyện, xã trưởng và quan lại, thủ lĩnh đối chiếu lại cho phù hợp.

Mùa thu, tháng 8, ngày 28, 29, mưa to suốt cả ngày lẫn đêm không ngớt, [66a] đổ tường điện Kính Thiên, nước dâng lên đến 4 thước.

Ngày 29, sai các Chỉ huy, Hiệu úy, Bách hộ của hai vệ Cẩm y và Kim ngô tới các xứ thừa tuyên gần, khơi tháo nước úng làm hại lúa mạ. Vua dụ các quan tể thần, Ngũ phủ, Lục bộ, Lục tự, Lục khoa và Ngự sử đài rằng :

"Bởi chính trị có thiếu sót, nên trời chỉ cho bằng tai biến. Đó là do lỗi lầm của trăm mà chuốc lấy họa, chứ trăm họ có tội gì đâu ? Có phải vì trăm đức tin chưa đến dân, lòng thành chưa thấu tới trời mà đến nỗi như thế chăng ? Trăm không rõ các Khanh ngày thường ở nhà có bản khoản lo lắng tới việc nước, không chút lơ là để uốn sửa chỗ thiếu sót của trăm không, hay chỉ tiêu dao dưỡng tính, mưu kiếm lợi riêng, theo người đời mà tiến mà lui, để giữ bền [66b] quyền vị chăng ? Các văn thần thì ít người trung nghĩa, nhiều kẻ gian ngoan, bán cương trực để cầu danh, cứ làm như là trung là tín, như lũ Trần Phong, Đào Tuấn thì làm thế nào mà dỗi dạ được. Ngày xưa, Thái Tông Hoàng Đế ta, vua tôi một lòng, vua sáng tôi hiền mừng gặp gỡ, dân hòa khí vượng dẫn diềm lành, nào có thiếu nhân nghĩa đâu ? Khoảng đời Thái Hòa, Diên Ninh, việc chính trị chỉ quanh quẩn trong chốn màn the, người giúp đỡ thì nắm quyền uy phúc. Làm hại thế nước là bọn Khắc Phục, Mộng Tuấn ; chạm tường giết dân là lũ Đỗ Bí, Đỗ Trọng. Đến nỗi biến cố sinh ra trong tường nhà, tai họa xảy ra nơi gối nệm, con cháu của Bí, Trọng cùng một mẻ lưới bị chết hết. Đường Thái Tông nói rằng : "Vua đã mất nước, bề tôi vẹn toàn một mình thế nào được !" thực là đúng lắm.

1. *Quân chính* : các điều lệnh của quân đội bấy giờ.

2. *Quân giới* : các điều kỷ luật trong quân đội bấy giờ.

Từ nay về sau, kẻ nào còn quen thói nhờn như cũ, theo người ta mà tiến lui, mưu giữ bền quyền vị, thì trẫm sẽ vì các khanh mà giết nó đi. Kẻ nào theo lời dạy bảo, mà sửa bỏ lỗi trước đi, hết lòng trung tín, [67a] dốc sức tận tâm, thì trẫm cũng sẽ vì các khanh mà khen thưởng họ. Mong các khanh hãy cố gắng !".

Mùa đông, tháng 10, thóc lúa được mùa lớn.

Ngày 18, đặt Thần vũ hậu vệ.

Vua sai thợ làm cái đình ở ngoài cửa Đại Hưng¹ để làm nơi treo các pháp lệnh trị dân. Làm xong, ban tên là "Quảng Văn đình"². Đình này ở trong Long thành, phía trước Phụng Lâu, có ngòi Ngân Câu chảy quanh hai bên tả hữu.

Tháng 11, sai Đề hình giám sát ngục sử kiểm xét quan lại ở Hình bộ, người nào mắc tội lười biếng, gian tham, buông tuồng, phóng túng, thì làm bản tâu lên, theo luật mà trị tội.

Lấy Nguyễn Xung Xác làm Hàn lâm viện thị độc chương Hàn lâm viện sự kiêm Lễ bộ [67b] tả thị lang.

Nhâm Tý, [Hồng Đức] năm thứ 23 [1492], (Minh Hoằng Trị năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 3, nhắc lại các lệ gồm 130 điều.

Mùa hạ, tháng 4, sai các quan Hàn lâm, khoa, đài đi 12 thừa tuyên để thẩm tra việc hình ngục.

Lấy Dương Trục Nguyên làm Hiến sát sứ ty hiến sát sứ thừa tuyên Hải Dương.

Trục Nguyên tâu việc trái ý vua, sau bị giáng về làm Hàn lâm viện hiệu lý (theo gia phả). Trước đó, vua vốn thích văn thơ, ngự thuyền về đến Lam Sơn, làm thơ nhớ lại cơ nghiệp của Thánh Tổ, Trục Nguyên kính họa lại, có câu kết rằng :

Lam Sơn chỉ xích thiên nam vọng,

Vạn cổ nguy nguy sáng nghiệp công.

(Lam Sơn nhìn đó, trong gang tấc,

Vời vợi muôn xưa sáng nghiệp công).

Vua phê rằng : Câu này có khí phách cao rộng.

[68a] Tháng 6, ra sắc chỉ cho con cháu công thần được nhận chức tàn quan.

Hồi mở nước, người nào dự theo nghĩa quân, đã nhận các danh hiệu Chánh đốc, Đồng đốc, vì đánh giặc Ngô chết trận mà chưa được quan chức phẩm trật, cùng

1. Nay là khu vực Cửa Nam, Hà Nội.

2. "Quảng văn" có nghĩa là "truyền bá rộng".

những người có họ tên trong sổ công thần Lũng Nhai như là Lê Trạo, lúc còn sống làm quan chưa đến nhất, nhị phẩm, nay vẫn còn con cháu thì cho làm giấy báo lên, Lại bộ xét thực, xếp loại tâu lên, sẽ trao cho chức nhất phẩm tẩn quan.

Mùa đông, tháng 10, thi hương các học trò trong nước. Sai quan Hàn lâm viện làm khảo quan tại 4 ty thừa tuyên Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc, mỗi ty 4 viên. Quan Hàn lâm làm khảo quan thi hương bắt đầu từ đây.

Tháng 11, ngày mồng 6, sai bọn bồi thần Lê Du, Bùi Sùng Đạo, Nguyễn Ngạn Khắc, Trịnh Quý [68b] sang công nhà Minh và Khổng Ngu sang tâu việc điều tra dân chúng vượt qua địa phương mình để thông đồng buôn bán.

Tháng 12, ngày 24, nhà Minh sai chánh sứ là Hình bộ lang trung Thẩm Phụng, phó sứ là Hành nhân ty hành nhân Đồng Chấn sang báo việc lập Hoàng thái tử và ban vóc lụa.

Đổi lớn, dân có người phải ăn củ nâu.

Đặt các kho vũ khí và thuốc súng, bên trong có mở ruộng, trồng hóp đá ở xung quanh.

Đặt kho tiền ở hồ Hải Trì, trong có Thượng Lâm tự.

Đặt Thái Nguyên đô ty, Thái Nguyên thuần tượng vệ và đặt Thủ ngự tổng tri ty, Bình dịch vệ.

Lấy Lê Cảnh Huy làm Hộ bộ thượng thư.

[69a] Quý Sửu, [Hồng Đức] năm thứ 24 [1493], (Minh Hoàng Trị năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 8, sai sứ sang nhà Minh. Bồi thần Nguyễn Hoàng Thạc, Lê Trung mừng lập Hoàng thái tử, Hành nhân Phạm Mân tạ ơn ban vóc lụa.

Tháng 3, thi hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Vũ Dương 48 người.

Ngày 16, quy định về ban châu của các quan văn võ :

1 - Các quan văn võ cùng ban châu mà phẩm trật như nhau thì quan cũ và cao tuổi đứng trên, quan mới và ít tuổi đứng dưới.

2 - Các quan văn võ phải phụ trách kiêm nhiệm, người phẩm thấp mà chức cao, như tam phẩm làm Đô đốc thì đứng vào ban nhị phẩm ; thất, bát phẩm làm Lang trung thì đứng vào ban lục phẩm. Nếu phẩm cao mà chức thấp, như nhị phẩm làm Vệ quan thì đứng vào ban tam phẩm ; tứ, ngũ phẩm làm Viên ngoại lang thì đứng vào ban lục phẩm ; còn lại cứ theo thế mà suy ra.

3 - Các quan Ngự sử đài, Đông các, Hàn lâm [69b] viện, Giám sát ngự sử, thì đứng ban châu vẫn theo lệ trước. Phẩm thấp nhưng chức cao như thất, bát phẩm làm quan Lục khoa thì đứng ở trên ban lục phẩm.

4 - Các quan văn võ triều yết, người nào phẩm tước cao mà chức thấp, thì chiếu theo ban của chức mình đang nhận đứng ở trên ban đó, nếu thuộc quyền của Hộ bộ thì đứng về ban của phẩm mình ở cuối hàng triều yết.

5 - Các quan văn võ khi làm lễ ra mắt, từ biệt, tạ ơn... thì chiếu theo thứ tự trong ban thường triều. Nếu là quan hộ vệ tam, tứ phẩm thì chiếu theo như phẩm của mình. Quan các ty sở, phẩm tước cao nhưng đứng dưới ban của quan nha môn.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 21, vua ra hiện diện, thân hành ra đề sách văn.

Sai Binh bộ thượng thư Đinh Công bá Trịnh Công Đán và Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm làm đề điệu ; Ngự sử [70a] đài phó đô ngự sử Đàm Văn Lễ làm giám thí ; Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Lại bộ thượng thư Nguyễn Bá Kỳ, Hàn lâm viện thị độc Đông các đại học sĩ Đỗ Nhuận, Đông các học sĩ Lê Quảng Chí, Hàn lâm viện thị thư chương Hàn lâm viện sự kiêm Sùng Văn quán Tú lâm cục tư huấn Lương Thế Vinh, Đông các hiệu thư Ngô Luận làm độc quyền. Vua xem bài, xếp bậc trên dưới. Cho Vũ Dương, Ngô Thâm, Lê Hùng 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ ; bọn Lại Đức Du 23 người đỗ tiến sĩ xuất thân ; bọn Nguyễn Quảng Mậu 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, ngày mùng 8, vua thân ngự chính điện. Truyền loa xướng danh tiến sĩ là bọn Vũ Dương. Quan Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa. Ngày 27, [70b] ban mũ, đai, y phục. Ngày 28, ban yến.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Quý Sửu.

Mùa đông, tháng 11, ngày mùng 4, lấy Đỗ Nhân làm Hàn lâm viện hiệu lý.

Giáp Dần, [Hồng Đức] năm thứ 25 [1494], (Minh Hoàng Trị năm thứ 7). Mùa hè, tháng 4, xuống chiếu rằng : Các Hoa văn học sinh, nếu có ai đã lâu năm, đã từng làm được việc hoặc theo đi đánh giặc có công, thì lại theo lệ như lại viên các nha môn có chân xuất thân, do Lại bộ thăng bổ.

Mùa thu, tháng 8, ngày mùng 7, sai các quan Hàn lâm, khoa, đài đi ra 12 thừa tuyên xét xử án kiện.

Lấy Ngô Hoán làm Đông các hiệu thư.

Ất Mão, [Hồng Đức] năm thứ 26 [1495], (Minh Hoàng Trị năm thứ 8). Mùa thu, tháng 8, ngày 18. Xuống chiếu rằng : Quan viên nào [71a] bị ốm tới 3 tháng thì không được dự khảo khóa.

Mùa đông, tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Công bộ hữu thị lang Lê Hán Đình và Hàn lâm viện thị thư Vũ Dương đi tuế cống, bọn Đông các hiệu thư Lê Tuấn Ngạn và Giám sát ngự sử Nguyễn Xao tâu về đường trạm.

Làm sách *Ngự chế Quỳnh uyển cửu ca* ¹.

Vua thấy hai năm Quý Sửu, Giáp Dần, thóc lúa được mùa, đặt các bài ca vịnh để ghi diễm lành. Nội dung gồm những bài về đạo làm vua, khí tiết bề tôi, vua giỏi tôi hiền, nhớ bậc anh tài kỳ tuấn và đùa viết vội thành văn ²... nhân gọi là *Quỳnh uyển cửu ca thi tập*.

Sai bọn Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận ; Đông các hiệu thư Ngô Luân, Ngô Hoán ; Hàn lâm viện thị độc chương viện sự Nguyễn Xung Xác ; Hàn lâm viện thị độc tham chương viện sự Lưu Hưng Hiếu ; Hàn lâm viện thị thư [71b] Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huân, Vũ Dương, Ngô Thâm ; Hàn lâm viện đãi chế Ngô Văn Cảnh, Phạm Trí Khiêm, Lưu Thư Ngạn ; Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phở, Dương Trục Nguyên, Chu Hoãn ; Hàn lâm viện kiểm thảo Phạm Cẩn Trục, Nguyễn Ích Tồn, Đỗ Thuần Thứ, Phạm Nhu Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thận Huy, Phạm Đạo Phú cùng họa lại văn.

Xét *Cửu ca thi tập* bắt đầu làm trong năm này.

Vua soạn tập *Cổ kim bách vịnh thi*, Hàn lâm viện thị độc chương viện sự Nguyễn Xung Xác và Tham chương Lưu Hưng Hiếu họa văn, Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Học sĩ Đào Cừ phụng bình.

Bính Thìn, [Hồng Đức] năm thứ 27 [1496], (Minh Hồng Trị năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, ngày mùng 4, vua ngự thuyền đi [72a] Đông Kinh bái yết các lăng tẩm. Ngày 11, làm lễ tấu cáo. Ngày 12, dựng cầu bến Tế Độ ở ngoài cửa Quang Đức.

Vua viết sách *Xuân vân thi tập*.

Ngày 14, trời không mưa. Vua cầu đảo, tự tay viết các bài thơ trong thi tập của mình ra 4 tờ giấy, sai Nguyễn Đôn dán trên tường đền thờ thần. Hôm ấy, canh một trời mưa nhỏ, đến canh năm mưa to, nước tràn trề. Vua đề thơ ở miếu Hoàng Hựu ³ rằng :

Cực linh anh khí chấn dao thiên,

Uy lực nghiêm đề tạo hóa quyền.

Khẩu vấn sơn linh năng nhuận vật,

Thông vi cam vũ tác phong niên.

-
1. *Quỳnh uyển cửu ca* : có nghĩa là "chín khúc ca trong vườn Quỳnh".
 2. Đầu đề của 9 bài thơ đó là : 1 - Phong niên (năm được mùa), 2 - Quân đạo (đạo làm vua), 3 - Thần tiết (tiết tháo người làm tôi), 4 - Minh lương (vua sáng tối hiền), 5 - Anh hiền (người tài giỏi), 6 - Kỳ khí (người tài lạ), 7 - Thư thảo (viết thảo), 8 - Văn nhân, 9 - Mai hoa.
 3. Theo *Cương mục*, miếu Hoàng Hựu ở huyện Lương Giang, nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

(Khí thiêng lòng lầy dậy trời cao,
 Tạo hóa quyền uy nắm chắc sao.
 Sơn thần nếu biết nhuần muôn vật,
 Hãy tuôn mưa ngọt, lúa vàng trao).

Vua đến Lam Kinh, nhớ lại công lao của cha Lê Chí là Lê Niệm, ông Chí là Lê Lâm ; cha Lê Vĩnh là Thọ Vực, ông Vĩnh là Lê Khôi, viết thơ ban cho họ và cho Lê Chí 36 lạng bạc, Lê Vĩnh 25 lạng để làm yến tiệc vui với họ hàng.

Ngày 24, [72b] vua ra về.

Tháng 2 nhuận, ngày mùng 5, ban yến cho các quan văn võ ở bãi Thúy Ái ¹.

Bấy giờ, thuyền ngự khởi hành từ sông Lương Giang về đậu ở bến Thúy Ái, các quan văn võ đến lạy mừng, cho nên ban yến.

Trước đây, hồi tháng 2, Hoàng thái hậu đi lễ lăng trở về, không may bị bệnh nặng, đến giờ Hợi, ngày 26 tháng 2 nhuận, băng ở chính tẩm điện Thừa Hoa, thọ 76 tuổi.

Khi Hoàng thái hậu chưa băng, mùa đông, vua cùng Hoàng thái tử ngày đêm chăm sóc, không lúc nào rời bên cạnh. Khi dùng thuốc hay đồ ăn uống, vua nhất định tự mình ném trước ; trong thì kêu với tổ tiên, ngoài thì đốc lòng cầu khẩn, không thần nào là không khấn. Đến khi hấp hối cũng tự kêu gào, Thái hậu còn nhếch mép một chút, muốn nói để từ giả. Mọi việc mặc áo, khâu liệm, bỏ gạo vào miệng người chết, vua đều tự làm lấy cả để tỏ lòng đau xót.

[73a] Vua soạn *Cổ kim cung từ thi tính tự*, sai Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Hiệu thư Ngô Luân phụng bình.

Thi hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Nguyễn Văn Huấn 43 người.

Tháng 3, ngày丁丑 19, vua thân hành khảo thi ở Đan Trì điện Kính Thiên, hỏi về đạo trị nước.

Sai Binh bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán và Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm làm đề điệu ; Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Hoảng Thạc và Ngự sử đài phó đô ngự sử Đàm Văn Lễ làm giám thí ; Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Hàn lâm viện thị độc Đông các học sĩ Đào Cừ, Hàn lâm viện thị giảng chương Hàn lâm viện sử Lưu Hưng Hiếu, Đông các hiệu [73b] thư Ngô Luân, Ngô Hoán, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Trần Khắc Niệm và Hàn lâm viện thị thư Ngô Thâm làm độc quyền.

1. *Bãi Thúy Ái* : ở bờ phía nam sông Hồng, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ngày 26, dẫn các sĩ nhân vào sân diện Kim Loan. Vua tự xem dung mạo từng người, lấy đỗ 30 người.

Ngày 27, vua ngự chính diện. Xương danh. Cho Nghiêm Viên, Nguyễn Huân, Đinh Lưu 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ. Bọn Đinh Cương 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Nguyễn Đạo Diễn 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa hạ, tháng 5, ngày mồng 8, xuống chiếu rằng :

Hiển ty giữ chức trách tâu hặc, nếu có khuyết viên nào thì chọn người đỗ tiến sĩ, quan văn võ các nha môn, nho chỉ huy các vệ, ty đã trúng các kỳ thi hội, thực đúng là đã giữ phép công, làm việc giỏi, cương trực, không né sợ kẻ quyền quý, không phạm lỗi [74a] để thuyên bổ chức Hiển sát phó sứ.

Lại cho rằng quan phủ, huyện, châu phải thống nhiếp các chức thủ lĩnh chặn dân, nếu các hạng giám sinh, nho sinh, học sinh, án lại, lại viên các nha môn thi hội đã trúng nhiều kỳ làm việc lâu năm, biết việc, siêng năng và có quân công thì ban đầu được trao các chức Tri huyện, Tri châu, Huyện thừa, Đồng tri châu, Thủ lĩnh, tự ban ; đủ 3 năm không phạm lỗi gì thì mới cho thực thụ ; sau 6 năm không phạm lỗi thì Tri huyện, Tri châu được thăng bổ Viên ngoại lang ; Huyện thừa, Đồng tri châu, Tri hạ, Điền hạ, Tự ban được bổ các chức Tư vụ, Chủ sự, Thôi quan, Đô quan ; đủ 6 lần khảo khóa không phạm lỗi thì Viên ngoại lang, Đồng tri phủ mới được thăng làm tri phủ.

Ngày 22, bọn Lại bộ thượng thư kiêm Quốc tử giám tế tửu Lê Nhuận và Nguyễn Như Đồ tâu đề bản rằng :

Xem bản tâu của Giám sát ngự sử đạo Sơn Nam [74b] Nguyễn Dương Kỳ nói rằng, lại viên các châu huyện nơi biên thủy xa xôi thường cùng người Man đi thu các loại thuế, đã hợp thủy thổ, lại am hiểu tình hình người Man, có thể làm nổi công việc thì nên bổ làm lại ở các châu huyện bản xứ. Vua y theo.

Mùa thu, tháng 7, cấm gọi triều đường là "triều phòng".

Tuyển bổ, duyệt xét các huân đạo.

Từ nay, nho học huân đạo các xứ có khuyết thì Lại bộ theo như lệ trước tâu lên, giao cho Quốc tử giám và quan các nha môn chọn bầu các lại viên là chân nho sinh đã trúng trường và nho sinh tuổi từ 35 trở lên, có học vấn và hạnh kiểm, không phạm lỗi, giao cho Lễ bộ khảo xét, nếu bốn kỳ đều hợp cách cả thì theo lệ mà thuyên bổ.

Tháng 8, ngày mồng 2, có lệnh cho châu huyện chọn đặt Xã trưởng ; Nếu là con cô cậu, đôi con dì với nhau [75a] và thông gia cùng gả bán cho nhau đều không được cùng làm Xã trưởng trong 1 xã. Nếu đã có Xã trưởng rồi, cũng nên chọn người nào có thể làm được việc thì lưu lại, còn thì tâu lên để cho về hạng cũ.

Ngày mồng 4 là ngày kỵ của Thái Tông Hoàng Đế. Đêm hôm ấy, mưa gió to, nước lũ lên mạnh, trôi hết sản nghiệp của dân.

Tháng 9, lấy Đào Cử làm Hàn lâm viện thị giảng Đông các học sĩ. Vua ban cho một bộ *Thiên Nam dư hạ tập* và cho họa lại một bài thơ *Lương Giang dạ hứng*, lại cho 25 quan tiền.

Ngày 23, sửa lại lệ làm bãi chăn ngựa và tàu nuôi ngựa.

Mùa đông, tháng 11, ngày 17, vua không khỏe. Dụ cho Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung và Học sĩ Đào Cử ở hành tại ¹ rằng :

"Mây bay giữa trời, trăng treo lơ lửng, mây đến [75b] thì trăng mờ, mây đi thì trăng sáng, ai mà chẳng thấy ? Nhưng rất ít người diễn tả được. Ta ngẩng nhìn trời cao, cảm hứng rung động trong lòng, thể hiện ra bằng ngôn từ, trong đó có câu :

*Tố thiềm hạo hạo ngọc bàn thanh,
Vân lộng hàn quang ám phục minh.
(Vầng thiềm vằng vặc như mâm ngọc,
Mây giỡn hàn quang sáng lại mờ).*

Người thường có thể diễn tả được như thế không ? Bài thơ của Âu Dương Tu ² có câu : "Lư Sơn cao danh tiết" (Núi Lư Sơn làm cho danh tiết cao lên), thì Từ Mỹ ³ cũng không làm nổi, duy có ta làm được, có phải là nghĩ cần đâu. Câu thơ vịnh của Thân Nhân Trung, Đào cử viết :

*Quỳnh đảo mộng tàn xuân vạn khoảnh,
Hàn giang thi lạc dạ tam canh.
(Đảo Quỳnh tình mộng xuân muôn khoảnh,
Sông lạnh thơ thành trống điểm ba).*

Dù Lý, Đỗ, Âu, Tô ⁴ sống lại, vị tất đã làm nổi, duy có ta làm được : Bài thơ *Cẩm sát* ⁵ ngày xưa viết rằng :

*Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp,
Vọng Đế xuân tâm thác đỗ quyên.
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ,
Lam Điền nhật nảo ngọc sinh yên.*

1. Dịch theo nguyên văn. Chữ "hành tại" ở đây có lẽ thừa.

2. *Âu Dương Tu* : là một nhà thơ đời Tống, Trung Quốc, nổi tiếng về thơ và từ.

3. *Từ Mỹ* : là Đỗ Phủ, nhà thơ lớn thời Đường, Trung Quốc.

4. *Lý* : tức là Lý Bạch, *Đỗ* : tức là Đỗ Phủ, nhà thơ lớn thời Đường ; *Âu* : tức là Âu Dương Tu ; *Tô* : tức là Tô Thức hay Tô Đông Pha, nhà thơ nổi tiếng thời Tống.

5. Bài thơ *Cẩm sát* là của Lý Thương Ẩn thời Đường, Trung Quốc.

(Trang sinh ¹ mộng sáng mê hồn bướm,
 Vọng Đế ² lòng xuân gửi tiếng quyên.
 Trăng sáng biển xanh châu lệ ngấn,
 Lam Điền ³ nắng ấm, ngọc hơi lên).

Thực là kỳ lạ, tươi đẹp, thực là tinh tế, có thể sánh với thơ ta [76a] nhưng tươi sáng và trong trẻo thì không bằng câu thơ ta. Có phải ta chơi một chữ lạ để cho là hay, khoe một chữ khéo để cho là đẹp đâu? Chỉ nói thật, nói thẳng như Âu Dương Tu thôi, các người bảo thế nào?"

Ra sắc chỉ cho các trưởng quan nha môn của nội ngoại quân giáp phủ, Cẩm y, Kim ngô, Điện tiền, Thần vũ, Hiệu lực, Ngũ phủ đô đốc, Đô tổng binh sứ phải hiệp đồng lựa chọn các tướng hiệu dưới quyền mình, người nào có công lao đánh dẹp, trung tín đáng dùng, hoặc am hiểu thao lược, tinh thông võ nghệ, cùng là người có tài năng, tri thức, liêm khiết, giỏi giang, siêng năng, minh mẫn mới cho tại chức. Nếu kẻ nào tham ô, hèn kém, không có công lao gì, cùng những kẻ bợ đỡ được dung thân, cầu mong vô liêm sỉ thì tâu lên để truất bỏ. Hạn đến thượng tuần tháng 12 phải tâu lên. Đồng thời, huấn luyện binh lính cốt [76b] ở tinh nhuệ, chuyên sâu võ về quân dân phải cho điều hòa nhân mật. Người nào dám lựa chọn không thực, huấn luyện không chăm, để cho tướng hiệu còn nhiều kẻ bỉ ổi tham nhũng, binh lính còn nhiều tên bỏ trốn thì giám sát của Lục khoa và xá nhân vệ Cẩm y thân hành điều tra rồi hặc tâu lên để trị tội.

Tháng 12, ngày mùng 6, dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Bính Thìn, năm Hồng Đức thứ 27.

Đinh Ty, [Hồng Đức] năm thứ 28 [1497], (Minh Hoảng Trị năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mùng 5, ra lệnh rằng: Các hạng thuế năm nào thu nộp năm ấy, đến cuối năm phải nộp đủ, không được như trước, thuế năm nay sang năm mới thu.

Ngày 22, cấm các lại viên thay phiên ở nha môn và xá nhận trực ngoài, nếu không phải là phiên trực thì không được viện cớ tự tiện ở lại nha môn để làm bận.

1. Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa bướm, khi tỉnh dậy, mơ màng không biết mình là bướm hay chính là Trang Chu.
2. Vọng Đế: là vua nước Thục, Trung Quốc, tương truyền ông vua này bỏ nước đi ở ẩn, sau lại hối hận, nên khi chết hóa thành chim đỏ quyên tức chim cuốc, kêu suốt mùa xuân và chỉ kêu một tiếng "quốc" (nước).
3. Lam Điền: là tên một ngọn núi, ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, tương truyền là nơi sản sinh ra ngọc quý.

[77a] Ngày Tân Mùi 29, vua ốm nặng, bèn tựa kỷ ngọc, lệnh cho Hoàng thái tử lên nối ngôi. Vua lúc sắp băng, có bài thơ tự thuật rằng :

*Ngũ thập niên hoa thất xích khu,
Cương trường như thiết khước thành nhu.
Phong xuy song ngoại hoàng hoa tạ,
Lộ áp đình tiền lục liễu cồ.
Bích hán vọng cùng vân diêu diêu,
Hoàng lương mộng tỉnh dạ du du.
Bồng lai sơn thượng âm dung đoạn,
Băng ngọc u hồn nhập mộng vô ?
(Năm chục hoa niên bảy thước thân,
Lòng như sắt cứng bỗng mềm dần.
Gió lay khô héo hoa bên cửa,
Sương dãi gầy mòn liễu trước sân.
Trời biếc xa trông, mây thăm thẳm,
Kê vàng tỉnh giấc đối băng khuâng.
Khuất lời cách mặt, non bồng vắng,
Băng ngọc du hồn nhập mộng chẳng ?)*

Ngày Nhâm Tý 30, vua băng ở điện Bảo Quang. Ngày hôm ấy, gương thần, ấn thần đều biến mất.

Vua sinh được 14 hoàng tử : Con trưởng là Hoàng thái tử Tranh, các con thứ là Lương Vương Thuyên, Tống Vương Tung, Đường Vương Cảo, Kiến Vương Tân, Phúc Vương Trang, Diễn Vương Thông, Quảng Vương Tảo, Lâm Vương Tương, Ứng Vương Chiêu, Nghĩa Vương Cảnh, Trấn Vương Kinh, Triệu Vương Toan, Kinh Vương Kiện. Hoàng nữ 20 người.

Khi còn sống, vua [77b] dựng điện Tử Hà, điện Bảo Văn, điện Kim Loan, điện Bảo Quang, tám điện Lam Sơn.

Khi vua mới lên ngôi, dâng tôn hiệu cho Nhân Tông, đặt huy hiệu cho Tuyên Từ. Đào Biểu tử tiết thì đặc ân nêu gương, Đắc Ninh theo nghịch thì nghiêm khắc giết bỏ. Những chính sự phiền nhiễu đều bãi hết, những hình pháp bạo ngược đều bỏ cả. Vì thế, mới sửa chữa luân thường cho mọi người, chỉnh đốn được giường mối của nhà vua.

Vua từng dụ các quan trong triều rằng :

"Trẫm có hai sai lầm, một là chính lệnh ban ra vi phạm đạo lý, hai là ngồi giữ ngôi không, nhiễu loạn việc trời. Tuy các chức trong ngoài khó lòng nêu hết được, nhưng hãy nói về những người nổi bật hơn cả. Đô đốc Lê Luyện như bù nhìn tượng đất, sao có thể gọi là hạng đội mũ tròn, đi hia vuông¹ được. Thái sư Đinh Liệt, Thái phó Lê Niệm làm đến tam công, mà không thấy có việc gì là điều hòa âm [78a] dương, sửa việc nước, bàn đạo trời, cũng chưa từng tiến cử được một người quân tử, đuổi bỏ được một kẻ tiểu nhân, chẳng như câu chế giễu của người xưa "mặc áo da cừu mà nhòm nhor thỏa thích" đó sao ?".

Sứ thần Vũ Quỳnh nói : Vua tư trời cao siêu, anh minh quyết đoán, có hùng tài, đại lược, võ giỏi văn hay mà cái học của thánh hiền lại đặc biệt siêng năng, tay không lúc nào rời quyền sách. Các tập kinh, sử, các sách lịch, toán, những việc thánh thần, không có gì không bao quát tinh thông. Văn thơ thì vượt trên cả những khuôn mẫu của các văn thần. Cùng với bọn Nguyễn Trữ, Vũ Vĩnh Mô, Thân Nhân Trung, Quách Đình Bảo, Đỗ Nhuận, Đào Cử, Đàm Văn Lễ biên soạn bộ *Thiên Nam dư hạ*, tự đặt hiệu là "Thiên Nam động chủ", "Đạo Am chủ nhân". Lại sùng chuộng Nho thuật, nâng đỡ nhân tài. Khoa thi chọn kẻ sĩ không phải chỉ có 1 khóa, lệ định 3 năm một lần thi lớn là bắt đầu từ vua. Người hiền tài chọn được [78b] nhiều hơn cả đời xưa. Văn võ đều dùng, tùy theo sở trường của từng người. Vì thế, có thể sửa dựng chính sự, chế tác lễ nhạc, hiệu lệnh văn chương rõ ràng, có thể cho người sau noi theo.

Trước đây, khi vua còn làm phiên vương, vẫn tự giấu tài ; đến khi nước gặp đại biến, các quan lật đặt đón lập lên. Khi vào nối đại thống, vua biết bọn Đồn, Ban đã bị giết, nhưng Lạng Sơn thân vương lại bị hại, ngài buồn ngùi không vui, có lòng thương xót, trách là cốt nhục tương tàn để cho người ngoài lợi dụng, anh em một nhà đều bị tai họa.

Ban đầu, vua không lấy việc được làm vua là vui, cũng không vì những biến cố lúc đó mà lo. Cho nên, hào kiệt bấy giờ, ai cũng suy tôn, kính phục. Các tướng lĩnh rông rờ kiêu ngạo lần lượt bị giết, vì thế, lấy tội lỗi người trước làm gương, trong ngoài đều nghiêm cẩn. Đặt hai vệ Cẩm y, Kim ngô [79a] các ty Thần vũ, Điện tiền..., lấy người thân làm chức chỉ huy, dùng họ nhà mẹ làm việc duyệt xét. Lại chọn bề tôi tin cẩn để làm nanh vuốt tay chân, như bọn Nguyễn Phục, Hoàng Nhân Thiêm, Đỗ Hùng, Vũ Lân đều hầu quanh tả hữu. Vua chỉ rủ áo khoanh tay mà trong nước yên ổn.

1. *Đội mũ tròn, đi hia vuông* : là võ tướng, ý nói không xứng đáng làm võ tướng.

Vua lại nghĩ giặc Chiêm đời đời vẫn là mối lo của ta, ngày nay không diệt đi, sau này làm gì được nó. Thế là phía nam thì đánh Trà Toàn mà lấy lại bờ cõi nó, phía tây thì đánh Nhã Lan mà quét sạch sào huyệt nó. Đánh Sơn Man mà uy thanh vang dội phương bắc, đánh Bồn Man mà đất đai mở rộng phía tây. Quy mô xếp đặt, công nghiệp trung hưng, có thể sánh vai với Thiếu Khang nhà Hạ, nối gót được Tuyên Vương nhà Chu, mà khinh hãn Quang Vũ nhà Hán, Hiến Tông nhà Đường là hạng dưới vậy.

Tiếc rằng vua nhiều phi tần quá, nên mắc bệnh nặng. Trường Lạc hoàng hậu¹. [79b] bị giam ở cung khác, đến khi vua ốm nặng mới được đến hầu bệnh, bèn ngấm giấu thuốc độc trong tay mà sờ vào chỗ lở, bệnh vua do vậy mới lại thêm nặng.

Bài tán viết rằng : (Bọn Thân Nhân Trung soạn).

Đức vua Thánh Tông,
 Nghiệp lớn thừa kế.
 Lịch số về mình,
 Thần dân thỏa chí.
 Giữ báu nắm phù,
 Phát lệnh chính vị.
 Giữ trung : học tổ,
 Dụng cực : thừa thiên.
 Nhân bồi hậu thế,
 Hiếu kính tổ tiên,
 Văn sáng Khuê, Bích,
 Học sâu uyên nguyên.
 Theo điển, dùng lễ,
 Lánh gian, thân hiền.
 Trị nước, chín kinh,
 Dùng quan : tám bính².

-
1. Trường Lạc hoàng hậu : tức bà Nguyễn Hằng con gái Thái úy Trình quốc công Nguyễn Đức Trung, mẹ Hiến Tông.
 2. Tám-bính : theo sách Chu lễ là : 1. Tước (ban chức tước cho bảy tới) ; 2. Lộc (cấp bổng lộc) ; 3. Dự (khen thưởng) ; 4. Trĩ (đặt quan chức) ; 5. Sinh (nuôi dưỡng người có công lao) ; 6. Đoạt (thu lấy tài sản, chức tước của kẻ có tội) ; 7. Phế (phế bỏ, đuổi đi) ; 8. Tru (trị tội).

Triệu dân vô yên,
Trăm việc chán chinh.
Văn giáo rộng ban,
Vũ công đại định,
Sơn Lạo trốn xa,
Bồn Man theo mệnh.
Duy giặc Chiêm ấy.
Truyền kiếp cừ thù.
Cõi Nam quấy rối,
Xâm chiếm bốn châu.
Quân hồ kéo tới,
Thuyền rồng ngồi cao.
Chà Bàn [80a]cháy trụi,
Thị Nại huyết lưu.
Trà Toàn nộp mạng,
Thanh miếu dâng tù.
Muôn dặm mở đất,
Nghìn xưa trả thù,
Ngu xuân Lão Qua,
Chống lại thanh giáo.
Vua nổi thịnh nộ,
Dấy quân chinh thảo.
Cờ mao phát lên,
Giặc đều quay giáo.
Trúc chẻ, tro bay,
Quét tan hang cáo.
Ba cõi lặng yên,
Chín di thông đạo,
Thịnh ngang Hoàng Đế¹,

1. Hoàng đế : Một ông vua nổi tiếng trong truyền thuyết của Trung Quốc.

Tục sánh Ngu Chu¹.

Nhân sâu, ơn nặng,

Trái bốn mươi thu.

Tháng 2, ngày mùng 1, Hoàng thái tử xuống lệnh dụ các bậc công, hầu, bá và các quan văn võ rằng :

"Thánh phụ Hoàng Đế, mở vận trung hưng rực rỡ, làm trọn công liệt người trước, ở ngôi 38 năm, khuya sớm, kính cẩn siêng năng. Đến ngày 27, tháng 11 mùa đông năm ngoái, bị chứng phong thũng, tới giờ Thìn ngày 30, tháng giêng năm nay băng ở cung Bảo Quang.

Ta [80b] thương nhớ đau xót, đã tạm gác đáng các việc trong cung. Các thần dân trong ngoài đều giữ chức phận như cũ, sáng sớm mỗi ngày tới cửa Đông Trường An đợi lệnh, chờ hữu ty chọn ngày làm lễ. Đặc dụ cho các khanh biết. Lại yết bảng cho các quan văn võ biết, khi triều tham đều phải đội mũ sa đen, mặc áo cổ tròn màu đen, tiến đến ngoài cửa Cảnh Môn, mỗi buổi sáng một lần, đợi làm lễ như nghi thức".

Ngày mùng 3, làm lễ khóc. Hoàng thái tử dụ các triều thần rằng :

"Con sinh ra 3 năm mới khỏi cha mẹ bế ẵm trong lòng. Vì thế, ngày xưa để tang cha mẹ, có quy định là 3 năm. Trên từ Thiên tử, dưới đến thứ dân đều theo thể cả. Hán Văn Đế không theo phép cổ, có di mệnh để tang ngắn hạn, lấy ngày thay cho tháng. Từ đó về sau, người ta theo mà làm. Như vậy là vứt bỏ điển lễ, xem nhẹ luân thường, rất không đáng theo. Các tiên thánh nước ta, tuy có theo lễ mà làm, nhưng các lễ tiết trong đó [81a] cũng chưa phục cổ hết. Nay Thánh thượng Hoàng đế lia bỏ trăm họ lên châu Thượng đế, ta rất đau đớn xót thương, báo đức không thể nào cho cùng. Các khanh nên nghị bàn tang chế ba năm để nguôi lòng ta nhớ tiếc".

Đại thần và các quan đều rạp đầu thưa rằng : "Hiếu là gốc lớn của đạo trị thiên hạ. Nay diện hạ theo được đạo hiếu, tôn nói luân thường, dẫu Đế Thuấn là bậc đại hiếu, Vũ Vương là bậc đạt hiếu² cũng không hơn được, bọn thần dẫu dám không tuân lệnh thì hành".

Bấy giờ mới định tang 3 năm. Tất cả những việc liệm, quần, lễ diện, đều theo lễ cổ. Lệnh cho dân chúng trăm họ phải để tóc dài theo tang phục trăm ngày. Nếu là các quan và các hộ vệ thì để tóc dài theo tang phục 3 năm và đều mặc áo mộc trắng, khi ở nhà làm việc thì mặc tạm áo xanh cũng không cấm. Ngoài trăm ngày thì dùng

1. Ngu Chu : thời đại của Ngu Thuấn và Chu Văn Vương, được coi là thời kỳ "thịnh trị" lý tưởng, theo quan niệm của sử gia phong kiến.

2. Người có lòng hiếu bền vững, khắp thiên hạ ai cũng thừa nhận.

áo xanh hay áo đen, [81b] không được dùng màu hồng và màu lục. Các quân dân nam nữ ở phủ Phụng Thiên và trong nước đều phải mặc áo trắng mộc, hoãn lấy vợ lấy chồng trong 3 tháng.

Triều thần là bọn Định Công bá Trịnh Công Đán khuyên Hoàng thái tử lên ngôi, nhưng không được nghe.

Ngày Mậu Dần mùng 6, Thái bảo Bình Lương hầu Lê Chí, Bình bộ thượng thư Định Công bá Trịnh Công Đán, Tây quân đô đốc phủ tả đô đốc Sùng Khê bá Lê Vĩnh tới điện Hoảng Văn kính đón Hoàng thái tử lên ngôi, đổi năm sau thành năm Cảnh Thống thứ 1.

Ngày mùng 8, cấm mua hiệp và kén tiền. Xuống chiếu rằng :

"Các nữ sử ở nội phủ, cung nhân cung Thiên Hòa và nô tỳ ở các phủ thân vương, công chúa, các nhà đại thần có mua thứ gì của người dân nhà quê bán trong chợ, không được quen thói cũ, mượn tiếng công mưu lợi riêng, ức hiếp mua rẻ và lấy bừa không trả tiền. Từ [82a] nay, dân chúng mua bán hàng hóa gì và người kiểm thu các loại tiền nộp vào kho công, nếu đồng tiền ném xuống đất có tiếng kêu, còn xâu lạt được, tuy có sút mẻ vành cạnh một chút, thì từ nay nhất loạt phải nhận dùng cả, không được quá kén hoặc không tiêu."

Ngày mùng 10, dụ Lục khoa và Ngự sử đài giám sát rằng :

"Tiến cử người hiền tài, loại bỏ kẻ bất tiết, đó là việc lớn của chính trị. Cho nên, dùng người hiền không lưỡng lự, bỏ kẻ gian không chần chừ, đời Đường Ngu do đó mà đổi thay được phong tục. Biểu dương người tốt việc hay, loại bỏ kẻ xấu điều dở, Thành Chu do vậy mà làm nên thịnh trị thái bình.

Trẫm mới lên ngôi, chọn người cai trị, mong được bậc hiền tuấn để giúp rập nên công. Song còn lo quan các nha môn tốt xấu lẫn lộn, trung nịnh không phân, nếu không khu xử sao tỏ khuyến răn được ? Bọn các người giữ giường mối của triều đình, làm [82b] tai mắt của Thiên tử, tiến người hay, bỏ kẻ dở là chức phận phải làm. Nên thể theo lòng trẫm, mỗi người đều phải tuân theo phép công.

Kể từ nay, các nha môn trong ngoài, nếu có ai liêm khiết, có tài, trung trực đáng khen thưởng cất nhắc, cùng những kẻ tham lận bỉ ổi, không làm nổi việc, đều phải xét rõ sự thực, kê tên tâu lên. Ai dám a dua theo nhau, hay vì thù riêng, trao đổi đút lót, mà xếp đặt không đúng thì sẽ bị trị tội nặng không tha."

Ngày 13, khoan giảm thuế khóa tạp dịch, và cho quân dân vay thóc.

Xuống sắc chỉ cho các huyện trong ngoài rằng :

Chợ nào to đã có ngạch thuế thì cứ theo như trước, chợ nào chưa có ngạch thuế thì không được biên thêm vào ngạch. Còn ở Nghệ An thì các sắc quân, dân, những người không vợ, góa chồng, đói rét, bệnh tật, tàn phế, nếu có ai thiếu ăn thì hai ty

Thừa, Hiến giao xuống cho các quan phủ huyện, kê khai ngay họ tên những người ấy làm bản tâu lên cấp cho thóc công chứa trong kho, mỗi người 100[83a] thăng, đến khi lúa chín sẽ chiếu theo số thóc vay mà thu nộp.

Ngày 16, ban bố tên húy của vua là Tranh (爭) và tên húy của Thái hậu là Hằng (恒).

Ra lệnh rằng quan viên lại diễn, người nào có khoa mục và thi hội trúng trường, thi hương trúng thức cùng các giám sinh, nho sinh, sinh đồ thì gặp tang cha mẹ mới được chịu tang.

Ngày 26, bỏ Đào Cử làm Hàn lâm viện thị độc đồng các học sĩ, Dương Trục Nguyên làm Đông các hiệu thư. Bấy giờ trời có đại hạn, Trục Nguyên dâng thư xin vua sửa đức để cứu vãn thiên tai.

Sai Hộ bộ nghị bàn tăng thêm thuế của các hộ lấy đồng để đủ dùng việc quân.

Tháng 3, ngày mồng 6, định lệ thuế của dân bà khiêng kiệu ; lệ nộp vàng và nộp trướng tằm.

Định lệ thuế mắm muối.

[83b] Ngày 12, vua dụ các thân vương, công chúa, công hầu, bá, phò mã, các quan văn võ rằng :

Bọn nô lệ hèn kém thường ý thế làm bậy, người nào chứa chấp bao che phải nên răn bảo, nghiêm cấm. Kể từ nay, các phủ nha, hoặc các nhà quyền quý có nô tỳ, làm nhà ở Phụng Thiên, hoặc có ruộng đất tài sản ở phủ huyện các xứ đều phải nêu rõ là nô tỳ công ở phủ, nha nào, là nam nhân, nữ nhân của nhà họ nào. Nha môn phủ ấy và chủ quản giám phải tự kiểm soát, đúng là nô tỳ của bản quan thì mới cho ở. Nếu ở hỗn tạp thì phải đuổi cho hết. Phải khai báo họ tên số mục của nô tỳ, đưa tới quan phủ huyện mình để có bằng cứ mà kiểm soát.

Ngày 16, xuống chiếu rằng : Từ nay, quan tuần ty ở dọc biên giới, nếu có khuyết viên nào, thì Lại bộ chọn [84a] lấy người Kinh nào ở địa phương gần đây có chiến công đánh giết được giặc, đáng được bổ dụng và quen thủy thổ để thuyền bổ.

Ngày 20, ra sắc chỉ rằng : Kể từ nay, Lục khoa cấp sự trung và Giám sát ngự sử có khuyết viên nào thì Lại bộ chọn các quan trong ngoài, người nào có chân tiến sĩ xuất thân, mà liêm khiết, siêng năng, cương trực, có công lao cho thuyền bổ nhậm chức. Sau một năm, Lục khoa cấp sự trung hiệp đồng khảo hạch tâu lên những công việc viên đó đã làm, đợi lệnh. Người nào dùng được thì để lại, người nào không dùng được thì đổi bổ chức khác. Lục khoa cấp sự trung không công bằng thì cho Đô ngự sử soát xét lại những việc đã làm, tâu lên đợi lệnh. Người nào dùng được thì để lại, người nào không dùng được thì đổi bổ chức khác. Nếu Đô ngự sử dài khảo hạch

không công bằng, thì quan Lục khoa đem sự thực hặc tâu lên. Nếu Lại bộ thuyên bố không [84b] đúng, khoa đài dung tưng bao che cho nhau, thì đều nhất loạt giao xét để trị tội.

Định lệnh điều lên chức khác. Kể từ nay, thủ lĩnh các nha môn phủ huyện, châu bên ngoài có ai được điều lên chức khác thì Lại bộ tư cho người coi nha môn đó điều tra rõ ràng, nếu quả là liêm khiết, siêng năng, giỏi giang làm được việc, không bỏ thiếu các việc công nơi trị nhậm, thì mới được điều lên chức khác.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 13, chuẩn y lệnh cấp tiền bổng theo kỳ, theo phiên.

Ngày 17, nhắc lại lệnh cấm kiện vượt cấp.

Ngày 26, định lệnh thăng bổ chức đô lại, đề lại, diển lại.

Định lệnh sai đi làm việc gì phải có chữ duyệt.

Định lệnh chọn bổ các chức vụ khó khăn. Như các huyện Lô Dương và Lương Giang phủ Thiệu Thiên là [85a] những nơi chức nhiệm khó khăn, kể từ nay, nếu khuyết viên nào thì Lại bộ chọn lấy người nào liêm khiết, có tài, cương trực, siêng năng làm việc mà thuyên bổ.

Ngày 28, định lệnh đổi đi nơi khác. Như các viên quản quân, quản dân ở Nghệ An, nếu người nào có quê quán ở ngay phủ, huyện mình cai trị, có nhà ở gần nha môn mình làm việc, thì Lại bộ điều động đi nơi khác, chọn người khác bổ thay.

Lại xuống chiếu rằng : Từ nay, các chức quản quân, quản dân ở các xứ, Lại bộ không được lấy người quê quán ở bản xứ, có nhà ở gần nơi mình cai quản mà thuyên bổ.

Tháng 5, ngày mùng 3, xây Đãi Lậu viện¹.

Trước đây, Thái Tông làm Đãi Lậu viện ở ngoài cửa Tây. Thái Tông, Nhân Tông đều nhân theo đó. Thánh Tông làm thêm hai dãy nhà ở ngoài cửa Đại Hưng.

Đến đây, đặc cách ra lệnh cho Ngũ phủ sai phái kỳ quân xây dựng Đãi Lậu viện ở ngoài cửa Đại Hưng [85b] gồm 2 dãy, mỗi dãy 3 gian 2 chái.

Ngày 14, cấm quan lại và dân chúng không được dùng các thứ ngọc như thủy tinh... để làm những thứ như mũ, ống nhỏ...

Định lệ truy thu thuế bông vải mùa hạ của nữ đinh.

Tháng 6, ngày mùng 8, cấm sử dụng tiếm vượt những đồ phi pháp như các vật có nạm khắc vàng bạc, sơn vẽ rồng phượng...

1. Nơi các quan đợi giờ vào chầu.

Mùa thu, tháng 8, ngày mồng 3, định lệnh chọn bỏ thôi quan ¹. Từ nay, thôi quan ở Thừa ty các xứ có khuyết viên nào thì Lại bộ chọn lấy quan các nha môn, người nào đã qua hai kỳ khảo khóa trở lên, liêm khiết, có tài, từng trải, am hiểu hình danh mà thuyên bổ.

Ngày 28, định lệnh phát quân nhu cho quân theo hầu.

[86a] Tháng 9, định lệ phong tặng, tập ấm cho các quan văn, võ : Võ giai, truy phong cha mẹ thì lui 1 bậc, như chánh nhất phẩm thì cha được chánh nhị phẩm...

Mùa đông, tháng 10, ngày 26, bọn Hộ bộ thượng thư Ngạc Hối vâng theo nghị định mới, định lệ cấp tiền lương.

Tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Hộ khoa đô cấp sự trung Phạm Hưng Văn và Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Đức Thuận báo tang ; Hàn lâm viện hiệu lý Phan Tông, Phạm Khắc Thận, Nguyễn Đình Tuấn cầu phong.

Đặt chức Thủ ngự tại Bình Lục và Lạc khư thuộc đô ty Lạng Sơn.

Định lệ binh biên giới. Kỳ quân các xứ dọc biên giới, nếu cha con, anh em, người cùng xã, cùng [86b] thôn mà phân tán ghép vào quân các vệ, sở khác nhau thì đến khi làm sổ quân tịch, phải đối chiếu mà biên chế về cùng đội ngũ một vệ để tiện kiểm soát.

Lấy Lê Năng Nhượng làm Điện tiền đô kiểm điểm, Cống Xuyên bá, Lê Nhuận làm Tứ vệ đề đốc Dung Hồ bá, Chu Trấn làm Hữu đề điểm.

Tháng 12, ngày Tân Mão 24, dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Sùng Thiên Quảng Vận Cao Minh Quang Chính Chí Đức Đại Công Thánh Văn Thần Vũ Đạt Hiếu Thuần Hoàng Đế, miếu hiệu là Thánh Tông.

1. *Thôi quan* : chức quan phụ trách việc bắt giữ các phạm nhân.

MỤC LỤC

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU

TẬP II

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TOÀN THU

<i>Quyển V</i>	: KỶ NHÀ TRẦN		7
	- Thái Tông Hoàng Đế	(1226 - 1258)	7
	- Thánh Tông Hoàng Đế	(1259 - 1278)	30
	- Nhân Tông Hoàng Đế	(1279 - 1293)	44
<i>Quyển VI</i>	: - Anh Tông Hoàng Đế	(1294 - 1314)	71
	- Minh Tông Hoàng Đế	(1315 - 1329)	100
<i>Quyển VII</i>	: - Hiến Tông Hoàng Đế	(1340 - 1341)	117
	- Dụ Tông Hoàng Đế	(1342 - 1369)	127
	(Phụ : Hôn Đức Công Dương Nhật Lễ)		
	- Nghệ Tông Hoàng Đế	(1370 - 1372)	148
	(Phụ : Hôn Đức Công Dương Nhật Lễ)		
	- Duệ Tông Hoàng Đế	(1373 - 1377)	156
<i>Quyển VIII</i>	: - Phế Đế	(1378 - 1388)	164
	- Thuận Tông Hoàng Đế	(1389 - 1398)	177
	- Thiếu Đế	(1399 - 1406)	195
	(Phụ : Hồ Quý Ly và Hán Thương)		
<i>Quyển IX</i>	: KỶ HẬU TRẦN		216
	: - Giản Định Đế	(1407 - 1409)	216
	- Trùng Quang Đế	(1410 - 1413)	227
	KỶ THUỘC MINH	(1414 - 1417)	235
<i>Quyển X</i>	: KỶ NHÀ LÊ		239
	- Thái Tổ Cao Hoàng Đế	(1418 - 1433)	239

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ THỰC LỤC

<i>Quyển XI :</i>	KỶ NHÀ LÊ	309
	- Thái Tông Văn Hoàng Đế (1434 - 1442)	309
	- Nhân Tông Tuyên Hoàng Đế (1443 - 1459)	353
<i>Quyển XII :</i>	- Thánh Tông Thuần Hoàng Đế (thượng) (1460 - 1472)	387
<i>Quyển XIII :</i>	- Thánh Tông Thuần Hoàng Đế (hạ) (1472 - 1497)	461

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU

TẬP II

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập : **NGUYỄN DUY CHIẾM**
Biên tập kỹ thuật : **HOÀNG TRƯỜNG**
Trình bày bìa : **VÂN BÙI MỘNG HÙNG**
Chữa bản in : **HOÀNG VĂN LÂU - HOÀNG NGUYỄN**

Sắp chữ điện tử tại Liên hiệp Xí nghiệp in Nhân Dân Hà Nội. In tại Xí nghiệp in số 3, 391 - Trần
Hưng Đạo TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 27/172/CXB Cục xuất bản ký ngày
13 tháng 3 năm 1998. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 1998

板官閣內

彙歷朝之事跡

大越史記全書

公萬世之鑑衡